

KY SU

CHINA
TRADE

1/1

1/1

KY SU

CHINA
TRADE

1/11

1/11

Ký Sự Chiến Tranh Phần 2

Nhiều tác giả

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[THÁNG BA Ở TÂY NGUYÊN](#)
[BÁC HAI VÂN XUÂN 1975](#)
[KÝ SỰ MIỀN ĐẤT LỬA](#)

[\(1\)](#)
[\(3\)](#)
[\(4\)](#)
[\(5\)](#)
[\(6\)](#)
[\(7\)](#)
[\(8\)](#)
[\(9\)](#)
[\(10\)](#)
[11](#)
[12](#)
[\(13\)](#)
[14](#)
[15](#)
[16](#)
[17](#)
[18](#)
[19](#)
[20](#)
[21](#)
[22](#)

THÁNG BA Ở TÂY NGUYÊN

Chương I

MỘT CÁCH NGHĨ CÒN RỤT RÈ TRƯỚC MỘT TÌNH THẾ ĐÃ BAO LA

Bài viết đầu tiên của năm 1975 đáng nhẽ phải được bắt đầu từ đêm 29 tháng Ba. Suốt một đêm ấy tôi không ngủ, cứ đứng sững ở tầng lầu hai của khách sạn HB, nhìn xuống đại lộ Trần Hưng Đạo đếm từng đoàn xe từ phía bắc thành phố Huế ào ào chạy qua mặt đường ướt đầm ánh điện, vượt cầu Tràng Tiền, trở ra quốc lộ 1, đổ xuôi xuống Đà Nẵng vừa được giải phóng trong ngày. Xe vận tải quân sự, xe ca chở khách thường chạy trên các đường hàng tỉnh của miền Bắc, xe bọc sắt, xe tăng, xe chuyên chở cầu phà, xe chở xăng dầu, xe kéo pháo, xe kéo tên lửa, xe con chở cán bộ chỉ huy và cơ quan của các bộ tư lệnh. Tiếng động cơ của hàng ngàn cỗ máy nổ, xích sắt lăn nghiêng trên mặt đường, một đoàn hợp ca bay lơ lửng, tiếng người chỉ huy hướng chạy cho đoàn xe lánh lối ở một góc phố. Cái vệt dài vừa ồn ào vừa lặng lẽ, đoàn sáng đoàn tối, chuyển động đều đặn và trật tự như mãi mãi, như vô tận. Cái dòng người và xe và súng đạn bắt đầu từ đâu, chỗ bắt đầu của nó là ở đâu, khối người và xe đầu tiên xuất phát từ địa điểm nào, gồm những đơn vị nào, đi trong thời gian nào, và đâu là đoạn cuối của nó, những đơn vị sau cùng của nó? Người đi đầu tiên và người đi sau cùng khoảng cách là bao lâu, đoạn dài là bao xa? Cứ cho là đơn vị đầu tiên xuất phát từ ngày mùng 1 Tết năm Ất Mão? Không đúng! Có những đơn vị đã hành quân từ trước Tết, ăn Tết dọc đường. Hãy tính xa hơn : Đơn vị đầu tiên đã lên đường vào mùa xuân năm Giáp Dần? Vẫn chưa đúng! Họ đã đi từ Tết năm trước. Họ đã ra đi từ Tết những năm trước nữa. Tôi được biết có những bạn bè trở lại chiến trường cũ từ năm 1960. Đã là mười lăm năm! Thật ra khoảng cách và dặm dài của cuộc hành quân này phải tính theo chục năm, tính theo thế hệ, phải nhìn vào những cột số của Lịch sử. Là tháng 9 năm 1945! Là tháng 12 năm 1944! Là tháng 2 năm 1930! Quãng giữa là những tháng ngày, những sự kiện, những nhân vật lừng lẫy, phi thường.

Đứng phoir mặt ngoài trời cả đêm, đứng không đổi chỗ, ý nghĩ mờ mờ ảo ảo, vừa là chính mình, vừa là người khác, quen thuộc vô cùng mà cũng ngỡ ngàng vô cùng. Việc tin chắc trước sau rồi cũng phải xảy ra đúng như thế, mà lại chưa hẳn tin sao lại có thể xảy ra gọn ghẽ, lẹ làng đến thế. Biến động lịch sử là gì? Là như thế đó! Là khi những dấu hiệu đầu tiên của những tháng ngày vĩ đại đã xuất hiện thì ta vẫn còn phân vân tự hỏi : đó là loại hiện tượng gì? Là khi những sự việc xảy ra có vẻ giống như trước đây, như là sự lặp lại những cái trước đây, nhưng ý nghĩa của nó thật ra đã thuộc về một giai đoạn hoàn toàn mới, đòi hỏi phải có ngay những phản ứng mới, những hành động mới. Là khi đã được tắm mình trong biến động đó bỗng chốc ta chợt nhận ra, như lần đầu tiên, cái ý nghĩa then chốt những việc đang làm và cả những việc đã làm, là ta cũng sẽ nhận ra, như là lần đầu tiên, tầm vóc của chính ta và cái tập thể to lớn bao quanh ta. Là khi sự lớn lên của mỗi người gần như có phép màu, tài giỏi hơn cả bao giờ, táo bạo hơn cả bao giờ, uốn lượn theo sóng gió của lịch sử một cách tài ba, quyết định trong phút chốc những việc vô cùng ghê gớm mà không hề có may mắn sai trật.

*

* *

Đi theo bộ đội vào chiến dịch lần này không phải không nhận ra những dấu hiệu của một năm quan trọng, nhất là với tôi lúc ra đi đã quá muộn. Chúng tôi ra đi khi chúng ta đã có trọn vẹn ba tỉnh Tây Nguyên, đã tổ chức một cuộc bao vây truy kích tài tình nhất ở Cheo Reo, Củng Sơn, dọc con đường 7. Khi chúng ta đã giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị, đã vượt sông Mỹ Chánh

và đang vây hãm Huế. Đã giải phóng Quảng Ngãi, giải phóng Tam Kỳ, dồn ép địch co rút về Đà Nẵng và khu vực xung quanh. Vẫn biết là đang đi vào một năm khác thường, nhưng vì sao lại có thể là trong năm nay, lại bắt đầu từ cái tháng Ba này thì chưa hiểu. Chưa thể hiểu do đâu sức kháng cự của địch lại đột nhiên quá yếu ớt, sự rút chạy của chúng quá hoảng hốt, quá hỗn loạn. Chúng ta đã gặp được may mắn chăng? Kẻ địch đã rơi trượt vào một sai lầm rất đỗi nghiêm trọng chăng? Hoặc giả một yếu tố nào đó rất kỳ lạ, rất khác thường, vượt khỏi dự tính đã xuất hiện? Nghĩ tới cái khác thường, bởi vì quân địch còn đông, vũ khí chưa thiếu, tuy đang gặp nhiều khó khăn rất nan giải, đâu đã đến nỗi tan vỡ quá dễ dàng. Chúng tháo chạy như có một cái đích để nhắm hằm hoi. Chúng tháo chạy như muốn như rủ chúng ta bước sâu vào một cạm bẫy ác hiểm nào đó. Vì rằng suốt ba chục năm chiến đấu, có bao giờ được chứng kiến một kẻ địch tháo chạy dễ dàng. Vốn quen tính mỗi thước đất một vệt máu, nay lướt xe hàng trăm cây số mà máu đổ không nhiều nên không khỏi có chút ít ngỡ vực. Xét cho cùng, thì sự rút chạy nào cũng đều do bị ép buộc, bị thúc bách. Rút chạy một bộ phận để cứu gỡ cái toàn thể. Phải có cái đã đổ vỡ và cái còn có thể vớt vát thì mới nghĩ ra cái kế rút chạy. Ấy là nói nếu như có một cái kế rút chạy thật. Không dung ai muốn chạy. Không cảm thấy bị đe dọa, bị tiêu diệt, việc gì phải bày đặt ra cái trò rút chạy. Dầu là rút chạy trong chủ động, trong kế hoạch, trong trật tự và an ninh tuyệt đối thì vẫn cứ phải để lại cho đối phương một nửa những cái đã có. Nếu không để lại thì cũng phải hủy đi. Vẫn cứ là một sự mất mát nặng nề. Đảng này chúng không chỉ “để lại” hầu như trọn vẹn của cải mà còn cả những đội quân cũng gần như trọn vẹn. Mất của còn mong bù đắp lại được, mất đất còn mong đánh chiếm lại được, chứ đã để mất đi những đội quân vào hàng tinh nhuệ thì bù đắp bằng cách nào? Mà đã mất đi những đội quân thì chẳng thể có mưu đồ nào được thực hiện, nếu như bọn chúng còn nuôi dưỡng một mưu đồ. Vậy thì ta thắng là do bộ đội ta mạnh, mạnh về mọi mặt, mạnh hơn cả mọi năm; quân nguy thua là do chúng yếu, yếu hơn ta nghĩ nhiều, yếu trong mọi mặt. Nhưng chúng ta đã mạnh lên như thế nào, mạnh bên trong gian nan, trong thiếu thốn, trong vô vàn khó khăn của một cuộc kháng chiến kéo dài? Chúng đã yếu đi như thế nào, yếu đi giữa những kho bom, kho đạn, những sân bay, những quân cảng, những xa lộ? Yếu đi giữa những hàng hóa, của cải do Mỹ trút vào để trang điểm cho một mặt hàng? Giữa những lon, ngù, mũ, gậy do Mỹ cấp phát để tô vẽ cho một thể chế?

Đó là những bí mật mà lần đi này phải tìm ra những căn cứ xác thực để hiểu được đến cốt lõi. Một nhiệm vụ kể ra cũng là dễ dãi vì lời giải đâu có giấu kín. Dễ dãi nhưng không phải là ít hứng thú. Còn như bạn đọc lại không cảm thấy hứng thú thì hiển nhiên phần trách nhiệm phải thuộc về kẻ thuật chuyện rồi.

*

* *

Ra khỏi vùng ngoại ô phía nam Hà Nội là đã nhận ra ngay cái cảnh tượng hội hè của chiến dịch sau chót. Còn nhớ một lần được đọc một câu thơ, đại ý : đi đánh Mỹ vui như đi trẩy hội. Cảm thấy ý thơ lãng mạn quá. Những năm đánh Mỹ là những năm cực nhọc, gian nan khôn xiết, tự hào hơn cả bao giờ, mà chịu đựng cũng vô cùng. Vẫn có tiếng cười, vẫn có tiếng hát, nhưng ngấm kỹ từng khuôn mặt không ai không có những nếp nhăn của ưu tư. Trung ương lo việc cả nước, cán bộ lo việc từng ngành, từng đơn vị từng địa phương. Trong mỗi gia đình cũng kể ở người đi sum họp chia phôi mấy bận, tháng này nhận được tin vui thắng sau đã phải nhận tin buồn, chần chieu, mừng mản mỗi người cầm đi một mảnh, bà nuôi cháu, chị dìu em, hạt gạo cắn ba, hóp canh sẻ nửa, con mặc áo của bố, mẹ nhường quần cho con, nước mắt lúc vắng người, nụ cười lúc đông người, ăn ủi nhau, nâng đỡ nhau năm này qua năm khác cho mãi tới mùa xuân của năm này. Mùa xuân năm 1975, chợt nhớ lại câu thơ ngày nọ, tưởng đâu như tiếng reo tự nhiên của lòng mình, chính mình đã từng viết nên câu thơ đó. Chiếc xe con của chúng tôi đã khôn ngoan vượt lách hai đoàn xe vận tải quân sự với hy vọng sẽ được chạy thênh thang trên đường 1. Nhưng sự khôn ngoan ấy đã lỗi thời! Vượt qua được đoàn xe này thì trước mặt đã là một đoàn xe khác, rồi một đoàn xe khác, lại một đoàn xe khác, xe chạy như vô tận, xe bịt bịt, đuôi bịt căng gió kêu như trống đập, xe cuốn bịt hai bên chặt ních những khuôn mặt

căng đỏ, tươi sáng, mũ mới, quần áo mới, súng đạn mới. Thị xã Vinh xanh lè những màu mũ, màu quần áo và ba lô của người ra đi. Rồi cũng vẫn là xe, là súng, là người. Xe con nối theo xe lớn, chen vào giữa đoàn xe lớn, chạy trước họ, rồi tụt sau họ. Người ngồi xe con nhìn lên người ngồi xe to, người ngồi xe to nhón nhón cười, hỏi người ngồi ở xe con :

- Các chú ơi, bây giờ mới được đi có muộn quá không?
- Gặp nhau ở Đà Nẵng nhá!
- Hẹn gặp ở dinh Độc lập!

Xe vẫn chạy. Tiếng gọi hỏi bay lượn lướt bên tai của xe này, của xe kia. Dừng lại với nhau mười lăm phút đợi phà, mùi quần áo mới, mùi da thịt trẻ bọc quanh nồng nàn, ngây ngất.

- Em quê ở Hải Hưng à?
- Bọn cháu đều ở Hà Bắc.
- Các em sinh năm nào?
- Cháu sinh năm 1956.
- Cháu sinh năm 1957.

Hưng Yên? Có Hải Hưng không? Đấy, đấy, bọn nó đều là dân Hải Hưng cả. Tiên Lữ? Chúng nó đi trước rồi? Khoái Châu, hả? Thanh niên phủ Khoái! Xin chào các đồng chí! Chúc các em lên đường may mắn, lập được nhiều công! Chúc đồng chí nhà báo lúc đi biết một, lúc về biết mười! Hẹn gặp! Lại gặp nhau trong đó nhé!

Sáng sớm, ngồi trong xe bàn nhau sẽ ăn trưa ở Hà Tĩnh. Đến Hà Tĩnh còn sớm quá, lại hẹn đến Đồng Hới. Đã đến Đồng Hới tội gì dừng lại ăn cơm, qua Quán Hàu thôi, ở đó có phà, đợi hàng ngàn xe qua phà thì hết đêm chưa chắc đã sang được. Xe lại chạy, ăn lương khô, uống nước chè đặc cũng đã là sang lắm, ung dung lắm so với những lần đi chiến trường của những năm trước. Chạy đi thôi! Chạy nhanh lên! Chiếc xe con lao tuốt xuống mố phà Quán Hàu thật ngổ ngáo, nhưng, ô kìa, đâu chỉ có một xe con mà đã vội lao lên phía trước. Đưa mắt nhìn ngang ngó dọc hàng trăm xe con đã sắp xếp thành hàng lối đợi lượt qua phà. Duy nhất có mỗi chiếc xe đến muộn lại định giở trò tranh chấp. Nhìn lại một lần nữa, hầu hết là người quen biết, là các cấp trên của mình ở các cơ quan bốn tổng cục của nhiều binh quân chủng. Đồng chí Hùng, nguyên là tham mưu phó một quân khu, vừa cười vừa gọi to, giọng khàn khàn : "Xe nhà báo còn chạy mãi đâu thế?". Cả mọi người đều nhìn bọn tôi mà tủm tủm cười. Thế đấy! Mấy thằng nhà báo đến hay giở cái trò lấu vặt. Đành vậy, đành phải phơi mặt ở mố phà này cả đêm nay thôi. ăn chiều nay ở đâu? Trưa mai ở đâu? Nhanh ra cũng phải trưa mai mới tới lượt sang phà. Phà đã quay sang. Các xe đến lượt được qua nổ máy. Các anh sướng nhá! Qua được đoạn sông này là cứ phóng thẳng đến tận bờ sông Thạch Hãn. Nghe nói công binh đã bắc được cầu phao ở đó rồi. Họ sẽ ăn bữa trưa mai trong thành cổ Quảng Trị. Có thể ăn bữa trưa ở bờ nam sông Mỹ Chánh. Trời ơi! Bao giờ đến lượt mình? Lại vẫn cái giọng khàn khàn quen thuộc từ đám người đứng lố nhố ở mố phà gọi với lên.

- Xe mấy cậu nhà báo đâu?
- Tôi chạy vọt lại như tên bắn :
- Có tôi!
 - Cho xe xuống đi?
 - Xe tôi hả? Xe tôi được xuống phà à?
 - Ưu tiên nhà báo!

Lại thế nữa! Những người nhường bọn tôi đều đang cầm trong tay những nghị quyết, những phương án, những mệnh lệnh, tức là những thứ nóng cả. Còn bọn tôi, chậm vài ngày nào có sự tổn hại gì, thì bọn tôi chẳng đã bị chậm cả tháng đấy ư? Hết sức biết ơn các đồng chí. Thôi! Xuống đi! Con nhà lính mà ăn nói cũng màu mè. Lúc nào có sách thì nhớ gửi cho nhau! Lại con đường 1, lại xe và súng và người. Lại gọi nhau, hỏi nhau, đùa giỡn nhau trong giây phút xe nọ chạy bám lấy xe kia, rồi vượt qua, rồi lại bám đuổi một xe khác. Mặt người mờ đi trong đám bụi đã bắt đầu đỏ. Nắng tháng Ba vàng rực như mật phết, cái nắng hành khô, nồng đượm,

nói cho vắn vể hơn sẽ là cái nắng ngọt ngào. Đi vào chiến trường giữa lúc các mặt trận âm ầm tiếng súng tấn công, mà đi giữa ban ngày, mà hành quân nối xe nhau suốt một chặng đường dài năm trăm cây số, mà các bến bãi toàn là người, là xe, là xăng, là các thứ binh khí kỹ thuật. Đi đánh một triệu quân nguy được coi là con ruột của Mỹ mà không thèm để ý đến người đẻ ra nó, đến ông chủ của nó. Thì người Mỹ cứ giả đồ kinh ngạc, giả đồ hỏi han, rồi tranh cãi, rồi hăm dọa, mặc! Việc mình mình cứ làm, không ai ngăn được, không kẻ nào dọa dẫm được. Chúng ta sẵn sàng đương đầu với mọi biến cố có thể xảy tới. Như mùa xuân năm 1968. Như mùa hè năm 1972. Như những năm dài còn cả nửa triệu lính Mỹ ở đất liền, ở trên không, ở ngoài biển. Cái tư thế đỉnh đạc, thản nhiên của lần xuất quân năm nay đủ là một bằng chứng hiển nhiên của sự thách thức đó. Mà cũng chẳng phải chủ tâm thách thức một ai, việc của mình mà. Chẳng lẽ chúng ta lại không có quyền chăm lo công việc của chính chúng ta?

Chương II

VỐN LÀ NIỀM TIN CỦA CHÚNG TA NHƯNG ĐƯỢC DIỄN GIẢI QUA NHỮNG NHÂN VẬT RẤT BẤT NGỜ

Trong ít ngày dừng chân tại Huế, tôi ở với đại đội 1 thuộc trung đoàn Phú Xuân, đóng quân ngay tại khách sạn HB. Bộ đội vào thành phố mỗi anh có một bộ quần áo, ba lô không, mền chần không, mũ cũng không. Chỉ có súng đạn, có bát vôi, và một bộ quần áo mặc ngoài. Tất cả đã quăng lại dọc đường truy kích quân địch. Càng nhẹ càng tốt, chạy nhanh bao nhiêu đỡ tổn xương máu sau này bấy nhiêu, vừa chạy vừa gặm lương khô, hết lương khô thì uống nước suối mà đuổi giặc. Vừa chạy vừa đánh, vừa chạy vừa ngủ, định bụng vào Huế sẽ nghỉ ngơi, sẽ ngủ bù, sẽ làm vài bữa ăn thật thịnh soạn cho bổ những ngày cực nhọc, đói khát. Nay đã vào Huế vẫn chẳng một ai được ngủ một giấc cho thỏa mắt. Một đại đội phải gác hai cây cầu bắc qua sông Hương, gìn giữ an ninh hai đường phố, một cái chợ và trăm thứ việc giời ơi đất hỡi chẳng hiểu phải gọi là những việc gì. Vào thành phố, phơi mặt ngoài nắng ngoài mưa mười mấy tiếng đồng hồ mỗi ngày, mặt anh nào cũng hốc đi, da đen cháy, tròng con mắt đỏ ngầu vì thiếu ngủ. Và mệt quá, nhưng không thể nghỉ được, không thể ngủ được, đành vờn vai ra mà gánh lấy bao nhiêu thứ việc không tên của một vùng đông dân cư vừa được giải phóng.

Cạnh nhà đại đội tôi ở có ngôi nhà nhỏ một tầng, mặt tiền là cửa hàng hủ hoi nhưng không thấy buôn bán gì, lại dường như không được tu sửa từ lâu nên coi cũ nát quá. Chiều ngày mùng 3 tháng Tư, trước nhà lại treo một tấm biển, viết chữ to: *Nhà chiếm ngụ trái phép đã được ủy ban quân quản hoàn trả cho chủ cũ*. Một ông già khoảng trên dưới sáu chục tuổi, dáng vẻ như công chức, đứng ở thềm nhà nhìn tôi cúi đầu chào. Tôi chào lại, tiện dịp hỏi luôn: "Sao lại có tấm biển này, hả ông?". Ông chủ nhà tươi cười: "Xin mời ông vào chơi, câu chuyện cũng dài". Nhà hẹp và nông, nền nhà nửa gạch nửa đất, các ngăn kê bày hàng cũ mọt, trống trơn. Một gian nhà trống rỗng, hơi hám, đến ẩm tách mời khách chắc cũng là của nhật nhanh nhưng lại có một bộ ghế tựa bọc lụa vàng hết sức sang trọng. Ông mời tôi một chén nước trà vừa loãng vừa ngọt, hút thuốc của tôi, tự giới thiệu tên là Hợp, một thương gia ở Sài Gòn.

- Cái nhà này vốn là của tôi - ông Hợp kể - Cách đây đã mười năm tôi cho một người trong họ thuê, vì vợ tôi là người Huế. Sau người ấy dọn đi nhượng lại cho một gia đình quen biết, tất nhiên có sự đồng ý của tôi. Gia đình này có người con làm cảnh sát, đại úy chỉ trưởng cảnh sát quận. Họ hỏi mua, tôi không bán, vì đã có ý định nay mai xây cất thêm mở cửa hàng bán tơ lụa. Rồi tôi đòi lại, nhưng họ không trả. Mình có nhà nhưng họ có thế. Cái thế ông quận trưởng cảnh sát ở một thị xã như đây là lớn lắm, tỉnh trưởng cũng phải nể. Bên đòi, bên giữ. Cái nhà ngày một hư nát, đành phải chịu, chứ biết tính sao?. Tắt ra, vợ chồng bàn nhau thu xếp hàng họ ở Sài

Gòn ra Huế một chuyến, đến cửa nào thì đến, không tiếc tiền, cốt làm cho ra nhẽ, rồi có chịu mất cũng không ân hận. Vậy mà mất thật ông ạ. Tốn kém gần nửa triệu mà nhà vẫn mất. Thì vẫn là nhà của mình, nhưng mình không có quyền đòi. Hoặc là bán rẻ, hoặc chịu mất không. Tùy mình chọn.

Tôi cười, nói đỡ lời :

- Còn đang dang dở thì cách mạng đến, phải không ông?

Ông Hợp cũng cười :

- Đúng thế, cách mạng đến thế là tôi đòi ngay được nhà. Đưa đơn hôm mùng 2 tháng Tư, thì mùng 3 ban nhà đất cho gọi lên xem xét giấy tờ, rồi cấp giấy hoàn lại nhà cho chủ cũ. Một đảng chạy vay mất năm năm, chi tiêu cả triệu bạc mà chịu mất nhà. Một đảng đi lại có hai lần, tốn kém có mỗi tờ giấy viết đơn, lập tức ngọc về chủ cũ.

Tôi nói đùa :

- Được cái xác nhà ngoài này lại mắc đám hàng họ trong kia, vẫn cứ là thiệt.

Ông Hợp cãi ngay :

- Mất thế nào? Chỉ tháng sau là tôi có cả trong ấy lẫn ngoài này.

- Ông đoán chắc như thế ?

Ông nhìn tôi, cười tủm tỉm :

- Tôi tin chắc chứ. Vì tôi đã có đầy đủ chứng cứ để tin. Châm một liều thuốc (vẫn là thuốc của tôi vì ông chỉ còn đủ tiền ăn chứ không có tiền mua thuốc), ông Hợp nói tiếp :

- Với ông tôi chẳng dám giấu. Tôi là một thương gia có hạng ở trong ấy, tiếp xúc nhiều với các giới trong chánh phủ, trong quân đội nên tôi biết rõ họ. Vì biết họ nên tôi dám tin rằng chỉ nội tháng sau tôi sẽ trở lại Sài Gòn với tư cách là người được giải phóng đầu tiên của giới thương gia.

Nói cho đúng, tôi chưa thể tin hẳn những lời lẽ quá thuận của vị đại diện tình cờ cho giới thương mại. Tôi vốn hay nghi ngờ những thay đổi quá dễ dãi. Tuy nhiên, ông ta cũng không có ý tàng bốc cách mạng, về phe với cách mạng bằng một tâm sự dối trá. Về sau, khi đã biết nhau hơn, ông còn thú nhận với tôi là đã trốn chạy trong ngày 21 nhưng không thoát. Hai vợ chồng, một đứa con mất bốn chục ngàn tiền vé chặng bay Huế - Đà Nẵng. Máy bay sắp cất cánh thì đạn pháo của giải phóng nổ ầm ầm khắp phi trường. Sân bay Phú Bài phải đóng cửa, hẹn hành khách đến ngày hôm sau. Sáng hôm sau hốt hoảng kéo nhau đến thì máy bay cùng toàn bộ hành lý đã biến mất tự khi nào. Tiền hết, quần áo thay cũng không có, đành là tay trắng trở lại Huế.

- Tôi không đón chờ cách mạng - ông Hợp nói - nhưng tôi cũng không sợ hãi cách mạng. Phải là phản động hoặc rất ngu dốt mới sợ các ông. Tôi chỉ không thích các ông thôi, nếu ông cho phép tôi được nói thật như thế. Tại sao không thích? Vì cách mạng là sự hợp lý. Đất nước này muốn phát triển cho hợp lý thì phải mở mang nghề nông, mở mang công nghệ, tự lập tự cường. Nếu có buôn bán cũng là làm lợi cho sản xuất, cho dân sinh. Canh nông thì tôi không thích, đã quen ở tỉnh thành rồi. Công nghệ càng không biết gì. Chỉ biết có mỗi nghề buôn. Mà nghề buôn trong này phải lấy gian manh làm thủ đoạn chính mới mong có lãi. Vả lại, chúng tôi còn là nhóm thương gia nhập khẩu vải sợi. Nhập khẩu tất phải dựa vào tiền của Mỹ. Trong tài khoản viện trợ của Mỹ hàng năm ở miền Nam có một ngân khoản dành cho hối xuất để nhập hàng hóa và máy móc nước ngoài. Số tiền đó do Bộ kinh tế đem chia cho các tổ hợp nhập khẩu. Muốn được đăng ký nhập khẩu đương nhiên phải có một số vốn nào đó, phải chịu những thủ tục nào đó. Nghĩa là phải có thế lực và kim ngân. Trước hết là kim ngân. Có kim ngân sẽ tìm ra thế lực. Tiếng là buôn vải sợi nhưng thật tình chỉ biết có mặt hàng trên bảng mẫu. Hàng vừa cập bến, tôi đã có mối bán rồi. Thậm chí tàu còn đang lênh đênh giữa biển mà hàng đã bán. Một chuyến hàng tính ra đã trả lãi cho nhà băng rồi, đã trả thuế nhập khẩu rồi, đã chi hàng trăm khoản lặt vặt khác vẫn cứ thu lợi bạc triệu. Tiền kiếm quá dễ. Nhưng đó là đồng tiền của gian trá, của bao nhiêu mưu mô lập cánh kéo phe, tôi xin thú thực với ông như thế. Đồng tiền ấy cách mạng không thể chấp nhận được, không có sự hợp lý nào có thể chấp nhận được khi cả

nước đều đang vì chiến tranh mà khổn khó.

Thốt ra được lời thú tội can đảm ấy khuôn mặt ông Hợp ửng đỏ lên, ánh mắt lấp lánh sau gương kính. Một ông già đến tinh khôn, đến lợi hại. Ông ta biết lên án mình, nhưng rồi vẫn cứ làm những công việc mà mình đã lên án.

- Được gặp ông tuy tình cờ nhưng lại là sự giải thoát cần thiết đối với tôi. Không giải bày với ông, rồi tôi cũng phải tìm cách giải bày với một người nào khác, nhưng sẽ không phải là với chính quyền cách mạng. Tôi không muốn chính quyền mới hiểu nhầm tôi, ở đời này thiếu gì kẻ xu thời.

Tôi cười :

- Thì giữa tôi với chính quyền cách mạng có gì là khác?

- Ông ở đây rồi ông lại đi, ông không giúp được gì tôi, mà tôi cũng không nhờ cậy được gì nơi ông. Chúng ta nói chuyện với nhau bình đẳng và vô tư, không vắn vương một chút tư lợi nào. Như những người bạn (!). Vả lại bạn của tôi cũng không hiểu được tâm trạng của tôi trong những ngày này. Có thể họ còn ngờ vực hoặc chế giễu. Nhưng ông thì hiểu. Tôi tin là ông đã hiểu. Tôi xin nói tiếp : Năm nọ, nhân một chuyến đi Nhật để xem mặt hàng và ký hợp đồng, ngồi ăn trưa tại một quán cơm bình dân vùng ngoại ô Đông Kinh, có một ông già cứ nhìn tôi chăm chăm. Rồi ông hỏi tôi bằng tiếng Pháp :

"Thưa ông, ông là người Việt Nam?

"Vâng, tôi là người Việt Nam.

"Ông ta lại hỏi tiếp :

"- Ông ở Hà Nội?

"Thế là tôi hiểu ngay, đành phải nói bừa :

"- Tôi ở Bắc Việt Nam.

"Tôi sinh trưởng ở vùng Bắc Ninh, kể ra cũng có quyền để trả lời như thế. Ông già liền kêu to :

"- Thật may mắn cho tôi hết sức!

"Rồi ông xin phép được ngồi cùng bàn với tôi, tự giới thiệu là hội viên của một tổ chức quyền góp thuốc men cứu trợ cho Bắc Việt Nam. Ông nhìn tôi như một thần tượng hàng tôn thờ, rồi bảo : "Các ông dám chịu nạn cho cả loài người được cứu vớt khỏi cảnh trầm luân. Cái phong độ ấy chỉ có thể ví với các bậc giáo chủ, những người đã tạo lập nên các đạo giáo lớn".

"Ông già còn nói rất nhiều, vừa nói vừa khóc. Mà người Nhật thì tôi biết, họ giữ gìn lắm, kín đáo lắm. Nhưng tôi nào có nghe thấy gì. Chỉ xấu hổ. Xấu hổ và nhục nhã. Từ bữa ấy tuy là vẫn sống rất trưởng giả, nhưng đã không còn yên tâm như trước. Tâm trí luôn luôn bị ám ảnh : mình là kẻ có tội, mình đang sống giữa một đám người mắc tội. Có tội tất phải đền tội. Mình không có dịp được đền tội, thì con cháu mình sẽ phải đền tội thay cho ông cha nó. Xưa nay đã mấy ai thoát ra khỏi cái luật nhân quả. Hàng triệu người đã chết cho nền độc lập, không hề những kẻ sống bất hợp pháp như chúng tôi lại không bị trừng phạt. Trước sau sẽ có ngày bị trừng phạt. Thế là sự trừng phạt cho tất cả đã đến, riêng với tôi thì nó đến sớm hơn, từ ba năm về trước, từ cái ngày tôi được gặp ông già người Nhật nọ. Nhân đây, tôi xin kể ông nghe một câu chuyện nhỏ, theo tôi nghĩ cũng là một dấu hiệu trong vô vàn dấu hiệu báo trước cái tình thế hôm nay. Bữa ấy là tối mùng 2 Tết năm Ất Mão, mấy anh em trong tổ hợp nhập khẩu kéo lại đằng nhà tôi uống rượu. Chúng tôi rất thích những buổi tối như thế. Một căn phòng thật yên tĩnh, mấy chai rượu thật ngon, một hộp xì gà hảo hạng. Có chuyện gì thì nói, không có gì để nói thì nín lặng, hoàn toàn tự do. Thường là vẫn có nhiều chuyện để nói, để chửi, những chuyện riêng của ông bà Thiệu, của ông bà Khiêm, của các ông tướng, các bà tướng. Gọi là bàn chuyện quốc gia cũng được, vì các nhân vật điểm đến đều là những bộ mặt tiêu biểu của chính trường. Gọi là nói chuyện áp phe cũng được vì không có một chính khách nào, một tướng lĩnh nào lại không dính đến một vụ áp-phe. Người ta thường đồn tướng Ngô Quang Trưởng tư lệnh quân khu 1 là thanh liêm nhất, vợ con không được dính líu đến việc quân cơ của chồng. Nhưng theo tôi biết, ông ta đang làm một vụ áp-phe kinh thiên động địa : thay Thiệu làm tổng thống trong

những năm tới. Một vụ áp-phe cỡ quốc gia như vậy nếu không có Mỹ đỡ đầu làm gì nổi? Bỏ miếng bé, ăn miếng lớn thì đúng phải. Còn bảo là vì dân vì nước thì lại quá hoang đường. Chúng tôi chửi chúng nó theo kiểu dân chạy chửi lẫn nhau. Nó có thể lớn, lực trường nên chạy được mỗi to : như buôn nha phiến trắng chẳng hạn. Mình thế bé, lực đoản thì chạy mỗi nhỏ, nhưng không phải là ít lãi. Giữa lúc chửi bối cho hả, thì một anh bạn tôi lên tiếng : "Chửi Thiệu thì chửi nhưng còn nó mình mới được ngồi đây uống ứt-ky, hút xì gà. Chứ mai kia mấy ông Việt cộng nhào vô thì bọn mình chỉ đáng đem bắn bỏ". Bao nhiêu cái miệng đã định há ra lại vội vàng ngậm chặt. Mặt mũi anh nào cũng sượng sùng, cũng ngượng ngập. Đến nhìn mặt nhau cũng khó. Cùng phùng cùng cánh cả. Cùng là những kẻ có tội cả. Mình chửi nó tức tự chửi mình. Chẳng có trò đùa nào của nó mà mình không từng nhúng tay. Nó làm lớn nên tâm tiếng rộng, mình làm nhỏ nên chỉ có mấy thằng biết với nhau thôi. Mình tuyên án nó với bao nhiêu lý lẽ danh thếp, nhưng nghĩ lại, mình đâu có đứng ngoài. Chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy thấm thía sự tự kết án như cái tối hôm đó. Một xã hội mà một nửa số thành viên, ấy là tôi muốn tìm một tỷ lệ lạc quan, đều mặc cảm có ít nhiều phạm tội, đều có thể tự kết án, một xã hội như thế thì tồn tại sao được. Nó chưa sụp đổ năm 1968, năm 1972 vì đang còn một lực lượng ngoại lai ra sức chống chọi. Năm nay, cái trụ chống ấy không còn nữa thì tất cả sẽ tan tành, chỉ sớm tối là tan tành.

*

* *

Trong mấy ngày sau cùng ở lại Huế, tôi có được cái may mắn chứng kiến một vụ đánh cá giữa mấy người bạn. Việc đem ra cá nhau đã khác thường : vào tháng nào thì Quân giải phóng sẽ lấy xong Sài Gòn? Những người tham gia còn khác thường hơn : Một nhà buôn đồ sứ Đà Lạt, một cựu giáo sư dạy Pháp văn theo đạo Thiên chúa, và một thượng tọa con cháu của đức Thích Ca. Thật ra sự tính toán của họ chẳng trái ngược nhau là mấy : Cách mạng sẽ vào Sài Gòn trong tháng Năm hoặc tháng Sáu. Chỉ còn khác nhau : sẽ lấy Sài Gòn bằng hiệp thương hay bằng vũ lực. Khi ta đã chiếm Phan Rang, Phan Thiết thì ngay sự khác nhau chút ít ấy cũng không còn. Cả ba người đều nhận định : Quân giải phóng nhất định sẽ tiến thẳng vào Sài Gòn. Đầu hàng sớm thì đổ máu ít, đầu hàng muộn thì đổ máu nhiều. Chỉ còn thế. Họ bảo tôi : Cá nhau là khi bài toán còn chưa có lời giải. Nay lời giải đã rõ thì còn cá cuộc gì. Cả ba chúng tôi sẽ được cả. Nhân vật chính của nhóm ba người là ông Kim, trạc tuổi tôi, bốn mươi lăm hoặc bốn mươi sáu, nhưng còn trẻ lắm, ham hiểu biết, khá nhạy bén với những thay đổi của thời cuộc. Nhà buôn này đã từng cầm súng đánh Pháp trong mấy năm đầu, còn về sau... "Về sau thì như "vu" (1) biết đấy, "moa" (2) yếu hèn, "moa" thối chí nên bây giờ mới phải cúi mặt khi nhìn lại đồng đội năm xưa" (những lúc thân tình nhất, Kim thường xưng hô là "vu" và "moa". Thoạt nghe thì ngượng, nhưng dần dần cũng quen đi).

- Anh chỉ cần nhận là đã yếu hèn, tức thì mọi tội lỗi coi như được xóa sạch?

Tất nhiên anh có quyền nghi ngờ, nhưng tôi đã ăn năn bằng sinh mạng của chính tôi, chứ không chỉ bằng một lời nói đẹp. Nói cho thật, sự ăn năn của tôi chỉ mới có từ mùa xuân năm 1968. Đường Phan Bội Châu hiện nay là mới xây cất lại chứ đường phố cũ đã bị bọn Mỹ và các trận càn chiến phá hủy sạch trơn rồi. Trận đánh đã sang ngày thứ ba tôi vẫn còn ở lại Huế. Vợ con về quê từ chiều mùng 2 Tết, riêng tôi ở lại đợi thu xếp xong hàng họ rồi cũng về theo. Sáng hôm đó, tôi còn nhớ là sáng ngày mùng 4, vừa ra mở cửa sau, tức là cái cửa ải sang đường Phan Bội Châu - Bờ Hồ, chợt thấy một hình người nằm gọn một góc cái bậc hè xây cao của nhà trước mặt. Anh ta vận áo cánh đen, quần cộc đen, ôm trong lòng khẩu B.40 mà ngủ. Mà như còn nhỏ tuổi lắm, mà gầy yếu quá, xanh tái quá. Anh Việt cộng! Anh Bộ đội! Anh Vệ quốc! *Đoàn vệ quốc quân một lần ra đi...* nghĩ rằng đã trốn được quá khứ, ai dè, vâng, ai dè... Tôi nhìn trước nhìn sau rồi chạy vọt qua, khẽ lay gọi anh. Anh tỉnh ngủ rất nhanh, ngồi bật ngay dậy, nhìn tôi trừng trừng, hỏi :

"Ông là ai?

"Nhà tôi ở ngay đây, mời anh qua nhà tôi mà nghỉ.

"Anh trù trù một thoáng, rồi đứng dậy xách súng, bước theo. Tôi nấu vội hai túi mì, múc cho anh một chén, tôi một chén, rồi cùng ngồi ăn.

"Anh hỏi tôi :

"Thím với mấy em đâu cả?

"Nhà tôi đưa các cháu về quê từ bữa trước:

"Tạm tránh đi ít ngày cũng phải. Nay, bom đạn nhiều thế chú có hải không?

"Tôi cười :

"Ai mà không hải, nhưng làm sao được.

"Lúc đầu thì hải, rồi sau sẽ dạn dần, tôi cũng thế.

"Mình biết cầm súng từ năm mười bảy tuổi, năm nay đã là ba mươi tám, nay phải nghe từ miệng một cậu bé hỏi có sợ súng không, nghĩ cũng đau lòng. Mà đúng, không sợ súng sao phải trốn chạy, trốn dài suốt hai cuộc kháng chiến. Trưa hôm đó, anh lại quay về nhà tôi cùng với một cậu nữa gửi bốn quả đạn. Anh khoe hồi sáng lại bắn cháy thêm một xe tăng ở bên kia cầu Gia Hội. Đến khó tin! Con người như cái bóng ma, khẩu súng như ống thổi lửa, mà bắn cháy xe tăng Mỹ? Nói anh tha lỗi, ngày ấy mấy thằng vẫn bảo nhỏ nhau : Đã bước sang quá nửa thế kỷ 20 mà mấy ông nhà mình còn nuôi mộng hoang đường. Đánh đuổi Mỹ bằng súng đạn quả là chuyện rất hoang đường, một sức tin quá kỳ khôi. Chiến tranh còn phải kéo dài thêm ít năm nhưng rồi cuộc Mỹ nó thắng. Nó sẽ thắng mình bằng nhiều cách. Có tiền là sẽ có cách. Mình dầu khôn ngoan mấy vẫn là cái anh nghèo. Đã nghèo đừng có nói chuyện khôn ngoan. Kinh nghiệm đời tôi là thế. Nghĩ trong bụng thôi, chứ không tranh cãi. Các anh có niềm tin của các anh, chúng tôi có cái tin của chúng tôi, tranh cãi về niềm tin là vô nghĩa. Vả lại đằng nào tôi cũng sẽ về quê với gia đình. Vâng, đúng thế, lại tìm cách được xin trốn chạy các anh một lần nữa. Tôi chuẩn bị cho hai anh một tạ gạo, mắm muối, cá khô, bột ngọt, đủ thứ. Rồi xếp cả quần áo thay, bông băng và mấy loại thuốc thông dụng. Coi như đã làm tròn bốn phận một người dân vốn có cảm tình với kháng chiến. ăn cơm trưa xong, anh mang B.40 bảo tôi :

"Chú có muốn coi bọn tôi bắn xe tăng không?

"Khi nào?

"Đêm nay hoặc sáng sớm mai, xe nó thường chạy nhiều vào lúc sớm.

"Bằng cách nào?

"Đi theo chúng tôi - rồi anh cười - nhưng nguy hiểm đấy chú lại chưa quen với bom đạn.

"Đành phải ở lại thêm một ngày nữa, thêm một ngày coi Việt cộng bắn xe tăng? Một dịp may kể là cũng ít có. Đêm ấy mãi khuya hai anh mới về, nhìn anh mang đạn vẫn còn nguyên bốn quả, tôi hỏi đùa :

"Mỹ nó hết xe tăng rồi ư?

"Anh trả lời rất thật thà :

"Còn nhiều lắm chú ơi, nhưng không tìm được góc bắn tốt.

"Sáng ra được một lúc, khoảng bảy, tám giờ, tôi ngồi đọc sách chợt nghe có tiếng động cơ chuyển ầm ầm ở đầu phố. Anh giữ B.40 đang nằm trên phản vội lăn xuống đất, nằm áp tai nghe ngóng một lúc rồi xách súng đã lắp sẵn đạn nhào vọt ra. Tôi sực nhớ lời hẹn khi đêm cũng nhảy vội lên lầu trèo sang mái nhà bên cạnh, nằm dài trên đó mà nhìn xuống cái queo đường Phan Bội Châu - Trần Hưng Đạo. Có hai chiếc xe M.48, cái xe đầu đã chạy tới mé chợ Đông Ba, còn cái xe sau chỉ vừa qua khỏi cây cầu Gia Hội. Nhưng không thấy anh bạn bé nhỏ của tôi đâu cả. Chắc đành để lỡ xe trước, nếu muốn bắn gần như anh nói. Còn xe sau liệu nó có bị trúng đạn của anh không? Lay trời! Anh hãy đến kịp và bắn trúng! Thì ra lá vẫn rụng về cội đến lúc ấy mới rõ thật lòng mình vẫn hướng về kháng chiến, vẫn mong mọi chúng ta sẽ làm được cái việc lịch sử nghiêng trời là đánh đuổi thằng Mỹ bằng súng đạn. Đánh đuổi nó bằng chính cái sức mạnh mà nó thích hù dọa, khoe khoang. Nhưng dựa vào đâu mà cầu mong sự phi thường ấy. Trông lúc

này chỉ còn biết dựa vào anh bạn mới được quen biết. Nếu anh không bắn trúng, hoặc tệ hơn, anh lại không bắn thì sẽ đau đớn biết chừng nào. Anh phải bắn trúng để trên đời này còn có chỗ mà tin dựa, mà hy vọng, mà yêu thương. Hành động của anh đối với tôi sẽ là tất cả. Còn đang nghĩ ngợi vẫn vợ thì một khối lửa đã chớp sáng ngay giữa ngã tư, rồi một tiếng nổ ù tai, một đụn khối đen bắn đùn từ trong ruột cái tháp tròn gần pháo. Khi ấy mới chú ý chiếc xe đã quay ngang, đã lùi dít về phía đường Phan Bội Châu chừng vài mét. Chỉ trong có vài giây chiếc xe đã xả khói, xả lửa dữ dội quá, tự nó phá hủy nó ghê gớm quá. Đạn cháy, xăng dầu cháy, sắt thép chảy, da thịt cháy, đến mặt đường cũng bốc cháy. Lửa và khói vít kín một đầu phố gần trọn một buổi sáng. Đêm đến, đứng trên tầng lầu nhìn xuống, cái khối thép đã biến hình vẫn còn đỏ rực rực. Thế là tôi quyết định ở lại Huế, tự nguyện làm một chiến sĩ vô danh trong số những chiến sĩ vô danh khác chiến đấu ở khu vực này. Anh em rút đi, tôi ở lại. Rồi vợ con trở về. Rồi lại buôn lại bán. Nhưng đêm nào nghe có tiếng súng là thao thức cho tới sáng, nghĩ ngợi xa gần, thương thương, nhớ nhớ những bạn bè đang sống ở trên xanh. Ngày nào các anh sẽ trở lại? Năm này? Năm sau? Mùa xuân hay mùa hè? Năm 1972 cũng chờ đợi cả tháng, đã chuẩn bị đủ cả, thuốc men, lương thực, rồi máy ảnh, phim nhựa, rồi giấy trắng, mực in. Cái gì năm 1968 ta thiếu thì năm 1972 sẽ có đủ. Và lần này nữa, cũng vẫn như trước đây, vợ con lại về quê còn tôi với thằng nhớn ở lại đón mấy chú Giải phóng. Có điều chưa kịp chuẩn bị gì, đến gạo ăn của hai cha con cũng thiếu. Nhanh quá phải không anh? Vì đã chín quá rồi. Đến như tôi, thuộc loại người làm giàu dưới chính quyền này mà còn mong các anh về, thì sự thể đã chín lắm rồi.

- Còn Sài Gòn?

- Rất mong chờ cách mạng. Nhưng là một cuộc cách mạng giữa họ với nhau. Một cuộc cách mạng không có người cộng sản..

- Vậy sẽ kết thúc như thế nào?

- Sẽ kết thúc đúng hệt như ở đây. Cách mạng thật đã đến Phan Rang thì còn đâu có thì giờ làm một cuộc cách mạng giả.

*

* *

Nhà sư mà Kim giới thiệu với tôi trụ trì tại một ngôi chùa cách Huế khoảng hai cây số. Tôi thích những ngôi chùa ngoài Bắc hơn, mái thấp và tối, lối đi có những vệt gạch vỡ và nhiều đám rêu, mặt người, mặt Phật nhòe lẫn trong cái tranh tối tranh sáng, mùi nhang, mùi hoa, mùi ẩm ướt vương đọng trong từng nếp áo, ở mỗi bước đi. Chùa chiền ở trong này, từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài đều thơm tho, đều bóng láng, trang điểm, bày biện như một tủ hàng. Nghĩ đến tủ hàng lại nghĩ đến thương mại, lại nghĩ đến côi tục, lại nghĩ đến vô vàn sự dối trá ở cảnh đời này. Ấy là theo cách nghĩ riêng của tôi thôi, chứ không phải cách nghĩ của nhiều người. Nhiều người vẫn khen chùa trong này đẹp, các sư trong này thù tiếp lịch sự, ăn nói ngọt ngào, kiến thức uyên bác. Thầy Hạnh tiếp tôi rất lịch sự nhưng xa xôi, thầy nhìn tôi rất ưu ái nhưng xa xôi, giọng thầy thật dịu và ngọt nhưng vẫn cứ xa xôi thế nào ấy. Thầy đọc thơ cho tôi nghe, một bài thơ cổ của một vị thuyền ẩn, bày tỏ vẻ đẹp huyền ảo của thiên nhiên và cái lẽ vô vị ở cõi thế.

Bách xích ti luân trực hạ thù

Nhất ba tại động vạn bả tuyền

Dạ tĩnh thủy hàn ngư bất thực

Không thuyền mẫn tải nguyệt minh quy. (3)

Rồi thầy kể cho tôi nghe những công cuộc cứu trợ dân tị nạn trong mấy ngày khói lửa ở cố đô do các ni cô và phật tử đảm nhận. Xa hơn là những cuộc đấu tranh đẫm máu của giới phật tử chống lại các chính quyền tay sai của Mỹ. Thầy Hạnh kết luận :

- Thằng Mỹ có thể hoành hành ở đâu đó, chứ riêng dân chúng khép nép lắm. Phong trào

Phật tử ở Huế vốn rất mạnh.

Tôi chỉ xin chữa lại một chút :

- Vâng, phong trào cách mạng ở Trị-Thiên vốn rất mạnh.

Thầy Hạnh nhìn tôi một thoáng, rồi nói tiếp :

- Anh em ông Diệm đã có một thời bài Phật giáo đấy, nhưng kết quả thế nào? Chính anh em ông ấy bị người ta giết, còn đạo Phật vẫn ngày thêm mở rộng.

- Họ bị thất bại là phải vì họ muốn tiêu diệt một tín ngưỡng để độc tôn một tín ngưỡng.

Thầy Hạnh cười mỉm :

- Nói thế này kể có hơi sỗ sàng, nhưng tôi muốn hỏi thật : vậy chính sách các ông sẽ là thế nào?

- Mỗi người đều có quyền tin theo niềm tin của mình, nhưng khi hành động thì phải tuân theo nghĩa vụ của một công dân.

- Thì tôi vẫn thường nói với anh em Phật tử rằng : chỉ mấy ông cộng sản mới có đủ sự khôn khéo để tiêu diệt tất cả các đạo giáo cùng một lúc.

- Nếu chúng tôi đã được gọi là khôn khéo thì không bao giờ lại dúng tay vào những việc đại dốt như vậy.

Thầy Hạnh rót nước trà mời tôi. Tôi đưa mắt ngắm nhìn vườn hồng trước nhà khách hết lời khen ngợi. Có tới mấy chục loại hồng, phần lớn phải mua giống tận nước ngoài. Mà đất lắm, chăm sóc nó cũng phiền toái lắm, có cây hồng trị giá tới hàng trăm Mỹ kim. Câu chuyện như dễ dàng hơn, vì tôi là người thích hỏi và cũng biết nghe. Tôi hỏi thầy :

- Thừa thầy, sao thầy lại quyết định không di tản?

- Ô hay! Đi đâu? hót hải chạy vào Sài Gòn để tháng sau lại lặn lội từ Sài Gòn ra Huế?

- Mọi việc lại có thể xảy ra nhanh đến thế ư?

- Không phải là hôm nay và trước mặt ông, mà đã từ lâu trước Phật tử, tôi đã từng khuyến cáo rằng : “Cách mạng rất mạnh, họ muốn làm gì cũng được, không ai đủ sức cản họ đâu”.

- Bằng lý lẽ hay còn bằng kinh nghiệm riêng mà thầy quyết đoán như vậy.

Thầy Hạnh hơn tôi khoảng chục tuổi, là giảng sư, là nhà hùng biện, là người tổ chức các cuộc đấu tranh chính trị trước đây, nói tóm lại là một người hoạt động tôn giáo có bản lĩnh.

- Bằng kinh nghiệm riêng, bằng nhiều kinh nghiệm riêng. Chỉ một mẩu chuyện sau đây cũng chứng tỏ sự nhận xét của tôi là đúng. Anh em Giải phóng vào Huế ngày trước, thì trưa ngày sau ở vùng này xuất hiện một nhà cách mạng. Là người ở đây, tên ngày nhỏ là An, về sau quen gọi là anh Xồm, vì hăn để râu quai nón. Trước kia hăn có đi lính, sau bỏ lính về nhà mở tiệm sửa chữa xe gắn máy. Giữa năm 1972, hăn đi đâu biệt, có kẻ nói đã bị Việt cộng giết ở chân đèo Hải Vân, nhưng nhiều người lại phao tin rằng Xồm đã đi theo Giải phóng. Chẳng rõ hư thực thế nào. Đùng một cái, anh Xồm trở về với một cây súng M.16, tự giới thiệu là cán bộ cách mạng của tỉnh Thừa Thiên. Trước năm 1968, xã này có một tổ chức cộng sản, nhưng từ sau năm 1968, thì không thấy hoạt động gì. Giải phóng đã được một tuần ở đây mới lập được chính quyền mới, không có người, người của chính quyền cũ thì nhan nhản, nhưng người của cách mạng thì không có. Anh Xồm về được ngày trước thì ngày sau đã có mấy người ra chùa gặp tôi. Chính tôi cũng đang thắc mắc tại sao anh Xồm đi làm cách mạng về lại không thềm đến thăm anh thầy chùa. Dầu tôi không có chức vị gì trong xã hội, nhưng được cái dân chúng mến, có làm gì cũng hay đến bàn, và những lời khuyên của tôi thường được mọi người lưu tâm. Mới bữa khoản thế, chứ chưa tiện nói với ai. Chỉ hỏi thăm anh Xồm hiện còn ở nhà không? Bà lão được gặp lại con chắc hăn rất mừng, mừng con còn sống là một nể, nhưng còn mừng hơn là con đã đi làm cách mạng. Nhưng không thấy ai trả lời sao. Họ còn nhìn nhau tùm tùm cười. Rồi một người thưa : “Bạch thầy, như ý chúng tôi thì hăn không phải là cách mạng đâu”. Tôi rất kinh ngạc : “Ai bảo thế”. “Không phải ai bảo, nói chuyện một lúc là biết”. “Các ông đã gặp người cách mạng thật bao giờ chưa?”. “Bạch thầy, chưa gặp ai, nhưng chưa gặp vẫn phân biệt được thật với giả”. Tôi càng tò mò : “Bằng cách nào?”. “Hăn vừa khoe khoang, vừa đòi hỏi. Người cách

mạng họ khiêm cung, họ vị tha, chứ đâu như hăn”. Lại một người khác nói thêm : “Ngay cái cách hăn mang súng cũng không phải cách mạng rồi. Hết như mấy chú lính cộng hòa”. Tôi nói đùa : “Mang súng ai chẳng giống ai, làm gì có sự phân biệt”. “Bạch thầy có, mũi súng của hăn khi mô cũng nhắm bụng mình. Cách mạng đâu có thế”. Cách mạng đâu có thế, vậy cách mạng sẽ phải là thế nào? Không chỉ người lớn tuổi nhận xét vậy, mà ngay lứa thanh niên mười chín, đôi mươi cũng nói với tôi họ sẽ đi báo cho anh em Giải phóng biết ở xóm này có một kẻ khả nghi, có một kẻ giả làm cách mạng. So sánh với ai mà biết được kẻ này là khả nghi, là không cách mạng, là cách mạng giả? Đến lạ lùng? Mà càng lạ lùng hơn là sự hồ nghi ấy lại hoàn toàn đúng? An về được ba ngày thì anh ruột của hăn là Phúc cũng về. Phúc đi theo cách mạng từ ngày mặt trận Huế vỡ, tức là đã hăm chín năm. Năm 1953, hăn ra Bắc học có viết thư báo cho tôi, chúng tôi thân nhau từ năm còn nhỏ. Năm 1968, cũng cho người nhắn tin về, không được rõ làm gì, cấp tước gì chỉ biết hăn là cách mạng thật, cách mạng chân chính. Ông anh về tất nhiên phải biết rõ hành tung cách mạng của người em. Nhưng ông em đã trốn biệt mang theo cả khẩu M.16. Khi nghe chúng tôi thuật chuyện lại, Phúc hăn vừa cười vừa bảo : “Cách mạng gì cái thằng ấy, tôi được tin nó đi theo một gánh hát bội trong Quảng Nam kia mà”. Rồi hăn hỏi lại tôi : “Làm sao thầy biết được nó là cách mạng giả?”. Tôi hết sức lúng túng: “Thấy tất cả mọi người bảo hăn là giả”. “Đã ở với cách mạng được mấy ngày mà phân biệt được thật giả?”. Lứa tuổi ba mươi xấp xuống quả là chưa ở với cách mạng một ngày nào thật. Chưa được sống một ngày nào với cách mạng, nhưng hàng giờ hàng ngày vẫn nghe nói về cách mạng và những người làm cách mạng. Ai nói? Toàn là kẻ thù của các ông nói. Đài Sài Gòn nó nói. Rồi trong sách giáo khoa, trong bài hát, trong phim ảnh, trong báo chí, trong sách truyện đều ít nhiều có mô tả người làm cộng sản cùng chủ thuyết cộng sản. Đó là những hình ảnh khủng khiếp nhất, mất nhân tính nhất. Vậy mà khi xét đoán cách mạng, người dân vẫn dành cho các ông những hình ảnh hết sức lý tưởng. Đâu phải chỉ do các ông biết cách tuyên truyền. Ở đây, đã nhiều năm, đến một tờ truyền đơn của Việt cộng cũng không nhặt được. Không có người đi tuyên truyền, không có cả tài liệu để tuyên truyền, nhưng mọi người vẫn hiểu về các ông đúng như các ông muốn. Đó là thế nào? Đó là sức mạnh ghê gớm của cách mạng, của các ông. Có vậy thôi. Tôi cũng đã có dịp trình bày nhận định này với một vị giáo sư bạn thân của tôi nhưng ông tỏ vẻ không tin : “Nếu đúng như lời thầy nói, thì cộng sản họ phải thắng hoàn toàn từ năm 1954 hoặc từ năm 1965 kia?”. Tôi đã trả lời như sau : “Tại sao chúng ta không thể nói là : Vì họ mạnh thế nên họ mới đuổi được người Mỹ năm 1973, và sẽ đuổi được chính quyền ông Thiệu năm 1975”.

*

* *

Bữa bọn tôi đến thăm nhà giáo sư Bích ở P, có một chi tiết nghĩ lại không khỏi tự cười. Chúng ta đã vào Huế được một tuần, tình hình trị an nói chung là tốt đẹp. Nhưng ai mà biết trước ở một nơi nào đó, vào một lúc nào đó có một kẻ tuyệt vọng đang muốn tự hủy hoại cùng với những người khác. Cho nên khi được biết phải qua nhà thờ P, mới đến nhà cụ Bích thì không khỏi có chút ít nghi ngại. Cũng chưa có chuyện gì đáng tiếc đã xảy ra để mình phải nghi ngại. Nhưng tôi vẫn cứ nghi ngại. Thì ra những chuyện bực mình từ hai chục năm về trước ở vùng Bùi Chu, vùng Phát Diệm đã để lại trong tôi một ấn tượng khá nặng nề. Nhưng đã hẹn thời không thể không đến. Đã đến không thể không qua cái địa điểm rất đáng nghi ngại kia. Tính toán như vậy rồi vẫn cứ đi. Có khi lại là chuyện vui thì sao? Nếu là chuyện vui thì cũng giúp mình gột xóa được một ấn tượng, thay đổi được một quan niệm. Mấy anh em chúng tôi đã bước vào nhà cụ Bích hoàn toàn bình an vô sự. Như ở mọi nơi. Cụ giáo sư đã gần bảy chục tuổi, là một nhân vật có uy tín trong số đồng bào theo đạo Thiên chúa ở Huế, các cha ở P. đều coi cụ như bậc huynh trưởng. Cụ sống vừa đủ cho một tuổi già cần sự thanh thản và yên tĩnh : một vườn lan, một nhà sách, dăm ba người bạn thân thỉnh thoảng tới viếng thăm. Cụ rót một lượt nước trà ướp sen, bưng mời từng người rất trân trọng, rồi nói nhỏ nhẹ :

- Các anh vào đây kể cũng là nhanh. Nhưng nghĩ cho cùng cũng chẳng phải là nhanh. Non ba

chục năm đấy nhì?

- Dạ, phải.

- Tôi có thằng cháu ruột tên là Lân, nay nó cải tên là Việt Tiến, bộ đội ta còn đang đánh nhau ngoài cửa Thuận An, thì nó đã vào tận đây rồi, vào một mình, vào tay không, đến con dao giắt lưng cũng không có. Nó vào thẳng nhà xứ, gặp cha chánh xứ, trình : “Thưa cha, con tên là Lân, cháu ông Bích đây ạ”. Cha bảo : “Tôi có nghe nói, nhưng anh về đây có việc chi?”. “Thưa cha, con có nhiệm vụ vô giải phóng P. xin cha cho biết con phải làm cách răng chừ?”. Thật là can đảm, thật là khôn ngoan, mà lại rất thành tâm. Không phải nó là cháu tôi mà tôi khen. Khen đây là khen chung, khen các anh. Các anh lấy cả miền Nam này là nhờ vào những cái đó. Nếu một khẩu súng chọi với một khẩu súng, dầu biết chắc là thua vẫn cứ chống chọi, kéo dài được phút nào hay phút ấy, thời các anh chưa thể vào Huế trong tháng vừa rồi. Nhưng các anh đâu chỉ có súng, mà còn có lòng người. Được lòng người là cái được bền nhất trong mọi cái được. Tôi nói vậy, các anh nghe có cho là phải không?

Chúng tôi hoàn toàn đồng tình với cách nghĩ của cụ. Cụ nói tiếp :

- Chuyện này xảy ra đã lâu. Một bữa tôi vào nhà xứ có việc tình cờ gặp sáu vị linh mục đang ngồi chơi. Toàn người quen cả. Bạn thân có, học trò có, người trong họ có, nên mình dễ sinh chót nhả. Tôi mới hỏi đùa : “Làm cách răng mà chống được cộng sản hả các cha?”. Cha xứ phải nói chặn : “Thằng này nó nói khó chịu đó”. “Dạ tôi nói khó chịu thật, vì đã chê người ta vô thần thì mình phải sống cho có hữu thần, sống theo hình ảnh của Chúa. Bậy chừ, trai du đảng, gái điểm đảng, chỉ mong cộng sản họ sớm vô để họ chấm dứt nhanh cho”. Nói vậy để các anh hiểu rằng lòng người đã về các anh ngay cả ở chốn này.

Trước khi gặp cụ Bích, tôi đã được nghe nói ít nhiều về cụ. Cụ là người rất khó tính, người ta nói thế, rất ít khi tiếp khách lạ tại nhà, muốn gặp ai thì tự đến, nói vừa đủ câu chuyện là xin cáo lui ngay. Bạn đánh cờ, bạn chăm lan và bàn chuyện thế sự trong khoảng hai, ba người. Trong mấy chục năm vẫn chỉ là hai, ba người ấy, không thêm một ai, cũng chưa bớt một ai, vì cả mấy ông lão đều còn sống. Qua nửa giờ tiếp xúc, tôi cũng nghĩ rằng nói chuyện với cụ quả là khó. Mọi cử chỉ của cụ đều dịu dàng, gần như rón rén, cái nhìn ngượng ngáp, nụ cười mơ hồ, giọng nói rụt rè, chữ nghĩa cân nhắc. Nhưng cách nghĩ, cách phân tích của ông cụ lại hết sức táo bạo, hết sức trung thần, gây ấn tượng mạnh. Cái vỏ ngoài bọc mình dè dặt, cái ruột trong lại xui mình tranh cãi. Nó khó là thế. Chưa nói tới tranh cãi, chỉ cần tỏ ý tán đồng một cách thái quá, hoặc gọi chuyện rõ ràng quá, hoặc nhân đấy mà bình luận thêm hay mở ra những vấn đề mà cụ chưa muốn bày tỏ ý kiến, lập tức cụ ngồi nín lặng, mắt nhìn xuống như hết sức ngượng ngịu vì những ý kiến quá bộc trực của mình. Cũng là may mắn, trong lần trò chuyện bữa ấy về phía chúng tôi thì ít phạm “sai lầm”, còn riêng cụ giáo lại hoạt bát, tin cậy hơn bao giờ hết, theo như nhận xét của anh bạn dẫn đường.

- Tôi muốn nói với các anh một điều này, phải đã rất tin mới dám nói, vì các anh có thể chưa bao giờ nghĩ tới cũng khó mà nghĩ được tới. Hôm anh Kim, là chỗ quen biết với gia đình, lại bảo có mấy anh Giải phóng làm báo muốn gặp tôi, tôi rất khó nghĩ. Được gặp các anh là một điều may mắn chứ sao lại khó nghĩ? Ấy vậy mà khó nghĩ. Các anh là người chiến thắng, có đúng không? Còn chúng tôi tuy không cầm súng, không có một chức tước gì trong chánh quyền cũ, chỉ là một anh giáo học đã về hưu, nhưng cũng vẫn là người dân ở trong này, một “công dân” của cái thể chế này. Nay quân đội họ thua trận, chánh quyền bị hủy bỏ, chúng tôi mặc nhiên cũng có chút ít liên can. Nói cho rõ hơn, chúng tôi cũng tự xem như mình là kẻ bị đánh bại, kẻ sẽ phải làm tôi cho người chiến thắng. Nay một kẻ trong cái đám bại trận lại được người chiến thắng đến nhà, tỏ ý quý mến thì không khỏi tự thấy đã trút bỏ cái hôm xưa quá nhanh chóng, đã quên đi cái thân phận của mình quá dễ dàng. Các anh đừng nói gì vội, vì tôi biết có bao giờ các anh lại nghĩ được cái tâm lý kỳ quặc đó. Nhưng là một tâm lý có thật. Cái mặc cảm tủi nhục, tội lỗi ấy là có thật. Vì đất nước chúng ta đã bị phân chia từ hai chục năm rồi. Với chánh quyền trong này, lúc đầu còn ghét nó, còn khinh nó, rút cuộc vẫn phải ăn chung ở chung, rồi sinh con đẻ cái? lâu dần hóa quen, hóa thân, hóa ra ruột thịt. Nó vui mình cũng được vui. Nó lo mình cũng phải lo. Nó ăn nên làm ra thì mình cũng ít nhiều dễ thở. Nếu hỏi : Có còn ghét nó không? Có còn khinh nó không? Vẫn ghét, vẫn khinh. Nhưng bảo : Hãy cầm dao mà giết nó đi, thì ít ai

dám làm. Nó là đứa gian manh thật, nhưng ở với nó lâu nên đã biết cách xử sự. Còn các anh là chính nhân quân tử nhưng nào đã biết cần phải chiều chuộng ra sao? Vả lại sống với đứa gian manh có cái dễ của nó. Nó gian thì mình cũng gian. Nó chửi mình, mình chửi lại. Nó bỏ tù mình, mình mít tinh, biểu tình chống nó. Còn sống với người quân tử, xét đến cùng, thậm khó. Sống cho có trên có dưới, có kẻ này người nọ, có việc trước việc sau, có hôm nay ngày mai, có tín nghĩa, có danh dự là thậm khó. Quen ăn xối ở thì, nay phải sống cho quy củ nên khó. Quen sống không cần có trách nhiệm với một ai, nay phải có trách nhiệm với tất cả nên khó. Xưa nay ít ai lấy gái điếm làm vợ là thế. Có sung sướng mấy vẫn cứ luyến tiếc cuộc đời con điếm. Ban ngày ăn ở với anh, nhưng đêm đến vẫn nghĩ về những người tình cũ.

Tôi mời cụ một điều thuốc Điện Biên mang từ Hà Nội vào. Cụ cầm điều thuốc, ngẫm ngía một lúc, rồi bảo :

- Các anh có để ý những quầy bán thuốc ở đây không? Họ đã bắt đầu bán những bao thuốc của ngoài Bắc rồi. Dân ghiền họ chê : vỏ bao chưa đẹp, tàn thuốc chưa trắng, điều cuốn không đều. Rồi còn chê nhiều, với cái tâm lý “gái hoàn lương vẫn còn nuôi tiếc những kẻ tình xưa”.

Tôi mỉm cười nghĩ thầm: “Bảy chục tuổi mà còn nghĩ được những hình ảnh đến là hóm”. Chỉ nghĩ thôi chứ không dám khen. Hình như ông cụ rất e ngại sẽ bị dẫn dắt bởi những lời khen. Cụ muốn giữ cho mình sự độc lập, hoàn toàn. Cụ nói tiếp :

- Tại sao tôi lại vui lòng mời các anh lại chơi? Mời các anh lại nhà, cho tất cả mọi người ở đây biết là tôi có mời và các anh đã có lại. Là vì, tôi còn là kẻ chịu ơn nay muốn được gặp mặt những người đã đem lại cho mình cái ơn đó. Tôi vẫn tâm niệm rằng : Không có người cộng sản thì không thể có Cách mạng tháng Tám. Chúng ta có thể xin được nền độc lập bằng sự thức thòi của những chính phủ Pháp sau này, nhưng chúng ta sẽ không có Cách mạng tháng Tám, cũng không thể có Ngày Độc Lập. Không có người cộng sản chúng ta cũng sẽ không có hiệp định Ba Lê, lính Mỹ cũng sẽ không chịu rút về nước Mỹ. Mà người Mỹ còn ở đây, bằng cách này hay cách khác, thì một nửa nước sẽ bị hư hỏng mất. Trí thức sẽ hư, thầy tu cũng hư, người lao động rồi cũng hư nốt. Không ai muốn hư, nhưng tình thế buộc họ phải hư. Cha viết bài báo chửi Mỹ, nhưng con gái vẫn đi với lính Mỹ. Biết cả, nhưng đành nhắm mắt làm ngơ, coi như không biết. Đi làm cho sở công hoặc sở tư một tháng vài chục ngàn, nhưng, nói các anh tha lỗi, chỉ ngủ với lính Mỹ một đêm là đã được xấp xỉ với số tiền đó. Có tiền mới có tiện nghi. Mà tiện nghi lại quá rẻ, rẻ hơn bất cứ nước nào, có chút ít tiền dư ra là mua được. Vì chỉ cần chút ít dư ra là mua được nên ai ai cũng muốn có được chút ít thừa dư ra. Trong hoàn cảnh miền Nam này muốn có sự thừa dư thì chỉ bán mình cho tội lỗi. Người lớn bán theo cách lớn. Kẻ bé bán theo cách bé. Mỗi người đều biết cách làm cho mình hư hỏng dần đi. Chửi Mỹ vẫn chửi, cả miền Nam này đều biết chửi Mỹ. Nhưng hàng miễn thuế của nó thì tranh nhau xài như điên. Xài mãi hóa ghiền. Mà đã ghiền rồi có bỏ được nhau cũng khó. Tự mình dứt bỏ chắc là không nổi rồi. Nhưng có kẻ ruột thịt tới dứt bỏ giúp chưa hẳn đã hàm ơn. Các anh đuổi hẳn thằng Mỹ đi chúng tôi rất hoan nghênh, nhưng các anh có gì cho chúng tôi xài không, những thứ mà trong này vẫn ghiền ấy mà? Không, hả? Lay chúa! Vậy thì chúng tôi sẽ sống ra sao? Sẽ lấy gì mà thay thế? Cho nên được làm người tự do mà không lấy làm vui, mà mặt mũi lại rầu rĩ, ứ đọng hơn cả thời còn mang kiếp nô lệ. Bởi rằng những kẻ nô lệ đã chót mắc phải cái bệnh ghiền rồi.

Tôi vốn là người hay nói hay hỏi, gặp vấn đề hay lại càng muốn hỏi, muốn nói. Nay ngồi tiếp chuyện với ông lão, lưỡi phải cuốn lại, không được hỏi, không được tranh luận, đến bình luận cũng không được nói, cảm thấy bức rút quá. Nhưng làm sao được, mỗi người đều có cái tật của mình. Vả chẳng, đến đây là để nghe người ta nói, dầu là chưa đúng hẳn với ý mình, nào có sao, vì nếu cốt nghe những ý kiến giống hệt đầu cần tìm đến những người vốn rất khác mình. Huống chi, chỉ có thể được nghe những điều quan trọng nhất vào đúng lúc này, vào đúng cái thời điểm này. Trước đây họ không nói, nhưng họ đã nghĩ, nghĩ từ nhiều ngày và nhiều năm, nhưng chưa gặp được ai để có thể nói. Sau này có khi lại không muốn nói, vì đã thiếu đi sự kích thích mạnh mẽ của buổi đầu, của lúc đổi đời, của giây phút hưng đồng.

Cụ Bích cười rất khế, nín lặng một lúc, rồi lại nhỏ nhẹ nói, chỉ có một mình cụ nói, còn chúng tôi vẫn đóng vai trò ngồi nghe :

- Còn bao giờ cách mạng sẽ lấy Sài Gòn? Trong tháng này? Hoặc trong tháng sau? Anh em

Giải phóng cứ tiến bọn họ cứ lùi. Không còn chỗ lùi nữa là mọi sự kết thúc. Chính phủ không còn ra chính phủ, quân đội không còn ra quân đội, mạnh ai nấy chạy, giẫm đạp lên nhau mà chạy, thì vài trăm cây số có bao xa.

Tôi không thể tự ghì nén được nữa :

- Thừa cụ, chiến sự vẫn còn rất ác liệt...

- Đánh chắc gì, ngón tay để lên cò nhưng con mắt đã lão liên : chắc là ông Thiệu đã lên máy bay rút chạy rồi; chắc ông đại tướng Viên cũng chạy rồi. Lại còn bao nhiêu mối lo : Vợ con hiện đang ở đâu? đã thoát ra khỏi vùng có chiến sự chưa? Ai còn ai mất? Rồi của cải? Rồi công ăn việc làm sau này? Kẻ thù của các anh hiện nay là như thế đó.

- Vâng, cái thế chung đã vỡ.

- Nếu có còn bản khoản là ở cái chỗ này : Các anh sẽ giải độc chúng tôi bằng phương thuốc gì? Bởi chúng tôi là dân ghiền lâu năm nên phải được giải độc mới trở lại thành người bình thường. Các anh biết đấy, ghiền dễ bỏ khó, muốn bỏ được cơn ghiền cũng phải vật vã lắm, cũng phải đau đớn lắm. Thuốc của cách mạng đầu đẳng mấy vẫn là thuốc cứu người, nhưng chưa dễ đã nghĩ được ngay đó là thuốc cứu người. Có khi còn ngờ là thuốc giết người. Thật ra, còn có thứ thuốc nào độc hại hơn là thứ thuốc mà người Mỹ đã trích vào mạch máu trong bấy nhiêu năm. Tự hủy hoại mà vẫn ngỡ được lên cõi phúc. Nó đau đớn là thế. Tuy nhiên tôi vẫn xin với các anh một lời thỉnh cầu sau đây.

Cả mấy chúng tôi đều nói :

- Vâng, chúng tôi xin nghe...

- Chúng tôi tự xét : bệnh rất trầm trọng nhưng cơ thể lại quá suy nhược. Trị được bệnh, cứu được người, việc ấy quá phi thường, ngoài ra các anh không ai có thể làm nổi. Chỉ xin các anh bèn lòng một chút, rủ nhiều lòng thương một chút. Còn phần người bệnh thời phải can đảm, phải quả quyết phải thành tâm. Một bên thương, một bên gắng, tất mọi sự sẽ mỹ mãn. Tôi chỉ cầu nguyện sao cho được sống đến cái ngày đó, cái ngày đêm nằm không phải trở mình, mở mắt ra là cảm tạ Thượng đế đã cho mình được sinh ra, được sống trong sự đùm bọc của non sông, của đồng bào, của con cháu. Chắc là còn sống được, phải không các anh, cũng mới vừa chán có bảy chục thôi mà.

*

* *

Tôi thấy cần thiết phải viết thêm một đoạn này cho câu chuyện của cụ giáo được trọn nghĩa.

Ở Sài Gòn tôi có quen biết một gia đình giáo sư. Bà dạy tiếng Anh, ông nghiên cứu luật, cùng trạc tuổi tôi cả, nhưng còn trẻ và đẹp lắm. Nếu vạch vòng khoanh cái gia đình ấy lại, trong phạm vi ngôi nhà riêng của họ, không dính dáng gì đến số phận một dân tộc, một đất nước thì phải tin rằng : đó là một thiên đàng thu nhỏ! Có nghề nghiệp, có tiền của, lại có cả con cái, con cái lại gái lớn, trai nhỏ nên không phải lo chuyện lính tráng, lo chuyện chiến tranh. Chiến tranh diễn ra ở trên báo chí, trên ti-vi, qua những câu chuyện được nghe lại, nghĩa là đang diễn ra ở đâu đó chứ trong cái nhà này không ai nghĩ nhiều đến chiến tranh, không ai nói nhiều đến chiến tranh. Công việc của họ cũng không dính líu gì đến người Mỹ, đến chính phủ, đến quân đội. "Chúng tôi chỉ biết có tình yêu, có bạn bè và người thân" bà chủ nhà nói với tôi thế. Mà tôi cũng tin rằng hình như là thế thật. Lại còn một cậu lái xe và một cô nấu cơm nữa. Thoạt quen, tôi cứ ngỡ cô là em gái bà giáo sư. Chính cô ta cũng cố gây cho tôi cái ấn tượng đó. Xinh đẹp và lịch sự. Quá đổi lịch sự. Còn lịch sự hơn bà chủ nhà. Buổi sáng đi chợ, cô ta xin phép được dùng xe hơi của ông bà vì ông bà dậy muộn, có đi đâu cũng là tám, chín giờ. Xe đậu một góc phố, cô cậu dắt tay nhau đi mua hàng. Cậu xách một quai túi, cô xách một quai túi, quần ống rộng, áo thun màu, tóc bỏ dài, mắt đeo kính to ai dám nghĩ họ là những người đi ở. Đó là một cặp vợ chồng trẻ, một cặp uyên ương tự do, không đi làm công cho một kẻ nào hết, chỉ có biết ăn và

biết chơi, ăn thì kén chọn và chơi cũng thanh lịch. Nhưng riêng tôi thì biết họ là người ở, là kẻ làm công, họ vẫn bị ông chủ bà chủ la rầy, nhỏ nhỏ thôi, nhưng không kém phần độc ác. "Tôi còn không dám dùng xe mà anh chị cứ lấy có phóng xe bạt mạng. Là vì các người có phải bỏ tiền túi ra mua xăng dầu tiền là của tôi mà", có lần tôi được nghe bà chủ đã dạy nghiêng một cách dịu dàng cặp uyên ương giả vờ nọ. Nhưng bữa ấy cô ta có ý giận. Mọi lần cô chỉ cúi đầu, nói rất đáng thương : "Dạ, em xin lỗi bà", nhưng bữa ấy cô lại nặng mặt ra, con mắt gườm gườm, rồi bỏ đi ngúng nguẩy. Bà chủ có vẻ ngượng với tôi : "Con bé này trái chứng hay sao. Rồi tôi cũng phải mời cô ta về nhà thôi. Túi tiền của bọn tôi bây giờ nuôi sao nổi hai người làm". Tôi trả lời : "Cô ấy vẫn rất trung thành với chị. Chỉ tại chị mắng cô ta trước mặt tôi. Tôi là người lạ trong cái nhà này". Đến bữa cơm, tôi chạy xuống, nói với cô ta bằng cái giọng lịch thiệp nhất : "Xin mời quý cô lên nhà dùng bữa". Cô ta nhún cao cặp lông mày vẽ, đưa con mắt to xanh nhìn tôi đầy vẻ biết ơn và cảm động : "Dạ, em xin mời quý ông cứ tự nhiên, em còn mắc bận chút xíu". Tôi vốn có tính thích đùa bỡn, nên đã thuật lại sự mời mọc nọ cho ông bà chủ nghe. Ông chủ không nói gì, nhưng bà chủ bảo tôi : "Anh cũng bày vẽ, đối với người làm mà cũng phải mời". Tôi chỉ cười nhỏ, bởi tôi đã có một sự so sánh hết sức ngộ nghĩnh. Người ngoài không thể biết cô gái xinh đẹp, lịch sự nọ là người ở, cô ta là em gái của bà giáo sư. Đã là em gái, là người trong gia đình, là người có máu mủ với ông bà chủ thì không thể là người ở. Chỉ có tôi là người quen của ông bà chủ thì mới biết cô ta là người đi ở. Cũng như, vâng, sự so sánh bắt đầu từ đây cũng như ông bà giáo sư không thể nghĩ rằng mình cũng là kẻ đi ở cho một ông chủ nào đó. Xưa kia, những người đi ở may mắn đâu tự nhận mình có họ hàng với ông chủ, có chút ít ruột thịt với ông chủ, đã là ruột thịt, là người nhà thì không thể gọi là đứa ở. Ví như ông An-be Ất, ông Pôn Giáp, ông Ấng-đrê Bính, vân vân. Lũ người nô lệ sang trọng hiện nay không có ai lấy tên là ông Giôn hay ông Uy-liom hết. Cũng không ai tự nhận là có ruột già với Mỹ cả. Toàn là những người chống đối nó, chế giễu, chửi bới nó. Là những người yêu nước! những người tự do! (Cũng giống như cô gái đáng thương nọ mỗi lần về xóm ấp thăm gia đình, nếu có ai hỏi : "ở Sài Gòn con mần ăn ra sao?", cô bé sẽ kiêu hãnh trả lời "Dạ, cháu mở tiệm may". "Dạ, cháu làm thơ ký cho một sở tư". Ai mà không tin, ăn mặc sang trọng thế, ăn nói lịch sự thế đâu phải là người đi ở). Nhưng người Mỹ vẫn có thể trách mắng những người tự do : "Bọn tôi còn phải tiết kiệm xăng mà các người dám sai phá dữ vậy. Các người có phải bỏ tiền túi đâu mà...". Và những người tự do sẽ bèn lên nhận lỗi : "Dạ... Chúng tôi có lỗi chúng tôi...". Giả thử có một người nào đó, ví như tôi chẳng hạn, lại nói với các vị mũ cao áo dài ngồi uống uyết-ky trong những căn phòng hết sức trang nhã, và lại đang chửi Mỹ, rằng họ là lũ nô lệ của Mỹ, thì họ sẽ cười đến đứt ruột. Họ sẽ giơ những ngón tay trắng nõn, lấp lánh mặt xoàn mà giỡn chọc : "Chúng tôi là kẻ nô lệ? Còn các anh là người giải phóng cho bọn tôi?". Người giải phóng thì đi dép cao su, mặc quần đũng rộng, đôi khi bỏ cả áo ra ngoài quần, ngồi co một chân lên ghế, cười nói rất to, chẳng tế nhị, chẳng bạt thiệp một chút nào! Lại không biết tiếng nước ngoài, không biết mở một chai sâm-banh, thậm chí còn nói ngọng nữa! Những người như thế mà đi giải phóng chúng tôi? Ha! Ha! Các anh giải phóng chúng tôi mà chúng tôi lại không được biết là đã được giải phóng! Ha! Ha! Họ kinh ngạc thành thật đấy? Họ chế giễu thành thật đấy! Chứ không có ý che đậy cái sự đi ở như cô Sen hoặc cậu Bồi. Vì cái khoảng cách giữa ông bà chủ với người làm có một gian nhà, từ phòng ăn đến nhà bếp. Nhưng khoảng cách giữa ông chủ lớn với họ thì xa quá, phải qua một chính phủ, một hiến pháp, những nghị viện, với bao nhiêu góc ngách bày vẽ rườm rà ở quãng giữa nên họ cứ ngỡ họ là người tự do của một quốc gia tự do. Khác nhau là như thế. Nhưng ông chủ của họ thì biết họ là người ở. Bạn của ông chủ cũng biết họ là người ở. Cũng như tôi biết cô gái, cậu trai kia là những người đi ở. Nếu như tôi có nói với cô gái duyên dáng : "Thưa quý cô...", thì không phải là tôi tôn trọng thật sự. Tôi nói cho cô ấy vui, cho tôi được vui. Còn nếu cô ấy lại làm phật ý tôi, có lẽ tôi sẽ trừng mắt mà bảo : "Tôi không thích, tôi mong rằng...". Cứ thế mà suy ra. Nhưng ông bà giáo sư mà tôi có cái hân hạnh được quen biết thì chưa bao giờ họ tự nhận đã là nô lệ. Họ là người tự do, có những ý tưởng rất tự do. Có thể cả miền Nam bị làm nô lệ, nhưng riêng vợ chồng và con cái họ vẫn cứ là con người tự do. Họ hỏi tôi rất tin cậy, rất chân thành : "Các anh bảo rằng đem lại tự do cho chúng tôi, xin hoan nghênh, nhưng các anh có gì cho chúng tôi xài không? Không, hả? Vậy chúng tôi sẽ phải sống ra sao? Sẽ phải sống bằng cách nào bây giờ?". Thì đó lại là câu hỏi của người nô lệ! Đến bao giờ họ mới biết xấu hổ vì câu hỏi ấy? Đến bao giờ?

LỜI DẪN TRƯỚC KHI VÀO CHUYỆN CHÍNH

Cho đến lúc này tôi vẫn ngỡ rằng mấy nhân vật mà tôi đã gặp đã trò chuyện, chỉ trước đó một tháng chưa hẳn đã nghĩ được rằng số phận của họ rồi sẽ hoàn toàn thay đổi trong năm nay, trong mùa xuân 1975 này. Vẫn biết cái chính quyền mà họ đã ăn ở hàng chục năm khó có thể bền vững, nhưng cách mạng đã dễ gì thay thế được ngay. Còn quân đội của nó, còn cả một hệ thống cai trị ít nhiều đã có kinh nghiệm, còn các đảng phái và những lực lượng tình nguyện chống lại cộng sản đến cùng. Sau hết còn có thằng Mỹ với khả năng can thiệp ồ ạt và nhanh chóng. Họ tin rằng cái miền Nam này mãi mãi sẽ là một mảnh đất đầy rẫy những biến động nhầy nhụa, nhơ nhớp, hôm nay Mỹ đưa ra thằng này, ngày mai Mỹ đưa ra thằng khác, rồi chiến tranh, rồi lại tạm có hòa bình. Cứ thế, cứ thế, uốn lượn giữa vô vàn tai họa mà sống, trú nấp sau những đau khổ của kẻ khác mà sống, chùng nào tai họa chưa rót trúng vào đầu mình. Vả lại sống trong thời loạn cũng có cái hay của nó. Không có luật lệ, không có trái phải, không có gian ngay, không có cả sạch và bẩn. Miễn là có tiền và chút ít sự khôn ngoan. Có tiền mới khôn được và cái khôn sẽ làm đồng tiền sinh sôi nảy nở. Còn như tai họa rồi cũng có ngày gia đình mình được nó lựa chọn. Chẳng lẽ sống giữa mọi tai họa mà lẩn tránh được mãi mãi tai họa. Với những tai họa bất thần thì sự khôn ngoan cộng với tiền bạc và thế lực cũng chẳng thể tính xiết. Đành là nhờ ở sự an bài của các đấng tối cao. Vẫn tự kết án, vẫn nhớ mong anh Giải phóng trên xanh, vẫn tin rằng cách mạng là rất mạnh, vẫn linh cảm cái hiện tại là phù du. Nhưng làm sao được, đành phải sống theo cái hiện tại, chôn chặt mọi nỗi ân hận, nhớ thương, bức dọc mà sống, và chỉ còn mong sao kiếp người không đến nỗi quá nhọc nhằn. Đó là cách nghĩ và cách sống của một số người tại miền Nam trước tháng Ba năm 1975.

Vậy mà chỉ nửa tháng sau, tất cả đã thay đổi. Mọi nếp nghĩ thay đổi, mọi sự tính toán thay đổi, mọi niềm tin thay đổi ông tư sản nhập khẩu bằng lòng tự kết án mình một lần cuối. Nhà buôn đồ sứ đã có lý do để khẳng định sự ăn năn vì đã biết tin, biết hy vọng những điều tốt đẹp. Thầy tu cả quyết rằng cách mạng vốn rất mạnh, và chưa hề thay đổi nhận định đó. Còn vị cựu giáo sư với nhiều mặc cảm tể nhị đã tính toán một cách rành rọt những khó khăn của một cuộc đổi đời. Chắc chắn là chưa phải bằng sự thuyết phục của lý lẽ mà họ dám thay đổi một cách nghĩ và một cách sống. Họ đã chẳng từ chối trước mọi sự tranh cãi về niềm tin đó ư? Họ cũng không có được sự vô tư và lòng dũng cảm để tự cải tạo theo một mục đích chính nghĩa. Vẫn biết là chính nghĩa, nhưng được cái chính nghĩa mà phải mất đi tất cả những cái đã có thì khó quá,飄留 quá, và... cũng đại đột quá. Nào ai biết được đến khi nào cái chính nghĩa mới thắng? Vả lại, nếu thắng thì mình sẽ được dự phần gì trong đó? Tính đi nghĩ lại, thấy cái sẽ được vừa mơ hồ, vừa ít ỏi, khôn ngoan nhất vẫn là nên sống như cũ nhưng lại hơn người vì mình cũng đã có nghĩ tới cái chính nghĩa, cái công bằng, cái lẽ phải.

Vào mùa xuân này những con người khôn ngoan kia đều đã tự nguyện nhập vào hàng ngũ cách mạng, tung hô cách mạng theo cái cách của họ, vui vẻ chịu đựng mọi sự thử thách đang tới và còn sẽ tới. Nhà hùng biện nào, nhà văn, nhà thơ nào đã có được cái bản lĩnh thuyết phục cao siêu nhường ấy? Quả là vẫn có, luôn luôn có những con người có sức thuyết phục phi thường. Họ là cảm hứng của văn thơ, là căn cứ để kiểm nghiệm nhiều tiêu chuẩn. Nhưng họ lại không có thì giờ để nghĩ đến những cảnh ngộ xa lạ, những tâm sự kỳ quặc. Khi tôi được nói chuyện với những chiến sĩ đã thấp sáng ngọn đuốc chân lý trong nhiều năm ở miền Nam này, rằng ngọn lửa của các anh đã từng chiếu rọi vào nhiều cảnh ngộ và số phận, thì các anh hết sức ngạc nhiên: "Lại thế nữa! Họ là những ai? Họ sống như thế nào? Họ lại nghĩ như thế ư?" Rồi các anh nhìn tôi cười âm thầm: "Nhà văn là hay bịa lắm, làm gì có những chuyện kỳ quặc đến thế!". Làm sao các anh có thể biết được! Vì các anh đâu có nghĩ cái nguyên nhân và cái kết quả lại có thể quanh co đến thế, xa lạ nhau đến thế, khó lường đoán đến thế.

*

* *

Một vị giáo sư dạy Việt văn ở Sài Gòn, một con người đã mất lòng tin đến tuyệt đối, nói với tôi : “Ngọt ngọt lắm rồi anh ơi! Vẫn mong mỗi ngọn lửa thần diệu một ngày nào đó sẽ bùng cháy lên, thiêu hủy tất cả, làm tung vỡ tất cả. Chưa biết ngọn lửa đó sẽ cứu mình hay sẽ thiêu mình, miễn là có ngày nó bùng cháy lên, cháy thật to lên”.

Tôi muốn nói thêm : “Phải có ánh sáng của lửa mới nhìn rõ được mặt mình và nhìn rõ cả mặt nhau. Phải có sức nóng của lửa, con người mới chắt gạn được phần trong sạch để tự nhào nặn lại theo một hình ảnh hoàn toàn mới”.

Ngọn lửa thần diệu của ao ước, của mộng tưởng, của văn chương bao giờ cũng đẹp, và ấm áp, và bay bổng, và đắm say, nếu như được một lần trong đời tắm mình trong ngọn lửa tái sinh đó. Nó đẹp, nó bay bổng, nó đắm say, nó gây thêm muốn vì thực ra nó cũng chẳng đem lại sự thay đổi nào trong thực tế ngoài nỗi ước mong. Trong đám cháy tưởng tượng đó không có ai phải kêu la thật sự, phải đau đớn thật sự, phải tuyệt vọng hoàn toàn để dần dần từng chút một sống lại, hi vọng lại. Vì nó không thiêu cháy một cái gì nên cũng chẳng tạo lập được một cái gì. Nó bùng cháy hàng đêm và tắt ngấm hàng ngày, vừa là có, vừa là không, ai cũng nói với nó nhưng rút cuộc hình thù nó ra sao thì khó có ai đoán chắc đã biết rõ.

Nhưng ngọn lửa của tháng Ba và tháng Tư thì hoàn toàn khác, có lẽ khác rất xa với sự tưởng tượng và ao ước của nhiều người hằng mong nó sẽ bùng cháy, như vị giáo sư dạy Việt văn của tôi chẳng hạn. Ngay cả những người đêm ngày cầu nguyện nó xuất hiện cũng cảm thấy rất mệt vì sức nóng ghê gớm của nó. Bởi vì cái ngọn lửa tưởng tượng là ngọn lửa của ảo tưởng, của thoát ly, ngọn lửa trong cảnh mộng của những kẻ đã tuyệt vọng hoặc muốn tự lừa dối mình. Còn ngọn lửa sau là ngọn lửa của Cách Mạng, của Lịch Sử, ngọn lửa của căm hờn chất chứa, của sự trừng phạt đích đáng để được tái sinh thật sự.

Cái ngọn lửa được vẽ trên những trái bóng cao su màu đỏ do các nhà trí thức tiểu tư sản bơm thổi để tự huỷ hoại, ngọn lửa siêu hình của các học thuyết cải tạo xã hội bằng tấm lòng nhân đạo, bằng sự hiểu biết lẫn nhau, hoặc còn bằng sự thức tỉnh của lương tri đã tạo ra biết bao nhiêu nhà cách mạng sần khấu, những chính khách phòng trà, những chính đảng câu lạc bộ, những báo chí, những hội thảo, những biểu tình và mít tinh, để rút lại, rút lại, mọi trật tự xã hội vẫn cứ nguyên si như cũ. Nhưng tất cả lại xem như đã hết sức hài lòng. Nhà chính khách sau khi trải qua một cơn bão táp chính trị sẽ mệt mỏi một cách kiêu hãnh, cảm thấy an tâm hơn nhiều trong sự tự chiều chuộng mình. Các thành viên thì khen ngợi, ca tụng lẫn nhau về lòng dũng cảm, về đức hy sinh, về tài năng vận động và mưu trí tranh đấu làm cho khói lửa mù mịt lên một lúc, lửa tắt, khói tan, nhìn lại mọi sự vẫn y nguyên như cũ. Lại chợt nhớ tới câu chuyện cụ giáo Bích về một nhà trí thức chuyên viết bài báo chữ Mỹ nhưng con gái vẫn đi với lính Mỹ. Khi viết bài chữ Mỹ ông đã căm giận quân xâm lược thật sự vì chúng đã đe dọa sự sống còn của một dân tộc và hạnh phúc riêng của một gia đình. Mắt ông sáng rực như bốc lửa, như bật máu, ngòi bút lia trên trang giấy sắc nhọn như giáo như gươm, mỗi chữ là một nhát đâm, mỗi câu là một lời nguyện. Một bài báo chữ Mỹ được viết từ ngọn lửa phẫn nộ. Nhưng khi bài báo đã viết xong, đã gửi đi, thì những nhu cầu hàng ngày, những thói quen tai hại của con người trong mỗi ngày lại buộc tác giả phải nghĩ khác đi một chút. Một khi đã nghĩ khác đi một chút thì cơn giận cứ tiêu tan dần dần. Nếu bỏ ra ngoài cái chuyện danh dự của đất nước, hạnh phúc của gia đình thì không có gì đáng phải phàn nàn nhiều. Sở dĩ không phải phàn nàn nhiều vì đã tự nguyện chịu mất đi cái hạnh phúc và danh dự vừa là chung mà cũng vừa là riêng. Thì ra, dầu có thiếu những cái vốn là rất thiêng liêng, con người ta vẫn cứ sống được (!). Lúc nào giận lên, tức lên lại viết bài chữ. Tôi vẫn chữ, tôi vẫn đau đớn, tôi vẫn mong chờ ngọn lửa của Lịch Sử một ngày nào đó sẽ thiêu đốt tất cả, thay đổi tất cả. Có điều cái ngọn lửa mà ông hằng mong đợi lại ào ào chụp tới vào lúc ông ít mong đợi nhất. Thêm nữa, nó dữ dội quá, nó mãnh liệt quá. Thêm nữa, sức phá hủy của nó triệt để quá, nhanh chóng quá. Người Mỹ, kẻ thù bấy lâu đã biến mất, bọn con buôn núp sau cái vỏ chính khách, tướng lĩnh, nhân vật nọ kia cũng đã

biến mất, nhưng ngay cả cái nếp sống yên tĩnh, cái trật tự quen thuộc, những thói quen nhỏ nhỏ cũng mất theo luôn. Vẫn mừng vui nhưng đã chen lẫn sự buồn phiền. Rượu ngon ít dần đi, thịt bò đắt hơn, bột ngọt đắt hơn, bình ga không mua được, một trăm thứ tiện nghi lặt vặt cứ khan hiếm mãi và đắt đến vô lý. Còn cô con gái thì mặt mày sưng sứa, nhớ người tình đã đi xa có ít, mà nhớ đồng tiền của nó thì nhiều. Chửi nó vẫn chửi, nhưng không còn nó lấy gì mà tiêu xài đây? Chao ôi! Cách mạng chẳng lẽ lại thế này sao? Cách mạng mà không giống được chút nào với sự mừng rỡ trước đây của ông. Ông muốn một thứ cách mạng khác kia. Cái thứ cách mạng êm dịu, hiền hòa, chỉ làm mất đi những cái ông không thích, còn vẫn giữ nguyên những gì ông vốn thích. Nhưng, cách mạng chính là như thế đó. Cách mạng thật sự không chiều chuộng theo ý riêng một ai cả, kể cả người lao động. Bởi rằng người lao động cũng muốn níu giữ một số quan niệm, một số tiêu chuẩn, một số thói quen nào đó. Không một ai không phải tự thay đổi trong ngọn lửa của cách mạng, kể cả những người làm cách mạng. Cách mạng là sự cần thiết của một đất nước, là hành động sống chết của một dân tộc đâu phải việc làm tùy tiện của một số người. Con người vừa tổ chức ra nó lại vừa phải phục tùng nó; lãnh đạo nó, đồng thời phải bước cho lẹ để theo kịp nó; chỉ huy nó mà cũng luôn luôn học hỏi lại nó.

Sở dĩ tôi phải trình bày lần thần như trên vì rằng cũng không ít người muốn cách mạng tới với điều kiện chỉ làm mất đi những gì họ không thích. Họ thích các cuộc cách mạng trong diễn văn, trong cương lĩnh chính trị các đảng phái, trong âm mưu, trong các cuộc tranh luận nảy lửa ở nghị trường, trên báo chí, nghĩa là một cuộc cách mạng rất đẹp nhưng còn ở thì tương lai, ở sự hứa hẹn, ở nỗi mong chờ, ở hy vọng, ở tin tưởng, chứ không phải là cuộc cách mạng thật sự đang diễn ra trong cả nước. Cái cuộc cách mạng thật sự ấy họ gọi là của cộng sản, là công cuộc riêng của Việt cộng, là mưu đồ của miền Bắc và vãn vãn. Cho nên khi người làm cách mạng thật sự và người làm cách mạng trong ước mơ gặp nhau không khỏi có nhiều ít ngỡ ngàng. Chúng ta chưa bao giờ biết có họ, có nghe nói, nhưng chưa được biết một cách rành rọt, vả lại còn nhiều việc quá, vâng, đúng vậy, chúng ta làm một cuộc cách mạng thật sự nhưng lại ít nói hơn ai hết về cách mạng. Ta chỉ thấy sự cần thiết, những nhiệm vụ cụ thể, cái mục tiêu phải nhắm tới. Cũng không có gì phải bàn cãi, phải phân vân, tất cả đã rõ ràng : Sống hay là chết? Tự do hay nô lệ! Chúng ta làm cách mạng bằng máu, bằng mồ hôi, bằng những nỗ lực lớn nhất của sức lực và tài trí. Cách mạng đối với chúng ta có nghĩa là hy sinh. Cách mạng đối với những người ta chưa được quen biết có nghĩa là một sự đều được vừa lòng. Những ai vừa lòng khi phải sống trong rừng, trong hang đá, trong hầm cả chục năm, ăn cháo, ăn măng, ăn lá cây cả chục năm; xa vợ con, xa tin tức cả chục năm; tạm gác những dự định riêng, những mơ ước riêng, những thích thú riêng cả chục năm. Chúng ta tự buộc phải bằng lòng với cảnh ngộ vì lẽ rất đơn giản: muốn có cái lớn phải hy sinh cái nhỏ, muốn có cả một đất nước phải biết hy sinh cái riêng tư. Hy sinh không đòi được đền bù.

*

* *

Bây giờ, tôi xin thuật chuyện về những con người đã quyết định số phận của nhiều nhân vật mà tôi được quen biết trong tháng Ba và tháng Tư ở miền Nam. Có điều chắc chắn là họ chưa từng quen biết nhau, chưa có cơ hội nào để gặp mặt nhau, xa lạ và khác biệt nhau hầu như hoàn toàn. Ấy vậy mà cách sống, cách nghĩ cùng những lý lẽ của người này lại thay đổi đến triệt để vận mệnh của người kia. Tôi xin thuật lại về những người làm cách mạng, những công việc của họ, cách tính toán của họ, niềm vui và nỗi lo của họ, cũng hoàn toàn khác xa với những “nhà cách mạng” mà nhiều bạn đọc ở miền Nam có quen biết hoặc nghe nói. Bởi vì những nhà cách mạng mà tôi được gặp và sẽ kể chuyện về họ đây không biết tranh cãi một cách bóng bẩy và hùng biện, lại không có âm mưu tinh xảo mà cũng chẳng có những hoạt động khúc khuỷu ở hậu trường. Câu chuyện sẽ thiếu đi sự hấp dẫn bởi không có những tính cách độc đáo, những tính toán oái oăm, những quyết định kỳ dị cùng vô vàn tình tiết căng thẳng của những mưu mô giành giật, cắn xé lẫn nhau. Đây là những con người rất giống với chúng ta, có mọi đức tính như chúng ta, như mọi người, như một con người bình thường... như một người cách mạng theo

nghĩa chính xác nhất của nó. Vì rằng mọi cuộc cách mạng đều được thực hiện bởi những con người như thế, mọi sự bí ẩn của cách mạng, thật ra, vốn cũng chỉ là như thế, mọi thành quả ghê gớm của nó, cũng chỉ được bắt đầu là như thế, như mỗi chúng ta đều có thể hình dung nổi. Bảo rằng tầm thường ư? Hoàn toàn không phải? Vì kết quả thu được đâu có tầm thường. Hãy chú ý tới cái kết quả, cái có ích nhất, cái sẽ đóng góp vào lịch sử, cái quyết định sự sống còn của một dân tộc, một đất nước. Hãy chú ý tới cái bình thường, những con người và sự việc tưởng đâu như rất bình thường. Vì rằng những biến cố trọng đại nhất đều được bắt đầu từ những cái bình thường, đến nỗi không ai chú ý đến nó, rất dễ dàng quên nó, có khi đến chính người trong cuộc cũng nghĩ là bình thường, là quá quen thuộc, là chẳng có gì đáng phải lưu tâm.

Vì lẽ gì Lịch Sử lại lựa chọn Tây Nguyên làm cửa mở để bước hẳn vào tương lai. Có rất nhiều nguyên do về chính trị và quân sự, nhưng riêng về phía người viết văn thì tự nhủ lòng : Có lẽ đây là sự đền bù của Lịch Sử. Ai gian truân nhiều thì người đó được lãnh phần trách nhiệm cao nhất. Dẫu muốn chưa dễ đã được, vì sự công bằng ở đây luôn luôn là tuyệt đối.

Nhưng khi bắt tay vào chuẩn bị cho một sự kiện phi thường không một ai ở cái chiến trường nổi tiếng ấy nghĩ được rằng mình đang tiến sâu vào trung tâm then máy của Lịch Sử, mà mỗi hành động dù là nhỏ nhất đều có sức mạnh thúc đẩy cực kỳ mau lẹ cái nhịp đi chung. Xưa kia chậm bao nhiêu khi này sẽ là nhanh bấy nhiêu. Xưa kia đường đi một ngày phải lặn lội cả năm, ngày nay đường đi cả chục năm sẽ được thu gọn trong vòng có một ngày. Xưa kia là cái bình thường, nay vẫn công việc ấy, vẫn con người ấy nhưng đã bước sang cái lĩnh vực của phi thường. Thời gian, sự việc, con người, thậm chí đến tâm xa của đường đạn, khoảng dài của bước đi, tốc độ của ý nghĩ vào lúc này, vào cái thời điểm này đều phải đo bằng những kích thước khác. Cái kích thước của Khởi Nghĩa, của Cách Mạng, của Bảo Tổ, của sự Phi Thường.

Trình bày trước thế để bạn đọc khỏi thất vọng, khỏi băn khoăn khi muốn được biết ngay những bí mật của các mưu chước lạ lùng trong sự chuẩn bị vào chiến dịch Xuân 1975. Chắc chắn là ở Bộ Tư Lệnh Tối Cao đã có những tính toán hết sức xa rộng, hết sức chi ly về tình thế của cả nước trong năm 1975, những diễn biến chủ yếu khi loạt súng đầu tiên đã nổ, nhưng từ đó cục diện sẽ biến chuyển theo tốc độ nào, theo hình dạng nào thì chưa thể một lúc đã hình dung ngay thật cặn kẽ được. Chính sự xen kẽ, chen lấn của nhiều khả năng trong cùng một thời điểm mà tài trí cùng lòng dũng cảm của cấp lãnh đạo càng được tỏ rõ, càng thêm chói lọi trong những quyết định có ý nghĩa lịch sử, đó là nói ở phía trên, phía các cơ quan lãnh đạo chiến lược, phụ trách toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của chúng ta. Còn ở phía dưới, những tổ chức đảm nhiệm chiến dịch và chiến thuật, lại càng khó lường hết cái kết quả sau cùng của những việc đang làm. Vào lúc này họ đã là những người của lịch sử, những người tạo ra lịch sử, những người đã góp phần quan trọng nhất để quyết định số phận của dân tộc và đất nước. Nhưng là nói vào lúc này, khi những việc lớn đã diễn ra rồi, khi tương lai của chúng ta đã được định đoạt rồi. Còn vào lúc ấy, cái lúc mà cuộc chiến đấu còn có thể kéo dài, cách biến hóa của nó còn có thể phức tạp, không một ai trong đội quân đông đảo nghĩ được rằng, mình đang bước những bước trình trọng nhất vào Vĩnh Viễn, vào Bất Tử. Rằng cái chiến trường gian nan nhất, thâm lặng nhất trong ít ngày nữa sẽ là bậc bước đầu tiên lên đài Chiến Thắng. Rằng những tên sông tên suối, tên núi tên non, khó đọc và khó nhớ rồi đây sẽ được loan truyền trong cả nước, sẽ được nhắc đi nhắc lại bởi nhiều thế hệ. Rõ ràng không một ai nghĩ đến những chuyện đó cả, những chuyện của một tương lai xa, của mai hậu. Vào trận đánh chỉ có đủ thì giờ nghĩ cho cái hôm nay và một tương lai gần. Còn mai sau? Sẽ có lớp người kế tiếp đảm nhiệm cho mai sau. Miễn là cái đích không bao giờ thay đổi, không được thay đổi.

Chương III

SỰ KIỆN TRỌNG ĐẠI ĐÃ ĐƯỢC BẮT ĐẦU NHƯ THẾ NÀO

Vào khoảng tháng Chín của năm 1974, những chiến sĩ của chiến trường Tây Nguyên đã trực tiếp bắt tay vào những công việc chuẩn bị cho một tương lai gần, cho cái đích trước mắt. Nói cho rõ hơn là chuẩn bị cho một trận đánh lớn có thể xảy ra mà cũng có thể không xảy ra vào mùa xuân năm tới. Nếu không xảy ra thì lại phải làm lại, cũng vẫn những công việc ấy nhưng là ở một hướng khác. Hành quân, đào hầm, lấy gạo, làm hết sức chuẩn bị cho một trận đánh, rồi lại có lệnh rút, lại hành quân, lại đào hầm, lại lấy gạo, lại làm lại từ đầu những việc đã làm, đó là công việc quen thuộc của người cầm súng.

Mời các bạn hãy giở bản đồ vùng cao nguyên miền Trung và hãy soi tìm một chấm đen ở phía tây-nam, đó, Gia Nghĩa đó, tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Đức. Nhìn trên bản đồ mà cũng cảm thấy xa xôi, heo hút và hiểm trở. Nhưng cái chấm đen ấy lại là mục tiêu của mọi hoạt động : phải làm đường tới, nhiều đường, đường chính và đường phụ; phải tải gạo tới; phải tải súng và đạn và xăng tới; phải đưa những đơn vị có nhiệm vụ tác chiến tới. Viết thì dễ, nhưng làm đâu có dễ như viết, như nói. Phải có những phân đội đi trước, và những người đi trước bao giờ cũng là công binh, là hậu cần, là trinh sát và tham mưu. Hễ nói tới công binh trong lòng lại bồi hồi những thương nhớ, những kính phục nhiều đơn vị công binh đã từng đi với nhau một đoạn đường, ăn ở với nhau một ít ngày và được tận mắt nhìn một số việc. Đơn vị bạn chưa đánh thì mình đã đến rồi, đến trước cả năm, anh em rút, mình vẫn còn ở lại. Mùa nổ súng tất nhiên là rất vất vả, nhưng sang mùa mưa, thời gian im tiếng súng vẫn cứ vất vả vì lại phải bắt tay chuẩn bị cho những trận đánh vào mùa nổ súng năm sau. Lính công binh là lính mở đường. Đã là người mở đường bao giờ cũng phải gánh chịu mọi nỗi gian nan trong sự lặng lẽ hoàn toàn, với tinh thần hy sinh hoàn toàn. Ví như những việc đã làm của trung đoàn 7 công binh trong năm 1973, năm 1974, tới đầu năm 1975 tại khu vực đông- bắc Công Tum. Không phải việc thường mà là việc hết sức hệ trọng. Mở một con đường dài trên trăm cây số chạy dọc theo dãy Cu-prê-mông, độ cao từ tám trăm đến một nghìn mét so với mặt biển, tạo một thể đứng lâu dài cho mọi hoạt động quân sự của ta ở phía đông đường 14. Tháng Bảy năm 1973, trung đoàn 7 nhận lệnh mở đường 220, con đường xuyên về phía đông. Nhận lệnh mở đường vào đầu mùa mưa! Một nửa quân số làm đường còn một nửa gửi gạo, gửi đạn, gửi mìn và bộc phá. Cái số nửa được làm đường lại phải dành ra một phần người làm nhiệm vụ bảo vệ con đường. Đào khoét ầm ầm đêm ngày ngay trên chóp đỉnh thị xã Công Tum, kẻ địch ngồi im sao được. Từng trung đoàn lính bảo an và biệt động cùng với pháo và bom thay phiên nhau phá đường, bắn người, cuối cùng là phá máy. Mà cũng chỉ có mỗi cái máy hút lấy được của địch từ trận Đắc Tô, Tân Cảnh năm 1972. Tháng Hai năm 1974, đường đã mở được đến cây số 36. Tháng Tư năm 1974, mở tiếp đến cây số 41, vượt sông Đắc-bla. Đường đã qua được sông là thắng địch bị khốn khó rồi, con đường 19 bị uy hiếp trực tiếp rồi. Con đường mới tới cây số 47, chỉ trong có mười đêm, cơ quan hậu cần của quân khu đã chuyển cho trung đoàn 95A (hoạt động ở đông đường 14) hai nghìn tấn gạo, đảm bảo chiến đấu tới hết năm 1974. Mùa xuân năm 1975, trung đoàn anh hùng này cùng với sư đoàn 3 của quân khu 5 đã khóa chặt con đường chiến lược 19, buộc địch phải rút chạy bằng một con đường khác, đường 7, một năm mồ kéo dài suốt mấy chục cây số. Không có con đường xuyên đông được bắt đầu từ mùa mưa năm 1973, sẽ không có cách gì khóa chặn được đường 19, địch ở Công Tum và Plây Cu có thể rút chạy khỏi Tây Nguyên bằng nhiều ngã, có thể chúng không bị tiêu diệt một cách thảm hại như đã xảy ra, có thể các tỉnh dọc ven biển còn cố thủ được ít ngày, có thể cuộc tiến quân của chúng ta sẽ bị chậm đi, có thể mọi diễn biến sẽ không hoàn toàn giống như chúng ta đã được biết...

Tháng giêng năm 1975, một trăm lẻ tám cây số đường 220 đã làm xong. Nhưng từ tháng Mười năm 1974 nhiều đơn vị công binh đã được lệnh lần lượt lên đường làm nhiệm vụ mới. Lại thồ trên lưng mười lăm ngày gạo, một tháng muối và thực phẩm khô, rồi cuốc xẻng, rồi bộc phá, rồi súng đạn, rồi quần áo, võng bạt và lên đường. Từ đông- bắc Công Tum xuyên rừng, vượt núi, qua Gia Lai, qua Đắc Lắc xuống Quảng Đức, tỉnh phía nam của cao nguyên trung phần. Là bao nhiêu cây số? Là ba trăm, là năm trăm, hay còn dài hơn nữa? Cán bộ đến trước chum đầu trên mảnh bản đồ đã sòn rách, vạch một đường thẳng từ A đến B, từ B đến C, rồi từ A lớn sang a nhỏ, từ B lớn sang b nhỏ, nét chì đỏ nằm đè lên rừng, lên núi, lên suối lên sông. Thiên nhiên uốn éo, lưỡng lự, lập lờ nhưng con đường cho pháo đi, cho xe đi, cho tăng đi là phải

thẳng, càng thẳng được bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Bộ đội đến sau nhằm vào cái vệt chì đã vạch, xoa bàn tay dày cộm những chai sạn, những sẹo sứt lên cán cuốc, mím môi lại, bổ những nhát cuốc đầu tiên. Cứ thế, cứ thế, ngày qua đêm, đêm sang ngày, phá rừng, đục núi, bạt thác, đóng phà, xếp ngàm, một cây số, mười cây số... những đoạn đường đất đỏ mọc dài mãi ra nhằm theo cái mục tiêu đã được xác định mà vươn tới, mà bao tròn.

Tháng Mười hành quân. Tháng Một bổ xuống những nhát cuốc đầu tiên lên vùng đất mới. Ngày 6 tháng Chạp mạng đường bao quanh chi khu Đức Lập gồm ba mươi trục dọc và bốn trục ngang đã hoàn thành, chiều dài cộng lại là một trăm sáu mươi tư cây số. Mà địch không thể biết, không được cho chúng biết. Ngày 7 tháng Chạp họ lại lên đường đi sâu xuống nữa, xuống phía Gia Nghĩa, cùng với những đơn vị đã tới trước làm tiếp một mạng đường khác bọc quanh cái tỉnh lỵ đó. Cũng chỉ được trong tháng Chạp thôi. Sang tháng Giêng năm 1975, toàn bộ quân số của trung đoàn 7 công binh đã phải trở lại những khu vực tập kết quanh thị xã Buôn Mê Thuột. Họ còn một tháng Giêng, một tháng Hai, sang tháng Ba mặt trận đã phát lệnh nổ súng tấn công rồi. Hai tháng trời, sáu chục ngày, kể cả đêm nữa cho là một trăm hai chục ngày. Nhưng tính chi li hơn nữa thì vẫn là sáu chục ngày vì còn dành ra một phần quân số làm nhiệm vụ bảo đảm. Sáu chục ngày, làm vài mạng đường ở những khu vực cách xa nhau! Mỗi mạng đường lại gồm nhiều trục dọc và trục ngang, cộng lại cũng phải trên trăm cây số. Mà phải giữ được bí mật, giữ được cái thế bất ngờ cho trận đánh mở đầu. Bao nhiêu là lo lắng, là khó nhọc, là cơ mưu để loạt súng đầu tiên được nổ thật giòn giã, thật hào hứng, thật là đẹp. Chuyện ấy sẽ được thuật ở phần sau, khi kế hoạch hành động của cả mặt trận đã được chọn lựa, được quyết định, được tiến hành với nhịp điệu khẩn cấp nhất.

*

* *

Tôi xin thuật sang một số công việc của ngành hậu cần trong những ngày mà các phương án tác chiến mới chỉ đang hình thành, đang được chọn lựa. Ý định của cấp trên tuy đã rõ, nhưng những mục tiêu cụ thể thì còn có thể thay đổi. Dầu sẽ còn thay đổi nhưng vẫn phải chuẩn bị, chuẩn bị trong một kế hoạch còn có thể phải thay đổi. Mà cũng có thể là không thay đổi. Đánh địch tức là có ta và có địch. Ta thì như vậy, nhưng còn địch? Hôm nay nó là thế này, nhưng tuần sau, tháng sau có thể nó sẽ là thế khác. Cái gian nan của sự chuẩn bị cho một chiến trường còn là như vậy.

Bạn đọc thì muốn được biết ngay những trận đánh vang dội trên chiến trường Tây Nguyên trong tháng Ba, mà người thuật chuyện hình như cố ý nói lảng sang những chuyện khác, những chuyện của sự chuẩn bị, của sự bắt đầu. Quả tình tôi chỉ muốn thuật lại có sự chuẩn bị, sự chuẩn bị của nhiều cơ quan, của nhiều cán bộ có trách nhiệm trước giờ nổ súng. Và tôi sẽ không kể gì nhiều về những trận đánh mà bạn đọc đang mong chờ. Theo tôi, sự chuẩn bị, những công việc của giai đoạn chuẩn bị là quan trọng nhất, là đáng kể nhất. Nếu nói rằng ba mươi năm đánh giặc ở miền Nam chỉ là một giai đoạn chuẩn bị dài dằng dặc cho đại thắng mùa Xuân 1975, cũng không sợ là ngoa, là sai. Chính thực là như thế. Viết về một công trình tức là viết về sự chuẩn bị cho một công trình. Ngay như một đời người, cái phần hứng thú nhất, có nhiều kinh nghiệm bổ ích nhất vẫn là những năm dài chuẩn bị.

Tôi được làm quen với anh Khoát, Cục phó Cục hậu cần của Quân đoàn 3 (trước là chiến trường Tây Nguyên) trong một buổi tối ngồi nói chuyện với anh Vũ Lăng, Tư Lệnh trưởng quân đoàn. Anh Khoát là một mẫu người rất tiêu biểu cho "ngành nghề" mà anh đã phục vụ ngay từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Còn là một mẫu người dễ "gọi cảm", dễ "kích thích" sức tưởng tượng của người cầm bút nữa. Anh biết nói những chuyện cần phải nói, biết gọi đích danh cái tên việc cần phải gọi, nói về người khác đã hay, mà nói về chính mình cũng rất thật thà, thật thà và táo bạo. Thật thà có nghĩa là dám nói về mình, về sự cống hiến của mình, về tài cán của mình, và rất hãnh diện có được một năng lực xoay chuyển tình thế trong nhiều trường hợp rất phức tạp. Đó là lòng tự tin. Nói chuyện với người đầy lòng tự tin chính mình cũng cảm thấy khỏe khoắn hơn, tự tin ở mình hơn. Những người đầy lòng tự tin là những

người đáng yêu nhất, vì ở họ có sức cổ vũ có sức thuyết phục, có cái khả năng cải tạo tình hình. Anh Khoát thuộc loại người như thế. Khi anh Lăng giới thiệu anh với chúng tôi bằng những lời lẽ tin cẩn, bạn bè, anh Khoát liền đưa mắt nhìn cả mấy người, cười rất hóm hỉnh : "Bây giờ Tư lệnh nói năng dịu dàng thế, chứ suốt mấy tháng đánh nhau ông ấy cứ nhè cái đầu tôi mà dọa chém thôi. Cũng là may, chiến tranh kết thúc rồi, đưa tay sờ đầu thấy vẫn còn gân nguyên trên cổ". Hôm sau tôi gặp anh Khoát để bàn một kế hoạch làm việc, anh tỏ ra hết sức bồn chồn : "Làm thì nhiều, nhiều việc lắm, nhưng gọi là có một câu chuyện cho thật hay thì hình như không có". Tôi cười : "Thì anh kể cho tôi nghe những chuyện mà anh cho là chưa hay vậy". Anh vẫn lúng túng : "Tính toán số liệu, rồi lại tính toán, rồi hò hét, rồi quát gắt, chỉ những lo là lo đến lúc hết lo là lập tức nằm lăn ra ngủ. Nghiệp dĩ dĩ là thế thì thuật kể ra làm sao?". Anh kể ướm thử một việc, rồi một việc nữa, rồi lại việc khác nữa Anh cứ kể, còn tôi thì gập người trên bàn ghi ghi chép chép, hầu như không phải hỏi lại một lần nào. Một buổi, rồi một buổi nữa, thêm cả ngày chủ nhật mà vẫn chưa hết những chuyện cần phải nói.

"Tại sao các đồng chí trong Bộ tư lệnh rất thích làm việc với chúng tôi? Các ông ấy thảo ra các phương án tác chiến nhưng phương án hay đến mấy mà gạo đạn thiếu, xe xăng thiếu cũng coi như bỏ cuộc. Nên phải bàn, nên phải đêm ngày gọi bọn tôi lên mà tính toán, mà chọn lựa. Có điều không một vị nào nở gắt với bọn này cả. Vào họp vui vẻ, họp ra cũng rất vui vẻ. Có bí quyết đấy! Muốn làm cấp trên vui vẻ thật không khó, chỉ cần rán sức mà gánh lấy cái phần việc của mình, đừng dựa dẫm, đừng ỷ lại, cứ chạy trước, trên muốn có năm, mình phải tạo điều kiện cho trên có thể muốn thành bảy, thành tám, thành mười. Ví như, tư lệnh trưởng hỏi : "Đạn Đ.74 trên Bộ cho ta được bao nhiêu trong chiến dịch này?". Tôi đáp : "Hai ngàn viên". Ông ấy thở dài sườn sượt : "Nếu được ba ngàn thì hay quá". Thế là mình lập tức phải trả lời : "Thêm một ngàn viên thì được, tôi đã có cách rồi". Mắt tư lệnh trưởng sáng lên, nhưng còn hoài nghi : "Lấy đâu ra thế? Có "lương khô" hả?". "Tất nhiên là có?". "À, cái thằng này ranh thật, hỏi tao ở Cục tác chiến cũng chưa nghĩ ra cái mẹo giữ đạn của bọn mày". Tôi phải thú thật : "Đã làm cái thằng hậu cần, không có đũa nào không dự trữ đạn riêng. Báo cáo lên trên thì đưa đạn vào sổ tròn, cái sổ lẻ ra phải giữ lại làm lương khô chứ. Mỗi chốc cần đến lại ngửa tay xin trên sao? Mà vận chuyển đi về đâu có dễ". "À, ra thế! ra thế! Thôi, đạn nào thì cũng đổ xuống đầu thằng địch cả". Người chỉ huy nào cũng ao ước không phải bận tâm nhiều về đạn gạo, xe xăng trong quá trình chiến đấu. Đánh vài trận, cấp dưới đã kêu thiếu đạn, đánh thêm ít ngày nữa lại thiếu cả gạo, mà khả năng phát triển lại đang thuận thì có thể uất lên mà chết được. Phải hiểu cái nỗi khổ tâm ấy, cái uất ức ấy mà lo lắng, mà chạy vạy, mà xục xạo đêm ngày. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, tư lệnh quân đoàn cho gọi tôi lên hỏi : "Đạn lựu pháo 155 và 105 còn bao nhiêu?". Tôi đáp : "Hiện có hai vạn hai ngàn". Tư lệnh trưởng nói rất gọn : "Tôi cần ba vạn viên, có không?". Trời đất! Lấy đâu ra tám ngàn viên đạn? Còn chưa kịp trình bày cái sự khó tìm của số đạn còn thiếu, thì tư lệnh trưởng đã hạ lệnh : "Tôi hẹn cho anh trước ngày nổ súng phải trao tận tay tôi ba vạn viên đạn. Không có, anh mất đầu, hiểu chưa?". Bữa ấy đã là ngày 17 tháng Tư. Ngày N có thể là mai? là kia? Là tuần sau? Có điều chắc chắn bộ đội đã nằm sẵn ở các khu vực tập kết rồi, các cụm pháo chiến dịch đã bày biện đâu đấy cả rồi, chỉ còn chờ lệnh tấn công trên toàn mặt trận. Ngay trong đêm, chúng tôi làm một kế hoạch gồm hai điểm : thứ nhất, cho người đi sục sạo các căn cứ địch vừa bị ta tiêu diệt hoặc bỏ chạy trên tuyến đường 13, thu đạn 155 và 105. Tin chắc là còn nhiều, có bị hủy hoại cũng vẫn còn. Thứ hai, lệnh cho hậu cứ của quân đoàn ở Buôn Mê Thuật tập trung toàn bộ xe cộ có trong tay, mượn cả xe của các cơ quan, xe tư nhân, thiếu lái xe thì lấy tù binh biết lái bổ sung, chạy một mạch đến những địa điểm có đạn, bốc lên xe đưa thẳng về các khu vực đã được chỉ định. Ba ngày sau, tức là tối ngày 20 tháng Tư tôi đã có thể đến báo cáo với đồng chí tư lệnh trưởng rằng, số đạn đồng chí cần hiện đã có đủ. Anh Lăng hỏi tôi : "Đúng ba vạn viên chứ?". Tôi trả lời : "Thừa đồng chí, đúng bốn vạn viên".

"Đầu tháng Mười năm 1974 đã có hàng ngàn quân nhận lệnh đi chuẩn bị chiến trường. Từ chỗ họ đi tới chỗ họ đến cách nhau bốn, năm trăm cây số. Lương ăn mang theo nhiều lắm cũng chỉ được hai chục ngày, đến nơi lấy gì mà ăn? Chân gạo ở một đầu, chiến trường phải chuẩn bị ở một đầu. Trời vẫn còn mưa, đường đang nhão ươn ướt, sông suối nước đầy, mặc anh! Anh muốn làm sao thì làm! Nếu bộ đội đói ăn thì anh mất đầu. Cũng đã có trù liệu từ trước, nhưng tính chưa xiết nên anh em vẫn bị đói. Bộ đội được lệnh hành quân bọn tôi đã gửi điện vào Miền, hỏi vay một trăm tấn gạo. Các anh trong ấy đồng ý ngay. Chính tôi cũng không ngờ chỗ vương vếu

nhất lại được giải quyết chóng vánh đến thế. Ngoài này cứ việc chuẩn bị thật chu đáo dứt cơn mưa là xe đạn, xe gạo sẽ lập tức lên đường. Vậy là yên tâm chứ gì. Chỉ vì quá yên tâm nên mới sinh ra lắm chuyện rắc rối. Vừa vặn được một tháng thì Bộ tư lệnh cho gọi sang, hỏi : "Gạo ăn ở trong ấy ra sao?". Tôi trả lời rất đàng hoàng: "Đã chuẩn bị đầy đủ". "Tại sao họ lại kêu đói, đói đến mức không thể làm đường được". Chính tôi cũng ngạc nhiên : "Đói thế nào, vừa ăn vừa đói cũng không thể hết một trăm tấn gạo?". "Đói đấy, đói một tuần nay rồi, các anh kiểm tra lại xem". Về hỏi han lại, quả nhiên bộ đội bị đói thật. Kho gạo của Miền ở Bu-prăng, phía nam Ngã ba biên giới. Từ chỗ bộ đội đứng trụ tới chỗ lấy gạo vừa vặn một trăm cây số, tức thị là sáu ngày đường cả đi lẫn về. Có gạo mà đói vì đường vận chuyển xa quá. Lại mưa, lại lũ, qua suối, qua sông. Đi chuyển gạo mà gặp lũ lớn thì gạo mang chỉ vừa đủ để ăn rải dọc đường. Cái tai hại của việc tính toán từ xa là thế. Phải đi thôi! Phải đến tận nơi mà quyết định tại chỗ mọi việc. Tôi đưa theo một tiểu đoàn xe ba cầu, có cả xe tời, chở gạo luôn vào tạo một chân gạo cho bộ đội. Nơi xuất phát là Ngã ba 90, bắc Công Tum, qua sông Pa-kô, qua đường 19, qua các con sông Ya-đăng, Ya-lốp, Ya-súp, Sê-rê-pốc, ấy là chưa kể cả trăm con suối, tính trên bản đồ cũng đã là bốn trăm cây số. Đến binh trạm 5, tức Đức Cơ, nước sông Ya-đăng lên cao quá. Mùa khô xắn quần lội qua được. Gặp cơn lũ mặt sông trắng đục, mênh mông, nhìn cũng đủ khiếp. Làm sao đây? Chờ nước rút thì không chờ được. Không chờ được vậy sang sông bằng cách nào? Công binh báo rằng sâu tới bảy, tám mét nước. Nhìn nước chảy xem chừng cũng sâu. Tôi hỏi cậu tiểu đoàn phó phụ trách đoàn xe : "Liệu vượt qua được không?". Cậu ta ngần ngừ một lúc rồi trả lời : "Công binh họ đã nói thế thì mình nên ở lại một ngày mai". Dầu sao cũng không thể quyết định đi hay ở chỉ bằng con mắt nhìn hay bằng lời khuyên của người khác. Tôi chọn hai cậu bơi thật giỏi cho qua trước, đèn pin chiếu theo vừa soi sáng mặt sông, vừa định hướng cho người bơi. Cả trăm người đứng ở bờ sông hồi hộp theo dõi, người đồng tình thì ít, kẻ phản đối có nhiều. Vì họ đã mệt. rồi, lại không muốn lao đầu vào một cuộc mạo hiểm xét ra cũng chưa thật là cần thiết. Nhanh chậm gì mười tiếng đồng hồ nằm lại, mà an toàn hơn, đỡ phiền phức hơn. Nhưng kìa, cả hai người chỉ mới lội chữ chưa phải bơi, cứ lội mãi, lội mãi, nước chầm đến ngang hông rồi lại rút dần xuống, cho tới sang bờ bên kia. Tôi quay lại hỏi cậu tiểu đoàn phó : "Thế nào?". Cậu ta mỉm cười, đáp khẽ : "Vâng, sang được". Cho một xe qua trước, nước chỉ vừa ngập hết bánh, nhưng sang được, cũng nhẹ nhõm, cũng dễ dàng. Từ cái đứng nhìn, dầu là đã đứng ở bờ sông mà nhìn, đến cái cỏi quần lội qua khác nhau là thế.

"Tôi lại xin kể anh nghe câu chuyện làm kho của chúng tôi trong chiến dịch vừa rồi. Có ba vùng kho cơ bản : Kho xăng dầu, kho quân nhu, quân giới và kho quân y. Mỗi cụm kho phải chứa được thường xuyên từ năm ngàn đến một vạn tấn hàng. Mỗi đêm ra vào hàng trăm xe, mà không được chờ nhau, xe dệ dít vào, đổ hàng xuống là ra được luôn Rồi làm những cụm kho đó ở đâu? Làm kho đang còn mùa mưa, nhưng rồi đây sang hẳn mùa khô, sông suối sẽ cạn, lá cây sẽ rụng, người thiếu nước, kho lộ thiên chẳng lẽ lại di chuyển một lần nữa. Địa điểm tốt nhất là ven sông Đắc-đam, nhưng quanh đó đã có lực lượng của Bộ rồi. Làm nơi khác thì nước đâu? Đường vận chuyển đâu? Từ đó đến hướng đánh chính có xa không? Chiến trường Tây Nguyên đã được cấp trên đặc biệt chú ý trong năm 1975, điều ấy là chắc. Vì hàng của Bộ giao xuống nhiều hơn cả mọi năm, khoảng ba vạn tấn hàng. Nhưng sẽ đánh ở hướng bắc hay hướng nam. Ở đông hay ở tây? Có khu vực tác chiến chủ yếu, có khu vực tác chiến quan trọng, rồi hướng phát triển, hướng phối hợp, hướng nghi binh, hướng nào hậu cần cũng phải vươn tay tới. Mà xe có hạn, xăng dầu có hạn. Kho đặt không khéo, vận chuyển rồi mù, tình hình phát triển ngoài dự kiến là rồi lại được nghe : Chém đầu! Chém đầu! Sở dĩ chúng tôi phải lo lắng nhiều khâu làm kho, khâu vận chuyển vì bấy giờ là đánh lớn, đánh hợp đồng nhiều binh chủng, cùng một thời gian đánh địch ở nhiều điểm, nhiều hướng. Có trận đánh phải kéo dài, có trận đánh chỉ được diễn ra trong vài tiếng, đánh thật nhanh nhưng uy lực phải thật mạnh. Nhà văn các anh được viết một câu cho khoái, cho hay, thì bọn này phải nằm bò ra trên các con tính cả tuần. Xin giới thiệu với anh vài con số, để anh khỏi nghĩ là chúng tôi cũng mắc phải cái tật thích nói quá đi công việc của mình. Chỉ tính cái số đạn phải dùng trong các trận đánh là như sau: Đánh Buôn Mê Thuật : 330 tấn; Đánh Đức Lập : 109 tấn; đánh Thuận Mần : 25 tấn; đánh truy kích trên đường 7 : 38 tấn; đánh cắt giao thông trên hai con đường 19 và 21 : 58 tấn. Trong ba chục ngày chiến đấu từ ngày 4 tháng Ba đến ngày 3 tháng Tư mỗi ngày tiêu đi khoảng 23 tấn đạn. Ai bảo chúng ta không phải đánh, vì địch nó chạy ào ào, còn ai mà đánh? Không đánh mà phải chi

dùng cả ngàn tấn đạn chẳng lẽ bọn hậu cần chúng tôi chia nhau nuốt chửng trừ cơm.

"Một ngàn thứ việc phải chuẩn bị cho một chiến dịch mà việc nào cũng phải tính đến chi ly. Chẳng hạn cách thức làm nhà kho. Có thể anh đã tính được mọi nhẽ nhưng lại quên đi hoặc không chú ý làm đến đường vào của xe, cái cách xe sẽ đổ hàng xuống và số phút bốc dỡ của mỗi xe là rồi anh sẽ chết. Vì cách tổ chức mà thiếu chính xác, lập tức xe sẽ bị ùn lại, hàng dỡ xuống không kịp, chuyển vào kho càng không kịp. Chỉ cần xe bị ùn một đêm là kế hoạch vận chuyển của một đợt bị vỡ. Đùng một cái, Bộ tư lệnh yêu cầu vài chục xe chở bộ đội, thì anh chỉ còn có giựt tóc kêu trời! Mà là do anh thôi, do anh tính toán không xiết, do anh dám coi thường những chi tiết vụn vặt, do anh có thói quen bàn mưu lược từ xa. Cho nên bọn tôi mới phải chia nhau xuống tận các đội làm kho, bày cách và đôn đốc làm đường xương cá, tức là nhà kho phải vuông góc với đường vào của xe. Lại phải nghiên cứu phần việc của các bộ phận thông tin, công binh, vận tải, cốt sao xe đến đúng giờ, đúng đường, nháy đèn đỏ chỉ một lần là đệ hẳn dít vào cửa kho, đổ hàng xuống, rồi lập tức phóng đi luôn. Trong vòng bốn, năm tiếng đồng hồ của mỗi đêm, hàng trăm xe phải trả đủ hàng và thoát nhanh ra khu vực được bảo vệ. Chậm trễ một chút, tức thị phải nằm lại, phải thổi nấu, phải tắm giặt, phơi phóng thế là vùng kho sẽ lộ, thế là biệt kích sẽ đến, pháo nó sẽ đến, bom nó sẽ đến, mọi chuyện không may đều có thể đến. Lại nói một chuyện nhỏ nhất khác, chỉ vì không ai chú ý mà cả trăm xe chở hàng bị lạc trong rừng vừa đúng một ngày một đêm. Đó là cái biển chỉ lối rẽ vào các cụm kho. Cắm biển lúc còn sáng trời, cái biển bằng cái nong ai nhìn cũng thấy. Nhưng họ quên mất rằng đêm đến xe đi bằng đèn gầm, phàm vật gì cao trên bảy mươi phân là không thể nhìn thấy. Cắm biển là chuyện thật nhỏ, có thể giao cho bất cứ ai. Nhưng cả trăm xe bị mất tích một ngày một đêm lại là chuyện đau đầu cho cả Bộ tư lệnh.

"Nói thế, để khoe với anh rằng sự chuẩn bị về hậu cần trong trận đánh Buôn Mê Thuật đã đến mức chuẩn xác gần như hoàn toàn, có thể hài lòng hoàn toàn. Ấy vậy mà vẫn còn một chi tiết... suýt chết. Vẫn là một việc nhỏ nhất, tuy không quên, nhưng đã chót lười nhác một chút, muốn ỷ lại vào cấp dưới một chút mà suýt nữa bị chém đầu. Lần này không phải do ông Lăng đòi chém, mà Chính ủy mặt trận đòi chém....".

*

* *

Từ nay người chiến sĩ của chiến trường Tây Nguyên sẽ đi mãi vào lãnh vực của cái phi thường, của truyền thuyết. Nhưng truyền thuyết nào mà chẳng được bắt đầu từ cái hàng ngày. Vả lại chính cái gốc gác, cái cội nguồn, cái duyên do, tức là những cái quen thuộc của hàng ngày mới thật là bổ ích cho sự hiểu biết. Tôi xin thuật lại lời kể của một chiến sĩ Tây Nguyên, vốn là người của Hà Nội, nhập ngũ năm 1970, là chiến sĩ của đoàn Thăng Long được thành lập từ năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Lại lịch một con người, truyền thống một đơn vị, năm tháng, thời gian, chỉ bấy nhiêu mối quan hệ cũng đã đủ để vẽ nên một giai đoạn của lịch sử. Anh tên là Bình, sinh tháng Giêng năm 1952, khi trung đoàn anh nổ súng công kích vào những đồn bốt giặc Pháp ở khu Phát Diệm. Hăm ba năm sau, anh sẽ cùng với trung đoàn đánh trận Đồng Dù ở cửa ngõ Sài Gòn, góp phần kết thúc cuộc chiến tranh yêu nước ba chục năm. Vì anh là người của Hà Nội nên hóm hỉnh và duyên dáng, có một cách nghĩ một cách nhìn gần gũi với những người làm nghệ thuật. Bình nói với tôi :

"Học sinh Hà Nội vào làm lính Tây Nguyên không phải là dễ dàng lắm đâu anh ơi! Hành quân đến Ngã ba 90, nhìn đồng chí cảnh vệ đứng gác ở lối rẽ vào Bộ tư lệnh mà kinh ngạc. Người gầy và xanh quá, quần áo rách quá, mũ không có, đi đôi giày vải chỉ còn cái đế với cái cổ. Thiếu ăn, thiếu thuốc, thiếu quần áo mặc, yất vả gian truân hơn cả mọi chiến trường, chịu được không? Nghiến răng đáp : chịu được! Ấy vậy mà có lúc phải kêu lên : "Đời thằng lính sao mà cực!". Vẫn có một bộ quần áo tươm tất, nhưng không thể đem ra dầu dãi nắng mưa. Đi đâu cũng chỉ một cái quần cộc, một cái áo sơ-mi rách vá, và mảnh khăn tay trùm đầu. Năm 1971, đồn nhau trên đã đưa về hàng vạn bộ quần áo mới. Chưa kịp cười đã phải nhăn nhó rồi, vì toàn là quần áo nữ. Nhầm lẫn một chút thôi, nhưng anh em đàn ông phải mặc quần áo khác giới vậy. Vì

không thể gửi trả về, trả về thì dễ nhưng nhận lại rất khó, đến bao giờ mới được nhận lại. Dưa nào chịu ngấm thì hạ gấu, sửa khuy cài, còn mấy thằng lười cứ để nguyên vậy mà mặc. Anh cứ tưởng tượng xem, ống quần chấm khoeo, đùi mông chật cứng, nói anh bỏ lỗi, mỗi lần đi tiểu tiện lại ngồi thấp xuống y như các bà. Cười đến đứt ruột, nhưng làm sao được, toàn cánh ta cả, có ai lạc lông vào đâu mà ngượng nghịu. Cái mặc thì thế nào cũng được, đi đánh giặc chứ đâu đi múa nháy, miễn là đủ thay, miễn là sạch lành. Ăn hết nhiều, mặc hết mấy, phải không anh? Chỉ có cái chết mới lẩn được cái đói. Không sợ chết nữa là cái đói lại hoành hành, đói đến còn cào, đến đau đớn. Nếu để đói hẳn, thì chỉ phải chịu đựng có mấy ngày đầu, sau sẽ mệt dần, sẽ lả đi và rồi không cảm thấy đói nữa. Đàng này, ngày nào cũng được ăn, từ cán bộ trung đoàn đến người lính, bữa sáng một vắt cơm bằng quả cau điếc, chiều đến một lưng lồng bông vừa nước, vừa gạo, vừa rau. Không đói hoàn toàn nhưng chưa bao giờ được lửng dạ, cứ như bị câu nhử, ăn vào tí chút cái đói càng vật vã, càng còn cào. Các đơn vị đều có dành ra một số người làm rẫy, đơm tát, săn thú, cũng đủ cả. Một vạn người, một vạn cái tài khác nhau, chịu đói thế nào? Có điều, còn phải làm nhiều việc khác cấp thiết hơn là kiếm ăn, nên đành phải từng tiệm trong cái sổ cân lượng còn ít ỏi.

"Anh xem tôi là người của Hà Nội, một học sinh của Hà Nội, nhập ngũ năm mười bảy tuổi, rồi vú me là đi chiến đấu luôn. Nấu cơm cho vài người ăn còn bữa sống bữa khô, hưởng hồ là những việc khác. Thế mà, chỉ hai năm làm lính của Tây Nguyên lập tức có trong tay đủ mọi cái tài. Tài câu tát thì khỏi nói. Khoảng thời gian chuyển mùa, từ khô sang mưa, từ mưa về khô, thôi thì hể hể làm sa chắt đón cửa sông, thôi thì hể hể đứng dọc suối đâm vọt cá theo nước lên để, một đêm phải vớt lên bờ hàng tạ cá. Cũng chỉ dám ăn chút ít, còn lại phải sấy khô đóng bì gửi cho anh em đang làm nhiệm vụ ở xa. Nói chuyện cá lại nhớ đến một loại cá giống như chép, nhưng to hơn, bóng láng hơn, được gọi là cá say. Nhìn thì ngon, chặt ra từng khúc lại càng ngon, kho lên mùi thơm sức nức. Cắn một miếng như cắn miếng giò. Bụng đã mừng thầm. Trời đã sinh ra anh bộ đội Tây Nguyên nên cũng sinh luôn ra loại cá ngon lành này, đã ngon lại nhiều, sự trùng hợp tình cờ ấy đến là hiếm có. Bữa cơm còn ăn dở đã thấy nhâm nhấm đau bụng, rồi cổ họng lờm lờm chỉ muốn nôn. Cái gì thế? Tại sao ai đau bụng, lại buồn nôn? Tại cá ư? Vô lý! Thịt cá thơm ngon thế!... Chỉ mới kịp nghĩ có vậy là đã nôn thốc ra tất cả. Sau một cơn nôn phải lử khử mất vài ngày, như người say. Có anh còn bày mẹo lấy độc trị độc tức là lấy lá cây săng lẻ nấu với cá say biết đâu lại chẳng ăn được, có khi còn ăn ngon. Đã có thứ độc tất phải có thứ giải độc, đó là quy luật của tự nhiên, lý lẽ với nhau thế. Nhưng, vẫn cứ say, lại càng say hơn, về sau đành phải bỏ hẳn cái ý định khắc phục tính độc của giống cá đến trên người.

"Còn săn thú rừng thì lính ở chiến trường này đều là thiện xạ, bắt buộc phải là thiện xạ. Ví như bắn voi mà nhè vào mông nó thì phải đổ hàng thùng đạn, chưa chắc đã ăn mông gì. Phải nhắm vào trán, vào tai. Nếu không chắc bắn trúng vào những chỗ hiểm của nó thì nên chạy. Mà chạy voi đâu có dễ. Nó đã khỏe, đã dữ, lại hết sức tinh khôn. Quăng cây, ném đá, vịn gốc là thuật hiệp người của nó. Sau này, có thể ngồi viết truyện thú rừng Tây Nguyên cũng rất hay. Thú đuổi người, người săn thú, mà cuộc săn đuổi này cũng hết sức ác liệt. Hồ vồ, gấu tát, voi giẫm, lợn dâm, cũng đã từng xảy ra bao nhiêu án mạng giữa chốn rừng xanh trước ngày bọn tôi vào. Lính mới ngồi nghe các ông lính cựu kể lại những bí mật của núi rừng, chuyện thực cũng có, mà chuyện bịa cũng có, chuyện bịa để dọa nhau có khi lại phần nhiều, vừa thích vừa sợ. Đêm mót đi tiểu đành chịu nằm chết cứng chứ không có đủ can đảm lách qua đồng đội để bò ra.

"Chuyện săn thú có thể viết sau, nhưng chuyện đốt rẫy làm nương thì nên viết ngay từ bây giờ vì nó rất là Tây Nguyên và rất là bộ đội. Cuối tháng Một đầu tháng Chạp dương lịch là thời kỳ thu hoạch lúa trên toàn Tây Nguyên. Nghỉ ngơi một tháng, sau tết bắt đầu đi phát rẫy. Phát cây con trước, hạ cây lớn sau, rồi băm, rồi chặt, rải phơi cho đến hết tháng Ba. Sang tháng Tư xem chiều trời sắp chuyển sang mưa là lập tức đốt rẫy, dọn rẫy, chọn giờ nóng nhất, vào ngày nóng nhất mà đốt. Sau những cơn mưa đầu mùa, đất đã hơi ẩm lại, bắt đầu trồng hoa màu phụ: ngô, đỗ, lạc, vừng. Tháng Năm, tháng Sáu chọc lỗ tría lúa. Giữa tháng Sáu trở đi đất lạnh dần, có gieo gì cũng khó ăn vì đã quá thời vụ. Mỗi năm một vụ, cứ thế mà xoay vần. Như trung đoàn này, năm 1973 là năm nửa hòa bình, nửa chiến tranh làm được 400 héc-ta, trong đó có 200 héc-ta lúa, 70 héc-ta sắn, còn lại là ngô, là rau, là đậu. Ấy là tôi kể tóm lược về một vòng quay để

anh dễ hình dung. Bây giờ, hãy nói chuyện phát rẫy. Những địa điểm đẹp thuận, cây nhỏ mà thưa, làm dễ, thì phải nhường cho dân. Rẫy của chúng ta phải là nơi sâu, cây to, rất khó làm. Công ít thì không thể làm được. Lại nói về cây. Cây nào vỏ mỏng, hơi sần sùi, lá nhỏ là sợ lắm. Lá càng nhỏ gỗ càng tốt như lim, gụ, mun, thớ gỗ cứ đỏ bầm. Cây mun đường kính sáu tấc, hai người hai rìu chặt hai ngày mà không ăn, rìu mẻ đến ba, bốn lưỡi, như chặt vào sắt, vào bê tông, hai bàn tay nhầy nhựa những máu là máu, quần giẻ vào tay mà vung rìu, nghiêng răng, trơn mắt mà chặt, chặt đến mẻ cây mới chịu. Cây kơ nia, lá quanh năm xanh, cành thu lên ngon, bóng tán rất đẹp, nhìn cây mà run tay rìu. Cây tà boong, nhựa làm dầu đốt cũng rất dễ sợ. Rồi sến, rồi dễ. Cây nào lá to, vỏ dày là gỗ tạp, đường kính hàng thước vẫn chặt phẳng phẳng. Gặp cây có nhiều rễ phụ, đường kính tới năm, sáu mét, phải bắc giàn mà chặt đoạn trên cùng. Đã làm giàn chặt cây lại phải tìm hướng đổ cho đúng. Hướng đổ phía nào thì mở má cây phía ấy, mở rộng khoảng hai phần ba thân cây. Rồi quay rìu mổ vào lưng, mổ thật mạnh, thật nhanh, chừng mười nhát là đổ. Cây đổ nhưng mình vẫn đứng vững trên giàn giáo, vì nó sẽ đổ xuôi theo hướng chặt. Thông thường là như vậy. Nhưng vẫn có những trường hợp bất thường. Chẳng hạn mở má phía trước, nhưng cây lại đổ ngược về sau. Vì lựa tâm rơi không đúng đó là một cái chết. Cành trên gài vào những cây khác, thân chặt được nửa chừng, sức kéo lại sau mạnh nên phải đổ ngược, cũng là một cái chết. Chặt cây nhỏ theo hướng cây to sẽ đổ xuống, nhưng chỉ chặt lưng, rồi đợi cây lớn đổ đè lên cây bé, nhưng tính toán chưa kỹ nên cây lớn chưa kịp đổ gãy đã bị cây con níu đổ rồi, người chạy không kịp, lại là một cái chết nữa. Chính mắt tôi đã được chứng kiến một tai nạn đổ cây theo cách vừa nói, một cậu bị dập đầu, một cô bị giập cả hai chân, cả hai đều là nhân viên của khoa 33 viện 211. Ăn thì đói, cây thì to, lại mỗi ngày một cơn sốt rét, dứt cơn sốt là cầm rìu ra rẫy chặt. Phát rẫy muộn thì sẽ đốt muộn, sẽ gieo trồng muộn, tiết trời thì cứ đúng ngày, đúng tháng mà nắng mà mưa, làm không kịp thời vụ cuối năm coi như tay trắng. Bộ đội tác chiến phải tự túc từ ba mươi đến bốn mươi phần trăm. Bộ đội phía sau là bảy mươi phần trăm. Bộ đội ở cơ quan, một nửa thời gian là đi sản xuất, anh em trên ấy đã gọi đùa nhau là trợ lý sản xuất. Cuộc chiến đấu đến là nghiêm khắc, về đủ mọi mặt. Chặt cây đã gian nan nhưng đốt rẫy lại còn gian nan hơn. Vì phải biết cách. Đốt giỏi thì cháy được khoảng chín chục phần trăm, chỉ có mười phần trăm công dọn, rất khỏe. Trước khi đốt phải dọn bìa rừng cho sạch để khói cháy lan. Phải chọn ngày, chọn giờ, chọn hướng gió. Đốt không khéo lửa cháy bùng một lúc cả bốn mặt thì coi như tự thiếu. Dân trên ấy khi đốt rẫy là phải cúng trời, vì đốt một cái rẫy mà chòm cháy chòm không là một sự trừng phạt hết sức nặng nề. Công dọn rẫy còn lâu hơn công phát một cái rẫy mới. Trời nắng tháng Tư, tháng Năm, cái nắng trên cao nguyên nhọn sắc như lưỡi lửa, mặt đất vừa bị đốt cháy cũng là lửa, lửa vừa tắt ngọn nhưng sức nóng vẫn còn nguyên. Trên lửa, dưới lửa, lính gọi đùa là "lửa tam muội", thân trần, quần cộc, mảnh khăn bịt đầu, vỏ cây quấn chân, cứ nhảy đại vào cái lò hấp thiên nhiên khuôn vác mà lôi kéo những cây, những cành chưa cháy hết ấy mà vút ra bìa rẫy. Rồi những cơn mưa đầu mùa ập tới, ở các lòng suối một mạch nước trong suốt, nhỏ tí len lõi, rỉ rách qua các kẽ đá. Bữa cơm đã có trứng cá, từng nồi trứng cá kho với tiêu ớt. Trong các búi tre mũi măng đã đâm lên một lượt. Ngồi trong nhà rẫy nhìn ra đã mát mắt, đã hơi dạ, màu lúa xanh, màu ngô xanh, màu đỗ xanh. Một cái bãi xanh mông mênh là vậy, ngon lành là vậy canh giữ không khéo để thú rừng lọt vào, chỉ qua một đêm sáng sớm nhìn ra đã là một bãi chiến trường, và cũng có nhiều xác người, xác chúng tôi chứ còn ai, bao nhiêu công sức của non nửa năm bồng chốc bị giày vò, bị giẫm đạp đến thảm thương, đến muốn khóc òa lên, thương thân mình, thương anh em, thương cả mọi người.

"Ngày 28 tháng Giêng năm 1973, hiệp định Pa-ri có hiệu lực nhưng từ 6 giờ đến 11 giờ cái ngày quan trọng ấy chúng tôi vẫn còn phải đánh bật nhiều đợt phản kích của địch ra chiếm lại đồn 30 và làng Zít. Tháng Ba, tháng Tư vẫn tiếp tục đánh địch lấn chiếm lại khu vực này. Mà khó chịu, mà rầy rà quá thể. Ban ngày ngồi nói chuyện với nhau ở nhà hòa hợp, đêm đến nó đã nổ súng vào bộ đội mình rồi. Lúc hòa, lúc chiến, chẳng ra thế nào. Đồng chí phó chính ủy của chúng tôi đã làm hai câu thơ : "Nửa hòa bình, nửa chiến tranh. Chưa im tiếng súng sao lành vết thương".

Tháng Tám năm 1973, trung đoàn chúng tôi được lệnh đánh căn cứ Chư Nghé, cách Plây Cu về phía tây bốn chục cây số tức là nằm rất sâu trong vùng ta kiểm soát nhưng địch buộc phải giữ vì nó là con mắt được đặt gần nhất trên tuyến đường vận chuyển chiến lược. Tháng Mười

lại đánh tan một đợt tấn công lấn chiếm gồm ba trung đoàn bộ binh và hai tiểu đoàn biệt động. Tháng Giêng năm sau lại đánh tiếp một trận nữa, với một lực lượng địch còn lớn hơn, những hăm chín tiểu đoàn. Tức là đã đánh nhau rất to khi thư của gia đình gửi vào vẫn còn đang hân hoan vì chiến tranh đã kết thúc, vợ chồng, con cái, anh em vẫn còn nguyên vẹn, rồi hẹn ngày đoàn tụ, rồi bàn tính tương lai. Nó trái cảnh là thế.

"Tháng Tám năm 1974, trời mưa tầm tã đã mấy tháng. Đơn vị chúng tôi vẫn còn vây hãm Plâyme, đánh tan tác hai tiểu đoàn địch và xóa sổ một tiểu đoàn. Sang đầu tháng chín mới kéo nhau về hậu cứ. Sẽ chẳng bao giờ tôi quên được lần hành quân chiến thắng trở về của năm vừa rồi. Đánh nhau suốt mấy tháng trong mưa, chân ngâm trong nước, trong bùn đến thối ruồng, lòi cả xương, phải buộc giẻ chống gậy mà đi khiêng cống nhau mà đi, gặp đồng chí phó chính ủy giữa đường hò nhau : "Đồng chí có chuyện gì hay động viên anh em với!". Đồng chí ấy nhìn chúng tôi, nước mắt cứ chứa chan, rồi bảo : "Sống như thế, chiến đấu như thế, còn có chuyện gì đáng phải nói thêm nữa".

"Một tháng Chín được nghỉ ngơi, sang giữa tháng Mười, mấy chục anh em lại chia nhau về các xã ấp xây dựng cơ sở, huấn luyện du kích. Đánh nhau có cái vất vả nhưng lại có cái khoan khoái. Đi sản xuất tất nhiên cũng rất vất vả, nhưng gieo trồng, đơm tát, săn bắn luôn luôn là một cuộc phiêu lưu hết sức hồi hộp vào những bí ẩn của thiên nhiên. Còn gây dựng cơ sở, tổ chức du kích ở những bản làng xa xôi thì hoàn toàn khác, vì có lúc chính anh là người chỉ huy cao nhất. Nên lo quá, lo bỏ ăn, lo mất ngủ, lo đến quên đi cả cái buồn. Mà rồi thấy thương dân, thấy quyến luyến, nghĩ tới ngày hẹn về lòng dạ lại bồi hồi. Mới hiểu được có những chú cán bộ quê ở Hải Dương, ở Bắc Ninh sống ở Gia Lai đã hai chục năm có lẽ mà vẫn nói rất hào hứng, rất say sưa những chuyện của địa phương trong năm mươi năm sẽ tới. Phải tận mắt nhìn đồng bào mình trên đó gửi lúa đi nuôi bộ đội, còn gia đình vẫn chỉ ăn củ mì và quả chuối xanh ngâm chua mới thật là thương. Phải nhìn những chú tuổi đã mười bốn, mười lăm, nhưng chỉ lớn bằng đứa trẻ lên chín lên mười ở vùng xuôi, gửi một quả đạn ĐK 75, vượt dốc phẳng phẳng, không ăn cơm, chỉ ăn cháy vì sợ các chú bộ đội đói, đêm nằm gối đầu lên gửi đạn, dút chân cạnh đồng lửa mê ngủ, mới thật là thương. Phải nghe một cô gái trách anh bộ đội : "Làng Chan còn gái nó có quần áo đẹp nên bộ đội thích đến chơi, còn làng Bò mình theo cách mạng làm gì có quần áo đẹp", vừa xấu hổ, lại muốn rơi nước mắt. Có lần tôi được nhìn, cũng là rất tình cờ, một cậu bộ đội, của đơn vị nào không rõ, đi qua nương sắn, liền cúi xuống nhổ một gốc. Chẳng dè bị một em chạy ra bắt giữ, được cái cậu này không chạy cứ đứng chôn chân một chỗ. Một lát sau có một người đàn bà chạy đến, có lẽ là người mẹ, cởi trần, vắn một cái váy khâu bằng bao tải nhồi đất của lính nguy. Đứa con nói gì đó nhưng người mẹ không trả lời, cúi húi nhổ thêm hai gốc sắn nữa rồi cầm đưa cả cho cậu bộ đội nọ. Cậu kia quặt hai tay ra sau lưng, miệng nói lắp bắp : "Tôi không lấy! Tôi không lấy!", rồi quay người chạy thẳng. Bà mẹ không chịu, hai mẹ con cầm ba gốc sắn vừa chạy theo vừa hò gọi. Được nhìn cái cảnh ấy bảo không khóc thầm sao được. Chúng mình khổ nhưng đồng bào cũng khổ, trong cái cảnh khổ ấy không khỏi có chuyện này chuyện kia, nhưng chính vì có những chuyện ấy mà càng thân thiết nhau, càng thương yêu nhau. Dưới xuôi ta cây gạo và hoa gạo là gắn bó với nhiều kỷ niệm thời thơ ấu. Tôi tuy là người Hà Nội, nhưng hồi nhỏ học trường cấp I lại sống với bà ngoại ở trong quê, nên cây gạo và hoa gạo cũng là một hình ảnh rất gợi nhớ. Ấy vậy mà bây giờ mỗi lần nghĩ đến hoa gạo lại nghĩ ngay đến một bản làng nào đó của Gia Lai mình đã từng hành quân qua, hoặc ở lại công tác một vài tháng. Hoa gạo tức là hoa Pơ lang trong thơ ca. Nơi nào có cây gạo là nơi đó có bản làng. Ở trên ấy, cây gạo cũng có nghĩa là đoàn tụ, là quê hương, là hạnh phúc và thanh bình. Người đàn bà đi trước dìu con, tay bồng con chớ nhỏ, miệng ngâm điệu thuốc rê, anh chồng đi sau, vác ngược con dao rừng, vẻ mặt thanh thản cũng là một hình ảnh của hạnh phúc và thanh bình.

"Đầu tháng Tư năm nay ta đã có cả Tây Nguyên, có cả đồng bằng và vùng duyên hải miền Trung. Nhưng tháng Tư năm ngoái chúng tôi hãy còn đang đánh địch ở làng Siêu và cứ điểm 601 trên đường 21. Ra quân lần ấy đã thấy vui, vì đang là mùa uống rượu mừng nhà mả : Chỗ ngồi uống rượu là một khu đất đẹp nhất của bản, mặt đất sạch bóng như nền nhà bày thứ tự hàng trăm cái ché sành, cũng trang trọng, cũng đẹp mắt như một bàn tiệc lớn. Ví như bữa uống rượu ở làng Lan thuộc huyện 4, tôi đã đếm được 157 cái ché, mỗi ché chứa từ mười đến hai mươi lít rượu. Rượu sắn cả thôi, sắn là chính, thêm ít gạo rồi rắc men ủ. Nước rượu đầu cho

vào quả bầu già, khách đến thì chuyên ra bát mời, uống hết một đợt rượu danh dự mới ngâm cần uống tiếp ở các ché. Uống cạn lại mức nước sôi lên đồ thêm, chờ tới lúc nhạt hẳn mùi rượu mới đổi. Mà vẫn say, rượu nhạt uống mãi cũng say. Uống rượu sẵn, ăn cơm nếp nướng trong các ống nứa, với trứng kiến nướng, với thịt nướng, rồi múa, rồi hát, rồi kể chuyện cách mạng, chuyện miền Bắc, chuyện đánh Mỹ, như một cuộc hội thảo rất tự nguyện và bình đẳng. Đã một năm rồi đấy! Nghĩ lại những việc đã làm trong một năm qua, thấy toàn là những việc kinh thiên động địa, cảm thấy ngày tháng sao mà dài. Tiệc rượu cần tháng này năm ngoái ở làng Lan như đã rất xa xôi. Nghĩ rằng đã xa nên nhớ vô cùng. Vì những bản làng ấy quả thật là xa xôi, là heo hút, ẩn náu ở một chân núi nào đó, một cánh rừng nào đó, một vùng đồng cỏ nào đó, nên càng nhớ, càng thương. Tôi nói với anh điều này, nhưng anh đừng có viết, dẫu anh có viết cũng không ai tin được anh đâu. Là tết này, cái tết Bính Thìn này tôi muốn được trở lại Plâycu, trở lại Gia Lai, trở lại huyện 5 và mấy xã đã có lần dừng chân lại ít ngày, ăn một cái tết ở trên ấy. Rồi tết sau sẽ trở ra Hà Nội đoàn tụ với gia đình. Mới hôm vừa rồi, đồng chí Phổ, trưởng phòng tuyên huấn của quân đoàn bàn tính với tôi rằng anh rất muốn đưa vợ con đang sống ở Hà Nội về Plâycu. Tôi nói đùa : “Ở Thủ đô không đủ sướng sao, lại còn kéo nhau lên cái thị xã của miền núi ấy”. Anh ấy trả lời rất thản nhiên : “Mỗi người có một cái thích, mình rất thích được sống ở Plâycu. Trên ấy làm ăn dễ mà mình lại hợp thung thổ”. Trước ngày lấy nhau, chị ấy làm công tác phụ nữ ở Công Tum. Anh đến thăm chị, chị đến thăm anh chỉ mất có vài ngày đường rừng và trèo qua có một dãy núi cao nhất của Công Tum, dãy Ngọc Linh. Núi cao, rừng già, sông sâu, thác xiết đều hóa ra những địa điểm nên thơ cả. Những nơi mà họ đã đưa đón nhau, đã chờ đợi nhau thì lính mình hành quân qua chỉ khẩn thăm đừng có bao giờ phải lộn lại. Nếu anh Phổ muốn đưa gia đình về sống lâu dài ở Plâycu, hoặc tôi muốn được trở lại sống một mùa khô không có tiếng súng ở Gia lai hoặc ở Đắc Lắc thì cũng là chuyện thường tình. Vì chúng tôi thích như thế mà. Đã là thích thì có kể gì những xa xôi, những vất vả”.

*

* *

Viết về giai đoạn chuẩn bị cho chiến dịch Tây Nguyên mà không được gặp và hỏi chuyện những đồng chí có trách nhiệm cao nhất thì thật ân hận vô cùng. Theo tôi biết, trong những ngày tháng có tính chất quyết định này mỗi cấp đều có cái vất vả cái anh hùng của mình. Của cấp dưới thì báo chí đã viết và tất cả chúng ta đều rõ. Nhưng còn của cấp trên, của các cơ quan lãnh đạo chiến lược thì chúng ta hầu như chưa được biết. Vả lại, trong chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch sau đó, chiến dịch Hồ Chí Minh, thì sự chuẩn bị của cấp trên hầu như là tất cả sự chuẩn bị chính xác và chu đáo tới mức cuộc tiến quân gồm hàng chục vạn quân sĩ nào pháo, nào xe, nào lương thực, nào xăng dầu, đơn vị vào trước, đơn vị đến sau, nhiều ngả nhiều hướng, mà vẫn nhịp nhàng, vẫn uyển chuyển, đúng hướng, đúng chỗ, đúng cả thời gian, hết như một cuộc thao diễn đại quy mô các lực lượng vũ trang cách mạng trong cả nước. Thôi thì, ai viết được phần nào, khía cạnh nào, giai đoạn nào của cuộc tổng tiến công này cứ viết. Viết đi rồi viết lại, kể trước người sau, năm mươi năm nữa rồi chúng ta cũng sẽ có được một pho sử ký thật xứng đáng. Chính anh Lăng, nguyên là tư lệnh phó của Bộ chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên, quân đoàn trưởng quân đoàn 3, đảm nhiệm hướng tây bắc trong chiến dịch Hồ Chí Minh, cũng lấy làm tiếc cho tôi. Ngay như trong Bộ chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên, tôi cũng chưa được gặp hai nhân vật chủ chốt là anh Thảo, tư lệnh trưởng và anh Hiệp chính ủy. Bao giờ cũng thế, một công trình vừa được hoàn thành, những người anh hùng đã lại rong ruổi dặm dài đến những địa bàn mới, gánh vác những trách nhiệm mới. Tình cờ có được gặp lại họ, bày tỏ ý nguyện của mình, thì chắc chắn sẽ được trả lời : "Những việc làm đạo nọ ấy ư? Thì như các anh đã biết đấy, cũng chỉ là như thế thôi". Và lập tức, các đồng chí ấy sẽ thuyết minh với anh về những công việc đang làm với những tính toán, những hy vọng, những lo âu, ánh mắt lấp lánh, giọng nói say sưa, nếu mình không tự chủ thì rất dễ quên bẵng đi cái ý định ban đầu.

Cho nên khi tôi yêu cầu được làm việc với anh Lăng vài ngày, có thể hơn thế nữa nếu như anh có thì giờ, anh tỏ vẻ ngạc nhiên : “Làm thì lâu chứ kể lại có mấy, chỉ một tối là đủ”, Rồi anh

lại hỏi tôi : "Nhưng biết kể với nhà văn cái gì? Các anh viết văn thì cần những câu chuyện gì?". Tôi vội trả lời là mọi việc các anh đã làm đều thuộc về văn học cả, không có gì phải lược bỏ. Giả dụ rằng nếu viết tất cả như thế thì sẽ là một bản báo cáo chứ không thể là sáng tác văn học, thì tôi cũng bằng lòng làm người viết báo cáo. Làm báo cáo trước, làm văn học sau, bao giờ rồi rồi sẽ làm văn, còn lúc này thì rất cần làm người thuật chuyện. Có lẽ bạn đọc hiện nay cũng đang thích như thế, đang muốn đọc một bản tường trình cặn kẽ như thế.

Đây là tối thứ nhất anh Lăng nói chuyện.

"Rất tiếc là anh không được gặp tất cả các anh trong Bộ tư lệnh chiến dịch, tức là anh Thảo, anh Hiệp, anh Hàm, anh Năng. Tuy nhiên, chúng tôi đã làm báo cáo tổng kết, đã bàn bạc và nhất trí với nhau về tất cả các vấn đề lớn, lại được đồng chí Đại tướng Tổng tham mưu trưởng, người chỉ đạo và chỉ huy trực tiếp chiến dịch này xét duyệt và chỉ thị nhiều ý kiến. Như thế cũng đã là may mắn cho công việc của chúng ta rồi.

"Tôi về chiến trường Tây Nguyên (còn được gọi là B3) thay anh Thảo tháng Sáu năm 1974. Anh Thảo tuy đi nhận nhiệm vụ mới, nhưng kiến thức và kinh nghiệm của anh trong nhiều năm dài ở Tây Nguyên đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Đó cũng là một may mắn cho những người đến sau. Như anh đã biết, trước ngày về đây, tôi làm việc ở Cục tác chiến của Bộ tổng tham mưu, là một cán bộ có trách nhiệm ở một cơ quan chiến lược nên có điều kiện để so sánh, xem xét và tổng kết các kinh nghiệm. Anh Lê Trọng Tấn có nói "ở Bộ về quân khu nếu làm ăn tốt là do đã có được một tầm nhìn rộng". Khi đi cũng có giao ước với anh em trong Cục tác chiến là khi nào chuẩn bị những vấn đề mới thì nhớ kêu gọi bọn mình. Nếu được biết trước chiến trường mình nằm trong phương hướng chiến lược thì anh em sẽ chủ động hơn, thời gian chuẩn bị cũng rộng rãi hơn. Tháng Chín năm 1974, Cục tác chiến cũng đã rả tai cho biết về ý định của cấp trên trong năm 1975. Dưới này, bọn tôi sau khi đã xem xét tình hình của quân khu cũng tin rằng trong năm 1975 có thể làm được một cái gì đó có tính chất bản lề. Sau ngày ký hiệp định Pa-ri, để chống lại âm mưu lấn chiếm của chính quyền nguy Sài Gòn, chúng ta đã tiêu diệt các cứ điểm địch nằm sâu trong vùng giải phóng như Chư Nghé, như Đắc Pét, như Măng Đen, Măng Búc địch co về củng cố tuyến phòng thủ vành đai các thị xã các trục đường chiến lược và các mục tiêu chủ yếu. Mỹ rút quân, sự viện trợ của Mỹ đối với quân nguy dần dần giảm bớt đã tác động rất lớn đến phương thức tác chiến và thủ đoạn chiến thuật của địch. Lực lượng địch bố trí tại năm tỉnh cao nguyên miền Trung là một sư đoàn (sư 23), 6 liên đoàn biệt động quân và 36 tiểu đoàn bảo an. Thiết giáp thì có 12 chi đoàn, tức là 4 thiết đoàn. Pháo binh có 230 khẩu. Không quân có sư đoàn 6, gồm 4 phi đoàn, khoảng 150 chiếc máy bay các loại. Quân địch như thế là đông, nhưng địa bàn quá rộng, những bốn mươi lăm ngàn cây số vuông nên hóa ra phải dàn mỏng. Khả năng cơ động của chúng chủ yếu là bằng đường bộ, dựa trên ba trục đường chính : đường 14 chạy suốt bắc nam xuống tới miền đông Nam Bộ, đường 19 nối đồng bằng khu 5 lên Plâycu và đường 21 từ Buôn Mê Thuật đi Khánh Hòa. Đường 7 từ Cheo Reo ra Phú Yên đã từ lâu địch bỏ vì hoạt động của bộ đội địa phương Phú Yên ở khu vực này rất mạnh. Còn vận chuyển đường không cũng là vận bất đắc dĩ, máy bay vận tải ít xăng dầu hiếm, không thể mỗi lúc sử dụng tùy tiện được. Có đường thì sẽ có cách khóa đường. Có máy bay thì sẽ có cách khống chế sân bay. Thằng Mỹ lắm lúc còn chết cứng nữa là thằng nguy. Đó là một chỗ yếu của địch. Chúng ta sẽ có cách tính toán khoét rộng cái chỗ yếu đó ra. Còn lực lượng của chúng ta ở chiến trường này trong năm 1974? Hết sức lạc quan! Từ sau hiệp định Pa-ri, quân khu đã định ra một quân số thích đáng làm nhiệm vụ sản xuất. Các cơ quan xung quanh Bộ tư lệnh đều có nương rẫy và khu vực chăn nuôi riêng. Sự chi viện của miền Bắc trong hai năm 1973, 1974 là hết sức dồi dào : người, vũ khí, quân trang, lương thực. Khi tôi về B3 nhìn cán bộ, chiến sĩ thấy rất khác với dự đoán của mình : khỏe mạnh, tươi vui nơi ăn chốn ở hết sức đoàn hoàng, như ở ngoài Bắc vậy. Mà có khi còn hơn cả ngoài Bắc vì ở đây mỗi một con lợn không phải bàn tính gì nhiều lắm. Tối tối đặt nồi cháo gà là chuyện hết sức bình thường. Thế là vui rồi. Làm tư lệnh mà ngó thấy quân khỏe, lương nhiều tức là đã cầm chắc tới quá nửa phần thắng. Lại nữa, chí khí chiến đấu rất cao. Nói chuyện với ai cũng một ý nguyện là phải tấn công thôi, phải dùng bao lực vũ trang mà mau chóng hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Cán bộ thì sợ để chậm trễ quá tuổi sẽ già đi, sức sẽ yếu đi. Anh em trẻ thì muốn làm ăn cho mau mau còn bắt tay làm những việc khác. Lòng người đã nhất tâm thể là rất thuận. Từ sau năm

1972, bộ đội Tây Nguyên chưa đánh trận nào lớn tới một trung đoàn hoặc một sư đoàn thiếu. Năm 1975 sẽ phải đánh ít nhất là bằng lực lượng của mình, tức là hai sư, có thể thêm hai trung đoàn hoặc một sư của Bộ chỉ viện trong thời gian chiến dịch. Đánh lớn, quân đông đòi hỏi năng lực tổ chức và chỉ huy của các cấp phải phù hợp với nhiệm vụ. Một kinh nghiệm của tôi là tư lệnh phải trực tiếp huấn luyện bộ đội, nhất là cán bộ, không thể không thể chỉ huy được. Bộ đội phải do mình trực tiếp xây dựng thì khi đánh mới thật chắc tay. Có hiểu rõ cán bộ và chiến sĩ của từng đơn vị mới hạ quyết tâm được mới quyết đoán được. Bộ tư lệnh liền tổ chức hai lớp tập huấn cho cán bộ cấp sư đoàn, trung đoàn và các tiểu đoàn chủ chốt. Nội dung tập huấn là : nghệ thuật chiến dịch tấn công và nghệ thuật chiến dịch phản công. Thấy hết được vai trò của chiến thuật trong nghệ thuật chiến dịch. Thống nhất với nhau về cái gọi là những trận đánh then chốt, những trận đánh có ý nghĩa nổ truyền trong một chiến dịch. Sau đó cấp sư về bàn bạc lại với cấp trung đoàn, cấp tiểu đoàn và đại đội. Đó là sự chuẩn bị rất cơ bản về lãnh đạo và chỉ huy trước khi bước vào mùa xuân năm 1975. Lại nói tới một vấn đề khác, cũng hết sức quan trọng, vì nó là cơ sở của mọi chiến thuật. Tức là quân số. Chiến thuật gì thì cũng phải đủ người. Một tiểu đội phải có bảy người, ít ra cũng phải được năm, sáu người chứ nếu chỉ có ba người thì không thể gọi là tiểu đội. Tiểu đội không thành thì trung đội, đại đội cũng không thành. Nên quân số là quan trọng, quân số đủ mới đảm bảo được sự thực hiện chiến thuật. Trong lịch sử chiến đấu của bộ đội Tây Nguyên chưa bao giờ ra quân đủ như lần này : một tiểu đoàn là bốn trăm người. Trước kia ra quân ba trăm người còn khó. Ra quân đông người đi chiến đấu nhìn trước, quay sau, ngó trái, liếc phải đều thấy đồng đội sẽ rất phấn chấn. Cán bộ nghe tiếng hát to, nhịp đi mạnh, trong lòng cũng vui. Khí thế của lúc lên đường cũng nhờ vào đó một phần. Lúc này, đánh một trung đoàn địch chỉ lo không diệt gọn chứ không lo không đánh được. Không ai nghĩ là địch mạnh nữa, mà chỉ bàn tính làm sao trận đánh diễn ra cho nhanh, diệt địch cho gọn, và chúng ta chỉ chịu tổn thất rất ít. Chuẩn bị lực lượng như vậy là yên tâm, dầu tình hình sẽ là như thế nào vẫn cứ xoay chuyển kịp vì mình đã ở trong tư thế sẵn sàng.

"Mùa hè năm 1974, chúng tôi đã kết luận rằng : các đơn vị thuộc quân đoàn 2 nguy đã sút sức chiến đấu. Khi ta tấn công vào một trung đoàn tăng cường của nguy thì chúng không đủ sức chống đỡ. Chúng đưa một sư đoàn thiếu thì không đủ sức giải vây. Trong trận đánh ở Plây Me, thiết giáp của nó toàn đứng sau đội hình bắn với lên, nếu bị đánh từ phía lưng là lập tức tháo chạy. Quân đoàn 2 chỉ đủ sức đối phó với một sư đoàn của ta trên một hướng. Nếu ta đánh lớn hơn, trên nhiều hướng, nhất định chúng sẽ bị lúng túng. Sau trận đánh ở Thượng Đức, chúng tôi tin rằng trong vòng hai năm tới có thể giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên. Tháng Mười năm 1974, đồng chí tham mưu phó của B3 ra Bộ báo cáo đã trở về, mang theo mệnh lệnh tác chiến mùa khô : đánh Thuận Mần, đánh Đức Lập và đánh thị xã Gia Nghĩa, mở thông xuống đường 20, rồi vùng giải phóng Tây Nguyên với miền đông Nam Bộ. Đánh Thuận Mần và Đức Lập chúng tôi đã có dự tính trước. Còn đánh Gia Nghĩa có bị bất ngờ. Gia Nghĩa không phải là đất của quân khu, đến bản đồ cũng không có. Địa hình chưa rõ, đường sá chưa làm, tuyến vận chuyển xa, bộ đội hành quân càng xa, mùa mưa chưa dứt, thời gian để chuẩn bị tính ra chỉ còn được hai tháng. Thế là đủ vỡ đầu rồi! Nhưng đã là lệnh thì phải chấp hành, chấp hành cho xuất sắc. Khó thế chứ khó nữa cũng phải nghiền răng lại mà làm. Giữa tháng Mười đã có những đơn vị công binh, hậu cần, trinh sát đi trước. Còn các đơn vị khác đều đã sẵn sàng. Giai đoạn chuẩn bị cơ bản đã xong, chỉ còn đợi lệnh là bắt tay vào những nhiệm vụ cụ thể.

"Tôi là một cán bộ quân sự của Đảng từng trực tiếp chỉ huy bộ đội tham gia nhiều chiến dịch, có thể nói là có chút ít kinh nghiệm đánh địch, nhưng lại chưa được ở một chiến trường nào thật lâu. Nay vào một chiến trường chiến đấu và sinh hoạt đều rất gian nan, không khỏi lo rằng anh em chưa tin mình. Lòng tin của cấp dưới với cấp trên là rất quan trọng. Trong chỉ huy chiến đấu, có lúc cấp dưới chỉ làm theo mệnh lệnh mà không có thì giờ để bàn cãi trái phải. Nếu đã tin nhau thì khó mấy cũng làm. Dầu có ngược với dự tính của mình vẫn cứ làm. Vì đã tin là cấp trên có lý để bảo làm còn chưa tin lắm, chưa tin hẳn thì có làm cũng không được triệt để, vừa làm vừa ấm ức, vừa làm vừa nghi ngại. Bụng đã hồ nghi hẳn gặp khó là sinh chuyện ngay. Muốn cho cấp dưới thật tin thì cấp trên phải sâu sát phải biết cách kiểm tra và có ngay những ý kiến chuẩn xác trong việc giải quyết những khó khăn của cấp dưới. Cấp dưới báo cáo đều dẫn lên cấp trên là một kỷ luật phải nghiêm giữ. Nhưng không có báo cáo nào ích lợi bằng tự mình đến tận nơi. Không phải anh em có ý che đậy, dối trá trong các báo cáo. Hoàn toàn không phải

thế. Chỉ vì nhận thức của mỗi cấp đều có hạn. Cái mình cần thật, anh em nghĩ là nhỏ, cái không cần lại nghĩ là to. Nhiều vấn đề lúc chuẩn bị thì tưởng là nhỏ, nhưng trong diễn biến chiến đấu lại hóa ra to, rất to. Chuẩn bị nhỏ mà phải đối phó to, hoặc phải đương đầu với một tình thế chưa hề có chuẩn bị là hết sức rắc rối. Là người chỉ huy không thể để bị dồn vào cái chỗ kẹt ấy. Cho nên tư lệnh phải có mặt ở hướng chủ yếu và ở những trận đánh then chốt. Có mặt từ lúc chuẩn bị. Đánh là phải có bài bản, phải có sự kết hợp giữa các trận đánh, theo một ý đồ thống nhất, trọn vẹn của một chiến dịch. Đánh ngắc ngứ là do thiếu chuẩn bị. Mà phải chuẩn bị theo cách suy nghĩ của mình. Muốn đánh có bài bản thì khi chuẩn bị cũng phải có bài bản. Đầu tháng Chạp, Bộ tư lệnh phân công tôi trực tiếp đi chuẩn bị cho trận đánh Đức Lập, anh Năng là tư lệnh phó thì chuẩn bị cho hướng đánh Gia Nghĩa. Lúc này cũng mới chỉ nghĩ đến có hai bàn đạp là Đức Lập và Thuần Mẫn. Đánh Đức Lập rồi phát triển xuống Gia Nghĩa, giải phóng tỉnh Quảng Đức mở thông đường 20, nối liền Tây Nguyên với miền đông Nam Bộ. Đánh Thuần Mẫn, rồi phát triển ra Cheo Reo, giải phóng tỉnh Phú Bồn, mở đường xuống ba tỉnh phía nam Khu 5. Đánh như thế là lớn, lại bằng lực lượng của mình, nhưng tin là làm được. Chúng tôi tin chắc rằng sẽ đánh được vì thực lực của ta và của địch đều đã thay đổi. Cũng đã có nghĩ đến Buôn Mê Thuột, cấp trên cũng đã gợi ý nếu có thời cơ thì sẽ đánh Buôn Mê Thuột. Vậy thế nào là thời cơ? Phải chuẩn bị trước, kéo việc đến nơi là lúng túng lắm. Khi báo cáo tình hình tác chiến với đảng ủy quân khu, tôi cũng đặt vấn đề : "Thế nào là thời cơ?". Theo chúng tôi nghĩ: thời cơ sẽ xuất hiện khi ta đã tiêu diệt gọn hai chi khu quan trọng là Thuần Mẫn và Đức Lập; khi chúng ta đã đánh tan các lực lượng phản kích ở phía tây sông Sê-rê-pốc và từ Plây-Cu kéo xuống; khi tình hình chung đã như thế mà lực lượng địch trong thị xã Buôn Mê Thuột vẫn chỉ là một trung đoàn. Thì khi ấy là đã có thời cơ để giải phóng Buôn Mê Thuột.

"Quận ly và chi khu quân sự Đức Lập nằm trên đường 14, cách thị xã Buôn Mê Thuột sáu mươi cây số về phía tây-nam, gồm năm cứ điểm, nhưng có ba cứ điểm phải chú ý : căn cứ 23, căn cứ Núi Lửa và quận ly. Lực lượng chiếm giữ có một tiểu đoàn của trung đoàn 53 thuộc sư đoàn 23, hai tiểu đoàn bảo an, 15 khẩu pháo, 20 xe thiết giáp. Anh em cùng đi nghĩ rằng tôi đã có tuổi, sức lại yếu, vào sâu quá vừa mệt vừa nguy hiểm, nên muốn tôi dừng lại ở Nậm Lia, từ đó mà quan sát cũng vẫn tốt. Tôi thì nghĩ trận này là trận mở đầu của một mùa chiến đấu, đánh nhanh, thắng to, hao tổn có ít thì ảnh hưởng tốt tới quyết tâm các trận sau, nên khó mấy cũng phải nhào tới vị trí của cấp trung đoàn. Đứng xa nhìn khác, vào gần nhìn khác, vào càng gần cách tính toán sẽ càng chính xác hơn. Ví như trận địa của trung đoàn 28 đánh căn cứ Núi Lửa, phía tây Đức Lập. Nếu không vào tận nơi rất khó có ý kiến thật đúng về cách tổ chức hỏa lực bắn thẳng, rồi đường kéo pháo, rồi tổ chức hỏa lực hướng tấn công. Tôi ưa dùng hỏa lực nhưng là hỏa lực bắn thẳng, thời gian ngắn, hiệu quả to. Muốn gì quả thứ ba là phải trúng mục tiêu. Trong vòng hai phút các loại đạn pháo của anh phải rơi trúng vào những mục tiêu cơ bản. Anh em có ý kiến là phải năm, sáu phát mới trúng mục tiêu. Tôi không đồng ý. Hỏa lực cơ giới bắn cầu vồng phải năm sáu chục viên mới trúng được mục tiêu còn bắn thẳng thì chỉ sau ba viên là phải trúng. Cùng đi với tôi có cán bộ sư đoàn, cán bộ trung đoàn tấn công, tiểu đoàn trưởng các tiểu đoàn chủ công, tính toán với nhau, rồi hỏi : còn điều gì nghi ngại, còn vấn đề nào cảm thấy khó thì nói liền đi, bàn luôn, rồi quyết định luôn. Bàn tính xong xuôi, tôi hỏi đồng chí trung đoàn trưởng trung đoàn 28 : "Anh nhận đánh căn cứ này là bao nhiêu phút?". Đồng chí đó cười : "Xin được một giờ". Tôi đồng ý : "Thật ra cũng chỉ cần một giờ". Rồi tất cả lại theo tôi đi quan sát căn cứ 23 và trận địa của trung đoàn 66, ở phía bắc Đức Lập. Gần đến nơi thì xảy ra một chuyện tưởng là vặt mà không khéo lại hóa rầy rà. Một nhóm trinh sát vì để lộ nên phải bắt giữ một người đánh dấu cây cho nhà thầu đốn gỗ. Giữ người lại là phiền lắm. Bỗng dưng sao lại mất tích một người? Một người bị mất tích xung quanh căn cứ của nó, tất nhiên là phải ngờ ngay đã bị Việt cộng bắt giữ. Lâu nay vắng bóng họ, đột nhiên họ lại xuất hiện, vậy là không bình thường rồi. Từ đó mà nghĩ đến những hiện tượng khả nghi khác, lập ra các giả thuyết, để mắt vào chỗ này chỗ kia. Cái nhỏ làm hỏng cái lớn vốn bắt đầu chỉ là như thế. Nhưng có cái may là người đánh dấu cây kia đang là một bên của một vụ kiện. Ông chú bị cây đè chết, bà thím nghi là cháu đặt bẫy giết chú nên đã phát đơn kiện. Nay anh ta bỗng dưng biến mất thì chắc hẳn sẽ được cất nghĩa là sơ tội mà bỏ trốn. Rồi đây trận đánh kết thúc, phải có giấy tờ hẳn hoi để rửa oan cho người ta. Thế là tạm xong một việc rắc rối bất ngờ gặp ở dọc đường. Căn cứ 23 cũng chỉ cần đánh trong một giờ. Núi Lửa, một giờ. Căn cứ 23, một giờ. Quận ly Đức lập cho hẳn

là một ngày. Rộng ra là trong hai ngày phải giải quyết xong chi khu Đức Lập, kể cả lòng bắt tàn binh, thu dọn chiến trường. Được không? Sư trưởng sư 10 thì muốn được nói thêm một ngày nữa, tức là từ hai đến ba ngày. Tôi phải tính toán luôn : Chúng tôi sẽ báo cáo với Bộ là từ hai đến ba ngày nhưng cấp sư chỉ được phép đánh trong một ngày. Thực ra chỉ cần có một ngày, tôi đã cho anh dôi thêm một ngày nữa thế là quá rộng rồi. Lại giao hẹn : xong ngày thứ nhất tôi sẽ lấy của anh trung đoàn 24 để phối hợp cùng với một trung đoàn của sư 316 đánh quân phản kích phía tây sông Sê-rê-pốc. Bộ tư lệnh sư đoàn chỉ được phép dùng hai trung đoàn 66 và 28 vào trận đánh, không cho phép dùng trung đoàn 24 là lực lượng dự bị của sư. Trình sát xong khu vực Đức Lập lại kéo nhau sang phía tây sông Sê-rê-pốc là địa bàn tác chiến của sư 316 đánh quân ứng cứu từ Buôn Mê Thuột kéo ra. Anh em mới vào, chiến trường chưa quen thuộc nên càng phải bàn tính cho cặn kẽ, cho tỉ mỉ. Tôi vốn là người mê phong lan, mà khu vực phía tây sông Sê-rê-pốc có lắm thứ hoa đến lạ kỳ. Đi trong rừng chỉ những vấp là vấp, vì còn mãi ngửa cổ ngắm hoa. Bụng bảo dạ : Công việc xong xuôi nhất định phải trở lại đây, lang thang vài ngày kiếm ít dò lan thật đẹp. Chỗ mình định đến thì địch đang còn cưa gỗ, máy nổ ầm ầm, mà trời đã quá trưa rồi. Định vào rồi ra ngay, nếu chần chừ lại mất thêm một ngày nữa. Đúng 4 giờ 30 chúng mới rút, chúng đi xuôi mình chạy ngược, cách nhau chỉ trong khoảng mười thước. Vừa chạy vừa nhảy qua những gốc cây, thân cây do dân ngã để làm nương, do lính nó cưa để lấy gỗ, chạy được vài bước lại nhảy một đoạn dài, chạy nhảy cả giờ mới lên được vị trí quan sát. Cũng đoạn đường ấy lúc lộn về mất gần ba tiếng đồng hồ. Đến nơi nghỉ, kiểm lại quân số thiếu mất hai người, một bác sĩ quân y và một tiểu đoàn trưởng pháo binh. Cho anh em trình sát chia làm mấy ngả quay lại tìm, người đi tìm đành là thức trắng, nhưng những người ngồi chờ tin cũng không thể ngủ. Chỉ lo có chuyện gì xảy ra rồi sẽ ân hận không biết thế nào. Trời đã sáng hẳn, vừa mới đặt lưng chột nghe có tiếng cười ầm ầm phía ngoài. Họ đã về! Hú vía! Thì ra hai người xuống suối lấy nước đổ bi-đông, vì đã chịu khát cả buổi chiều, lúc lên thì tộp đi trước đã mất hút. Ông bác sĩ cứ nắc nỏm khen mãi đồng chí tiểu đoàn trưởng pháo binh tìm đường trong đêm quá tài thấy ngó ngó vào địa bàn lại ngó ngó vào bản đồ, cuối cùng cũng lần mò được ra cái địa điểm rất vô danh đã hẹn trước. Nghỉ hẳn lại hai ngày. Đêm sau đồng chí trợ lý tác chiến vác súng xin phép được đi bắn bò rừng lấy thịt khao quân. Khi chiều ra nương thấy có vết móng bò rừng. Người ấy đã nổ súng không hạ được con này cũng con kia. Quả nhiên có bò rừng thật, phải bốn, năm tạ thịt, ăn một góc, còn lại lọc thịt nướng qua làm lương khô ăn dọc đường về chỉ huy sở khu B. Chúng tôi ăn mừng ba mươi năm thành lập quân đội, ăn mừng một năm mới đã bước sang được vài ngày, ăn mừng một chuyến đi trình sát hết sức như ý. Rồi hẹn nhau sang năm, bằng giờ sang năm chúng ta sẽ lại tổ chức một bữa tiệc dọn đường, nhưng là ở một hướng khác, ở Công Tum hay Plây Cu, hoặc trên những con đường lớn chạy thông ra biển. Chỉ sang năm 1976 nhất định chúng ta phải với tay xuống biển. Một vùng cao nguyên đã được giải phóng, một vùng đồng bằng miền Trung đã được giải phóng, từ đó muốn làm gì cũng được, muốn lên bắc hay xuống nam đều được hết. Hẹn nhau thế, nào ai ngờ... Nhưng trước khi được thốt lên cái câu thật sảng khoái : *cũng không ngờ!* thì còn có bao nhiêu đêm ngày không ngủ, không ăn, đầu óc căng thẳng vì những phương án, những kế hoạch, rồi những hồi hộp, những lo lắng, những bồn chồn. Đó là tình hình của tháng Giêng và tháng Hai, nhất là những ngày của tháng Hai năm 1975. Vì chỉ vừa bước chân vào chỉ huy sở khu B đã nhận được điện của Bộ : *"Trình sát kỹ cả mục tiêu A".* Mục tiêu A là Buôn Mê Thuột...".

*

* *

Trong lúc chờ đợi đồng chí Vũ Lăng kể tiếp công trình chuẩn bị của Chỉ huy sở tiền phương của Bộ cùng Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên cho trận đánh vào thị xã Buôn Mê Thuột, tôi xin giới thiệu một vài tư liệu sẵn có trong tay về tình hình của đối phương trong mấy tháng đầu năm 1975 để bạn đọc thêm phần hứng thú.

Trong văn phòng tổng thống của Thiệu, có một nhân vật được gọi là đại tá Cầm, ngoài năm chục tuổi, thấp bé, xấu xí được Thiệu rất tin cậy, cho giữ "bút tích" của tổng thống tự thảo các

diễn văn, các công tư điện quan trọng, các quyết định bổ nhiệm hàng tỉnh trưởng trở lên. Cầm có một người vợ cả để ở nhà quê, còn ăn ở với cô vợ nhỏ ở đường Nguyễn Huỳnh Đức, Sài Gòn. Cô này trạc ngoài ba mươi tuổi, là một tay áp-phe có hạng của đất đô thành, rất yêu chồng và nhất là cái chức vụ phó văn phòng phủ tổng thống của chồng. Ở phòng khách cô ta treo ảnh đức lang quân to bằng nửa người thật, to hơn cả ảnh tổng thống. Những người có việc đến hầu bà vợ nhỏ thường gọi bốc thơm là “bà chánh văn phòng”. Muốn chạy chức tỉnh trưởng hoặc trưởng ty cảnh sát là những chức vụ “đẹp” nhất của ngạch cai trị, không thể không qua tay đại tá Cầm. Dầu muốn chạy cửa thủ tướng Khiêm hay đại tướng Viên, rút lại vẫn phải qua văn phòng của Thiệu để được xét duyệt lần cuối. Ví như được nghe một nguồn tin thân cận, tức là nguồn tin do một nhân vật nào đó có ý hớ hênh buột ra rằng : “Ông Thiệu sắp sửa “nhổ” tỉnh trưởng Long Khánh”, thế là trong vòng vài hôm phải có hàng chục lá đơn đưa đến xin được thể chân. Người làm đơn phải kê khai tướng mạo, học lực và quân vụ, cùng với một tấm hình căn cước. Nếu dưới lá đơn không kẹp thêm một tờ ngân phiếu, thì có thể xem như lá đơn bỏ đi, vì sẽ được đưa sau cùng, khi những lá đơn có tiền đã được đệ trình trước kèm theo vài lời giới thiệu nho nhỏ. Nếu tổng thống phê bên cạnh lá đơn cho gọi đương sự lên xem mặt là coi như xong. Vì ông Thiệu rất coi trọng tướng số, nên khi trình diện phải giữ sao cho có được một bộ mặt con ông cháu cha, đi đứng cho đàng hoàng, ăn nói cho khoan thai là có thể cầm chắc được nghị định bổ nhiệm. Tuy nhiên số tiền đưa theo lá đơn mới là tiền ứng trước, “nếu như tôi được bổ nhiệm thì sẽ...” cho nên khi được tổng thống ký vào nghị định bổ nhiệm, lập tức đại tá Cầm làm ngay một bản chụp lại, gửi cho đương sự để lấy nốt khoản tiền còn lưu lại kia. Vì nghị định phải đi theo con đường vòng vèo của nó, qua nhiều bộ, nhiều cơ quan, rồi mới tới tay người được bổ nhiệm. Đại để lề luật làm việc ở văn phòng tổng thống là thế, vị trí của đại tá Cầm là thế. Cũng là may mắn cho tôi, trong những tài liệu lưu trữ của cơ quan tuyên huấn quân đoàn 3 lại có mấy tập “bút tích” nọ. Lại có cả một cuốn sổ ghi việc hàng ngày của Thiệu, tức là cuốn Agenda năm 1975, bìa vàng. Tôi xin chép lại vài đoạn :

...

6 - January (Monday)

Phước Long thất thủ.

9,00 - Phó tổng thống + Thủ tướng + Đại tướng tổng tham mưu trưởng + Trung tướng Quang + Trung tướng Khuyen + Trung tướng Dong + Trung tướng Minh (không quân) + Chuẩn tướng Thọ (vụ Phước Long).

10 - January (Friday) .

18,00 - Nói chuyện TV về vụ Phước Long.

11 - January (Saturday)

8,30 - Mời thủ tướng Khiêm ăn sáng.

11, 00 - Đại sứ Martin + Tướng Jones, tham mưu trưởng không quân Hoa Kỳ.

...

5 - February (Wednesday).

8,00 - Khởi hành đi Chu Lai (Boeing).

9,00 - Thăm sư đoàn 2 - Nói chuyện với binh sĩ.

11,00 Đi Dạ Lê bằng trực thăng - Đáp tại núi Mỏ Tàu.

Dự thuyết trình của sư đoàn 1. Nói chuyện với binh sĩ.

Cơm trưa.

Đi Huế bằng đường bộ - Thăm chợ Đông Ba.

Rời Huế đi Đà Nẵng bằng trực thăng.

Nói chuyện với binh sĩ sư đoàn 3.

Dự thuyết trình tại quân đoàn 1.

Nghỉ đêm tại Bộ chỉ huy 1/tiếp vận.

6 - February (Thursday).

8,30 - Rời Đà Nẵng đi Pleiku (Boeing).

Dự thuyết trình của quân đoàn 2 tại phi trường.

Khen thưởng sư đoàn 6 không quân.

Rời Pleiku đi Pleime thăm Biệt động quân.

Rời Pleime đi căn cứ 801 thăm sư đoàn 23 - Cơm trưa với binh sĩ.

Rời căn cứ 801 đi Trà Quang (Bình định). Dự thuyết trình sư đoàn 22.

Rời Phù Cát đi Phan Rang.

...

Một tài liệu khác của bộ tổng tham mưu quân đội nguy gửi xuống các tư lệnh quân khu, không quân và hải quân, nhắc nhở và giải thích thêm những ý chính trong các bài nói của Thiệu nhân dịp y đi thăm các căn cứ quân sự vào dịp trên. Nguyên văn như sau :

Việt Nam Cộng hòa.

Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa

Phòng Ba

Điện thoại: 30.631

SỐ 1.197/TTM/P341

TƯ VẤN

Kính gửi :

Trung tướng tư lệnh quân đoàn 1 + QK 1

Thiếu tướng tư lệnh quân đoàn 2 + QK2

Trung tướng tư lệnh quân đoàn 3 + QK3

Trung tướng tư lệnh quân đoàn 4 + QK4,

Trung tướng tư lệnh không quân

Đề đốc tư lệnh hải quân.

Trích yếu: *V/v chỉ thị của tổng thống Việt Nam Cộng hòa về đường lối chiến tranh hiện tại.*

1. Trong dịp thăm viếng các đơn vị QLVNCH nhân dịp tết Ất Mão, tổng thống VNCH thường chỉ thị đại ý như sau:

a) Trước đây khi còn quân lực Hoa Kỳ, chúng ta chiến đấu với các phương tiện dồi dào, không hạn chế, đánh theo lối quy mô, sử dụng nhiều phương tiện và bom đạn một cách phí phạm.

b) Nay ngoại viện đã bị hạn chế và có chiều hướng ngày càng suy giảm vì sự khó khăn ngay tại các nước đồng minh viện trợ cho ta nên không thể tiếp tục mãi, cũng như ảnh hưởng của sự khủng hoảng nhiên liệu trên thế giới đã gây hậu quả quan trọng vào nền kinh tế Việt Nam.

c) Do đó, ta phải quay trở về với lối đánh thuần túy Việt Nam cho phù hợp với các phương tiện tự túc và hạn chế của ta.

2. Trong khi chờ đợi BTTM phổ biến đường lối hoạt động chung theo chiều hướng như chỉ thị của tổng thống, BTTM yêu cầu quý vị tư lệnh dựa theo quan niệm sau đây mà áp dụng đường lối hoạt động cho phù hợp với tình hình từng địa phương :

a) Trên phương diện chiến thuật, lối đánh quy mô với sự phối hợp liên binh đòi hỏi nhiều phương tiện yểm trợ dồi dào và tốn kém không còn phù hợp, phần vì khả năng yểm trợ của ta đã bị hạn chế, phần vì bị giới hạn và ràng buộc bởi Hiệp định ngừng bắn. Do đó ta phải trở về với lối đánh thuần túy Việt Nam, nghĩa là phải chú trọng đến sự hoạt động của các đơn vị nhỏ, từ cấp đại đội trở xuống tới cấp toán, cấp tổ, đánh bằng phục kích, đột kích, phá hoại, đánh

bằng mình bấy trên các trục giao liên, đánh bằng các đơn vị trinh sát, v.v. Với lối đánh biệt động, lấy vũ khí cá nhân và cộng đồng của đơn vị làm chính (trung liên, đại liên, súng cối) và hỏa lực phi pháo chỉ là phụ, như vậy các đơn vị sẽ không bị lệ thuộc và ỷ lại vào hỏa lực yểm trợ của không quân và pháo binh.

Về di chuyển cũng lấy sức người làm chính, các phương tiện chuyển vận như quân xa, phi cơ trực thăng, v.v. nếu có chỉ là phụ, hoặc chỉ được sử dụng các phương tiện này trong những trường hợp tối cần mà sức người không làm nổi. Do đó ta phải lấy phương châm : “Thắng địch bằng tinh thần chứ không phải bằng vật chất”, nghĩa là lấy sự quyết tâm, thiện chí và mưu lược để thắng địch hơn là bằng phương tiện. áp dụng được chiến thuật trên, chẳng những các đơn vị nhỏ sẽ dễ dàng bung quân tấn công phá vỡ kế hoạch lấn đất giành dân của địch mà còn tạo được thế chủ động bung ra chèn ép địch, gây bất an ngay trong lòng địch để buộc chúng vào thế co rút.

b) Với các hoạt động đơn vị từ cấp tiểu đoàn trở lên ta chỉ sử dụng vào các mục tiêu lớn, chắc chắn và đáng giá, như vậy ta vừa tiết kiệm được lực lượng lại vừa sẵn có một số đơn vị lớn trừ bị trong tay sẵn sàng tung quân đối phó với địch khi cần.

c) Trên phương diện tiếp vận, một vấn đề khó khăn cho ta hiện nay là vũ khí, đạn dược, nhiên liệu là những phương tiện vô cùng đắt giá, nếu cứ tiếp tục giữ mãi mức độ tiêu thụ như trước đây, chắc chắn ngân sách quốc phòng không sao gánh nổi. Bộ tổng tham mưu đã từng chỉ thị các đơn vị phải tiết giảm nhu cầu tiêu thụ, tuy nhiên vấn đề này vẫn chưa đạt được đúng mức. Trong tương lai sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn nữa, do đó ngay từ bây giờ ta phải biết giữ gìn, biết tiết kiệm từng viên đạn, từng giọt xăng, bảo trì các vũ khí, quân trang, quân dụng hiện có của ta luôn luôn trong tình trạng thật hoàn hảo. Có như vậy mới hy vọng trong tương lai ta còn có phương tiện mà sử dụng.

d) Ngoài vấn đề sửa đổi về đường lối chiến thuật tiết giảm và sử dụng hữu hiệu mọi nhu cầu, bảo trì hoàn hảo vũ khí quân trang và quân dụng để đáp ứng với hoàn cảnh hiện nay, ta còn phải nghĩ tới việc để dành một số phương tiện khả dụng, làm trừ bị dự trữ luôn luôn trong tình trạng tốt và sẵn sàng, hầu có thể tung ra đương đầu với cộng sản trong những ngày quyết định cuối cùng. Yêu cầu các vị tư lệnh khẩn trương nghiên cứu, ra lệnh và đôn đốc các đơn vị trực thuộc nghiêm chỉnh thi hành chỉ thị của tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

ĐẠI TƯỚNG CAO VĂN VIÊN
TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
QLVNCH

Lại một tài liệu khác, do chính tay Thiệu viết nháp gửi thủ tướng chính phủ là Khiêm, về việc sử dụng danh từ “Việt Nam hóa chiến tranh”. Đó là tâm trạng của một người trong đám người được Mỹ “Việt Nam hóa”, nay muốn chối bỏ cái thân phận của mình, gạch xóa cái gốc gác của mình, ngỗ hầu biến hóa thành một “chiến sĩ yêu nước”, “một lãnh tụ quốc gia”. Do bởi cái tâm trạng kỳ quặc ấy nên mới có thể có những quyết định khó hiểu trong tháng Ba mà tôi sẽ có dịp trình bày trong một chương sau.

TƯ VẤN
GỢI THỦ TƯỚNG

V/v sử dụng danh từ “Việt Nam hóa chiến tranh” (rồi lại gạch hai chữ chiến tranh)

1. Tôi nghĩ danh từ “Việt Nam hóa chiến tranh” hoặc “Việt Nam hóa hòa bình” không thích hợp để sử dụng bởi người Việt Nam, dù thuộc chính quyền hay không, dù trong nước hay ngoài nước, vì lẽ :

Thứ nhất - Từ trước đến nay cuộc chiến tranh này là do cộng sản gây nên. Do đó, công cuộc kháng chiến là của nhân dân miền Nam chủ động với sự trợ giúp của các quốc gia đồng minh

hay thể giới tự do, dù tham chiến trực tiếp hay ở mọi hình thức viện trợ khác.

Vì vậy công cuộc kháng chiến không thể nói và xem là do nơi ai khác hơn là nhân dân miền Nam chúng ta.

Trên đây là một căn bản không thể lệch lạc được. Cho nên :

Thứ hai - Khi nói cuộc chiến đấu đã được "*phi Mỹ hóa*" có nghĩa là từ trước đến nay do chính phủ Mỹ gây nên và lãnh đạo cuộc chiến này.

Điều này không đúng và không tốt cho nhân dân Việt Nam kháng chiến, còn lại giúp luận điệu cho cộng sản tuyên truyền khuynh đảo. Còn nói rằng "*Việt Nam hóa chiến tranh*" thì cũng như trên, có nghĩa là từ trước đến nay chiến tranh này là của Mỹ, ngày nay mới giao cho Việt Nam đảm trách.

Tai hại hơn nữa, là người ta sẽ hiểu lầm cho rằng Mỹ đã *thua cuộc chiến tranh của Mỹ* từ mấy năm nay, nên bây giờ mới giao lại cho chúng ta đánh và Mỹ sử dụng nhân dân miền Nam đánh giặc cho họ; do đó mà có danh từ *Việt Nam hóa chiến tranh*.

Thứ ba - Danh từ *Việt Nam hóa cả quân sự lẫn chính trị* mà một số nhân vật hay báo chí ngoại quốc thường dùng lại càng phải tránh, vì lẽ vấn đề chính trị là thuộc chủ quyền của người Việt Nam. Khi nói "*Việt Nam hóa... chính trị*" có nghĩa là chính phủ và nhân dân Việt Nam mất chủ quyền chính trị. Còn cộng sản, thì họ sẽ khai thác cho rằng ta hoàn. toàn nô lệ Huê Kỳ và Huê Kỳ đang thực hiện một chế độ thuộc địa tại miền Nam, cả về chính ta lẫn quân sự.

Danh từ này *hoàn toàn tai hại* cho cả ta lẫn bạn đồng minh.

*

* *

Để giúp bạn đọc hiểu rõ thêm cách nhận định tình hình và cách bố trí lực lượng của quân nguy ở quân khu II tôi xin giới thiệu tóm lược *phần thuyết trình tình hình quân sự của Phạm Văn Phú, tư lệnh quân khu II trước Trần Thiện Khiêm và phái đoàn chính phủ do y dẫn đầu, tới thăm quân khu II hồi đầu tháng Giêng năm 1975...*

...

Chiến dịch Đông Xuân 1975 sẽ bắt đầu cuối tháng 1 hoặc đầu tháng 2 năm 1975. Về mức độ so với năm 1972 thì cường độ sẽ mãnh liệt hơn nhiều. Vì với hệ thống hành lang xâm nhập và vận chuyển quy mô hiện nay, địch dễ dàng tập trung pháo, chiến xa, bộ binh nhanh chóng áp lực nặng vào từng khu vực. Và thời gian chiến dịch có thể kéo dài hơn năm 1972... ước tính nếu cộng sản mở chiến dịch lớn thì tỉnh Kontum, Pleiku và bắc Bình Định sẽ là những chiến trường trọng điểm. Các tỉnh Darlac, Quảng Đức, sẽ là các chiến trường phụ để thu hút và cầm chân lực lượng của ta.

Trong mùa khô sắp tới ước tính mặt trận Kontum sẽ là *điểm* kết hợp với *diện* là Pleiku. Tuy nhiên chiến trường Pleiku cũng vẫn có thể trở thành mặt trận *thêm* nếu địch tăng cường lực lượng.

Ở Kontum

Kể từ trung tuần tháng 5 năm 1974 hoạt động địch gia tăng mạnh mẽ. Đáng kể là vào những ngày 15, 16 tháng 5 năm 1974, địch đã tập trung bộ binh, pháo, chiến xa phối hợp tấn công bức rút trại và chi khu Dakpek.

Hai tháng sau lại gây áp lực mạnh vào chi khu Mangbuk. Cho đến ngày 19 và 20 tháng 8 năm 1974 chi khu Mangbuk phải di tản về Chương Nghĩa.

Đến đầu tháng 10 năm 1974, áp lực địch chuyển về chi khu Chương Nghĩa. Và sau đó chi khu này mất liên lạc kể từ ngày 3 tháng 10 năm 1974.

Ở Pleiku

Áp lực mạnh Pleime, Địch pháo mạnh mười ngàn viên đạn, tấn pháo mạnh vào tây Pleiku.

Ở Bình Định

Hoạt động mạnh ở hai quận Phù Mỹ - Phú Cát, lấn mở rộng vùng giải phóng.

Hoạt động mạnh ở vùng Hoài Nhơn - Tam Quan.

Đánh giao thông trên quốc lộ 19 và tây Bình Khê.

Ở Đarlac

Pháo kích trên 1000 viên đạn, lấn chiếm trại biên phòng Tiểu Anh (tây bắc Ban Mê Thuột).

Đánh phá đường 14 - bắc Buôn Hồ.

Các đơn vị quân đoàn 11 được phối trí như sau:

Sư đoàn 22 bộ binh với 4 trung đoàn cơ hữu (40; 41; 42; 47) tại vùng Bình Định .

Sư đoàn 23 với ba trung đoàn cơ hữu (44; 45; 53) và được tăng phối liên đoàn biệt động quân tại vùng Pleiku.

Biệt động quân/quân khu II hiện đang phối trí tại vùng.

Kontum : 4 liên đoàn biệt động quân (22, 23, 4, 6).

Darlac : liên đoàn 21/biệt động quân.

Quảng Đức : liên đoàn 24/biệt động quân.

Kế hoạch quân sự của quân khu II trong đệ nhất tam cá nguyệt :

Tại mặt trận Kontum : Bộ chỉ huy biệt động quân/quân khu II với 4 lữ đoàn biệt động quân trách nhiệm hành quân đánh tiêu hao và tiêu diệt sư đoàn 10 cộng sản, đặc biệt các trung đoàn 24, 28 và có thể trung đoàn 95B.

Bảo vệ và chiếm giữ Chư Pao (nam Võ Định) bằng mọi giá.

Tại mặt trận Bình Định: Sư đoàn 22 bộ binh đánh tiêu hao và tiêu diệt sư đoàn 3 và tỉnh đội Bình Định.

Bảo vệ quốc lộ 19 bằng mọi giá.

Tại mặt trận Pleiku: Sư đoàn 23 bộ binh trách nhiệm đánh tiêu hao và tiêu diệt sư đoàn 320 cộng sản.

Bảo vệ quốc lộ 19 trong lãnh thổ tiểu khu Pleiku bằng mọi giá.

Chiếm giữ và an ninh quốc lộ 14, đoạn đèo Tử sĩ.

Tiếp tục đánh phá giao liên và tiếp vận địch bằng thám kích không quân chiến thuật và các đơn vị của nha kỹ thuật.

*

* *

Tối thứ hai đồng chí Vũ Lăng kể tiếp :

“Bữa trước tôi đã nói với anh về những công việc chuẩn bị của chiến trường theo ý đồ của Bộ cuối năm 1974. Khoảng ngày 10 tháng Giêng năm 1975, tôi về tới Chỉ huy sở khu B làm kế hoạch thì nhận được điện của anh Lê Ngọc Hiền, phó tổng tham mưu trưởng : “Nên trình sát kỹ cả mục tiêu A”. Cũng chưa bảo hẳn là phải đánh mục tiêu A. Nhưng như thế cũng đã đủ rõ rồi. Lúc này anh Hiệp đang làm việc với trung đoàn 25 ở phía bắc Buôn Mê Thuột. Ngày 13, anh Hiệp nhận được điện trở về. Anh Hiệp, anh Hàm, anh Năng và tôi bàn ngay vào nhiệm vụ mới, coi như nhiệm vụ chính thức đã được Bộ giao. Cũng rất lo về thời gian, dốc sức chuẩn bị cho Đức Lập trên một tháng, nay lại thêm Buôn Mê Thuột, mà ngày nổ súng tấn công trên toàn mặt trận vẫn không thay đổi, khoảng 20 đến 25 tháng Hai. Khó khăn tuy nhiều nhưng cả mấy chúng tôi đều rất vui. Lại nghĩ đến thời cơ lớn của cả cuộc kháng chiến và của riêng mỗi chiến trường. Thị xã Phước Long đã được giải phóng vừa cách một tuần. Làm gọn được Đức Lập sẽ đánh thốc xuống Gia Nghĩa, giải phóng tỉnh Quảng Đức. Phía trên này đánh nhanh Buôn Mê Thuột, giải phóng tỉnh Đắc Lắc, có cơ hội giải phóng luôn tỉnh Phú Bơn, ép chặt Plâycu và Công Tum. Chỉ mừng tượng trên bản đồ đã thấy một vùng đỏ rộng lớn kéo dầm từ bắc xuống nam, từ đông sang tây tạo ra một thế chiến lược cực kỳ lợi hại, không có cách gì đảo ngược được.

“Đánh Buôn Mê Thuột còn có một mặt thuận lợi là địch chưa có chuẩn bị. Chúng luôn luôn bị ám ảnh bởi áp lực thường xuyên của ta xung quanh Công Tum và Plâycu. Nếu có đụng chạm đến cái thị xã phía nam này chắc chỉ là những hoạt động phối hợp, nhằm làm phân tán lực lượng của đối phương. Càng ngày càng tỏ rõ cái ý nghĩ ấy đã đóng chặt vào đầu các cơ quan tham mưu của quân đội nguy, dẫu khi đã có trong tay nhiều tài liệu chứng tỏ có thể ta sẽ đánh Buôn Mê Thuột chúng vẫn không tin, vẫn nghĩ là một đòn nghi binh, một mưu kế.

“Chúng tôi đã thống nhất với nhau về hai phương án để chuẩn bị. Một là đánh địch đã có phòng ngự dự phòng, hai là đánh địch như trong tình hình hiện tại, nghĩa là chỉ có một trung đoàn đồn trú trong thị xã. Tốt nhất là đánh địch khi chúng chưa có chuẩn bị, hoàn toàn bị bất ngờ, lực lượng chủ yếu của chúng vẫn nằm ở Công Tum và Plâycu. Nên đánh theo phương án 2, nhưng khi chuẩn bị lại phải dốc sức vào phương án 1, tức là địch đã có chuẩn bị, đã tăng thêm lực lượng, đã có một kế hoạch đối phó hẳn hoi. Trong quân sự, cách chuẩn bị theo tình huống khó nhất vẫn là cách chuẩn bị chủ động nhất. Dầu mục tiêu, ngày giờ và lực lượng có bị tiết lộ, chúng ta vẫn cứ hoàn thành nhiệm vụ. Vì chúng ta đã có một sức mạnh nhất định, có khả năng áp đảo địch trên một hướng nhất định. Tuy nhiên, trong cách suy nghĩ người chỉ huy phải chọn cơ hội có lợi nhất, trận đánh sẽ diễn ra nhanh gọn nhất và lực lượng tấn công chỉ chịu một tổn thất ít nhất.

“Lại bàn về cách đánh Buôn Mê Thuột. Cũng có hai cách đánh. Một cách đánh đột phá lần lượt, từ ngoài vào trong. Và một cách đánh đưa một lực lượng rất mạnh chọc thủng vào khu trung tâm chỉ huy của địch, rồi từ đó sẽ đánh tỏa ra cùng với các lực lượng phía ngoài tiếp ứng vào. Nếu giờ nổ súng được giữ bí mật tới phút cuối cùng thì có thể đánh theo cách chọc thủng. Mà nếu bị ngăn trở từ nhiều ngày trước thì đành phải mất công bóc lần lượt lớp vỏ bên ngoài ra. Tất nhiên cách đánh thứ hai là cách đánh hay nhất, gọn nhất, ít tổn kém nhất. Nhưng muốn đánh theo phương án 2 và với cách đánh chọc thủng thời phải giữ được bí mật về mục tiêu. Giữ bí mật đến phút cuối cùng. Tất nhiên là rất khó, khó lắm. Nhưng chúng ta sẽ cố giữ bí mật đến một lúc nào đó, còn khi thế chiến dịch đã cài rồi, chúng ta đã bày binh bố trận đâu vào đấy rồi, thì dầu có lộ địch cũng không thể trở tay được nữa. Không thể trở tay được, chứ không phải là không trở tay kịp. Vì lực lượng của chúng có hạn, phương tiện vận chuyển cũng có hạn. Nếu chúng ta trình sát kỹ, bố trí lực lượng giỏi, các trận đánh dạo đầu diễn ra nhanh thì dẫu có được biết trước hướng tấn công chủ yếu cũng đành bó tay chịu chết. Tình hình mười ngày đầu trong tháng Ba đã diễn ra gần đúng như thế.

“Ngày 21 tháng Giêng, anh Lê Ngọc Hiền từ ngoài Bộ vào chính thức giao nhiệm vụ. Khi nhận nhiệm vụ của cấp trên thì trong tay chúng tôi đã có hai phương án tác chiến để báo cáo rồi. Nhìn vào cách bố trí lực lượng của chúng tôi các anh trên có hơi nghi ngại vì nó phân tán quá. Sư đoàn 320 nằm trên quốc lộ 14, bắc Buôn Mê Thuột, xung quanh khu vực Cẩm Ga - Thuận Mẩn. Sư đoàn 10 bám chặt khu vực Đức Lập. Sư đoàn 316 rải quân giữa Buôn Mê Thuột và Đức Lập, phía tây sông Sê-rê-pốc. Sư đoàn 968 kiềm chế địch ở Công Tum và Plâycu. Trung đoàn 95A chặn đường 19 từ đèo Mang Dang lên Con Tùm. Trung đoàn 25 thì chặn đường 21,

từ Buôn Mê Thuột đi Khánh Hòa, đoạn đông-tây Chư Cúc. Thế trận như thế là chắc, nhưng Bộ tư lệnh mặt trận không có lực lượng dự bị trong tay. Thông thường mà xét, bố trí như vậy là không có bài bản. Trong tình hình này nếu không đánh Đức Lập thì sẽ được một sư đoàn rút ra làm lực lượng dự bị cho chiến dịch. Nhưng không đánh Đức Lập thì không thể giải tỏa được đoạn đường 14 Buôn Mê Thuột đi Đức Lập, không thể đưa bộ đội và binh khí kỹ thuật qua đường và con sông Sê-rê-pốc sang ếm phía Tây và Tây-nam Buôn Mê Thuột. Vả lại đánh Đức Lập còn nhằm thực hiện những ý định cũng hết sức quan trọng : mở rộng đường hành lang chiến lược Bắc Nam; uy hiếp trực tiếp thị xã Gia Nghĩa; kéo một phần lực lượng địch ở Buôn Mê Thuột ra ứng cứu (nếu chúng đã tăng cường lực lượng), giành thế đánh địch ở thị xã theo phương án 2. Đánh cụm cứ điểm này là rất nên, nhưng đã đánh thì không thể có lực lượng dự bị. *Nhưng thời gian là lực lượng cơ động là sức mạnh.* Có nghĩa là đánh Đức Lập trong vòng hai ngày, sau đó các lực lượng tham chiến sẽ lần lượt được điều bằng cơ giới lên phía bắc Buôn Mê Thuột làm lực lượng dự bị cho chiến dịch. Tức là lực lượng *dự bị sẽ được hình thành trong quá trình chiến đấu.* Đó cũng là một nguyên tắc, nhưng chỉ được thực hành khi bộ đội ta đã mạnh, năng lực tổ chức và chỉ huy của cán bộ đã giỏi, có khả năng hoàn toàn áp đảo địch trên một hướng, rồi sau đó lại vận động bằng cơ giới đến một hướng khác mà sức lực và khí thế vẫn dư thừa. Rồi lại phải tính toán thật sát sao về thời gian nổ súng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ, và vào lúc nào thì địch sẽ tung ra những lực lượng phía sau tổ chức phản kích. Ngày nổ súng, tức ngày N, càng giữ được bí mật thì sự phản ứng của địch sau đó càng chậm chạp. Vì rằng, chúng còn phải tổ chức lại lực lượng, phải tìm hiểu tình hình của ta và các khu vực có thể đổ quân xuống và cũng còn phụ thuộc cả vào phương tiện vận chuyển nữa. Tuy nhiên những lực lượng tiếp cứu lấy cũng không dễ mà đi và đến cũng không dễ, nếu ta hoạt động mạnh ở Công Tum và Plâycu; nếu ta khóa chặt được các con đường sinh tử 19, 21 và 14, chia cắt chúng ra từng khu vực; nếu ta nhổ gọn các căn cứ phụ cận Buôn Mê Thuột khiến quân địch có đổ xuống cũng đã mất chỗ đứng chân.

“Anh Hiền rất đồng ý với hai phương án chuẩn bị của chúng tôi, và cũng khuyên phải tranh thủ điều kiện đánh địch như trong hiện trạng, tức là chỉ có lực lượng của một trung đoàn 53 thiếu, cộng thêm lực lượng địa phương quân của tiểu khu Đắc Lắc. Muốn giữ địch như trong hiện trạng tất phải có một kế hoạch nghi binh thật tốt, và một kế hoạch khóa chặn những con đường vận chuyển thật chắc chắn. Theo anh Hiền, sư đoàn 3 Sao Vàng của quân khu 5 sẽ phụ trách đoạn đường 19 đông đèo An Khê đến quận lỵ Bình Khê, trung đoàn 95A của Tây Nguyên sẽ đánh đoạn đèo Mang Dang, cách Plây Cu khoảng sáu mươi cây số. Một sư đoàn và một trung đoàn mạnh đánh giao thông thì địch phải có từ ba đến năm sư đoàn mới chọc thủng được. Nhưng chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra. Nếu chúng không dám vận chuyển trên đường 19 mà lại đổ xuống sân bay Cù Hanh (Plây Cu) rồi từ đó theo đường 14 xuống Buôn Mê Thuột thì lại vấp phải sư đoàn 320, cũng là một sư. Hoặc giả chúng đưa quân xuống Nha Trang, rồi từ đó theo đường 21 lên Buôn Mê Thuột thì lại bị trung đoàn 25 chặn đánh ở đông tây Chư Cúc. Tuy nhiên, chúng lại không thể để mất Buôn Mê Thuột một cách quá dễ dàng, nhưng lực lượng của nó là thế, khả năng cơ động của nó là thế, nhiều lắm cũng chỉ có thể đổ xuống từ một đến hai trung đoàn bằng C.130 hay trực thăng vận tải xuống mấy khu vực phía đông-bắc Buôn Mê Thuột. Một trung đoàn đổ quân bằng máy bay phải mất từ một đến hai ngày. Một sư đoàn đổ xuống mất một tuần. Mà sau một tuần thì chúng ta đã có trong tay hơn hai sư đoàn dự bị rồi.

“Về bố trí lực lượng của chúng ta lần này có cái hay là vẫn ếm được quân ở những khu vực quan trọng, nhưng hướng tấn công chủ yếu không vì thế mà bị kẻ địch nghi ngờ. Vì rằng cách bố trí đó có ý nghĩa là thế này mà cũng có ý nghĩa là thế kia, có thể nhằm vào mục tiêu B, mà cũng có thể nhằm vào mục tiêu A. Trong kế hoạch nghi binh có kế hoạch chuyển quân từ phía bắc xuống phía nam của sư đoàn 10. Vì trong nhiều năm trực tiếp tiếp xúc với nhau trên hai địa bàn Công Tum và Plâycu nên đôi bên đều hiểu rất rõ về nhau, biết cả chỗ yếu và chỗ mạnh của nhau. Bước sang mùa khô là các lực lượng trinh sát thám báo cùng những đơn vị kỹ thuật của địch bắt đầu dò tìm phương hướng di chuyển của các đơn vị chủ chốt. Đánh lớn tất phải dồn quân, mà quân tinh nhuệ phải ở vị trí xung yếu. Làm cách nào điều quân đi mà kẻ địch vẫn không hay rõ, quả thật là rất khó khăn. Còn quân thì còn hoạt động. Quân rút thì hoạt động phải lặng đi. Đưa đơn vị khác đến thay thế cũng không dễ. Vì cách thức chỉ huy và tác chiến của đơn vị này không giống đơn vị nọ, mà kẻ địch do phải đương đầu với chúng ta đã nhiều năm

nên có thể đoán biết mọi hoạt động của đối phương từ những dấu hiệu rất nhỏ.

“Trước tết, sư đoàn 10 vẫn còn ở khu vực Công Tum liền tổ chức ăn tết ở đó, mời cán bộ địa phương đến dự. Cùng thời gian, chúng tôi phái cán bộ đến liên lạc với tỉnh ủy và các cơ quan dân chính của hai tỉnh Công Tum và Plâycu, yêu cầu huy động dân công làm đường và chuyển lương cho bộ đội đánh lớn vào mùa khô sắp tới. Mà là làm đường thật và chuyển lương thật, vì sư đoàn 968 tới thay thế cũng phải mở các trận đánh ở khu vực mình, vừa là nghi binh, vừa tạo một chỗ đứng vững chắc làm bàn đạp cho những bước nhảy sắp tới. Các đơn vị được di chuyển cũng chỉ được biết vào phút chót, trước hết là chuyển ra xa hơn các vị trí vừa đóng, như một cuộc chuyển quân bình thường để cắt đứt mọi sự mua bán, gửi gắm, chào hỏi với dân địa phương trước khi đi xa. Khi quân đã chuyển rồi, các cụm đài vẫn liên lạc với nhau và với Bộ tư lệnh như cũ do đồng chí tham mưu phó của B3 phụ trách mạng liên lạc này. Dĩ nhiên mọi hoạt động chuẩn bị của ta ở hai tỉnh vẫn phải hết sức bí mật, nhưng tin rằng địch sẽ dò la ra, Vì chúng đã chú ý từ trước, đã phấp phỏng từ trước. Nghi binh mà lộ liễu quá thì không còn là nghi binh. Nghi binh cũng phải nhằm đạt tới những mục tiêu có thật. Đứng về chiến dịch thì hướng đó là nghi binh, nhưng trong hàng loạt trận đánh của khu vực vẫn phải hoàn thành những nhiệm vụ đã được xác định : tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, chia cắt địch không cho chúng có cơ hội tập trung lực lượng, và nếu như nhân đó một thời cơ tốt đẹp đã xuất hiện thì phải nhanh chóng chớp lấy thực hiện những nhiệm vụ sẽ được bổ sung. Nghi binh tức là một hướng đánh, chỉ không phải là hướng chủ yếu của chiến dịch mà thôi. Phương hướng chuẩn bị là như thế. Cách thức chuẩn bị là như thế. Xây dựng kế hoạch sẽ dựa trên phương hướng và cách thức ấy do các cơ quan chính trị và tham mưu của mặt trận làm và bàn duyệt trong một thời gian ngắn nhất để còn kịp triển khai lực lượng.

“Trước tết Ất Mão chừng mấy ngày thì anh Hoàng Minh Thảo từ Bộ vào. Bộ tư lệnh chiến dịch nam Tây Nguyên đã được Quân ủy Trung ương chỉ định như sau : Anh Thảo là Tư lệnh trưởng, anh Hiệp là Chính ủy, anh Hàn là Phó chính ủy, anh Phan Hàn, anh Lăng, anh Năng và tôi là Tư lệnh phó.

“Ngày 23 tháng Hai, tức là 13 tháng Giêng năm Ất Mão chúng tôi đi đón anh Văn Tiến Dũng. Anh Dũng ăn tết dọc đường để kịp vào xét duyệt các phương án trước khi chiến dịch mở màn. Đại tướng Văn Tiến Dũng là ủy viên Bộ Chính trị của Đảng ta, là phó Bí thư quân ủy Trung ương, được Bộ Chính trị giao nhiệm vụ và thay mặt Quân ủy trực tiếp chỉ đạo và chỉ huy chiến dịch quan trọng này. Ngày 25 tháng Hai, chúng tôi kéo lên Chỉ huy sở tiền phương của Bộ báo cáo quyết tâm và trình bày các phương án tác chiến. Nhân dịp này anh Dũng có truyền đạt lại tinh thần hội nghị Bộ Chính trị từ ngày 18 tháng Chạp năm 1974 đến ngày 8 tháng Giêng năm 1975, như sau : *“Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, trong thời gian 1975 - 1976 đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị, tạo điều kiện chín muồi tiến hành Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà...”* . Ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm, trong kế hoạch năm 1975, Bộ Chính trị dự kiến một phương án và một phương hướng hành động cực kỳ quan trọng là, nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Quyết tâm của Bộ Chính trị trong mùa xuân 1975 là : phát động tấn công lớn trên toàn miền Nam, lấy chiến trường Tây Nguyên là hướng tấn công chủ yếu. Trong Tây Nguyên lấy nam Tây Nguyên là khu vực tác chiến chủ yếu và thị xã Buôn Mê Thuột là mục tiêu then chốt. Khi xét duyệt các phương án tác chiến, anh Dũng đã chỉ thị nhiều ý kiến hết sức quan trọng, đặc biệt là cách tổ chức các lực lượng thọc sâu. Với anh em chúng tôi trong Bộ tư lệnh chiến dịch, anh Dũng có căn dặn mấy điều. Một là, phải giữ được chủ động từ lúc nổ súng, cả quá trình, cho đến kết thúc; hai là phải giữ được bất ngờ, và luôn luôn tạo ra những bất ngờ mới cho địch; ba là, phải càng đánh càng mạnh, tạo ra một sức mạnh liên tiếp. Do đó, từ nay đến lúc nổ súng phải biết điều khiển địch biết củng cố những nhận định sai lầm của nó về hướng tấn công chủ yếu của ta, phải tính toán và kiểm tra thật chặt chẽ mọi hoạt động của bộ đội để giờ nổ súng được giữ bí mật đến phút chót. Giai đoạn chuẩn bị trực tiếp cho chiến dịch

tính từ ngày 18 tháng Giêng đến ngày 4 tháng Ba là ngày ta bắt đầu cắt các đường 14, 19, 21, có tất cả là 48 ngày.

“Thời gian được phân chia như sau :

Ngày 19 tháng Giêng đến ngày 28 tháng Giêng - Bộ tư lệnh chiến dịch xác định quyết tâm và làm các kế hoạch chiến dịch.

Ngày 2 tháng Hai đến ngày 20 tháng Hai - Bộ tư lệnh chiến dịch tiến hành trình sát chỉ huy, chủ yếu trên hướng thị xã.

Ngày 25 tháng Hai - Quyết tâm và kế hoạch đánh địch ở thị xã Buôn Mê Thuột được đồng chí đại tướng Tổng tham mưu trưởng trực tiếp thông qua tại chiến trường.

Ngày 26 tháng Hai đến ngày 27 tháng Hai - Làm kế hoạch hiệp đồng chiến dịch và trận đánh thị xã.

Ngày 28 tháng Hai đến những ngày sau các đơn vị tiếp tục chuẩn bị chiến đấu. Bộ tư lệnh và cơ quan kiểm tra, giúp đỡ, chủ yếu là đánh địch ở thị xã. Bổ sung cách đánh, giải quyết các vấn đề hiệp đồng, bảo đảm cơ động thông tin và hậu cần.

“Từ lúc lực lượng được khai triển đến ngày N, thời gian không dài quá mà cũng không ngắn quá. Dài quá, thay đi đổi lại thì dễ sơ hở, dễ lộ, địch sẽ có cơ hội để phản ứng. Mà ngắn quá thì ảnh hưởng đến việc chuẩn bị của các cấp. Tình hình dầu khẩn trương đến thế nào cũng phải dành cho một đơn vị sư đoàn được chuẩn bị bảy ngày, cấp sư đoàn ba ngày, cấp trung đoàn bốn ngày, vì còn phải phân chia cho các tiểu đoàn và đại đội. Có biết bao nhiêu việc phải làm: nào đạn, nào gạo, nào kéo pháo; nào ếm quân, v.v... Về phía cơ quan chỉ huy của chiến dịch, chúng tôi cũng đặt ra những yêu cầu cụ thể :

- Vị trí chỉ huy chiến dịch chỉ được cách mục tiêu then chốt trong khoảng sáu, bảy cây số, càng gần càng tốt. Không có chỉ huy sở tiền phương. Tư lệnh ngồi ở tiền phương.

- Nếu có hai Chỉ huy sở, thì Chỉ huy sở cơ bản là ở hướng quan trọng nhất, chứ không phải ở phía sau.

“Tức là bằng mọi cách, cơ quan chỉ huy chiến dịch phải gần được bộ đội, nắm được tình hình trực tiếp và nhanh chóng, để có được những quyết định cũng nhanh chóng và chuẩn xác. Từ lúc ra ngồi ở cơ quan chỉ huy để tổ chức và đưa các lực lượng lần lượt vào tập kết ở các vị trí nhiệm vụ, là quãng thời gian vô cùng hồi hộp, căng thẳng, lo âu. Kế hoạch thì như thế, nhưng trong vô vàn công việc để thực hiện có bao nhiêu tình huống muốn vỡ đầu. Không ăn gì được chỉ uống thôi, cũng không ngủ được, cứ gà gât mười phút lại mở choàng mắt nằm lấy điện thoại hỏi chỗ này, gọi chỗ kia, vì chợt nhớ ra một chi tiết nào đó còn hồ nghi, còn lo lắng, cần phải kiểm tra một lần cuối. Một lần cuối rồi lại một lần cuối nữa, kiểm tra đi, kiểm tra lại tự mình không đến được thì cử cán bộ đến, cho đến lúc nổ súng mới thật yên tâm hoàn toàn. Phải nói rằng chưa bao giờ chúng tôi được tham gia một chiến dịch nào đẹp như lần này, ưng ý về mọi mặt như lần này; vậy mà vẫn có những đêm, những ngày bồn chồn, lo lắng như ngồi trên chảo rang. Dầu rằng kế hoạch có tài tình đến đâu, sự dự liệu có tỉ mỉ đến đâu vẫn cứ còn bao nhiêu chuyện không ai tính được trước đột nhiên xuất hiện. Ví như sau tết một chút, khí thế trận chung của cả chiến trường đã bắt đầu hình thành thì được tin một tiểu đội phó trong đại đội thông tin của trung đoàn 48 vào đầu hàng địch. Tên hắc là Sính. Năm 1972, Sính đã bị bọn thám báo vồ hụt một lần trên đường đi rải dây. Từ sau đó hắc đâm nhát sợ hắc. Không làm nhiệm vụ thì xấu hổ với đồng đội, làm nhiệm vụ thì coi như đã cầm bằng cái chết. Ý nghĩ đầu hàng, tìm một chỗ nương thân nhục nhã, miễn sao khỏi chết bắt nguồn từ cái tâm lý đón hèn ấy. Vậy mà xung quanh không ai biết. Không biết không phải do kẻ kia giấu giếm giỏi. Không ai giấu giếm được mãi mãi sự nhát sợ. Chẳng qua anh em mình còn quá trẻ, quá vô tư nên chưa thể am hiểu được cái tâm trạng phức tạp của con người trong trường hợp nhất định nào đó. Nếu hiểu được và biết cách cứu gỡ thì cũng sẽ tốt lành cả thôi. Sính đi cùng với hai đồng chí nữa làm nhiệm vụ rải dây theo một đại đội súng cối sang đông đường 14 để kiểm pháo ở Cẩm Ga. Hắc lùi lại khỏi đội hình, lấy cớ rằng muốn đại tiện. Chờ mãi không thấy hắc chạy theo, quay lại tìm thì hắc đã biến mất. Gặp dân hỏi, dân nói ngay : “Nó theo địch rồi, mình bảo chỗ ấy có địch, nó không nghe cứ đi vào”. Lính thông tin thường biết nhiều chuyện, nhất là các khu

vực có ếm quân vì liên quan đến công việc của họ. Lúc này kẻ địch rất muốn biết những đơn vị lớn của ta hiện ở những khu vực nào, từ đó mà đoán dần ra ý định của đối phương. Lại vào lúc ta đã điều quân tới dần các vị trí nhiệm vụ trước lúc nổ súng. Như sư đoàn 320 đã ở khu vực Cẩm Ga, Thuần Mẫn phía đông-bắc Buôn Mê Thuột. Một sư đoàn bố trí ở đó nhằm mục đích gì? Có thể là sẽ đánh Plâycu hoặc Cheo Reo? Mà cũng có thể là chặn đường 14 để các đơn vị khác đánh Buôn Mê Thuột? Đang dần thế trận mà bị tiết lộ cơ mưu thì phiền hà hết sức. Đánh địch trong thế bất ngờ không chỉ nhằm chiếm gọn một mục tiêu nào đó, mà còn tạo được ra một tâm trạng hốt hoảng, đẩy địch dễ đi tới những quyết định rối loạn và sai lầm. Chúng đang phòng ngự theo một hướng nay phải đung đầu ở một hướng khác, để gì đối phó cho kịp. Chậm một ngày là tình thế sẽ khác đi một ngày, thất bại chúng lại mãi, cho tới lúc này ra một chiều hướng hoàn toàn có lợi cho người chiến thắng. Lo thì lo chứ còn biết làm sao, đành phải theo dõi thật sát sao những phản ứng mới nhất của chúng. Ngày 2 tháng Ba, trung đoàn 45 của sư đoàn 23 nguy từ Plâycu xuống chốt ở Cẩm Ga, lưng sục khu vực đóng quân của sư đoàn 320. Chúng muốn thăm dò những tin tức đã thu lượm được? Lập tức bộ đội lủi sâu vào trong. Các đơn vị làm đường và cấu trúc các trận địa pháo cho cụm pháo chiến dịch cũng phải dừng lại hết. Mà đã là ngày 2 của tháng Ba rồi. Cũng vào dịp này lại thêm một chuyện đau đầu nữa. Khi địch sục ra Chư Nga (bắc Buôn Mê Thuột) thế nào lại bắt được một pháo thủ của cụm pháo chiến dịch. Việc này rồi cũng qua, vì địch vẫn nghĩ rằng chúng ta sẽ chỉ tấn pháo vào Buôn Mê Thuột với mục đích phối hợp với mặt trận Plâycu. Cho mãi tới gần ngày nổ súng vẫn còn những tin tức giật mình. Ngày 8 tháng Ba, tức là ngày trước của trận đánh vào chi khu Đức Lập, địch sục sạo ra vùng phụ cận gặp bộ đội cảnh giới, hai bên nổ súng. Chúng là một đại đội, anh em mình chỉ có mấy người. Một đồng chí bị hy sinh phải để xác lại. Chúng lục tìm được giấy tờ biết là bộ đội của sư 10, nhưng lại đưa về tiểu khu Quảng Đức để cứu xét (vì quân Đức Lập thuộc tỉnh Quảng Đức). Ngày hôm sau ta nổ súng, địch chưa kịp phán đoán thì đã bị tấn công rồi. Đêm ngày 4 tháng Ba, một cán bộ của trung đoàn phải vượt qua đường 14 và sông Sê-rê-pốc để ếm sẵn phía tây-nam Buôn Mê Thuột đánh rơi cuốn nhật ký, ghi rõ hành trình của đơn vị từ đâu đến và sẽ đến đâu. Cũng là may mắn thế nào, địch vẫn định ninh đó là lực lượng đi lối Đức Xuyên để tăng cường cho hướng Gia Nghĩa.

“Trên chiến trường toàn Miền thì hướng phòng ngự chủ yếu của địch vẫn là hướng của quân đoàn 1 (ngụy), sư dù hiện vẫn còn ở vùng 1. Quân đoàn 3 (ngụy), thì đang đề phòng ta áp xuống đồng bằng sông Cửu Long, dồn quân về chặn giữ vùng Tây Ninh và núi Bà Đen. Ở Tây Nguyên, địch vẫn khẳng định hướng phải đối phó là Công Tum và Plâycu. Ngày 2 tháng Ba, Đại tướng Tổng tham mưu trưởng kiểm tra lại quyết tâm của cấp sư đoàn. Ngày 4 tháng Ba, Bộ tư lệnh chiến dịch hạ quyết tâm đánh địch theo phương án 2, vì thế trận đã dần xong. Từ ngày 4 tháng Ba sư đoàn 968 bắt đầu nổ súng ở hướng tây nam thị xã Plâycu, dạo đoạn nhạc đầu trước khi vào phần chính : đánh chốt Mỹ, bức rút đồn Tầm, đánh chiếm dãy cao điểm Chư Ca Ra, Chư Côi, 605, uy hiếp mạnh Thanh Bình và Thanh An. Hướng tây Plâycu cũng đánh nhỏ, làm đường, làm trận địa pháo, huy động dân công. Phía nam Công Tum cũng có lực lượng ra cắt đường 14. Tất cả những hoạt động trên đây đều được điều khiển theo hình thức mở đầu của một chiến dịch.

Ngày 3 tháng Ba, địch buộc phải rút trung đoàn 45 đang chốt ở Cẩm Ga lên Thanh An.

Đêm ngày 3 rạng ngày 4, trung đoàn 95A cùng sư đoàn 3 Sao Vàng đánh đường giao thông trên đoạn đông Bình Khê lên An Túc. Trung đoàn 25 cũng cắt đường 21 trên đoạn Phước An - Khánh Dương.

Sáng ngày 7 tháng Ba, sư đoàn 320 nổ súng tiêu diệt căn cứ Chư Xê phía nam Cẩm Ga, mở đường cho pháo ra đường 14.

6 giờ sáng ngày 8 tháng Ba, sư đoàn 320 đánh quận lỵ Thuần Mẫn, đến 7 giờ 20 thì tiêu diệt hoàn toàn.

Chiều ngày 8 tháng Ba và sáng ngày 9, địch đổ bộ liên đoàn 2 1 biệt động quân xuống sân bay Hòa Bình, rồi đưa lên Buôn Hồ, nhằm mở thông đường 14.

“Cho đến ngày 9 tháng Ba, lực lượng địch ở trong thị xã Buôn Mê Thuột vẫn là một trung đoàn 53 thiếu, nay thêm một liên đoàn 21 biệt động quân án ngữ ở đông-bắc thị xã, tức Buôn

Hồ. Tình thế vẫn nguyên như cũ. Dịch vẫn chưanận ra hướng tấn công chủ yếu. Việc chúng điều quân từ chỗ này đến chỗ kia chỉ có ý nghĩa chiến thuật chứ không nhằm mục đích chiến lược. Về phía chúng ta qua được một ngày là nổi lo lắng lại vơi đi một chút. Các lực lượng của ta ở phía bắc Buôn Mê Thuột đã hoàn thành công tác chuẩn bị. Ở hướng nam thị xã, trung đoàn 149 của sư đoàn 36 đã vào được vị trí tập kết cuối cùng. Một đơn vị của trung đoàn 198 đặc công đã xâm nhập được khu vực xung quanh sân bay Hòa Bình. Sư đoàn 10 đã sẵn sàng nổ súng tấn công chi khu Đức Lập. Kể lại thì dễ, nhưng đạt được một sự chuẩn bị chu đáo, êm lạng, nhịp nhàng của các hướng, các mũi, các binh chủng lại hoàn toàn không dễ. Các cấp phải lắm cơ mưu, phải giàu nghị lực, phải bền chí và dũng cảm mới có thể chuẩn bị cho một trận đánh hiệp đồng đẹp đến thế, xứng đáng là trận đánh mở đầu của cuộc tổng tiến công mùa Xuân 1975.

“5 giờ 35 sáng ngày 9 tháng Ba, pháo binh ta bắn vào các căn cứ 23 và Núi Lửa. 8 giờ 20, các trung đoàn 66 và 28 của sư đoàn 10 đánh chiếm hai căn cứ trên trong vòng một tiếng.

“Sáng ngày 10 tháng Ba, ta đánh chiếm quận lỵ Đức Lập. Chiều ngày 10 ta chiếm Đắc Song. Còn quân địch ở Đắc Sác vội vã bỏ chạy sau khi bị pháo kích mãnh liệt. Trong hai ngày 9 và 10 tháng Ba, ta đã tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở khu vực Đức Lập, bắt sống được tên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2 của trung đoàn 53, nhưng lại để sống mất tên trung đoàn phó và quận trưởng quận Đức Lập”.

Chương IV

TẠI CƠ QUAN CHỈ HUY CỦA BỘ TƯ LỆNH CHIẾN DỊCH NAM

TÂY NGUYÊN TỪ 6 GIỜ 00 NGÀY 9 THÁNG BA ĐẾN 24 GIỜ 00 NGÀY 15 THÁNG BA

Cơ quan chỉ huy chiến dịch còn gọi là Chỉ huy sở cơ bản nằm ở phía tây sông Sê-rê-pốc, trong tầm đạn pháo 155 từ Buôn Mê Thuột bắn ra. Một căn nhà hầm rất mực sơ sài, diện tích khoảng hai chục mét vuông, trần lát một lượt gỗ mỏng, tránh mảnh đạn và đất vụn thì tạm được. Giữa nhà hầm kê một cái bàn dài xung quanh là hai hàng ghế, một hàng trong, một hàng ngoài. Bao tròn nhà hầm của Bộ tư lệnh là một hệ thống đường hào dẫn đến nhà hầm của các cơ quan chỉ huy các binh chủng. Ở Chỉ huy sở cơ bản lúc này chỉ có Tư lệnh trưởng Hoàng Minh Thảo và chính uỷ Nguyễn Hiệp cùng các đồng chí chủ trì cơ quan chính trị, tham mưu, hậu cần và một số trợ lý của ba cơ quan trên. Đồng chí Lăng, Tư lệnh phó hiện ở Đắc Đam chỉ huy hướng đánh Đức Lập. Các đồng chí Hàm và Năng, Phó chính uỷ và Tư lệnh phó trực tiếp chỉ huy hướng tấn công cánh bắc thị xã Buôn Mê Thuột.

5 giờ 40 ngày 9 tháng Ba, đồng chí Vũ Lăng gọi về Chỉ huy sở cơ bản báo tin cách đây năm phút, pháo binh của ta đã rót đạn vào các căn cứ 23 và Núi Lửa, mở đầu trận đánh vào chi khu Đức Lập.

8 giờ 20, các trung đoàn 66 và 28 đã làm chủ các căn cứ trên.

Bộ tư lệnh quyết định điều ngay tiểu đoàn 6 của trung đoàn 24, lực lượng dự bị của sư 10 lên xe hành quân sang hướng bắc Buôn Mê Thuột, làm lực lượng dự bị cho cánh bắc. Những người có mặt trong Chỉ huy sở đều cảm thấy dễ thở hơn một chút, bớt lo đi một chút.

Ngày 8 tháng Ba, sư 320 đã làm chủ khu vực Cẩm Ga - Thuận Mẫn. Ngày 9, chậm lắm là sang ngày 10, chúng ta sẽ giải quyết xong khu vực Đức Lập. Kẻ địch dẫu có nhận ra hướng tấn công chủ yếu thì cũng đã muộn. Trận đánh đã vào thế rồi. Tiến lên lùi xuống đều khó cả.

Trưa ngày 9 tháng Ba, phòng tác chiến báo cáo lực lượng quân nguy bố trí như sau :

Sau khi ta nổ súng ở Đức Lập, liên đoàn 21 biệt động quân ở Buôn Hồ co về Đạt Lý (đông-

bắc thị xã); tiểu đoàn 224 bảo an ở bản Đôn cũng rút về khu vực huấn luyện (nam thị xã). Trong thị xã, quân chủ lực nguy có tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 53 đóng tại căn cứ sư đoàn 23. Ở phía nam sân bay Hòa Bình (còn gọi là sân bay Phụng Dực) cách thị xã bảy cây số về phía đông-nam, có bộ chỉ huy trung đoàn 53 và một tiểu đoàn 3. Trung đoàn mạnh nhất của sư 23 (ngụy) là 45 vẫn đang ở khu vực Thanh An, Bàu Cạn đối phó với sư đoàn 968. Liên đoàn 4 biệt động quân thì đang bị mắc với trung đoàn 95A ở đường 19. Các trung đoàn 42, 47 của sư 22 (ngụy) cũng không sao vượt qua được đoạn đường Bình Khê - An Túc do sư đoàn 3 của quân khu 5 chiếm giữ. Các lực lượng khác ở khu vực Công Tum và Plâycu vẫn giữ nguyên vị trí.

Cũng trưa ngày 9, các lực lượng tấn công vào thị xã Buôn Mê Thuật đã hoàn thành công tác chuẩn bị Chỉ còn đơn vị thông tin vẫn chưa nối xong đường dây giữa Chỉ huy sở cơ bản với bộ phận chỉ huy cánh bắc. Chính ủy chiến dịch ra lệnh: mỗi dây phía tây sông Sê-rê-pốc kéo từ Chỉ huy sở cơ bản ra, do chính ủy thông tin đảm nhiệm; mỗi dây phía đông Sê-rê-pốc, kéo từ bộ phận chỉ huy cánh bắc tới do chủ nhiệm chính trị đảm nhiệm. Lệnh phải nối xong dây trước 24 giờ. Đó là một chuyện phải lo.

Một chuyện phải lo nữa là chưa nhận được báo cáo về các xe đạn, xe xăng được đi theo đội hình các cấp, cùng với bộ đội chiếm lĩnh trận địa. Chúng ta hãy nghe lời thuật của đồng chí Khoát, về những giờ phút lo âu từ chiều ngày 8 cho tận chiều ngày 9 tháng Ba :

“Chuyển đạn cho bộ đội nghe rất là gọn, nhưng lại là một quá trình hết sức phức tạp. Đạn có nhiều loại do nhiều nước viện trợ; mỗi loại lại có nhiều lô, tính theo năm sản xuất, mỗi lô lại có những ký hiệu khác nhau, tức là sự nặng nhẹ của từng viên đạn so với tiêu chuẩn khi đem cân lên. Yêu cầu xạ kích là đạn đưa phải cùng loại cùng lô, cùng ký hiệu để khỏi phải thay đổi bảng bắn. Đường vận tải chiến lược đổ xuống cho chiến trường từng đồng đạn, đạt được trọng lượng vận chuyển, chứ không thể phân chia theo yêu cầu của mình. Tức thị mình phải làm nốt cái phần việc bỏ dở, đó là một đoạn. Từ cái nhiều đồng đã được chia loại nhập vào hệ thống kho của từng khu vực tác chiến, đó là hai đoạn. Từ các kho của từng khu vực chuyển xuống các đơn vị lớn, là ba đoạn. Lại từ các đơn vị lớn chuyển xuống các khẩu đội là bốn đoạn. Cái đoạn cuối cùng, đoạn quyết định phải rành mạch như sau : xe số mấy, chở bao nhiêu viên đạn loại gì, lô gì, ký hiệu gì, tới tận khẩu đội nào. Bàn giao xong, nhiệm vụ của mình coi như hoàn thành, còn bắn trúng hay bắn không trúng là phần việc của mấy anh pháo, mỗi hướng đánh có nhiều binh chủng hợp thành, cùng tiến vào trong một thời gian để chiếm lĩnh các trận địa. Đạn cho tăng khác, cho pháo khác, cho từng loại pháo càng khác. Một xe chở dầu, một xe chở đạn đi với một mũi tăng. Khi tăng đến vị trí để tấn công, số dầu trong xe phải được hoàn lại như lúc mới xuất phát. Pháo cũng thế, cũng có xe đạn và xe xăng đi kèm. Hành quân cùng một hướng, nhưng không được phép nhầm lẫn mũi này và mũi kia, của binh chủng này với binh chủng kia, của khẩu đội này với khẩu đội kia. Như trong trận đánh Buôn Mê Thuật, chủ yếu có hai dòng xe đi một dòng hướng bắc, một dòng hướng nam. Dòng hướng nam phải qua cầu phao, qua đường 14. Đoàn xe đi hướng bắc là đưa dầu mỡ cho tăng, đạn cho tăng và các loại đạn cho hai cụm pháo chiến dịch. Đoàn xe hướng nam chở đạn cho bộ binh và đạn pháo 85. Công việc thì phức tạp nhưng lại không được phép vận chuyển trước vì sợ lộ hướng đánh chủ yếu. Có nghĩa là đạn gạo chỉ được đưa vào khu vực tập kết chiến dịch mà không được đưa lót xuống các trung đoàn bộ binh làm nhiệm vụ. Còn dài ngày thì làm ăn nó thông thả, nó dằng hoàng. Còn ít ngày, nếu tổ chức không giỏi, không tỉ mỉ rất dễ sinh rối loạn. Rối loạn nhưng lại không có thời gian để điều chỉnh; để sửa chữa, vì giờ nổ súng có thể là ngay trong đêm nay hoặc mờ sáng ngày hôm sau rồi. Tình thế khẩn cấp là như thế. Đánh theo kiểu đột phá lần lượt thì anh em cầm súng vất vả, nhưng hậu cần lại có thì giờ để chuẩn bị. Đánh bất ngờ, đánh thần tốc, tiêu hủy cả một khu vực rộng lớn trong vòng hai, ba ngày thì bộ đội rất có khí thế nhưng mấy tháng đi phục vụ thật cười dở, khóc dở. Ngày 7 tháng Ba nhìn bản đồ vùng nam Tây Nguyên căn cứ của địch còn đầy sít. Một tuần sau, ngày 15 tháng Ba, tất cả đã bị quét sạch như vừa trải qua một cơn dông bão lớn. Cho nên, trước ngày 8 tháng Ba, dầu có được phép đưa gạo đạn vào lót trước các hướng, các mũi cũng không được, vì hướng nào cũng đang còn địch cả Hướng bắc thì trung đoàn 53 nguy đang lúng lúng, dò tìm các trận địa pháo. Hướng tây thì vương sông Sê-rê-pốc, mà Bộ tư lệnh chỉ cho phép công binh bắc cầu trong đêm nổ súng tấn công. Hướng nam phải qua đường 14, chưa đánh Đức Lập làm sao đưa người, đưa hàng qua đường được. Một trận đánh hiệp đồng quy mô

gồm bốn cánh quân, mỗi cánh lại gồm những đơn vị hợp thành. Yêu cầu đánh rất mạnh, đánh rất nhanh, trong khi đó cái cơ sở của mọi sự hiệp đồng hết sức rắc rối kia là lực lượng của chúng tôi lại chưa được triển khai. Vậy nên mới phải tính toán, lắp ráp tất cả từ trước, khi hành động chỉ cần vài bốn giờ, là tất cả đã sẵn sàng lao theo đội hình các cấp, cùng bộ đội tiến vào các vị trí xuất phát tấn công. Nhưng cho đến trưa ngày 8, đội hình các cấp vẫn gọi điện về Bộ tư lệnh rằng họ chưa nhận được xe đạn, chưa nhận được xe xăng. Vậy thì những xe ấy đi đâu? Đi theo hướng nào? Đã chuẩn bị sẵn sàng chưa? Đêm ngày 7, tôi đã xuống nói chuyện với anh em lái xe đi theo các hướng đánh. Chẳng nói gì nhiều chỉ yêu cầu có mấy việc: Một là, không được phép để xe hỏng làm tắc đội hình hành quân. Và tôi nói thêm : phải bỏ mọi thứ đồ nghề riêng ra mà dùng không dùng lúc này còn lúc nào. Hai là, trong bất cứ tình huống nào đều không được phép bỏ tay lái. Ba là, bám sát các đơn vị đã được chỉ định, không được phép lạc. Ai phân vân cứ báo cáo ở lại. Ở lại làm tốt công việc ở tuyến sau vẫn cứ hay hơn là làm hỏng việc ở tuyến trước. Rồi tôi trở về chỗ anh Lăng ở Đắc Đam, kiểm tra công việc chuẩn bị của hướng đánh Đức Lập sáng ngày 9.

"7 giờ tối ngày 8 tôi nhận được điện của anh Hiệp gọi ra Chỉ huy sở cơ bản, có việc rất gấp. Biết là có chuyện không hay rồi. Đã dự tính tất cả mà còn để xảy ra một chuyện gì đó trước ngày nổ súng. Chuyện gì thế? Tôi báo đồng chí lái xe : "Mấy ngày đêm nay cả hai chúng ta đều không được nghỉ, không được ngủ, liệu còn thức nổi được một đêm nay nữa không?". Cậu lái xe nhếch mép cười mà thương : "Vẫn lái được, không đưa thủ trưởng xuống vực đâu!", "Nào, lên đường!". Một người một xe, đường xá mù mịt, đại khái từ chỗ ở ra thì tay phải là Đức Lập, tay trái là Buôn Mê Thuột, cứ thế cho xe rộng tới. Rồi 4 giờ sáng cũng mò tới Chỉ huy sở cơ bản. Bước xuống nhà hầm, mở cửa nhìn vào vẫn còn một số người thức, trong đó có Tư lệnh trưởng và Chính ủy. Anh Thảo chưa nói gì, nhưng anh Hiệp đã hỏi tới tấp : "Những xe đạn và xăng đâu? Tại sao chưa đi vào đội hình các cấp? Kiểm tra chưa? Tại sao? Tại sao? Còn anh? Ngày hôm nay anh ở đâu? Báo cáo đi! Ngồi xuống đây báo cáo cho chúng tôi nghe ngày hôm nay anh đã chuẩn bị được những gì?". Anh Hiệp vốn là người trầm tĩnh, hai chúng tôi lại quen biết nhau từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp, trong các mối quan hệ lúc là người chỉ huy, lúc là người bạn, bao giờ anh cũng xử sự có nghĩa có tình. Một con người gần như hoàn toàn, chúng tôi vẫn nhận xét riêng với nhau như thế. Bỗng dưng lại giận dữ bất thường, hiển nhiên là tình hình đã nghiêm trọng lắm rồi. Tôi báo cáo rằng : các xe chở đạn và xăng đã ở khu vực tập kết từ 4 giờ chiều ngày 8. Anh Hiệp hỏi : "Anh đã cho người kiểm tra lại chưa? Hay chỉ nghe báo cáo?". Tôi nín lặng. Anh Hiệp lại nói tiếp : "Ví thử họ đã ở khu vực tập kết rồi, nhưng chưa cho người đi liên lạc với các hướng, các mũi, các binh chủng để sắp xếp đội hình hành quân cho chính xác, thử hỏi, lúc được lệnh xuất phát mọi sự có được đúng như chúng ta mong đợi không?". Tôi vẫn nín lặng. Anh Hiệp bảo : "Anh ở đây, nhưng phải cử cán bộ đi kiểm tra ngay, tổ chức hiệp đồng cho chu đáo. Giờ xuất phát của bộ đội là 5 giờ chiều nay". Lúc này đã là 5 giờ sáng của ngày 9. Giờ nổ súng tấn công vào Buôn Mê Thuột vẫn là 2 giờ sáng ngày 10. Tức là chúng tôi còn được khoảng hai chục giờ để kiểm tra và điều chỉnh lại hệ thống hậu cần từ cấp chiến dịch đến cấp trung đoàn. Đến giờ nổ súng thì lực lượng ế sẵn vẫn cứ đánh, lực lượng tiếp theo cứ vào. Bị lạc không thể quay lại tìm. Chưa kịp đến cũng không thể hoãn giờ tấn công. Guồng máy đã phát động, tất cả sẽ bị cuốn theo, một chi tiết bị trục trặc sẽ gây trở ngại cho toàn thể. Vả lại hàng ngàn xe xăng và đạn bị lạc, bị lẫn đội hình và mũi hướng đâu phải là một chi tiết. Đó là đại sự. Phen này thì rơi đầu cả lũ rồi! Mà là do mình thôi. Lẽ ra phải nằm ngay tại khu vực tập kết cho tới lúc các đơn vị đã lần lượt lên đường. Vẫn là muốn ỷ dựa vào cấp dưới vào báo cáo và những lời dặn bảo. Đồng chí Cự phải lấy xe của tôi chạy đi. Cậu lái vừa nắm thiếp được đúng một giờ, mắt còn đỏ sọc, vùng dậy hỏi to : "Đi thôi chứ, thủ trưởng!". "Còn lái được không, chú?". "Lái được, đã tam tinh tỉnh rồi". Một gói lương khô, một bi đông nước, lại nhảy lên xe cầm vòng lái. 8 giờ, 9 giờ, 10 giờ vẫn chưa thấy Cự báo tin về. Thế là mất tích tất cả! Nếu 12 giờ chưa có tin gì, thì tôi phải lao đi. Sẽ đứng ở ba-ri-e xuất phát mà tổ chức lại vậy. Đúng 12 giờ, Cự gọi điện về báo tin đoàn xe đã đến địa điểm thứ hai, đi nữa hay dừng lại? Tôi mừng quá, hét tướng : "Cho phân tán đội hình, tổ chức hiệp đồng với các đơn vị đi! Đức Lập đánh rồi!". 4 giờ chiều, Cự báo cáo : "Các đoàn xe đã đi đúng kế hoạch". 8 giờ tối, các xe đạn và xăng đã bám sát các đội hình, chuẩn bị vượt sông. Chỉ huy các hướng, các mũi đều báo cáo về Chỉ huy sở đã tiếp nhận đạn và xăng đầy đủ, đã cho người kiểm tra và hoàn toàn hài lòng về sự chuẩn bị tỉ mỉ của cơ

quan hậu cần chiến dịch. Suýt chết! 12 giờ đêm, công binh báo cáo đã làm xong cầu phao. Các mũi đánh hướng tây và tây-nam đã bắt đầu vượt sông. Tôi ngả người ra trên cái giường đã chiến, dặn anh em : "Lúc nào nổ súng, nhớ gọi mình". Lúc mở mắt trời đã mờ sáng, trần hầm rung rinh trong tiếng nổ rền rĩ của đạn pháo quân ta đã mở màn cuộc tấn công".

*

* *

16 giờ ngày 9 tháng Ba.

Từ lúc này cho tới giờ nổ súng, cả mọi người ở Chỉ huy sở chỉ còn chăm chú có một việc : bộ đội lần lượt tiến vào chiếm lĩnh các vị trí xuất phát tấn công. Trong một đêm phải đưa vào các hướng, các mũi nhiều trung đoàn bộ binh và các binh chủng hợp thành. Có đơn vị phải đi từ xa, cách mục tiêu gần bốn mươi cây số để giữ được bí mật, như tăng. Đơn vị gần cũng cách chỗ phải đến từ mười đến mười lăm cây số. Có những trục đường phải đợi trong thị xã đã nổ súng mới được phép nổ bộc phá san đèo làm nốt đoạn còn lại, hoặc đưa xe đi ủi những gốc cây đã cưa sẵn được nguy trang. Có hướng phải qua cầu phao và phà. Có phà chở tăng và pháo qua, có phà chỉ chở bộ binh qua. Tất cả khối việc phức tạp này chỉ được lệnh triển khai vào lúc 5 giờ chiều ngày 9.

Đánh địch trong tình huống bất ngờ, đánh hiệp đồng nhiều binh chủng cùng tiến quân trong một lúc, đánh lớn nhưng không cần có lực lượng dự bị chiến dịch. Cách bày binh bố trận ấy phải dựa trên cơ sở có nhiều đường để bộ đội cơ động được thần tốc. Phải có nhiều trục dọc và nhiều trục ngang, đường vươn tới các mục tiêu chủ yếu, đường nối giữa các vị trí tập kết, giữa các khu vực tác chiến, giữa những địa bàn đã nổ súng và những địa bàn sẽ nổ súng. Trong một đêm, bộ đội phải đi được hàng trăm cây số từ bắc xuống nam, từ đông sang tây. Có đơn vị đi trước, có đơn vị đi sau, có đơn vị phải đợi súng nổ mới lên đường. Và những mạng đường rất rắc rối ấy chỉ được làm trong bí mật, để giữ được đến phút cuối cùng cái tình huống đánh địch khi chúng còn chưa phòng bị. Mà là một kẻ địch quen biết, xảo trá, giữ gìn, mắt nhìn cũng tinh, tai nghe cũng thính. Khó là như vậy.

17 giờ ngày 9, các lực lượng công binh mới ra khỏi chỗ giấu quân để làm nốt phần đường dẫn đến chỗ đứng của các đơn vị tấn công. Trục 1 và trục 2 đưa các đơn vị tới hướng đánh phía bắc. Trục dọc 1 đã làm sẵn đến bắc suối Eamhar cách mục tiêu mười cây số. Từ phía nam suối là nương rẫy. Cây ở các rẫy đã phát thường để cao khoảng bảy mươi phân. Công binh phải ra cưa từ nhiều đêm trước, nhưng không được cưa đứt hẳn vì dân ra sẽ lộ, chỉ được cưa ba phần tư gốc cây, cưa theo chiều đổ của một hướng, rồi hót mùn và lá che xóa mạch cưa. Khi tiếng súng đã nổ, đơn vị tăng dẫn đầu sẽ húc đổ cây, san thành đường cho các xe sau đi tiếp. Trục dọc 2 làm trước đến bắc suối Eatun. Phía nam suối là một cái đèo chạy từ đông sang tây. Khi trong thị xã đã nổ súng, lập tức công binh cho điểm hỏa nổ bộc phá hạ thấp độ dốc của đèo, san thành đường cho xe vượt. Trục dọc 3 đưa bộ đội tiến vào hướng tây bắc và hướng tây. Có hai phà để qua sông Sê-rê-pốc, gọi là phà 3A và 3B. Bến 3A cho tăng qua, phà trọng tải năm chục tấn. Bến 3B cho các loại pháo qua, phà trọng tải ba mươi lăm tấn. Trục dọc 4 phía tây-nam cũng có một bến phà, đưa bộ đội đánh hướng nam, phà trọng tải ba mươi lăm tấn, cho pháo mặt đất và pháo cao xạ qua. Chuẩn bị bến này có cái khó là phải đưa binh khí kỹ thuật qua đường 14 giữa một đầu là chốt cầu Thọ Thạch có một tiểu đoàn bảo an và một đầu là chốt Núi Chẻ có một đại đội bảo an.

19 giờ ngày 9, Bộ tư lệnh hạ lệnh cho cụm pháo chiến dịch phía tây bắn vào cầu Thọ Thạch và cao điểm Núi Chẻ, giải tỏa đoạn đường 14 phía tây-nam thị xã để bộ đội công binh đưa xe cầu phà ra bến. Trong đêm ngày 9 phà đã lắp ghép xong.

20 giờ ngày 9, lực lượng cầu phà của hướng bắc từ vị trí tập kết đến hai bến 3A và 3B hạ thủy, lắp ghép. Mạng đường sá và cầu phà coi như yên tâm. Cái binh chủng cần cù và khiêm tốn của quân đội ta bao giờ và ở đâu cũng đều bắt đầu từ rất sớm và ra đi khi tất cả đã vắng tanh. Họ đã bỏ những nhát cuộc đầu tiên mở mạng đường cho chiến dịch từ tháng Chín năm trước,

và cho trận đánh then chốt này từ đầu tháng Giêng. Làm từ xa, cách mục tiêu chủ yếu hàng trăm cây số, mỗi ngày một nhích gần lại cho tới đêm ngày 9 tháng Ba thì chỉ còn mười cây phải mở nốt trong vòng vài tiếng đồng hồ. Ngồi trên xe chạy hàng trăm cây số trong đêm, nếu ngủ gà gật thì sẽ không thấy gì hết, không thấy rừng, không thấy ngầm, không thấy cả đèo và đỉnh đèo nữa. Xe chạy cứ êm ro, tưởng đâu là con đường vốn có thật ra nó mới chỉ có trong vòng một tuần, một tháng. Trước đó là rừng, là đèo cao, suối sâu, nếu đi bộ cũng phải cả tuần, mà đói mà khát, mà xẻ đế giày, mà toạc da tay. Nhiệm vụ của các anh luôn luôn được hoàn thành, hoàn thành một cách xuất sắc, hoàn thành một cách kinh ngạc. Tối ngày 9 tháng Ba, đêm trước của trận đánh then chốt, đêm trước của tình thế mới, của cục diện mới, đêm trước của những thay đổi vô cùng to lớn, tất cả những người có mặt ở Chỉ huy sở chiến dịch đều hoàn toàn yên tâm về binh chủng công binh.

Mãi đến 10 giờ đêm ngày 9, đường dây điện thoại giữa Chỉ huy sở cơ bản với bộ phận chỉ huy cánh bắc vẫn chưa liên lạc được. Muốn liên lạc với cánh bắc phải qua bộ phận chỉ huy trong Đức Lập, 11 giờ đêm vẫn chưa gọi hỏi được. Đến giờ cuối cùng của ngày 9, chuông reo, Tư lệnh phó chỉ huy cánh bắc đã gọi được trực tiếp về Chỉ huy sở. Tất cả những người có mặt đều reo lên. Đồng chí vệ binh đứng ngoài cửa hầm cũng ló đầu vào, hỏi to : "Đường dây thông rồi, các thủ trưởng?". Sự ồn ào này là không được phép trong cơ quan chỉ huy. Trưởng phòng tác chiến yêu cầu mọi người phải giữ gìn trật tự. Tư lệnh trưởng xua tay, bảo : "Không sao! Đây là cái mất trật tự đẹp đẽ, nó là trách nhiệm và tình cảm của cả mọi người". Từ lúc đó tuy vẫn chỉ dám nhìn nhau với nụ cười rạng rỡ, hai tay vỗ vào không khí mỗi lần nghe được tin vui nhưng cũng có lúc phải buột kêu to một tiếng, buột cười lớn một tiếng cho hả cái sảng khoái trong lòng.

*

* *

Trận tấn công vào thị xã Buôn Mê Thuật là trận đánh mở đầu của cả cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Cách đánh của trận này là cách đánh tiêu biểu của những chiến dịch sau chót : thần tốc, bất ngờ, lực lượng đột kích gồm những binh chủng hợp thành, lướt qua các vị trí ngoại vi, cùng với bộ đội được ếm sẵn thọc một nhát thật mạnh, thật sâu vào khu trung tâm chỉ huy, khiến kẻ địch bị hoàn toàn tê liệt ngay từ phút đầu, rồi từ đó lại đánh tỏa ra tiêu diệt nốt những lực lượng còn lại. Nó là sự phát triển của cách đánh năm 1968, nhưng lực lượng đột kích luôn luôn được tăng thêm, càng đánh càng mạnh. Nó cũng là sự phát triển cách đánh năm 1972, có những mũi đột phá, có những mũi vu hồi, đánh vận động cả đánh truy kích, chia cắt từng khu vực trong một chiến trường, và chia cắt chiến lược giữa các chiến trường. Cách đánh này chỉ có thể có được vào thời kỳ cuối của cuộc kháng chiến, khi lực lượng ta đã càng ngày càng mạnh lên, lực lượng quân nguy được Mỹ tiếp sức thì mỗi ngày một suy yếu đi. Khi những cái vốn là rất mạnh của địch như : cơ động nhanh, pháo nhiều, máy bay nhiều, thì nay đã bị giảm sút. Còn quân ta lại có khả năng vận động nhanh chóng bằng cơ giới, lực lượng pháo binh mặt đất và cao xạ đủ sức áp đảo tiêu diệt hỏa lực địch suốt trong thời gian chiến dịch.

Trong trận đánh vào Buôn Mê Thuật, các lực lượng đột kích và ếm sẵn chỉ nhằm có bốn mục tiêu chủ yếu : căn cứ của bộ chỉ huy sư đoàn 23 bộ binh; tiểu khu Đắc Lắc; sân bay thị xã và sân bay Hòa Bình. Cách bố trí lực lượng của địch như sau : chủ lực vòng ngoài, địa phương quân vòng trong, trong nữa là các cơ quan chỉ huy. Khu vực ngoại vi thị xã chủ yếu là ở hướng đông, thuộc quận Hòa Bình, có sân bay Hòa Bình, hậu cứ của hai trung đoàn 45 và 53 và lực lượng phòng vệ dân sự. Đánh Buôn Mê Thuật là đánh hiệp đồng của bốn cánh. Hướng đông-bắc có nhiệm vụ thọc sâu vào trung tâm thị xã, làm chủ Ngã Sáu và sân bay trinh sát cơ L.19. Hướng tây-bắc đột phá khu thiết giáp và hậu cứ của tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 53. Hướng tây-nam lướt qua những căn cứ phụ cận, đâm thẳng vào bộ chỉ huy của sư đoàn 23 bộ binh. Hướng nam chiếm lĩnh khu hành chính, gồm tòa hành chính, tiểu khu Đắc Lắc và đài phát thanh.

Trở lại Chỉ huy sở chiến dịch từ *không giờ ngày 10 tháng Ba đến 2 giờ 3 phút*. Lúc này các đơn vị bộ binh đang lần lượt tiến vào các hướng nhiệm vụ. Cầu phà hướng tây-bắc và hướng nam đã lắp ghép xong xuôi, còn đợi súng nổ là đưa tăng, thiết giáp, cùng lực lượng pháo binh qua sông đi tiếp theo các đơn vị bộ binh. Hai cụm pháo chiến dịch, mỗi cụm là một trung đoàn, đã chiếm lĩnh xong các trận địa bắn ở phía tây sông Sê-rê-pốc và phía bắc thị xã Buôn Mê Thuột. Các đài quan sát của pháo binh ở Chư Nga (đông-bắc thị xã), khu kho Mai Hắc Đế (phía nam thị xã), ở ngang cầu Sê-rê-pốc (phía tây thị xã) đã liên lạc được với bộ phận chỉ huy pháo của chiến dịch. Bộ tư lệnh đặc biệt chú ý tới hướng đông-bắc gồm lực lượng của trung đoàn 95B và một tiểu đoàn của trung đoàn 198. Tiểu đoàn đặc công có nhiệm vụ chiếm giữ sân bay và nổ súng mở màn. Lần đầu tiên binh chủng đặc biệt này nổ súng cùng một giờ ở ba nơi cách xa nhau: sân bay thị xã, khu kho Mai Hắc Đế và sân bay Hòa Bình, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng đột kích tại các hướng. Còn lực lượng của trung đoàn 95B phải nhanh chóng chọc thẳng vào trung tâm thị xã, chiếm giữ Ngã Sáu, cắt đôi khu vực quân sự và hành chính của nguy với khu vực dân sự. Bởi rằng nếu để quân địch chạy tung tóe vào các đường phố có dân ở, là rồi mình sẽ phải đánh chiếm từng nhà, phải nhảy từ nóc nhà này sang nóc nhà khác. Làm chủ Ngã Sáu xong, lập tức phải chia thành các phân đội, đánh chiếm các ngã ba, ngã tư chốt chặt mọi đường cơ động, chiếm các nhà cao tầng, các cửa sổ, các sân thượng. Bộ đội đánh chiếm đường phố phải trang bị gọn nhẹ, có đầy đủ súng chống tăng, lực lượng càng chia nhỏ cách đánh càng hiệu nghiệm.

Một giờ sáng ngày 10 tháng Ba, ở Chỉ huy sở hầu như không còn việc gì để gọi hỏi đơn đốc, kiểm tra các cấp và các hướng. Tất cả đã sẵn sàng. Chỉ còn đợi giờ nổ súng. Trong sáu mươi phút nữa còn có gì sẽ xảy ra? Sẽ không thể có gì trái với dự tính xảy ra hết. Pháo mặt đất và cao xạ đi cùng các hướng đang qua sông. Còn một giờ nữa các đơn vị tăng và thiết giáp sẽ bật đèn, rú máy, nghiêng đường ào ào chạy thẳng tới các mũi đã nổ súng. Các cụm pháo chiến dịch đã lên bảng bắn. Đêm nay sẽ là một biển lửa nhấn chìm các căn cứ quân sự địch trong thị xã và vùng ngoại vi. Còn năm mươi phút nữa! Còn bốn mươi phút nữa! Kể cả người chưa từng bao giờ hút thuốc cũng xòe tay xin một điếu. Không biết nên nghĩ gì? nên lo lắng cái gì? nên chờ đợi cái gì? Tất nhiên tất cả chỉ còn chờ đợi tiếng súng hiệp đồng của các lực lượng đặc công ở ba mục tiêu đã được chỉ định phải đánh trước. Có thể một đơn vị nào đó sẽ nổ súng đúng giờ, tức là 2 giờ sáng ngày 10. Còn các đơn vị khác có thể chưa vào được vị trí nhiệm vụ vì bị lực lượng tuần tra phát hiện từ phía ngoài, vì bị lạc còn đang phải tìm đường. Rất có thể là như thế. Nổ súng không đều nhau, thì kẻ địch sẽ có thời gian lần lượt đối phó, lần lượt huy động lực lượng, yếu tố bất ngờ bị mất, sức chống trả của chúng sẽ mạnh hơn, sức tiến công của ta sẽ bị chậm lại. Một mũi bị chậm lại sẽ ảnh hưởng đến các mũi khác. Rồi cũng ảnh hưởng đến các đơn vị tiếp sau vì vị trí của người đến trước không phát triển. Lực lượng sẽ bị ùn, mục tiêu cũng bị thu gọn. Rồi bom, rồi pháo... Những giây phút trước giờ nổ súng của mọi cuộc tấn công từ xưa đến nay đều căng thẳng như thế cả. Kể cả những trận đánh đã cầm chắc cái thắng cả trăm phần trăm vẫn cứ căng thẳng. Vì vẫn cứ còn chút ít nghi ngại trong sự chuẩn bị của mình, trong các dự tính của mình, và những tình huống lạ lùng chưa từng bao giờ xảy ra nhưng lại xuất hiện đúng vào cái trận này, làm kinh nghiệm xương máu, có khi còn là kinh nghiệm đau đớn cho những trận sau, cho những người cầm súng tới sau. Trong những giờ cuối cùng của ngày 9 và những giờ đầu tiên của ngày 10, cách nửa giờ lại có điện từ Chỉ huy sở tiền phương của Bộ gọi xuống. Cũng vẫn những lo lắng, những băn khoăn hết sức giống nhau : Lực lượng tiềm nhập thế nào? Cầu phà thế nào? Đường sá thế nào? Việc tổ chức hiệp đồng giữa các hướng, giữa các binh chủng có gì trở ngại?

1 giờ 30... 1 giờ 40, chủ nhiệm pháo binh gọi điện xuống hai cụm pháo chiến dịch chỉ thị lại những mục tiêu chủ yếu phải bắn trong đêm. Phải uy hiếp và làm tan rã tinh thần hai cơ quan chỉ huy quân chủ lực và quân địa phương. Phải phá hủy ngay từ những loạt pháo đầu các trận địa pháo của địch trong thị xã và vùng phụ cận, hậu cứ trung đoàn 8 thiết giáp và khu trung tâm truyền tin. Hai cụm pháo chiến dịch của hai trung đoàn pháo trực thuộc Bộ tư lệnh chiến dịch đều có cái mạnh và cái yếu khác nhau. Cụm pháo phía bắc của trung đoàn 675 rất giỏi công tác tham mưu (tính toán và giải quyết bắn rất giỏi). Với cụm pháo này chỉ cần hạ khẩu lệnh về mục tiêu, thời gian bắn và số đạn. Nhưng với cụm pháo phía tây sông Sê-rê-pốc của trung đoàn 40 thì cơ động giỏi, bố trí trận địa chỗ nào cũng lọt, nếu cần thì tháo pháo khiêng

vai, nhưng sự tính toán lại yếu. Với cụm pháo này phải lên bảng bắn giúp họ, mình hô bắn, còn anh em làm nhiệm vụ truyền đạt cho các trận địa. Nếu cả hai cụm cùng phát bắn một lúc, thì cũng phải tính toán với cụm phía tây trước, đến lúc hô cả hai cụm cùng bắn đập vào một mục tiêu cho trúng và mạnh. Cái sự đánh địch nó tỉ mỉ là thế, cẩn thận là thế, phải chu đáo đến thế. Các cán bộ được tham gia vào cơ quan chỉ huy chiến dịch hầu hết là cán bộ dưới đơn vị đưa lên. Họ đã từng chỉ huy bộ đội chiến đấu từ cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn suốt hai cuộc kháng chiến, nên đều dày dặn kinh nghiệm, biết thấu đáo cái nhọc nhằn, cái lo lắng của người chỉ huy cấp dưới. Mỗi lệnh đưa xuống bao giờ cũng kèm theo nhiều cách giải quyết mà cách nào cũng hết sức thiết thực, hết sức "lính" như anh em hay nói.

2 giờ ngày 10. Tư lệnh trưởng nhìn đồng hồ, nhắc ống điện thoại. 2 giờ 5 phút, lực lượng đặc công ở các hướng đã nổ súng. 2 giờ 10, được lệnh của Chỉ huy sở tiền phương của Bộ và Bộ tư lệnh chiến dịch, chủ nhiệm pháo binh hạ lệnh phát hỏa. Từ lúc này chủ nhiệm pháo binh là nhân vật trung tâm của Chỉ huy sở. Chiều ngày 8, cả mọi người lo lắng đến thất ruột vì chưa tìm ra dấu vết các xe đạn và xe tăng; tối ngày 9 thì dỗi theo gần như nín thở lực lượng công binh khai triển "đồ nghề"; và bây giờ là các mục tiêu mà lực lượng pháo binh có nhiệm vụ uy hiếp hoặc san phẳng. Cách bắn pháo trong đêm vào một thành phố cũng đã được tính toán cẩn thận. Chủ yếu là cách sử dụng các loại đạn. Lực lượng bắn trong đêm gồm có pháo ĐKB, hỏa tiễn H.12, cối 160 ly và cối 82 ly. Hỏa tiễn bắn đêm để dễ quan sát, áp đảo được tinh thần quân địch, sát thương cũng rất lớn. Cối 82 để kiềm các trận địa pháo địch, khẩu nào nhấp nháy là diệt luôn. Cối 160 ly bắn vào các khu vực chỉ huy, tiếng nổ lớn, đào sâu, khoét rộng như loại bom cỡ nhỏ. Sau loạt bắn đầu, các đài quan sát đã đưa tin về Chỉ huy sở rất tỉ mỉ. Đèn trong thị xã vẫn sáng, đường đạn lại càng sáng nên nhìn điểm rơi rất rõ. Cả năm trận địa pháo của địch trong và ngoài thị xã đều bị pháo ta áp đảo trong đêm. Ba mươi tư khẩu vừa pháo 155 ly và pháo 105 không nhả lại được một phát đạn nào. Có thể một số khẩu đã bị hủy diệt, nhưng chắc chắn là đám pháo thủ đã không dám rời khỏi chỗ trú nấp ra trận địa. Trong đêm và trước khi bộ đội ta tiến vào, hai cụm pháo chiến dịch đã rót xuống tiểu khu Đắc Lắc 890 viên đạn và căn cứ sư đoàn 23 : 850 viên đạn. Ngót ngàn viên đạn trút xuống một căn cứ địch trong đêm, rõ ràng không phải là ít.

5 giờ 30 sáng ngày 10, các lực lượng của ta đã tập hợp đầy đủ tại các vị trí xuất phát tấn công. Tư lệnh trưởng đứng dậy, xoa tay: "Chúng ta đã chắc thắng tới chín chục phần trăm rồi!".

Tình hình tác chiến trong ngày 10, gần đúng với tính toán trên phương án. Trong ba mục tiêu chủ yếu bên trong thị xã ta đã đánh chiếm được tiểu khu Đắc Lắc và sân bay trinh sát cơ L.19. Chỉ còn lại căn cứ của sư đoàn 23. Anh em thì báo cáo đã chiếm được rồi, nhưng những lực lượng tàn mạt còn lại vẫn còn kháng cự theo một hiệu lệnh thống nhất. Tức là cơ quan chỉ huy vẫn còn. Chiều ngày 10 bộ phận thông tin của ta xác nhận vẫn bắt được tín hiệu chỉ huy ở nhiều khu vực, và có cả lệnh điều động liên đoàn 21 biệt động quân ở Đát Lý tiến vào thị xã đánh phản kích. Có nghĩa là ta vẫn chưa đánh chiếm được căn cứ 23. Nhiều mũi cùng đánh, nhưng mũi nào, thuộc đơn vị nào đã làm chủ thì báo cáo còn chưa rõ ràng. Vả lại nhận mục tiêu trên bản đồ khác, mà trong thực tế lại khác. Nhiều khu nhà xây cất giống nhau, đường đi lối lại chưa quen thuộc, ngay đến phương hướng cũng rất dễ nhầm lẫn. Rồi quân ta đuổi, quân nó chạy, đơn vị này, đơn vị kia, rồi khói đạn, khói bom, bụi đất mịt mù, phân biệt được khu nào là tiếp liệu, khu nào là truyền tin, khu nào là căn cứ sư bộ quả nhiên là rất khó. Ngay trong đêm 10, Bộ tư lệnh đã phái trợ lý tác chiến cầm bản đồ xông vào các nơi, xác định lại từng vị trí, rồi tổ chức lực lượng tại chỗ, trong ngày 10 phải giải quyết bằng xong.

8 giờ sáng ngày 10 hai đại đội thuộc các trung đoàn 95B và 24 cùng một mũi tăng đánh vào căn cứ 23 từ phía tây tiểu đoàn 7 của trung đoàn 149 ép lại từ phía đông. Đến 11 giờ thì quân ta làm chủ hoàn toàn căn cứ này, bắt sống được tên Vũ Thế Quang, đại tá tư lệnh phó sư đoàn 23 cùng tên tỉnh trưởng tỉnh Đắc Lắc. Cùng vào giờ đó trong toàn thị xã Buôn Mê Thuật im bất mọi tiếng súng kháng cự. Đó là thị xã đầu tiên được giải phóng trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Phòng ngự vững chắc và tổ chức phản kích thật mau lẹ là hai phương thức chiến thuật cơ bản của địch. Trong trận đánh Buôn Mê Thuật, ta đã phá vỡ các tuyến phòng thủ của nó trong có hai đêm và một ngày rưỡi. Và chúng ta cũng sẽ bẻ gãy mọi cuộc phản kích, nói cho đúng là

tiêu diệt các lực lượng phản kích cũng chỉ trong vòng có mấy ngày. Sau khi đã phá vỡ hai món bửu bối cuối cùng của quân đội nguy, quả nhiên cục diện chiến trường lập tức biến đổi, dẫn đến những thay đổi hết sức lớn lao về thể trận chung.

21 giờ ngày 10 tháng Ba tại Chỉ huy cơ bản. Sau khi cử phái viên tác chiến đi thẳng vào thị xã, trực tiếp kiểm tra và tổ chức lại lực lượng đánh chiếm căn cứ sư đoàn 23, thì trận đánh vào Buôn Mê Thuột coi như là xong. Công việc của các trợ lý trong cơ quan chỉ huy lúc này là điều các đơn vị bộ binh, pháo binh, công binh sang hướng nhiệm vụ mới, tổ chức đánh quân phản kích.

Sáng ngày 9 tháng Ba, khi hướng Đức Lập báo cáo đã đánh xong hai căn cứ Núi Lửa và 23, Chỉ huy sở tiền phương của Bộ đã chỉ thị cho Bộ tư lệnh chiến dịch điều luôn một tiểu đoàn của trung đoàn 24, là lực lượng dự bị của sư đoàn 10 sang phía đông-bắc thị xã. Ngày 10 tháng Ba, khi đã đánh xong quân ly Đức Lập, lại điều động tiếp trung đoàn 66 và một bộ phận của sư đoàn bộ đi tới vị trí nhiệm vụ tiếp theo. Ngày 11 tháng Ba, lại đưa nốt trung đoàn 40 pháo binh, Trung đoàn 24 còn lại và cả Bộ tư lệnh sư đoàn 10. Tuyển vận tải chiến lược đã phục vụ cho cuộc hành quân này một ngàn chiếc xe. Từ ngày 9, lực lượng dự bị của Bộ tư lệnh chiến dịch mới ngày một tăng thêm, cho tới ngày 15 tháng Ba đã là hai sư đoàn bộ binh và hai trung đoàn pháo chiến dịch.

Ngày 11 tháng Ba, quân địch hãy còn ở hậu cứ trung đoàn 53, phía nam sân bay Hòa Bình; hậu cứ trung đoàn 45, đông-bắc sân bay Hòa Bình; Buôn Hồ, đông-bắc thị xã Buôn Mê Thuột và hệ thống ấp chiến lược bao bọc vòng ngoài thị xã. Chỉ huy sở tiền phương của Bộ và Bộ tư lệnh mặt trận đã nhận định :

- Lực lượng phản kích chủ yếu sẽ là hai trung đoàn 44 và 45 của sư đoàn 23 bộ binh nguy.
- Địa điểm để tổ chức lực lượng phản kích chỉ có thể là khu vực đông-bắc thị xã, vì còn hai căn cứ lớn là 45 và 53, lại có thể dựa vào tính lộ 21 nối liền với vùng đồng bằng.
- Phương tiện chuyển quân sẽ là loại trực thăng vận tải vì muốn dùng C.130 để mang theo pháo và tăng thì phải có sân bay, mà sân bay Hòa Bình hiện giờ ta vẫn đang chiếm giữ một nửa.
- Thời gian đổ quân sẽ là ngày 14 hoặc 15, vì còn phải thăm dò đối phương và tổ chức lực lượng.

Ngày 11 tháng Ba, cụm pháo chiến dịch phía tây- bắc thị xã chuyển sang hướng đông-bắc, tầm pháo có thể với tới Phước An trên đường 21. Cụm pháo phía tây sông Sê-rê-pốc chuyển xuống phía nam thị xã, tầm pháo với tới quận lỵ Lạc Thiện.

Ngày 12, trung đoàn 24 đánh chiếm căn cứ 45 và trung tâm huấn luyện của sư đoàn 23 từ 6 giờ 25 đến 8 giờ 35 là xong.

Cùng ngày ta cũng đánh chiếm luôn Buôn Hồ, rồi đánh sang Chư Pao, Đạt Lý. Thế là hai bàn đạp quan trọng để tổ chức phản kích của địch đã bị quân ta chiếm giữ cả.

Ngày 14 tháng Ba, một trung đoàn của sư đoàn 316 đánh vào khu hành chính sân bay Hòa Bình. Ngày 15 tiếp tục đánh Đêm ngày 16, lại thêm lực lượng của trung đoàn 66 (sư 10) cùng hiệp đồng tấn công, sáng 17 thì dứt điểm, bắt sống được khoảng 500 tên.

14 giờ ngày 14, đúng như ta đã dự kiến cả về thời gian lẫn địa điểm, địch đổ quân bằng trực thăng xuống đông-bắc sân bay Hòa Bình, một tiểu đoàn của trung đoàn 45. *Ngày 15*, lại đổ tiếp xuống một tiểu đoàn nữa, cũng của trung đoàn này. Ngày 15, trung đoàn 24 của sư đoàn 10 bao vây luôn lực lượng đổ bộ ở cao điểm 581. *Ngày 16*, ta tấn công tiêu diệt đại bộ phận, bọn còn lại liền theo đường 21 rút chạy về Phước An. Trong hai ngày 15 và 16 địch cũng đổ xuống Phước An trung đoàn 44 thiếu cùng với sư bộ nhẹ 23. Khi hậu cứ của trung đoàn 53 nguy sau ba ngày kháng cự đã bị mất, địch không có hy vọng gì để tổ chức phản kích cả. Hướng đông-bắc thị xã ta đã quét các vị trí Buôn Hồ, Chư Pao, Đạt Lý. Hướng bắc đã đánh xong bản Đôn, Chư Nga. Hướng tây đã quét sạch các chốt điểm trên đường 14 và quanh cầu Sê-rê-pốc. Hướng nam đã với đến quận lỵ Lạc Thiện. Quân địch chỉ còn có ngã đường 21. Mà lực lượng ta trong những ngày 14, 15, 16 là rất mạnh. Một sư đoàn bộ binh nguy nhảy vào thể trận này là hành động tự

sát. Tại sao chúng vẫn nhảy xuống? Nhảy xuống thì dễ, nhưng rút chạy sẽ rất khó. Vậy là thế nào. Một là, chúng muốn giữ lực lượng ta ở khu vực này để Plây Cu có thời gian tổ chức lại lực lượng đối phó. Hai là, thị xã Buôn Ma Thuột không thể để mất. Có thể bỏ Công Tum, bỏ Plâycu nhưng phải giữ Buôn Mê Thuột. Phải giữ tỉnh Đắk Lắk. Nếu tỉnh Đắk Lắk không còn, thì ba tỉnh Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng cũng sẽ trước sau không còn. Địch đã nhận ra sự mất mát quá lớn của chúng trong tháng Ba. Còn tháng Tư và tháng Năm? Khó mà lường đoán trước được. Sự sống còn của về sau là trông dựa vào sự cố giữ lấy một phần tỉnh Đắk Lắk, giam chân bộ đội ta tại Đắk Lắk, nếu có thời cơ sẽ tái chiếm Buôn Mê Thuột. Sài Gòn có thể tính toán như thế. Nhưng nhưng cơ hội, may mắn thật đã không còn nữa. Cái “vận đỏ” đã rời bỏ chúng mà đi rồi.

Ngày 17 tháng Ba, hai trung đoàn 24 và 28 của sư đoàn 10 tiến đánh Phước An. Tàn binh của các trung đoàn 45, 44 ngụy cùng sư bộ nhẹ 23 chạy về Chư Cúc. *Ngày 18 tháng Ba*, hai trung đoàn đã tấn công Phước An lại tiếp tục tấn công vào Chư Cúc, cùng với trung đoàn 25 đã ếm sẵn, tiêu diệt gần như toàn bộ. Những tên sống sót thì chạy vào rừng. Tư lệnh sư đoàn 23 ngụy nhảy lên trục thẳng trốn mất. Sư đoàn 23 coi như bị xóa sổ. Cái gì sẽ xảy ra sau khi hai phương thức chiến thuật cơ bản của địch đã bị hoàn toàn bẻ gãy? Xin bạn đọc trở lại Chỉ huy sở cơ bản trong đêm *15 tháng Ba*. Chiều ngày 11 tháng Ba, Chỉ huy sở tiền phương của Bộ đã chỉ thị cho Bộ tư lệnh mặt trận là phải nghĩ tới phát triển chiến dịch hoặc sang hướng đông, giải phóng Cheo Reo, Phú Bổn, hoặc ngược lên hướng bắc, giải phóng Plâycu, Công Tum. Có khả năng giải phóng toàn bộ Tây Nguyên trước mùa mưa vì sức lực quân ta sau chiến dịch nam Tây Nguyên vẫn dư thừa.

Tối ngày 15 tháng Ba, anh Hiền ở Chỉ huy sở tiền phương của Bộ gọi điện xuống : "Có hiện tượng địch chuẩn bị rút khỏi Plâycu và Công Tum". Ngày 13 tháng Ba ở Chỉ huy sở tiền phương cũng đã nhận được điện của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương : "... *Nên nghĩ đến khả năng địch buộc phải rút lui chiến lược*". Trong ngày, đài kỹ thuật báo : bọn không quân ngụy hỏi nhau chúng bay *rút cuối cùng* có thấy gì ở Plâycu không? Chiều ngày 15, các loại máy hay ngừng hoạt động trên vòm trời Buôn Mê Thuột, hướng đường bay về Nha Trang. Anh em trinh sát mặt đất của sư đoàn 320 báo cáo có nhiều gia đình gánh chõ đồ đạc đi theo liên đoàn 23 biệt động quân xuống Cheo Reo. Có nhiều tiếng nổ và cột khói trong thị xã Công Tum. Cũng chưa ai nghĩ được là địch đã phải rút khỏi Công Tum và Plâycu. Lực lượng của chúng ở Tây Nguyên vẫn còn sáu liên đoàn biệt động quân. Chúng ta còn đang đánh địch ở căn cứ 53. Các đơn vị của hai trung đoàn ngụy 44 và 45 vẫn lần lượt đổ quân xuống để tổ chức phản kích. Đang còn hy vọng tái chiếm, có sao lại rút bỏ tất cả? Hoặc giả chúng rút bỏ Plâycu, đưa lực lượng về Nha Trang, rồi từ đó theo đường 21 mở một cuộc phản kích đại quy mô. Nhưng lực lượng của chúng sẽ về Nha Trang bằng cách nào? vào lúc nào? Bằng đường bộ thì chỉ có tỉnh lộ 7, từ lâu địch đã không thể dùng. Lực lượng cơ động của quân khu II còn sư đoàn 22, nhưng hai trung đoàn của nó đang mắc kẹt ở phía đông đường 19. Sư dù, lực lượng dự bị chiến lược vẫn nằm chết ở vùng 1 và vùng 3. Vào tháng này quả thật không thể đưa bất cứ lực lượng nào ra khỏi vị trí phòng ngự của nó cả. Nơi nào cũng có thể bất thần bị tấn công. Lực lượng của giải phóng đã ếm sẵn mọi nơi chúng đều biết cả. Họ chỉ còn chờ cái cơ hội thay quân, rút quân là vươn tay ra mà vỗ chớp. Thế trận của toàn miền Nam trong vòng có nửa tháng đã trở nên ác hiểm lạ thường. Mới giữa tháng Ba, tức là mới bị tan vỡ có một mảng nam Tây Nguyên, nhưng nhìn vào đâu cũng thấy rất sống sĩnh. Bởi rằng quân địch không thể ngồi im mãi, mà phải vận động, phải di chuyển trong khu vực để tiếp cứu những vị trí bồng chốc ở vào cái thế bị uy hiếp. Và càng tiếp cứu thì càng dễ sơ hở từ nhiều phía, càng thấy cần phải dồn quân để tiếp cứu thêm nữa.

Căn cứ vào nhận định của Chỉ huy sở tiền phương của Bộ, Bộ tư lệnh chiến dịch kết luận :

- Địch có thể phải rút lui khỏi Plâycu và Công Tum, vì tình thế buộc chúng phải dồn lực lượng để chống giữ có hiệu quả những nơi hiểm yếu.

Cho nên:

- Lực lượng đánh căn cứ 53 phải giải quyết xong trong ngày 16, chậm lắm là sáng 17.
- Lực lượng bao vây quân đồn bộ cũng phải tiêu diệt chúng thật gọn trong mấy ngày tới, chậm nhất là ngày 18. Nếu tiêu diệt được sư đoàn 23 bộ binh ngụy trong chiến dịch nam Tây

Nguyên thì có thể nhanh chóng phát triển lên hướng Plâycu (nếu dịch chưa rút), hoặc đánh sang Cheo Reo (nếu dịch cùm chốt ở đó).

- Lực lượng hậu cần chuẩn bị xe và xăng, súng đạn và lương thực sẵn sàng đưa bộ đội tới hướng nhiệm vụ mới bất cứ lúc nào.

Tối ngày 16 tháng Ba, điện của Chỉ huy sở tiền phương của Bộ báo tin : Dịch ở Công Tum và Plâycu đã rút về hướng Cheo Reo. Lệnh cho bộ đội chuyển sang hướng Cheo Reo, tiêu diệt quân địch rút chạy ở khu vực đó. Vậy là chiến dịch nam Tây Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nó, giải phóng được toàn bộ tỉnh Đắk Lắk. Và trong một ngày nó đã phát triển thành chiến dịch toàn Tây Nguyên.

Chương V

MỘT ĐỘI QUÂN ĐÃ BỊ RỬA RA

Trước khi thuật sang chuyện những chiến sĩ đánh địch rút chạy ở Cheo Reo - Củng Sơn và dọc con đường 7 trong bảy ngày đêm, từ 11 giờ trưa ngày 17 tháng Ba đến 16 giờ 45 ngày 24 tháng Ba, tôi xin giới thiệu một số bản phúc trình của những sĩ quan cấp cao nhất của quân đội ngay tại quân khu II để bạn đọc có điều kiện hiểu rõ nội tình của họ trong tháng Ba một cách khách quan nhất. Vì những bản phúc trình này được gửi lên các cơ quan cấp trên ở Sài Gòn để thẩm định, nên cái tư cách của đương sự có ít nhiều được tô vẽ. Dầu là vậy, cái tâm lý trốn tránh trách nhiệm, trút bỏ tất cả vẫn hết sức rõ. Lại nữa, nhân theo chân bộ đội ta vào Sài Gòn vừa được giải phóng, tình cờ nói chuyện với mấy người lại có quan hệ bạn bè với một vài vai chính và phụ trong tấn thảm kịch ở Tây Nguyên và đường 7, cũng tiện đây mà kể lại luôn. Với những căn cứ còn nghèo nàn nhưng xác thực, ít nhiều chúng ta cũng hiểu được cái lẽ sâu xa của một đội quân vốn được Mỹ và đồng minh coi là thiện chiến chỉ trong vòng nửa tháng đã hóa ra một lũ người hoảng loạn.

Trong cuộc rút chạy khỏi Plâycu tôi có được nghe một câu chuyện khá bi đát về một người tên gọi là Tạc, trung tá Tạc, tiểu khu trưởng tiểu khu Plâycu. Tạc nguyên là liên đoàn trưởng khóa sinh ở trung tâm huấn luyện Quang Trung. Sĩ quan nhà trường, con đông, vợ đại, lại ở Sài Gòn nên cuộc sống nó khổn nạn quá. Nằm ở Sài Gòn mà nghe tụi bạn bè "trần sơn bình ải" ở những miền đất xa xôi, tiền kiếm dễ như củi lứt, nghĩ mà thêm. Đã đành ở những nơi hóc hiểm ấy là phải dấn thân. Nhưng cái chết đâu có dễ. Hàng ngày chưa chắc đã phải chạm trán với nó, còn ở đây từng giờ từng phút đều phải chường mặt với cái nghèo. Ở cái xứ sở chiến tranh chưa bao giờ dứt, lại có lính Mỹ, lính đồng minh, có hàng viện trợ, có buôn và bán ma túy quả thật không thiếu gì cơ hội để làm tiền. Lại là một quân nhân, một sĩ quan cấp tá, thì cái cơ hội để kiếm tiền lại càng nhiều lắm. Nhưng phải có quan thầy, có phe cánh, có bằng, nếu không, cửa sinh không đến lại chui đầu vào cửa tử thì cái thân còn không bằng con chó. Vì anh chàng Tạc này thuộc loại người kém tháo vát, nói cho đúng là nhát sợ những chuyện phiêu lưu. Muốn sống sướng, sống ngoài đồng lương mà lại nhát thì cứ nên cam chịu cái phận nghèo. Có một thời đã định chạy sang Bộ tư lệnh cảnh sát, xin một chân cảnh sát quận thì cũng là một chỗ ngồi rất dễ chịu. Nhưng từ ngạch quân đội xin chuyển sang ngạch cảnh sát lại phải được bộ quốc phòng biệt phái sang bộ nội vụ. Dĩ nhiên không thể trình bày ý nguyên trong một lá đơn, rồi dứt cái lá đơn tội nghiệp nọ vào guồng máy hành chính mù mịt, rồi rít, đợi ngày có quyết định phê chuẩn. Mà là phải đi ngỗ sau, phải được người thân tín của mấy ông lớn dặt tay bày vẽ những thủ tục phải làm. Nhưng muốn được những người có uy quyền ghê gớm ở hậu trường hạ cổ nắm tay thì hai bàn tay của kẻ đến nhờ việc phải được bọc bằng vàng, vàng ròng. Lại có người mách, nhiều anh sĩ quan đói nghèo, nhưng được mấy ông người Hoa giàu sụ ở Chợ Lớn tài trợ nên đã có cái cơ hội được đo bạc bằng thước sau một hai năm thực thi công vụ tại quận 5, quận 6 đô thành. Nhưng người tài trợ cũng không dễ kiếm. Họ có thể tung ra vài chục triệu để mua một anh quận trưởng cảnh sát, nhưng phải là mặt hàng họ đã biết và muốn mua. Còn cái thằng trung tá Tạc, sĩ quan huấn luyện, thì nào ai được biết? Nó có tài nghệ gì? Nó là chân

tay của phe cánh nào? à, nếu nó chẳng có một chút gì đáng giá thì mua sao được, vài chục ngàn cũng không thể mua. Rồi, vẫn là do bạn bè xúi mách, thử chạy đến cửa đại tá Quý xem sao? Đại tá Quý là chánh văn phòng của trung tướng Đặng Văn Quang. Quang lại là cố vấn an ninh của Thiệu. Qua Quý mà đến Quang. Nhưng cái ông xếp sòng CIA bản xứ này cũng là trùm buôn bạch phiến luôn. Dầu ông ta có yêu ông đại tá Quý cũng không thể vì cái người quen biết của cấp dưới mình mà ra ơn suông được. Bởi rằng cũng cái ơn ấy mà đem cho một người khác còn được lại quả vài tệp ngân phiếu mà vẫn được tiếng là người thi ân. Ông ta tuy là người của giới quân sự, nhưng còn là người của giới thương mại tất phải có tính đến cái chuyện đó. Vẫn là rất khó, nhưng cứ nên thử xem sao? Quý là trung tá, mới lên cấp đại tá vào dịp "ngày quân lực" năm 1974. Đầu năm 1974, nhân gặp nhau tại nhà một người bạn, thấy Quý vận âu phục, thắt cà vạt Tạc còn hỏi đùa : "Mày vẫn là trung tá hay đã thăng đại tá để tao còn chào?". Quý cười : "Đã gì mà đại tá?". Trả lời thế tức là sắp làm cấp trên người ta rồi. Quả nhiên giữa năm y được thăng trật đại tá thật. Cũng là một kiếp người, cũng là một kiếp lính, nhưng cái anh chàng Denis Nguyễn Văn Quý kia mới tốt số làm sao? Hắn đã thoát ra khỏi cái cảnh ngộ chung và sống một cuộc đời bồng lai tiên cảnh bên trong cái vỏ áo lính. Cậu ấm vốn là dân Tây, lại là con trai duy nhất của một gia đình giàu có. Hồi Quý còn là đại úy công tố viên tòa án quân sự tại Nha Trang, một tháng hai lần cha mẹ từ Sài Gòn đáp máy bay ra Nha Trang thăm con và đưa tiền. Hai cụ không cho phép con trai về Sài Gòn vì sợ tai nạn dọc đường. Đi xe thì sợ mìn, sợ đâm xe, đi máy bay thì lo rớt, lo trục trặc. Từ ngày Quý về Sài Gòn làm người thân tín của trung tướng Quang thì cái thằng Tạc khốn khó chỉ đứng nhìn cũng đủ nhỏ dãi. Đã có lần, Tạc nói rất chua chát với người bạn được số phận quá cứng chiều : "Thôi, mình sẽ xin giải ngũ, làm sếp-phơ lái chiếc Von-va-ghen cho cậu. Vừa là lái xe, vừa là hộ sĩ, bằng lòng không?". Quý có ý muốn giúp đỡ người bạn cũ thật. Chỉ mách một nước đi thôi, có vẻ như phiêu lưu, nhưng kỳ thật hết sức chắc chắn, tức là nên xin về quân khu II với thiếu tướng Phú, vì Tạc vốn là đàn em của Phú, thời Phú còn làm chỉ huy trưởng trung tâm huấn luyện Quang Trung. Quý bảo Tạc : "Ông Phú sống hào hán lắm, rất hợp với tính cậu. Chịu khó về khuông phò ông ấy ít lâu lên được cái lon đại tá mình sẽ nói với ông Quang gọi cậu về Sài Gòn". Thế là trung tá Tạc xách hành lý, từ giã vợ con và cái đô thành luôn luôn nhân nhó với kẻ túng thiếu theo chàng Phạm Văn Phú hào hoa, mã thượng ra đất Quân khu tìm đường mưu sống. Quân khu II đóng tại Plâycu, nên Phú liền bổ nhiệm đàn em của mình làm tiểu khu trưởng tiểu khu Plâycu. Cuộc đời coi như đã được Thượng đế an bài lại, hy vọng rằng một năm nữa sẽ đeo lon đại tá, từ giã quan thầy, trở lại Sài Gòn với một cuộc sống hoàn toàn khác trước. Trước khi rời Sài Gòn, Tạc có đến chơi nhà người bạn mà tôi mới có dịp được quen biết. ông này làm nghề thầu khoán. Nghề thầu là cái nghề cho phép người ta được biết tất cả. Tạc hỏi ông thầu khoán : "Lên vùng cao nguyên liệu có gì làm ăn ngoài được không?". Ông này liền mách cái cách thức ăn tiền đăng ký lộ trình của các xe đò từ Plâycu đi Quy Nhơn, ngược Công Tum hoặc xuôi Buôn Mê Thuật. Nhà xe muốn xin đường cho xe đò chở khách trước hết phải dứt tiền cho tư lệnh vùng, rồi cho các tỉnh trưởng các tỉnh có con đường xe chạy. Đó là những món tiền to, còn những món tiền nhỏ hơn thì đưa cho ty cảnh sát, ty công chánh và tiểu khu trưởng (nếu tỉnh trưởng không kiêm nhiệm) để đảm bảo an toàn cho lộ trình. Có tiền đưa một lần, có tiền đưa hàng tháng, lại có tiền đưa từng chuyến nếu chuyến đó có chở hàng lậu. Tạc có ý chê vì nó vất vãnh mà lại nguy hiểm nhưng ông thầu đã đưa ra một dẫn chứng mà cả Sài Gòn đều biết là vụ chuẩn tướng Thọ. Năm Thọ còn làm tỉnh trưởng Bình Định, ăn tiền quá nhiều nên bị báo *Dân luận* tố cáo. Tỉnh trưởng có quyền cấp giấy phép đại lý bán gạo, các môn bài đặc biệt, cho lộ trình xe và một trăm thứ có thể kiếm tiền để như vốn nó đã ở sẵn trong két rồi. Đàn em làm rồi đưa về nộp chứ ông tỉnh trưởng không cần dúng tay. Hai tay ông vẫn có thể sạch. Vợ Thọ nhận đỡ đầu cho một hãng xe đò lớn chạy đường Quy Nhơn - Sài Gòn và Quy Nhơn - Đà Nẵng - Huế, mỗi năm cũng được cầm tay từ một đến ba triệu. Đó là vợ làm chứ không phải chồng làm. Lúc báo chí ở Sài Gòn khai chuyện ra, vợ Thọ liền phái một sĩ quan cấp tá tới tận tòa báo đưa lót một triệu để họ im đi cho. Nhưng tờ báo vì nhờ vào cái vụ tố cáo tham nhũng này mà có bạn đọc, in được nhiều số, nên không muốn nhận tiền dứt, cứ tiếp tục viết bài tố cáo. Kết quả thế nào? Thọ tuy không được ở Bình Định, nhưng được thăng cấp chuẩn tướng, được nhận một trách nhiệm còn thơm tho hơn cả thời làm tỉnh trưởng. Ông thầu khoán nhân đấy mà khuyên ông trung tá là đã muốn được sống hơn người thì đừng có sợ. Vả lại, đâu phải tội lỗi một riêng ai. Giả thử trưởng ty cảnh sát có đưa tiền cho tiểu khu trưởng

thì đừng nên chối. Nó tha lính quân dịch, tha hàng lậu, cho phép đánh bạc, mại dâm, mở nhà hàng ca nhạc là thu về hàng chục triệu trong nháy mắt. Giá thử một người nào đó bị tố cáo thì vẫn có thể hoàn toàn yên tâm. Một người bị lôi ra, vậy những kẻ khác thì sao? Ngay đến tướng vùng cũng có dính líu ít nhiều. Một tỉnh mà tỉnh trưởng làm tiền, trưởng ty cảnh sát làm tiền, tòa án cũng làm tiền thì còn lấy ai tố cáo? Mà dầu có bị tố cáo thì ai sẽ đứng ra thi hành pháp luật? Cứ yên trí mà làm ăn, làm tới tới lên, nhưng chớ có tham quá, của thơm tho nếu biết cách chia hưởng thì còn được thơm lâu. Ở Plâycu cũng còn một món tiền rất dễ kiếm là các nhà thầu khai thác gỗ. Muốn khai thác gỗ phải có giấy phép của tướng vùng, của nha thủy lâm, nhưng cái anh tiểu khu trưởng nắm lực lượng quân địa phương cũng không thể bỏ qua được. Trong rừng có lực lượng của Giải phóng lại có cả lực lượng của tiểu khu. Anh em Giải phóng thì không có gì phải sợ, nhưng lực lượng của địa phương lại rất nên sợ. Chúng sẽ tóm lấy anh mà la làng là chân tay của Việt cộng thì anh kêu ai? Cứ phải dấn vào miệng mấy thằng la dăm ba chục ngàn chúng mới chịu ngậm lại. Tất nhiên tiếng la to nhất, có uy thế nhất phải là của thằng tiểu khu trưởng. Đây, chỗ làm tiền và cách làm tiền là như thế đấy. Trước khi già từ, ông thầu khoán còn mách thêm một cách làm tiền khác nữa là tổ chức một đội chuyên bắn hổ nẫu cao xương. Tôi sẽ giới thiệu mặt hàng cho anh, hổ cao nguyên xương tốt nẫu cao phải biết là lời".

Tạc lên Plâycu vào ngày 1 tháng Ba năm 1975. Nửa tháng sau, ngày 15 tháng Ba, bộ tư lệnh quân đoàn hạ lệnh rút lực lượng về Nha Trang để nghỉ mưu tái chiếm Buôn Mê Thuật. Chiều 15 tháng Ba, Phú triệu tập tỉnh trưởng Plâycu, trưởng ty ngân khố và chuẩn tướng Tất, chỉ huy trưởng lực lượng biệt động của quân khu II, để đốt ba mươi triệu bạc vì không thể mang theo được. Có thể mang theo tất cả lên máy bay riêng của thiếu tướng tư lệnh, nhưng lại không thể mang được ba mươi triệu bạc? Sĩ quan tham mưu của tiểu khu chạy về báo Tạc: "Mấy ông lớn bay rồi, trung tá ơi! Mà xem ra họ có một chuyện gì mờ ám lắm". Sự thật thì không có chuyện đốt bạc. Có phúc trình lên trên là đã đốt bạc, với sự hiện diện của quý ông A, quý ông B, quý ông X, nhưng đến một các cũng không đốt. Các vị tai to mặt lớn đã chia nhau bỏ túi làm tiền lộ phí. Ờ hay! Vì cuộc tấn công này chúng tôi cũng mất bao nhiêu là của cải, chẳng lẽ không có quyền lấy đi vài chục triệu gọi là có chút ít đền bù. Sự lý kỳ vẫn chưa hết. Phú liền mách nước cho trưởng ty ngân khố phun xăng vào cánh tay phải rồi châm lửa cho cháy bỏng lột da ngoài có nghĩa là vì đốt bạc mà bị bỏng. Thật là chứng cứ rõ ràng nhé. Không khéo còn được gắn huân chương vì đã hết lòng vì công vụ. Diễn xong tấn kịch che mắt thế gian, lập tức cả bốn người đều lên máy bay đi Nha Trang. Theo luật mà nói thì tư lệnh quân khu và chỉ huy trưởng biệt động có quyền rút về Nha Trang trước cùng với bộ phận nhẹ của quân khu, nhưng tỉnh trưởng và tiểu khu trưởng không được bỏ dân, bỏ lính đi di tản. Luật là như thế, nhưng ông tỉnh trưởng đã bỏ rồi, cả cái ông trưởng ty ngân khố vô danh tiểu tốt cũng được leo tót lên chiếc C.47, ngồi bên cạnh ngài tư lệnh. Vậy thì... vậy thì bọn ta cũng chuẩn cho lệ thôi! Ông tiểu khu trưởng liền bí mật tổ chức một nhóm di tản thật gọn nhẹ và thân tín gồm mười hai người trong cơ quan tham mưu, mang theo điện đài, địa bàn, bản đồ và súng M.16 trong đêm 15 tháng Ba rời khỏi thị xã Plâycu, chiếu hướng đông-nam mà đi tới. Họ tránh đường 7 vì đó là tử lộ, tránh luôn cả đường 21, cứ cắt rừng mà băng ra biển theo hướng thị xã Nha Trang. Đi mười ngày đêm trong rừng, uống nước bằng cách liếm hạt sương đọng trên mặt lá, liếm đến tứa máu ở đầu lưỡi mà vẫn chưa diu được cái khát. Đói thì nhai lá vằng, một loại lá chua mọc bên những gốc cây lớn. Lúc nào mệt thì nằm nghỉ, đỡ mệt lại dắt díu nhau kéo đi, không tính là đêm hay là ngày. Đến ngày thứ mười hai thì bọn họ ra khỏi cửa rừng, nhìn trên bản đồ đã là phía đông đèo Mơ Đắc. Họ đi bộ đến quận Ninh Hòa. Rồi từ đó lên xe về Nha Trang gặp Phú. Nhìn ông trung tá quyết dấn thân để thay đổi cảnh ngộ, ai cũng phải thương. râu tóc dài cộp, quần áo rách tung, mặt và hai bàn tay đã nề phù. Tạc chỉ còn kịp hét to trước mặt cấp trên của anh ta là anh vẫn còn sống nhần, anh chưa thể chết được, anh chưa muốn chết rồi ngã ra bất tỉnh. Phú cho Tạc một bộ quần áo thay và hai chục ngàn. Nhân nỗi bất hạnh của một đội quân thua trận, ông chỉ huy đã kiếm ngon lành một chục triệu, nhưng cũng chỉ có thể thí cho không đàn em có hai chục ngàn! Sau này về Sài Gòn, Tạc đã thuật lại một cách uất ức với bạn bè như thế. Ở lại Nha Trang được vài ngày thì tuyển phòng thủ của lũy dù 3 ở đèo Mơ Đắc bị vỡ, xe tăng Quân giải phóng tràn vào trung tâm huấn luyện ở Dục Mỹ, rồi tiến vào Ninh Hòa. Thế là Nha Trang lại chạy. Lại đến gặp Phú xin một chỗ máy bay về Phan Rang. Phú lại ra ơn lần thứ hai, cho ngồi cùng chuyến máy bay đưa Phú và cả trung tướng Thuần, chỉ huy trưởng trường hạ sĩ quan Đồng Đế về Phan

Rang. Đến Phan Rang lại thấy mọi người thu xếp hành lý rục rịch chạy nữa. Chạy đi đâu? Hoặc vào Bình Thuận, hoặc đi Vũng Tàu, hoặc chạy tuốt vô Sài Gòn rồi bóc lon làm dần. Miễn là còn đem được cái xác về cho vợ con dầu làm gì cũng được. Nhưng Thuận và Phú đã biến mất! Tất cũng biến mất! Lý, tham mưu trưởng quân khu cũng mất luôn! Xin ai được một chỗ lên máy bay hay xuống tàu biển bây giờ? Đang thương thân trách phận thế nào lại gặp một thằng đàn em cũ, nay là đại úy phi hành. Chưa kịp nói gì, nó đã hỏi : “Cố muốn về Sài Gòn không?”. “Chú em ơi, anh có thể lạy chú một lạy vì cái ơn cứu mạng”. Chú em này đưa một chiếc C.47 ra Phan Rang với một trọng trách : Đón các ông chú, bà thím của tổng thống về Sài Gòn. Chỗ ngồi đã đủ, nhưng có thể ngồi lên thảm trải ở đằng đuôi. “Dầu tao có phải treo người dưới cánh, tao cũng đi. Mà cho đi là cảm ơn mày rồi”.

Trung tá Tạc đã đem cái xác nê phù vì đói khát, vì lo sợ vì uất ức về đến đất Sài Gòn vào ngày 5 tháng Tư, rồi nằm mê man trên giường cho tới ngày 30 tháng Tư. Vợ con đã phải cầm bán những thứ có thể cầm bán để chạy thuốc cho chồng. Xem chừng cái cảnh ngộ của cặp vợ chồng đồng con này về lâu về dài cũng chẳng thể sáng sủa hơn những ngày đã qua. Làm sao được! Ở đâu cũng thế, một chế độ chính trị do đội quân xâm lược tạo dựng nên, khi sụp đổ không khỏi đê bệch, nghiền nát hàng triệu con người đã bị lừa đảo từ đầu đến cuối.

*

* *

Niềm vui của một người nhân “thời thế có tao loạn” mà được cầm gậy chỉ huy :

Chúc mừng của hội ái hữu cựu sinh viên sĩ quan khóa Cương Quyết 2 - Thủ Đức hoan mừng :

Bạn Phạm Duy Tất

Được danh dự vinh thăng đặc cách chuẩn tướng nhiệm chức tại mặt trận nhân dịp tạo nhiều chiến thắng vẻ vang tại chiến trường khu tây bắc cao nguyên Ban Mê Thuột ngày 13 tháng 3 năm 75.

Và cái nỗi buồn của một vinh quang đến quá muộn :

Phúc trình

Của chuẩn tướng Phạm Duy Tất chỉ huy trưởng Biệt động quân - Quân khu II về giai đoạn triệt thoái từ Pleiku về Nha Trang.

(Trích đoạn)

...Tối ngày 11/3 tôi được lệnh về trình diện Bộ tư lệnh quân đoàn II để được gắn cấp bậc chuẩn tướng và dự buổi hội do thiếu tướng tư lệnh quân đoàn chủ tọa, hiện diện gồm : chuẩn tướng Cẩm phụ tá hành quân, chuẩn tướng Sang, tư lệnh sư đoàn 6 không quân, đại tá Lý, tham mưu trưởng quân đoàn II. Thiếu tướng cho lệnh rút các lực lượng ở Kontum, Pleiku theo hướng liên tỉnh lộ 7 để tái chiếm Ban Mê Thuột, chỉ thị chuẩn tướng Cẩm và đại tá Lý thiết lập kế hoạch rút quân, sợ bị tiết lộ quyết định dùng mật lệnh chỉ thị từng giai đoạn rút lui.

Kế hoạch rút lui

a) *Kế hoạch của lữ đoàn kỵ binh số 2.*

Tăng phái Lữ 23/bđq (4) và Lữ 6/bđq cho lữ đoàn 2 kỵ binh để an ninh lộ trình và yểm trợ công binh làm đường từ ngã ba Mỹ Thạch đến quận Sơn Hòa. Bộ tư lệnh Lữ 2/kỵ binh đặt tại thị xã Phú Bổn. Bộ chỉ huy Lữ 23/Bđq tại phi trường Phú Bổn. Tiểu đoàn 11/bđq an ninh đèo Chư Pao. Tiểu đoàn 24/bđq chặn phía tây Phú Bổn. Lữ 6/bđq giữ an ninh cho công binh từ Cà Lúi (trục 59) đến tây bắc quận Sơn Hòa (trục 76), đoạn đường còn lại do các tiểu khu Phú Bổn và Phú Yên đảm trách.

b) *Kế hoạch rút lui Kontum.*

Ngày 16 tháng 3, chuẩn tướng Cẩm chỉ thị tiểu khu Kontum rút Lữ 22/bđq và tiểu đoàn 222

Bđq về Pleiku bằng xe. Không đủ xe nên tiểu đoàn 22 phải đi bộ từ Chư Pao đến ngã ba Mỹ Thạch. Lđ 22/bđq đến Pleiku để giữ an ninh từ ngã ba Mỹ Thạch đến đèo Chư Túc.

c) Kế hoạch rút lui tại Pleiku

Trong khi rút quân tại Kontum, Lđ 25/bđq bị sư đoàn 968 tấn pháo. Tiểu đoàn 67/bđq tổn thất nặng. Ngày 15 tháng 3 bị đánh bật khỏi đèo Thanh Bình. Địch tấn pháo tiểu đoàn 98 và 90/bđq tại phía tây và tây nam Thanh An, pháo dữ dội vào bộ chỉ huy liên đoàn, xâm nhập chi khu Thanh An. BCH/Lđ đã xin không quân yểm trợ nhưng không được đáp ứng. Pháo binh của ta hoàn toàn bị hủy diệt.

Đêm 16 tháng 3, tiểu đoàn 16 được lệnh rời Pleiku và căn cứ 711 để án ngữ ngã ba Phù Mỹ, ngã ba Hòn Rồng, nhiệm vụ tiếp đón liên đoàn khi rút quân.

Theo kế hoạch dự trù, BTL/QĐ II sẽ cấp xe cho các đơn vị biệt động quân ới chuyển. Phút chót không có xe nên phải dùng phương tiện cơ hữu và thiết giáp. Riêng Lđ 25/bđq phải đi bộ từ Thanh An về Phú Bổn.

2. Diễn biến cuộc rút quân.

a) Giai đoạn từ Kontum - Phú Bổn.

Lđ7/bđq ưu tiên rời khỏi vùng trách nhiệm để án ngữ từ phía đông Phú Bổn đến đèo Tuna. Lúc đó BCH/Bđq/QK II do đại tá Uy chỉ huy phó chỉ huy rút đến giữa ngã ba Phù Mỹ và Mỹ Thạch lập hệ thống liên lạc với các đơn vị tại đó Lđ 25/bđq từ Thanh An rút bộ sau cùng, bị tấn công dọc lộ trình.

Đêm 14 ngày 15 tháng 3 - Sư đoàn 6 không quân liên tục không vận quân nhân và gia đình. Có thể dân chúng đoán biết cuộc rút quân nên hoang mang. Thị xã Pleiku hỗn loạn. 17 giờ ngày 17 tháng 3, đài tiếp vận của BCH/Bđq/QK II tại đỉnh Hòn Rồng triệt thoái sau khi các đơn vị đã rút khỏi Pleiku.

Ngày 18 tháng 3 - Lđ 7/Bđq phối hợp với lữ đoàn kỵ binh giải tỏa chốt. Trong lúc đang có tiến triển tốt thì phi tuần khu trục oanh tạc lăm, gây thiệt hại nặng cho một tiểu đoàn của liên đoàn 7 và một số xe thiết giáp. Hành quân tạm ngừng. Lúc đó địch pháo kích vào thị xã Phú Bổn, người Thượng tràn vào cướp đồ xe cộ tranh giành nhau lưu thông.

- *17 giờ 5 phút ngày 18 tháng 3* - Thiếu tướng tư lệnh LĐ II và chuẩn tướng Cẩm chỉ thị nỗ lực diệt chốt. Các đơn vị phá hủy chiến cụ nặng và rút khỏi Phú Bổn.

- Lđ 23/bđq vẫn đối đầu với sư đoàn 320 thường xuyên bị tấn kích. Các đơn vị phải băng rừng vì trên đường lực lượng địa phương quân đã rút bỏ. Dân chúng tháo chạy các đơn vị gây hỗn loạn.

b) Giai đoạn Củng Sơn - Tuy Hòa.

Lđ6/Bđq ở khu vực ẩn định, nhưng không bảo vệ công binh, mà đánh địch ở phía sau. Từ 20 đến 24 tháng 3, Lđ6/bđq bị tấn kích liên tiếp. Đến bến phà sông Ba, công binh cho biết qua dễ dàng, nhưng vượt sông bị trở ngại vì cát lún, dùng chinook (5) cầu, vì sắt PSP lót cát không được. Xe ùn lại.

Tại Nha Trang, các đơn vị biệt động quân chỉ còn thành phần khung của các liên đoàn và các đơn vị hành chính công vụ không có vũ khí, chỉ có một đại đội thuộc Lđ22/bđq còn nguyên vẹn, nhưng phải phân tán cấp tiểu đội để giữ an ninh thị xã, kiểm soát nút chân và yếu điểm : đèo Rù Rì, hải cảng, cổng phi trường, nhưng không có máy liên lạc.

Ngày 30 tháng 3, quân dân các nơi di tản tơi, gây hỗn loạn thị xã. *Ngày 31 tháng 3*, địa phương quân giữ an ninh trung tâm cải huấn bỏ chạy, quân phạm thoát ra phá phách, quân trấn Nha Trang không duy trì được trật tự vì nhân viên công lực bỏ trốn, biệt động quân hết lực lượng.

Ngày 31 tháng 3, tư lệnh quân đoàn II giao phó cho tôi nhiệm vụ phụ tá hành quân. Ngày 1 tháng 4, tư lệnh quân đoàn II giao chức vụ chỉ huy trưởng Bđq/qk II cho đại tá Đại chỉ huy trưởng trung tâm huấn luyện biệt động quân Dục Mỹ.

c) Giai đoạn di tản tại Nha Trang

13 giờ ngày 1 tháng 4, tôi đang ở tại BTL/QĐ II, thiếu tướng tư lệnh bảo làm cơm ăn thì nhân viên bộ tham mưu quân đoàn tư động phân tán lên xe chạy, chỉ còn vài nhân viên tùy tùng. Lúc đó trung tướng Thuận đến. Tư lệnh quân dân chỉ thị cho tôi dùng trực thăng liên lạc với các đơn vị, đặc biệt là tiểu đoàn 34/bđq tại đèo Cả. Cả buổi chiều không liên lạc được với ai. Phi trường hỗn loạn. Phi công giành giật phi cơ để bay. Về Phan Rang đổ xăng, tướng Phú bảo tôi lấy phi cơ C.47 về Nha Trang liên lạc nữa, nhưng không có kết quả. Trở lại Phan Rang, tư lệnh quân đoàn lại bảo tôi lấy trực thăng trở ngay lại Nha Trang tìm cách liên lạc một lần chót. Tại Nha Trang, tôi cho bay thật thấp nhưng không bắt liên lạc được với một đơn vị nào hay biệt động quân cả. 17 giờ 30 ngày 1 tháng 4, tôi trở lại Phan Rang báo cáo với tư lệnh quân đoàn. Sau đó cùng tư lệnh quân đoàn trở lại phi trường Nha Trang gặp chuẩn tướng Oánh và chuẩn tướng Lượng. 20 giờ 30 ngày 1 tháng 4, tư lệnh quân đoàn II về Phan Rang nghỉ đêm.

Ngày 2 tháng 4, 8 giờ - chuẩn tướng Sang tư lệnh sư đoàn 6 không quân cho biết tư lệnh/qđ II và tiểu khu trưởng Ninh Thuận vừa rời Phan Rang không biết đi đâu. Đến chiều gặp thiếu tướng Lành tư lệnh phó không quân, và đại tá Phước, tư lệnh phó sư đoàn nhảy dù tại sư đoàn 6 không quân. Chuẩn tướng Sang cho biết kể từ sáng nay lãnh thổ quân khu III được nói ra đến Phan Thiết, riêng Phan Rang thuộc quyền chỉ huy của tư lệnh sư đoàn 6 không quân.

Sau hai ngày ở lại Phan Rang không có chỉ thị gì của cấp chỉ huy và đã nhiều lần liên lạc với bộ chỉ huy biệt động quân quân lực Việt Nam cộng hòa nhưng hệ thống bị gián đoạn nên lúc 8 giờ ngày 3 tháng 4 tôi đã dùng phương tiện của sư đoàn 6 không quân về Sài Gòn trình diện thiếu tướng chỉ huy trưởng Bđq/QLVNCH.

*

* *

Theo bản phúc trình của Tất, thì khi về tới Nha Trang chỉ còn có một đại đội thuộc liên đoàn 22 biệt động quân là còn nguyên vẹn. Tính ra đã có hàng ngàn người không đến đích. May mắn thì họ được Quân giải phóng bắt làm tù binh, nghĩa là vẫn còn sống. Còn sống thì có ngày lại được gặp vợ, gặp con, nghĩ lại chuyện tháng Ba năm nào như một cơn ác mộng. Nhưng sẽ có nhiều người phải nằm lại dọc con đường 7, nằm lại ở các dải rừng. Tên tuổi họ, thân phận họ nào ai được biết, có chăng chỉ còn những người thân là nhớ đến. Ngay đến người thân cũng không thể nhớ tới họ mãi mãi, rồi cũng có lúc phải quên ới. Xương vùi trong đất, lá rừng phủ lên đất, cuối cùng là thời gian che phủ lên tất cả. Cũng là một kiếp người mà sao đau đớn đến thế, vô ích đến thế. Đáng thương hơn là đáng giận. Họ đâu có muốn thế. Họ đâu được biết cộng sản là gì mà bảo căm ghét. Những kẻ căm ghét cộng sản thật ra chỉ có rất ít và cái đám rất ít ấy mỗi ngày một tàn lụi mãi đi. Họ chỉ mong được sống sung sướng, sung sướng hơn đồng loại chút ít càng hay, và ai ai cũng muốn chạy vọt lên để được hưởng cái may mắn hơn những người khác. Trong một nước bị xâm lược, có quân đội nước ngoài tới chiếm đóng, lại có một đám người đứng ra xin thay mặt kẻ xâm lược mà cai trị lại dân, nhưng dân không lấy làm tức, lại còn muốn được sống yên phận, sống sung sướng hơn đồng loại? Mà muốn sống sướng hơn đồng loại thì không thể không cam chịu một nửa non sông đã bị bán đi, cái thân phận của mình đã bị bán đi. Cam chịu có nghĩa là sẽ cộng tác : Có cộng tác thì mới có cơ hội sống sướng hơn kẻ khác được. Lâu dần cái gốc gác của một cuộc sống sung sướng ngay cả trong chiến tranh cứ bị che lấp mãi, khiến người ta chỉ còn nhìn thấy có ông A giàu, bà B sướng, thằng X đại, thằng Y khổ. Thói thường ai chẳng muốn noi theo ông A, bà B. Tại sao lại làm thế? Chỉ vì bọn tôi muốn được sống khá hơn một chút. Vì muốn được sống khá hơn mà xin ra trần thủ tại những chiến trường xa. Ở chiến trường xa thì dễ thăng trật, dễ kiếm chác. Chứ không phải vì ở đó được đối mặt hàng ngày với cộng sản, có cơ hội “uống máu ăn gan” họ. Những đứa thật sự muốn moi gan uống máu người cộng sản hầu hết nằm ở phía sau cả. Cuối cùng... cuối cùng là những nắm đất hiu quạnh trên một nẻo đường rừng nào đó ở một góc núi nào đó, ở một vùng quê nào đó. E rằng đến một nắm đất cũng không thể có. Chính là những quan niệm thiển cận và ích kỷ về mưu sống đã giết chết họ, đã ném họ vào những cạm bẫy hiểm ác của một cuộc chiến tranh do Mỹ xúi giục, Mỹ phát động, Mỹ nuôi dưỡng, nhằm phục vụ những ý định dài lâu của người Mỹ.

Có một người bạn ở Sài Gòn đã nói với tôi : "Giá hàng ở Sài Gòn đắt hơn bất cứ nơi nào trên thế giới, vì phải trả bằng máu người". Không có máu người Việt Nam chịu đổ ra cho Mỹ, người Mỹ sẽ không bao giờ chịu đổ của ra để bù lại. Người Mỹ chỉ hào phóng khi họ có lợi. Nhưng máu đổ ở mãi ngoài xa, vết máu lại chóng khô nên người ta không dễ nhìn thấy. Còn hàng hóa và bảng giá thì lại được trưng bày, được rọi điện, được quảng cáo nên cứ ngỡ là giá rẻ. Họ có biết đâu trên bảng giá đã có vết máu của chồng con. Nói cho đúng, cũng còn nhiều người dầu đã được dẫn giải vẫn không thể tìm ra vết máu, bởi chung những người ruột thịt của họ đều đã được sống rất sung sướng, rất an toàn. Cùng lắm trong giá hàng họ chỉ thấy có máu của người khác. Đồng tiền là của mình, còn máu là của người khác nên giá hàng vẫn cứ là rẻ.

Tôi xin thuật lại một câu chuyện cũng vẫn là không vui về một cặp vợ chồng muốn được sống sướng hơn xung quanh một chút trong cái cảnh ngộ khốn khổ của một phần đất chưa bao giờ vắng bóng những tên lính xâm lược. Người chồng tên là Nguyễn Tất Biên, trung tá liên đoàn trưởng liên đoàn 23 biệt động quân và người vợ có cửa hàng nhỏ ở Gò Dầu Hạ, buôn hàng lậu từ Nam Vang đưa sang. Năm 1974 và trước đó, Biên làm ở bộ tham mưu biệt động quân quân khu III, ở Biên Hòa. Một sĩ quan rất điển trai, đã được bạn bè gọi đùa là Biên tây lai, cấp bậc cũng khá, lại an tọa ở một chốn không thể có tên bay đạn lạc, trừ phi... trừ phi anh ta muốn tự bắn vào đầu mình. Cô vợ lại chẳng phải người chịu ngồi ăn không, cũng chân nọ tay kia, buôn vào bán ra, trăm van thì khó, chứ trăm ngàn khi nào cũng sẵn. Đã có thể cảm tạ trời phật vì cái số phận hết sức dễ chịu rồi. Khốn nỗi, họ lại còn muốn được sống sướng hơn thế, được gia nhập vào cái giới thượng lưu ở Sài Gòn. Ví như bước thăng vận của một người bạn rất thân với gia đình là trung tá Phú. Phú trước ở cục quân huấn, về sau đổi đi Đà Lạt làm giáo viên trường đại học quân sự, dãi rạch quanh năm. Vợ sống ở Sài Gòn khi cầm bát họ, khi chạy hàng xách, nói chuyện với ai cũng xưng em, nước mắt ngấn dài, thâm thẳm tang thương hết chỗ nói. Người chồng ở Đà Lạt may mắn thế nào lại được một đại tá tên là Thường trong bộ chỉ huy tiếp vận 5 đóng ở Nha Trang, xin cho được chuyển sang tổng cục tiếp vận, đi học một lớp sĩ quan tiếp vận, rồi cũng vẫn là ông đại tá cứu tinh ấy cử đến Cam Ranh trông coi việc nhận và phân loại hàng phế bỏ của Mỹ đưa về cho quân lực Việt Nam cộng hòa. Kể ra anh chàng trung tá này cũng là người có bản tính lương thiện. Sống trong một quân đội mà từ anh hạ sĩ trở lên đều biết cách làm tiền, nhưng ông trung tá vẫn hoàn toàn ngờ ngác về những ngọn nguồn để muốn có tiền. Cho nên được quan thầy cho ngồi giữa một đồng tiền mà lại than phiền rằng vất vả quá. Cô vợ cũng lại dai dột nốt, liên tục chạy đến than thở với bà đại tá về nỗi khổ của chồng mình. Bà kia phải phì cười mà bảo rằng : "Của ngon đã đưa đến tận miệng mà còn chưa biết ghé răng vào cắn ư? Cái bãi rác của Mỹ ở bán đảo Cam Ranh quả là thiên đường cho tất cả những ai muốn làm giàu. Một cái ghế xoay chỉ mất có cái vít, coi như của bỏ, bán theo ki-lô, khoảng mười đồng một kí. Đem về, tra một cái vít đã hóa thành vài chục ngàn. Giường lò xo, tủ áo, máy lạnh đều thế cả, cứ xếp lại từng đồng hoặc gọi nhà thầu đến bán ki-lô hoặc chuyển sang kho của tiếp vận là tùy ở sĩ quan đảm nhiệm việc phân loại. Lại như, khuôn về tiếp vận năm mươi cái tủ lạnh, thì cứ lấy đại là một trăm, năm mươi cái thừa kia sẽ tung ra thị trường. Cũng không cần đến tay anh phải gọi mỗi mua mà đã có một đội ngũ đàn em hết lòng phục dịch. Ông trung tá cứ ngồi nguyên một chỗ, mỗi ngày cũng phải được cầm tay vài chục ngàn. Lương tháng có dăm chục ngàn, nay mỗi ngày tiền lót tay xấp xỉ với lương tháng, thì của thiên đàng thật ra cũng không đến nỗi quá hẹp. Trong vòng có một năm, cặp vợ chồng này đã gửi vào ngân hàng tới năm triệu bạc. Đồ đạc trong nhà cũng được thay cũ đổi mới hết, mà không phải tiêu ra đến một cắc. Rồi tậu nhà, rồi sắm xe hơi, mượn lái xe, thuê bồi bếp. Mỗi lần ông trung tá từ Nha Trang về Sài Gòn nghỉ ngơi hoặc có công vụ, bà vợ lại mở tiệc mời bạn bè tới ăn nhậu, nhảy nhót, vui vẻ không biết chừng nào. Anh chồng mặt mũi vẫn đen đui, thân hình vẫn còm nhom, nhưng cô vợ thì thay đổi hoàn toàn như đã được lột xác. Mà cách ăn nói, cách đi đứng cũng mới quí phái, mới đài các làm sao, dường như bà ta biết cách sai khiến mọi người từ thuở còn nằm nôi bú mẹ. Cái cảnh sống bỗng lại dưới hạ giới ấy kéo dài được năm rưỡi thì ông trung tá bất thần phải đổi về buya-rô⁽⁶⁾ làm nghề phát bông xăng, cũng vẫn được ăn, nhưng chỉ tém lẻ cấu vặt, không thể bì được với chỗ ngồi giữa đồng rác sắt thép của Mỹ thải. Cả hai vợ chồng lúc ấy mới ngã người ra tự giận mình đã ngu quá. Họ kiếm được bạc triệu mỗi tháng, giả dụ thế, thì cũng phải biết cách đưa lên quan thầy hộ mạng năm trăm ngàn. Bởi rằng quan thầy cũng phải hàng tháng đưa quà lên xếp sòng là trung tướng Đồng Văn Khuyên, tổng cục trưởng

tổng cục tiếp vận. Hoặc là họ ngu quá, hoặc là họ tham quá nên đã bỏ lỡ một cơ hội làm giàu rất hiếm có. Nhưng cái tấm gương thất bại ấy lại rất kích thích lòng ham muốn của cặp vợ chồng trung tá Biên. Họ chỉ cần khôn hơn những kẻ đi trước một chút là tất cả sẽ êm thấm. Nhưng tìm được ai làm quan thầy trong tổng cục tiếp vận bây giờ? Đành phải chạy vòng một chút vậy, Biên liền xin với Phú vốn là cấp trên trực tiếp thời cả hai còn ở lực lượng đặc biệt, được về quân khu II, với hi vọng một năm sau nhờ sự che chở của đàn anh sẽ được lên một cấp nữa. Đeo lon đại tá rồi, hoặc trở về Sài Gòn, hoặc tìm cách sang tổng cục tiếp vận cũng chưa muộn. Vả lại vợ Biên có quen một người bà con với trung tướng Khuyển. Qua người này tìm đến quan thầy mới xem chừng cũng chẳng khó khăn gì. Miễn là được lên một cấp, cái ấy mới khó. Trước tết Ất Mão một tháng, trung tá Biên về làm liên đoàn trưởng liên đoàn 23 biệt động quân đóng ở Công Tum tức là đã được bổ nhiệm vào chức vụ đại tá. Mấy ngày tết vợ đưa các con lên Công Tum ăn tết với chồng. Cái tết ở một thị xã trên cao nguyên có cái lãng mạn, thơ mộng của nó, mà lại rất lạnh, lạnh hơn ở Sài Gòn nên có vẻ tết hơn ở Sài Gòn. Tết ra, mọi sự vẫn rất bình an. Cái mộng cố gắng ở nơi nguy hiểm một năm để rồi sẽ được sống sướng hơn cả mọi người mãi mãi chưa có triệu chứng gì là không lành cả. Qua được tháng Hai, qua được mười ngày đầu của tháng Ba. Rồi có tin Buôn Mê Thuột thất thủ. Các báo đăng tin ông Viucen Nguyễn Ngọc Vy, phó tỉnh trưởng Đắc Lắc tử nạn ngày 10 tháng Ba tại Buôn Mê Thuột. Rồi lại có tin ông đại tá tỉnh trưởng cũng bị tử thương chiều ngày 11 tháng Ba, còn ông Vũ Thế Quang, tư lệnh sư đoàn 23 phòng thủ Buôn Mê Thuột thì bị "cộng quân" bắt sống. Nghe xung quanh họ đồn đại thế, chứ tin chính thức của chính phủ vẫn quả quyết rằng Buôn Mê Thuột chưa mất, trong thị xã có quân của cả đôi bên. Rồi lại có tin "chúng ta" đã tái chiếm. Rồi lại có tin tướng Phú cùng bộ tư lệnh quân khu đã rút về Nha Trang. Rồi lại có tin cải chính là không phải, chỉ có tướng Phú đi, còn tất cả vẫn ở lại Plâycu. Điện từ Sài Gòn đánh đi không nhận được điện trả lời. Không có một ai được trả lời. Cái nơi ấy như đã thuộc về một thế giới khác. Bao giờ lại được thấy anh hơi cúi đầu bước vào căn phòng nhỏ hẹp của chúng ta? Bao giờ em lại được nói với các anh : "Rượu khai vị các anh thích uống Martell hay Gin? Hai vợ chồng mình cứ sống như xưa kia chẳng đã hạnh phúc lắm sao? Còn mong muốn gì hơn nữa? Chao ơi! Em đại đột quá! Bây giờ có hối cũng đã quá muộn rồi. Chỉ cầu nguyện rằng sẽ không có chuyện gì xảy ra với anh. Có thể xảy ra với ông Vy, ông Quang, ông Luật, với những người khác nhưng sẽ không phải là anh. Có thể xảy ra với mọi gia đình nhưng sẽ không bao giờ là gia đình mình. Mới hôm qua chị muốn gia đình chị phải được sống sung sướng hơn cả mọi người, và hôm nay chị lại cầu xin gia đình mình sẽ ít chịu đau khổ hơn cả mọi người!

Nó đau đớn là thế. Mà cũng ngu dại là thế.!

*

* *

Ngày 14 tháng Ba, khi Thiệu ra Nha Trang gặp Phú, tư lệnh quân khu II nghe thuyết trình tình hình quân sự trong quân khu, và hạ lệnh rút quân khỏi Tây Nguyên, kịp thời bố trí lại lực lượng vùng duyên hải miền Trung, lập tức bị cả mọi người trong phe cánh lên tiếng chỉ trích. Đành rằng phải bỏ cái không thể giữ được để cố giữ cái có thể giữ nhưng nếu lại bỏ hẳn cả vùng cao nguyên trung phần thì sẽ không thể giữ lại những cái còn có thể giữ. Họ dẫn chứng : Ba tỉnh Tây Nguyên vẫn là cái vòm trần của miền Nam Việt Nam. Na-va thời Pháp và Oét-mo-len thời Mỹ dầu có bị đánh thua ở Điện Biên Phủ hoặc vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn cố sức giữ mấy tỉnh này. Vì mất nó có nghĩa là mất hết. Lại có một loại dư luận phân tích việc Thiệu cho rút khỏi Tây Nguyên như sau : một là, vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện đang bị áp lực của Cộng quân quá mạnh; hai là, muốn bi đát hóa tình hình Nam Việt Nam để lôi quân Mỹ nhẩy vào chiến cuộc một lần nữa; ba là, âm mưu chia đôi miền Nam, từ Quảng Trị đến Đắc Lắc là của mặt trận Giải phóng, từ Đà Lạt đến An Xuyên là của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Nhiều tờ báo Mỹ đã bắt đầu than thở cho công lao của Mỹ trong bấy nhiêu năm, nay vì những quyết định rồ dại của Thiệu bỗng chốc hóa ra tay trắng. Nước Mỹ, cách xa xứ sở Việt Nam vừa nửa vòng trái đất, không có quan hệ gì với nhau về địa lý, về lịch sử, về chủng tộc và cả về chế độ chính trị

nữa (cái chế độ chính trị do Mỹ lấy từ máu thịt của mình mà ghép vào, thật ra chẳng ăn nhập gọi với cái cơ thể của đất nước này, nếu không có máu mới, thịt mới từ Mỹ đưa sang lập tức có cái miếng ghép kia héo quắt lại và rớt ra), vậy mà đã có tới 2 triệu 50 vạn quân nhân Mỹ đã từng phục vụ ở Việt Nam, 30 vạn người bị thương, còn 5 vạn 6 ngàn người thì vĩnh viễn nằm lại ở một vùng sinh lầy của châu Á. Rồi danh dự của một đất nước, uy tín của một số chính khách, tiếng tăm của một đội quân cũng vì cái mảnh đất xa lạ kia mà hóa ra nhem nhuốc. Họ kết luận : chúng ta đã từng có mặt ở Nam Việt Nam một nửa triệu quân đã tiêu tốn ở đây những một trăm năm mươi tỷ bạc và cả một thế hệ Mỹ còn lòng tin và hăng hái. Rút cuộc chúng ta vẫn cứ phải ra đi dầu được gọi là có danh dự. Vậy thì những gì đang xảy ra ở đây trong những ngày này, nước Mỹ chỉ còn nên chấp nhận và hãy cố gắng mà quên đi. Có nghĩa là khi quân ta đã giải phóng hoàn toàn vùng cao nguyên thì tất cả mọi người đều thấy rõ : Chính quyền Thiệu không thể tồn tại được, cái chế độ chính trị do Mỹ gây dựng nên không thể tồn tại được. Nhưng... tôi xin nêu ra một giả thiết để bạn đọc phán xét vào lúc ấy hình như Thiệu vẫn còn tin rằng hắn sẽ có cách để tồn tại, hắn có thể tồn tại được. Vì, trong mấy năm nay, Thiệu như đã trót quên mất cái gốc gác của y, cái thân phận của y. Cũng như người dân thì nghĩ rằng mình đã là người tự do của một quốc gia đang bước vào một kỷ nguyên của tự do, kẻ cầm đầu của cái quốc gia đã bị mua đó cũng có thể nghĩ rằng y đã là một "chiến sĩ yêu nước", đã là một "lãnh tụ đang đấu tranh cho sự nghiệp tự do"? Vì đã tự cho mình là một chiến sĩ của tự do thì không dễ gì bị chinh phục, bị thua bại. Có thể tạm thời phải triệt thoái, phải cam chịu sự mất mát của bộ phận này hay bộ phận kia, nhưng cái toàn thể chắc chắn sẽ được cứu gỡ. Cho nên Thiệu mới khuyên quân đội của y là nên đánh giặc theo lối con nhà nghèo, nên dùng chiến thuật phân đội, nên hành quân bằng đôi chân chứ không nên dùng xe hoặc máy bay. Cho nên Thiệu mới khuyên các tướng tá của y là phải can đảm, phải tiếp xúc với binh sĩ, phải tử thủ với mỗi thước đất của quê hương. Rồi chính Thiệu trong cơn hoang tưởng nhất thời đã trình trọng tuyên bố dầu ở cương vị nào cũng sẽ chiến đấu đến cùng, chiến đấu như một chiến sĩ.

Nhưng... chỉ trong vòng có một tháng Ba, hai quân đoàn I và II đã mất tong. Các vị tướng kiêu hùng Ngô Quang Trưởng và Phạm Văn Phú còn chạy trước cả cơ quan tham mưu. Cơ quan tham mưu thì chạy trước cả binh lính. Còn cái đám binh lính đã mất đầu thì bắn lẫn nhau để thoát thân, bắn vào dân chúng để cướp của, và trong nháy mắt chỉ còn có cái quần cộc thất thế chạy về nhà. Vậy là hết!

Cũng trong tháng Ba này những người bạn lớn ở bên Thái Bình Dương họ đang làm gì? Họ bàn cãi là có nên cho ông Thiệu thêm tiền hay không nên cho nữa? Cũng chẳng đi đến một kết luận nào cho rành rẽ là cho hay không cho. Câu chuyện tuy rất nghiêm trang và khẩn cấp đành để bỏ dở. Vì ông tổng thống Pho đã cùng gia đình đáp máy bay về nơi an dưỡng ở bang Ca-li-pho-ni-a nghỉ lễ phục sinh khoảng một tuần. Ông ngoại trưởng Kít-xinh-giơ cũng cùng đi với ông ta. Vì các nghị sĩ hầu hết đã trở về những khu vực bầu cử. Thậm chí đến ông thái thú của miền Nam là ngài Gra-ham Ma-tin cũng đang chơi nghỉ tại bang bắc Ca-ro-li-na sau khi mổ hàm. Có nghĩa là họ chỉ nghĩ đến họ và những công việc riêng của họ mà thôi. Tháng Ba đã qua đi, tháng Tư cũng đã sắp qua đi, Quân giải phóng thì tràn ngập tận cửa ngõ của Sài Gòn rồi. Hỏi người Mỹ, họ chỉ đáp : "Chúng tôi muốn quên đi cái quá khứ". Hoặc là : "Chúng tôi đã chán quá, đã mệt quá". Hoặc với cách nói sỗ sàng hơn : "Các ông tài nghệ đã kém, lại tham nhũng, lại buôn lâu mà còn thích huênh hoang, dầu có chết cũng là phải". Đến lúc ấy, phải đến cái lúc ấy, người "chiến sĩ đấu tranh cho tự do" kia mới chợt nhớ ra cái thân phận vốn dĩ của mình. Có thể ông ta quên, nhưng người Mỹ vẫn không quên, và chân tay của ông ta lại càng không thể quên rằng ngài tổng thống vốn xuất thân là một tên lính trong đội quân xâm lược của thực dân Pháp. Tức là một kẻ hầu bàn của các đội quân nước ngoài như "chúng ta". Nhưng có cái may mắn hơn "chúng ta" là được người Mỹ chọn làm tổng thống. Lúc duyệt binh, đọc tuyên thệ, gấn huân chương, chia bổng lộc thì tất cả dễ quên đi cái gốc gác, cái xuất xứ của mình và của người khác. Nhưng khi lâm trận, có gian nguy, có thử thách thì mọi người lại chợt nhớ đến cái cội nguồn. Nhớ như thế để được an ủi, để khỏi phải chịu trách nhiệm. Vì ông tổng thống cũng là phụng bán nước cầu vinh, như nhiều người, hà tất mình lại phải lấy cái chết để đền đáp. Mình phải cứu lấy cái mạng của mình trước đã. Phải chạy thôi! Ai có cơ hội chạy được thì cứ nên chạy? Sau trận này, nếu Mặt trận chưa thắng hắn, thì người Mỹ cũng sẽ tìm ra một ông tổng thống khác. Chắc chắn là thế. Chính Nguyễn Văn Thiệu vào những ngày cuối cùng hình như cũng đã

nghe được : "Nếu cả mọi người đều đổ riệt cho tôi là tay sai của nước ngoài, vì tôi mà chiến tranh không thể chấm dứt, thì tôi sẽ xử sự theo đúng cái cung cách của những tên tay sai". Tức là xin rút lui, xin ông chủ cứ việc thu dụng người có tài có đức hơn tôi, nhưng tôi dám thách ông chọn được ai đấy, còn tôi xin đem vợ con ra nước ngoài, sống cuộc đời “nhà yêu nước bị lưu vong”.

Tôi không muốn suy diễn một cách gượng ép đâu, cũng không phải là mình đã thắng thì muốn chửi ai cũng được, muốn gán cho ai là bán nước là tay sai cũng được. Đều đã có chứng cứ cả. Thiệu tuyên bố sẽ sống chết với các chiến hữu trong trận này rồi lại xách khăn gói chuồn trước các chiến hữu tới cả tuần là một chứng cứ. Thiệu hạ lệnh cho tướng lĩnh phải lấy máu mà bảo vệ từng thước đất, không cho phép rút mũi nữa, nhưng các tướng lĩnh vẫn cứ tháo thân mà chạy, có khi chưa bị đánh cũng đã chạy, cũng là một chứng cứ. Trước khi rút lui, Thiệu đã đọc một bài diễn văn từ chức, chửi Mỹ, giận thân, hờn đối với đời, bộc lộ rất bất ngờ cái tâm lý của một kẻ đã được mua, đã được trả giá đắt, bỗng dưng bị hất bỏ, cũng lại là một chứng cứ. Nếu bạn đọc hãy còn nghi ngại thì xin đọc thêm mấy tài liệu sau đây :

Một là, hai bức công điện của Thiệu gửi tư lệnh các quân khu và binh chủng, hạ lệnh phải tử thủ phần đất còn lại. Hai là, bản đệ trình của tướng Phú tư lệnh quân khu II về giải đoạn rút lui từ Plâycu vào Phan Rang, có lời phê của Thiệu. Ba là, phiếu trình của Lý Bá Phẩm, đại tá tiểu khu trưởng tiểu khu Khánh Hòa gửi Cao Văn Viên, tổng tham mưu trưởng. Chỉ như thế thôi, theo tôi nghĩ cũng đã đủ.

Thượng khẩn

CÔNG ĐIỆN MẬT

Nơi gửi: Tổng thống Việt Nam cộng hòa

Nơi nhận:

- Các tư lệnh quân khu
- Các tư lệnh quân binh chủng
- Tư lệnh biệt khu thủ đô
- Các tư lệnh sư đoàn
- Các tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng
- Tư lệnh cảnh sát quốc gia

Bản văn số. 013 - TT/CĐ/M.

Công điện này của tổng thống Việt Nam cộng hòa đặc biệt dành riêng cho cá nhân quý vị :

A- Đất nước hiện đang trải qua một cơn thử thách rất nghiêm trọng. Tình hình hiện tại rất dễ gây hoang mang trong quân đội và dân chúng. Tôi đã giải thích sơ lược tình hình chung trong ngày 20-03-75. Từ đây, tôi sẽ còn nhiều dịp nói chuyện với dân chúng về tình hình đất nước. Hôm nay tôi thấy cần lưu ý thêm quý vị về các sự kiện sau đây :

Thứ 1- Nhân danh tổng tư lệnh tối cao quân lực, tôi rất hãnh diện về tinh thần chiến đấu anh dũng của toàn thể chiến hữu các cấp trong thời gian qua.

Thứ 2 - Những việc làm của chính phủ và quân đội trong những ngày qua là do những quyết định can đảm được hội đồng an ninh quốc gia ban hành sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng. Để bảo toàn lực lượng ta, hầu đủ khả năng giữ vững những vùng đông dân cư và trù phú của đất nước. Tôi đã nhấn mạnh ngày 20-03-75 là tất cả những phần đất còn lại sẽ được bảo vệ đến cùng.

Thứ 3 - Mọi tin đồn và suy diễn bừa bãi trái với các sự kiện nêu trên đều nằm trong kế hoạch của cộng sản toan dùng chiến tranh cân não để phá hoại tinh thần chiến đấu của quân dân ta.

B - Trong giai đoạn này nhiệm vụ cứu quốc của quân đội có được chu toàn hay không là do nơi quý vị. Do đó tôi ân cần nhắc nhở quý vị lưu tâm thi hành các điểm sau đây :

Thứ 1 - Phải luôn luôn bình tĩnh trước mọi tình hình phải đối phó, có kế hoạch trong phạm vi trách nhiệm.

Thứ 2 - Phải luôn luôn đề cao cảnh giác. Sẵn sàng dùng để bị bất ngờ.

Thứ 3 - Lệnh chiến đấu và giữ đất bảo vệ dân phải cương quyết và phải được triệt để thi hành.

Thứ 4 - Phải duy trì kỷ luật tối đa. Những hành động hèn nhát trước mặt địch quân phải được trừng trị nhanh chóng và mạnh mẽ để làm gương.

Thứ 5 - Phải tích cực tiếp xúc với cấp dưới để tác động tinh thần hầu hun đúc ý chí bất khuất và lòng can đảm của chiến sĩ các cấp đúng với truyền thống quân đội.

Thứ 6 - Phải giữ vững tinh thần của anh em binh sĩ, để binh sĩ không nản lòng trước nghịch cảnh và khó khăn.

Thứ 7 - Phải bảo vệ tối đa quân dụng và chiến cụ. Toàn dân đang đặt hết tin tưởng vào quý vị và chiến hữu các cấp.

Sài Gòn ngày 21-3-1975

Tổng thống đã ký

Chánh văn phòng

Võ Văn Cầm

*

* *

Hỏa tốc

CÔNG ĐIỆN

Nơi gửi : Tổng thống Việt Nam cộng hòa

Nơi nhận : Quý vị tư lệnh quân khu I, II, III và IV, tư lệnh biệt khu thủ đô

Bản văn Số 015TT/CĐ.

Dành riêng cho các tư lệnh quân đoàn và quân khu I, II, III, IV và tư lệnh biệt khu thủ đô.

Tiếp theo công điện số 013-TT/CĐ ngày 21-3-75, sau đây là nghiêm lệnh của tôi.

Thứ nhất: Tất cả những tỉnh, những phần đất hiện còn đến ngày hôm nay, 25 tháng 3 năm 75, phải được tử thủ bảo vệ đến cùng.

Tại mọi nơi phải nỗ lực tiêu diệt tối đa địch, chặn đứng đà tiến quân của địch, củng cố phòng thủ, sử dụng mọi sáng kiến và phương tiện để phản công.

Thứ hai: Các vị tư lệnh quân đoàn và quân khu chịu trách nhiệm chỉ thị hướng dẫn và kiểm soát mọi cấp chỉ huy đơn vị và chỉ huy lãnh thổ thuộc quyền chấp hành tuyệt đối nghiêm lệnh này.

Sài Gòn ngày 25-3-1975

Tổng thống đã ký

Chánh văn phòng

Võ Văn Cầm.

*

* *

Diễn tiến những biến cố quan trọng trên chiến trường quân khu II từ ngày 10-3-75 đến ngày 02-4-75.

Tóm lược đề trình của Phạm Văn Phú tư lệnh quân đoàn II và quân khu II (kèm theo lời phê của Nguyễn Văn Thiệu).

Ngày 09-3-75 được tin lực lượng cộng quân gia tăng tại Ban Mê Thuột và Quảng Đức, tôi đã tới thanh sát tại chỗ và đã chỉ thị :

- Đại tá tư lệnh phó sư đoàn 23 bộ binh làm tư lệnh chiến trường. (7)
- Kiểm soát hệ thống phòng thủ thị xã.
- Phân phối và phân tán kho xăng, kho đạn.

Đêm 09 rạng 10-3-75 quân số địch gấp 5, 6 lần quân ta, có chiến xa, đại pháo tấn chiếm Ban Mê Thuột. Lực lượng phòng thủ đã đẩy lùi nhiều đợt tấn công, tiêu diệt nhiều chiến xa, đặc biệt tại phi trường Phụng Dực. Ngày 11-3-75, lúc 08 giờ không quân ném hai trái bom làm sập trung tâm hành quân sư đoàn 23 bộ binh và bộ chỉ huy tiểu khu Darlac. Bị mất liên lạc với tư lệnh chiến trường và tiểu khu nên tình thế rất nguy ngập.

Ngày 12 và 13-3-75, theo lệnh của tổng thống và đại tướng tổng tham mưu trưởng đã cho tăng viện để giải tỏa Ban Mê Thuột gồm trung đoàn 44, trung đoàn 45 do tư lệnh sư đoàn 23 chỉ huy. Các đơn vị vẫn tiếp tục đánh gồm : trung đoàn 53, liên đoàn 21 biệt động quân, quận Buôn Hồ và Phước An. Tôi đã bay ra lệnh và khích lệ.

Áp lực địch quá mạnh đẩy lui dần ta ra khỏi thị xã, phía quốc lộ 21.

Trước tết âm lịch biết tình hình Ban Mê Thuột nặng đã dự trù đưa sư 23 về, lý do không thi hành để khi bị tấn công tăng viện không kịp?

Ngày 14-3-75, hồi 11 giờ tôi được thuyết trình tình hình quân đoàn II với tổng thống, tham dự có đại tướng, trung tướng Quang và đại tá Đức.

Lực lượng địch:

Đã biết được sư đoàn 320, sư đoàn 10 và các đơn vị địa phương. Mới phát giác sư đoàn 316, hai trung đoàn đặc công và một trung đoàn pháo.

Tình hình các mặt trận:

Kontum: Địch cố đẩy trung đoàn 45, liên đoàn 21 biệt động quân về hướng Thanh An. Nhờ một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 45 tăng viện nên sư đoàn 968 của địch không chọc thủng được phòng tuyến.

Trung đoàn 28 (công binh) tiếp tục tấn công liên đoàn 23/bđq tại Kontum, quân số phòng thủ có thể chặn được địch tại thị xã.

Pleiku: địch hoạt động mạnh tại phía đông và tây. Phi trường Cù Hanh bị pháo kích liên tục ba, bốn ngày. Không có lực lượng tăng viện, cố gắng cho phi trường hoạt động để tiếp tế nhiên liệu, và đạn dược hàng ngày.

- Phía đông quốc lộ 19, trung đoàn 95 của cộng sản đánh liên đoàn 4/bđq (quân số giảm 50 phần trăm) và thiết đoàn 3 kỳ binh (bị cháy 12 trên 13 chiếc).

Bình Định: Các trung đoàn 141, 2, 12 nỗ lực từ phía đông để chiếm phi trường Phù Cát. Tin tưởng sư đoàn 22 có thể giữ vững được.

Trình bày xong tổng thống cho biết không có quân tăng viện và hỏi : “Đứng trước sự việc như vậy anh nghĩ sao?”. Tôi nói xin giữ Ban Mê Thuột bằng mọi giá, nên đã tăng viện hai trung đoàn 44 và 45 (sư 23) cho Ban Mê Thuột. Được bộ tổng tham mưu tăng phái trực thăng của quân đoàn I đến chuyển quân nhưng phải mất ba ngày mới chuyển được một trung đoàn (1.500 quân), trực thăng bị hư hại nhiều nên đến ngày thứ tư mới chuyển quân sút kém phải mang hai liên đoàn biệt động quân ở Kontum về tăng cường cho mặt trận phía đông và tây, chuẩn bị chiến đấu đến cùng.

Sau đó tổng thống chỉ thị : quân viện bị cúp, thiếu đạn và tiền, địch đánh mạnh hơn năm 1968 và 1972. Kontum, Pleiku người ít, kinh tế không có, rút quân về cứu Ban Mê Thuột và giữ vùng duyên hải.

Lộ trình rút được chấp thuận là liên tỉnh lộ 7.

- Cuộc rút được thiết kế ngày 14-3-75 của các giới chức : thiếu tướng Phủ, chuẩn tướng

Cẩm (8) (phụ tá hành quân), chuẩn tướng Sang (sư đoàn 6 không quân), chuẩn tướng Tất (tư lệnh mặt trận Kontum, Pleiku) và tham mưu trưởng quân đoàn. Tất cả đều long trọng bảo mật. Ngày 15 và 16 tháng 3 diễn biến tốt. Ngày 17-3 (9) Bộ tư lệnh nhẹ quân đoàn di chuyển từ thị xã Pleiku về phi trường hỗn loạn, kế hoạch đã bị tiết lộ một phạm vi do gia đình của một số sĩ quan cấp nhỏ.

Pleiku về Phú Bổn tốt đẹp.

Ngày 18-3 sư đoàn 320 (cộng sản) đánh cắt ngay vì lý do :

- Báo cáo cuộc chuyển quân bị tiết lộ.
- Lính Thượng nổi loạn.
- Khoảng gần 100 cây số đường rừng trên liên tỉnh lộ 7 nhiều cầu cống bị hư.
- Cộng quân đóng chốt.

Ngày 25-3-75 đoàn xe về đến Phú Yên, lực lượng bị thiệt hại nặng (quân số, chiến cụ).

Bình Định, Khánh Dương nguy ngập. Đến 24 giờ chỉ liên lạc được với tỉnh trưởng Bình Định, mất liên lạc với các trung đoàn 41, 42, và 47 (sư 22).

Biết liên tỉnh lộ 7 cầu cống hư, nhất là phà Củng Sơn (qua sông Ba Lài) không ước tính cho công binh chuẩn bị đem theo phương tiện làm cầu hoặc một lực lượng khác từ Tuy Hòa lên làm, để đoàn xe đến Củng Sơn chiều ngày 19 bị kẹt, bốn ngày sau mới qua sông được (vì phải cho phương tiện làm cầu từ Cam Ranh lên)?

Việc rút lui khỏi cao nguyên có được thiết kế một cách chủ đắc không? Có lực lượng đón tiếp và an ninh nào từ Tuy Hòa lên không?

Ngày 01-4-75, lúc 07 giờ chuẩn tướng Cẩm báo cáo Phú Yên bị tấn kích nguy ngập. Lúc 8 giờ 15 phút, tôi bay chỉ huy Phú Yên, Bình Định. Mất liên lạc với bộ tư lệnh nhẹ quân đoàn và chuẩn tướng Cẩm. Tỉnh trưởng Phú Yên bị thương. Lúc 9 giờ 30 phút, chỉ liên lạc được với phó đề đốc Minh, tư lệnh hải quân quân khu II vừa được trung ương chỉ định làm tư lệnh chiến trường Bình Định. Phó đề đốc Minh báo cáo địch tràn ngập thị xã, dầu tăng viện vài trăm quân cũng vô ích.

Sáng 01- 4, tướng tư lệnh quân đoàn bay liên lạc với Phú Yên, Bình Định và sư 22 hay trưởng phòng 3 quân đoàn?

Lúc 10 giờ 30 phút về Nha Trang được tin tuyến dù đã vỡ tôi liền triệu tập tư lệnh sư đoàn 2 không quân, chuẩn tướng Tất, phó đề đốc Châu và tham mưu trưởng quân đoàn II tìm biện pháp đối phó và cho các chỉ thị bảo vệ thị xã. Lúc 11 giờ 45 phút phi cơ phát hiện Dục Mỹ và Ninh Hòa bị địch tràn ngập.

Khi biết lữ đoàn 3 dù bị đánh bật khỏi phía bắc Dục Mỹ, tư lệnh có liên lạc ra lệnh cho biệt khu Dục Mỹ tổ chức chiến đấu không?

Quân nhân thuộc trung tâm huấn luyện Lam Sơn, biệt động quân, trường hạ sĩ quan cũng bỏ chạy. Hai nghìn quân phạm thoát ra cướp súng, bắn pháo (xin hỏi đại tá Đàm, cảnh sát quốc gia).

Khi các thị xã nhất là Nha Trang bị rối loạn, quân đoàn có ra lệnh giới nghiêm 24 giờ trên 24 giờ để văn hồi trật tự không?

Lúc 12 giờ 30 phút trung tướng Thuần đến gặp tôi. Quân nhân phòng thủ bộ tư lệnh và tham mưu bỏ chạy hết, chỉ còn khoảng 20 người, thuộc toán hộ tổng (xin hỏi trung tướng Thuần).

Trưa 1-4, các trưởng phòng vẫn ở bộ tư lệnh và khi tư lệnh ra đi có ra lệnh gì cho những người này không?

Lúc 12 giờ 55 phút tôi ra lệnh chuẩn tướng Lượng (sư đoàn 2 - không quân) đóng cửa phi trường vì hỗn loạn, dùng biện pháp mạnh giải tỏa và giúp đỡ bộ tư lệnh thu hẹp của quân đoàn. Liền bay chỉ huy, ra lệnh trung đoàn 40 và lực lượng dù bảo vệ thị xã. Tư lệnh sư đoàn 2 không quân có thái độ vô lễ.

Lúc 13 giờ 10, tôi cùng trung tướng Thuận bay chỉ huy nhưng không liên lạc được với các cánh quân, ngoại trừ lữ đoàn 3 nhảy dù, ra lệnh cho đơn vị này bảo vệ bộ tư lệnh quân đoàn.

Lý do bay đi chỉ huy và liên lạc lại có kèm tỉnh trưởng Pleiku và tướng Thuận? Tại sao khi rút lại không bảo nơi sẽ đặt bộ tư lệnh cho các đơn vị khi cần?

Lúc 13 giờ 55 phút, tôi đến Phan Rang lấy phi cơ C.47 cùng trung tướng Thuận bay chỉ huy, nhưng mất ba tiếng đồng hồ cũng không liên lạc được với quân bộ.

Lý do về sự có mặt của tướng Thuận tại BTL/QĐ? Có phải ông ta liên lạc với tư lệnh quân đoàn để xin cho di tản không? Tướng Phú có biết giờ phút nghiêm trọng cần sự hiện diện của cấp chỉ huy tại đơn vị không? Và tại sao lại cho trung tướng Thuận đi Phan Rang bỏ mặc các cấp trưởng hạ sĩ quan tự lo liệu là gây tan rã cho đơn vị không?

Từ 17 giờ 30 phút đến 20 giờ tôi gặp hai chuẩn tướng Oánh và Lượng tại bộ tư lệnh sư đoàn 2 không quân. Chuẩn tướng Oánh vừa được bổ nhiệm tư lệnh chiến trường Nha Trang. Hai vị tướng này đều có thái độ hỗn xược. Tham khảo ý kiến tướng Oánh và tướng Lượng về khả năng, lực lượng. Hai tướng này đều nói cần một sư đoàn tăng viện mới giữ được Nha Trang. Tướng Lượng dẫn giọng : "Tôi cứ tiếp tục di chuyển". Còn tướng Oánh nói : "Di chuyển về Phan Rang vẫn là đất của mình". Rồi căn cứ không quân Nha Trang, tôi bảo tướng Oánh có toàn quyền hành động trong cương vị tư lệnh chiến trường.

Khi di chuyển vào phi trường nói là để lập sở chỉ huy nhẹ có phải tư lệnh đã tránh không cho các sĩ quan tham mưu theo vô không? Có phải sau khi liên lạc với Sài Gòn, tướng Phú đã ra lệnh cho sư 2 không quân di tản và sẽ chịu trách nhiệm nếu thượng cấp hỏi tới không?

Ngày 1-4-75, Tuyên Đức mất liên lạc. Thiếu tướng Lâm Quang Thợ chỉ huy quân di tản đến Phan Rang. Bộ chỉ huy 5 tiếp vận được lệnh Sài Gòn phá hủy các cơ cấu và cùng bộ tư lệnh hải quân quân khu n di chuyển đêm 1-4-75.

Ngày 2-4-75 tôi cùng tư lệnh sư đoàn 6 không quân và tỉnh trưởng Phan Rang thảo kế hoạch phòng thủ Phan Rang. Hồi 5 giờ sáng tỉnh Phan Rang trình tỉnh bị hỗn loạn vì tình đánh cướp kho bạc. Bay đến Cam Ranh thấy vắng người, không có liên lạc. Tôi ra lệnh cho tư lệnh sư đoàn 23 tập trung quân số còn lại điều động đến Phan Rang.

Lúc 14 giờ 00, thiếu tướng Nguyễn Văn Hiếu, tư lệnh phó quân đoàn III đến Phan Thiết cho biết phần đất còn lại của quân khu II được lệnh sáp nhập quân khu III. Tướng Hiếu, tướng Thợ và các sĩ quan tham mưu cùng khuyên tôi về trình diện trung ương.

Tôi xin trình bày là ở cương vị tư lệnh quân đoàn II đã làm tất cả cố gắng nhưng bị thất bại vì :

- Việc rút cao nguyên gặp hỏa lực mạnh của địch, gây thiệt hại cho quân dân nên bị hỗn loạn...
 - Lực lượng địch quá đông. Ta không có lực lượng tổng trừ bị, quân số phải phân tán nhiều mặt trận.
 - Dân chiến nạn từ quân khu I đến tạo nên sự hỗn loạn, làm sai kế hoạch của quân khu. Đã trình phó thủ tướng Đán (10) nhưng không được giải quyết.
 - Trung ương chỉ định trực tiếp các chức quyền địa phương làm quân khu bị tê liệt.
 - Quân trú phòng Nha Trang mất tinh thần khi lữ đoàn 3 nhảy dù bị chọc thủng phòng tuyến.
 - Dân chúng hoang mang vì các lời đồn đại và các cơ sở Hoa Kỳ di chuyển.
- Tôi xin đại tướng tổng tham mưu trưởng thẩm định.

Ngày 7 tháng 4 năm 1975

Tôi vào Sài Gòn đã được một tuần, một hôm cô cháu họ chợt nói với tôi : "Tướng Phú tự sát

rồi cậu a". Tôi hỏi lại : "Tướng Phú là ai?". "Một nhân vật đang lên như triều, vừa rồi là tướng tư lệnh vùng 2". Tôi vẫn hỏi hùng hờ : "Tự sát bằng súng hay thuốc độc?". "Uống chloroquine, thuốc trị sốt rét của Mỹ". Tôi không nói gì thêm nữa. Cô cháu tôi vẫn liến thoắng : "Y như là có mệnh giờ hay sao ấy. Bắt đầu như thế, kết thúc như thế, thật xứng quá. Cứ nghĩ giờ không có mắt, hóa ra vẫn có". Rồi cô ta nói tiếp : "Ông ta thích chơi súng lắm, sưu tập được một bộ súng rất có giá, cổ kim đông tây đủ cả. Nhà của ông ấy toàn treo có súng. Tướng vùng mà thích chơi súng thì đẹp quá. Ai ngờ lúc tự tử lại uống chloroquine, ngắc ngoải đến hai ngày mới chết. Súng đạn có sẵn trong tay mà không dám tự sát bằng súng cho trọn vẹn, lại dùng thuốc tự tử của đàn bà". Rồi tôi cũng quên đi. Đến lúc lấy tài liệu về các trận đánh của bộ đội ta trong tháng Ba ở Tây Nguyên và vùng duyên hải miền Trung, rồi lại được xem một đồng giấy má, sổ sách thu được ở Bộ tổng tham mưu quân đội nguy, thấy tên Phạm Văn Phú cũng hay được nhắc, nên mới bắt đầu chú ý. Trong số những bạn bè mới quen biết lại có người vốn thân thuộc với gia đình Phú từ lâu nên cũng góp nhặt được một vài chuyện có liên quan tới sự tìm hiểu trạng thái tâm lý và tinh thần của một đội quân tiêu xài rất tốn kém, nhưng chí khí chiến đấu lại không có là bao.

Phạm Văn Phú xuất thân là đại úy nhảy dù của đội quân xâm lược Pháp, đã từng bị bộ đội ta bắt sống ở Điện Biên Phủ rồi lại được tha về. Cuối năm 1954, Pháp rút quân đội và cơ quan cai trị vào trong Nam thì Phú sống ở Đà Lạt, chờ đợi được trở lại quân ngũ. Trong thời gian này, Phú lấy vợ. Vợ tên là Lâm Đề, gọi trung tá Lựu, nguyên là tư lệnh phó sư đoàn ngự lâm quân thời Bảo Đại là dương. Còn bố đẻ là người Hoa ở Chợ Lớn. Chị vợ chẳng những là người có nhan sắc mà còn biết cách đưa chồng tới cảnh phú quý, giàu sang. Đại úy quân nhảy dù của Pháp, học vấn không có gì, thân hình lại thấp bé, sau này đã lên tới cấp tướng vẫn không trút bỏ được cái lối ngang ngạo của một thằng lính dù, thế nào lại vợ được một cô vợ tài mạo song toàn phải kể là trúng số độc đắc. Năm 1961, Phú là thiếu tá liên đoàn trưởng liên đoàn 77. Sau được Mỹ trực tiếp huấn luyện và chỉ huy thì đổi là lực lượng đặc biệt. Tức là cái lực lượng thám báo, biệt kích, mặc áo lính có ít, mặc áo dân thì nhiều, tai mắt không chỉ của quân đội mà còn của cả một phe đảng. Khi liên đoàn 77 trở thành lực lượng đặc biệt thì do anh em đại tá Lê Quang Tung và Lê Quang Triệu chỉ huy. Năm 1963, anh em Ngô Đình Diệm bị phái quân nhân giết chết, thì anh em nhà này cũng bị thủ tiêu luôn. Trong cuộc thanh trừng giữa các phe cánh mà họ thường gọi là "cách mạng 63", Phú chẳng những thoát hiểm mà còn được thăng cấp chức, là trung tá tham mưu trưởng thay Triệu, còn Đoàn Văn Quảng, đại tá, là chỉ huy trưởng. Gặp Quảng, Phú trở thành đối thủ của nhau bắt đầu từ cái năm ấy, rồi đánh đuổi nhau cho mãi những năm về sau này. Tôi chưa tìm hiểu được vì lẽ gì họ lại căm ghét, thù hằn nhau, chỉ biết được ít lâu thì Quảng đuổi Phú ra vùng chiến thuật I. Thế là ngôi sao Lâm Đề lập tức chiếu sáng. Chẳng hiểu cô ta đã tới cửa nào, đã ăn nói làm sao, đã phải chịu những thể thức gì, trung tá Phú liền được thăng cấp đại tá nắm quyền chỉ huy sư đoàn 2 dưới quyền trung tướng Lâm. Một thời gian sau đại tá Quảng thế yếu lực mỏng bị nhổ đi, chuẩn tướng Lam Sơn về thay. Được nửa năm Lam Sơn lại đi và chuẩn tướng Phạm Văn Phú về làm tư lệnh Lực lượng đặc biệt. Khi ra đi là anh trung tá uất ức, căm hận, nay trở lại là ngài chuẩn tướng đang được Sài Gòn yêu dấu. Mà con người ấy thì chẳng thể có tài cán gì, bất quá là biết ăn nói ngổ ngáo như một tên lính dù, ăn nói thôi, còn đánh đấm lại chẳng ra sao. Nhờ vợ cả. Nhờ ở sự khéo léo của phu nhân cả. Lúc này Lâm Đề đã được gọi bà Thiệu, bà Khiêm là các chị. Chuẩn tướng Phú trở về cái nơi đã dám khinh rẻ mình, thì ân thì oán được ít lâu lại ra trung tâm huấn luyện Quang Trung thay Quảng làm chỉ huy trưởng, còn Quảng một lần nữa lại bị đẩy đi nơi khác. Phú không dính líu gì đến vụ này, chỉ là người được chứng kiến sự đầu hàng của kẻ thù bấy lâu hằn vẩn căm tức. Người đã đánh đòn quyết định lại là mục nhà thầu câu lạc bộ của trường huấn luyện. Vì Quảng thấy mục ta ăn bằm quá mà không thêm có lời thừa lại với ngài chỉ huy trưởng của trung tâm nên lấy làm tức, cho tay chân gây khó dễ. Nhưng đến là đại đột! Vì bà nhà thầu nọ dẫu mua cơm thừa canh cặn của nhà trường với giá thật rẻ là để đưa sang hai trại nuôi heo của hai vị phu nhân, có quyền thế nhất của Việt Nam cộng hòa. Một là tổng thống phu nhân, hai là thủ tướng phu nhân. Vậy cho nên ngài chỉ huy trưởng lập tức bị biếm chức còn kẻ đối đầu từ bấy lâu lại lù lù dần xác tới nhận quyền. Vì lẽ gì tướng Quảng bị đuổi đi thì ta đã rõ, còn tướng Phú được về thay thế là hoàn toàn nhờ ở sự miễn tiện của vợ biết lựa lúc giới thiệu với hai chị về người chồng rất mực trung thành của mình. Cứ khoanh lại cái khu vực câu lạc bộ đã là lãnh địa riêng của bà nhà thầu

thì ông chỉ huy trưởng vẫn còn nhiều khoản kiểm soát khác hết sức ngon lành. Ví như ăn tiền hoãn dịch và miễn dịch cùng với các bác sĩ giám định y khoa của trung tâm. Vì là nhà trường huấn luyện tân binh nên còn là nơi trình diện lứa tuổi nhập ngũ của vùng III, một vùng dân đông và cũng giàu. Hoãn dịch sáu tháng hoặc một năm, hoặc hoãn dịch vô thời hạn vì lý do sức khỏe dầu đã có giá từ một trăm ngàn, ba trăm ngàn đến nửa triệu, có trường hợp lên tới một, hai triệu là tùy theo cái giá máu mà người có máu muốn trả. Học tại trường xong, nhưng không phải đi bổ sung cho các sư đoàn bộ binh, vẫn được ở lại trường hoặc làm những công việc phục dịch lại cũng là một giá nữa. Dầu sao cái chỗ ngồi ở một trung tâm huấn luyện không thể lường lấy bằng chỗ ngồi ở một quân khu. Làm ông chủ một vùng gồm hàng chục tỉnh vừa có tiền lại vừa có danh mà đường thăng tiến lại hết sức mau mắn, dễ dàng. Tư lệnh một vùng đã là chức vụ của một trung tướng, là bậc thang đầu để trèo lên những ngạch bậc chót vót trong quân đội và trong chính phủ. Giả dụ có phải về vườn cũng kiếm được cái ghế thượng nghị sĩ, đại sứ, lãnh tụ của một phe đảng. Tức là sẽ trở nên một người có mặt, có tên, chỗ đứng đã vững mà cái cơ hội để trở thành tỷ phú, tậu đồn điền ở nước ngoài, cho các con đi du học cũng chẳng lấy gì làm khó. Phú tuy ngồi ở trung tâm huấn luyện nhưng vợ Phú vẫn dòm ngó những chỗ trống của bốn quân khu để lựa lúc thừa với hai chị, cho ông chồng được nhào tới thay thế. Quân khu I có trung tướng Ngô Quang Trưởng, một người bị Thiệu ghét, ghét trong bụng chứ không dám ra mặt, nhưng người Mỹ lại rất yêu, thể Vững như núi, tất nhiên không thể hy vọng gì được. Vùng 1 tiếng rằng vất vả nhưng cũng là miếng ngon, vì có cảng Đà Nẵng, chuyển hàng đến đưa hàng đi hết sức thuận lợi cho việc tìm ra đồng tiền. Lại có Tỉnh Quảng Nam nổi tiếng về quế, quế Quảng. Thời tướng Hoàng Xuân Lãm còn làm tư lệnh vùng 1 thì Nguyễn Văn Toàn gần như được coi là phụ tá kinh tài của Lãm, là “ông vua quế” chỉ trong có mấy năm trong tay đã có bạc tỷ. Toàn bị phe cánh tố là tham nhũng, nhưng bản cáo trạng vừa công bố thì lại được lên cấp thiếu tướng, quyền tư lệnh quân khu II. Đều là nhờ ở sức mạnh của đồng tiền buôn quế Quảng mà có cả. Năm 1973, Toàn bị gọi về bộ tổng tham mưu để nắm lực lượng thiết giáp của quân lực. Nói thế cho sang chứ sự thật là không có công việc gì, là một cách bị thất sủng. Nhưng chỉ ít lâu sau trung tướng Nguyễn Văn Toàn lại được tổng thống bổ nhiệm làm tư lệnh quân khu III. Chắc là vẫn nhờ vào đồng tiền. Khi Toàn bị gọi về bộ tổng tham mưu, tức là đã có một cơ hội rất hiếm hoi để vợ Phú thừa với các bà chị đưa chồng mình ra nhận chức tư lệnh quân khu. Bữa tiệc của thiếu tướng tư lệnh quân khu chiêu đãi các ngài tỉnh trưởng và các hàng chức sắc trong tỉnh là hết sức quan trọng. Những lời tán tụng lẫn nhau trên bàn tiệc tất nhiên chỉ là cái vỏ ngoài. Còn yêu ai hay ghét ai là ở cái lõi cái ruột bên trong. Tức là những quà biếu của các vị khách được mời đưa tới làm lễ ra mắt. Chẳng hạn một cái bình cắm bút nặng vài kí, chẳng lấy gì làm đẹp, nhưng lại được đúc bằng vàng, vàng y; là những chiếc bánh xem ra chẳng lấy gì làm ngon, có điều nhân bánh thay vì đồ thịt là những hạt xoàn; là những hộp bích qui hết sức giản dị, nhưng bên trong xếp toàn vàng lá. Đại loại mỗi vị tỉnh trưởng trong dịp lễ ra mắt này phải tiêu đi ít ra cũng là năm triệu, nói tắt là năm *té*. Đại loại là thế. Phú nhận chức giữa năm 1973, qua được một năm 1974, đến mùa Xuân năm 1975 thì đã tự kết thúc số phận như ta đã rõ.

*

* *

Giả thử tôi có được cái may mắn chứng kiến những gì đã xảy ra trong mấy chục ngày sau cùng của một xã hội được tổ chức gần giống như một bang của nước Mỹ, đương nhiên sẽ không phải dùng đến bản báo cáo này. Còn như cũng chỉ được nghe kể lại thì thà giới thiệu với bạn đọc một người trong cuộc kể lại sự tình vẫn là hay hơn. Vả chẳng họ lại kể về cấp trên của họ, sợ hãi có, căm uất có mĩa mai có, nên lời chứng càng có giá trị. Lấy bản báo cáo này để kết thúc cái phần này tôi nghĩ là hợp lý.

Ngày 1-4 của tiểu khu trưởng tiểu khu Khánh Hòa.

Phiếu trình của Lý Bá Phẩm, đại tá tiểu khu trưởng.

Trân trọng kính trình đại tướng,

Tôi xin lược trình diễn tiến đưa đến việc mất tiểu khu Khánh Hòa và thị xã Nha Trang.

Sáng sớm ngày 31-3-75, sau khi lữ đoàn nhảy dù bị tấn công ở cầu 24 (cách trung tâm huấn luyện Lam Sơn 3 km) các diễn tiến kế tiếp xảy ra như sau :

Ngày 01-4-75:

-Trung tâm huấn luyện Lam Sơn, biệt động quân và pháo binh chạy về phía Nha Trang mờ sáng.

- 10 giờ có nhiều quân nhân và biệt động quân kéo về bến xe Nha Trang bắn hỗn loạn, cướp xe và tràn về hướng Cam Ranh.

- Chỉ huy trưởng cảnh sát quốc gia tỉnh báo cáo nhân viên bỏ đi hết lúc 9 giờ 30 không ai tuần tiễu.

Vì hàng không Việt Nam dọn đi, nhân viên tòa hành chánh phải lo phát vé và lãnh gạo phát cho trại tạm cư nhưng đã bỏ hết lúc 11 giờ.

- Lúc 10 giờ được báo tù nhân trại trung tâm cải huấn (1091 người) phá khám, lính gác có bắn chết một số (khám có tăng cường một trung đội biệt động quân ngày hôm trước để giữ).

- 10 giờ 30, quận trưởng Ninh Hòa báo cáo từ sáng sớm trung tâm huấn luyện biệt động quân ở Dục Mỹ cùng lính dù kéo qua khỏi quận, có cả pháo binh và thiết quân vận, và xin chỉ thị. Tôi trả lời là phải ở tại chỗ. Tình hình thị xã lúc bấy giờ tuy hỗn loạn, nhưng bộ chỉ huy tiểu khu vẫn làm việc.

- 12 giờ 30 phút, được báo cáo của đại úy đại đội trưởng phòng vệ bộ tư lệnh quân đoàn II: anh em binh sĩ ở bộ tư lệnh quân đoàn được các sĩ quan cho về nhà lo di chuyển vợ con, vì còn hai giờ nữa địch sẽ đến Nha Trang và bộ tư lệnh đã dời đi hết.

- Nửa giờ sau tôi lái xe đến bộ tư lệnh thì nơi đây đã di chuyển nhưng không biết đi đâu.

- 13 giờ 30 phút, đại tá Dục (tư lệnh sư đoàn 23 bộ binh) điện thoại từ Diên Khánh nói không liên lạc được với bộ tư lệnh quân đoàn. Tôi trả lời quân đoàn đã bỏ đi, đại tá Dục nói : nếu thế tôi cũng rút.

- 13 giờ 45 phút, điện thoại tới trung tướng Thuận, chỉ huy trưởng trường hạ sĩ quan, nhưng không ai trả lời (trường hạ sĩ quan phụ trách phòng thủ mặt bắc Nha Trang).

- 14 giờ họp sĩ quan tham mưu của tiểu khu đặt kế hoạch hành động. Lúc bấy giờ chỉ còn lại sĩ quan trưởng phòng. Mặc dù tiểu khu trưởng có trách nhiệm chiến đấu trong tiểu khu, nhưng sau khi bàn luận tôi nhận thấy:

1. Quân đoàn rút không nhận được chỉ thị về kế hoạch phối hợp đơn vị bạn, vị trí của quân đoàn.

2. Bộ tư lệnh sư đoàn 23 bộ binh ở Diên Khánh, 2 tiểu đoàn chủ lực quân phía bắc Nha Trang đã rút lui.

3. Các trung tâm huấn luyện Lam Sơn, biệt động quân, pháo binh có nhiều quân nhân và đại bác không lập vị trí chặn địch trên đường tiến vào thị xã.

4. Tôi biết chắc chắn bộ tư lệnh sư đoàn 2 không quân đang xin cầu không vận để di tản.

Các sự kiện trên đưa chúng tôi đến kết luận bộ tư lệnh quân đoàn II đã bỏ khu vực Khánh Hòa, Nha Trang.

Về lực lượng tiểu khu, hầu hết các tiểu đoàn đã bị sút mẻ, lại được phối trí ở các đồi và chân núi xa xôi (vùng núi Đồng Bò) để chống pháo kích và ngăn chặn địch xâm nhập, bảo vệ quốc lộ, quận lỵ, xã ấp nhằm kịp thời báo động để quân đoàn phản ứng khi có địch. Tiểu khu còn một tiểu đoàn thiếu ở phía tây thị xã nhưng không thấy lên máy liên lạc.

Vì hoàn cảnh như trên, tôi cảm thấy cuộc chiến đấu tại tiểu khu trở nên vô vọng, cho nên lúc 14 g 30 tôi ra lệnh cho các sĩ quan hiện diện truyền lệnh đến các đơn vị còn liên lạc được rút về Cam Ranh và Phan Rang đợi lệnh.

Tôi đích thân ra lệnh quận trưởng Diên Khánh, Vĩnh Xương cùng tập hợp về khu vực này. Quận trưởng Ninh Hòa thì đã có mặt tại thị xã.

Sau khi anh em rời khỏi, tôi vào phi trường tìm hiểu tình hình của bộ tư lệnh quân đoàn.

Theo lệnh chuẩn tướng Lương, khó khăn lắm mới vào được phi trường. Quang cảnh trong phi trường hết sức hỗn loạn. Tất cả mọi người đều quyết chen lấn nhau giành đi tản, vũ khí chất thành đống, nhân viên giữ trật tự bị tràn ngập, tiếng súng nhỏ nổ bừa bãi. Tôi và đại tá Lý, tham mưu trưởng quân đoàn, đến chỗ chuẩn tướng Lương để xin chỗ trên trực thăng vận tải chinook, nhưng chỉ gặp có đại tá Phúc, tham mưu trưởng sư 2 không quân. Một lúc sau, chuẩn tướng Lương đến, đại tá Phúc trình : “Lệnh Sài Gòn phải tử thủ khu vực Nha Trang, sẽ có lực lượng hùng hậu đến giải vây”. Chuẩn tướng Lương trả lời : “Đ.m. tử thủ cái gì? Lính đi hết rồi, bỏ tù tôi chịu, không thi hành được!”.

- 19 giờ 45 phút, trực thăng của tư lệnh quân đoàn II đáp xuống phòng làm việc của tư lệnh sư đoàn 2. Thiếu tướng tư lệnh nói như phân trần là tình hình đã như vậy, các anh bảo tôi làm gì được bây giờ. Có điện thoại kêu tại phòng hành quân. Nghe nói thiếu tướng tư lệnh điện thoại về bộ tổng tham mưu và tổng thống, không rõ nội dung điện đàm. Lúc trở lại, thiếu tướng tư lệnh nói: “Tôi cho phép các anh di tản, sau này nếu tổng thống có hỏi tôi sẽ là người chịu trách nhiệm và trả lời trước tổng thống”. Chuẩn tướng Lương đáp: “Cảm ơn thiếu tướng tư lệnh”. Khi thiếu tướng tư lệnh ra đi, tôi hỏi chuẩn tướng Oánh: “Trước đây được lệnh chiến đấu dưới quyền chuẩn tướng, bây giờ có lệnh di tản của quân đoàn, chuẩn tướng có cần tôi nữa không?”. Chuẩn tướng Oánh cảm ơn tôi và nói bây giờ không còn gì mà làm và tôi xin một chỗ trực thăng của chuẩn tướng Tất về đến phi trường Phan Rang vào lúc 22 giờ. Trước khi đi ngủ, thiếu tướng tư lệnh quân đoàn II chỉ thị tôi lập bộ tham mưu cho ông.

- Sáng 2-4-75, lúc 8 giờ tôi đến chỗ ngủ đêm của thiếu tướng tư lệnh thì thiếu tướng đã lên trực thăng vào Phan Thiết lúc 7 giờ 30.

Tôi xin đại tá Tự (tỉnh trưởng Ninh Thuận) cho một GMC để ra Cam Ranh đón quân nhân của Khánh Hòa. Đại tá Tự chở tôi trên xe Jeep vào thị xã, nhưng khi ra cổng phi trường bị ngăn chặn không cho ra. Đại tá Tự bảo: có vào thị xã không chắc đã có xe và xăng. Tôi trả lời đi như vậy cũng vô ích và đại tá Tự cũng nói là ở lại thì tốt hơn.

Trở lại phi trường Phan Rang, gặp đại tá Tiểu tại bộ tư lệnh sư 6 không quân. Cho đến tối vẫn không gặp tư lệnh quân đoàn cho nên khi phi cơ C.130 đáp xuống phi trường, tôi và đại tá Tiểu lên phi cơ về đến Sài Gòn lúc 21 giờ.

Sáng hôm sau trình diện bộ nội vụ, được ông tổng trưởng chỉ thị sẵn sàng trình diện thủ tướng chánh phủ.

Đến ngày 5-4-75, thủ tướng vẫn còn mắc họp nên tôi đã trình diện trung tướng tham mưu trưởng bộ tổng tham mưu lúc 11 giờ.

Kính thưa đại tướng,

Vì nhận thấy tình hình của BTL/QĐ II và các đơn vị chủ lực quân là như vậy, mặc dù là tiểu khu trưởng, lúc bấy giờ không có một lực lượng nào khả dĩ chiến đấu được trong tay, cho nên đã lấy quyết định như đã trình trên. Kính mong đại tướng rộng xét nếu thấy quyết định đó không hợp lý, hèn nhất tôi xin chịu tất cả mọi tội hình mà đại tướng chế tài. Nếu có phần nào hữu ý kính xin đại tướng rộng lượng cho tôi được nhờ.

Trân trọng kính trình

Chương VI

NHÂN VẬT THÂN YÊU CỦA BA CHỤC NĂM KHÁNG CHIẾN

Chiến sĩ...

Năm 1947, cách đây đã hăm tám năm, tôi là chiến sĩ của đại đội 14, thuộc trung đoàn 64. Chính trị viên đại đội là anh Thông Sơn. Gần ba chục năm sau, trở lại trung đoàn cũ lấy tài liệu về trận đánh quân địch rút chạy tại khu vực Cheo Reo - Củng Sơn lại gặp anh Thông Sơn, hiện nay là chủ nhiệm chính trị của sư đoàn 320. Đồng chí Cối, trung đoàn phó trung đoàn 64, tỏ vẻ ngạc nhiên "Anh cũng đã là lính của sư đoàn này à?". "Đúng thế, tôi đã là chiến sĩ của trung đoàn 64". "Năm nào?". "Năm 1947, tức là đã 28 năm". Tôi hỏi tại đồng chí Cối: "Anh sinh năm nào?". Đồng chí Cối cười: "Năm 1947, năm nay đã là 28 tuổi". Hăm tám năm, hai cuộc kháng chiến đánh Pháp rồi đánh Mỹ, từ đồng bằng Bắc Bộ đuổi giặc lần lần đến tận đồng bằng Nam Bộ và kết thúc cuộc chiến tranh giải phóng. Nhìn trước nhìn sau chưa gặp một ai là người quen cũ. Năm ấy tôi mới mười bảy tuổi, cùng với một người nữa là liên lạc của đại đội kèm tôi hai tuổi, một đứa mười bảy, một đứa mười lăm, hai đứa nhỏ tuổi nhất của đại đội. Nay, một người đã bốn mươi lăm tuổi, người kia nếu còn cũng đã bốn mươi ba, vậy thì lứa tuổi thanh niên ngày ấy cũng phải trong ngoài năm chục cả. Cầm súng đánh giặc từ thửa còn thơ, rồi lấy vợ, rồi đặt tên con bằng tên những chiến dịch đã được tham gia, rồi tiễn con tòng quân, rồi cha con lại gặp nhau ở cùng một chiến trường, đến lúc ấy mới được ăn mừng hoàn toàn thắng lợi. Còn nhớ tết năm 1947, đồng chí đại đội trưởng của tôi nói chuyện trước hàng quân: "Tết sang năm chúng ta sẽ về Thủ đô ăn một cái tết Độc Lập hoàn toàn.". Anh ơi! Cuối năm 1947 anh đã hy sinh ở mặt trận Bần Yên Nhân, và phải hăm tám năm sau, phải đến mùa xuân năm Ất Mão chúng ta mới giành được Độc Lập hoàn toàn trong cả nước.

Về đơn vị cũ, lấy tài liệu về những trận đánh nối tiếp suốt hai chiến dịch sau cùng, lòng dạ cứ băng khuâng những thương, những nhớ. Gặp người hôm nay lại nhớ đến những khuôn mặt vô cùng quen thuộc của đồng đội năm nào; nghe kể những trận đánh của tháng Ba, tháng Tư năm 1975, lại nghĩ nhiều đến những trận đánh của năm 1947, năm 1948. Xưa kia chúng tôi không có ba lô, cán bộ trung đội khoác cái bị đựng một bộ quần áo thay, vài cuốn sách đọc dở. Các đội viên thì chỉ một khẩu súng, hai bao đạn, hai quả lựu đạn, quần áo vẫn chắt trong cái chăn mỏng quấn chéo một bên và không có mũ, không có giày, quần áo cũng nằm có năm không. Đến đâu dân thổi nấu cho ăn, bị thương dân cho thuốc, hy sinh cũng vẫn là dân cho vãi liệm và hòm chôn. Thanh bạch và nhẹ nhõm vô cùng. Đến hôm nay, nhìn vào ba lô của người chiến sĩ ra trận cũng vẫn là rất thanh bạch: một cái võng, một bộ quần áo thay, vài cuộn bông băng, một công muối riêng. Ngoài ra là gạo, là đạn, trăm rưỡi viên đạn AK, một quả đạn B40, hai quả cối 82 mang giúp cho đại đội hỏa lực. Đi xe có đoạn, có lúc còn đi bộ là hàng ngày, hành quân bộ nhưng gạo đạn không được thiếu nên phải chia nhau mà mang vác.

Khi trung đoàn 48 của sư đoàn 320 nổ súng đánh quận lỵ Thuận Mẫn thì tiểu đoàn 9 của trung đoàn 64 (cũng thuộc sư 320) rải quân chốt chặn nhánh đường 7B từ ngã ba Thuận Mẫn đến tây thị xã Cheo Reo. Còn con đường 7 địch sẽ rút chạy thì bắt đầu từ ngã ba Mỹ Thạch qua thị xã Cheo Reo, qua Củng Sơn đến thị xã Tuy Hòa. Trận địa phục kích chủ yếu của tiểu đoàn 9 là tây Chư Pa (bắc nhánh đường 7B). Trong năm ngày, bộ đội đã đào một đường nhỏ ven chân núi, qua đường B, đến tận chân mỏm cao 758. Rồi xây dựng các hầm chốt nhiều hướng, nhiều tầng, làm các bãi mìn và lựu đạn. Đại đế, một trung đoàn nguy có lực lượng thiết giáp yểm trợ rơi vào đoạn phục kích này thì không mong sống sót lấy một trung đội. Tôi xin thuật lại chuyện một tiểu đội, tiểu đội của đồng chí Hợi trong những ngày này để bạn đọc dễ hình dung. Tiểu đội có năm người, bố trí ở một eo núi, cách trận địa chính khoảng hai cây số. Một bên là núi đá, một bên là bãi gianh và suối cạn, lô nhô những khối đá rất to. Tiểu đội Hợi nằm bên bãi gianh, vì bên kia là dốc đứng, cỏ thưa chạy xuống leo lên đều khó cả. Việc trước tiên là hè nhau lăn những khối đá đến những chỗ cần thiết, rồi nấp sau đó mà đào khoét một chỗ ngồi tạm. Ngay trong ngày đầu tiên, tiểu đội trưởng đã bị đá đè giập nửa bàn chân. Ngày thứ hai lại một người bị giập một bàn tay. Còn ba người kia cũng rách da, xẻ thịt, máu me bôi đầy áo đầy quần. Người bị giập chân thì ngồi gác chân đau lên một hòn đá nhỏ cho đỡ nhức, gập lưng dùng dao khoét đất; người giập tay thì quỳ xuống, tay đau buộc trước ngực, tay lành moi đất hất đổ lên. Cái nắng cao nguyên, cái khát cao nguyên nấu nung, cào xé từ lúc mặt trời mọc tới lúc mặt trời lặn. Tối đến nhai nốt miếng cơm còn lại, tu nốt ngụm nước còn lại, nằm chợp mắt một chút

nhưng nhức chân quá, nhức tay quá nhức đến muốn khóc được, lại chồm dậy dùng dao khoét tiếp, dùng tay moi tiếp. Làm cho nó quên đi cái khát, quên đi cái đau, quên đi cả cái đói nữa. Họ phơi nắng, phơi sương, với một bàn chân tấy sưng, một bàn tay tấy sưng, với những vết xước đã bầm tím và lên mủ từ đêm đánh Buôn Mê Thuật tới 10 giờ đêm ngày 16 tháng Ba thì được lệnh rời vị trí phục kích, hành quân trong đội hình đại đội, vượt qua điểm cao 758, băng rừng, vòng hướng đông-bắc tới bản Khăn đông nam Cheo Reo, đánh địch rút chạy trên đoạn đường 7 từ thị xã Cheo Reo đến cầu A Nu. Mỏm 758 không có đường mòn, dưới chân là đá là đất lưng chừng núi là cây lớn, gần tới đỉnh là cỏ gianh cao lút đầu người. Ba tiếng leo lên, hai tiếng tụt xuống. Hơi xé một ống quần làm giẻ buộc chân, đệm cỏ gianh bên trong buộc giẻ ra ngoài, chống gậy dẫn đầu tiểu đội. Lúc bình thường với bàn chân tấy sưng đến gần gối, đầu chỉ được nằm cũng vẫn khổ. Huống hồ lại phải hành quân, phải đi trong đêm, phải leo núi, những bước đi đầu tiên từ vị trí phục kích của tiểu đội tới vị trí của đại đội, phải tì người lên đầu gậy mà lết dần. Muốn ngã quy xuống, không được! Ngồi xuống là rồi khó đứng dậy, không đứng được dậy lại mất hai người khiêng cáng. Một tiểu đội có năm người mà mất hẳn ba người sẽ không còn là tiểu đội. Hãy cố gắng lên. Còn lết được thời hãy cố lên! Nhích từng bước, nhích dần mãi. Mồ hôi và nước mắt chảy giàn giụa. Mồ hôi ướt đầm người, răng cắn vào môi đến ứa máu, hãy cố lên! Đừng có làm phiền anh em, đừng làm lỡ việc của người khác. Thân người như nhẹ dần, chân bước dài ra, nhịp đi đã nhanh hơn. Và cứ thế, cứ sải rộng mãi chân mà bước tới, mà leo, mà trèo, lên tới đỉnh cả nửa người của bên phía chân đau như đã bị tê dại, như là chân của người khác, một vật từ bên ngoài ghép vào cơ thể mình. Hành động của người lính luôn luôn vượt quá những điều kiện để hành động của con người. Cái không có thể đã trở thành cái có thể. Vì sao lại có thể? Rất khó lý giải một cách thật rành rẽ. Lúc thường thì không thể, không có cách gì để có thể nhưng khi gánh vác một nhiệm vụ nó đã trở thành có thể. Làm rồi, nghĩ lại chính mình cũng ngạc nhiên vì sao lại có thể làm được. Cũng như Hơi khi kể chuyện cho tôi nghe, cũng tự hỏi vì sao lại có thể đánh địch từ đông-nam thị xã Cheo Reo đến tận dinh Độc Lập, tức là năm chục ngày tròn, không dừng nghỉ một chút nào, với một cái chân đau đón đến thế, vướng nặng đến thế. Mà rồi cũng chẳng có thì giờ để nghĩ tới nó nữa. Vào thị xã Tuy Hòa, giẻ buộc chân đã rách toạc tả, những mảnh giẻ cứng giòn thấm máu, thấm nước, rồi khô, rồi ướt, rồi lại khô. Mở lượt giẻ ra, các vết giáp đã khô miệng, đã đóng vảy. Đánh đến Sài Gòn thì vẩy bong, lại là một bàn chân khỏe mạnh và sạch sẽ.

Lên tới đỉnh 758, gặp tiểu đoàn trưởng báo tin địch đã rút chạy khỏi Plâycu và Công Tum từ sáng ngày 16. Lệnh cho bộ đội phải bỏ lại mọi tư trang vốn đã rất ít, kể cả gạo. Chỉ được mang theo một cái võng, mấy cuộn bông băng, cái bật lửa cho vào túi đựng mìn đeo trước ngực. Còn xẻng cuốc súng đạn là vật tùy thân rồi. Riêng cơ sở đạn lại còn tăng thêm, đạn AK là ba trăm viên, lựu đạn sáu quả, đạn B40 là tám quả. Một người xếp vào gùi cả bảy quả đạn B40 và liều phóng, nhưng không gùi trên lưng mà đeo lưng lẳng trước ngực vì sợ vướng cành cây, túi mìn vắt lại phía sau, khẩu AK kẹp một bên nách và ba trăm viên đạn. Tiểu đội trưởng vác khẩu B40 và một quả đạn lắp sẵn ở nòng. Lại một khẩu trung liên và người mang đạn trung liên. Còn người thứ năm mang AK, gùi thêm ba quả cối 82 giúp đại đội hỏa lực cùng xẻng cuốc của cả tiểu đội. Cả năm người đều lặc lè nhưng không hề bỏ lại bất cứ một thứ gì khác. Trong khoảng mười lăm phút dừng ở đỉnh 758 nhìn về phía thị xã Cheo Reo hướng đông-bắc, thấy một mảng sáng mờ mờ bốc lên, nhìn sang hướng tây, loang loáng lúc hiện lúc mất có nhiều vệt sáng kéo dài. Ban ngày đứng ở đây còn nhìn thấy cả dòng sông Ba, nước xanh thắm chảy từ tây bắc thị xã, dọc theo phía đông đường 7, qua cầu A Nu thì ngoẹo xuống phía nam đường rồi thoát ra cửa Đà Rằng. Ngồi ở mỏm 758 hứng nắng, hứng nóng, nhìn dòng sông nhỏ tí phía xa, thì chỉ nghĩ đến nước, rồi nghĩ đến cái mát, cái trong, cái khoan khoái nếu được ngâm mình dưới ấy một nửa ngày.

3 giờ sáng ngày hôm sau, tức là ngày 17 tháng Ba, đại đội xuất phát đầu tiên mới tụt xuống chân núi bên kia. Nghỉ lại mười lăm phút ăn nửa nắm cơm là rồi kéo nhau chạy. Chẳng có ai ra lệnh chạy, phía trên rảo bước là phía sau phải chạy. Từ Plâycu đến Cheo Reo là một trăm năm mươi lăm cây số, nhưng từ Cheo Reo đến Tuy Hòa có hơn sáu chục cây. Sáu chục cây xe phóng nhanh là mấy chốc. Chúng chạy đường thẳng, ta đón đánh phải quanh vòng, nhanh chậm khác nhau là thế. Hơn nữa, chúng chạy đã được một ngày mình mới đuổi theo, không khéo chỉ còn vớt vát được một vài đơn vị rút cuối. Diệt có vài trăm tên trong đám quân rút chạy tới cả vạn

tên thì thật uống phí vô cùng. Mà cái cơ hội may mắn này khó có thể tái diễn một lần nữa. Nó là duy nhất. Bỏ lỡ nó, cuộc chiến đấu chắc chắn sẽ phức tạp hơn lên rất nhiều. Tiểu đoàn trưởng nghĩ như thế, mà tiểu đội trưởng cũng nghĩ như thế. Mỗi người rảo chân lên một chút, thành thử hàng quân theo nhau chạy ào ào lúc nào cũng không rõ. Lại một người nào đó đốt cháy một sợi dây cao su lấy ánh sáng tìm lối mòn. Vì có một con đường mòn của tuyến vận chuyển thương binh. Lại thêm một người thứ hai đốt, rồi cả một dây lửa lập lòe kéo dài tới mấy cây số ở chân núi, xuyên vào những cánh rừng khoọc, nhằm theo hướng đông-bắc mà trườn lách mãi lên. Hết dây cao su dự trữ thì rút quai dép đốt, thân dép giắt vào thắt lưng, cả một mùa tác chiến đầu đội trời, chân dép đất, tới lúc tiến vào các thành phố mới cảm thấy rất bàn chân và nóng da đầu. Bộ đội nối đuôi nhau chạy một mạch đến 9 giờ sáng ngày 17 thì nhìn thấy mặt đường 7 phía nam bản Khăn. Phía đông đường là sông Ba, phía tây đường là hàng chục lượt rào dây thép gai, rào đơn. Bộ đội thành một hàng dọc, men theo các hàng cọc, nhô đỉnh, vén dây, lách người qua, nhích dần mãi đến mép đường, bố trí các điểm chốt. Khẩu B.40 của Họi đặt trên một ụ mỗi mọc đầy cỏ và cây gai. Khẩu trung liên bố trí cũng trên một ụ mỗi khác cách khẩu B.40 khoảng mười mét. Còn các tay súng AK thì lợi dụng các rãnh nước đào khoét một lúc cũng thành một công sự cá nhân. Lúc này là 12 giờ trưa ngày 17. Trên đường vẫn có xe chạy nhưng là xe đồ chở hành khách, tất nhiên có cả dân có cả lính, nhưng đã có dân là không được phép nổ súng. Lại có từng tốp xe Hon-da chở người và đồ đạc. Cả năm người đã bảy đêm nay không được ngủ. Cả bảy đêm, cứ ba người thay nhau đào hầm, một người đi lấy cơm và nước uống, còn một người vận chuyển gạo. Đêm thứ bảy thì hành quân, còn từ đêm nay trở đi tất nhiên lại càng phải thức, phải thức cho tỉnh táo, vì tin rằng đám quân lính từ hai tỉnh kéo về dồn ứ ở Cheo Reo phải nhanh chóng thoát khỏi khu vực đã bị vây hãm từ đêm nay. Bắt đầu từ đêm nay kể ra cũng đã quá muộn. Những chuyện không may thường theo một cửa mà đến là như thế. Trong lúc chờ đợi, cả năm người ngồi chum lại với nhau ở ụ súng B.40, chia nhau phong lương khô duy nhất còn sót lại, rồi bàn tính về thể trận của hai bên trong mấy ngày tới. Mỗi đêm đến kho gạo của chiến dịch là thâu lượm được bao nhiêu tin tức. Tin tức lượm về lại đoán non đoán già về nhiệm vụ của hướng này, về hành động của mũi kia. Cũng có lúc đoán trúng, cũng có lúc đoán sai, nhưng đoán định mãi rồi cũng luyện được thành một phản ứng nhạy bén, gần như là linh cảm trước những hiện tượng trông thấy đã đành, mà cả những hiện tượng còn chưa trông thấy.

Lực lượng bố trí của sư đoàn 320 trong ngày 17 tháng Ba là như sau:

- Tiểu đoàn 9 của trung đoàn 64, vào lúc 11 giờ đã ra sát mặt đường 7, phía nam bản Khăn hai cây số.
- Trung đoàn 64 thiếu, cùng với một tiểu đoàn cao xạ từ đông-bắc Buôn Mê Thuật đã tới vị trí nhiệm vụ mới là đèo Chư Mria (nam Cheo Reo).
- Trung đoàn 52 sau khi diệt Kênh Săn, chiếm quận ly Phú Nhơn, phát triển sang Phú Thiện, chia cắt đội hình phía sau của địch (từ ngã ba Mỹ Thạch đến thị xã Cheo Reo).
- Trung đoàn 48 cùng với một tiểu đoàn xe tăng và một cụm pháo của chiến dịch đã nhích tới tây-nam thị xã Cheo Reo, gần sát sân bay, và đã đưa được một lực lượng vòng lên hướng tây-bắc.

Lực lượng địch rút chạy khỏi hai tỉnh Công Tum và Plây Cu gồm có sáu liên đoàn biệt động quân, một lữ đoàn kỵ binh (ba thiết đoàn), một liên đoàn công binh, một liên đoàn truyền tin, một bộ phận cơ quan của quân khu II, một bộ phận sĩ quan của sư đoàn 6 không quân, hai liên đoàn bảo an và toàn bộ lực lượng cảnh sát của hai tỉnh Kon Tum và Plây-cu. Tính đầu là hai mươi bảy đơn vị. 16 giờ ngày 17 tháng ba, toàn bộ lực lượng của địch ở hai tỉnh trên đã rút hết về thị xã Cheo Reo.

16 giờ 30 ngày 17, một đoàn xe gồm bảy chiếc GMC và hai xe chở khách, có xe bọc thép M. 113 đi hộ tống lọt vào trận địa phục kích của đại đội 11. Bộ đội ta dùng tiểu liên AK bắn thủng lớp xe đầu và dùng B.40, B.41 đánh các xe chở lính. Hai xe chở dân thì gọi hành khách xuống cho chạy giạt xuống vệ đường tránh đạn: Cả bảy xe đều bị bốc cháy, riêng chiếc M. 113 đi hộ tống sau cùng thì chạy lộn được về Cheo Reo.

Đêm 17, tiểu đội Họi rời vị trí buổi chiều sang bố trí phía đông đường, giáp sông Ba. Trong

đêm, tiểu đoàn 9 đã bố trí xong thế trận đánh địch: đại đội 9 chặn đầu, đại đội 10 thốc đuôi, còn đại đội 11 lùi lại phía sau làm lực lượng cơ động của tiểu đoàn. Cách đánh là vận động tấn công kết hợp với các điểm chốt, bố trí thành nhiều tầng từ nam bản Khăn đến phía bắc một con suối nhỏ, đoạn đánh dài ba cây số. Trong đêm, bộ đội ngồi dọc hai vệ đường đào đắp công sự, trên đầu chiếc C.130 ì ầm thả pháo sáng, phía Cheo Reo tiếng máy gầm gào khi to khi nhỏ. Một bên liều chết rút chạy, một bên kiên quyết chặn đánh, cuộc chiến đấu trong mấy ngày tới là rồi sẽ đẫm máu đây, Hỡi tính toán với anh em trong tổ như thế. Mờ sáng ngày 18, hồ đào cũng chỉ sâu được khoảng bảy mươi phân, chặn lát bằng cọc rào, hòm gỗ và những bao bì lớn nhỏ lôi kéo từ trong cái đồng đồ đặc của chiếc GMC đổ ven con suối cạn. Tôi xin ghi lại lời kể của đồng chí Hỡi về những trận đánh của tiểu đội trong ngày 18 tháng Ba từ 6 giờ sáng đến 11 giờ đêm: "Hỏa lực của tiểu đội có một B.40, một trung liên và mấy tay súng AK. Nhiệm vụ của cả trung đội là chặn đứng những chiếc xe chạy thoát khỏi những tổ chốt của đại đội 10 để đại đội 11 kịp vận động lên đánh tiếp. Súng nổ từ lúc 6 giờ sáng, gần hai giờ sau mới thấy một chiếc M.48 và một chiếc xe bọc thép M.113 chạy ào ào tới. Cách đánh của bọn rút chạy cũng mãnh lới lắm: dùng pháo của tăng bắn thẳng vào các mô đất, ụ mỗi, bụi cây cho quang đi sau đó dùng đại liên, cối cá nhân quét tiếp, gần sát chỗ bố trí của mình thì bộ binh ngồi trên xe quăng lựu đạn, rồi xe rú máy phóng vượt qua. Nhưng thoát sao được, vì các chốt của ta bố trí dày sít, thoát chốt này lại gặp ngay chốt kia. Khói lửa ùn lên ở phía trên từ 6 giờ sáng, mãi đến 8 giờ mới gặp hai xe địch nhào tới, đoạn đường dài chưa tới ba cây, đủ biết phải may mắn lắm chúng mới gặp được bọn tôi và bọn tôi cũng phải có may mắn mới được dịp nổ súng. Tôi kê khẩu B.40 lên một cái chậu nhựa nhằm vào chiếc M.48 bóp cò, nó cháy ngay, chiếc xe sau dừng lại, quay nòng 12 ly 8 bắn ào ào vào ụ đất rồi vòng xuống phía tây đường rộng lên. Nó chạy được một đoạn, lại nghe có một tiếng nổ khác, trong nháy mắt đã là hai đồng lửa khói bốc ngùn ngụt ở giữa đường. Những đũa sống sót nháy nháo nhào ra hai bên, chúng tôi chỉ cần hét theo: "Bỏ súng xuống! Đứng lại!", là lập tức chúng ngồi thụp xuống từng nhóm đợi anh em mình đến dẫn về phía sau. Súng đạn tạm dừng khoảng hai tiếng, không thấy xe nào chạy lên, mà hình như cũng không nghe thấy cả tiếng gầm rú của máy nữa. Một đơn vị đã bị diệt gọn, chắc chắn là thế. 10 giờ lại nghe có tiếng rú máy từ rất xa, rồi mất hẳn, rồi rất gần như sau lưng mình. Cậu giữ trung liên hét to: "Nó chạy theo bờ sông, anh ơi!". Quay người nhìn lại, tháp pháo đã lòi ngòi trên đám lá ngô xanh rì rẻ lên. Cả mấy thằng nhảy ra khỏi công sự, chia thành hai mũi, một mũi ven rìa đường, một mũi men mép nước, chạy ngược lại. Xe đã tới gần, đưa mắt nhìn xung quanh, chẳng có chỗ nào để trú nấp, đành phải đứng trông một bụi chuối mà bắn. Bắn xong, kẹp súng vào nách, lăn tròn người vào bãi ngô, rồi chồm dậy, lắp một quả đạn khác, bắn tiếp chiếc M.113 đang chạy dò dẫm phía sau. Bắn cháy hai xe, chạy thêm một đoạn, cứ thấy rất bóng ở háng. Bị thương rồi sao? Chắc không phải? Đưa tay sờ soạng một lúc không thấy có máu, chỉ rát. Nhờ thằng mang đạn cúi người xem hộ, thì trời đất ơi! một vết xém đã xuyên giữa đùi ngoài, cả quần ngoài lẫn quần trong, nhưng lại chưa ra da thịt của mình. Vào Sài Gòn, thanh niên nó chề đùi ngoài may quá rộng, mới nói đùa: nếu may chật thì mình đã bị lòi ruột. Được nghỉ ngơi một buổi trưa, anh em ngồi gà gật ở công sự riêng tôi cứ ôm lấy bàn chân mà rên nho nhỏ, đau quá, nhức quá, lúc chạy, lúc lăn như chân người lạnh, lúc ngồi lại thấy nhức, thấy đau. Cũng là may, có việc thì nó tha mình, hết việc nó lại hành mình. Nghiến răng mà chịu đựng mấy ngày này, còn cố được thì hãy cố gắng lên. 2 giờ chiều lại một đợt đánh nữa. Xe địch chạy thẳng đường thì làm mỏi cho các tổ chốt, nên mới quẹo sang đông đường, đi sát mép sông. Vẫn bị vấp, chẳng thoát được xe nào. Chúng liền cho xe đâm xuống phía tây bản Khăn, vòng theo dải rừng khoọc, rồi rẽ quanh lại mặt đường quăng gần cầu A Nu. Nhưng lại đụng đầu với số anh em nằm ở bệnh xá và tiểu đoàn bộ. Bác sĩ, bệnh nhân, anh nuôi, trợ lý chính trị và tham mưu dùng tiểu liên và lựu đạn xông ra đuổi đánh. Đại đội 11 chia làm hai mũi vòng lại đánh chặn từ hai đầu. Trung đội tôi cũng được lệnh kéo đến, nổ súng yểm trợ. Lúc này quân địch đã hoảng hốt lắm rồi. Nghe tiếng súng nổ là lập tức bỏ xe chạy, thì cũng là chạy vào tay anh em mình cả. Thằng Tề, tiểu đội trưởng của đại đội 10, bị sốt rét nằm ở bệnh xá chiều ngày 17, hai tay hai quả lựu đạn thế nào lại túm được thằng trung tá liên đoàn trưởng liên đoàn 21. Xe tăng bỏ lại, xe bọc thép bỏ lại, xe kéo pháo 175 còn mới nguyên cũng bỏ lại, đếm thoang thoáng cũng phải dăm chục xe vừa xe tăng vừa xe bánh xích. Bãi xe ở bản Dung Mỹ gần đó cũng phải dăm sáu chục xe. Nhìn lên mặt đường một dải lửa khói kéo dài hàng cây số, mỗi lúc một

bốc cao ngọn. Tiếng máy của các loại xe vẫn gầm gào, tiếng đạn nổ từ bên trong ruột xe chất chứa, y hệt một trận đánh lớn, vẫn còn đang diễn ra. Con đường đang bốc cháy đã trở thành một chiến lũy lửa, người qua còn khó nói gì đến xe, một đoàn xe. Trời đã tối hẳn, tiểu đội tôi chạy theo ven đường, vòng trở lại đoạn đánh của mình. Đạn nổ từ các xe bay veo veo qua đầu, bụng bảo dạ : "Đánh "xe sống" không sao, lại bị thương vì mấy cái "xe chết" thì thật buồn cười". Khi vượt qua miệng cống trước tổ chốt cuối cùng của đại đội 10, chợt nghe có tiếng ho nhẹ. Máy gào, đạn nổ mà lại nghe ra một tiếng ho tự mình cũng nghĩ làm lạ. Chắc là một tiếng động gì đó, vốn tính đa nghi lại nghĩ là tiếng ho chẳng? Vẫn cứ nên kiểm tra lại một chút, nào có mất gì? Tôi kêu tiểu đội dừng lại, hướng mắt vào miệng cống, gọi to : "Còn ai trong ấy thì ra đi? Bỏ súng xuống, nhanh lên!". Không một tiếng động nào đáp lại, tôi phải dọa: "Ra đi! Nếu không chúng tôi sẽ quăng lựu đạn vào đấy!". Gần như cả cái đám người trốn nấp trong đó trả lời cùng một lúc : "Chúng tôi xin hàng. Chúng tôi xin ra ngay!". Một người ra đầu, rồi một người nữa, đếm được lần lượt vừa chẵn hai chục, nhìn quần áo mặc đều là sĩ quan cả. Tôi hướng mắt vào một hình người to cao nhất, chưa rõ là già hay trẻ, là cấp chức gì, hỏi : "Các anh là sĩ quan của đơn vị nào? thuộc binh chủng nào?". Người kia hơi cúi xuống, đáp rất lễ phép : "Thưa, chúng tôi thuộc nhiều đơn vị, có mấy anh trên cơ quan của quân đoàn, có anh ở sư đoàn 6 không quân, rồi liên đoàn 23, liên đoàn 66 truyền tin và một số anh ở thiết đoàn 19". Tôi lại hỏi: "Còn anh ở binh chủng nào? Cấp bậc gì?". "Dạ, thưa tôi là trung tá, liên đoàn trưởng liên đoàn 23". Khi tôi bảo một đồng chí trong tiểu đội dẫn cả hai chục sĩ quan này về tiểu đoàn, thì cái anh chàng to lớn là liên đoàn trưởng liên đoàn 23 nói với tôi rất rụt rè : "Dạ, thưa tôi muốn được biết tên anh, vì anh là người chiến sĩ Giải phóng đầu tiên tôi được gặp..."

Tôi rất ngạc nhiên :

"Tên tôi là Hợi, anh đã ở chiến trường này thì phải chạm mặt với bộ đội luôn chứ, đâu phải lần đầu?"

"Thưa, tôi nói rất thật lòng vì tôi mới dời lên Công Tum trước tết có mấy ngày".

"Trước anh ở đâu?"

"Trước tôi ở Biên Hòa.

"Đang ở Biên Hòa lên đây làm gì cho khổ?"

"Dạ, chuyện cũng dài lắm, nhưng không chết đã là may mắn rồi. Chỉ thương vợ con sẽ đau buồn vì chưa biết tôi sống chết ra sao?"

"Một tháng nữa thì gia đình anh sẽ được biết tin thôi.

"Dạ, tôi rất mong thế. Thật là nghịch cảnh, tôi là một sĩ quan trong quân đội của ông Thiệu, nhưng lúc này lại nóng lòng mong ông ấy từ chức để anh em Giải phóng sẽ sớm vô Sài Gòn".

"Hắn có nói tên là Bình hay là Bảo gì đó, tôi không còn nhớ. Câu chuyện còn dài của hắn nếu có thì giờ nghe chắc cũng rất lạ".

11 giờ 30 ngày 19, ta đã tiêu diệt, bắt sống, bức hàng toàn bộ quân địch còn lại ở thị xã Cheo Reo và khu vực quanh đó. Ngày 20 một lực lượng của trung đoàn 64, có xe bọc thép và pháo quét bọ tàn binh từ đèo Chư Mria đến đông quận Phú Túc, làm bàn đạp cho đại quân tiến về Củng Sơn.

Ngày 21, tiểu đội Hợi cùng đại đội vượt qua cầu A Nu, tiến sát về quận Phú Túc. 16 giờ ngày 21, địch ném bom phá cầu. Nhịp cầu không sập ngay mà lửa cháy lan trên ván gỗ như một giàn lửa. Xông vào giàn lửa đã bốc cao ngọn là bốn chiếc xe bọc thép loại K.63. Trong xe có xăng, có đạn, có người, xăng bén lửa thì cả bốn chiếc sẽ bị thiêu cháy trong chớp mắt. Cũng là may, cả bốn xe đều qua được chiếc cầu lửa dài hàng trăm mét an toàn, rồi dừng lại ở chỗ bố trí của tiểu đội Hợi. Người đầu tiên từ trên chiếc xe đầu nhảy xuống là đồng chí Cối tham mưu trưởng trung đoàn 64. Cùng đi với tham mưu trưởng có tiểu đoàn trưởng các tiểu đoàn 9, 7 và 8, cùng với một tiểu đội trinh sát. Họ là bộ phận mở đường của cánh quân tiến về hướng đông. Tham mưu trưởng ngồi ngay trên mặt đường vừa ăn lương khô vừa thông báo tóm tắt tình hình tác chiến của sư đoàn trong bốn ngày, rồi nói thêm : "lắm chuyện đã xảy ra rồi mà còn ngỡ là trong cảnh mộng. Ví như một cậu của trung đoàn 48 được gặp lại gia đình sau ngày giải phóng Cheo

Reo. Xa nhau từ năm 59, đến năm 75 mới được gặp lại, vậy là mười sáu năm". Cả mọi người đều ngạc nhiên. Lĩnh miền Bắc, gia đình ở miền Bắc, còn gặp người thân nào nữa ở miền Nam, mà lại là ở Cheo Reo, một vùng cao nguyên heo hút của miền Nam. Hỏi tên cái người đã gặp sự may mắn hiếm có ấy thì tham mưu trưởng không nhớ. Chuyện đã hoang đường, người trong chuyện lại không có tên, ai mà tin được. Tham mưu trưởng lý lẽ : "Có nhiều chuyện hôm qua là khó tin, nhưng hôm nay lại là chuyện có thật. Chuyện thật của hôm nay còn vượt xa những chuyện khó tin của hôm qua. Thời thế đã đổi thay rồi."

Chuyện của cậu bộ đội nào gặp lại gia đình ở Cheo Reo vẫn là khó tin, cho đến lúc này vẫn cứ khó tin. Nhưng thời thế đã đổi thay thì lại có thể tin được. Nổ súng ngày 8 tháng Ba, đến ngày 20 tháng Ba, tức là mười hai ngày sau đã giải phóng bốn tỉnh của cao nguyên miền trung! Năm 1968 chưa được thế. Năm 1972 cũng chưa được thế. Nhưng năm 1975 lại là chuyện đã xảy ra, là chuyện đã có thật. Hai chân đứng trên mặt đường 7, đoạn đường phía trên, đoạn đường phía dưới hàng nghìn chiếc xe đủ loại đang bốc cháy, lại chẳng phải là chuyện có thật đó sao? Nhưng vẫn lúc ấy, nếu một người nào đó nói trước rằng : Trong vòng một tháng mười ngày nữa, chúng ta sẽ đứng ở lầu tư của dinh Độc Lập, chúng ta sẽ ngồi ở phòng tiếp khách của Nguyễn Văn Thiệu, ngắm nhìn cái gạt tàn thuốc hình lục lăng mà tán với nhau rằng : "Cái gạt tàn đẹp thế mà thằng cha lúc chạy lại quên không mang theo, giờ có nghĩ lại chắc cũng tiếc". Nếu một người nào đó dám nói trước như thế thì cũng chưa dễ đã ai tin, dầu rằng vẫn công nhận thời thế đã đổi thay rồi.

*

* *

Câu chuyện tưởng như khó tin quả nhiên là chuyện có thật. Tôi đã được gặp nhân vật chính trong chuyện. Tên anh là Ka Son Chư, người Ê Đê. Anh bảo mới hăm tám tuổi nhưng nhìn gương mặt rất khó đoán, lúc như già hơn, lúc lại như trẻ hơn. Anh rất hay nói, tuy âm sắc của tiếng phổ thông chưa được mềm, chưa được rõ, nhưng chữ nghĩa dùng rất chính xác và văn chương. Tôi ghi tên anh là Ka Son Chư, anh đánh vần bảo tôi viết lại là Ksor Sor Chư. Ksor Sor là họ mẹ. Anh bảo tôi : "Nếu được ở gần nhau tôi chỉ bày cho anh ít ngày là sẽ nói được tiếng Ê Đê thôi". Tôi cười : "Mới chỉ nhìn tên sông tên núi trên bản đồ vùng Tây Nguyên đã thấy rối rít cả lên, nói gì đến học tiếng". Chư giải thích luôn, anh hay nói và vui tính : "Nhà báo là thông minh, học biết ngay thôi. Biết cách dạy thì học rất mau, anh ạ! Ví như, ở Công Tum thì núi gọi là ngọc : Ngọc Rinh Rua, Ngọc Tô Pa, Ngọc Bờ Biêng, Ngọc Linh. Ở Gia Lai, thì núi lại gọi là Chư : Chư Nghé, Chư Pông, Chư Kra, Chư Pa. Ở Công Tum, Đak là nước, các con sông đều bắt đầu vần dak cả : Đaksi, Đakbla, Đakdam. Ở Gia Lai, thì Ya lại là nước : Yasúp, Yadrăng, Yaleo. Chỉ như thế thôi, bây giờ anh có nhìn địa danh trên bản đồ cũng đã thấy dễ dễ rồi, có phải không?. Chư làm liên lạc cho cách mạng từ năm mười một tuổi, đến năm mười ba, tức là năm 1959 thì được chú Cao cho ra Bắc học văn hóa "để sau này về quê hương xây dựng chủ nghĩa xã hội". Năm đó thì chưa thể biết chủ nghĩa xã hội là gì, nhưng được ra Bắc, ra Hà Nội, Bác Hồ lại đang ở Hà Nội, là rất vui rồi. Gùi gạo, gùi muối đi bộ cả mấy tháng nhưng chưa có lúc nào thấy nhớ nhà, thấy mệt nhọc, chỉ háo hức, muốn đi nữa, muốn được đi xa mãi. Chư học văn hóa ở trường Dân tộc trung ương mười năm, tức là đến năm Bác Hồ mất thì hết chương trình phổ thông cấp 2. Lên trường văn hóa ở Lạng Sơn học lớp 8, lớp 9. Về trường Bắc Thái học lớp 10, thi tốt nghiệp xong lại tiếp tục theo học trường công nghiệp nhẹ. Năm 1973, đi bộ đội. Năm 1974 vào chiến trường miền Nam. Tóm lại đời anh trong vòng mười lăm năm trở lại đây là : học và học. Đi bộ đội được hai năm thì một năm ở trường huấn luyện, cũng vẫn là học. Chư than phiền với tôi : "Đời tôi thật là chán, không có thành tích gì để kể với nhà báo. Vào chiến trường đã hơn một năm, nhưng đã được đánh trận nào!". Tôi cũng ngạc nhiên : "Ở dưới đại đội mà không đánh thì làm gì?". "Chuyện là thế này, Chư nói, ở trên sư đoàn xin mãi mới được xuống trung đoàn, rồi từ trung đoàn lại xin xuống tiểu đoàn. Mà khó lắm : Năm ngoái đánh to ở làng Siêu nhưng tôi lại phải ở phía sau làm anh nuôi. Trận đánh xong rồi tiểu đoàn trưởng mới cho phép ra trận địa xem xác xe tăng địch. Xong đến đại đội cũng vẫn chưa được đánh, anh em đánh nhau phía trước, tôi đi

làm công tác dân vận phía sau, cũng là nhiệm vụ trên giao cả, nhưng chỉ bực là chưa được nổ súng một lần nào. Vì sao? Vì các anh ấy sợ tôi chết. Đại đội trưởng bảo : "Đi học cả mười mấy năm mà chết thì uổng quá, cố giữ lấy cái mạng để còn phục vụ lâu dài cho quê hương". Tôi đã bực lắm : "Các anh thì sao? Các anh chết không đáng tiếc sao?". Đại đội trưởng vẫn cười cười : "Chư ơi, chúng mình đông, còn người dân tộc có văn hóa cao như Chư là ít lắm, ít thì phải giữ lấy, đừng có phí phạm". Tôi không muốn cãi lại cấp trên, nhưng như thế là còn phân biệt, là chưa bình đẳng, phải không nhà báo?". Tôi không trả lời sao cả, theo tôi, Chư nói đúng mà đồng chí đại đội trưởng nói cũng đúng. Rồi Chư kể cho tôi nghe bữa gặp lại gia đình ở Cheo Reo vừa được giải phóng : "Đêm 18 tháng Ba, quân ta vào Cheo Reo. Sáng 19 tháng Ba, cấp trên đã cho tôi vào thị xã để hỏi thăm tin tức gia đình. Lúc này tôi đã được trung đoàn lấy lên làm trợ lý dân vận. Chiều ngày 18, đứng ở mỏm Chư Ria với chính ủy, nhìn xuống Cheo Reo đã mừng quá, quê hương mình là ở dưới đó, nhưng cảnh vật lại rất lạ, chưa nhận ra một dấu vết nào quen thuộc cả. Cả ngày 18 không ăn gì mà vẫn no. Đêm 18, nghe tin ta đã làm chủ thị xã lại càng bồn chồn, da mặt lúc lạnh lúc nóng, ngồi không yên mà đứng cũng không yên. Sáng 19, thì được đi cùng với chính ủy vào Cheo Reo làm nhiệm vụ trong ủy ban quân quản. Quê tôi là buôn Bir, cách thị xã hai cây số, đi qua làng mà không nhận ra làng. Xưa kia đường vào buôn có nhiều cây gạo và cây kơ nia, bây giờ trống trơn cả, chỉ thấy có mái tôn và mái tôn. Đến trụ sở của ủy ban quân quản, gặp một thằng mới lớn lên, cũng người Ê Đê đi công tác với một chú cán bộ bên Đảng, liền hỏi nó : "Quê mày ở đâu?". "Ở Bir!". Mừng quá, nắm chặt bàn tay nó mà giật : "Con nhà ai?". Nó nói tên mẹ nó, nghe rất lạ. Mẹ nó chỉ hơn tôi vài tuổi chứ mấy, năm tôi còn ở nhà có đứa con gái nào có tên giống như mẹ nó đâu. Tôi lại hỏi thăm tin tức gia đình ông ấy, bà ấy, anh ấy có biết không? Nó đứng ngẩn ra một lúc rồi trả lời là không biết. Tôi quát lên : "Mày ở Bir mà lại không biết ông già Nê Deo à?". Gần hai ngày chỉ có uống chứ không ăn, mà không đói. Chính ủy cho phép về nhà nửa ngày vì nghe nói nhà gần, nhưng đi quanh quẩn từ đường này sang đường kia đã mất gần nửa thời gian rồi. Dân dật díu nhau, ôm, xách, khiêng, đội quần áo, đồ đạc trở về nhà cũ; binh lính, sĩ quan ngụy ngồi vón lại từng đám chờ bộ đội đến cho ăn và dẫn đi; súng lớn súng nhỏ quăng xếp từng đống ở các đầu đường, các bãi trống, trước cửa các công sở; và xe, các loại xe chật đường, chật phố, cái đang cháy, cái đã cháy rụi, cái còn nguyên. Cứ loanh quanh giữa cái đám xe pháo, súng đạn, người đi xuôi người kéo ngược từ 12 giờ trưa đến 2 giờ chiều mà vẫn chưa tìm được lối về buôn Bir. Về sau, có một anh thanh niên đi xe đạp, đeo băng đỏ, khoác súng, gọi to : "Anh giải phóng định về đâu đây?". Thì ra anh đã chú ý tới tôi được một lúc lâu rồi. Nghe tôi nói muốn về buôn Bir, anh bảo ngồi sau xe sẽ đèo về tận đầu buôn, vì đường đi rất gần. Mẹ tôi mất năm tôi còn rất nhỏ, bố tôi đã lấy vợ kế. Năm còn ở nhà thì mẹ kế chưa sinh em, nên bà rất quý tôi và thằng út. Nghĩ đến mẹ kế cũng thương, cũng nhớ như mẹ đẻ. Bước vào trong buôn lại nhận dần ra lối cũ, hỏi một người ngồi quay lưng lại, đang rên dao : "Ông có biết nhà cụ Deo không?". Người kia quay lại, nhìn rất quen nhưng không thể nhận ra là ai : "Giải phóng hỏi cụ Deo có việc gì?". Tôi lại hỏi tiếp : "Cụ Deo còn sống không?". Người kia đứng dậy nhìn tôi chằm chằm : "Cụ Deo còn sống, tôi là con cụ Deo đây". Tôi hét to : "Anh Ksor Bai phải không?". "Phải, chú cũng là người ở buôn này à?". Tôi nắm lấy tay anh : "Chư đây? Chư ra Bắc học đã về đây?". Nghĩ là anh Bai phải ôm chầm lấy em mà khóc, nhưng không, anh vẫn đứng im, vẫn nhìn, rồi nói rất thông thả : "Không phải Chư, Chư nó chết từ nhỏ kia". Tôi càng quát to : "Anh quên tôi hả? Chư đây mà. Chư là con cụ Deo, em anh Bai mà không phải à?". Anh Bai cúi mặt nhìn xuống, miệng nói lảm nhảm những gì gì, mà già quá mà không giống một chút nào với anh Bai rất đẹp trai lúc tôi ra đi. Anh em còn đang đứng với nhau thì bố tôi bước đến, tóc bạc hết, nhưng nhận ra được ngay. Tôi gọi : "Bố ơi! Tôi là Chư đây.". Ông già nhìn tôi rồi lại nhìn anh Bai : "Chư à? Chư chưa chết à?". Rồi ông cụ thở một hơi rõ dài, nói to hơn : "Là Chư thật phải không?". Đến lạ lùng! Con về hần hoi mà vẫn ngờ là chưa phải. Tôi bước lên nhà sàn, nhà sàn ở Đắc Lắc dài như một toa tàu, trên lợp lá mùn cun, rồi ngồi thu lu ở một góc nhà nhìn người này rồi nhìn người kia, mọi người cũng giương mắt nhìn tôi, không có ai cười, không có ai khóc. Gặp lại cha, gặp lại mẹ, gặp lại anh mà buồn, buồn quá. Một lúc rất lâu, ông già mới bảo bà mẹ kế của tôi. "Đi làm cơm cho thằng Chư ăn". Tôi đứng bật dậy, nói vội : "Tôi phải đi công tác ngay, khi khác về lâu tôi sẽ ăn cơm". Anh Bai nói : "Lại đi ngay, hả Chư?". Ông già không nói gì thêm. Tôi cũng không nói gì thêm, cầm mũ, xách súng rồi đi luôn. Mà buồn quá anh ơi! Mười lăm năm nghĩ đến bố trong bao nhiêu đêm không ngủ, đến lúc được gặp

lại bố, cả hai bố con đều không nhỏ được một giọt nước mắt. Ngày 1 tháng Tư, thị xã Tuy Hòa được giải phóng. Ở lại Tuy Hòa hai ngày lại trở về Cheo Reo có nhiệm vụ. Cấp trên cho về thăm bố mẹ một ngày. Nhà đông người quá. Người con riêng của mẹ kể cũng đi làm liên lạc cho cách mạng, rồi cũng được ra miền Bắc học văn hóa, đã được trở về công tác ở Quy Nhơn. Thăng em trai út đi lính cộng hòa ở Cam Ranh, tướng chạy quân tan, mới lần mò được về nhà trong đêm trước. Lại một cô em gái, con của bố và bà mẹ kế năm nay đã mười lăm tuổi. Rồi bà con đến chơi, rồi cán bộ của địa phương tới thăm, nhiều người lắm. Ông bố tôi nắm lấy tay tôi, nói với mọi người : "Thằng Chư đây, nó là em thằng Bai, nó đi làm cách mạng đầu tiên...". Rồi ông già khóc. Tôi nói tiếp : "Tôi là Chư, tôi đi theo cách mạng năm mười ba tuổi, tôi...". Nói được có thế rồi tôi cũng muốn khóc. Thế là cả hai cha con đã được khóc. Xa nhau mãi, lúc được gặp nhau có khóc mới thật là vui. Với các anh tôi là người đi sau cùng, với gia đình tôi là người đi trước nhất. Tôi đã nói với gia đình : "Tôi là người được giác ngộ đầu tiên, vậy bố mẹ, anh Bai, các em hãy nghe theo lời tôi..." . Anh Bai bảo ngay : "Em là người cách mạng, em nói gì gia đình cũng nghe cả". Tôi bắt đầu câu chuyện, kéo dài một đêm, như sau : "Tôi đã ở Lạng Sơn. Tôi đã ở Thái Nguyên, các dân tộc ít người ở ngoài Bắc đã tiến bộ xa lắm rồi..." .

*

* *

...và tư lệnh

Tối thứ ba anh Vũ Lăng kể tiếp :

"Tôi nói tóm tắt lại tình hình tác chiến của bộ đội ta ở mặt trận Tây Nguyên từ ngày 17 tháng Ba đến ngày 24 tháng Ba là như sau : Ngày 17 tháng Ba, địch rút khỏi Plâycu. Trung đoàn 95A, tức là trung đoàn đánh giao thông trên đường 19 từ Mang Dang lên Con Tùng, liền tiến thẳng vào quận lỵ Lệ Trung, tiêu diệt quân địch còn ở đó rồi tiến vào Plâycu. Ngày 18 tháng Ba, trung đoàn 29 của sư đoàn 968, là một mũi nghi binh từ đầu tháng Ba ở bắc Công Tum, tiến vào thị xã Công Tum. Ngày 17 tháng Ba, trung đoàn 19 cũng của sư đoàn 968, đánh chiếm Thanh Bình. Còn sư đoàn 3 của quân khu 5 cùng với một tiểu đoàn của trung đoàn 95A giải phóng An Khê trên đường 19 vào ngày 22 tháng Ba. Lúc này, lực lượng của ta đã hình thành ba mũi tiến quân. Một mũi tiến theo đường 19 gồm có những lực lượng của sư đoàn 968, trung đoàn 95A và sư đoàn 3 của quân khu 5. Một mũi tiến theo đường 7 gồm sư đoàn 320 và trung đoàn 95B. Một mũi tiến theo đường 21 gồm có sư đoàn 10 và trung đoàn 25. Cả ba mũi đều chọc thủng ra vùng duyên hải của miền Trung, tức là các huyện phía nam tỉnh Bình Định, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa. Quân đi, xe đi, pháo đi, thế mạnh như vũ bão. Mũi tiến của sư đoàn 320 thì ngày 18 tháng Ba, trung đoàn 48 giải phóng thị xã Cheo Reo; các ngày 18, 19 và 20, trung đoàn 64 bao vây truy kích quân địch rút chạy trên đường 7; ngày 21, giải phóng quận lỵ Phú Tú; ngày 24 thì vây diệt địch ở Củng Sơn. Đến ngày 24 tháng Ba, lực lượng quân nguy ở quân khu II đã bị tiêu diệt đến gần nửa. Sau khi ta đánh chiếm Nha Trang và Cam Ranh thì quân đoàn II xem như bị xóa sổ. Đến ngày 4 tháng Tư, quân nguy đã mất hẳn hai quân đoàn, tức là 40 vạn quân, tức là một nửa quân số. Khi chúng ta tiến vào Sài Gòn thì lực lượng của ta đã là mười lăm sư đoàn, quân nguy chỉ còn có năm sư đoàn, ba đánh một, mà là ba mạnh đánh một yếu. Ngày 19 tháng Ba, ta giải phóng toàn tỉnh Quảng Trị. Ngày 20 tháng Ba, giải phóng An Lộc (đông Nam Bộ). Ngày 24 tháng Ba, Bộ chính trị Đảng ta khẳng định thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện để hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam và đề ra chủ trương : a) Nắm thời cơ tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất, giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa. b) Trong quá trình chuẩn bị tấn công Sài Gòn cần phải nắm thời cơ địch đang tiến hành rút lui chiến lược, tiêu diệt và làm tan rã quân đoàn 1 và bộ phận còn lại của quân đoàn 2 nguy, không cho chúng rút về co cụm lại xung quanh Sài Gòn. Vào lúc này quân đoàn 2 của ta cùng với lực lượng bộ đội địa phương của quân khu Trị - Thiên và quân khu 5 đang tung hoành ngang dọc tại các tỉnh thuộc quân khu I của nguy. Quân đoàn 1 của ta cũng đã lên đường. Chiều sâu nhiệm vụ và chính diện tấn công của mỗi quân đoàn phải tính là hàng trăm cây số. Tốc độ tấn công cũng đạt tới vài chục cây số mỗi ngày. Phương châm hành động

của cán bộ chỉ huy là : *thần tốc, táo bạo, bất ngờ*. Khẩu hiệu của toàn quân là : *Quyết chiến! Toàn thắng!* Ngày 25 tháng Ba, ta giải phóng Thừa Thiên - Huế. Quân đoàn 1 nguy bị ép lại ở đồng bằng Quảng Đà. Ngày 29 tháng Ba, ta giải phóng Đà Nẵng, tiêu diệt và làm tan rã hơn mười vạn tên địch. Cũng đúng ngày 24 tháng Ba, Bộ chính trị quyết định chuyển lực lượng bộ đội của chiến trường Tây Nguyên thành lực lượng cơ động chiến lược cấp quân đoàn, gọi là quân đoàn 3. Vừa đánh địch, vừa xây dựng lực lượng thành một đơn vị cơ động cấp quân đoàn, lại kịp đưa cả quân đoàn tham gia chiến dịch sau chót, chiến dịch Hồ Chí Minh, làm từng ấy việc trong có một mùa tác chiến. Bình thường không thể tổ chức, xây dựng nhanh chóng đến thế. Tốc độ hành động, tốc độ xây dựng đều rất cao, thực hiện được phương châm : càng đánh càng mạnh. Về chiến lược thì càng đánh càng mạnh, nhưng trong phạm vi một chiến dịch là rất khó. Có chiến dịch thắng lợi lớn nhưng không phát triển mà phải dừng lại và kết thúc.

"Lại nói về mũi tiến của sư đoàn 10 theo đường 21 về Nha Trang. Ngày 22 tháng Ba, ta đánh chiếm Khánh Dương. Từ ngày 19 tháng Ba, đã có một tiểu đoàn của trung đoàn 25 ra chiếm đèo Mơ Đắc nhưng mình đi bộ nên chậm. Thành thử lữ dù 3 đến được trước, liền dựa vào địa hình hiểm yếu lập tuyến phòng thủ ngăn quân ta tràn xuống. Lữ dù 3 gồm ba tiểu đoàn 2, 5, 6, cùng với tàn binh của trung đoàn 40 (thuộc sư đoàn 22) và lực lượng bảo an của địa phương, lấy tiểu đoàn làm đơn vị kết hợp với các trận địa pháo hình thành các nút chặn liên tục từ đèo Mơ Đắc đến Dục Mỹ. Cách đánh của chúng cũng rất lợi hại : Chia thành từng phân đội nhỏ chốt giữa các lực lượng của ta, ép dần ta lại rồi dùng hỏa lực pháo binh và máy bay mà tiêu diệt. Vậy thì lực lượng của ta cũng không được tập trung, cũng phải chia thành phân đội. Mặt khác phải tiêu diệt thật nhanh chóng các cụm pháo. Đi theo trung đoàn 28 là lực lượng tấn công chủ yếu, có một cụm pháo của chiến dịch làm nòng cốt để tổ chức các hỏa lực, chủ yếu là phát huy khả năng pháo đi cùng, ví như cối 120, cối 82, và ĐKZ 57, thêm B.40, B.41 đến gần, bắn thẳng. Trước tiên là diệt cụm pháo của tiểu đoàn 5. Pháo mất, chiến thuật bị phá vỡ, chúng chạy dồn về tiểu đoàn 6. Lại diệt luôn cụm pháo của tiểu đoàn 6. Các nút chặn của tiểu đoàn này bị bật luôn, lại chạy dồn về tiểu đoàn 2. Bộ chỉ huy của lữ dù 3 cũng ở liền đó. Chúng ta lại di chuyển hỏa lực tập trung đánh cụm pháo cuối cùng. Chúng có ba mươi sáu khẩu pháo 105 và 155, thì bị diệt mất hai mươi tám khẩu. Có một khẩu ĐK bắn bảy phát phá hủy sáu khẩu pháo, thật là một chuyện chưa từng có. Lữ dù 3 tháo chạy, nhưng chạy sao thoát. Một lực lượng đã được đưa đến từ trước cắt ngang đoạn đường giữa đèo Mơ Đắc và Dục Mỹ, dùng H.12, ĐK, cối, bố trí hai bên sườn núi mà xía xuống trục đường. Phía sau đuổi phía trước chặn, bọn dù này có chạy giỏi lắm cũng chỉ thoát được khoảng một tiểu đoàn. Tuyến dù đã bị phá vỡ! Ngày 2 tháng Tư, quân ta tiến vào Nha Trang. Ngày 3 tháng Tư ta vào Cam Ranh. Chiến dịch Tây Nguyên bắt đầu ngày 4 tháng Ba, kết thúc ngày 3 tháng Tư. Ba mươi ngày, tiêu diệt và làm tan rã một quân đoàn chủ lực nguy cùng toàn bộ lực lượng vũ trang của địa phương thuộc năm tỉnh vùng cao nguyên miền Trung và hai tỉnh miền duyên hải, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn gồm bảy tỉnh, và khoảng một triệu rưỡi dân...

"Diệt xong hai cụm pháo của hai tiểu đoàn dù 5 và 6, thì tôi nhận được điện của chỉ huy sở tiền phương gọi về gặp anh Dũng nhận nhiệm vụ mới. Thế là lỡ mất một dịp may được cùng với bộ đội tiến vào Ninh Hòa. Mà tôi thì rất ao ước được đứng trong đội ngũ đầu tiên trở lại cái thị trấn này sau ba chục năm xa cách. Ba mươi năm về trước, tôi mới có hơn bốn tuổi. Ông bà sinh cơ lập nghiệp ở vùng Đơ, sau mới về Thịnh Hào tức là Hàng Bột bây giờ, có thể tự xem là dân Hà Nội chính gốc. Cách mạng thành công chưa được mấy ngày thì quân Pháp đã lại gây hấn ở Nam Bộ. Anh Huỳnh Tấn Phát được ủy nhiệm ra nhận một số cán bộ đưa vào tổ chức lực lượng kháng chiến. Trong đoàn quân Nam tiến đầu tiên do anh Phát dẫn đầu có tôi và mấy người bạn thân cùng hoạt động ở Hà Nội trước ngày khởi nghĩa. Đến Ninh Hòa thuộc khu 6 thì rẽ vào đường 21 lên Buôn Mê Thuột, đóng quân tại trại lính khố xanh, tức là tiểu khu Đắc Lắc bây giờ. Cuối tháng Một năm 1945, đánh trận đầu tiên với quân của Lơ-cléc thọc từ đồn điền Ba-ranh sang. Hai bên giáp trận giữa ban ngày, bên ta có bảy chục người, bên nó là một tiểu đoàn, chúng ta bị hy sinh mất chín đồng chí. Rồi bọn tôi kéo nhau chạy, cứ theo đường 21 mà chạy về tận Xuân Hòa, rồi xuống đến Ninh Hòa. Cuộc đời chiến đấu kéo dài ba chục năm bắt đầu từ cái trận ấy, từ cái tháng ấy. Sang tháng Chạp, anh Phát dẫn sáu anh em trong đội vào Nam Bộ trước, đi theo quốc lộ I qua Phan Rang, Phan Thiết vào miền Đông. Số còn lại do tôi phụ trách ngày ngày tập hợp anh em đi đều bước đến chỗ đồng chí quản lý của khu 6 báo cáo

quân số, xin ăn cơm, ăn xong lại hát một bài rồi kéo về phố Ninh Hòa. Mà buồn quá, giặc thì còn ở xa, lại chưa có việc gì để làm, người xin được vào Nam Bộ ngay, người lại muốn trở ra Bắc, không biết phải xử trí như thế nào? Anh Phạm Kiệt là tư lệnh khu 6 lúc bấy giờ liền tổ chức mấy chục người lại thành một đội tuyên truyền cho cuộc tổng tuyển cử vào tháng Giêng năm 1946. Đi tuyên truyền là phải biết hát, biết làm kịch. Kịch diễn nửa chừng mới đứng ra nói chuyện về cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong cả nước, giới thiệu công trạng của các vị ra ứng cử, là hô hào đồng bào bỏ phiếu cho các vị đó. Sau đợt tuyên truyền này, anh Kiệt lại giao cho tôi làm công tác huấn luyện quân sự cho những anh em từ ngoài Bắc vào qua Ninh Hòa, hoặc đi nữa vào tận Nam Bộ, hoặc rẽ lên Buôn Mê Thuột. Huấn luyện quân sự ở cái năm đã xa xôi ấy là như sau : "Tổ súng máy bắn, nổ súng trường tiến. Tổ súng trường bắn, tổ súng máy tiến...". Cứ lấy cái sân bóng ở Ninh Hòa mà bày binh bố trận, thấy đội hình tiến lui nhịp nhàng, uyển chuyển là đã hài lòng lắm. Lại nhớ cái tết năm 1946, còn cách vài ngày nữa là tết, đang ngồi với trung đội bàn tán về cách đánh du kích thì địch ập đến. Nổ súng lung tung một chập, mình chạy, quân Pháp dồn đuổi đến tận chân đèo Dốc Mỏ. Lại dắt nhau chạy nữa, qua đèo Dốc Mỏ mất hai đêm hai ngày sang tận Đồng Bò, quên mất cả chiến tranh du kích. Khi được gặp anh Nguyễn Sơn ở trường tiểu học Tuy Hòa, anh mắng là lũ bại trận, lũ chạy dài, mặt thắng nào thắng ấy cứ đực ra. Nó đánh rát thì mình phải chạy, không chạy thì đưa ngực ra hứng đạn sao? Nghĩ thế, nghĩ một cách thơ ngây và đơn giản như thế. Nhớ lại cái năm đã rất xa ấy, thương vô cùng, mà nhớ cũng vô cùng. Giả thử có ai hỏi vào cái năm ấy ta sẽ thắng Pháp bằng cách nào cũng rất khó trả lời. Nhưng nhất quyết là phải đánh, đánh rồi lại rút, rút nhiều nơi, rút mấy năm liền, nhưng vẫn cứ phải đánh. Đánh mãi rồi cũng tìm được ra một cách đánh. Đánh đến trận Điện Biên Phủ thì thấy cái sự thắng nó đã là lẽ tất nhiên rồi.

"Cái đêm ngồi ở chỉ huy sở của sư đoàn 10, bị pháo 155 của bọn dù đập đúng, chết mất một đồng chí thông tin đi cùng, cả đêm tôi không ngủ một lúc nào. Trong đêm ấy tôi biết một cách chắc chắn là chúng ta sẽ giải phóng toàn miền Nam trong mùa Xuân này, là cuộc khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng kéo dài đã ba chục năm đang tiến dần tới những giây phút sau chót. Vì tin là thế, biết chắc chắn sẽ là thế nên sự vắng mặt đột nhiên của người này người kia hóa ra đau đớn vô cùng. Lại nghĩ đến trận đánh đầu tiên trong đời và người bạn thân nhất đã hy sinh trong trận đánh đầu tiên của năm ấy. Năm ấy anh cũng chỉ trạc tuổi tôi, hăm ba hăm bốn tuổi. Mãi mãi anh là một chàng trai hăm bốn tuổi. Đồng chí thông tin vừa hy sinh trong đêm cũng chỉ mới ngoài hai mươi. Mà người hy sinh đêm nay chưa phải là người sau cùng. Nếu người sau cùng lại là tôi thì tôi rất mãn nguyện, vì tôi đã được tận mắt nhìn thấy Cách mạng đang toàn thắng. Ngồi trên xe trở lại đoạn đường 21 về Buôn Mê Thuột vừa băng khuâng, vừa lạ lùng. Có bao nhiêu sự trùng hợp rất ngẫu nhiên mà ngỡ đâu như đã được chọn lọc, đã được sắp xếp từ trước để tạo ra một kết thúc lý thú và có hậu. Cũng đoạn đường này lần đầu tiên được biết thế nào là chiến tranh, rồi cũng vẫn đoạn đường này được chứng kiến những ngày sau cùng của một cuộc chiến tranh. Ở cái năm đã rất xa, mấy chục người súng thiếu, đạn thiếu, kinh nghiệm đánh giặc lại càng thiếu, bỏ chạy trước một tiểu đoàn quân viễn chinh Pháp, từ Buôn Mê Thuột xuống đến Ninh Hòa. Ba chục năm sau, nhìn một cánh quân nào pháo nào xe, nào súng lớn súng nhỏ, ầm ầm tiến xuống miền duyên hải để tiêu diệt nốt nhưng đơn vị còn lại của một quân đoàn nguy được gọi là mạnh. Lúc mới đến vùng đất này, tóc hãy còn xanh, còn rất xanh, khi trở lại, chưa hẳn là một ông già, nhưng tóc đã bạc trắng. Trong cánh quân tiến đánh Nha Trang, trong cánh quân tiến đánh Tuy Hòa, có nhiều anh em đánh trận này là trận đầu tiên. Đánh là thắng ngay, nổ súng là đuổi giặc, chỉ một bước nhảy đã đứng ngang hàng với những người hành quân từ ba chục năm về trước. Họ là những người đến may mắn. Nhưng sự may mắn của họ đã được chuẩn bị gian khổ từ nhiều năm. Nên nghĩ là quá dễ, là quá thuận, là của trời cho. Rồi đến lượt họ cũng lại phải chuẩn bị nhận nài, chuẩn bị gian nan trong một chục năm, hai chục năm, có thể là ba chục năm cho sự nghiệp xây dựng và hoàn thành chủ nghĩa xã hội. Chỉ mong rằng khi gặp khó khăn, gặp trở ngại thì họ chớ vội nản, chớ vội buồn, chớ vội nghĩ rằng : "Không xong rồi, hỏng hết cả rồi, phải tìm một cách khác thôi". Muốn giành được độc lập và tự do thì không có cách nào khác là cầm súng đánh đuổi quân xâm lược. Muốn giữ được độc lập và tự do mãi mãi thì cũng không có cách nào khác là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng một nước Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa có thể còn khó hơn cả những năm dài đánh giặc, rồi sẽ có những trận thắng, và cũng có cả những trận thua. Tự mình vạch ra một

cách thức cho riêng mình thì phải biết gánh chịu những sự thắng, sự thua rất tất nhiên đó. Hãy tin ở tương lai, hãy tin ở những thế hệ sẽ tiếp nối. Nếu như chúng ta tự nghĩ không có điều gì đáng phải hổ thẹn với ông cha, thì những lớp người tới sau chắc chắn cũng sẽ không có điều gì đáng phải hổ thẹn với chúng ta cả. Một dân tộc đã được hoàn toàn giải phóng, dân tộc đó sẽ làm nên những việc phi thường.

“Thời đại Hồ Chí Minh là thời đại của những thay đổi phi thường”.

Tết Bính Thìn

XUÂN THIỀU

BẮC HẢI VÂN XUÂN 1975

I. KỂ CHUYỆN TỪ KHU NHÀ THUỘC VỀ NGƯỜI CHIẾN THẮNG

Kể lại những điều hiểu biết về chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 ở Trị Thiên - Huế cho một nhà báo nghe, tôi chợt nhớ cách vài hôm trước đây có một tin vắn đăng trên báo *Nhân dân*. Tin về tên bại tướng Lâm Quang Thi đã xin được chân bồi bàn ở một tiệm rượu bên Mỹ. Tôi khoe cái tin này với các bạn bè trong phòng tác chiến chúng tôi. Lại thay, không ai bình luận gì cả. Có anh đọc xong đoạn tin, tùm tùm cười. Có anh ghé mắt nhìn qua một tý rồi dừng dừng làm việc mình. Có anh còn phũ phàng gạt tờ báo ra, chắc lưỡi coi như chuyện Lâm Quang Thi làm bồi bàn là tất nhiên, tin này có gì mà quan tâm. Riêng tôi, tôi lại thấy thú vị. Thoạt tiên tôi bỗng buồn cười cho một kiếp người. Sau đó, tôi để trí tưởng tượng của mình bay đến một thành phố xa lạ, ồn ào, với những ngôi nhà cao tầng, với những dòng người và xe nườm nượp hối hả. Trong một khách sạn trang trí lộng lẫy, có một anh chàng bồi bàn da vàng đang chạy băng nhăng giữa đám khách da trắng trong tiếng nhạc giạt cuồng loạn, tiếng dao đĩa cốc tách va vào nhau, tiếng cười nói la hét, huýt sáo của những người say :

- Ê bồi. Thêm một "Mác-ten"! Cho nhiều Sô-đa vào!
- Ê ông lỏi da vàng! Sâm banh mau lên!
- Này! Vang trắng còn nữa không?

Hắn quay cuồng bận rộn, luôn mồm : thưa ông, thưa cô thưa ngài,... Hắn đang học cách bung khay làm sao cho đi đứng thật uyển chuyển như múa. Ở Mỹ, nhìn người da vàng hầu bàn, không ai ngạc nhiên. Dù sao thì với hình dáng nhỏ bé, tóc đen, mũi tẹt với màu da vàng đục, với cách phát âm tiếng Anh còn cứng, hắn cũng trở nên một thứ lạ mắt. Còn lạ mắt hơn là khi khách hàng biết được rằng hắn vốn là tên tướng bại trận ở Việt Nam, một tướng ba sao cơ đấy. Người ta thích gọi hắn hầu bàn nhất là tụi sĩ quan hoặc lính tráng sống sót ở Việt Nam trở về. Hoặc vì tò mò để nghe thằng da vàng nói năng ngô nghê cho vui. Hoặc vì muốn hả dạ, để thằng tướng xưa kia biết thế nào là hầu hạ kẻ khác. Hoặc vì thương hại, tội nghiệp anh chàng. v.v.. Có điều là hầu như ai cũng gọi chuyện với hắn :

- Thế nào? Anh bạn người Việt Nam à? Di tản sang chẳng?
- Thưa ngài, vâng.
- Hồi ở bên nước, đằng ấy làm nghề gì?

Hắn chỉ muốn quát vào mặt người đối thoại rằng, mày hỏi xỏ tao hả, mày coi thường tao hả? Tao đã từng là cấp tướng, gọi một tiếng là hàng trăm thằng như thứ mày chạy đến hầu hạ. Tao từng cộng ly thân hữu với các tướng lĩnh cao cấp Hoa Kỳ : Oét-mô-len, A-bra-ham,... Tao đã từng... chợt nhìn cái khay bung trên tay, hắn sực tỉnh, hiểu ra thân phận mình lúc này. Hắn cười gượng :

- Dạ, làm nhí nhằng thôi ạ!

Hắn ồm ồm đánh trống lảng, cố quên cái quá khứ xấu xa nhục nhã đi. Nhưng quá khứ chưa xa. Một bước ngoặt cuộc đời xảy ra cách đây sáu bảy tháng sao gọi là xa được? Hắn chưa quên thời kỳ vàng son của hắn - thời kỳ còn là trung tướng Lâm Quang Thi tư lệnh phó quân đoàn 1, quân khu 1, tư lệnh tiền phương vùng bắc Hải Vân - người chỉ huy cao cấp nhất ở Huế. Nói bước ngoặt cuộc đời cũng là thi vị hóa, chứ cái nghề làm tướng của Lâm Quang Thi thực chất cũng chỉ là anh bồi bàn cho thằng Mỹ mà thôi. Nhưng kệ thân cuộc đời hắn. Cuộc đời làm tướng tay sai của hắn có gì mà quan tâm? Sở dĩ đọc xong cái tin kia, tôi thấy thú vị có thể do cá tính của tôi, một thứ cá tính không biết nên khen hay nên chê. Tôi là trợ lý phòng tác chiến quân khu, nhưng anh em hay trêu tôi là người mơ mộng. Công việc ở phòng tác chiến là một công

việc đòi hỏi tính cụ thể, chuẩn xác, khoa học, vậy mà anh em đùa như thế, nghe ra dễ bị méch lòng, song tôi biết không ai có ý châm biếm chế giễu mình. Thú thật, chẳng qua thỉnh thoảng tôi cũng nổi hứng làm đôi bài thơ (thơ tôi là loại thơ vườn đến nỗi gửi sang báo Quân giải phóng Trị Thiên - Huế, cũng thường được góp ý kiến chứ ít khi được đăng. May phúc mà được đăng thì hầu như ban biên tập đã phải sửa đến nửa bài rồi). Tôi lại vốn là người đa cảm. Nghe một tiếng chim kêu thốt thiết giữa trời hoàng hôn, nhìn những đợt sóng vỗ hoài vào ghềnh đá cam chịu, tôi thấy lòng mình chợt buồn, nỗi buồn của một người cô đơn. Đang đi giữa rừng bỗng thấy phía trước mở ra một thung lũng đầy nắng và hoa mua tím, tôi chỉ muốn reo lên. Cái cảm giác vui vẻ tràn dâng trong người khiến tôi chỉ muốn trở thành trẻ nhỏ, chạy tung tăng giữa nắng, ngắt những cánh hoa, đặt lên lỗ hổng nắm tay, dùng tay kia đánh một cái bốp. Cánh hoa này rách đã có cánh kia, lo gì. Mỗi cánh hoa là một tiếng nổ. Tiếng pháo tuổi thơ đấy!

Đầu óc tôi rất dễ liên tưởng. Đang vẽ bản đồ chiến lược trận tập kích đồi 235 chợt nhớ tới chúng bạn thân hy sinh trong trận ấy, thế là nước mắt cứ giàn giụa. Ngồi gói thủ pháo với anh em, tôi là người đầu tiên nhắc tới chuyện gói bánh chưng, bánh tét, và lẽ dĩ nhiên chính tôi cũng đâm ra nhớ nhà...

Ừ nhỉ! Tôi là người hay liên tưởng. Bởi vậy, đọc xong cái tin vắn về tên bại tướng Lâm Quang Thi đã thành anh bồi bàn kia, tôi lảng lảng rời bàn làm việc, đi ra hành lang lầu hai, tỳ tay vào lan can, nhìn ra toàn khu Mang Cá, nơi cách đây không lâu còn là sào huyệt của tên bại tướng Lâm Quang Thi. Nói cho đúng hơn, không phải sào huyệt của riêng hắn mà của hàng lô hàng lốc tướng tá nguy khác. Chẳng hạn như tên trung tướng Ngô Quang Trưởng tư lệnh quân đoàn 1, tư lệnh quân khu 1 - một thứ người hùng kiểu Mỹ, một tay đại bọm đầu cơ chính trị và ma mãnh gian ngoan trong mánh khéo đề cao uy tín cá nhân. Với dáng người gầy gò xấu xí nét mặt lúc nào cũng lạnh như tiền, hắn rất ít nói; chỉ nói lúc cần quyết định, cần ra lệnh. Hắn không bao giờ nhắc đến cái tỉnh Kiến Hòa (Bến Tre), quê hương hắn với những cù lao Minh, cù lao Bảo với những kênh rạch và những nếp nhà lợp bằng lá dừa nước, dù để khoe khoang cái cơ nghiệp đại địa chủ của cha hắn mà hắn đã ăn xài thỏa thuê. Lúc còn trẻ tuổi, hắn cũng không bao giờ nói ra là bằng cách nào mà hắn cuỗm được vợ một tay đại úy về làm vợ mình. Ấy thế, nhưng hắn vẫn để cho người ta biết hắn còn mang một mảnh đạn trong phổi. Một mảnh đạn của Việt cộng nhứt nhối trong người lúc hắn còn là trung úy. Và đáng lý hắn được giải ngũ, thì hắn tình nguyện ở lại quân đội thề chống cộng suốt đời, và hắn đã ở lại với ba nguyên tắc sống nổi tiếng bỉ ổi. Một là, bằng mọi giá phải làm vừa lòng cố vấn Mỹ, kể cả cố vấn cấp trên lẫn cố vấn đồng cấp (có lần hắn đã cống một cố vấn Mỹ bị thương chạy thoát chết, và vì thế hắn được thăng chức rất nhanh). Hai là, biết và dám nướng quân : thí quân lúc cần thiết cho một mục đích nào đó (tất nhiên là vì mục đích cá nhân). Thí quân không hề thương tiếc, không mảy may động lòng. Ba là, biết hướng về binh lính, mà tìm cách vỗ về phỉnh nịnh họ, vì họ là những con vật hy sinh. Với ba nguyên tắc sống tàn bạo và bỉ ổi ấy hắn dám gạt bỏ ngay những ham muốn này để phục vụ cho ham muốn khác. Vì thế, hắn đã gây được ấn tượng giật gân cho mọi người chung quanh.

Ở Đà Nẵng, hắn vẫn thường bay trực thăng ra Huế, đáp xuống cái khu Mang Cá này để kiểm tra, đôn đốc, để ra lệnh, hội họp. Để cho mọi người phải hiểu rằng hắn là tư lệnh quân đoàn 1, tư lệnh quân khu 1, người có quyền sinh quyền sát trong khu vực từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi.

Bà con ở Huế vẫn nhắc tới Ngô Quang Trưởng với mùa hè năm 1972, khi ta tiến công giải phóng Quảng Trị, đuổi địch đến sông Mỹ Chánh. Hồi đó, Ngô Quang Trưởng được phái đến thay Hoàng Xuân Lãm đã bị gọi ra tòa. Tên tướng gian ngoan này đã lớn tiếng trên đài phát thanh Huế tuyên bố tử thủ, quyết tâm bảo vệ cố đô đến giọt máu cuối cùng. Giữa cái thành phố đã rã rời hoảng loạn, tiếng nói của hắn ít ra cũng vỗ về trấn an được phần nào tui nguy quân, nguy quyền. Tiếc thay, hồi đó ta chưa đủ mạnh để giải phóng được Thừa Thiên - Huế, nên bỗng nhiên, lời nói dóc của hắn hóa ra ứng nghiệm. Một số người nhẹ dạ tăng bốc hắn, cả đàn cả lũ tui ác ôn đề cao hắn và hắn cũng biết cách đi bách bộ dọc đường Trần Hưng Đạo để đám thanh niên nuôi rìa mép nửa say nửa tỉnh trong các quán rượu, quán cà phê đổ ra đường đứng nghiêm chào hắn, hò hét suy tôn hắn là bậc anh hùng. Bà con ở Huế nhắc tới năm 1972 để giễu hắn năm 1975 này. Giễu hắn vì "bé cái nhảm", hắn lại huênh hoang tuyên bố "... dẫu có chết, hắn cũng sẽ sẵn sàng chết trên đường phố Huế". Buồn cười thay, hôm 25 tháng 3 năm 1975

không có xác chết nào trên đường phố Huế cả, và hẳn vẫn sống mạnh khỏe ở Đà Nẵng, chỉ phải uống một ly rượu mạnh, để tự trấn an tinh thần mình.

Dưới trướng Ngô Quang Trưởng, ngoài Lâm Quang Thi ra còn nhiều tên khác : Tên thiếu tướng tư lệnh phó quân dân phụ trách các tiểu khu (tức là phụ trách bình định) Hoàng Vinh Lạc, tên đại tá tham mưu trưởng quân đoàn 1 Hoàng Mạnh Đán, tên đại tá Hy tham mưu trưởng quân đoàn 1 tiền phương, tên đại tá Duệ tiểu khu trưởng Thừa Thiên, tên chuẩn tướng Nguyễn Văn Diêm tư lệnh sư đoàn 1 bộ binh, tên chuẩn tướng Bùi Thế Lân và tên đại tá Nguyễn Thành Trí chánh, phó tư lệnh sư đoàn thủy quân lục chiến, tên chuẩn tướng Lê Quang Lương tư lệnh sư đoàn dù, tên đại tá Dũng, lữ trưởng lữ đoàn 1 thiết kỵ, tên... Ô, nhiều tên khác không thể kể hết. Những tên tướng tá bại trận ấy đã có một thời vênh váo vào ra khu Mang Cá này, cái hang ổ đầu não dù để chỉ huy toàn bộ quân nguy ở Trị Thiên - Huế mà chúng còn gọi là bắc Hải Vân. Giờ đây, thằng thì đã cao chạy xa bay sang nước ngoài, thằng thì vào các trại cải tạo của ta, và có thằng đã xanh cỏ. Tôi đã bắt gặp chúng nó rạng ngày Bộ tư lệnh quân khu về đóng ở Mang Cá. Chúng phơi mặt ra trên những tấm ảnh vương vãi khắp sàn nhà, cầu thang, hố xí những chiến sĩ của sư đoàn 325, 324 của trung đoàn 6 đã lôi chúng từ những quyển "an-bom" lưu niệm, từ những khung ảnh treo tường, từ những ngăn kéo, ô bàn, ô tủ, v.v.; và sau khi chửi thề chửi đổng vài câu đã xé đôi, xé ba, xé tư, ném tung ra đất cho những khuôn mặt béo phì đầy hãnh tiến của một thời, tha hồ ngắm để giày để dép cao su Quân giải phóng. Cùng vương vãi với những khuôn mặt nhóp nhép ấy là cờ xí, quần áo rằn ri, kê-pi, bê-rê.. mũ đồng; là những huy hiệu tạp nham mang hình chim ưng, trâu điên, hổ vằn, ngựa trắng, ... ; là súng đạn các loại, là giấy tờ, tài liệu, báo chí bay tung lên như bướm bướm mỗi lần có trận gió qua; là chân dung tên bán nước Nguyễn Văn Thiệu bị gạch chéo hoặc bị chọc thủng mắt; là dây thép gai, vỏ đồ hộp mang nhãn hiệu Mỹ, Đài Loan hoặc Nhật Bản.

Bây giờ, tất cả những thứ rác rưởi ấy đã được thu dọn từ lâu. Khu Mang Cá đã trở thành doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ tham mưu chúng tôi làm việc ở đây. Cục chính trị ở kia và đằng sau chúng tôi là Cục hậu cần, Cục kỹ thuật.

Lúc này, vừa vào đầu giờ làm việc của buổi sáng, doanh trại trang nghiêm. Các chiến sĩ vệ binh đứng gác, vài chiếc hon-da tắt máy dất bộ qua cổng. Phía ngoài cầu Kho là áo màu, là xe cộ nổ máy, là cuộc sống bình thường của nhân dân. Tiếng súng đã tắt, vĩnh viễn tắt rồi. Một cuộc sống hòa bình đang mở ra... Bất giác, tôi ngược nhìn lên và bắt gặp lá cờ đỏ sao vàng đang uốn lượn trên cột cờ giữa sân. Cái màu đỏ như có hơi thở ấy đang phập phồng in lên những đám mây màu xám cừ.

"Đã ba mươi năm..." - Tôi thầm kêu lên. Đã ba mươi năm, kể từ ngày tôi nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên. Hồi đó, tôi chỉ là một chú bé con bạn quần xà lỏn chạy đi "coi" người lớn giành chính quyền ở huyện. Bây giờ tôi đã đến bốn mươi, lác đác vài sợi tóc bạc. Ba mươi năm, qua hai cuộc kháng chiến ác liệt để hôm nay lá cờ đỏ sao vàng bay lượn trên cột cờ khu Mang Cá như một sự khẳng định chiến thắng. Niềm tự hào trào dâng trong lòng, tôi đưa tay lên chấm những giọt nước mắt ứa ra trên mi, chỉ sợ ai trông thấy.

Với một tâm trạng xúc động như thế, tôi cứ lững thững đi dọc hành lang, xuống cầu thang, đi dọc hành lang tầng dưới - nơi có những bao cát xếp chồng lên nhau thành một bức tường bảo vệ. Có thể quên đi cái hang ổ của tụi nguy xưa kia, bởi vì khu Mang Cá bây giờ gọi lại cho tôi cái cảm giác quen thuộc của khu doanh trại quân đội ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định - những khu doanh trại do Pháp xây để lại cổ lỗ xấu xí nhưng được cái chắc chắn, vững chãi. Lại vẫn cờ, khẩu hiệu, ảnh Hồ Chủ tịch trang trí ở các phòng. Lại vẫn những cán bộ bạn quân phục "ga- bác-đin" hoặc vải chéo xanh, quân hàm đeo trên ve áo, ngồi làm việc hoặc đi lại bận rộn. Lại vẫn phích nước, ấm chén - và có khi còn có cái ống điều thuốc lảo lảo bằng "duya- ra" máy bay Mỹ - đặt trên bàn uống nước, lại vẫn những dây giường cá nhân, chăn màn xếp gọn ghẽ vuông góc và những chiếc hòm gỗ giản dị vừa là tủ vừa là bàn đêm.

Cuộc sống của một doanh trại ổn định tạo nên cái không khí quen thuộc. Dấu tích của đội quân chiếm đóng và đội quân đánh thuê còn lại trên những chiếc tủ, chiếc bàn bằng kim loại nặng nề, trên những chiếc ghế dựa có bánh xe, có trục xoay di chuyển tiện lợi, trên những chiếc quạt hai cánh của hãng "Giê-nê-rôn ê-léc-tơ-rích" Mỹ, to tổ bố, cao lênh khênh đặt ở góc

phòng.

Không - tôi tự cãi mình - dấu tích của chúng còn khá nhiều, rải rác đó đây từ câu viết bậy trong hồ xí đến lá cờ sọc dưa dùng làm giẻ lau xe đạp Nhưng tập trung hơn cả, có lẽ là khu nhà hầm "trung tâm hành quân". Đây là một thứ nhà hầm hình chữ nhật, khá rộng lớn, đắp nổi bằng nhiều tầng bao cát xếp dày, đạn đại pháo 130 ly không xuyên thông, có hàng rào thép chống đạn B.40 bao quanh. Nhà "trung tâm hành quân" này bây giờ trở thành một thứ bảo tồn để nghiên cứu, để nhìn vào đó càng tự hào về chiến thắng của ta.

Một ý nghĩ ham muốn xem lại chợt đến, mặc dù tôi đã quá quen thuộc với ngôi nhà này, tôi quay về phòng tác chiến mượn cái chìa khóa. Chẳng vì nhà này do phòng tác chiến chúng tôi quản lý. Đây là nơi chúng tôi chứa tất cả mọi thứ tài liệu quân sự của địch và tất nhiên cũng là nơi thuận tiện để chúng tôi cất hon-đa, xe đạp mỗi lần đi phép hoặc đi công tác xa không cần đến. Tính tôi hay hình dung ra như thế, khi mở khóa đánh tách một cái, là tôi hình dung ra tên đại tá Hy đang đứng thẳng người giơ tay lên vành mũ kê-pi chào bọn quan trên Ngô Quang Trưởng, Lâm Quang Thi, v.v.. Hẳn đứng chào ngay cạnh cửa hành lang nơi có dán bản quy định cho tất cả các sĩ quan đi vào "trung tâm hành quân". Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ khôi hài : "...Riêng tớ thì được miễn chứ!". Cái hành lang tối lờ mờ bỗng chốc sáng bừng lên khi tôi ấn vào công tắc bên tường. Liên tiếp các buồng khác được sáng đèn. Một mùi mốc vì thiếu hơi người. Những dãy bàn ghế trống không. Vẫn treo nguyên trên tường là các bản theo dõi, thống kê, quy định nhiệm vụ sĩ quan trực chiến, các loại bản đồ được đánh dấu bằng bút chì màu. Chúng nó vẫn còn kia chẳng? Những tên sĩ quan tham mưu trực tác chiến, tình báo, trực không quân, trực pháo binh, công binh, thông tin, sĩ quan trực hải quân, tiếp liệu, v.v., những tên đeo hoa mai trên ve áo, tóc râu đều sức dầu thơm còn ngồi sau những chiếc bàn kia chẳng? Thực ra, tôi đã gặp chúng trong các trại cải tạo, đang đánh trần ra chắt gỗ dựng nhà, hoặc đang im lặng nghe bài giảng vỡ lòng đầu tiên : thế nào là nước Việt Nam, thế nào là đế quốc Mỹ.

Thực ra trước đó nữa tôi đã gặp chúng giơ tay đầu hàng dọc con đường xuống cảng Tân Mỹ bên cạnh ngổn ngang xác xe tăng, xe jeep, xe vận tải các loại - cái thì chống kênh dưới ruộng, cái thì bẹp gí, vỡ mặt, cái thì cháy ra màu gỉ đỏ. Thực ra bạn bè tôi đã tóm được chúng trên các nổng cát dưới Hà Thanh, Hà Úc, Tư Hiền - những tên ngoan cố nhưng bất lực không thể chạy ra biển trong lúc tàu bè ngoài khơi bị trúng đạn pháo ta bốc cháy.

Bây giờ chúng không thể nào còn ở trong ngôi nhà hầm này nữa, mà tôi vẫn tưởng tượng ra chúng. Nhưng lạ chưa, chúng trở nên bất động y như người trong cuốn phim dùng thủ thuật cho dừng hẳn lại. Khuôn mặt thẳng nào cũng trở nên cứng đờ như đắp bằng thạch cao. Phải chăng cái ảo giác này là do từ cái không khí chết lặng của căn phòng mà thời gian dường như đã chấm dứt, đã dừng hẳn theo tờ lịch treo tường chỉ rõ ngày 25-3-1975.

Tôi đứng trước những tấm bản đồ ở buồng chỉ huy được thiết kế như những cánh cửa tử xếp chồng lên nhau. Tấm bản đồ miền Nam Việt Nam đã được gạch xiên và khoanh viền lại bằng bút chì than ở toàn bộ Tây Nguyên, ở Tam Kỳ, Quảng Ngãi và Quảng Trị - đánh dấu những vùng đất đã mất vào tay quân ta. Đây là lần ghi cuối cùng của tên sĩ quan tham mưu trực chiến, sau đó chắc hẳn không còn đầu óc nào mà ghi vào bản đồ nữa, hẳn lo thu xếp vợ con gia đình và thu xếp lấy cái thân hắn. Nhưng chỉ mới chừng ấy thì nhìn lên bản đồ, cũng đã thấy Huế - Đà Nẵng trơ ra như một cù lao, lọt thỏm giữa những vòng vây thít chặt.

Tôi lần lượt mở những cánh cửa tử khác. Những tấm bản đồ Trị Thiên - Huế mỗi cái có một tác dụng theo dõi riêng cũng lần lượt hiện ra. Hầu như bản đồ nào cũng được ghi chép, đánh dấu vào những ngày đầu của chiến dịch. Sau đó, hoặc vì tự lừa dối để trấn an tinh thần ngay trong bộ tư lệnh tiền phương của chúng, hoặc vì không đủ minh mẫn sáng suốt để làm việc, chúng đành bỏ.

Giờ đây, trên tấm bản đồ bố trí lực lượng của chúng đã chết lặng tất cả ký hiệu những đơn vị, những sân bay, hải cảng, những căn cứ, sở chỉ huy chi khu quân sự, v.v. Đã chết lặng tất cả binh quân chủng của đội quân tay sai ngoại bang : bộ binh, pháo binh, dù, thủy quân lục chiến, thiết giáp, không quân, hải quân, cảnh sát, ... Đã chết lặng trên màu xanh bút chì những phiên hiệu quen thuộc : lữ 2 dù, lữ 147, 258, 369 thủy quân lục chiến, trung đoàn 1, 3, 51, 54 thuộc sư 1 bộ binh, liên đoàn biệt động 15, 14, liên đoàn bảo an 913, 914, lữ 1 thiết kỵ, thiết đoàn 20,

v.v.. Có điều là những ký hiệu biểu thị lực lượng của chúng quả là dày đặc, chen chúc trên bản đồ từ Thanh Hội - Long Quang qua Tích Tường - Như Lệ về tây Hải Lăng, tây Phong Điền kéo xuống đường 12, đường 14, vào tận Lăng Cô, Hải Vân. Hãy tưởng tượng xem hơn bốn chục tiểu đoàn với trang bị hiện đại của Mỹ cùng với năm vạn dân vệ, phòng vệ dân sự, tất cả gồm mười một vạn tay súng đã từng hoành hành trên mảnh đất Trị Thiên nhỏ bé này. Cảm giác của ta trở nên lạnh tanh, rợn người vì sự va chạm của sắt thép; cảm giác của ta trở nên chật chội khó thở vì đi đâu cũng vấp phải thằng người cầm súng. Vùng trời bị rạch nát vì những đường bay của hàng trăm phi vụ, những đường đạn đại bác cháy bỏng không gian. Chen trong tiếng sóng vùng biển, trên các cảng Mỹ Thủy, Thuận An, Tư Hiền là tiếng động cơ của các loại tàu chiến và tiếng nổ đầu nòng của đại bác tầm xa...

Sức mạnh của chúng hiển nhiên phơi bày ra như thế, vậy mà chỉ trong vòng hai mươi ngày (từ ngày 5 tháng 3 năm 1975 đến ngày 25 tháng 3 năm 1975) đã tiêu tan. Điều gì đã khiến cho một đạo quân hùng hùng hổ hổ như vậy bỗng nhiên bị đè bẹp một cách nhanh chóng?

Bất giác, tôi lật thêm một cánh cửa tủ, và trước mắt tôi là cái bản đồ ghi chép theo dõi lực lượng của ta. Những ký hiệu kèm theo mũi tên đỏ từ Trường Sơn thọc xuống, từ phía bắc ép vào. Quả thật, thằng địch hiểu ta không sai mấy : Sư đoàn 324, sư đoàn 325 thuộc quân đoàn 2 tiến công từ Mỏ Tàu vào đến núi Kim Sứ, Luới Cái; Trung đoàn 271 ở La Sơn, trung đoàn 6 ở núi Chúc Mao, đèo Sơn Na, trung đoàn 4 và phía sau là trung đoàn 46 ở tây Phong Điền, lữ xe tăng 203 ở A Luới, tiểu đoàn 3 ở nam Cửa Việt, tiểu đoàn 8, tiểu đoàn 10 ở tây Hải Lăng, tiểu đoàn 21, tiểu đoàn 5 ở Lăng Cô, Hải Vân, v.v... Tất nhiên chúng có sai một số chi tiết như có chỗ chúng đã đặt cả sư 308, sư 341 vào vùng Gio Linh- Cam Lộ. Đấy lại là chuyện khác, chuyện về công tác nghi binh tài giỏi của ta. Nhưng điều quan trọng hơn hết là chúng không làm sao hiểu rõ và ghi chép được những biểu hiện đầy đủ về sức mạnh. Sức mạnh của ta đâu chỉ riêng những sư đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn từ bàn đạp Trường Sơn thọc xuống mà còn hàng chục vạn nhân dân đang làm ruộng, đồn cửi, buôn bán, học hành, còn cả những người lính tinh táo trong hàng ngũ chúng. Sức mạnh của họ đều là những trái bom hẹn giờ. Sức mạnh đâu chỉ trong khẩu AK cầm tay, trong những viên đại pháo 130 ly, trong những chiếc T54, trong các loại A72, tên lửa... mà sức mạnh còn trong trái tim, khối óc những người làm chủ vũ khí chiến đấu. Sức mạnh không chỉ ở lực mà còn ở thể nữa - cái thể ta đã giành phần ưu từng bước và vừa qua đã đến điểm áp đảo kẻ địch. Sức mạnh còn là sự tổng hợp của ba thứ quân, sự chặt chẽ của ba mũi giáp công, sự nhịp nhàng giữa tiến công và nổi dậy, sự uyển chuyển của đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, ...

Kẻ địch không làm sao hiểu nổi sức mạnh của ta, nên đã từ bàng hoàng, hốt hoảng đến tan rã nhanh chóng. Tan rã và thất bại hoàn toàn.

Tôi lần lượt đóng những cánh cửa tủ lại, để cho những tấm bản đồ quân sự của một bộ tư lệnh bại trận nằm yên cùng với tờ lịch trên tường dừng hẳn trong ngày 25 tháng 3 năm 1975. Ngôi nhà "trung tâm hành quân" này trở nên một thứ nhà mồ. Dấu tích của một đạo quân tay sai của đế quốc Mỹ, một đạo quân gần 11 vạn tay súng ở Trị Thiên - Huế này đã chôn vùi trong đó.

*

* *

Ngoài sân, nắng đã lên màu mật ong xua tan cái giá rét mấy hôm nay. Có tiếng cười tiếng nói chuyện vui vẻ ở tam cấp nhà Bộ tham mưu. Tôi thấy đủ mặt các đồng chí trong Bộ tư lệnh quân khu : thiếu tướng Lê Tự Đồng, thiếu tướng Hồ Tú Nam, đại tá Dương Bá Nuôi, đại tá Nguyễn Chi, đại tá Trần Văn Ân, ... cạnh đó còn có đồng chí thượng tá tham mưu trưởng, người đã mất cánh tay phải trong trận Thanh Lam Bồ hồi chống Pháp và suýt mất nốt cánh tay trái trong chiến dịch 1972 ở Quảng Trị. Đồng chí thượng tá cục trưởng chính trị, một cán bộ vui tính mà chúng tôi hay gọi đùa là "nhà thơ mũi mác". Và một số cán bộ khác nữa. Có lẽ vì nắng ấm và vì câu chuyện trong giờ giải lao quá vui vẻ, nên ai cũng cười nói rất tươi, nét mặt đỏ au.

Bây giờ đã xóa hẳn dấu chân của tụi Ngô Quang Trưởng, Lâm Quang Thi, Hoàng Vinh Lạc,... Trên sân Mang Cá này là những con người đại biểu của chiến thắng. Chợt nhớ tới những ngày Bộ tư lệnh quân khu phải nương nhờ trên đất Mường Noòng bên nước bạn, những ngày về đứng chân trong khu rừng Cao Bồi trên biên giới Việt Lào. Những ngày mà anh em ở cơ quan Bộ tư lệnh chúng tôi mỗi bữa chỉ được một lạng gạo, chủ yếu sống bằng rau rừng mà vẫn định ninh một lời hứa son sắt, một lời thề nhất định có ngày sẽ trở về với Huế. Chao ôi, niềm tin của chúng ta thật là mãnh liệt!

II. SỰ TÍCH NIỀM TIN VÀO THẮNG LỢI CUỐI CÙNG

Dĩ nhiên, niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của chúng ta không phải vô căn cứ. Chúng ta đã thắng từ năm 1945, 1954, 1960, 1965, 1968, 1972, 1973,... thắng từng bước - những bước chắc chắn, vững vàng như thế đứng Trường Sơn. Nhưng trước mùa xuân 1975, chúng ta vẫn thường tự hỏi, bao giờ thì thắng lợi hoàn toàn, thắng lợi vĩnh viễn; bao giờ thì ước nguyện cao cả của chúng ta là đất nước được thống nhất mở ra sau đại thắng của cách mạng Việt Nam? Bao giờ đây hờ thời gian?

Không ai tiên đoán được ngày 10 tháng 3 năm 1975 ta giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Mê Thuột buộc địch sau đó phải rời bỏ toàn Tây Nguyên. Không ai tiên đoán được ngày 25 tháng 3 năm 1975 nhiều mũi tiến công đã bao vây chia cắt rồi chọc thủng vào Huế, cắm cờ lên cửa Ngọ Môn. Không ai tiên đoán được chỉ bốn hôm sau ngày 29 tháng 3 năm 1975 chúng ta lại tiêu diệt cả một đạo quân: hàng chục vạn tên ở Đà Nẵng. Lại càng không thể tiên đoán được cái ngày rực rỡ nhất của dân tộc ngày 30 tháng 4 năm 1975 kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, lá cờ vinh quang của ta đã phấp phới bay trên dinh "Độc Lập" sào huyệt cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn.

Còn nhớ buổi chiều nắng nỏ ấy, tôi đang quét dọn vệ sinh ngoài đường, chợt thấy nhiều anh em chạy từ sân vào nhà trong tiếng gọi nhau í ới: "Sài Gòn giải phóng rồi! Sài Gòn giải phóng rồi!". Chúng tôi đứng im lặng vòng quanh chiếc đài bán dẫn nghe cô phát thanh viên với giọng xúc động khác thường đọc bản tin chiến thắng. Sau này tôi mới nhớ ra là giữa lúc tiếng vỗ tay hoan hô trong đài cứ vang vang, không hiểu sao anh em chúng tôi ngồi im như tượng. Cho đến khi có một người bạn khóc lên vì sung sướng, mọi người mới sực tỉnh và hầu như ai cũng lau nước mắt. Bây giờ là đến không khí hả hê.

- Trời ơi, tuyệt quá! Thiệt không ngờ!

Thiệt không ngờ! Đây là một tiếng reo. Không ngờ sự việc vĩ đại ấy lại xảy ra ngày hôm nay, xảy ra mau lẹ như thế? Thốt lên hai tiếng không ngờ vì cảm giác của ta vẫn còn gắn chặt với những ngày cách đây chưa xa. Những ngày còn chịu bom chịu pháo trong những khu rừng sừng nước lầy lội, những ngày phải chôn cất bạn bè, băng bó cho đồng đội. Những ngày chia nhau nửa bánh lương khô, nhường nhau hớp nước trong bì đông để đương đầu với một đội quân tay sai nước ngoài hàng triệu tên. Chao ôi! Chỉ trong thời gian ngắn như thế ta đã đè bẹp hoàn toàn một đạo quân hàng triệu tên với trang bị hiện đại của Mỹ. Thốt lên hai tiếng không ngờ, vì thực ra không ai tiên đoán được cái mốc cụ thể của thời gian xảy ra sự kiện lịch sử. Không tiên đoán được nhưng lại rất tin vào ngày thắng lợi hoàn toàn. Dường như ai cũng linh cảm được điều đó đã tới gần, tới mỗi lúc một gần. Tất yếu lịch sử sẽ như thế. Y như dòng sông nào cũng chảy về biển cả, như trái cây trên cành còn xanh tất một ngày kia sẽ chín... Có thể kể ra hàng trăm hàng nghìn câu chuyện về niềm tin này. Trong hơn hai mươi lăm năm bộ đội, tôi đã nhiều lần chứng kiến giây phút cuối cùng của đồng đội hy sinh, nhiều lần tiễn biệt bạn bè đi làm nhiệm vụ và cảm chắc sẽ không trở về. Trong những lời trăng trối, những lời dặn dò thật nhất ấy, tự đáy lòng nhất ấy bao giờ cũng lấp lánh niềm tin tất thắng.

Bây giờ không phải vì thắng lợi hoàn toàn rồi ta muốn nói thế nào thì nói, ta tha hồ lý lẽ về niềm tin, ta tha hồ biện luận về sự tiên tri của ước mơ. Đành rằng, cơ sở niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của chúng ta là dựa trên tính lô gích của xu thế phát triển xã hội. Nếu ở xa một chút,

đứng ngoài rìa cuộc sống một chút mà ngắm nhìn, mà cảm thụ, ta dễ thấy cuộc chiến đấu thật đẹp đẽ, thật lãng mạn. Và với một tấm lòng thành thật, ta sẵn sàng tin vào thắng lợi cuối cùng, một niềm tin còn dễ dãi còn quá mau lẹ. Hãy giáp mặt với cuộc sống, hãy giáp mặt với cuộc chiến đấu khốc liệt có một không hai trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, ta mới thấy hết giá trị của niềm tin. Có được niềm tin vào thắng lợi cuối cùng quả là một thứ vàng đã thử lửa. Ở chiến trường Trị Thiên - Huế, tôi chưa phải là chiến sĩ lâu năm nhất, có nhiều anh lẫn lộn từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám. Tuy vậy, đã qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ, tôi thấy những thử thách ở chiến trường đối với ý chí chiến đấu của người chiến sĩ thật khắc nghiệt. Giờ đây lớp người chúng tôi còn lại không nhiều, nhưng ít ai dám nói mạnh rằng, suốt bao nhiêu năm vào sống ra chết, không có trường hợp nào hoàn cảnh nào đã có thể ảnh hưởng tới niềm tin sắt đá của mình, dù chỉ trong chốc lát. Hiển nhiên là có những kẻ dao động ngả nghiêng, những người giảm sút lòng tin, thoái thác nhiệm vụ, trốn tránh chui rúc vào những nơi an toàn. Thậm chí có những người mất hết lòng tin, truy lạc và suy thoái đã trở thành những tên phản bội, chạy sang hàng ngũ địch, làm hại cách mạng. Số người này không nhiều nhưng cũng không phải ít. Lịch sử sẽ lướt đi trên đầu họ như lớp sơn màu quét lên vết bẩn trên bàn. Họ là những kẻ chiến bại, không có gì đáng nói tới. Đáng nói đến là những người đã chết, những người còn sống hôm nay - những người đã đứng vững qua bao nhiêu thử thách để trở thành người chiến thắng.

Quả thật, niềm tin không chỉ là khái niệm, trừu tượng nữa, mà đối với chúng tôi, có khi hầu như quá cụ thể đến nỗi mình có thể nắm bắt được, sờ thấy được. Nó hiện lên trên khuôn mặt từng người khi nổ súng, giữa trận B.52, lúc đói khát, bệnh tật, lúc lọt giữa vòng vây, khi nằm hầm bí mật dưới mũi thuôn đi xăm của thằng địch... Nó còn hiện lên khuôn mặt từng người qua từng bước thăng trầm của cuộc chiến đấu ròng rã ba mươi năm nay. Ba mươi năm chiến đấu với những kẻ thù hung ác và tàn bạo nhất của loài người tiến bộ. Ồi! Thời gian! Qua bao nhiêu thắng lợi và đau thương, thời gian hôn lên trán ta những nếp nhăn của tuổi tác, nhưng đồng thời như một phép nhiệm màu - thời gian ưu ái dành cho ta sự rắn rỏi chín chắn trong suy tư củng cố bồi đắp niềm tin cho ta, dành cho ta sự tích lũy cần thiết về ý chí và năng lực để chiến thắng hoàn toàn.

Lớp người tóc muối tiêu chúng tôi, khi rồi rãi ngồi uống nước trà tán chuyện với nhau, thường gặp nhau ở một cảm giác chung. Hầu như ai cũng ngạc nhiên không hiểu sao mình còn sống nổi tới ngày hôm nay. Có anh còn nói đùa rằng mình sống như vậy là có lỗi. Đây là một cách nói để so sánh với những người bạn đã hy sinh khi còn trẻ. Dầu sao, chúng tôi cũng còn thời gian để lập gia đình sinh con đẻ cái. Con cái chúng tôi đã có đứa trưởng thành. Ở cơ quan quân khu bộ, khối trường hợp hai cha con là đồng đội đồng chí của nhau. Rõ ràng là hai thế hệ, đây là chưa kể trường hợp cá biệt, ba thế hệ cùng có mặt ở chiến trường. Thế mới biết thời gian để chiến đấu đã quá dài, thời gian đủ để sinh sôi hai hoặc ba lớp người. Lớp người đi trước giàu sức sống, giàu nghĩa tình. Lớp người trẻ tuổi đi sau sung sức và nhạy cảm. Hai lớp người hòa chung tiếng súng chiến đấu, hòa chung lời ca truyền thống cách mạng. Những lúc nằm du đưa trên võng trong rừng, những lúc ngồi quây quần bên ngọn lửa đêm, chúng tôi - lớp người đi trước và lớp người đi sau thường kể về những tên đất, tên người quen biết, tâm sự với nhau về vết sẹo trên mình, về những ấn tượng mạnh mẽ cuộc đời chiến sĩ. Tất cả những tâm sự, những nỗi niềm của chúng tôi đều là những kỷ niệm vui buồn gắn chặt với mảnh đất Trị Thiên - Huế thân yêu. Những lúc tâm hồn dễ rung động nhất, dễ nhạy bén nhất ấy, chúng tôi chợt hiểu ra rằng, niềm tin vào thắng lợi cuối cùng không phải từ ý muốn chủ quan hoặc từ một sự truyền bá nào. Mà chính là từ những kỷ niệm chiến đấu mình tích lũy được và đã biến thành ý chí và tình cảm của bản thân. Mỗi người có những kỷ niệm riêng đã trở thành vốn liếng tình cảm riêng, nhưng đồng thời lại có những kỷ niệm chung của cả vùng đất.

Sau ngày Huế được giải phóng, rất nhiều đồng bào tới thăm bộ đội. Phổ biến nhất là các bà mẹ từ năm mươi tuổi trở lên. Hôm tôi đến công tác ở một đại đội thuộc trung đoàn Phú Xuân cũng gặp một bà mẹ cỡ tuổi như vậy đến thăm. Bà mẹ tóc đã có vài sợi bạc, ăn mặc khá lịch sự, dắt một cháu gái cỡ tám tuổi. Bà xưng hô với cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị bằng mẹ và con rất tự nhiên, nhưng khi thấy tôi thì bà gọi tôi bằng cậu và tự xưng bằng chị. Kể cũng phải. Điều đáng chú ý là lúc bà mẹ tặng quà cho đơn vị. Bà lấy trong làn ra một cái khay khảm bạc và đặt

lên trên đó hai tút thuốc lá Cáp-tăng, rồi với một dáng dấp kính cẩn, bà nâng cái khay lên ngang tầm mắt y như người ta đang rượu lúc cúng tế. Chính trị viên đại đội - một thanh niên mới ngoài hai mươi tuổi, tỏ ra hết sức lúng túng và ngượng ngùng. Cuối cùng anh ta cũng đỡ lấy cái khay và kêu lên : “Cảm ơn mẹ! Mẹ đừng làm thế”.

“Đừng làm thế”, nghĩa là đừng dâng một cách kính cẩn như vậy. Riêng tôi, tôi lại hết sức xúc động vì đã bắt gặp lại hình ảnh này trong buổi lễ thành lập chi đội Trần Cao Vân lực lượng vũ trang đầu tiên của Thừa Thiên - Huế cũng như trong các buổi úy lao bộ đội Nam tiến. Đi theo các đoàn đại biểu của mặt trận Việt Minh tỉnh và thành phố là các cô gái cỡ hai mươi. Các cô bận áo dài nâu, tay bưng một cái khay trên đó đặt một lá cờ và một cây kiếm. Sau lời chúc mừng của đại biểu là lễ dâng kiếm dâng cờ. Các cô gái bước tới, tay nâng cái khay lên ngang tầm mắt. Anh đại biểu Vệ quốc đoàn trình trọng đến nhận tặng phẩm tượng trưng cho nhận một lời thề danh dự, thề hy sinh chiến đấu cho Tổ quốc. Đây là chuyện ngày xưa. Nhưng, phải chăng bà mẹ hôm nay là một trong những cô gái đi úy lao Vệ quốc đoàn ngày xưa. Chắc hẳn người mẹ cũng hết sức xúc động vì đã tìm lại được bóng dáng mình thời con gái. Ngày xưa, đến thăm anh Vệ quốc quân đội mũ ca-lô đeo ngôi sao vàng thêu bằng kim tuyến, vai quàng xiên chiếc khăn đơn. Bây giờ tới thăm anh Giải phóng quân đội mũ tai bèo khoác ba lô con cóc... Cái gạch nối thời gian ở giữa là 30 năm. Ba mươi năm sau, người con gái đã có cháu gọi bằng bà ngoại. Ba mươi năm... Bây giờ tôi có cảm giác như chợt sực tỉnh : thế là mình đã trở về với Huế rồi, trở về thực sự rồi. Tôi đã đứng đây; trong ngôi nhà mà cách vài hôm còn là dinh tỉnh trưởng ngự. Cờ ta đang bay trên cột cờ thành nội bên kia sông. Huế hoàn toàn yên tĩnh : ngoài kia, xe cộ và đủ các hạng người đi lại bình thường. Những nét mặt vui vẻ hân hoan, những nét mặt ngỡ ngàng và cũng có những mái đầu cúi xuống. Dấu sao, tất cả đều yên tĩnh, đều trở lại bình thường... Các quân đoàn đang đánh sâu vào trong kia. Ba mươi năm... Những anh Vệ quốc quân chúng tôi và những anh chiến sĩ Giải phóng - lớp đàn em chúng tôi đều đã trở về với Huế thân yêu. Ôi, nào phải ba mươi năm nín lặng đâu mà là ba mươi năm bão táp. Ta đã làm gì để hôm nay có thể nói với Huế rằng, niềm tin tất thắng của ta là chính xác hỡi người anh em?

Ba mươi năm là câu chuyện dài của một đời người. Ba mươi năm chiến đấu càng là câu chuyện quá dài của một vùng đất. Ba mươi năm chiến đấu cho niềm tin có ngày hôm nay thành sự thật là cả một sự tích lạ kỳ...

*

* *

Câu chuyện về những sự tích kỳ lạ của vùng đất Trị Thiên - Huế muốn chép lại phải hàng pho sách, mà kỷ niệm của từng người trong anh em chúng tôi chỉ là những mảnh rời rạc. Thực sự, kỷ niệm rời rạc của từng người đều gắn chặt với những giai thoại đã thành truyền thuyết của hai cuộc chiến đấu chống Pháp và chống Mỹ trên đất Trị Thiên chúng ta.

Khi Trị Thiên - Huế đã được hoàn toàn giải phóng, khi chúng tôi đã thực sự về với Huế rồi, tâm trạng chúng tôi đôi lúc bất chợt xúc động quay về với nỗi khôn nguôi của mình : những kỷ niệm vui buồn cuộc đời chiến sĩ. những bước thăng trầm của cách mạng Trị Thiên - Huế. Những lúc được chút thời giờ rỗi rãi, hoặc đi bách bộ trong khu Mang Cá, hoặc ngồi trong quán nước bên bờ sông Hương, hoặc lên đường đạp xe đi công tác xuống các đơn vị, chúng tôi lớp người ngoài bốn mươi thường nhắc tới chuỗi ngày quá khứ. Từ câu chuyện anh em tự vệ đường phố Huế đem rơm trộn ốt đốt nhà Mô-ranh, hi vọng làm cho giặc Pháp cố thủ ở đây sặc khói không chịu được phải mò ra, đến chuyện những anh Vệ quốc quân thuộc chi đội Trần Cao Vân chúng tôi dàn ra trên những tuyến chiến hào phòng ngự quá sơ sài ở đèo Phước Tượng, Mũi Né với súng trường “mút-cơ-tông” và mã tấu, để ngăn chặn quân Pháp đổ bộ từ bờ biển Cảnh Dương lên. Thời kỳ hào hùng và ngây thơ ấy được gọi lại với giọng điệu vui vẻ pha đôi chút châm biếm. Để sau đó, câu chuyện của chúng tôi lại trở nên nghiêm chỉnh khi nói về một thời kỳ tự hào và quật khởi. Đây là câu chuyện về phong trào “ôm hè” - tay không giết giặc khởi đầu từ những đội du kích Ba Lăng - Quảng Xuyên, đã nhanh chóng lan khắp nông thôn Bình Trị Thiên. Đây là những chiến công lẫy lừng ở Thanh Lam Bồ, Dương Hòa, Thanh Hương, Đồng

Dương, Ba Dốc, Xuân Bồ, ... và nhất là những đòn tiến công sấm sét trong chiến dịch mùa xuân năm 1954, phối hợp với Điện Biên Phủ. Trong câu chuyện của chúng tôi có cảnh tượng xác lính Pháp trôi đầy sông Dương Hòa, có lửa bom na-pan ném xuống Kê Môn - Đại Lược, có tiếng reo vui khi kéo khẩu pháo 75 ly lấy được của giặc Pháp trong trận Ba Dốc, có những chuyến đò đêm từ Ba Lòng xuống Trầm; có những cuộc hành quân vượt phá Tam Giang. Chuyện gọi lại hồi đánh Pháp của chúng tôi thường không thể bỏ qua những ngày đói cơm đói muối, chấy rận đầy người; những bộ quân phục bằng vải "xi-ta", những khẩu súng "tuyn", súng "mát". Lại càng không thể không nhớ tới những đêm lửa trại ở Phong Chương, ở Cù; những ngày luyện tập nghỉ ngơi ở vùng biển Mỹ Lợi, Mỹ Á, ... cuối cùng, một người bạn trong số chúng tôi nhắc lại cảm giác của mấy tên Pháp tù binh. Đây là những cảm giác hết hoảng sợ hãi thường xuyên ám ảnh đầu óc tụi lính thực dân. Tưởng như trên đất Trị Thiên, nơi nào chúng đi, chúng dừng cũng có lửa sẵn sàng bốc cháy ngay từ dưới chân. Trong như trong từng cơn gió Lào cuốn theo cát bụi, có sức mạnh vô hình nào đó có thể cuốn luôn cả tụi chúng ra tuốt Thái Bình Dương. Chúng lấy làm ngạc nhiên tại sao mảnh đất có nhiều cồn cát vàng cồn cát trắng; có nhiều đầm nhiều phá, có cỏ đồ yên tĩnh trầm mặc - cái xứ có nhiều cô gái duyên dáng nghiêng đầu dưới chiếc nón bài thơ, mảnh đất dịu hiền là thế mà không một chỗ đứng ấm chân, một bước đi thanh thản cho đội quân xâm lược nước ngoài.

Thực dân Pháp đã cuốn xéo và những truyền thuyết về chín năm đánh Pháp thì vẫn ở lại với nhân dân ta, ở lại với chúng tôi. Đế quốc Mỹ giàu có và hợm hĩnh đã vào thay chân thực dân Pháp mà không chịu coi trọng những sự tích kỳ lạ của vùng đất này. Trong anh em chúng tôi, có người tập kết ra Bắc, người ở lại tiếp tục xây dựng phong trào. Lúc này, câu chuyện thuộc về người ở lại. Đây là những câu chuyện đau lòng dưới thời Mỹ - Diệm với những vụ thảm sát Hướng Điền, Vĩnh Lộc, với cảnh tượng xác người bị đâm, bị chém, bị bóp cổ, bị dìm nước nổi lênh bênh trên các con sông khắp Trị Thiên: sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Định, sông Ô Lâu, sông Bồ, sông Hương, ... Những người bị giết chỉ có cái tội là dám đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Có những kỷ niệm đau buồn không được ai nhắc tới vì người mang kỷ niệm đã chết. Trong chúng tôi, không ai có thể nhớ hết các đồng chí trong đảng bộ Trị Thiên đã hy sinh trong thời kỳ đen tối ấy như thế nào đâu. Bây giờ là sự im lặng vĩnh viễn của đất. Chúng tôi bảo nhau, hãy trân trọng nhắc tới những đồng chí đã nằm trong đất thay bằng thắp một nén nhang để báo tin rằng chúng tôi đã làm tròn nhiệm vụ trả thù. Câu chuyện chúng tôi nói về một đồng chí có tuổi có tên nay đã hy sinh. Hồi đó đồng chí đã phải sống những năm cô độc trong rừng, râu tóc dài như người vượn, ăn rau ăn củ rừng, vài ba tháng lại xuôi vùng Đá Bạc quét lớp muối đọng trong các hốc đá, làm quen với chim, quên mất tiếng nói và tập được lối đi như con heo con cạp để xóa dấu tích quanh hang hốc mình ở. Để một ngày kia bắt liên lạc được với Đảng với nhân dân mà chiến đấu! Cuộc chiến đấu được nhen lên khởi đầu từ những đốm lửa hắt hiu như thế.

Ôi, nhớ sao mùa xuân 1960, mùa xuân chúng tôi lại bắt đầu xây dựng chiến khu. Thời kỳ đó, chúng tôi mở đường mòn xuyên rừng mà đi. Có lẽ khó quên cái cảnh chui qua cống rãnh đường 9, đóng bè chuối vượt sông Thạch Hãn rồi lần mò đi đêm này qua đêm khác. Những khẩu súng, viên đạn có khi nằm giữa bó củi để ô tô chở về dưới Ba Lòng, Mai Lĩnh hoặc vô tận Nam Đông, Khe Trê, ... Khi con người tỉnh ngộ thì khẩu súng, viên đạn tự khắc biết cách đi tới nơi cần tới. Để có đường dây đầu tiên của cách mạng, để có những đơn vị đầu tiên của Trị Thiên. Đây là thời kỳ chúng tôi im lặng phát rầy tự nuôi mình, im lặng đi vào nhân dân trên A Lê Thiêm, A Lê Lốc, miền tây Hương Hóa. Để một thời gian ngắn sau đó, chúng tôi đã dàng hoàng uống rượu doác nhắm với thịt nai nướng cùng các pả, các a-ăm⁽¹¹⁾ trong các bản làng Vân Kiều, Pa Cô giải phóng, dàng hoàng cùng nhân dân lập các tuyến phòng thủ bằng chông thò, cạm bẫy để bảo vệ các xu⁽¹²⁾, các chòi. Vùng rừng đã đổ lửa cùng với những trận chiến đấu nổi tiếng của Vai, của Kan Lịch.

Trong anh em chúng tôi, có người hoạt động ở cơ sở trong thành phố đã kể về nỗi kinh hoàng của địch khi tiếng tăm của anh bộ đội Giải phóng từ trên rừng bay về. Cùng với tiếng tăm ấy, màu sắc lá cờ Mặt trận giải phóng khi xuất hiện là thắp sáng niềm tin cho đồng bào ta từng để thương để nhớ đến người đi tập kết năm xưa. Đồng chí hoạt động cơ sở trân trọng nhắc lại ngày bà con thành phố Huế xuống đường, trận xuống đường đầu tiên. Những chiếc xe

tăng Mỹ mang tên Ngô Đình Khả cùng với cái ký hiệu ngoáo ộp : đầu lâu đặt trên hai xương chéo - tượng trưng cho cái chết, đã chồm lên. Dùi cui báng súng của đủ các loại sắc lính đã bổ xuống. Máu người Huế đổ dưới xích xe tăng Mỹ, dưới sự tàn bạo của Mỹ. Và sau đó là triều đình họ Ngô sụp đổ. Nhân dân Trị Thiên đã nhất tề đứng dậy đồng khởi. Câu chuyện đồng khởi thật giản dị, một đêm nào đó, tiếng mõ vang lên từ đầu thôn đến cuối thôn, nhân dân ủa ra châm lửa đốt hết hàng rào trời, buộc, cắt tung kềm gai, bắt hết bọn tay sai ác ôn. Sáng mai dậy cờ giải phóng bay khắp thôn, và nhân dân cầm súng (những khẩu súng hôm qua còn trong tay kẻ địch) để giữ lấy vùng đất, khoảng không gian cùng những con người vừa được tự do.

Năm 1965 là thời kỳ rực rỡ của Trị Thiên, thời kỳ đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ. Từng tiểu đoàn, rồi từng trung đoàn bộ đội Giải phóng được thành lập. Chúng tôi đã về đứng chân ở giáp ranh - cái thế chiến lược quan trọng của dải đất miền Trung, cái thế sẵn sàng đổ lên đầu quân địch những đòn sấm sét. Kỷ niệm về những ngày ấy là những kỷ niệm đẹp dễ còn lưu lại trong trí nhớ chúng tôi như một thời vàng son. Chúng tôi từng tắm mát ở phá Tam Giang, từng đạp xe đi từ Phò Trạch về tận Sia. Đã về Trương Lưu, Đông Đô xây dựng làng chiến đấu chống càn; đã sang Mỹ Lợi ăn cam, ra Gio Lễ, Cam Bình hái chè nấu nước... Chiến tranh đặc biệt của Mỹ đã thảm bại trong thời vàng son của chiến trường Trị Thiên chúng tôi. Và chiến tranh cục bộ bắt đầu khi xuất hiện những thằng Mỹ bằng xương bằng thịt với xe tăng M.48, với đại bác 175 ly, với máy bay các loại A, loại F, với chất độc hóa học bom rải thảm, với bình xăng đặc ném lên mái tranh, với súng phun lửa phụt vào địa đạo. Ở Việt Nam nói chung và ở Trị Thiên ta nói riêng, đứng về mặt toán học mà nhận xét, dường như có một công thức sau đây : những sự tích chiến công kỳ diệu tỷ lệ thuận với cường độ tội ác và tàn bạo của kẻ địch. Bấy giờ là thời kỳ chúng tôi thực hiện khẩu hiệu "nắm lấy thất lưng Mỹ mà đánh". Câu chuyện của chúng tôi kể về anh xã đội phó Nguyễn Viết Phong đã chỉ huy một tổ du kích quần nhau với hàng tiểu đoàn Mỹ ở ngay sát nách căn cứ Phú Bài và Ấp Năm. Nguyễn Viết Phong đã thắng lợi vẻ vang. Sự tích này thay cho lời kết luận về sức mạnh Mỹ, rồi những sự tích thắng Mỹ vang dội khác lại xảy ra ở Gio An, ở Phong Chương, Đông Tòa, khách sạn Hương Giang, v.v. Anh bạn hoạt động cơ sở nội thành lại kể về người Huế liên tiếp xuống đường dùng đá, chai cháy ném vào cảnh sát, đốt nhà thông tin Mỹ, phá hàng rào kềm gai của Mỹ, tự ý rào đường Duy Tân. Còn chúng tôi thì kể chuyện đường 9, mảnh đất đầm máu mà sẽ còn là nỗi kinh hoàng từ cả trong giấc chiêm bao của tên lính Mỹ nào may mắn sống sót. Tụi lính cổ da thuộc sư đoàn 3 thủy quân lục chiến, tụi lính dù thuộc sư đoàn 101 Mỹ đều đã nó đòn ở đấy. Chắc hẳn nỗi khiếp sợ của lính Mỹ còn lưu truyền lại đời con đời cháu. Vết thương này là ở khe Sanh. Cánh tay kia bỏ lại trên cao điểm 2-11. Thằng Uy-li am này chết vì cối 82 ly. Thằng Đắc-uyn nọ tử thương vì B.41.

Giống như tụi lính Pháp trước kia, những tên lính Mỹ bắt đầu ngạc nhiên về mảnh đất nom diu hiền này, chúng cảm thấy không yên ổn, hoàn toàn không yên ổn. Chúng đến đây bằng những thằng người hung hãn, và ra về trong những túi ni lông.

Rồi câu chuyện của chúng tôi trở nên rôm rả hẳn lên, sinh động hẳn lên khi nói về mùa xuân 1968, về trận tập kích chiến lược tết Mậu Thân.

Trong câu chuyện này, sự tích kỳ lạ nhất là nghệ thuật giữ bí mật bất ngờ. Chúng tôi xuýt xoa ôn lại với nhau về công tác chuẩn bị chu đáo từ trên rừng đến dưới đồng bằng và trong thành phố. Chợt nhớ ơn các đồng chí địa phương đã lo cho chúng tôi từ bát gạo, cái hầm, con thuyền, đến những đồng chí giao liên được gọi là "hoa tiêu" dẫn chúng tôi đi về thành phố. Chợt cảm ơn và kính cẩn nhắc tới những đồng đội trên đường hành quân bị pháo vùi bom đập, bị sóng nước cuốn trôi, thân chịu chết chứ không hề kêu la một tiếng cố giữ cho cuộc hành quân bí mật. Khó mà tưởng tượng được nhiều mũi tiến quân khổng lồ với lĩnh kính trang bị, vượt qua hàng đồn chốt địch, vượt qua bao nhiêu xóm làng, sông ngòi, kênh rạch, dưới tầm kiểm soát của các loại phương tiện trinh sát trên không, dưới mặt đất của địch mà vẫn giữ được bí mật tuyệt đối cho đến giờ nổ súng. Kỷ niệm về trận tập kích Mậu Thân trong anh em chúng tôi mỗi người một vẻ, nhưng đều gắn chặt với dáng tự hào của lá cờ Giải phóng bay chót vót trên cột cờ thành nội trong hai mươi lăm ngày đêm. Hai mươi lăm ngày đêm ở lại thành phố Huế với những trận chiến đấu đẫm máu, ác liệt. Thành phố rung chuyển trong tiếng bom, tiếng đại bác cùng tiếng súng các loại. Đất dưới chân nóng bỏng. Không khí sặc mùi lưu huỳnh.

Cửa Đông Ba và con đường Mai Thúc Loan đã trở thành những chốt thép, nơi bộc lộ đến tột cùng lòng quả cảm của chiến sĩ Giải phóng. Máu đồng đội chúng tôi đã thấm xuống đường phố Huế, để Huế đi vào lịch sử. Để khi trở lại Trường Sơn, nhớ về Huế, chúng tôi nhớ từng khuôn mặt bạn bè khi mờ khi tỏ; nhớ những ánh mắt rưng rưng trù mến các chị, các em; nhớ những sinh viên học sinh, những anh chị tự vệ công nhân tay quàng băng đỏ đã sát vai với chúng tôi nổ súng. Nhớ con đò chở đạn qua sông, nhớ chiếc xe ca chở thương binh về hậu cứ. Nổi nhớ của chúng tôi dính chặt vào những phút đê bẹp quân thù trên núi Tam Thai, trên cầu Lò Rèn, cầu Bạch Hổ; những lúc giải phóng nhà lao Thừa Phủ, lòng địch ở Phú Cam, bao vây bắt sống bọn ác ôn tay sai vón lại trên Cồn Hến. Nổi nhớ của chúng tôi còn da diết hơn, là nổi nhớ tội ác kẻ thù : chúng đã sả súng vào hàng ngàn người tay không đi đòi quyền tự do ở ngã ba quận ly Phong Điền. Chúng đã giội bom xuống những khu phố đông dân trong thành phố Huế.

Câu chuyện tiếp nối của chúng tôi gọi lại những ngày không thể quên được sau đó, những ngày giặc Mỹ tập trung gần bảy chục tiểu đoàn đủ các loại sắc lính để phản kích chúng tôi, để bình định cấp tốc nông thôn. Đây là thời kỳ tụy kỵ binh bay tác yêu tác quái bằng đủ các thứ trực thăng hiện đại mà nhân dân gọi chúng bằng những cái tên nôm na : u-ti-ti, rọ, gáo, lép, v.v... Những loại trực thăng ấy đã bắn vào từng lùm cây, soi từng khuôn mặt ngoài đường làm một thứ ngáo ộp dọa nạt những ai yếu bóng vía. Câu chuyện hã hê là của những người không yếu bóng vía, những chiến sĩ Trị Thiên chúng tôi đã cho chúng phơi mặt hàng ba chục chiếc trong một trận A Lưới.

Kỷ niệm về thời kỳ đó của chúng tôi là những kỷ niệm vượt muôn vàn khó khăn gian khổ. Bây giờ có thể xót xa nói lại với nhau về những cảnh đói cơm lạt muối là người, những cảnh sốt rét ác tính chết nhanh trong chốc lát, về những trận lũ tai quái, về những trận bom B.52 tàn khốc. Thế mà các chiến sĩ Trị Thiên chúng tôi, những người lính xanh xao vì đói cơm thiếu ngủ, vì sốt rét bệnh tật đã đánh cho bọn kỵ binh bay, bọn lính dù và thủy quân lục chiến những đòn trí mạng ở Ca-cô-va, Tam Thanh, A Giời, A Bia, 935. Sức mạnh được nhân lên gấp bội là sức mạnh con người đứng giữa tột cùng gian khổ để giành lại quyền sống, giành lại thể đứng chân.

Anh bạn hoạt động cơ sở còn kể về nỗi xót xa ở đồng bằng : Đồng bào ta bị chúng nhốt sau tầng kẽm gai, xóm làng ta bị chúng đem máy xúc máy ủi về san bằng. Những người chết nằm dưới mồ không yên, những người còn sống ngồi trong trại tập trung mái tôn nóng bỏng, mỗi bước đi đều có mũi súng rê theo, căm thù muốn nổ con mắt... Nhưng chính cái bối cảnh khốc liệt của nông thôn đồng bằng như thế, mới xuất hiện những sự tích kỳ lạ về những người con gái anh hùng của Trị Thiên : Nguyễn Thị Lài, Trần Thị Tâm, ... Nhớ lại những năm 1969-1970 , dường như ngay anh em chúng tôi cũng ngỡ ngàng tự hỏi, làm sao ta vẫn là ta - đứng vững và chiến thắng, trưởng thành và dày dặn. Nhớ lại những năm ấy chúng tôi thường xúc động ứa nước mắt : một chút tủi thân, một chút tự hào. Thời kỳ khó khăn đã qua đi, và chúng tôi có dịp làm ăn lớn vào mùa xuân năm 1971, đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ - ngụy. Một người bạn từng đi qua Bản Đông, Huội San, Sê Pôn đã đưa ra một nhận xét sau đây : Trên những đồi cỏ tranh ngút ngàn thường có những đám cỏ xanh tốt trội hẳn lên. Đây lạ chưa, cái màu xanh trội hẳn lên kia lại có hình dáng người. Đây là dấu vết những tên lính ngụy xấu số đã nằm lại trên đất Lào trong lãng quên.

Câu chuyện của chúng tôi, bắt sang mùa hè 1972 lúc nào không biết. Chúng tôi nói về những trận tiến công, đập vỡ hệ thống phòng ngự kiên cố dày đặc ở Cồn Tiên, Dốc Miếu, Đầu Mầu, Quán Ngang, Hương Hoa rồi đến trận giải phóng thị xã Đông Hà, trận chiến đấu có tính chất quyết định để sau đó lực lượng của ta ào ào tiến công, đẩy chúng về bên kia sông Mỹ Chánh. Thực ra kỷ niệm của chúng tôi về mùa hè 1972 không phải ở những trận tiến công mà là những ngày giành giữ từng tấc đất từng ngôi nhà trong thành cổ Quảng Trị. Bây giờ đã ba năm qua mà dấu tích khốc liệt còn lưu lại trên những bức tường rỗ tổ ong, trên những mái tôn trở thành tấm lưới sàng đá cuội, trên phố xá đổ nát, trên bờ thành sạt đi từng quãng. Kỷ niệm của chúng tôi là ở những lúc chia nhau sự sống, sự chết, chia nhau từng hỏa điểm và từng viên đạn tiến công : chia nhau một bánh lương khô, vài ba ngụm nước lúc chờ giặc tới; chia nhau những trận bom trận pháo, chia nhau cả từng lúc chợp mắt giữa hai đợt tiến công.

Chúng tôi bảo nhau, sau này khi ta dựng nhà, xây công viên lại trên thị xã Quảng Trị, hãy nhắc nhở con em ta mở từng nắm đất ra mà xem. Đây chỉ là đất mà còn là cái gì thiêng liêng

hơn nữa. Dầu không cố tình nói cho vắn về thì sự thật trần trụi vẫn như thế : nhà đã mọc lên, hoa đang tươi thắm trên xương máu chiến sĩ...

Phải nói chắc với nhau rằng, sự hy sinh tổn thất của ta trong chiến dịch này là lớn. Nhưng sự hy sinh lớn lao ấy cùng với sự hy sinh lớn lao trong cả nước đã làm nên chiến thắng 1972, giáng một chùy nặng nề vào đầu óc ngoan cố của tập đoàn Ních-xơn - Kít-xinh-giơ, khiến chúng phải ký vào Hiệp nghị Pa-ri về Việt Nam. Khiến chúng phải thừa nhận điều mà chúng không muốn : độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam; khiến chúng phải chịu rút quân về nước sau bao năm gây tang tóc cho nhân dân Việt Nam. Ở Trị Thiên, sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ Mỹ rời sư đoàn dù 101 lần lượt xuống tàu về nước. *Gút-bai!* Xin vĩnh biệt mảnh đất diu hiền mà gai góc này đã để lại trong lòng từng tên Mỹ những kỷ niệm không vui. Có luyến tiếc chăng, hẳn là chúng chỉ luyến tiếc tuổi thanh xuân bị chôn vùi, bị phí phạm ở đây, vì quyền lợi bộn tư bản độc quyền, bộn ngời trong Nhà trắng và Lầu năm góc.

Câu chuyện của chúng tôi lúc này bỗng nhiên quay ngược trở về thời kỳ Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, ... Để nói với nhau một điều hẳn không phải là thừa : quá thật, trên dải đất Việt Nam chúng ta, chỉ có chỗ cho bè bạn, không có chỗ cho bất kỳ một đội quân xâm lược nước ngoài nào, thuộc bất kỳ màu da nào, cả trước đây, bây giờ và sau này mãi mãi.

Những tên xâm lược nước ngoài lần lượt đến rồi lần lượt ra đi, mà cuộc chiến đấu của nhân dân ta vẫn còn phải tiếp tục. Đây là nỗi đau của một dân tộc. Những người đã cầm súng chiến đấu hàng mấy chục năm là những người khát khao hòa bình nhất. Chúng tôi cũng vậy khi hai sắc cờ đã mọc lên trên tuyến tiếp xúc dài hàng trăm ki-lô-mét, chúng tôi vẫn ước ao hai bên ngồi lại với nhau, xóa bỏ hận thù trong mối tình hòa hợp dân tộc. Nhưng ngay sau đó chúng tôi có thể châm biếm về sự mờ hồ này của một số người trong anh em chúng tôi. Bởi vì chúng tôi đã có những kỷ niệm đau xót ở Bồ Điền, Hiền Sĩ- Nam Phổ Cần, ở Cửa Việt. Bọn bè chúng tôi, nhiều đứa đã ngã xuống những nơi đó do những cuộc tiến công lấn chiếm của chúng. Sự ngoan cố của kẻ thù khiến chúng tôi thêm tỉnh ngộ. Trên những tuyến tiếp xúc, chúng tôi sẵn sàng chia chén nước chè, điều thuốc với binh lính phía bên kia, song cũng biết chuẩn bị sẵn sàng những điểm xạ để khi cần phải giáng trả những đòn trừng phạt đối với những kẻ say mê thuốc súng : Điều chúng tôi hiểu sâu xa trong những ngày sau đó là ta phải mạnh, phải mạnh hơn nữa. Có sức mạnh mới chủ động trong mọi tình huống.

Câu chuyện về kỷ niệm của chúng tôi trong thời gian này là câu chuyện về mở đường Trường Sơn, về huấn luyện đơn vị, về việc tách một số đơn vị chủ lực thuộc quân khu Trị Thiên ra thành lập quân dân cơ động, về những trận đánh trả bọn lấn chiếm, về việc tiếp tục xây dựng cơ sở ở nông thôn đồng bằng và thành phố, về việc củng cố vùng giải phóng hậu phương.

Những năm 1973 - 1974 chưa xa, chưa quên trong trí nhớ chúng tôi. Bây giờ, đất nước đã hoàn toàn giải phóng, ngồi với nhau giữa thành phố Huế, chúng tôi hoàn toàn tâm đắc với nhau về thắng lợi Hiệp nghị Pa-ri. Hiệp nghị Pa-ri nằm trong hồ sơ lưu trữ các bên hữu quan là những điều khoản, những quy ước, những chữ ký; nhưng với chúng ta là thời gian, là cơ hội. Dưới ánh sáng lãnh đạo của Đảng, biết làm chủ thời gian, biết nắm lấy cơ hội, sẽ có tất cả. Có lẽ mãi sau này, cùng với thử thách của thời gian, mỗi lúc chúng tôi càng thấu hiểu thêm, càng thấm thía thêm ý nghĩa điều đó.

*

* *

Tất cả những tâm sự, những kỷ niệm của anh em chúng tôi vừa ôn lại chỉ là những mảnh rời rạc trong hàng pho sách chép về sự tích kỳ lạ của vùng đất Trị Thiên. Tuy nhiên, kỷ niệm rời rạc của chúng tôi đều y như những dấu chân đã in trên một chặng đường dài. Cùng quân dân Trị Thiên - Huế, chúng tôi đã đi trên chặng đường dài đầy gian truân như thế để làm một cuộc chuẩn bị cho thắng lợi cuối cùng khởi đầu từ những ngày mùa xuân năm 1975 lịch sử.

III. CUỘC CHUẨN BỊ BA MƯƠI NGÀY - CUỘC CHUẨN BỊ BA MƯƠI NĂM

Vâng, đang nói về mùa xuân năm 1975. Nhắc tới mùa xuân, ta chợt có cảm giác thanh thản nhẹ nhõm, dầu đang ở trên rừng. Tưởng như ngửi thấy mùi thơm hoa phong lan phảng phất trong tiếng hót ngọt ngào chim khướu, trong tiếng róc rách suối chảy. Tưởng như có thể say sưa ngắm những ré nắng xuân xuyên qua đám sương màu lam...

Thực ra, mùa xuân ở Trị Thiên bao giờ cũng là một mùa xuân ẩm ướt, buồn tẻ. Nếu như ở vùng đất hanh khô, mùa xuân đến mang theo cái không khí hiu hiu mát dịu - cái không khí mơ màng của hơi sương, thì ở đây - trời vẫn mưa, một thứ mưa lai rai dai dẳng. Đất đỏ miền tây Quảng Trị dính bết vào dép cao su, còn ở miền tây Thừa Thiên, thứ đất pha lá mục, nom dễ đi, nhưng hễ giẫm chân vào là nước đen tửa ra từ các kẽ chân, vừa bắn vừa ngứa.

Chiến sĩ Trị Thiên chúng tôi chào đón mùa xuân năm 1975 trên những nẻo rừng sông nước như thế. Chúng tôi đã quen với rừng hàng vài chục năm nay, hàng mười năm nay hoặc ít ra hàng dăm bảy tháng nay. Có gì mà phải bức bối với mùa xuân đầm nước ở cánh rừng miền tây Trị Thiên? Rất giản dị và yêu đời là chiến sĩ. Chúng tôi lọc ra niềm vui qua cái buồn của thời tiết, trong những sinh hoạt bình thường : mùa này, măng đang ngọt. Còn nắm mỗi thì có thể bắt thần nhú lên ở một đám đất ẩm ướt ngay cạnh ta. Mùa xuân, chuối rừng khoe hoa đỏ chót, hoa lim màu tím rung vào những hốc đá đầy nước. Mưa, ừ thì có ướt át nhóp nhép thật đấy, nhưng nếu qua suối rửa ráy tinh tươm, bước lên những bậc dốc lát bằng gỗ chẻ, vào trong nhà giữ áo mưa roàn roạt rồi hơ tay lên bếp lửa thì coi như đã gửi lại cái mưa gió ngoài rừng. Ở đây, dưới mái lán lợp lá đoác, lá gồi, chiến sĩ ngồi hong tay nghe củi nổ lép bép trong tiếng gió giữ nước mưa đọng lên lá xuống suối, trong tiếng thác đổ xa xa... Để tâm hồn nhẹ nhõm và chợt nhớ về những miền quê xa xôi, về những kỷ niệm tuổi thơ, về những buồn vui cuộc đời chiến sĩ. Hoặc nếu thích cuộc sống sôi nổi ồn ào thì hãy lao vào những trận đánh bài "tiến lên" vừa hò hét vừa trêu chọc lẫn nhau. Có thể bị vẽ râu hoặc beo tai bóp mũi gì đó nếu thua cuộc, nhưng không sao, chỉ đùa vui thôi mà - đời lính bao giờ cũng hướng về niềm vui, hướng về chiến thắng.

Mùa xuân năm 1975 đến với chiến sĩ Trị Thiên có gì khác ngoài những niềm vui bình dị. Có gì khác năm 1974 và những năm trước kia? Thực ra, mỗi quan tâm trước tiên đối với chiến sĩ chúng tôi khi mùa xuân đến là điều có liên quan tới sứ mệnh của mình. Năm nay sẽ mở chiến dịch ở đâu? Làm ăn ra sao? Ước nguyện sâu xa của người cầm súng là tự trả lời mình trước lúc lên đường nhập ngũ.

Anh chiến sĩ sẵn sàng bên khẩu đại liên trên chốt Long Quang, o du kích nằm trong hầm bí mật giữa trảm Bầu Bông vùng Phong Hòa, anh bộ đội địa phương gác nơi hòn Rầm bên kia cửa Tư Hiền, cũng như chúng tôi - những cán bộ đã lớn tuổi công tác ở cơ quan quân khu - đều nghĩ về mùa xuân năm 1975 như hướng về ước mơ của mình. Chúng tôi nghe thời gian đi trong tiếng tắc kè điểm giờ, trong tiếng gà gọi sáng, trong khi bóc tờ lịch hàng ngày. Còn nghe tiếng thời gian đi khi nhìn mái tóc lốm đốm bạc của đồng chí chỉ huy, khi bất chợt tính với nhau rằng, thế là Bác Hồ đã đi xa được sáu năm. Sáu năm không có thơ mừng xuân của Bác, nhưng dường như lúc nào lời di chúc của Bác cũng vang vọng bên tai : *"... Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn..."*. Giữa ngày xuân, chiến sĩ chúng tôi chợt băn khoăn, vì chưa thực hiện được trọn vẹn lời di chúc của Bác. Thừa Bác, thế là một mùa xuân nữa lại đến, mùa xuân năm 1975. Bất giác thấy Bác vẫn đi trước hàng quân, cổ vũ chúng tôi, vẫy gọi chúng tôi. Tâm tư và ước ao của chúng tôi vẫn hướng về một trận thắng lớn. Chúng tôi nghe ngóng, phán đoán, thăm dò. Trí tưởng tượng của người lính chúng tôi tha hồ bay bổng, tha hồ tính toán về mùa chiến dịch sắp tới.

*

* *

Một buổi tối ở trung đoàn Phú Xuân - chiến sĩ cảnh vệ tên là Tứ vừa theo một cán bộ trung đoàn ra công tác ở Quân khu về, sau khi tắm táp giặt giũ xong, đã hào phóng ném ra bao thuốc lá Tam Đảo và gói chè Ba Đình cho cả tiểu đội quây quần lại, người chủ cuộc vui tung ra một tin mới :

- Sắp làm ăn to rồi các cậu ạ!

- Sao? Nói đi! Bọn tớ cũng biết cách giữ bí mật chứ? Thề! - Đám lính trẻ xích lại gần nhau hơn. Trong màn thuốc lá tỏa ra bàng bạc, trong tiếng xuýt xoa vì bát nước trà nóng, những ánh mắt mở to vui vẻ chờ đợi. Tứ bèn kể với các bạn, bằng nét mặt quan trọng, bằng giọng nói tự tin. Câu chuyện của anh ta bắt đầu từ cuộc họp của người cán bộ trung đoàn ở Quân khu. Tất nhiên anh ta không được phép biết nội dung, song cứ xem cung cách tổ chức hội nghị tuyệt mật, cung cách tất bật của các cán bộ chủ trì về họp, hết làm việc với tham mưu lại đến với chính trị, hậu cần,... chắc hẳn là cuộc họp có tính chất giao nhiệm vụ quan trọng. Anh ta còn xem mặt, bắt hình dong, thấy đồng chí thủ trưởng của mình chột vui vẻ, chột bản thân tỏ ra nhiều lo lắng suy nghĩ là biết anh đang có nhiều điều cân nhắc tính toán.

Câu chuyện của anh kể về nhiều hiện tượng chuẩn bị chiến dịch : xe cộ chạy rần rần đi sâu vào trong kia, rất nhiều xe chở quân, toán tụi lính trẻ da dẻ đỏ au, quần áo mới cứng. Xe chở dầu máy và phụ tùng xe tăng của các đội sửa chữa. Xe chở đạn các cỡ hòm lớn hòm bé vô thiên lủng. Gặp những anh lính lái xe hay tán dóc, chỉ cần mời điếu thuốc lá làm quen là anh ta sẵn sàng phun ra cho biết, xe đang chở hàng gì, vào tận đâu. Theo Tứ - anh chiến sĩ thạo tin cho biết thì ở Quân khu đang có nhiều cuộc tập huấn : tập huấn quân sự, chính trị và binh vận. Quan trọng hơn cả là có một cuộc tập trung hàng ngàn cán bộ địa phương và du kích để tổ chức các đội vũ trang công tác. Có đến hàng trăm đội. Những đội này sẽ về phát động quân chúng nổi dậy ở đồng bằng phối hợp với chủ lực giải phóng nông thôn.

- Các cậu có nhớ con Lưu giao liên Phong Điền nữa không? Chính hắn nói với tớ và còn hẹn mời tớ về cái thôn Thế Chí Đông của hắn bên kia phá Tam Giang ăn cá biển. Thế có bốc không? Của đáng tội con bé cũng xinh, chỉ phải cái hơi ngắn.

Trong tiếng cười vui, Tứ tiếp tục kể thêm về dấu hiệu mùa chiến dịch sắp tới. Xuýt! Các cậu có biết không, cánh trinh sát sư đoàn 325 đi chuẩn bị chiến trường gần tháng nay rồi đấy. Chúng nó đang làm ăn ở đường 12. "Thằng" trung đoàn 101 đang bỏ ra huấn luyện. "Thằng" trung đoàn 18 nghe đâu đã bí mật rời tuyến tiếp xúc, giao các chốt lại cho cánh bộ đội địa phương Quảng Trị. Lạ lùng nhất là "thằng" 95 - trung đoàn chủ công của sư 325 lại đang tổ chức ăn tết. Chính mắt anh ta trông thấy 95 gói bánh chưng, mổ bò mổ lợn chia về cho các đại đội : Gặp anh lính 95 nào là biết ngay, mặt mũi phơn phớt như bắt được của. Anh nào cũng chạy nhăng lên để chuẩn bị tết. Sao lại ăn tết sớm thế? Ăn tết "Quang Trung" để làm cái gì thế? Làm cái Mậu Thân nữa chẳng? Tiếng bàn cãi khe khẽ nổi lên :

- Ồ không đời nào lặp lại cái Mậu Thân thứ hai nữa. Trong quân sự kỵ nhất là cái lặp lại. Mất hết cả yếu tố bất ngờ.

- Không, cậu ơi! Chính vì nghĩ như cậu nên có khi lặp lại mới bất ngờ.

Anh chiến sĩ thạo tin xua tay :

- Tớ biết chắc chắn là trung đoàn 95 ăn tết sớm để hành quân vào Tây Nguyên. Tuyệt mật đấy! Một thằng đồng hương nói lại với tớ, và dọa nếu để lộ ra là mất cái đội mũ tai bèo.

Đám lính trẻ xầm xì thán phục người đồng đội chỉ đi một chuyến công tác mà lượm được ổi tin quan trọng. Và họ bắt đầu làm "tham mưu con". Thoạt tiên, họ tính với nhau về sự phân bố lực lượng quân đoàn 2 - quả đấm nặng cân nhất của chiến trường Trị Thiên : Vậy là, "thằng" sư 304 vẫn ngồi trong Thượng Đức, (trung đoàn 9 ở lại ngoài Cam Lộ thì đã có trung đoàn 3 thuộc sư 324 thay thế) "thằng" sư 324 đang xoay tròn ra huấn luyện ở vùng A Lưới. "Thằng" sư 325

cũng rút ra khỏi tuyến tiếp xúc phòng ngự, “thằng” lũ xe tăng 203 tuy ở rải rác nhiều chỗ thật, nhưng đối với hắn thì lo quái gì, cơ động nhanh như chớp. Còn mấy anh chàng lũ 164 pháo binh, lũ 209 công binh, sư 673 cao pháo thì không phải không tính đến, nhưng các anh chàng ấy sẽ có mặt ngay nơi nào bộ binh cần đến. Tóm lại là toàn quân đoàn 2 đã được rảnh tay chuẩn bị giao cho các tuyến tiếp xúc lại cho địa phương. “Thằng” trung đoàn 271 ở Mỏ Tàu, La Sơn, “thằng” trung đoàn 4 ở tây Phong Điền. “Thằng” tiểu đoàn 14 tây Hải Lăng, “thằng” tiểu đoàn 13 ở Thanh Hội, Long Quang, v.v. Còn trung đoàn 6 chúng mình?

Đám lính trẻ mới sức nhớ ra chính họ cũng vừa được rút ra khỏi tuyến tiếp xúc, đang tranh thủ củng cố huấn luyện. Phải coi như trung đoàn 6 là lực lượng cơ động của Quân khu. Nhưng sẽ được ném vào đâu?

Điều đáng chú ý là tất cả lực lượng đều đang chuẩn bị tại chỗ, sao lại điều trung đoàn 95 đi Tây Nguyên? Điều một trung đoàn cũng được huấn luyện chu đáo đi nơi khác, tất là nơi đó phải quan trọng, phải là chiến trường chủ yếu. Vậy thì Trị Thiên ta là chiến trường phối hợp nhưng mức độ quan trọng của chiến trường phối hợp phải như thế nào mới tập trung hàng trăm đội công tác để tung về nhằm giải phóng nông thôn. Khó nghĩ là đường 12 - con đường chọc thủng vào phía tây thành phố Huế. Định giải phóng Huế chẳng? Hay chỉ là giương đông kích tây giáng một đòn ở Quảng Trị. Đám lính trẻ làm “tham mưu con” thường có nhiều ý kiến, và bao giờ họ cũng tự đặt mình vào vị trí tư lệnh quân khu, tư lệnh chiến dịch chẳng hạn. Có anh còn cả gan làm Bộ Chính trị, Bộ Tổng tư lệnh để tính toán mọi kế hoạch, mọi cách làm ăn trong mùa xuân năm nay.

Cuối cùng thì cái vai trò mà anh ta “dám làm” kia cũng chấm dứt, khi người trung đội trưởng nổi hiệu còi, ra lệnh tắt đèn đi ngủ.

Họ kết thúc buổi trà lá vui vẻ, thu vén ca bát, giữ chiếu mắc màn để làm một giấc ngon lành của anh chiến sĩ bình thường. Một cậu đứng giữa nhà, vươn vai, vặn xương kêu răng rắc rồi dùng đĩnh nói :

- Dù sao thì chúng mình cũng chuẩn bị đi thì vừa! Chuẩn bị cái đầu cho cứng, cặp tay chân cho khỏe vào mà húc.

- Ô chuẩn bị là việc cấp trên, cánh lính chúng mình thì quái gì mà chuẩn bị. Cứ lệnh một cái là *a-lê* hấp, nhào *dô* luôn.

- Bậy, cấp trên có cái chuẩn bị của cấp trên, thằng lính có phần chuẩn bị của nó. Thí dụ : như cánh ta đang học quân sự đây này, phải làm sao đừng quy xuống vì sốt rét này, rồi phải làm đường, làm kho đạn, kho gạo này? Ô, ối công việc...- Cuộc tranh luận nho nhỏ này cũng dễ nhất trí. Khi chiến sĩ đã mạnh nहा được mùa chiến dịch sắp tới, hầu như ai cũng hiểu được mình phải làm gì để đảm bảo thắng lợi. Có điều là trong những dòng suy nghĩ miên man về chiến dịch sắp tới, xen lẫn với hình ảnh những người thân, hình ảnh quê hương thường hiện về lúc đã ấm trong chăn, các chiến sĩ chợt sức nhớ về một mùa xuân nữa đến.

Một cậu lớn tuổi nhất tiểu đội lên tiếng hỏi khế :

- Năm tới là năm Mão phải không các cậu?

- Ừ năm nay là Giáp Dần, năm tới là Ất Mão.

- Vậy là năm cấm tinh con mèo. Nghe đâu thằng Thiệu tuổi chuột. Cái giống chuột, vốn kỵ mèo nhất. Không chừng năm tới, Thiệu sẽ kênh cũng nên.

*

* *

Mẩu chuyện sinh hoạt của tiểu đội cảnh vệ sở dĩ tôi biết được là do Tứ kể lại. Cũng không riêng Tứ mà anh em trong tiểu đội mỗi người góp một câu nhân hôm tôi xuống chơi với anh em, sau ngày Huế giải phóng. Biết tôi là trợ lý ở phòng tác chiến, đám lính trẻ muốn khoe cái tài làm “tham mưu con” của họ, và để tôi xác minh những điều họ nhận định là đúng. Họ chỉ

thừa nhận có hai điểm phán đoán chưa chính xác. Một là, hướng trọng điểm của chiến dịch tưởng là đường 12 hóa ra đường 14. Hai là, tưởng đánh chắc tiến chắc không ngờ lại thực hiện bao vây chia cắt lớn và áp dụng lối đánh thần tốc chọc thủng vào tung thâm địch.

Tôi cười :

- Các cậu sai những điều cơ bản nhất rồi, còn gì. Vậy là chưa đủ trình độ làm tư lệnh chiến dịch.

Anh em cười xòa.

Quả thật là làm sao mà ai cũng có trình độ làm tư lệnh chiến dịch được. Ngay như chúng tôi - những cán bộ có trách nhiệm giúp cấp trên vạch kế hoạch tác chiến, vậy mà trong quá trình chuẩn bị, quá trình diễn biến chiến đấu cũng như sau khi chiến thắng hoàn toàn rồi, vẫn còn nhiều điều ngớ ngẩn ra, dần dần mới vỡ lẽ. Như vấn đề chọn hướng trọng điểm của chiến dịch chẳng hạn - một trong những vấn đề có tính chất quyết định thắng, bại của chiến dịch. Sau này, anh em cán bộ quân sự, chính trị chúng tôi lúc ngồi tán phiêu với nhau, đều biết vậy là khen phò mã tốt áo vẫn nắc nỏm thán phục Trung ương tài thánh thật - chọn Tây Nguyên làm chiến trường chính mà nam Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu, lại chọn Buôn Mê Thuột làm điểm then chốt của chiến dịch thì tuyệt, không chê vào đâu được. Ở Trị Thiên chúng tôi cũng vậy, vấn đề chọn hướng công kích chủ yếu của chiến dịch chắc là vấn đề lao tâm khổ tứ của cấp trên. Sở dĩ phải nói chung một chữ “cấp trên”, vì chiến dịch mùa xuân 1975 tiến hành ở Trị Thiên trong thực tế là một bộ phận của chiến dịch “Huế - Đà Nẵng” trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, dưới sự chỉ đạo chỉ huy trực tiếp của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh.

Xin nói thêm điều này : ở chiến trường Trị Thiên - Huế có hai lực lượng quân sự là B4 và B5 tức là quân khu Trị Thiên và quân đoàn 2. Xuất phát từ yêu cầu chiến dịch và đặc điểm tình hình Trị Thiên, Bộ Chính trị quyết định thành lập Đảng ủy mặt trận Trị Thiên, trực thuộc Quân ủy Trung ương. Bí thư Đảng ủy là đồng chí thiếu tướng Lê Tự Đồng. Việc chỉ huy thì Bộ tư lệnh B4 và B5 trực tiếp chỉ huy lực lượng thuộc quyền mình. Về mặt tổ chức, tuy không có một Bộ chỉ huy mặt trận chung, nhưng hai Bộ tư lệnh B4 và B5 đều có liên lạc với nhau thường xuyên qua máy điện thoại. Hai nữa, về tình nghĩa mà nói, giữa quân đoàn 2 và chúng tôi là chỗ con một nhà mà ra. Đi lại, nói năng với nhau đều thoải mái, không phải giữ kẽ.

Bây giờ, tôi trở lại vấn đề chọn hướng công kích chủ yếu của chiến dịch ở Trị Thiên. Đây là một vấn đề quan trọng và khó khăn không thuộc quyền định đoạt của phòng tác chiến chúng tôi, cũng như phòng tác chiến quân đoàn 2. Bởi vậy, sự hiểu biết thật tỉ mỉ, cụ thể của chúng tôi dĩ nhiên là có hạn chế. Chỉ biết ngay từ lúc đầu, khi vạch kế hoạch tác chiến của chiến dịch, chúng tôi đã được chỉ thị về hướng tiến công chủ yếu là đường 12. Hầu như đấy là chỉ thị từ Bộ Tổng tham mưu. Quân đoàn 2 - lực lượng được tập trung vào hướng trọng điểm quân sự, đã tung cán bộ, trinh sát ăn đêm nằm ngày hàng tháng ở đường 12, từ trên Sơn Na về dưới Bình Điền- Hòn Vọng để nghiên cứu tình hình.

Dùng một cái, có lệnh chuyển hướng trọng điểm công kích của chiến dịch sang đường 14. Đối với lực lượng quân khu chúng tôi đảm nhiệm ở những hướng khác, kế hoạch có thay đổi tí chút cũng không sao, chứ với quân đoàn 2 là cả một cuộc đảo lộn hết sức vất vả. Thay đổi hướng trọng điểm công kích là thay đổi toàn bộ kế hoạch tác chiến, thay đổi toàn bộ công tác chuẩn bị. Thời gian lại quá gấp rút. Đầu như chỉ còn được một tháng để làm lại từ đầu. Thôi thì cứ vất chân lên cổ mà chạy. Cán bộ và trinh sát đi nghiên cứu chiến trường lại còm còm còm gói kéo nhau vào Lưỡi Cái, Kim Sắc, vào Mỏ Tàu - điểm cao 303, 224, 75, 76, v.v. Tuy vùng Mỏ Tàu đối với sư đoàn 324 là nơi quen thuộc, vì mùa hè năm ngoái 324 đã giáng cho bọn sư 1 nguy một đòn trừng phạt đích đáng, lấy lại được vùng đất này. Nhưng vào mùa mưa khi 324 rút ra huấn luyện giao lại cho trung đoàn 271 và trung đoàn 6, thì kẻ địch đã tập trung lực lượng lấn chiếm lại. Tất nhiên kẻ địch không thể nào để nguyên thế bố phòng như cũ. Chúng phải dùng những thủ đoạn mới. Việc chuẩn bị chiến trường của cán bộ và trinh sát cũng không phải giản đơn, cứ theo sách cũ mà làm được. Riêng sư đoàn 325 có nhiệm vụ tác chiến ở hòn Kim Sắc, hòn Lưỡi Cái, điểm cao 494, v.v. thì khá gay go, vất vả. Chiến trường hoàn toàn mới. Phải soi đường mà đi, phải mò vào tận hàng rào, vào tận công sự địch mà xem xét.

Trời lại mưa, mưa chi mưa thối đất. Cánh trinh sát thật không có chỗ đặt ầm lũng, ăn miếng lương khô cũng phải nhón hai ngón tay thật khéo không thì vướng bùn. Chỉ có nước uống là dồi dào. Nước khe nước suối tha hồ, nhưng vẫn chê đục. Cứ lấy lá cây chum lại làm gầu múc nước mưa đựng trong các hốc đá vào bình toong, uống ngọt lịm.

Hãy tưởng tượng xem cánh công binh và cả bộ binh của sư đoàn 325 nữa phải gấp rút mở đường từ Vũng Tròn vào đến sông ruồi, con đường dài 13 ki-lô-mét 500 với khối lượng đất là 33.500 mét khối trong một thời gian ngắn nhất thì vất vả biết chừng nào. Làm ngày, làm đêm. Đường vừa lầy vừa dốc. Lũ máy bay trinh sát của địch không ngớt nhòm ngó, tìm kiếm. Đường làm đến đâu xe pháo nhích đến đó. Tính từng giờ từng phút làm sao cho kịp kéo pháo vào trận địa đúng giờ quy định nổ súng. Những ngày kéo pháo lên tận trên hòn Lưỡi Cái cao tới 847 mét cũng là những ngày vất vả, hào hùng làm chiến sĩ ta được sống lại thời kỳ Điện Biên. Chẳng những pháo binh mà còn phải huy động hàng tiểu đoàn bộ binh, công binh. Hàng ngàn con người căng sức lực ra trên những dây chằng dây cáp kéo những khẩu 122 ly, 105 ly, 85 ly, 37 ly vượt dốc lầy trung bình 20 độ, có chỗ đến 40 độ dưới trời mưa rả rích, dưới tầm đại bác câu tới của địch. Đạn pháo có quả rơi vào giữa đội hình mà chiến sĩ ta vẫn cúi rạp người, găm dây cáp xuống không cho pháo lùi dù chỉ một tấc. Chiến sĩ hy sinh, bị thương đã có người lo, pháo vẫn nhích lên theo nhịp tay chỉ huy "hai, ba, ... nào", y như Điện Biên năm xưa. Phó chính ủy sư đoàn, phó chính ủy trung đoàn trực tiếp chỉ huy kéo pháo. Bộ tư lệnh lữ đoàn công binh hội ý sinh hoạt ngay trên mặt đường. Không khí khẩn trương hồi hã nhưng nghiêm túc không ồn ào. Cán bộ lo từng ngày, tính từng giờ. Khẩu pháo cuối cùng được đưa vào trận địa trên cao đứng vào trước giờ nổ súng. Sau này, lớp con cháu ta sẽ khó mà tưởng tượng được rằng chỉ dùng bằng sức người mà kéo pháo lên cao được như vậy. Ngay sau khi chiến thắng, muốn đưa pháo về xuôi, ta đã phải dùng trục thẳng để cẩu.

Ngày 11 tháng 3 năm 1975 khi sư đoàn 324 đã nổ súng được ba hôm rồi, trung đoàn 18 mới hành quân vào đến nơi. Cán bộ còn tập trung để học tập cách đánh. Quân đoàn phó Hoàng Đan trực tiếp lên lớp cho cán bộ trung cấp. Sư phó Huy lên lớp cho cán bộ sơ cấp. Bàn với nhau cách đánh cũng gấp gáp, khẩn trương. Cán bộ chỉ huy trung đoàn 18 không có thì giờ trinh sát thực địa lần thứ hai. Mà trinh sát thực địa lần hai coi như tổ chức chiến đấu tại chỗ luôn.

Tất cả cái bối cảnh chuẩn bị hết sức hồi hã, hết sức cực nhọc là ở phía đường 14 - nơi được chọn làm trọng điểm quân sự, nơi sẽ diễn ra cú đấm nặng cân nhất có tính chất quyết định cho chiến dịch.

Khi cấp trên quyết định chuyển hướng công kích chủ yếu từ đường 12 sang đường 14, anh em cán bộ quân sự chúng tôi đều thấy phải - tuy có băn khoăn, liệu chuẩn bị có kịp không? Anh em cán bộ ở quân đoàn 2 còn băn khoăn hơn chúng tôi, vì chính các anh mới thực sự là những người vất vả.

Nghe đâu chính ủy quân đoàn 2 - thiếu tướng Lê Văn Linh đã nói một câu, đại để như thế này : "Trước mắt, chúng ta chỉ có 30 ngày để chuẩn bị, nhưng trong thực tế chúng ta đã có ba mươi năm chuẩn bị cho cuộc chiến đấu hôm nay. Phải lấy tinh thần, kinh nghiệm của 30 năm để cuộc chuẩn bị khẩn trương nhưng chu đáo này hoàn thành tốt đẹp...".

Vâng, đúng như thế. Chúng ta đã chuẩn bị từ ba mươi năm nay, ba mươi năm chuẩn bị bằng mồ hôi nước mắt và xương máu. Bởi thế, sự khẩn trương trong suy nghĩ, trong hành động đã thành tư tưởng, thành tác phong của cán bộ, chiến sĩ. Bởi thế, sự tính toán của cấp trên là dựa trên cơ sở khoa học, chính xác mới dám quyết định thay đổi hướng công kích, chủ yếu của chiến dịch. Sau khi giành được thắng lợi hoàn toàn rồi, nhìn lại toàn bộ chiến dịch, càng thấy quyết định chuyển hướng trọng điểm quân sự từ đường 12 sang đường 14 để cắt đứt đường số 1 là chính xác là tuyệt vời. Xét về địa hình Trị Thiên, đoạn hiểm yếu nhất là đoạn đường từ Truồi vào đến Lăng Cô, một bên là phá Cầu Hai, một bên là Trường Sơn, ở giữa chỉ một doi đất quá hẹp, lơ thơ vài xóm nhỏ, có chỗ chỉ đủ cho quốc lộ số 1 và đường sắt chạy qua. Cắt đứt đoạn này là cắt đứt sự liên lạc trên bộ giữa Huế và Đà Nẵng, làm rung chuyển thế phòng ngự của địch ở vùng 1 chiến thuật, làm dao động tinh thần và ý chí của đối phương.

Trong quá trình chiến đấu, chẳng những ta cắt đứt đoạn đường này mà còn bịt chặt cửa Thuận An và cửa Tư Hiền thoát đầu bằng pháo binh, sau đó bằng bộ binh. Trước đòn hiểm bao

vây chia cắt ấy, kẻ địch chỉ có rối loạn, như kiến bò quanh miệng bát bị đun nóng. Điều đó có thể giải thích được tại sao khi ta đánh vào Huế lại dễ dàng và nhanh chóng thế.

Tất nhiên, chuyển hướng trọng điểm công kích từ đường 12 sang đường 14 để cắt đứt quốc lộ số 1 là một quyết định chính xác, táo bạo, nhưng như ta đã biết, không phải là việc giản đơn. Nó đòi hỏi phải có sự cân nhắc, tính toán thật khoa học. Vậy ý kiến đúng đắn này từ đâu đề xuất ra?

Có lần tôi hỏi chuyện một cán bộ sư đoàn, thì anh trả lời :

- Thực ra chúng tôi chỉ là cấp chiến thuật, cấp thực hiện. Sau khi nhận lệnh chiến đấu ở đường 12, chúng tôi liền cử cán bộ, trình sát đi nghiên cứu và nhanh chóng triển khai mọi kế hoạch chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật. Song quả thật, trong lòng vẫn còn đôi chút băn khoăn. Mạn đàm, trao đổi với nhau, chúng tôi nghĩ rằng, đánh đường 12 thì sẽ khó thực hiện được yêu cầu chia cắt chiến dịch lúc có thời cơ.

Hơn nữa, nếu địch tập trung lực lượng be bờ cố thủ thì tình thế chiến dịch dễ bị giam chân tại chỗ, khó phát triển. Chúng tôi nghiêng về ý kiến chọn khu vực đường 14 làm hướng tiến công chủ yếu. Sau đó chúng tôi có mạnh dạn đề nghị ý kiến này lên cấp trên. Nhưng, chính các anh trên Bộ tư lệnh quân đoàn cũng đã sẵn ý kiến như vậy. Khi nghe đồng chí cán bộ sư đoàn nói thế, không hiểu sao, tôi cứ nghĩ đến đồng chí tư lệnh quân đoàn 2 - thiếu tướng Nguyễn Hữu An. Anh An nguyên trước kia là tư lệnh phó quân khu Trị Thiên, vừa đi nghiên cứu quân sự ở nước ngoài về, và nhận chức tư lệnh quân đoàn từ đầu chiến dịch. Vừa tiếp thu được kiến thức và kinh nghiệm của một nền khoa học quân sự hiện đại, chắc anh An là người có khả năng đề xuất những ý kiến mới mẻ.

Nhưng hỏi anh An, anh đáp, đây là ý kiến tập thể của Bộ tư lệnh quân đoàn vừa là trùng hợp với ý kiến tập thể Bộ tư lệnh quân khu. Sau khi thống nhất trong Đảng ủy mặt trận, ý kiến này được báo cáo và thảo luận trong lúc thông qua phương án tác chiến và được Bộ nhất trí. Cuối cùng, Bộ quyết định cho chuyển hướng tiến công chủ yếu của chiến dịch vào hướng Nam Huế.

Thực ra, tôi hỏi vậy cũng vì tò mò. Chứ các đồng chí cấp trên thường là rất nguyên tắc và khiêm tốn : dù là ý kiến cá nhân đề xuất ra, nhưng khi đã thông qua tập thể là trở thành ý kiến tập thể.

Dù sao, trong vấn đề này, sự nhạy bén trong đầu óc cán bộ các cấp là một điều đáng lưu ý. Dường như có tia sáng vô hình nào đó lóe lên, soi rõ mọi ý đồ mọi dự định, và cán bộ chúng ta đã cùng một lúc nhìn thấy được, bắt nắm được. Sau này, khi đã nổ súng, sự hiểu biết lẫn nhau, sự thông cảm với nhau trong ý đồ chiến lược, chiến dịch cũng như phương pháp tác chiến đã biểu hiện điều đó. Nhiều lúc chưa kịp hợp đồng với nhau, mà các cánh quân đều tiến công nhịp nhàng, chưa kịp ra mệnh lệnh, chỉ thị mà cấp dưới đã hành động đúng ý đồ, đúng dự kiến. Phải chăng là chúng ta được soi sáng trong mọi đường lối chung của Đảng, vì chúng ta đã tích lũy được nhiều kiến thức, nhiều chiến thắng, từng đau đớn trước không ít tổn thất, hy sinh. Đúng là chúng ta không chỉ có ba mươi ngày để chuẩn bị, mà chúng ta đã chuẩn bị từ ba mươi năm nay cho trận thắng cuối cùng.

*

* *

Trong những ngày chúng ta chuẩn bị ở đường 14, dường như kẻ địch cũng đã đánh hơi thấy. Theo thông báo của Bộ tư lệnh quân đoàn 1 ngày 3 tháng 3 năm 1975 (tức là trước lúc ta nổ súng 5 ngày) thì ta đã trình sát xong các cứ điểm của sư đoàn 1 ngày từ Hương Thủy trở vào. Lực lượng địch bấy giờ ở Trị Thiên ước tính 56.000 tên, kể cả chủ lực lẫn địa phương (không kể dân vệ và phòng vệ dân sự), tất cả là 41 tiểu đoàn.

Sư đoàn 1, một sư đoàn mạnh nhất của bộ binh quân ngụy gồm có 4 trung đoàn : 1, 3, 51, 54. Chúng có nhiệm vụ phòng giữ phía tây từ Hương Trà vào Hương Thủy đến bắc Phú Lộc. Sư đoàn thủy quân lục chiến gồm có 3 lữ : lữ 147 phòng ngự phía tây Phong Điền, lữ 258 ở Thanh

Hội, Long Quang, lữ 369 ở thành cổ Quảng Trị sau này được rút ra làm lực lượng cơ động. Tóm lại, sư đoàn thủy quân lục chiến chỉ huy luôn cả mấy quân và tiểu khu Quảng Trị trong phạm vi mình phụ trách - đảm nhiệm khu vực chiến đấu từ bắc sông Bồ trở ra.

Sư đoàn dù chỉ để lữ đoàn 2 ở Thừa Thiên do quân đoàn tiền phương nguy trực tiếp chỉ huy, đóng ở đèo Phước Tượng có nhiệm vụ cơ động bảo vệ đường Huế - Đà Nẵng. Liên đoàn biệt động quân 15 gồm ba tiểu đoàn : 60, 61, 94, lúc đầu ở Phú Bài, về sau được đưa vào Phú Lộc do bị no đòn ở đây.

Liên đoàn bảo an 913 ở Quảng Trị, liên đoàn bảo an 914 ở Thừa Thiên. Ngoài ra còn 9 tiểu đoàn bảo an khác trực thuộc hai tiểu khu Quảng Trị và Thừa Thiên.

Lực lượng địa phương gồm 21 đại đội bảo an, 319 trung đội dân vệ, 119 ban chỉ huy phân chi khu quân sự, 2 đại đội cảnh sát dã chiến, 7.000 tên cảnh sát từ xã đến tỉnh, ba mươi ngàn phòng vệ dân sự (trong đó có 23 ngàn tay súng).

Pháo binh mặt đất địch gồm 10 tiểu đoàn, 1 đại đội, 7 trung đội; tất cả có 194 khẩu kể từ pháo 105 ly đến pháo 175 ly.

Về thiết giáp, chúng có 3 thiết đoàn, 260 xe chiến đấu (trong đó có 100 xe tăng M48, M41). Thiết đoàn chiến xa 20 đóng quân ở Đức Tích cùng với lữ đoàn 1 kỵ binh thiết giáp án ngữ vùng phía nam sông Mỹ Chánh, Đồng Lâm đề phòng ta chia cắt chiến trường Trị Thiên ra làm hai.

Thiết đoàn 17 thiết giáp phối hợp cùng lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến đóng ở đồng bằng Quảng Trị, một lực lượng mạnh có thể sẵn sàng tiến công. Thiết đoàn 7 thiết giáp ở ấp 5 phía nam Huế, phục vụ cơ động cho sư đoàn 1 bộ binh nguy. Pháo cao xạ chỉ có một tiểu đoàn mới thành lập gồm 27 xe M42 gắn pháo 40 ly 2 nòng và 37 xe gắn súng máy 12 ly 7 loại 6 nòng và 4 nòng.

Hải quân địch gồm 81 tàu thuyền, phần lớn loại nhỏ. Ở Cửa Thuận, có hai duyên đoàn số 11 và 12 và hai giang đoàn số 60 và 92. Ở cửa Tư Hiền có duyên đoàn số 13. Giang dân số 32 đóng ở bến Tòa Khâm, Huế. Lực lượng không quân của chúng chỉ viện cho chiến trường Trị Thiên do sư 1 không quân ở Đà Nẵng đảm nhiệm. Ở sân bay Phú Bài chỉ có 1 phi đoàn máy bay trực thăng UH.1 từ 18 đến 20 chiếc và hai phi đội máy bay trinh sát từ 8 đến 10 chiếc. Loại máy bay vận tải C.130 đến và đi, không ở lại. Nói chung, lực lượng của chúng khá hùng hậu, được bố trí chặt chẽ, có lực lượng vòng trong, lực lượng vòng ngoài, có lực lượng cơ động toàn chiến trường, có lực lượng cơ động từng khu vực và tại chỗ.

Nhìn thế bố trí của địch, ta thấy chúng có chú ý vào đường 14. Khu vực đường 14 là nơi đã xảy ra nhiều trận chiến đấu quyết liệt từ mùa thu năm ngoái đến nay. Tháng 7 năm 1974, phối hợp với Thượng Đức và Đắc Pếch ta mở trận tiến công từng phát địch ở Mỏ Tàu -303 do trung đoàn 54 và trung đoàn 1 nguy phòng giữ. Bọn địch ở đây đã bị thất thiệt 7 tiểu đoàn, gồm 4.000 tên.

Ngày 6 tháng 8 năm 1974 ta cắt hẳn đường tàu hỏa từ Huế vào Đà Nẵng, và uy hiếp quốc lộ số 1.

Từ đây, bọn Ngô Quang Trưởng, Lâm Quang Thi qua những câu trả lời phỏng vấn của nhà báo nước ngoài đã biểu lộ sự lo ngại khả năng có thể bị chia cắt giữa Phú Bài và Phú Lộc.

Vì thế, chúng đã tập trung toàn sư đoàn 1 và liên đoàn biệt động 15 đối phó với ta từ tháng 8 năm 1974 tới tháng 2 năm 1975 ở quanh đường 14. Cuối cùng, chúng đã tái chiếm được những mảnh đất ta vừa giành giữ. Tuy nhiên, kẻ địch không thể nào yên ổn trên mảnh đất này. Chúng biết, không chóng thì chầy, chúng sẽ bị giáng trả những đòn trừng phạt quyết liệt hơn, mạnh mẽ hơn.

Vào những ngày sau Tết nguyên đán Ất Mão, qua những tin tức của gián điệp tình báo phối hợp với tài liệu phương tiện trinh sát kỹ thuật, kẻ địch cũng biết rằng có một lực lượng đáng kể của quân đoàn 2 sẽ đánh vào đường 14.

Vậy thì tại sao kẻ địch không tập trung lực lượng cao hơn nữa để ngăn chặn ta ở đường 14? Đây là nỗi đau khổ của những người cầm quân không nắm được thế chủ động trên chiến

trường. Lực lượng chúng tuy đông nhưng bị căng mỏng ra, số quân cơ động bị hạn chế. Lâm Quang Thi, cùng tham mưu trưởng là đại tá Hy đã vật mình vật mảy với Ngô Quang Trưởng, tư lệnh quân đoàn 1 xin thêm 1 lữ dù hoặc từ 468 thủy quân lục chiến mới thành lập ở Sài Gòn ra tăng thêm làm lực lượng cơ động cho Trị Thiên. Nhưng làm sao Ngô Quang Trưởng lại có thể đồng ý, khi sư đoàn 304 của ta vẫn uy hiếp chúng ở Thượng Đức. Trong quá trình chiến đấu, chẳng những không được tăng thêm mà còn bị điều mất lữ dù 2, tiếp đến còn điều nốt cả lữ 369 thủy quân lục chiến vào Quảng Nam để đổi liên đoàn biệt động quân 14 ra Trị Thiên, một đơn vị chất lượng chiến đấu chắc chắn là kém hơn bọn lính dù và thủy quân lục chiến.

Không có đủ lực lượng cơ động đã đành, chúng vẫn không thể xem thường cánh bắc. Đòn tiến công quyết liệt 1972 của ta ở Quảng Trị đến bây giờ còn làm chúng khiếp đảm. Như con chim đã chết huyệt một lần, hề thấy cành cây cong cũng sợ, chúng luôn luôn để mắt ra hướng bắc và tây-bắc. Đây là những hướng, ta có vùng giải phóng rộng lớn có thể áp đảo chúng. Cảm giác của tụi tướng tá ngụy luôn luôn bị ám ảnh bởi những trận pháo kích dữ dội, những đoàn xe tăng T.54 lao lên và tiếp theo là những đợt sóng xung phong của bộ binh thiện chiến và gan góc.

Sau này đọc lời khai diễn biến hành quân của sư đoàn thủy quân lục chiến ngụy của tên đại tá Nguyễn Thành Trí, phó tư lệnh sư đoàn, ta càng thấy rõ kẻ địch đã để nhiều sức lực vào việc bố phòng hướng bắc. Không thể bỗng dưng mà chúng đề ra kế hoạch về các giai đoạn phòng ngự. Giai đoạn 1, chúng phòng ngự ở tuyến sông Thạch Hãn, mà chúng gọi là tuyến đen. Ở đây chúng sử dụng một lực lượng mạnh để tiến công hòng vá lại khi tuyến bị chọc thủng. Giai đoạn 2, chúng dự kiến nếu đối phương gia tăng áp lực mạnh ở Quảng Trị, thế không giữ nổi thì co về tuyến đỏ. Tuyến đỏ tức là phòng tuyến sông Mỹ Chánh từ thượng nguồn sông về tận Văn Trinh sang bên kia Thanh Hương. Những kế hoạch này gọi là trì hoãn chiến. Sau này trong quá trình chiến đấu khi đã thực sự bị áp lực mạnh của ta từ phía bắc, chúng đề thêm dự kiến xấu hơn là nếu tuyến đỏ bị chọc thủng thì tử thủ ở tuyến Bắc Bình, tức là tuyến sông Bồ từ Lại Bằng, An Lỗ về dưới ngã ba Sinh. Thực ra hy vọng tử thủ ở tuyến Bắc Bình này là quá mong manh, ở đây chỉ cách Huế trong vòng hai mươi ki-lô-mét trở lại. Nhưng điều quan trọng hơn hết là kẻ địch không đoán chắc được ta sẽ tiến công từ hướng nào là hướng chủ yếu. Chúng vừa lo ở hướng bắc, vừa lo ở hướng tây Phong Điền tức là giữa tuyến đỏ và tuyến Bắc Bình, vừa lo ở đường 12 - con đường ngắn nhất để chọc thủng về Huế, lại càng lo ở đường 14 phía nam, nơi chúng có thể bị ta cắt một nhát sắc bén từ đường 14 qua đường 1 và thế là bị cô lập hẳn với Đà Nẵng và toàn miền Nam. Nỗi lo lắng bồn chồn của chúng là do thế chủ động của ta tạo nên. Nghệ thuật chỉ đạo quân sự là biết đẩy địch rơi vào tình trạng khó khăn, và tiếp theo là biết khoét sâu vào khó khăn ấy.

Để đánh lạc hướng tiến công chủ yếu, để thu hút sự chú ý của địch về hướng bắc, ta đã khéo nghi binh. Một cuộc diễn tập thực binh do Quân khu tổ chức gồm lực lượng của trung đoàn 9 thuộc sư đoàn 304 và lực lượng bộ đội địa phương và dân quân dự kích Quảng Trị có xe tăng và pháo binh tham gia, được tiến hành rầm rộ ở bắc Quảng Trị. Vào thời kỳ đó, ta lại cho xe xích và cả máy kéo nữa cơ động thêm ở một số nơi, di chuyển thay phiên quân ở nhiều địa điểm, nửa kín nửa hở gây không khí chuẩn bị chiến dịch. Và có thể do ta khéo tung tin, bọn phòng nhì của quân đoàn tiền phương ngụy ở Huế cuống cuồng ghi nhận là sư đoàn 308 đã trở lại Quảng Trị. Tin tức này được ghi nhận vào ngày 13 tháng 1 năm 1975 với những chi tiết có vẻ khá cụ thể : sư đoàn bộ đóng ở tỉnh Quảng Trị, Gio Linh, trung đoàn 102 ở sông Vĩnh Phước, trung đoàn 88 ở Khe Sanh, trung đoàn 36 tây Đông Hà có nhiệm vụ sẽ thay thế trung đoàn 101 thuộc sư đoàn 325. Ngoài ra, sư đoàn 341 cũng sẽ vào. Trước mắt, sư đoàn này đã cho một trung đoàn vào đóng phía bắc Cửa Việt. Ở vùng Cửa Việt và Gio Linh chúng còn ghi nhận thêm sự hiện diện của trung đoàn 31, trung đoàn 2, trung đoàn 5 hải quân, trung đoàn 126 đặc công nước,...

Tóm lại, giữa cái hư và cái thực, kẻ địch không biết đằng nào mà tin. Theo tài liệu ta biết được thì bọn địch chỉ thị cho tụi gián điệp, tụi thám báo cố chụp ảnh cho được nghị quyết của Khu ủy Trị Thiên và xác minh lại tin tức về sư đoàn 308. Cố nhiên là chúng không làm được, hoặc là làm được trong vòng ý muốn của ta.

Bọn địch ở Trị Thiên cố ổn định ở phía bắc, để tập trung đối phó với ta ở phía nam Huế.

Cũng như chúng cố ngán chặn ta ở giáp ranh để ráo riết đẩy mạnh bình định nông thôn đồng bằng, nhưng tất cả những cố gắng của chúng đều rơi vào tình trạng khó khăn, vì cơ bản chúng hoàn toàn ở thế bị động cả về chiến lược lẫn chiến thuật. Khi đã bị động đối phó thì lực lượng đông cũng cảm thấy thiếu. Như người đắp chiếc chèn hẹp và ngắn, cổ đằng đầu thì hở đằng chân, kéo về phía trước bụng thì sau lưng gió lọt.

Đây là tâm trạng của lũ tướng tá thuộc quân đoàn 1 nguy khi bắt buộc phải dăng quân ra khắp nơi cả ngoài Trị Thiên - Huế, lẫn trong Đà Nẵng - Quảng Nam, cả trên tuyến tiếp xúc và cả trong vùng nông thôn rộng lớn. Tâm trạng ấy càng trở nên rối bời khi chúng manh nha được sẽ phải chịu đòn trừng phạt quyết liệt sắp tới, nhưng sẽ rơi vào đâu?

*

* *

Cuộc chuẩn bị cho chiến dịch mùa xuân năm 1975 ở Trị Thiên thực sự bắt đầu từ lúc nào? Thật khó mà rạch ròi được điều này. Những anh cán bộ tác chiến chúng tôi do thói quen nghề nghiệp, thường có sự chuẩn bị thực sự bắt đầu từ lúc vạch kế hoạch.

Tôi nhớ một buổi chiều đầu tháng 12 năm 1974, đồng chí trưởng phòng chúng tôi đi dự họp ở Bộ tư lệnh về, tỏ ra rất vui. Khi xách bát đi ăn cơm, anh nói nhỏ với tôi : "sắp sửa mần ăn rồi đó cậu ạ!". Sắp sửa mần ăn, thế là tôi hiểu. Từ đấy chúng tôi xoay tròn ra phục vụ cho Bộ tư lệnh quân khu trong việc vạch kế hoạch tác chiến. Sau này chúng tôi biết thêm : Cuối tháng 1 năm 1975 Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh thông qua kế hoạch thống nhất của quân khu Trị Thiên và quân đoàn 2, quyết định việc lãnh đạo chỉ huy và đến cuối tháng 2 năm 1975 thì kiểm tra và chỉ thị thêm lần cuối.

Tôi vẫn còn ghi nhớ quyết tâm và ý định tiến công của ta lúc bấy giờ :

"Thực hiện mệnh lệnh của Bộ, quyết tâm chung của chúng ta là, tập trung toàn bộ lực lượng B4 và B5, tranh thủ thời cơ thuận lợi của năm 1975, đẩy mạnh tiên công tiêu diệt một bộ phận quan trọng binh lực địch, đánh bật về cơ bản kế hoạch bình định của địch ở Trị Thiên, giành 35 vạn dân ở nông thôn đồng bằng phát động cao trào đấu tranh chính trị ở thành phố, đánh mạnh kho tàng, hậu cứ, triệt phá giao thông, tích cực sáng tạo thời cơ và sẵn sàng chớp thời cơ tiên lên giành thắng lợi lớn - kể cả giải phóng Huế".

Toàn khu Trị Thiên chia làm 5 khu vực tiến công là :

- Nam Quảng Trị.
- Hai huyện Phong Điền và Quảng Điền (bắc Thừa Thiên).
- Đồng bằng Nam Huế.
- Ven đô và thành phố Huế (bao gồm cả huyện Hương Trà và một bộ phận huyện Hương Thủy).
- Trục giao thông từ Truồi trở vào đến đèo Hải Vân.

Trọng điểm giành dân là Phong Quảng. Trọng điểm quân sự và giành dân là nam Thừa Thiên. Mặt trận đồng bằng và mặt trận giáp ranh, phối hợp chặt chẽ với nhau : mặt trận đồng bằng đánh phá bình định, mặt trận giáp ranh thu hút, kiềm chế và tiêu diệt địch.

Kế hoạch dự tính trong năm 1975 sẽ mở hai chiến dịch tổng hợp ở Trị Thiên. Chiến dịch 1 gọi là chiến dịch "Xuân Hè" (ở quân đoàn 2 còn gọi là chiến dịch K.175) từ tháng 3 đến đầu tháng 5 năm 1975. Chiến dịch 2 gọi là chiến dịch "Mùa Thu" khoảng chừng 7 đến tháng 8 năm 1975. Đi đôi với "kế hoạch cơ bản" có "kế hoạch thời cơ" để sẵn sàng chủ động khi có thời cơ thuận lợi lớn; đồng thời có kế hoạch nghi binh để đánh lạc hướng địch như phần trên đã kể.

Những yêu cầu chính của chiến dịch "Xuân Hè" là :

1. Ở đồng bằng, từ phá lỏng đến phá rã hệ thống kìm kẹp của địch giành từ 7 đến 10 vạn dân, phát triển lực lượng vũ trang và chính trị địa phương, đưa cơ quan lãnh đạo chỉ huy xuống

đứng ở vùng sâu.

2. Ở giáp ranh, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá thế phân tuyến, chiếm lĩnh một số địa bàn có lợi nhất là trên đường 14, làm chủ cho được khu vực 303, đánh cắt giao thông phía Phú Lộc và phá kho tàng.

3. Khi có thời cơ thì tung hết lực lượng ra tiến công, giải phóng toàn bộ nông thôn, thực hiện chia cắt chiến lược bao vây uy hiếp thành phố Huế. Nếu có điều kiện thì kết hợp tiến công và nổi dậy để giải phóng hoàn toàn Trị Thiên - Huế.

Thế đấy : nhìn chung quyết tâm, ý đồ và những yêu cầu chính của chiến dịch mùa xuân 1975 ở Trị Thiên và chắc là ở cả miền Nam đều hãy còn khiêm tốn, thận trọng. Thắng lợi hoàn toàn vừa qua là nằm trong kế hoạch thời cơ. Thời cơ không bỗng dưng mà đến, thời cơ do ta tạo nên, do ta biết khoét sâu vào sai lầm của địch. Nhưng đây lại là chuyện khác, chuyện về sau sẽ kể về diễn biến của chiến dịch.

Điểm lại quyết tâm, ý đồ và yêu cầu của chiến dịch để lưu ý một vấn đề tư tưởng chỉ đạo : lúc nào việc tiêu diệt địch và giành dân cũng đều xoắn xuýt lấy nhau. Mọi hoạt động đều lấy giành dân làm đích.

Bởi thế trong công tác chuẩn bị chiến dịch lần này có một điểm khá nổi bật : chúng ta đã huy động hàng ngàn cán bộ địa phương và dân quân du kích tổ chức lại thành từng đội vũ trang công tác - những đội quân xung kích ở cơ sở. Có đến gần 150 đội như thế. Đúng như tên gọi của nó, đội có 3 nhiệm vụ và chức năng chủ yếu : xây dựng phát triển thực lực cách mạng, xung kích trong khởi nghĩa vũ trang, nòng cốt trong việc xây dựng, bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng mới. Các đội được tổ chức chặt chẽ, huấn luyện chu đáo cả về chính trị lẫn quân sự, sẵn sàng tung về khắp nơi nhất là ở những trọng điểm giành dân.

Trong câu chuyện làm "tham mưu con" của đám chiến sĩ trẻ trung đoàn Phú Xuân, cậu Tư có nhắc tới cô Lưu nào đó với niềm tin mãnh liệt vào chiến dịch" vào đội vũ trang công tác của mình - đã mời Tư về thôn Thế Chí Đông bên kia phá Tam Giang ăn cá biển. Chúng ta tin rằng, Tư không bịa chuyện. Tôi đã từng gặp nhiều cán bộ, du kích địa phương trong thời gian họ còn tập trung học tập; quả thật, hầu như ai cũng vậy, nhất là đám các cô gái họ rất tin vào đợt làm ăn sắp tới. Chưa nghĩ đến toàn Trị Thiên - Huế sẽ được giải phóng như hôm nay, nhưng ai cũng hình dung ra từng mảnh đất tự do, từng thôn làng giải phóng như quyết tâm của trên và cũng là của bản thân họ. Có thể do nỗi thèm khát được trở về với quê hương tự do của mình sau nhiều năm phải nằm hầm nằm hố, chui rúc bờ bụi hoặc lên rừng, nhưng chắc chắn là có những điều, sâu xa hơn nữa thuộc về lý tưởng cách mạng, thuộc về ý đồ của chiến dịch và trước hết thuộc về công tác tổ chức cụ thể về hành động. Gặp anh Luyện bí thư huyện ủy Phong Điền, anh vui vẻ nhắc lại với tôi những kỷ niệm đẹp để năm 1964 - 1965 lúc Phong Chương, Quảng Thái còn là "đất thánh" cách mạng của hai huyện Phong Điền, Quảng Điền. Câu chuyện của anh nhắc tới những lúc đi xuống mấy đuôi tôm qua bên kia phá Tam Giang, những lúc chúng tôi đèo nhau xe đạp đi từ Mỹ Phú về Phò Trạch... Nhắc tới quá khứ một cách vui vẻ là anh muốn tỏ ra thận trọng, không vội bốc đồng huênh hoang về tương lai. Tuy nhiên, qua cặp mắt tự tin và giọng nói kiên nghị của anh, tôi hiểu rằng, anh hoàn toàn tin vào kế hoạch của huyện ủy sẽ giải phóng hoàn toàn và làm chủ ở 6 thôn (Mỹ Phú, Nhất Phong, Phò Trạch, Vĩnh An, Trạch Phố và Ưu Điền), đưa 27 thôn còn lại của huyện Phong Điền lên vùng tranh chấp (kể cả những thôn bên kia phá Tam Giang mà địch tách ra làm quận Hướng Điền). Nhân thế xin nói thêm điều này : có vài anh cán bộ khi nói chuyện với tôi cho rằng, vừa qua chẳng thấy quần chúng nổi dậy đâu cả vì cơ sở quần chúng ta còn quá yếu. Thực ra không phải hoàn toàn như thế, nhìn chung, cơ sở ta còn yếu thật. Yếu là so với yêu cầu của cách mạng, yêu cầu một cuộc nổi dậy đồng loạt có tính chất quyết định, chứ không phải quá yếu. Ngay ở huyện Phong Điền chẳng hạn, xã nào cũng có chi bộ đảng từ 3 đến 5 đảng viên. Nói riêng cơ sở quần chúng ở một thôn như thôn Nhất Phong thuộc xã Phong Chương là khá mạnh. Ở đây có 1 chi đoàn thanh niên, 5 tổ phụ nữ và nông hội, 45 quần chúng cốt cán và 1 tổ du kích gồm 12 người. Số du kích này, đa số nằm trong hàng ngũ phòng vệ dân sự của địch.

Nếu nói vùng sâu thì ở Trị Thiên ta chắc không đâu sâu hơn thành phố Huế, ở đây, kẻ địch luôn luôn tìm mọi thủ đoạn đánh phá phong trào cách mạng, nhất là sau cuộc tổng công kích

Mậu Thân. Xây dựng cho được một cơ sở quần chúng cách mạng thật không dễ dàng gì. Vậy mà trước khi giải phóng, Huế cũng đã có 8 chi bộ Đảng, ba mươi chi đoàn thanh niên phần lớn trong giáo chức, sinh viên, học sinh. Ngoài ra còn 170 cơ sở quần chúng cách mạng và 6 sĩ quan nội tuyến. Ở nông thôn cũng như ở thành phố, khi quần chúng bị o ép dưới bàn tay bình định khắc nghiệt, tàn bạo của địch mà có được những tổ chức cơ sở như vậy thật là đáng kể.

Hãy tưởng tượng xem khi có đòn tiến công quân sự hỗ trợ, với những đội vũ trang công tác được tổ chức huấn luyện chu đáo lại có sự hợp đồng với mạng lưới cơ sở quần chúng cách mạng nằm sâu trong lòng địch, sao lại không làm nên chuyện? Sao lại không vận động đông đảo quần chúng nổi dậy được?

Trong thực tế, qua quá trình diễn biến của chiến dịch, các đội vũ trang công tác đã đóng góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung.

*

* *

Cuộc chuẩn bị chiến đấu ở Trị Thiên chúng ta năm nay ngoài việc phải hết sức bí mật, tạo yếu tố bất ngờ để giành thắng lợi còn dựa trên phương châm vừa tiến công vừa chuẩn bị, vừa chuẩn bị vừa tiến công; phương châm đúng đắn này được Khu ủy và Quân khu ủy đề ra và tính liệu từ năm 1974, tạo cơ sở và tiền đề cho năm 1975. Nhìn chung toàn chiến trường, ta thấy khi trung đoàn 271, trung đoàn 6 còn giành giết với địch ở Mỏ Tàu - 303 thì quân đoàn 2 đã khẩn trương chuẩn bị bước vào chiến dịch, các đội vũ trang công tác đã được tập trung huấn luyện, học tập. Khi chiến dịch đã nổ súng, sư đoàn 324, trung đoàn 4, trung đoàn 271 đã chiến đấu quyết liệt hàng tuần lễ các đội vũ trang công tác cùng bộ đội địa phương đã giành giết với địch từng thôn, từng làng ở đồng bằng, thì sư đoàn 325 vẫn gấp rút hoàn thành chuẩn bị vào đợt hai. Ngay trong từng đơn vị cũng có bộ phận tiến công, bộ phận chuẩn bị. Chuẩn bị khẩn trương chu đáo là tạo điều kiện tiến công thắng lợi. Ngược lại, tiến công thắng lợi chính là thiết thực chuẩn bị cho bước phát triển mới.

Khó mà rạch ròi được thời gian giữa chuẩn bị và tiến công. Bởi thế, nếu nói cuộc chuẩn bị này trong ba mươi ngày hoặc cuộc chuẩn bị này đã ba mươi năm đều chỉ là một cách nói mang ý nghĩa tượng trưng.

IV. HÃY ĐỢI ĐẤY ! KHÔNG LÂU NỮA ĐÂU !

Tên bồi bàn da vàng ở Mỹ, tên bại tướng Lâm Quang Thi ấy chắc chưa thể quên được những ngày còn quá vui vẻ - những ngày cuối tháng 2 năm 1975. Đối với những tên tướng tá của cái "đệ nhị cộng hòa" thì vui vẻ nhất là lúc được hoàn toàn yên tâm. Riêng với Lâm Quang Thi, chỉ cần đôi chút yên tâm, hắn đã quá vui vẻ rồi.

Thời kỳ đó, chắc hẳn biết tổng thống Thiệu không mấy vui. Nỗi buồn phiền của Thiệu tấy lên như nhức nhối kể từ ngày vụ "Oa-tơ-giê" vỡ lở, Ních-xon bị nốc ao, và anh chàng Pho bắt tài bất lực đành chịu lép vế trước sức ép của quốc hội Mỹ đang tìm mọi cách hạn chế quyền hành của tổng thống mà điều quan trọng nhất là không chịu tăng viện thêm cho Nam Việt Nam. Tiếp đến khi ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, Nhà trắng và Lầu năm góc làm ầm ỹ lên như thế, tướng sẽ có hành động quyết liệt vậy mà về sau vẫn êm re. Đến cái mức tối thiểu là tăng viện thêm cho Nam Việt Nam cũng không nốt. Không riêng Lâm Quang Thi mà đa số tướng tá ngụy coi sự kiện trên chỉ là thử thách nhau mà thôi. Hoa Kỳ làm ra vẻ lạnh nhạt với Nam Việt Nam là để họ phải gia tăng tự lực chiến đấu, để họ phải buộc chặt hơn nữa với Hoa Kỳ. Còn như ông Thiệu để mất Phước Long một cách dễ dàng và không chủ trương tái chiếm là cốt gây sức ép với Hoa Kỳ, cốt mè nheo yêu sách viện trợ tối đa. Tất cả những trò xiếc trên sân khấu chính trị này sẽ phải chấm dứt để nhường chỗ cho sự thật là Hoa Kỳ không đời nào bỏ rơi Nam Việt

Nam. Đây là điều ngu xuẩn mà bọn Lâm Quang Thi cố tin vào đó tìm đôi chút yên tâm. Hơn nữa, chắc bọn hăn vẫn cảm thấy cái “đệ nhị cộng hòa” còn bẽ thế lắm. Có sút mẻ tí chút rồi sẽ hàn gắn lại, không sao cả. Bởi thế, Bộ tổng tham mưu nguy còn nhận định rằng sắp tới, ít ra là trong năm 1975 này, ta chưa tổng tiến công được mà chủ yếu là đánh phá bình định. Có thể mở những trận tiến công vào Công Tum và đồng bằng sông Cửu Long. Muốn tổng tiến công phải là năm 1976.

Bộ tổng tham mưu nguy đã đề ra kế hoạch Lý Thường Kiệt, tìm mọi biện pháp bảo toàn lãnh thổ, không để một tấc đất rơi vào tay đối phương.

Thực chất kế hoạch Lý Thường Kiệt là tìm cách chặn ta trước. Huy động không quân đánh vào hành lang ta, hạn chế sự chi viện từ miền Bắc vào. Tổ chức diễn tập hải quân “Con chồn biển” để đề phòng đường tiếp tế biển của ta. Tăng thêm lực lượng dù và thủy quân lục chiến để có khả năng cơ động tốt hơn. Điều chỉnh lại lực lượng để phù hợp với kế hoạch phòng thủ “ưu tiên số 1” là Sài Gòn và vùng châu thổ sông Cửu Long. Sự chú ý tiếp đó là đồng bằng miền Trung Trung Bộ, nơi được coi là quan yếu. Tây Nguyên, biên giới, giáp ranh còn là “ưu tiên số 2”. Theo nhận định trên, thì Trị Thiên - Huế chưa phải là điểm đối tượng tiến công chủ yếu của ta. Riêng điều đó cũng đủ làm Lâm Quang Thi yên tâm rồi.

Cố nhiên, mọi sự tính toán sắp xếp là do Thiệu, Viên, Bộ tổng tham mưu nguy lo. Nhưng rút dây động rừng, khi bị điều hết lực lượng dù vào Đà Nẵng, vào Sài Gòn hăn có xuýt xoa tí chút, song với số quân hiện có là trên 40 tiểu đoàn, hăn có thể xoay xở được. Nói hăn có thể xoay xở là một cách nói để diễn đạt những điều có liên quan tới kế hoạch và nhận định của Bộ tư lệnh quân đoàn tiền phương nguy mà chúng tôi biết. Chứ thực ra, theo lời một sĩ quan cấp tá ở trại cải tạo mà sau này chúng tôi gặp, thì Lâm Quang Thi là tên tướng bất tài, vô học và ưa huênh hoang. Hăn là hăn phải dựa vào Ngô Quang Trưởng, một tên tướng mà hăn vừa phục vừa sợ lại vừa ghen ghét. Nhưng thôi, nói làm gì chuyện nội bộ thối tha của chúng nó, chỉ biết là tụi chỉ huy quân đoàn tiền phương nguy ở Huế đến cuối tháng 2 năm 1975 vẫn còn nhận định về phía ta rất cứng nhắc. Chúng cho rằng, ta chỉ giữ chốt, cầm chân không đánh mạnh, chủ yếu là xây dựng cơ sở ở đồng bằng. Sau Tết nguyên đán, ta sẽ đánh phá Bình Định, đánh cắt giao thông bộ và làm tê liệt phi trường. Đi đôi với những hoạt động trên là hoạt động vũ trang ở thành phố.

Điểm lại phía mình, bọn Lâm Quang Thi cho rằng chúng đã bình định được đồng bằng khá chặt, 100% ấp loại A. Tuy nhiên, chúng vẫn ra sức củng cố hệ thống kim kẹp, tăng cường hành quân cảnh sát, nhằm đánh phá cơ sở của ta và đề phòng quần chúng bạo động. Vào thời kỳ đó chúng điều động tiểu đoàn 12 bảo an đang ở núi Yên Bào về đông Phong Điền, phía tây phá Tam Giang, vùng nông thôn mà chúng cho là xung yếu. Ở phía nam có một sự hoán đổi giữa ba tiểu đoàn bảo an khác : tiểu đoàn 128 đang giữ Lăng Cô nay ra Phú Lộc thay tiểu đoàn 111, tiểu đoàn 111 vào Động Tót thay tiểu đoàn 107, tiểu đoàn 107 lại vào Lăng Cô.

Sự hoán vị này nhằm mục đích phân công thích hợp với khả năng chống giữ của từng đơn vị, ngoài ra, thông thường chúng vẫn không muốn để một đơn vị ở một nơi lâu để bị ta bắt rử vào làm nội ứng.

Về bố trí lực lượng chủ lực, chúng tổ chức phòng ngự từng khu vực (lấy trung đoàn hoặc đơn vị tương đương làm chủ) tập trung vào ba trọng điểm : Quảng Trị, Huế và trục giao thông đường 1, nhất là phía nam đoạn Huế - Đà Nẵng.

Trên hướng Bắc Huế chúng đưa hầu hết lực lượng bảo an ra vòng ngoài, để thủy quân lục chiến ở phía trong làm lực lượng cơ động tại chỗ. Ở hướng nam, chúng lại đưa hầu hết sư đoàn 1 bộ binh ra phía ngoài và tập trung vào khu vực Mỏ Tàu - 303 và Nong, Truồi. Đồng thời, tập trung lực lượng bảo an và một bộ phận chủ lực chốt giữ các đoạn giao thông quan trọng từ Lăng Cô đến Đá Bắc. Chúng cố gắng điều chỉnh dần thế bố trí để rút bớt lực lượng chiếm đóng ra làm cơ động và tranh thủ luân phiên củng cố một phần lực lượng. Nhìn chung, cả ở trên tuyến tiếp xúc giáp ranh cũng như ở đồng bằng nông thôn, kẻ địch có vẻ ổn định.

Chính cái vẻ ổn định ấy khiến cho tụi Lâm Quang Thi cảm thấy yên tâm. Chúng biết ta sẽ đánh, nhưng coi như đã sắp xếp đối phó xong, cứ yên trí mà ăn nhậu vui vẻ.

Vào thời kỳ đó, Huế rất đẹp. Sau những cơn mưa, trời trong ra, không nắng. Buổi sáng sương dâng mờ sông Hương để những tà áo trắng của các cô nữ sinh Đồng Khánh đi dọc đường Lê Lợi nom xa như ẩn như hiện. Cảm giác trở nên nhẹ nhõm và thanh khiết. Buổi chiều, phía trên cầu Bạch Hổ ló chân trời màu vàng nhạt điểm những cụm mây màu vỏ trứng. Trên đường Trần Hưng Đạo, người và xe đi lại nườm nượp. Đông đúc là thế mà sao vẫn không hối hả vội vàng như Sài Gòn, Đà Nẵng. Huế vẫn có cái phong thái riêng : dường như đình đặc và hơi vô tư. Ít ra đây cũng là cảm giác của tên tướng tư lệnh tiền phương khi hắn còn đủ thì giờ để chiều chiều, tiền hô hậu ủng đi đánh tơ-nít bên kia cầu Tràng Tiền. Vào những ngày cuối tháng 2 năm 1975, người ta cảm thấy hắn nhậu nhẹt chơi bời ở nhà mụ Dạm chủ rạp xi-nê Tân Tân. Không ai biết hắn trác táng như thế nào, nhưng nếu cuộc vui mà có Bùi Thế Lâm tư lệnh thủy quân lục chiến và Lê Quang Lương tư lệnh lính dù thì thế nào cũng có Tường Loan hiệu trưởng trường Đồng Khánh và Tiểu Bích hiệu trưởng trường Thành Nội. Các bà ấy công khai khoác tay các vị tư lệnh để cho các em nữ sinh tha hồ bắt bớ với sĩ quan lính tráng, đặt làm cái trò kết nghĩa, thực chất là làm ô uế học đường, làm nhục xứ Huế.

Những ngày hoan lạc cuối cùng, Lâm Quang Thi, tên bồi bàn da vàng ở Mỹ ấy hiện nay hắn còn nhớ. Nhớ và nuối tiếc một thời. Nhưng hắn đâu biết rằng, trong những ngày ấy nhiều người trong đám nhân dân lao động, trong giáo chức, sinh viên và học sinh đang luôn luôn theo dõi bọn hắn, đã nguyện rửa : "Được rồi! Cho chúng mày cứ hoách lác, cứ dú đờn đi! Hãy đợi đấy! Không lâu nữa đâu, các con ạ!".

*

* *

"...Không lâu nữa đâu! ...". Hôm ấy đã là ngày 28 tháng 2 năm 1975. Ở Hà Nội, đại tướng Võ Nguyên Giáp và Trung tướng Tổng tham mưu phó Lê Trọng Tấn đã thông qua xong kế hoạch tác chiến của chiến trường Trị Thiên - Huế với anh Hồ Tú Nam thay mặt Bộ tư lệnh quân khu Trị Thiên và Hoàng Đan thay mặt Bộ tư lệnh quân đoàn 2.

Trong lúc các anh Hồ Tú Nam và Hoàng Đan trên đường trở lại chiến trường, để kịp thời triển khai công việc anh Lê Trọng Tấn đã chỉ thị cho anh Lê Tư Đồng tư lệnh kiêm chính ủy quân khu Trị Thiên và các anh Nguyễn Hữu An, Lê Văn Linh, tư lệnh và chính ủy quân đoàn 2. Nội dung chỉ thị tập trung vào hai điểm :

1. Đúng ngày N. đã xác định, phải có hoạt động nhỏ và vừa bằng đặc công, đánh giao thông, kho tàng, diệt các ban chỉ huy tiểu đoàn địch ở điểm cao 235 (tây Hải Lăng) ở Cánh Giời. Tích cực nghi binh để phối hợp chiến trường. Riêng các trận đánh then chốt của B5 và trận đánh tập trung của trung đoàn 6 thuộc B4 có thể chậm so với ngày N. là 3 ngày (N + 3).

2. Về hướng tác chiến của B5 như vậy là được. Riêng B4 cần tập trung trung đoàn 6 giải quyết cho được Chúc Mao. Sau đó tập trung lực lượng khoảng 2 trung đoàn trên hướng Chúc Mao, Sơn Na tiêu diệt tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, kiểm tra khu vực đó, hiệp đồng với hướng của chủ lực B5, hình thành hai hướng uy hiếp địch ở vùng giáp ranh, tạo điều kiện hỗ trợ hiệu lực cho đồng bằng. Cụ thể sẽ có chỉ thị tiếp.

Thế là tình hình chuẩn bị cho chiến dịch đang bước vào thời kỳ gấp rút hoàn thành. Ngày N được quy định là ngày 5 tháng 3 năm 1975. Vào ngày đó, theo lệnh của Bộ đã phải có hoạt động nhỏ và vừa và đến N + 3 tức ngày 8 tháng 3 năm 1975 sẽ nổ ra những trận đánh then chốt. Chiến trường Trị Thiên là chiến trường phối hợp với Tây Nguyên, theo ý đồ của Bộ là phải nổ súng sớm hơn, ngoài những yêu cầu của chiến dịch, nhìn chung về sự chỉ đạo chiến lược mà nói, cần phải cầm chân địch lại, không cho chúng rảnh tay tập trung đối phó với ta ở chiến trường chính. Toàn bộ kế hoạch chiến. dịch ở Trị Thiên - Huế đã được Đảng ủy mặt trận nhất trí thông qua ngày 21 tháng 2 năm 1975 tại sở chỉ huy quân khu Trị Thiên.

Bấy giờ chỉ còn một tuần lễ nữa để vào giờ nổ súng. Thời gian là vàng ngọc. Tất cả bộ máy quân dân chính của ta đang chuyển động khẩn trương. Ở Bộ tư lệnh quân khu, vào thời kỳ đó chúng tôi đang hết sức vất vả vì có sự thay đổi trong tổ chức chỉ huy. Ban đầu Bộ tư lệnh quân

khu tổ chức thành hai bộ phận : một bộ phận chỉ huy tiền phương ở hướng trọng điểm, có nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ mặt trận nam Thừa Thiên, bao gồm cả đường 12 và thành phố Huế và trực tiếp hiệp đồng với quân dân, bộ phận phía sau, ở sở chỉ huy cơ bản, trực tiếp chỉ đạo chỉ huy cánh bắc Huế và Quảng Trị, đồng thời lo việc hậu phương.

Ngoài ra theo quyết định của khu ủy, một bộ chỉ huy hỗn hợp có tính chất tạm thời được tổ chức để trực tiếp phụ trách khu vực chỉ đạo thí điểm của khu ủy ở Phong Quảng. Khi các bộ phận chỉ huy cùng các cơ quan giúp việc đã triển khai, thì Bộ chỉ thị thay đổi lại. chỉ huy chung của quân khu (bao gồm các cơ quan) cần tập trung ở hướng nam, không được phân tán.

Thế là sở chỉ huy cơ bản chúng tôi đang ở Cốc Ba Bó trên trục đường 70, 71 lại vội vàng di chuyển vào phía nam, nơi đặt sở chỉ huy tiền phương ở hữu ngạn sông Hữu Trạch. Di chuyển một sở chỉ huy, tất nhiên không phải việc giản đơn, từ việc hành quân, hầm hố, chỗ ở và làm việc, đến tổ chức mạng lưới thông tin, mạng lưới chỉ huy, v.v. tất cả đều phải tiến hành đồng thời với công tác chỉ huy theo dõi các đơn vị hàng ngày, hàng giờ. Hơn nữa, các cục các phòng phải điều chỉnh lại cán bộ, trợ lý : ai ở lại sở chỉ huy cơ bản, ai đi theo dõi đơn vị, ai ra sở chỉ huy hỗn hợp lâm thời ở cánh bắc, ai ở phía sau. Cái bận rộn vất vả này có vẻ như một sự lãng phí. Phải chăng, qua vấn đề này, cũng cần rút ra những bài học về việc thấu triệt ý đồ của cấp trên trong xác định hướng trọng điểm chiến dịch và kiên quyết tập trung chỉ huy chỉ đạo vào nơi có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của toàn chiến dịch.

Tuy nhiên, những vấp vấp trên cũng được khắc phục nhanh chóng. Mặc dù thời tiết không thuận lợi, vận chuyển khó khăn, nhưng nhờ sự cố gắng chung của cơ quan, đến ngày N. tức là ngày 5 tháng 3 năm 1975, việc tổ chức cơ quan chỉ huy đã tương đối hoàn chỉnh. Đảm bảo cho Bộ tư lệnh quân khu chỉ huy cuộc tiến công từ đầu.

Vào ngày đó, nhìn lên bản đồ bố trí lực lượng của ta, anh em cán bộ trong phòng tác chiến chúng tôi, ai cũng cảm thấy vừa phấn khởi, vừa hồi hộp. Y như những quân cờ đã bày sẵn trên bàn cờ thế.

Về phía quân đoàn 2, thì quân đoàn bộ đã cắm ở động Truồi, sư đoàn 324 đang triển khai quân ở khu vực đường 14. Sư đoàn 325 tuy còn trung đoàn 18 đang trên đường hành quân vào, song coi như cán bộ chủ chốt, trinh sát đã bám sát những mục tiêu quanh hòn Kim Sắc : những điểm cao 310, 312, 520, 560, 499, v.v. Đường kéo pháo đang gấp rút hoàn thành và những khẩu pháo của trung đoàn 84 đang được dần dần kéo lên điểm cao 769 ở hòn Lưỡi Cái. Lữ đoàn 203 xe tăng, tuy buổi đầu Bộ chưa cho lệnh sử dụng nhưng vẫn cài thế sẵn sàng cơ động. Các đơn vị trực thuộc khác thì thôi khỏi phải nói, bộ binh ở đâu là họ có đấy.

Về phía Quân khu, thì các lực lượng đều đã đứng chân vào nơi quy định. Sở chỉ huy tỉnh đội Quảng Trị ở phía nam động Chiêng Dông, cách điểm cao 367 - một điểm cao cách đang chốt giữ - có 3 ki-lô-mét. Quanh tỉnh đội đã có tiểu đoàn 10 đặc công, tiểu đoàn 8 bộ binh, còn tiểu đoàn 812 bộ binh thì đã ở động Tiên. Tiểu đoàn 14 bộ binh ở tuyến tiếp xúc Với địch phía Tích Tường, Như Lệ. Tiểu đoàn 3 bộ binh, ở thôn Lệ Xuyên cũng trên tuyến tiếp xúc phía đông. Phía sau tiểu đoàn 3 là đại đội 7 xe tăng thuộc lữ 203.

Sở chỉ huy trung đoàn 4 ở núi Công Tắt, các tiểu đoàn ở chân điểm cao 254, ấp Sơn Quả, ấp Công Thành sẵn sàng tiến công cứ điểm Phố Lại. Tiểu đoàn 10 bộ đội địa phương Thừa Thiên phối thuộc cho trung đoàn 4 ở tây-bắc động Mái Nhà.

Tiểu đoàn 32 ở động A Vó, gần Tà Lương.

Toàn trung đoàn 271 đã ở chân đồi 401 ở phía nam núi Kệ 4 ki-lô-mét.

Trung đoàn 6 ở phía Bắc điểm cao 481.

Tiểu đoàn 4 ở bắc Truồi 3 ki-lô-mét đang hành quân về khu B.57.

Tiểu đoàn 5 ở cây số 7 đường Bạch Mã.

Tiểu đoàn 21 ở phía nam Hói Mít.

Tiểu đoàn 2 đặc công tỉnh Thừa Thiên ở đông- nam động Mang Chang, nhưng thực tế đã phân tán để đánh những mục tiêu quy định. Sở chỉ huy tỉnh đội Thừa Thiên đã dời về Đá Đen phía nam động Mang Chang.

Các đội công tác vũ trang đã ở địa điểm tập kết của từng huyện, trong khi đó một số cán bộ kể cả quân sự và chính trị đã luồn về dưới đồng bằng bắt liên lạc với cơ sở, chuẩn bị mọi điều kiện cho lực lượng đột nhập đồng bằng.

Tóm lại, tất cả các lực lượng đều đã sẵn sàng, có đơn vị đã hoàn tất công tác chuẩn bị cũng có đơn vị đang gấp rút hoàn thành nốt những công việc cuối cùng, sở dĩ còn dở dang vì chủ yếu là do ảnh hưởng của những trận mưa kéo dài - nhất là ở phía nam. Tất cả đều đang hồi hộp đợi giờ G. điểm, giờ nổ súng của chiến dịch.

*

* *

Thực ra, không phải đợi đến giờ G. tiếng súng chiến dịch mùa xuân ở Trị Thiên đã bắt đầu từ đêm 2 tháng 3 năm 1975. Đây là một chớp lửa xé tan màn đêm soi rõ đường viền của những đám mây nặng nề, kèm theo là tiếng nổ chuyển đất dường như cứ âm vang mãi trên sông nước, trong xóm thôn và dội về tận thành phố Huế : cầu An Lão đã bị đại đội 25 đặc công nước của tỉnh Thừa Thiên phá sập.

Chiến công này không lớn, phá sập cầu thì chỉ trong ngày hôm sau kẻ địch sẽ huy động công binh sửa chữa lại, nhưng cùng với những trận đánh xe trên đèo Hải Vân của tiểu đoàn 21, những hoạt động uy hiếp địch ở tuyến tiếp xúc gây cho địch một điều gì đó không được yên ổn . Đối phương bắt đầu rồi chẳng, bắt đầu như thế nào hay chỉ có thế, thực sự bắt đầu hay chỉ là diễn biến bình thường. Trong chiến tranh những diễn biến như vậy, kể ra hãy còn là bình thường. Chiến dịch thực sự bắt đầu từ không giờ ngày 5 tháng 3 năm 1975 (ngày N.). Không phải bằng trận tiến công có nổ súng, mà bằng cuộc diễn tập thực binh ở bắc Quảng Trị, hướng nghi binh của ta. Trước đó hàng tuần lễ, Quân khu đã cử đồng chí trưởng phòng quân huấn đi lo liệu việc này.

Vào giờ quy định, ở một số trọng điểm ở bắc Quảng Trị như Cửa Việt, Đông Hà, Mai Lộc, Cam Lộ đều được lệnh báo động. Dân quân du kích tập trung cơ động ngay đến vị trí chiến đấu. Nhân dân sửa sang lại công sự, thu xếp gọn gàng nhà cửa, đồ đạc sẵn sàng sơ tán đề phòng địch oanh tạc phản pháo.

Trung đoàn 9 thuộc sư đoàn 304 cùng với tiểu đoàn 3 bộ đội địa phương Quảng Trị, dân quân du kích Triệu Phong có đại đội 7 xe tăng thuộc lữ 203 tham gia, đã diễn tập tiến công quanh khu vực Cửa Việt - Thanh Hội. Quân khu trực tiếp chỉ huy cuộc diễn tập này qua điện đài. Tình huống của trận tiến công này là vào ngày hôm sau sẽ đánh chiếm chợ Sãi, Nại Cừu phía bên kia, đằng sau tuyến tiếp xúc của địch. Có điều là ta chưa thực sự tiến công, chỉ rập rình triển khai đội hình ở phía bên này. Trong lúc đó, bọn địch không lộ vẻ khiêu khích như trước kia, im lặng đào công sự - đào công sự hồi hả và tích cực. Đêm, chúng bắn pháo sáng liên tục và tất nhiên là phải tăng cường cảnh giới.

Cuộc diễn tập được tiến hành tiếp tục vào ngày hôm sau, hôm sau nữa ở hướng thứ yếu : hướng Ái Tử, Tích Tường, Như Lệ. Ở hướng này do tỉnh đội Quảng Trị trực tiếp bố trí, lực lượng tham gia gồm có tiểu đoàn 14, tiểu đoàn 812 và đại đội Lê Hồng Phong bộ đội địa phương tỉnh, cùng lực lượng dân quân du kích trên tuyến phòng thủ và dân quân du kích ba xã phía tây đường 1 của huyện Triệu Phong. Trong lúc đó, Bộ cho trung đoàn 46 vào thay thế vị trí trung đoàn 9. Trước đó ít hôm trung đoàn này đã bí mật hành quân trở về đội hình của sư đoàn 304 làm đội dự bị của quân đoàn. Và trung đoàn 3 thuộc sư đoàn 324 đang ở Thượng Đức cũng trở về đội hình của sư đoàn bấy giờ đang sắp mở trận tiến công quyết liệt vào khu vực Mỏ Tàu - 303, hướng trọng điểm quân sự của chiến dịch.

Cuộc diễn tập đã gây cho địch một trạng thái tâm lý căng thẳng. Nếu không hoàn toàn bị mắc lừa thì kẻ địch cũng bối rối. Cùng với tin sư đoàn 308 vào Quảng Trị chưa được xác minh cụ thể, bọn Ngô Quang Trưởng ở Đà Nẵng, Lâm Quang Thi ở Huế, chưa thể nào dám rút bớt lực lượng thủy quân lục chiến vào tăng cường cho hướng nam. Có thể nói, với lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích Quảng Trị, ta đã cầm chân được bọn địch lại. Điều quan trọng hơn,

là trong khi bộ đội rập rình phía trước mặt, thì các đội vũ trang công tác và một số phân đội bộ đội khác đã bí mật luồn vào sau lưng địch, chuẩn bị chờ giờ G. nổ súng tiến công.

*

* *

Xin nói xen ngang vào câu chuyện một điều này : làm anh trợ lý tác chiến, hay nói rộng ra là bất kỳ anh trợ lý ở phòng nào thuộc tham mưu, chính trị, hậu cần của cơ quan quân khu như chúng tôi, mỗi lần vào chiến dịch - ai nấy đều ước ao được xuống đơn vị làm phái viên. Hoặc phái viên đốc chiến, phái viên chính trị hoặc phái viên chỉ truyền đạt mệnh lệnh, chỉ thị hay có tính chất nghiên cứu, theo dõi, v.v. tóm lại là nhận nhiệm vụ gì mà được xuống chiến đấu với đơn vị là thích thú. Cũng không phải để thay đổi không khí, để có cơ hội phát triển khả năng hay lập công cụ thể, nhưng dường như ai cũng cảm giác là có đi như vậy mới thực sự là đi chiến dịch. Cố nhiên, đây là cảm giác thiên lệch - tuy nguyện vọng của từng người tiêu chính đáng, nhưng cảm giác như vậy thì quả là thiên lệch.

Vào chiến dịch xuân 1975, thoát đầu, tôi cũng có cảm giác thiên lệch như vậy. Chả là vì tôi không được phân công đi theo dõi đơn vị như một số anh em khác, mà được đồng chí trưởng phòng giao ở nhà "gác gôn". Đây là một cách nói cho vui chứ "gác gôn" nào có phải mình tôi, hơn nữa, đâu phải chuyện giữ nhà là nhàn nhã, thoải mái. Cùng đồng chí trưởng phòng, nhóm trợ lý chúng tôi có trách nhiệm thay nhau trực suốt ngày đêm để phục vụ công tác chỉ huy của Bộ tư lệnh.

Vào những ngày từ 5 đến 8 tháng 3 năm 1975, chúng tôi phải làm việc khá căng thẳng. Tất nhiên là qua hệ thống điện đài (các loại vô tuyến điện, hữu tuyến điện), phải làm sao nắm được tình hình chuẩn bị vào giờ G. của tất cả các đơn vị từ Cửa Việt đến Lăng Cô - theo dõi cả phía bên quân đoàn 2, lẫn các đội vũ trang công tác. Phải nắm tình hình từng ngày, từng giờ - và nếu có thể được - cả đến từng phút nữa.

Tôi đã ở đơn vị chiến đấu, từng làm cán bộ đại đội, tiểu đoàn nên càng hiểu rằng, trước lúc nổ súng là những giờ phút hồi hộp căng thẳng vô cùng. Trạng thái tâm lý ấy diễn ra đối với chiến sĩ, nếu trong trận phục kích là lúc chờ giặc tới hoặc giặc đã tới từ xa; nếu trong trận công đồn là lúc tiềm nhập nhất là lúc đã mò vào hàng rào kẽm gai, đã thấy lính gác địch đi đi lại lại trước mặt. Hiểu thế, nên những lúc ngồi trực bên máy điện thoại, tôi chợt hình dung ra bạn bè quen biết, hình dung ra các chiến sĩ, cán bộ ta đang trong giờ phút hồi hộp, lo âu vừa mừng vừa sợ, giờ phút đòi hỏi đầu óc phải tỉnh táo và hành động phải kiên quyết khôn ngoan.

Sau này, khi đã hồ hởi tay bắt mặt mừng gặp lại nhau ở Huế giải phóng, chúng ta mới thấy hết giá trị của những bước chân khởi đầu trước giờ nổ súng hôm ấy. Bây giờ không làm sao diễn tả hết những bước chân khởi đầu của tất cả các đơn vị. Nếu tiểu đoàn 21 phải vượt qua những tảng đá cheo leo trong đêm tối, để áp sát đường số 1 đoạn Mu Rùa trên đèo Hải Vân thì các chiến sĩ trung đoàn 4 đã phải bí mật giấu quân cả ngày dưới chân đồi cách vài trăm mét ngay trước cứ điểm Phổ Lại để đến gần chiều nổ súng. Nếu các chiến sĩ sư 324 phải tiếp cận các cứ điểm 303 - 224, 75, 76 - những cứ điểm đã được bố phòng vô cùng cẩn mật thì các đội vũ trang công tác Quảng Trị, Thừa Thiên phải giấu quân cả ngày giữa đồi trọc phía sau lưng tuyến tiếp xúc của địch, dưới sự quan sát thường xuyên từ trên không, dưới bộ của chúng. Nếu các chiến sĩ pháo binh quân đoàn 2 phải kéo pháo lên đặt trên đỉnh núi Truồi để bắn tà âm, thì các cán bộ và du kích của Phong Quảng phải nằm trong những bờ bụi ở thôn Vĩnh Nảy hoặc giữa Tràm Dâu ở thôn Nhất Phong để chờ đón các đội công tác và lực lượng vũ trang về. Mỗi đơn vị đều có những nét đặc sắc độc đáo riêng.

Ở cơ quan tác chiến, chúng tôi có trách nhiệm theo dõi và ghi chép lại đầy đủ những diễn biến hoạt động của các đơn vị. Hồi mấy giờ, mấy phút, đơn vị nào đã làm việc gì, kết quả thắng lợi hoặc khó khăn thế nào, xin ý kiến Bộ tư lệnh và đã được giải quyết ra sao? Tóm lại, chúng tôi ghi chép diễn biến chiến dịch bằng những con số, bằng những lời lẽ vắn tắt, cô đọng và cụ thể. Chúng tôi đánh dấu trên bản đồ bằng những ký hiệu quân sự, sao chép các thứ điện từ trên

Bộ xuống, Quân đoàn sang, các đơn vị lên và các loại điện từ Bộ tư lệnh quân khu gửi đi. Đây là công việc nghiêm chỉnh, tuy có phần hơi khô khan.

Tuy nhiên, đối với tôi, công việc ấy cũng khá sinh động và hứng thú. Những con số, những lời ghi chép vẫn tắt không chết lảng, không bị ép chặt vào những trang giấy mà dường như có sức sống riêng, đến nỗi có lúc tôi tưởng chúng không còn là chữ nghĩa nữa mà là những sinh vật có hành động, có tư duy. Không hẳn bởi vì tôi là người mơ mộng, có đầu óc tưởng tượng như anh em thường trêu đùa, mà vì tôi có nhiều kỷ niệm gắn chặt với mảnh đất quê hương này. Cứ nhắc đến một tên đất, đại để như thôn Trường Lưu hoặc Phò Trạch, cứ nhắc đến một tên đơn vị như trung đoàn 101 thuộc quân đoàn 2 hoặc trung đoàn 6 Phú Xuân, cứ nhắc đến một tên người như đồng chí Hiền ở Quảng Trị hoặc đồng chí Khánh ở Thừa Thiên, v.v... là tự nhiên lòng tôi cứ rộn lên nỗi niềm thương mến, và tôi như đang được cùng chiến đấu, cùng đi đứng, suy nghĩ với bạn bè, với đồng chí, đồng đội, với bà con chú bác.

Bởi vậy trong những ngày 7 và 8 tháng 3 khi các đơn vị bắt đầu hành quân đến mục tiêu chiến đấu, tôi đặc biệt chú ý theo dõi tiểu đoàn 4 bộ đội địa phương Thừa Thiên. Đây là đơn vị cũ của tôi đã đành, lại có đồng chí Sinh trưởng ban tác chiến tỉnh đội - một người bạn quen của tôi cùng đi. Hơn nữa, hành trình của tiểu đoàn 4 là hành trình hết sức phức tạp khó khăn: đến nỗi anh em chúng tôi bảo nhau, nếu tiểu đoàn 4 hành quân trót lọt, tiếp cận mục tiêu được là nổ súng đúng giờ, thì không đơn vị nào còn lý do để bào chữa, nếu không hoàn thành nhiệm vụ tiếp cận địch.

Tôi nhớ đêm 8 tháng 3 năm 1975, tôi cứ gò lưng xuống, gào vào máy điện thoại hỏi trực ban tác chiến của tỉnh đội Thừa Thiên về tình hình cánh nam. Thoạt đầu chỉ nghe tiếng lục đục trong máy, lát sau mới có tiếng trả lời: “Không bắt được liên lạc với các mũi cánh nam”.

- Nhớ mở máy theo dõi sát vào nhé. - Tôi dặn vậy, kể ra cũng thừa. Chắc ban chỉ huy tỉnh đội cũng hết sức lo lắng, đang tìm cách liên lạc với các mũi. Khoảng hơn một tiếng đồng hồ sau, tôi vẫn nghe trả lời rằng chưa bắt liên lạc được và thêm tiếng đồng chí trực ban thở dài trong máy, lòng tôi càng se lại, cứ nghĩ đến những tình huống bất trắc.

Tôi biết là tiểu đoàn 4 bắt đầu hành quân từ khe B.57 nơi đóng quân của huyện đội Hương Thủy cũ, vào buổi sáng ngày 7 tháng 3 năm 1975. Cùng đi với tiểu đoàn 4 có 5 đội vũ trang công tác của các xã Phú Đa, Phú Cường, Phú Phong, Phú Gia, Phú Hồ.

Tất cả lực lượng này không phải là nhỏ, đều đi theo hướng núi Dích Dương. Cùng địa điểm xuất phát ở khe B.57 còn có mũi thứ hai gồm có một đại đội thuộc tiểu đoàn 2 đặc công cùng các đội vũ trang công tác của huyện Hương Thủy và thành đội Huế. Mũi này đi theo hướng Cồn Trao.

19 giờ đêm hôm qua (7-3) bộ phận đi đầu đến bờ sông Hương ở tọa độ 05-81. Khi họ bắt đầu vượt sông bằng thuyền cao su công binh, thì những đại đội phía sau chưa tới. Nhưng đến 24 giờ đêm, tất cả đã vượt sông an toàn. Và cả đội hình nối đuôi nhau, miệng ngậm tăm vượt qua tuyến tiếp xúc địch theo hành lang đã chuẩn bị sẵn. Vào hồi 4 giờ 30 sáng ngày 8 tháng 3 năm 1975, toàn đội hình đã thu gọn vào địa điểm giấu quân ở chân núi Dích Dương. Đây là ngọn núi gần như trọc, chỉ lưa thưa những cây sim, cây mua, nhưng phía dưới chân chỗ tiếp giáp với ngọn núi khác thì cây cối rậm hơn, có cây cao hơn đầu người. Chiến sĩ ta chui vào các bụi cây, ăn cơm nắm, lương khô, uống nước bình toong và đánh một giấc. Ngày hôm đó địch có đi lùng sục nhưng chỉ cách chỗ giấu quân 300 mét. Lo ngại địch đã đành, còn lo ngại gặp dân đi hái củi. May sao không gặp ai, chứ nếu gặp thì bắt buộc anh em ta phải giữ họ lại để bảo đảm an- toàn cho đơn vị. Ém hàng ba bốn trăm quân giữa đời suốt cả ngày là một việc làm táo bạo, những có tính toán, có dự kiến đầy đủ mọi tình huống xảy ra. Buổi chiều, có mưa, anh em có ướt tí chút nhưng không sao, mưa càng đảm bảo an toàn. Rồi mọi sự đã qua đi trót lọt.

Theo báo cáo cuối cùng thì 18 giờ 30 ngày 8 tháng 3 năm 1975 đơn vị lại tiếp tục hành quân về đồng bằng. Đến đây, đơn vị chia làm hai mũi. Tiểu đoàn phó cùng một đại đội đi vào hướng Phú Bài, qua quốc lộ đoạn Hải Thủy. Đại bộ phận còn lại đi theo hướng bắc Nong, vượt quốc lộ đoạn xóm Ga thuộc xã Hưng Lộc.

Từ 18 giờ 30 trở đi, chúng tôi không được tin gì nữa. Dẫu biết rằng, trên đường hành quân,

đơn vị phải hết sức giữ bí mật, khó lòng mở mảy ra liên lạc với sở chỉ huy. Con đường hành quân phải len giữa các thôn xóm, mà chỉ riêng dân vệ và phòng vệ dân sự cũng đã dày đặc. Rồi phải vượt qua đường sắt, quốc lộ số 1, qua một cánh đồng, tiếp đến lại vượt con sông thứ nhất, rồi vượt con sông thứ hai. Giữa hai con sông là cánh đồng ruộng ô, nước lội đến ngang bụng. Hồi trước chúng tôi đi qua đây, giữa mùa hè mà bơi sông, lội nước lầy cũng rét thun vỏi lại. Với con đường hành quân như vậy mà chỉ đi dăm ba người giữ bí mật cho được đã khó khăn, huống chi hàng ba bốn trăm con người với trang bị súng ống đạn dược và phương tiện linh kính.

Chúng tôi cứ lo lắng, sợ có chuyện gì bất trắc xảy ra... May sao, quãng 5 giờ sáng ngày 9 tháng 3 năm 1975 tôi nghe từ đầu máy bên kia tiếng nói vui vẻ của đồng chí trực ban tác chiến tỉnh đội :

- Tiểu đoàn 4 đã đến Diêm Trại an toàn, đang triển khai đội hình chiến đấu.

"Chao ôi, thế ư! Thế thì tốt quá!" - Tôi reo lên trong máy như vậy. Vậy là thành công bước đầu rồi. Sắp đến giờ nổ súng. Dầu chiến đấu kết quả đến mức độ nào đi nữa, thì ít nhất, sự xuất hiện hàng vài trăm Quân giải phóng cùng hàng loạt cán bộ và du kích giữa các thôn xóm vùng sâu Phú Thứ, Phú Vang cũng là điều có ý nghĩa thực sự.

Nỗi lo âu được xua tan, lòng tôi ấm áp hẳn lại. Chợt nghĩ đến anh Sinh, người bạn thân, chắc giờ này đang cùng ban chỉ huy tiểu đoàn, chỉ huy các đại đội tiến công tiêu diệt bọn tề nguy và dân vệ ở các thôn Dưỡng Mông, Viễn Trình, Lương Viện, Trường Lưu, Đức Thái, v.v... ước gì có rượu, tôi sẽ rót hai chén, một cho anh, một cho tôi và uống mừng anh. Song bây giờ đào đâu ra rượu. Tôi bèn bóc bao thuốc lá Ru-bi cất trong ba lô ra mời bạn bè rồi dành ra hai điếu. Tôi châm lửa hút một, còn điếu kia tôi gói vào giấy, cất kỹ vào túi áo trên, tự hẹn mình dù mai kia thiếu thuốc lá có thêm chết đi được cũng nhất quyết không đụng đến, để dành chút kỷ niệm mừng cuộc hành quân thắng lợi cho bạn.

*

* *

Vào những ngày trước giờ nổ súng chiến dịch, các đồng chí ở phòng 2 bằng mọi phương tiện, mọi thủ pháp của mình, đã theo dõi sát sao tình hình địch.

Ngày 7 tháng 3 năm 1975 chúng tôi được tin, có một cuộc họp của Bộ tư lệnh quân đoàn 1 nguy với các tướng lĩnh thuộc quyền để bàn việc bố trí lại lực lượng. Chúng sẽ đưa liên đoàn biệt động 14 ở Quảng Ngãi ra Quảng Trị rút lữ thủy quân lục chiến 369 vào Quảng Nam, để cuối cùng rút hết sư đoàn dù vào phòng thủ Sài Gòn.

Tất nhiên tin này được Bộ Tổng tư lệnh, Bộ tư lệnh chiến dịch hết sức quan tâm. Chúng tôi là trợ lý không được nghe những bình luận chính thức của cấp trên, song khi mạn đàm "ngoài rìa" thì đồng chí phụ trách phòng 2 có nhận xét : Qua việc làm này, chứng tỏ kẻ địch đang lúng túng vì thiếu lực lượng tổng dự bị chiến lược. Chúng có hai sư đoàn (dù và thủy quân lục chiến) mà cảm thấy thiếu, phải co chỗ này kéo chỗ kia. Việc bố trí lại lực lượng là nằm trong kế hoạch Lý Thường Kiệt của chúng, nghĩa là coi Sài Gòn và vùng châu thổ sông Cửu Long là khu vực ưu tiên số 1, kế đến nơi quan yếu mới là đồng bằng miền Trung Trung Bộ. Bởi thế, không thể nào để cả hai sư đoàn tổng dự bị chiến lược ở quân khu 1. Việc chúng bố trí lại lực lượng như thế vừa tỏ ra chúng yếu thế, vừa tỏ ra chúng đã mắc mưu ta...

Mắc mưu ta, đây là vấn đề hấp dẫn, nhưng chúng tôi không tò mò hỏi sâu thêm. Bầy mưu tính kế là từ tận ngoài Trung ương, ngoài Bộ Tổng tư lệnh.

Chúng tôi chỉ hiểu đại thể rằng trong chiến tranh, mưu chiến lược lớn nhất là làm sao cho kẻ địch hiểu ta không đúng và phán đoán ta sai.

Sau này, chúng tôi thấy nhận xét "ngoài rìa" của đồng chí phụ trách phòng 2 là đúng đắn. Xin trích ra đây một đoạn trong lời khai của Nguyễn Thành Trí, đại tá phó tư lệnh thủy quân lục chiến, sau khi y đã ra trình diện cách mạng.

“..Vì nhu cầu tình hình, ngày 6-3-1975 Bộ tổng tham mưu chỉ thị quân đoàn 1 tái phối trí quân để có thể sử dụng sư đoàn thủy quân lục chiến thay sư đoàn dù được di chuyển về Sài Gòn. Lệnh này có tính chất khẩn. Một cuộc họp được triệu tập ngay tại Bộ tư lệnh quân dân (Đà Nẵng). Thành phần tham dự gồm tư lệnh các sư đoàn 1, 2, 3 (bộ binh), sư đoàn dù, sư đoàn thủy quân lục chiến, trung tướng tư lệnh tiền phương quân đoàn 1, dưới quyền chủ tọa của trung tướng tư lệnh quân đoàn 1. Được biết các tướng lãnh đều không đồng ý việc đưa sư đoàn dù về Sài Gòn. Việc rút sư đoàn dù khỏi Đà Nẵng và sư đoàn thủy quân lục chiến khỏi Quảng Trị sẽ gây ảnh hưởng tâm lý bất lợi trong dân chúng. Về mặt chiến thuật, việc phòng thủ trở nên lỏng lẻo không hữu hiệu, đặc biệt đối với khu vực Quảng Trị khó có thể giữ vững được. Tuy nhiên trung tướng tư lệnh quân đoàn 1 nói đây là quyết định của tổng thống Thiệu; bằng mọi cách phải trả sư đoàn dù về Sài Gòn.

Kế hoạch thay quân được dự trù như sau :

2 lữ thủy quân lục chiến sẽ thay 2 lữ dù từ Đại Lộc đến đèo Hải Vân; sau đó một lữ thủy quân lục chiến sẽ thay cho 1 lữ dù phía bắc đèo Hải Vân (tức là đèo Phú Gia). Lữ này tăng phái cho sư đoàn 1 bộ binh.

Diễn biến thay quân:

Ngày 7 tháng 3 năm 1975: sư đoàn thủy quân lục chiến tiếp nhận liên đoàn 14 biệt động quân để thay thế cho tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến như sau :

2 tiểu đoàn biệt động quân thay 1 tiểu đoàn thủy quân lục chiến tại khu vực lữ 1 kỵ binh thiết giáp.

1 tiểu đoàn biệt động quân và ban chỉ huy liên đoàn 14/BĐQ thay một tiểu đoàn thủy quân lục chiến và ban chỉ huy lữ 369.

Liên đoàn 14 biệt động quân chịu trách nhiệm chỉ huy các lực lượng trong khu vực của lữ 369.

Ngoài ra, 1 tiểu đoàn địa phương quân thuộc tiểu khu Quảng Trị cũng được tăng phái cho lữ 1 kỵ binh thiết giáp, thay thế cho tiểu đoàn thủy quân lục chiến còn lại.

Ngày 8 tháng 3 năm 1975. Lúc 11 giờ ban chỉ huy lữ 369 cùng với 3 tiểu đoàn thủy quân lục chiến và đại đội quân y, đại đội trinh sát công binh, ba tiểu đoàn pháo binh thủy quân lục chiến di chuyển vào Đà Nẵng...”.

Đoạn trích lời khai của Nguyễn Thành Trí càng xác nhận sự lúng túng và những sự bất đồng trong nội bộ chúng. Thực ra, dù bọn Ngô Quang Trưởng, Lâm Quang Thi và cả lô tướng lĩnh ở quân khu 1 có tỏ ra khôn ngoan hơn Thiệu, không bố trí lại lực lượng, vẫn để nguyên như cũ thì rốt cuộc cũng chẳng xoay chuyển được tình thế. Bởi vì tình thế xấu nhất của chúng là sự thất vọng hoàn toàn của quan thầy Hoa Kỳ, là những mâu thuẫn cố hữu từ trong bản chất của một đội quân tay sai đã đến lúc không còn phương gì giải quyết nổi...

Đối với tên tư lệnh tiền phương quân đoàn 1 Lâm Quang Thi thì cấp trên điều lính dù vào Đà Nẵng, hẳn vẫn tỏ ra yên tâm hoặc là cố tạo cho mình sự yên tĩnh trong tâm tư - nhưng nay, đến lượt thủy quân lục chiến bị điều đi nữa (dù chỉ mới điều hãn lữ đoàn 369 vào Đà Nẵng, còn lữ 258 vào đèo Phú Gia, bắc Hải Vân) thì chắc hẳn sẽ phải bối rối. Bị điều đi hơn 5.000 thủy quân lục chiến để đổi lấy 700 lính biệt động trong lúc phải phòng giữ một khu vực đầu sóng ngọn gió này, Lâm Quang Thi hẳn không thể tiền hô hậu ủng nhênh nhang đi đánh tở- nít như tuần trước, nhất là bấy giờ, giờ G. đã điểm, tiếng súng chiến dịch của ta đã bắt đầu.

KÝ SỰ MIỀN ĐẤT LỬA

21 giờ 30 phút ngày 19 tháng Chín 1967, từ Hà Nội đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi một tin chiến thắng vang dội: *ngày 19 tháng Chín Vĩnh Linh bắn rơi hai máy bay B. 52 của giặc Mỹ.* Hôm sau, Vĩnh Linh nhận được thư khen của Bác Hồ.

Ngày 20 tháng 9 năm 1967.

Thân gửi đồng bào, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân và cán bộ Vĩnh Linh!

Bác rất vui lòng được tin ngày 17 tháng chín năm 1967, Vĩnh Linh đã lập công xuất sắc, lần đầu bắn rơi hai máy bay B. 52 của giặc Mỹ.

Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ Bác đặc biệt gửi lời khen ngợi đồng bào, chiến sĩ và cán bộ Vĩnh Linh đã đánh giỏi, bắn trúng, chiến thắng vẻ vang.

Vĩnh Linh thật xứng đáng là tiền tuyến anh hùng của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Đồng bào, chiến sĩ và cán bộ Vĩnh Linh hãy phát huy truyền thống đoàn kết, anh dũng, kiên cường trong chiến đấu và sản xuất, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa.

CHÀO THÂN ÁI VÀ QUYẾT THẮNG.

BÁC HỒ

Ngày nay chiến thắng đó đã có phần nào mờ đi trước trận *Điện Biên Phủ* trên không quá rực rỡ của thủ đô Hà Nội.

Tuy nhiên trong lịch sử quân đội ta, ngày 17 tháng 9 năm 1967 vẫn được coi là một ngày quan trọng. Lần đầu tiên các chiến sĩ tên lửa Việt Nam anh hùng bắn rụng con “đại bàng tinh” hung dữ của thời đại từng được kẻ thù tôn lên thành một thần tượng bất khả chiến thắng. Những kinh nghiệm của bộ đội tên lửa ở Vĩnh Linh chắc chắn đã đóng góp vào việc tiêu diệt hàng chục chiếc B 52 trên bầu trời Hà Nội. Để dựng lại chiến công ấy chúng tôi tìm đến anh Nguyễn Văn Hội, hiện công tác tại Viện Khoa học Quân sự, nguyên là trung đoàn trưởng trung đoàn 238, đơn vị tên lửa đầu tiên bắn rơi B52, được tặng danh hiệu đơn vị anh hùng trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chúng tôi quen biết anh Hội từ hồi còn ở Vĩnh Linh. Cuối năm 1966 lần đầu tiên chúng tôi gặp anh tại văn phòng đảng ủy Vĩnh Linh. Cái mà anh để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong chúng tôi là tiếng cười. Anh Hội hay cười và tiếng cười rất vang, đột nhiên nổ tung ra, kéo thành một chuỗi dài khỏe khoắn, giòn giã, cái cười phản ánh đầy đủ một tâm hồn nồng nhiệt, yêu đời. Lần thứ hai chúng tôi gặp anh là tại đỉnh đèo P. trên Trường Sơn vào cuối năm 1969. Anh đang đứng giữa đường chỉ huy một đoàn xe tên lửa vượt đèo. Chúng tôi ở trong xe, anh đứng ngoài xe, bắt tay nhau qua cửa xe. Vẫn tiếng cười ba năm trước Lần này gặp lại anh Hội, gần mười năm đã trôi qua. Lạ thay, tiếng cười anh vẫn khỏe mạnh trẻ trung, không hề gợn một nét ưu phiền hay mệt mỏi nào.

- Kể cho chúng mình nghe lại trận bắn rơi B 52 đầu tiên đi! Anh Vũ Kỳ Lân nói.

- Đồng ý. Anh Hội nhận lời ngay nhưng nói thêm - Mình quên mất nhiều rồi, lắm sự kiện quá, nhớ không xuể.

- Thì nhớ gì kể nấy.

- Đồng ý, ngay bây giờ chứ?

Anh Hội nói thẳng một mạch. Là người miền Bắc nhưng Nam tiến từ hồi năm 1946, lấy vợ Nam bộ, giọng anh Hội đôi khi có pha chút hơi hướng miền Nam.

24 VƯỢT SÔNG LAM

Anh Trần Quý Hai, Tổng tham mưu phó nói :

- Quân ủy chỉ thị phải đưa tên lửa vào Vĩnh Linh để đánh B52...

Đến đó anh Hai ngừng lại, nhìn tôi có ý thăm dò, một lúc sau mới nói tiếp :

- Liệu có đi được không?

- Đi được anh ạ.

Tôi trả lời, mặc dầu biết nói như vậy là hơi liều. Tên lửa vào Vinh đã là chuyện “trật sách vở” rồi, nay lại vào tận Vĩnh Linh. Chặng đường từ Vinh vào Vĩnh Linh rộng hẹp, tốt xấu thế nào tôi hoàn toàn chưa biết. Nhưng chẳng lẽ nói không đi được. Cấp trên chắc chắn không chờ đợi để nghe một câu trả lời như thế. Hơn nữa, lương tâm và trách nhiệm của người chiến sĩ cầm súng bảo vệ Tổ quốc không cho phép tôi. Nằm vũ khí trong tay, nơi nào có giặc phải tìm cách đưa vũ khí đến mà đánh chứ. Anh Hai lại ngược lên nhìn tôi, dường như anh muốn đọc trong mắt tôi những ý nghĩ thực ẩn giấu đằng sau câu trả lời ấy.

- Có yêu cầu gì không? - anh hỏi.

- Trước mắt chúng tôi thấy chưa cần gì.

Sự thực là như vậy, đã biết thế nào mà nêu ra yêu cầu.

- Bộ tổng tư lệnh và Quân ủy đặt rất nhiều hy vọng vào trung đoàn các đồng chí - anh Trần Quý Hai nói. Tên lửa vào Vĩnh Linh an toàn, triển khai chiến đấu được là anh hùng lắm rồi.

Tiền tôi ra về, anh Hai còn dặn lại :

- Chỉ được đánh B52 thôi, nhớ đấy nhé!

Về đến Vinh, tôi và anh Quang, quyền chính ủy, ngồi bàn với nhau. Đi là đi, nhưng cũng thấy trước mắt rất nhiều khó khăn. Tôi đề nghị hãy để đồng chí Cảnh, trung đoàn phó cùng đồng chí trợ lý công binh đi một chuyến, xem đường sá thế nào đã. Có biết cụ thể mới bàn được.

Vừa thấy trung đoàn nói hé ra chuyện vào Vĩnh Linh các tiểu đoàn đã nhao nhao đòi đi. Điều đó cũng dễ hiểu thôi.

Chiến trường luôn luôn có sức mạnh cuốn hút đối với người chiến sĩ tên lửa, còn gì sung sướng hơn khi quả đạn vút lên thiêu cháy máy bay giặc giữa trời, đồng bào và cả hai miền nam-bắc cùng trông thấy. Phần lớn anh em, kể cả các đồng chí trong ban chỉ huy tiểu đoàn đều rất trẻ, họ coi gian khổ, khó khăn có nghĩa lý gì đâu. Trung đoàn đề ra một tiêu chuẩn : *muốn vượt sông Lam, phải bắn rơi tại chỗ máy bay Mỹ trên quê hương Bác Hồ*. Tiểu đoàn nào bắn rơi trước đi trước.

Bốn giờ sáng ngày 4-2-1968 một tốp máy bay F 4C xuất hiện phía núi Thần Vũ, định vào đánh cầu Cẩm, tiểu đoàn 84 bố trí tại làng Yên Dũng, ngoại ô thành phố Vinh chớp ngay được.

Tiểu đoàn trưởng Thành ra lệnh phóng hai quả. Tốp máy bay bị diệt gọn, một chiếc rơi ở Nghi Long, một chiếc rơi tại Cửa Lò. Ngay buổi sáng hôm ấy tôi ra lệnh cho 84 vượt sông Lam. Cuộc "trường chinh" gian khổ của bộ đội tên lửa bắt đầu.

25 THẤT BẠI ĐẦU TIÊN

Vài trang, trích trong nhật ký hành quân của tiểu đoàn trưởng Hoàng Công Thành.

5-2-1966. Năm giờ ba mươi phút rời làng Đỏ. Buổi ra đi thật cảm động. Các cụ xích vệ Xô

viết Nghệ An râu tóc bạc phơ cầm tay anh chiến sĩ tên lửa, âu yếm như ông nội tiễn đàn cháu lên đường. Có cụ đã lòà, tay chống gậy, tay sờ sẫm quả đạn, nước mắt chảy ròng ròng. Các cụ cho hai con vịt bầu và đôi câu đối mừng chiến thắng. Ra trận đêm nay sao hải hùng và vui thế! Tôi cảm thấy lòng náo nức lạ!

Bảy giờ, phà cập bến. Đêm mùa hạ trong trẻo, trời đầy sao không có máy bay vào, xe pháo cứ đàng hoàng cười phà vượt sông Lam. Ba giờ sáng, chuyển cuối cùng cập bến Nghi Xuân. Đã tưởng trót lọt, không ngờ vì một tí sơ suất nhỏ mà xảy ra tai nạn. Chiếc xe xích kéo bệ do đồng chí Sức lái bị nghiêng trong khi đang leo cầu để lên bờ, cả xe và bệ nặng hơn 20 tấn lật nhào xuống sông. May mà đồng chí Sức chui ra và ngoi lên được. Lệnh trung đoàn : tiếp tục hành quân, chỉ để một số đồng chí ở lại kéo xe và bệ. Cũng đành phải thế thôi. Thập xin được ở lại. Tôi đồng ý. Với đồng chí ấy tôi có thể hoàn toàn yên tâm.

6-2-1966. Trú quân ở Nghi Xuân, đồng chí Hình, tiểu đoàn phó đi trình sát đường trở về. Nhìn vẻ mặt hốc hác và quần áo lấm lem của anh đủ biết đường sá thế nào. Tên lửa là "của hương của hoa" mà đi đường này thật đến khổ. Chỉ sợ vào đến nơi lại hỏng hết, không làm ăn gì được. Lệnh trung đoàn là đi thẳng đường Một, nhưng từ Nghi Xuân đến thị xã Hà Tĩnh nhiều cầu quá, lại toàn cầu yếu, cầu sập dở dang. Đành phải rẽ sang đường 15, đến ngã ba Đồng Lộc lại quay về đường Một. Họp ban chỉ huy quyết định : đài và bệ đi trước, đạn đi sau, cao xạ chia làm đôi, hai xe đi trước chốt các trọng điểm, một xe hành quân theo tên lửa.

Suốt ngày AD6 lượn trên đầu. Lo, không chợp mắt được.

7-2-1966. Đi từ Nga Lộc đến thị xã Hà Tĩnh. Thật hú vía. Chiếc xe xích kéo bệ cuối cùng vừa qua khỏi thì cầu Đông gẫy đánh rầm. Có lẽ vì xe chạy nhanh quá.

9-2-1966. Đến chặng đường gay go, gian khổ nhất rồi đây. Trước mặt là bốn cái cầu, bốn điểm chặn của máy bay địch : Họ, Rác, Dương, Khe Su. Tối nay, ba người trong ban chỉ huy sẽ chốt ở ba nơi : tôi ở Cầu Họ, anh Hình cầu Rác, và anh Du cầu Khe Su. Hy vọng có thể đi từ Cẩm Xuyên đến Voi, bị kẹt lại ở quãng này thì nguy hiểm lắm. Mất sạch như chơi.

10-2-1966. Nguy hiểm quá, có lúc tưởng tim sắp vọt khỏi lồng ngực Vừa đến giữa cầu Họ thì đèn dù nổ bung trên đầu. Tôi ra lệnh cứ đi, không còn cách nào khác. Cao xạ bắn tốt quá, máy bay Mỹ xem ra cũng hốt : Hết quãng đường nguy hiểm mới thấy bom nổ phía sau.

Qua được Họ, được Rác, bộ phận đài và máy nổ đi trước cũng đã qua cầu Dương. Đến lượt bệ đi qua thì cầu gẫy. Vẫn còn may, chiếc xe kéo bệ đi đầu đã thoát. Định cho đài vượt nốt cầu Khe Su nhưng đến nơi thì dân quân đã cắt hết ván. Bốn giờ sáng, trời phía đông đã hưng hửng, trước tắc, sau tắc, tiến, lùi đều không được. Làm thế nào đây? Đường hết sức trống trải, chỉ lơ thơ mấy hàng phi lao, nhìn hố bom san sát bên đường mà ngao ngán. Hội ý ban chỉ huy, quyết định cho đài và bệ tạt vào ven đường, ẩn dưới phi lao. Yêu cầu cao xạ cũng nằm im, chỉ khi nào có dấu hiệu rõ ràng là máy bay lao vào tên lửa mới được phép bắn.

Tôi không nằm được, chỉ đi ra đi vào, mắt lúc nào cũng ngong ngóng hết nhìn trời lại nhìn ra đường, bụng bát cơm lên lại đặt xuống. Các đồng chí xung quanh cũng im lặng, không nói chuyện, không cười. Ban chỉ huy trung đoàn chốc chốc lại gọi, nghe giọng nói của anh Hội tôi biết anh cũng đang hồi hộp lắm. Đúng là "ngàn cân treo sợi tóc". Suốt ngày lúc nào cũng có máy bay, chúng đánh cầu Họ, cầu Rác, cầu Khe Su nhưng... lạ thật, chúng nó mù hay sao ấy.

Những chiếc xe tên lửa to lù lù đậu trên đường như thế kia mà không thằng nào trông thấy.

Ngày hôm nay sao mà dài thế! Mặt trời lặn sang bên kia núi. Bảy giờ mới nghe tiếng anh Hội, cười, tiếng cười thật sảng khoái.

11-2-1966. Dừng ở Voi, cho lính nghỉ vài hôm, mệt mỏi và căng thẳng quá rồi. Mới dăm đêm hành quân mà trông anh nào anh nấy phờ ra như mới ốm dậy. Mấy cậu trẻ đói ngủ đến mức ngồi đầu ngủ gật đấy.

Chuẩn bị vào đường 22!

14-2-1966. Qua khỏi đường 22! Bốn giờ sáng sắp đến Quảng Châu, bỗng thấy xe ùn lại. Tôi từ phía sau chạy lên, thấy đồng chí Hình, đồng chí Tuyên, trợ lý tuyên huấn trung đoàn và đồng chí Khánh, chính trị viên phó đang bàn.

- Rắc rối quá, máy nổ của xe Một bị rệ giữa gầm, kéo mãi không được- Khánh nói.

Tôi hỏi :

- Quy luật hoạt động của địch ở đây thế nào?

Hình trả lời :

- Cứ mờ sáng nó bay, thấy khả nghi là đánh.

- Cắt moóc ra, nguy trang cẩn thận, tối mai kéo - Tôi nói.

- Không ổn - Khánh nói, nếu bỏ máy nổ lại thì trước hết các xe xích đi qua sẽ nghiền nát bánh lốp của nó. Thằng địch thấy một lùm cây lù lù giữa gầm nó cũng sẽ không tha.

Chỗ chiếc máy rệ chỉ cách nơi chúng tôi đứng vài mét, tôi lội xuống gầm xem.

Phải kiên quyết thôi, thà mất một chiếc máy còn hơn mất cả đoàn xe.

- Không được, tài sản nhân dân, một đồng của - người nào đó nói trong bóng tối.

Tôi ra lệnh làm ngay, không bàn cãi.

Chỉ mười lăm, hai mươi phút sau nghe có tiếng máy bay, rồi một dãy đèn dù bật sáng trên quãng đường vừa đi qua.

Đồng chí Tuyên lúc đó ngồi bên cạnh, vỗ đánh bộp vào vai tôi : “Ông quyết đoán như vậy là sáng suốt”. Thêm một bài học.

15-2-1966. Chuẩn bị vượt sông Gianh! Lái xe gọi là “Cửa tử” đây. Đêm qua ở Pháp Kê, thấy đèn dù treo suốt đêm ở sông Gianh, Tỉnh đội, huyện đội và các đồng chí chở phà rất quyết tâm, trung đoàn 214 cũng hứa kéo toàn bộ pháo cao xạ về bảo vệ tên lửa vượt sông.

17-2-1966. Tắc đường. Bảy giờ đã có mặt ở bến phà B. Mười giờ phà cập bến. Sang được chuyển thứ nhất. Mười hai giờ, máy bay ném bom. Bên kia báo sang “bến hồng, công binh và thanh niên xung phong đang chữa, chờ đó”. Mười hai giờ ba mươi phút, máy bay thả đèn dù, rải bom bi. Tin bờ nam báo sang “Lực lượng sửa chữa đường bị tổn thất nặng, hơn 20 người chết và bị thương, hãy lùi về, mai đi tiếp”.

18-2-1966. Vẫn tắc ở Gianh. Xe, máy, bệ rải ra trên dọc đường từ Tú Loan, Xuân Kiều đến Quảng Phúc. Lo phát ốm lên được. Đạn đã vào Đất Đỏ.

19-2-1966. Qua được sông Gianh. Ba lần hút chết. Tôi đã bảo Dũng cử một đồng chí đứng ở ngã ba để chỉ cho xe đi về lối đèo Ba Trại. Không biết cậu Tạo lơ ngơ thế nào lại để xe chỉ huy đi lạc sang đèo Lý Hỏa. Tôi chạy bộ đuổi theo. Đến gầm Khe Nước nghe tiếng máy rú ầm ầm. Té ra cả xe lẫn máy lạc lối đang chết gí giữa gầm. Phùng Hải, tay lái xe xích giỏi nhất tiểu đoàn mà cũng có vẻ cuống : “Bỏ mẹ rồi anh Thành ạ hình như nước thủy triều đang lên”. Tôi vục nước đưa lên nếm thử, đúng là nước mặn, nó mà lên vào xe thì nguy. Tôi để Hải ở đấy một mình và băng chạy trở lại. Đến cổng Mười gặp một đại đội thanh niên xung phong sửa đường. Tay xe trưởng nói : “Chúng tôi sẽ đến kéo, anh vào xóm kia mượn lấy vài chiếc xe xích, có một đoàn của 214 ở trong đó”.

Khi tôi đến thì anh em thanh niên xung phong đang kéo xe. Hai sợi dây cáp dài buộc hai bên xe, mỗi bên 40 người kéo. Xe lên khỏi gầm mới thấy xe 214 xình xịch đến.

Xe chạy trước, tám chục cô cậu thanh niên xung phong chạy sau, hò reo ầm ĩ. Tuổi trẻ là thế đấy, họ coi bom đạn và cái chết chẳng nghĩa lý gì.

Đến cổng Mười thấy một đám đông đang xúm xít ở đó. Té ra lại xe ăngten đi lạc bị rệ. Sáng mắt rồi, đành lấy bịt phủ kín rồi xúc cát đổ trùm lên, làm như thế là cổng cát.

20-2-1966. Bảy giờ sáng. Thấy máy bay bầu đến dội bom xuống vùng Đất Đỏ. Nóng ruột quá, tôi chạy sang. Phải đợi chờ ở sông Gianh mất gần hai tiếng đồng hồ, càng nóng ruột. Đến đầu xã Quảng Châu gặp một đồng chí ở đại đội cao xạ.

- Nó đánh trúng khu vực đạn thủ trưởng ạ!

- Có việc gì không?

- Mất sạch.

- Cả bảy quả?
- Vâng.

Té ra là thế này. Có một chiếc xe chở đạn cối không biết của đơn vị nào chạy lẻ trên đường 22. Sáu giờ sáng bị máy bay phát hiện, thấy ở Đất Đỏ có cây cối rậm rạp nó chạy vào để giấu. Máy bay địch đuổi theo bắn rốc két. Đạn cối nổ, phụt khói đen, máy bay kéo tới đánh tiếp. Nó đánh lan dần ra, tên lửa giấu ở đấy bị va lây. Một quả đạn trúng mảnh bom, khói vàng phụt lên. Thế là chúng ào đến như một đàn ruồi, đánh liên tiếp cho đến khi trời tối mịt.

Ngày 15-4-1966. Một thắng lợi tuy nhỏ nhưng gây niềm tin và phấn khởi. Tháo xe P. bị ngập nước mặn ở chân đèo Lý Hòa ra rửa. Lần đầu tiên làm việc này, trước kia do chuyên gia bạn. Hàng nghìn chi tiết phức tạp, chỉ nguyên tháo ra lắp vào đã khó. Mất đúng một tuần. Phát sóng thử rồi, rất ổn định. Trưa nay quân khu hạ lệnh vào chiếm lĩnh trận địa ở Phủ Định.

Ngày 17-4-1966. Triển khai xong. Chín giờ sáng địch ném bom cách trận địa 200 mét, mảnh bom trúng một xe chở dầu ma dút. Lái xe Lý Ngư (anh em gọi đùa là Cá Chép) lấy chân trùm kín lỗ thùng, dập tắt lửa. Đai, bệ vẫn yên ổn.

15 giờ nhận được điện của Trung đoàn : “Rút ra khỏi trận địa ngay”. Sao lại thế này nhỉ?

18-4-1966. Lại được lệnh quân khu : “Trở lại trận địa Phủ Định, triển khai chiến đấu ngay”. Ô hay, thế này là thế nào? Trung đoàn bảo ra, quân khu bảo vào, biết nghe ai bây giờ? Điện hỏi trung đoàn. Anh Hội trả lời : “Quân khu đã ra lệnh cứ chấp hành”.

20-5-1966. Vẫn chưa dứt khoát được với nhau về hướng bắn.

Tiểu đoàn muốn bắn về hướng Xuân Sơn, vì hướng ấy dễ bắt mục tiêu. Nhưng đồng chí Sự, tỉnh đội trưởng lại muốn bắn hướng Đồng Hới, để cho cả các huyện phía bắc phía nam đều thấy. Cứ ông chẳng bà chuộc thế này chỉ tổ mệt lính.

21- 5- 1966. Lúc 4 giờ, một tốp hai F. 4 xuất hiện ở hướng Xuân Sơn. Đã bắt được mục tiêu nhưng sắp phóng thì máy nổ hỏng.

22-5-1966. Chín giờ sáng, một tốp F105 xuất hiện ở hướng Tây Bắc. Đã bắt được nhưng lập tức chúng lại lảng ra. Chín giờ 15 một tốp ở hướng Đồng Hới. Bắt được mục tiêu cự ly xa quá. Giá tôi thông minh hơn một chút thì đã không đến nỗi. Tôi đâu có hiểu rằng địch chòn vòn như vậy là để đo cự ly giữa chúng tôi với nó. Chín giờ 30 phút, lại bắt được một tốp ở Xuân Sơn. Tôi ra lệnh phóng tên lửa, đồng chí Mẫn sĩ quan điều khiển không chấp hành với lý do là mục tiêu chưa ổn định. Ngay lúc ấy tôi thấy một ánh chớp lóe, một tiếng nổ xé tai, trời đất xung quanh vụt tối sầm lại. Lần đầu tiên tôi biết thế nào là tên lửa Sơ-rai-cơ.

23-5-1966. Máy bay địch vẫn tiếp tục ném bom vào trận địa Phủ Định. Hôm qua 150 lần chiếc, hôm nay từ sáng đến giờ đã 120 lần chiếc. Chúng quyết diệt cho được tên lửa. Mai lại lếch thếch kéo quân ra bắc.

26 ĐẾN VĨNH LINH

Anh Hội kể tiếp:

81 và 83 lần rượt bắn rơi tại chỗ máy bay Mỹ, bắt sống giặc lái trên quê hương Bác và nối nhau vượt sông Lam. 82 còn ở lại Nghệ An. Tháng Chín 1966, hai tiểu đoàn vào đến Quảng Bình, nghỉ lại ở nông trường Phú Quý một tuần để lấy sức vượt phà Long Đại. Bến phà này, anh em lái xe thường gọi đùa là “long đầu”. Đi qua đó không chết, không bị thương thì cũng lo nghĩ vì bị tiếng bom làm “long đầu” ra. Thoạt đầu định tập trung cả một sư đoàn pháo cao xạ tầm cao tầm thấp, bắn để xua máy bay ra ngoài cho tên lửa vượt sông. Sau bàn kỹ thấy làm thế chưa chắc đã an toàn. Lại quay về kiểu du kích, cứ bình thường, lạng lẹ mà đi. Mất một tuần, hai tiểu đoàn sang sông trót lọt. Hai ba lần bom bi nổ bên cạnh nhưng không xảy ra việc gì.

Lúc này mùa mưa đã bắt đầu, các con đường bị bom đào lên quật xuống, nát nhão ra, thụt đến ben. Qua ngã ba Dân chủ, phải ba xe xích đấu vào kéo một ca-bin mà có lúc vẫn bị rệ. Có một đêm bò được đúng năm cây số. Đến ngầm thác Cóc nước lũ về to quá, phải huy động hết xi, sáp trát kín gầm xe mới dám đi qua. Nước lọt vào, máy móc bị ẩm, chập mạch điện là coi như vứt hết.

Giữa tháng Mười hai tiểu đoàn vào đến Vĩnh Linh. Lúc này mới có chút thì giờ rảnh rỗi để nhìn nhau, trông vừa thương vừa buồn cười. Cán bộ, chiến sĩ, từ anh già đến anh trẻ đầu tóc cạo quá mang tai, râu mọc tua tủa, hai gò má nhô lên nhọn hoắt, quần áo rách, bẩn. Xe cộ, khí tài cũng tả quá, cái móp đầu, cái sút đuôi, chẳng khác gì xe Trường Sơn! Dầu sao vào được đến đất Vĩnh Linh mà còn nguyên vẹn hai tiểu đoàn là thắng lợi lớn lắm rồi.

Một đêm cuối tháng chạp, tôi và anh Quang đi từ Đồng Hới vào Vĩnh Linh theo ngã đường số Một. Đợi phà ở Quán Hẩu mất hai tiếng đồng hồ, lại lạc đường và bị bom tọa độ ở Dốc Sỏi tìm được đến cơ quan bộ chỉ huy quân sự Vĩnh Linh vừa đúng một giờ sáng. Có điều không ngờ được là anh Đuộm, anh Lân vẫn còn thức chờ chúng tôi. Gặp nhau, cảm động quá! Anh Đuộm trách bằng một câu nói rất đáng yêu :

- Gớm, gì mà lâu thế, làm người ta mong mỏi cả mắt.
- Mong như mong người yêu phải không?
- Tôi chả biết mong người yêu thế nào, chứ mong các anh thì sốt ruột vô cùng.
- Thế anh không có người yêu à?
- Yêu đương gì, tôi đâu được như cánh trẻ bây giờ.

Mới gặp nhau lần đầu, song chúng tôi cảm thấy các anh rất cởi mở, tự nhiên, nói chuyện với nhau thoải mái như bạn cũ lâu ngày gặp lại. Ngoài mặt trận thường như thế đấy, không có chỗ cho những thứ khách khí dè dặt đâu. Anh Quang hỏi :

- Mong thì bây giờ cho gì nào?

Anh Lân cười.

- Cần gì cho nấy.

Tôi chớp ngay lấy cơ hội :

- Xin các anh ít dân công đào hầm.
- Cần độ bao nhiêu?

Anh Quang và tôi nhìn nhau. Kể mà nói cho đúng mức thì phải hàng nghìn. Song chúng tôi biết Vĩnh Linh ít người, ngoài sản xuất và chiến đấu tại chỗ, họ còn phải phục vụ chiến đấu cho cả ba mặt : ngoài biển, trên trời và bên bờ nam, không thể đòi hỏi nhiều quá.

- Xin các anh 300 người, làm trong nửa tháng - tôi nói.
- Được kể thì cũng lớn đấy nhưng chúng tôi sẽ cố gắng. - Anh Đuộm nói.
- Tôi đề nghị các anh chỉ cho một chỗ để xây dựng sở chỉ huy trung đoàn. Anh Lân tùm tùm cười! -
- Nếu các anh đồng ý chúng tôi “bán” lại cho chỗ này.
- Chỗ nào?
- Đây, anh Lân chỉ xuống đất, chỗ chúng ta đang ngồi nói chuyện đây này. Đủ tất cả hầm hào, nhà bếp, nhà ăn, phòng họp, bệnh xá và một khu hầm thông tin hiện đại bằng bê tông cốt thép.
- Thế các anh ở vào đâu?
- Chúng tôi đến sở chỉ huy mới, phải dịch lên phía trước cho gần Đảng ủy, ủy ban và trung tâm hơn.
- Giá cả thế nào? - tôi hỏi đùa.
- Một cái B.52.

Không nên nổi sự sung sướng bột phát, tôi đứng dậy chộp lấy tay anh Đuộm lúc lắc :

- Cảm ơn các anh, cảm ơn các anh lắm!

Anh Đuộm phẩy tay :

- Ơn với huệ gì, các anh đã vào đây thì chớ có khách khí, gặp khó khăn gì xin cứ nói với chúng tôi. Vừa qua, thường vụ đảng ủy khu vực có bàn việc giúp đỡ tên lửa, anh Trần Đồng đã làm việc trực tiếp với bí thư đảng ủy một số xã và nông trường Quyết Thắng về vấn đề này.

Cuộc gặp gỡ đầu tiên làm tôi yên tâm và tin tưởng. Tên lửa nằm giữa lòng nhân dân Vĩnh Linh là được đặt trên một bệ phóng tuyệt vời. Từ bệ phóng ấy, nhất định những quả đạn sẽ bay lên nhằm trúng kẻ thù.

Nói đến bộ đội tên lửa ai cũng nghĩ là nhàn. Một bước lên xe mà lỵ. Vào một chiến trường như Vĩnh Linh, càng lắm xe càng khổ. Đến nơi, bộ đội nhảy từ trên xe xuống là cầm lấy xẻng đào hầm ngay. Một tiểu đoàn có 32 xe các loại thứ nào cũng to lớn, kền cằng. Xe đạn dài 17 mét, cao bốn mét, ca bin chỉ huy dài 11 mét, rộng ba mét rưỡi, cao cũng bốn mét... Tất cả đều phải cho xuống hầm. Mà phải hầm ra hầm : có nắp dày để tránh pháo, tránh bom bi, rốc két, mảnh bom. Mỗi xe có một hầm chính rồi còn phải đào thêm ba hầm dự trữ ở ba chỗ khác nhau. Đây là chưa kể đến chuyện đào hầm cho người. Phải tạm gác hầu hết công việc khác sang một bên. Điều lệnh cấm sĩ quan điều khiển và trắc thủ không được được lao động nặng, để giữ cho bàn tay dẻo như tay nhạc công chơi đàn vi-ô-lông mà. Bây giờ thì xin lỗi, hãy cứ xoay trần ra mà đào hầm đi. Hai trung đoàn cao xạ bảo vệ tên lửa chỉ để lại một bộ phận nhỏ trực chiến, còn nữa thì xin cứ là xếp pháo lại, đào hầm. Chưa có hầm là chưa ăn ngon ngủ yên được. Đêm, đang nằm, nghe bom nổ đánh càng một cái là lại phải lồm cồm bò dậy quay máy điện thoại hỏi tiểu đoàn.

Cho xe cộ xuống dưới mặt đất, tạm yên tâm về bom đạn nhưng lại nảy ra một cái lo khác : ẩm ướt. Khí tài điện tử ẩm chẳng mấy chốc mà vứt đi. Ở các nơi khác thì việc này chẳng khó khăn gì. Cứ cho máy chạy tự khắc nó sẽ sấy khô nó.

Nhưng bây giờ máy đã xuống hầm, mỗi bộ phận một nơi, cách nhau hàng cây số, làm sao mà sấy được? Thôi thì đành chịu khó một chút vậy. Đêm đến, lôi máy phát điện từ dưới hầm lên, kéo đến từng bộ phận, cho nổ máy, đấu điện vào mà sấy. Cứ quay đi quay lại như vậy, hầu như đêm nào lái xe, thợ máy nổ cũng phải hì hục từ đầu hôm đến gần sáng.

Máy phân tán, không chạy, sĩ quan điều khiển và trắc thủ không tập được. Anh em liền nghĩ ra cách "tập khan" cứ chum tay vịn vịn trong không khí y như có nắm vịn vậy. Tất nhiên là không tốt bằng tập thật, nhưng biết làm sao được ?

Lại nói đến chuyện ở, ăn. Đã có bài học xương máu của tiểu đoàn 81 ở Phủ Định rồi, vào Vĩnh Linh là bí mật phải đặt lên hàng đầu. Trung đoàn cấm không được cho xe cộ ra khỏi hầm, bộ đội ở lý trong rừng cao su. Hàng tuần quản lý phát gạo và thức ăn cho tiểu đội, tự nấu lấy ăn để đỡ phải đi lại. Mỗi ngày bếp chỉ được đổ lửa hai lần : bốn giờ sáng và sáu giờ tối, buổi trưa ăn cơm nguội.

Kể ra cũng có những lúc tươi. Ấy là lúc xe cộ đi về trót lọt chở được thực phẩm từ Hà Nội hay từ Quân khu về. Nhưng nói chung là kham khổ, càng về sau càng khổ. Gạo không thiếu, chỉ thiếu thức ăn, nhất là rau. Có bao nhiêu rau tàu bay, môn thực, rau má trong vùng bộ đội tên lửa vật trụi hết. Cứ đi công tác qua mạn Khe Lương, thấy bộ đội ngồi xỏm nhổ rau má bên đường, không cần hỏi cũng biết là quân 238. Gặp khó khăn mới nghĩ ra được lắm điều hay. Có ai ngờ rau tàu bay cũng chế biến được dăm ba món : xào, luộc, canh, ghém, muối dưa nộm. Cả rau má cũng muối dưa. Hết rau má, rau tàu bay ở các bãi trống, anh em lần vào rừng sâu tìm chuối hoang. Lúc đầu chưa biết cách, ăn món canh này xong, nhựa bám đen kịt quanh mép trông cứ như quệt nhọ vào, cười đến chảy nước mắt.

Khẩu phần ăn của sĩ quan điều khiển và trắc thủ được quy định thành chế độ rất chặt chẽ. Phải đủ đạm, đủ vitamin. Phải có món gan là nguồn cung cấp vitamin A để giữ cho cặp mắt tinh tường. Vào đến Vĩnh Linh thì mọi thứ chế độ ấy đều phải xụp đi hết. Đào đâu ra gan bây giờ? Đôi lúc ngồi ăn với nhau anh em nói đùa : "Chế độ để quên ở bên kia sông Lam rồi, mời ông chịu khó xơi rau má vậy!".

Tết năm ấy đến chúc mừng đảng ủy khu vực Vĩnh Linh, gặp chị Mề, chị An ở Hội Liên hiệp Phụ nữ, tôi nói đùa :

- Các chị bớt chút thì giờ đến thăm lính tên lửa chúng tôi một hôm, mấy tháng nay rồi có gặp người phụ nữ nào đâu.

Tưởng bông phèng cho vui, không ngờ mấy hôm sau các chị đến thật : Một đoàn hơn chục chị vừa già vừa trẻ, mỗi chị quấy cho một gánh rau.

27

ĐÁNH HỤT B52

"Hội ơi, tên lửa tên củi thế nào, làm ăn được chưa?". Anh Lê Ngọc Hiền, phó tư lệnh Mặt trận B5 hỏi tôi. Giọng nói và nét mặt anh Hiền ra vẻ đùa đùa, song tôi biết cấp trên có ý giục.

Tôi trả lời anh Hiền : "Sẵn sàng rồi đấy ạ!" Nói thật to, dũng dạc nhưng kỳ thực trong bụng lại đang nghĩ : "Giá như thư được ít lâu nữa thì hay". Bộ đội ốm nhiều : sốt rét, ghẻ lở, phù thũng vì thiếu vitamin... Khí tài điện tử bị ẩm, giở chứng luôn. Cách đánh bàn đã "nát nước" ra mà vẫn thấy chưa rõ ràng lắm : chống nhiễu, chống tên lửa Sơ-rai- cơ đánh xa , đánh gần?...

Tình hình chiến trường không cho phép chúng tôi dềnh dàng hơn nữa. Mỹ ùn ùn ra bắc Quảng Trị, chủ lực ta đã ra quân, B52 ngày nào cũng dội bom bên kia sông Bến Hải, có hôm chúng đánh Hải Cự, Giang Phao, ở sát bờ sông. Nhìn những chiếc B52 bay lừng lừng giữa trời trong khi mình có vũ khí trong tay, tức không thể chịu nổi.

Bộ đội lại nghỉ hết mọi việc, xoay trần ra đào đất, chặt cây làm trận địa tên lửa. Vất vả nhất phải nói là việc này. Muốn có một trận địa tên lửa ở Vĩnh Linh phải đào đắp hàng nghìn mét khối đất, ngang với một công trình thủy lợi nhỏ. Ấy thế mà lại chỉ được đào về đêm, đào mò như kẻ trộm. Trên bầu trời Vĩnh Linh suốt ngày đêm đều có máy bay trinh sát địch. L19, OV10 lượn xuống sát mặt đất để dòm ngó, thấy có cái gì hơi khác một chút là chúng đánh liền. Việc nguy trang, nghi binh phải được nâng lên thành một thứ nghệ thuật. Một trận địa thật đi kèm bốn trận địa giả, cả năm phải giống hệt nhau. Trận địa giả cũng hầm, hào, cũng "xe", "đạn", "ra-đa". Tất cả đều bằng tôn. Cũng cho xe xích đến quần, làm ra vẻ như kéo khí tài vào trận địa thật... Có khi cao xạ tập trung vào trận địa giả, ở trận địa thật chỉ để một đại đội phục kích. Cẩn thận, khéo léo đến như vậy mà có lúc không che nổi mắt địch đấy. Ngày hôm trước, tiểu đoàn 83 vừa làm xong năm trận địa, hôm sau chúng đánh luôn cả năm. Lại đi tìm chỗ mới, lại đào, đắp... Cứ làm đến đâu nguy trang ngay đến đấy. Xe đi trước, người đi sau cầm bàn trang xóa vết xe. Trận địa thường xa đường cái vài ba cây số. Kéo khí tài, đạn vào xong là phải xoa hết dấu đường trước khi trời sáng. Búng cây sống ở nơi khác đến trồng kín quãng đường ấy, hàng ngày có người theo dõi, thấy cây nào héo là phải thay ngay. Làm sao cho xe chỉ huy giống hệt một lùm cây như các lùm cây xung quanh. Angten cao 12 mét giống một cái cây nhưng lại không được để cành lá che khuất. Quả đạn nằm trên bệ phóng cũng là một lùm cây nhưng phải làm sao trước khi phóng chừng một hai phút có thể rũ tuột hết cành lá. Một cành lá vướng trên cánh có thể làm tên lửa đi chệch mục tiêu hàng nghìn mét. Về mùa nắng mỗi ngày phải thay lá nguy trang ba lần : bốn giờ sáng, chín giờ và hai giờ chiều. Hồi đầu, gay go nhất là vấn đề khói của máy phát điện. Máy đi-ê-den 75kw nhả khói như một chiếc đầu máy xe lửa. Giữa rừng núi Vĩnh Linh, khói bếp địch cũng còn đánh nữa là một đám khói lớn và dày đặc như vậy. Tiểu đoàn 83 thử làm những chiếc quạt lớn, khi máy nổ hàng chục người đứng quạt. Vẫn không ăn thua. Về sau nhờ cái bếp Hoàng Cầm mà nghĩ ra. Đào một đường hào dài độ nửa cây số, sâu nửa mét, lòng hào ngoằn ngoèo, có những hầm ngách đào rải rác hai bên, lấp kín mặt trên bằng một lớp đất mỏng. Cho ống xả của máy phun khói vào đường hào ấy, khói sẽ đọng trong hào và tan dần, nếu có bốc lên ở cuối đường hào thì cũng đã loãng đi và ở xa trận địa.

Không biết bao nhiêu công sức, trí tuệ bỏ vào những việc ấy.

Sáng 15 tháng Ba nhận được thông báo của Bộ Tổng tham mưu : "có B52 hoạt động trên vùng trời bắc Quảng Trị từ 11 đến 15 giờ". Tám giờ sáng bộ đội được lệnh vào trực. Trong hầm chỉ huy ở thôn Mỹ Lộc thuộc xã Vĩnh Chấp lúc ấy có tôi, anh Quang, quyền chính ủy, anh Cảnh, trung đoàn phó, anh Huy tham mưu trưởng. Ngoài ra còn có anh Nguyễn Cận, chủ nhiệm phòng không của Mặt trận B5, anh Khánh ở Bộ tư lệnh phòng không và không quân và một đồng chí trung tá ở Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu. Ở gian hầm bên cạnh, các cán bộ tác chiến, trinh sát, thông tin, tiêu đồ đã sẵn sàng đầu vào đây. Mười giờ, rất nhiều máy bay xuất hiện trên bầu trời Vĩnh Linh. RF100 bay ở độ cao 7 - 8 km, vẽ lên nền trời xanh những vệt khói trắng hình số tám. F105F mang tên lửa Sơ-rai-cơ sục sạo, F4C ném bom một vài nơi... Hồi hộp vô cùng. Cơ đồ sự nghiệp hai tiểu đoàn bày hết ra trận địa rồi. Anh Cảnh, anh Huy ngồi không yên, cứ đi ra đi vào, ngược nhìn lên bầu trời. Tôi ngồi trước máy chỉ huy cố động viên mình bình tĩnh nhưng đôi lúc vẫn thấy tim nhảy thon thót.

Mười hai giờ ba mươi phút, trinh sát báo cáo có B52 vào. Tôi ra lệnh cho hai tiểu đoàn 81 và 83 mở máy. Trong hầm lặng ngắt, chỉ còn nghe tiếng máy vô tuyến điện kêu o o và tiếng anh chiến sĩ tiêu đồ báo cự ly máy bay địch. Có một cái gì hết sức nghiêm trọng đè nặng lên tất cả mọi người. Thành bại chỉ trong khoảnh khắc. Tên lửa sẽ phóng lên thiêu cháy lũ quái vật đang gây đau thương, tang tóc cho đồng bào bên kia sông Bến Hải, hay một quả tên lửa Sơ-rai-cơ đột ngột từ trên trời cao giáng xuống? Qua máy điện thoại, tôi nghe rất rõ giọng nói của đồng chí Quảng, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 83 : "báo cáo đã bắt được mục tiêu". Chừng mười lăm giây sau, đồng chí Phạm Sơn của tiểu đoàn 81 cũng báo cáo bắt được. Mừng quá! Bắt được mục tiêu là chắc chắn có thể bắn được Đột nhiên đồng chí Sơn nói : "Báo cáo, không thấy mục tiêu nữa". Tôi động viên cả hai đồng chí : "Cố gắng, cố gắng, bảo anh em căng mắt ra mà tìm, nó vẫn đây đó thôi". Một phút trôi qua... Vẫn chưa thấy báo đã bắt được mục tiêu... Đối với các chiến sĩ trên trận địa, đây là những giây phút khắc nghiệt, nặng nề nhất trong cuộc đời của họ quên hết những chiếc F105F mang tên lửa Sơ-rai-cơ, họ đang dồn tất cả sinh lực sự thông minh, bèn nhảy lên đôi mắt. Sau một thời gian mày mò nghiên cứu, chúng tôi đã phân biệt được tín hiệu B52 với tín hiệu máy bay thường xuất hiện trên màn hiện sóng. Nó có nhỉnh hơn chút đỉnh, trông như một con nhộng. Nhưng "con nhộng" ấy đâu có nổi lên rõ ràng, đầy đủ như con nhộng thật đặt trên tờ giấy. Nó mờ nhạt, lúc rõ lúc không, trôi nổi chập chờn trong đám mây nhiễu loạn đang cuộn sóng chập chới. Đôi mắt trắc thủ ướt giàn giữa, nhức nhối, căng ra, cố chớp cho được cái vệt sáng nhỏ nhoi ấy trên màn hiện sóng.

Tốp B52 thứ nhất đi qua. Tôi ra lệnh bắt tốp thứ hai. Tiếng Quảng bây giờ nghe bình tĩnh hơn : "báo cáo đã bắt được". Chỉ độ ba giây sau, vẫn là tiếng anh nhưng nghe rất hốt hoảng : "Báo cáo... khí tài hỏng, mất mục tiêu". Khổ thế đấy cuộc hành quân đường dài và khí hậu ẩm ướt đang phá hoại chúng tôi. Tiếng đồng chí Sơn báo cáo lần thứ hai như có ý giục : "Báo cáo, đã bắt được". Tôi quay nhìn anh Cận. Anh lắc đầu : "Khoan". Tôi biết anh muốn đánh cả hai tiểu đoàn, muốn ăn chắc. Đã có lần anh bảo tôi : "Trận đầu không thắng hậu quả sẽ rất phức tạp, chớ có ăn non". Sơn lại giục, tôi bảo "chờ đó" và quay nhìn anh Cận một lần nữa. Ngay lúc đó tốp thứ hai cũng đi qua. Tôi bảo đồng chí Sơn bắt tốp thứ ba. Lần này tôi định không hỏi ý kiến anh Cận nữa cứ bắt được mục tiêu là hạ lệnh phóng. Một phút... hai phút... năm phút đi qua. Vẫn không thấy tốp thứ ba. Không nén nổi bức bối tôi hét đồng chí Sơn : "Thôi, tắt máy đi!"

28 LẠI THẤT BẠI

Vẻ lo lắng, anh Huy ngược nhìn tôi :
- Kiểu này là nó đánh vào trận địa 83 đây?

- Kiểu gì nữa, nó đánh thật rồi - anh Cảnh chen vào một câu câu kính.

Tôi giằng lấy máy điện thoại liên lạc với đồng chí Quảng.

Tiếng đồng chí Thiết chính trị viên ở đầu đường dây bên kia :

- Nó đánh sát sạt vào trận địa rồi anh ạ.

- Cao xạ thế nào ạ?

- Vẫn đang đánh.

Tôi trao máy cho anh Huy và ngồi phịch xuống. Sau khi bắt huyệt B52, chúng tôi biết thế nào địch cũng lúng lúng tên lửa để đánh. Sóng điều khiển tên lửa là sóng cực mạnh đã tung nó lên trời thì không còn giữ được bí mật nữa. Chơi trò điện tử thì Mỹ thạo lắm, thoáng một cái là chúng biết ngay. Chiều hôm kia, nhìn thấy máy bay RB66, RF101, RF4C đan ngang đan dọc bầu trời và L19 nghiêng nghiêng, ngó ngó, anh Huy đã nói : “Chúng nó nghĩ thấy mùi chúng mình rồi đấy”. Chập tối ban chỉ huy trung đoàn lệnh cho 81 và 83 chuyển sang trận địa dự bị, ngày hôm sau vẫn kiểu trình sát như hôm trước. Trưa 17, địch bắt đầu đánh vào trận địa tiểu đoàn 83 ở Cổ Kiềng. Thoạt đầu hai chiếc F4C ném bom một đại đội pháo cao xạ 57 ly. Anh em nổ súng bắn rơi một chiếc. Địch không lùi, chúng cho nhiều tốp F4 bay thấp lượn vào ném bom bi và bắn rốc két. Có khả năng chúng đánh cao xạ trước khi đánh tên lửa. Anh Cảnh nói ngập ngừng :

- Hay là... cho 81 "phụt".

Ý anh trùng với điều tôi đang nghĩ. Có thể dùng 81 đánh để chi viện cho 83. Ngặt một nỗi là cấp trên ra lệnh chỉ được đánh B52. Tôi gọi điện cho tiểu đoàn 81 báo đồng chí Sơn chuẩn bị và đề nghị anh Quang cho họp thường vụ đảng ủy để quyết định. Thường vụ chỉ hai người, tôi và anh Quang, một người bảo nên, một người bảo không, chẳng quyết định được gì cả. Trong lúc ấy tiếng bom bi từ Cổ Kiềng vọng về nghe cứ như nó đang nổ trong gan ruột mình. Tiếng đồng chí Quảng gọi gấp lắm : Nó đánh đến nơi rồi, bom bi nổ cách đạn có vài mét! .

Tôi mở máy gọi về Bộ tư lệnh B5 định cầu cứu anh Đàm Quang Trung. Có lần tôi hỏi anh Trung : "Ngộ nhờ nó đánh chúng tôi trước thì chúng tôi có được phép dùng tên lửa chơi lại không?". Anh ngập ngừng : “Khó đấy, thượng cấp đã có lệnh... nhưng... đôi khi cũng tùy người chỉ huy ở chiến trường”. Tôi hy vọng trong tình thế nguy cấp này, anh Trung sẽ đồng ý với tôi. Đồng chí sĩ quan trực ban trả lời là anh Trung đi vắng. Tôi xin gặp anh Cận. "Không được đâu Hội ạ - anh Cận nói dứt khoát - Phải nhìn lợi ích toàn thể và lâu dài".

11 giờ 30 phút, địch giờ thêm một thủ đoạn mới : dùng pháo bờ nam và pháo tàu chiến bắn vào trận địa. Khi xây dựng trận địa ở Cổ Kiềng là chúng tôi đã tính đến khả năng ấy. Không ngờ pháo địch lại có thể bắn xa đến như vậy. Chưa gặp tình huống này bao giờ, các đại đội cao xạ, đâm ra luống cuống. Đúng 12 giờ địch bắn đến trận địa tên lửa. Một quả đạn trúng mảnh pháo, khói vàng bốc lên. Thế là lộ rồi... Anh Huy chụp mũ sắt lên đầu :

- Tôi xuống trận địa đây.

- Tôi cũng đi - Anh Cảnh nói.

- Chờ tôi với.

Tôi vừa nói vừa chạy theo. Ngồi ở chỉ huy sở bây giờ cũng chẳng để làm gì.

Các chiến sĩ tiểu đoàn 83 chiến đấu rất dũng cảm.

Giữa ban ngày, anh em lái xe đưa xe xích vào trận địa kéo khí tài đạn ra ngoài. Đồng chí Vũ Văn Hoạch đang móc một quả đạn vào xe thì pháo địch nổ bên cạnh. Đạn xì khói, Quảng hô : "Hoạch, chạy nhanh lên, đưa đạn, ra thật xa để khỏi lộ trận địa". Hoạch tăng ga cho xe lao đi. Ra khỏi trận địa 200 mét, đạn bốc lửa. Anh nhảy xuống tháo đạn để cứu xe. Chạy thêm được vài chục mét, một quả pháo nổ ngay trước mặt, Hoạch trúng đạn nằm ngất lịm trong buồng lái. Năm đồng chí Công, Vưu, Thế, Chính, Lang nhảy lên nóc ca bin để tháo gỡ ăng-ten. Một quả bom nổ, cả năm người bị hất xuống. Họ lại trèo lên, tháo bằng được.

Địch đánh suốt buổi chiều, suốt đêm và cả buổi sáng hôm sau. Tính ra chúng huy động cả thấy 120 lần chiếc máy bay, ném 500 quả bom và hàng vạn quả bom bi, rốc két, pháo bắn hơn

1000 quả đạn. Mười mấy quả đồi tranh trận địa bị đánh trơ trụi, đổ lết. Tiểu đoàn 83 phải kéo ra Hà Nội để bổ sung người và trang bị lại. Trong tay chúng tôi lúc đó chỉ còn mỗi tiểu đoàn 81.

29 CHIẾN THẮNG

Tháng Năm 1967, bầu trời, mặt đất Vĩnh Linh sôi sục trong tiếng bom đạn. Một thời kỳ mới, quyết liệt đang mở ra. Ta vây ép Cồn Tiên, đánh mạnh trên toàn bộ khu vực phía tây đường số Một. Mỹ đưa quân vào Khu phi quân sự nam. Anh Đàm Quang Trung gọi tôi về sở chỉ huy của anh ở gần ngã ba Dân Chủ.

- Thời cơ đến rồi đấy, ra quân đi - Anh Trung hát hàm bảo.
- Đánh cả F nữa chứ anh? - Tôi hỏi.
- Tuyệt... nhưng B52 là chính.

Anh Trung còn động viên tôi :

- Đừng buồn Hội ạ, các cậu không đánh được B52 nhưng thằng B52 vẫn kiêng các cậu đấy. Hơn tháng nay ta nện mạnh thế mà nó có dám mò ra đâu. Bộ binh biết ơn tên lửa lắm.

Từ vị trí dự bị phía sau, tiểu đoàn 81 tiến lên xây dựng trận địa ở nông trường Quyết Thắng, đối diện với Cồn Tiên. Trong lịch sử bộ đội tên lửa Việt Nam, lần đầu tiên và có lẽ là duy nhất bộ phóng được đặt gần phòng tuyến địch như vậy. Ngày ngày bằng mắt thường có thể thấy máy bay địch xuống rất thấp để thả dù tiếp tế cho bộ binh địch.

Cuộc chuẩn bị hết sức khẩn trương. Trong lúc phía trước đào công sự : ngụy trang, làm đường, làm trận địa giả thì bộ phận phía sau kéo khí tài dưới hầm lên, ghép lại để sấy, sửa chữa.

Sĩ quan điều khiển và trắc thủ lao vào luyện tập. Một buổi sáng, tôi đang đứng quan sát chiếc RB 66 lượn lờ phía biển thì thấy tiểu đoàn trưởng Phạm Sơn chống gậy đi vào.

- Cháy mẹ nó cuộn biển thế xe P. - Sơn nói, nét mặt buồn xuôi.
- Trời đất ơi! - Tôi giậm chân xuống đất, cảm thấy trong đầu tức tối như sắp vỡ tung ra.

Có bao nhiêu linh kiện mang theo đã dốc sạch trong mấy tháng mưa gió, ẩm ướt vừa qua rồi, bây giờ đào đâu ra cuộn biển thế.

Ra Hà Nội ư? Nhanh nhất là một tháng. Ai mà biết có bao nhiêu tai họa sẽ xảy đến trong vòng một tháng ấy : máy móc hư hỏng thêm, địch đánh... Sơn nói lâu bầu :

- Tôi tháo đưa sang ty bưu điện Vĩnh Linh nhờ các kỹ sư bên ấy quấn hộ.
- Họ bảo sao? .
- Họ hứa sẽ cố gắng.

"Hứa cố gắng", nghĩa là chưa biết kết quả. Một tuần lễ trôi qua. Chỉ vì cái cuộn biển thế đáng giá mười đồng bạc ấy mà cả trung đoàn cứ lặng đi, người nọ cáu kỉnh với người kia. Cả ban chỉ huy trung đoàn kéo hết về 81 để đợi cuộn biển thế. Không có máy, anh em ở ty bưu điện phải tháo ra, đếm từng vòng dây, rồi tỉ mỉ cuốn bằng tay. Đo đi đo lại thấy tốt. Dem về lắp vào máy cho chạy thử, cũng tốt. Đến lúc ấy tôi mới thấy đầu mình nhẹ được đôi chút.

Đến tháng Năm, đúng cái đêm dữ dội nhất mùa hè năm 1967, tiểu đoàn 81 kéo đạn, khí tài vào trận địa. Hồi hộp vô cùng. Tôi muốn chợp mắt một chút để ngày mai tỉnh táo mà chỉ huy nhưng không sao ngủ được. Cán bộ, chiến sĩ rất cay cú, chỉ ao ước làm ăn một trận cho ra trò để trả thù và gỡ lại uy tín cho đơn vị.

Sáng 18 xuống trận địa, tôi ngoặt tay với Nguyễn Hồng Thịnh, một sĩ quan điều khiển trẻ,

thông minh và có kinh nghiệm :

- Ăn chắc nhé.
- Ăn chắc. - Thịnh nói quả quyết.

Ngồi một lúc anh nói :

- Một tiểu đoàn tên lửa nằm lọt vào đây, kể cũng đơn độc quá thủ trưởng nhỉ?
- Có lo lắm không? - Tôi hỏi.

Thịnh cười :

- Tí chút thôi thủ trưởng ạ.

Dĩ nhiên đó là điều không hay trước khi bước vào trận đánh. Một cái run tay rất khẽ của trắc thủ có thể làm quả tên lửa đáng giá hàng triệu bạc thành vô dụng. Nhưng biết làm sao bây giờ. Những lời động viên lúc này chỉ là chuyện nói suông. Chiến thắng mới là câu nói hùng hồn nhất để làm họ yên tâm, tin tưởng.

*

* *

Ngày Sáu tháng Bảy, ngày dữ dội nhưng cũng là ngày vui ở Vĩnh Linh. Lần đầu tiên ta đánh trận pháo bộ hiệp đồng lớn ở Gio An. Tên lửa vẫn kiên trì chờ B52. Nhưng anh Trung ra lệnh : khi cần có thể đánh các loại F để chi viện trực tiếp cho bộ binh. "Đèn xanh" đã bật rồi. Ngồi ở sở chỉ huy, chúng tôi nghe rất rõ các làn pháo ta bắn, nhìn lên góc trời phía nam thấy pháo cao xạ nổ dày đặc, các cụm khói trắng nổ tung như cánh ruộng bông buổi trưa, chốc chốc lại nhận được tin chiến thắng từ bộ Tư lệnh Mặt trận truyền xuống. Tôi cảm thấy náo nức lạ. Còn gì hạnh phúc hơn khi những quả đạn chúng tôi sắp phóng lên sẽ hòa chung vào bản nhạc chiến thắng đang gầm lên dữ dội xung quanh.

Một giờ chiều Phạm Sơn gọi :

- Báo cáo anh Hội có hai thằng Si-núc (13) chở pháo cho Cồn Tiên, ngon quá!
- Có đánh được không?
- Tốt lắm!
- Diệt cả hai chứ?
- Vâng, cả hai.
- Đồng ý.

Sơn ra lệnh mở máy. Anh báo cáo đã bắt được mục tiêu. Nhưng chỉ một phút sau lại nghe anh cầu nhàu : "Nó xuống thấp quá, mất bố nó mục tiêu rồi".

7 giờ 17 phút tối hôm ấy, bộ binh yêu cầu tên lửa bắn. Tôi ra lệnh cho tiểu đoàn 81. Nửa giờ sau, hai quả đạn vút lên. Một chiếc F4C đang ném bom để cứu bọn tàn quân ở Gio An bốc cháy, hai tên giặc lái chết thiêu. Ba giờ sau tiểu đoàn trưởng Phạm Sơn ra lệnh phóng quả đạn thứ ba. Lại một F4C bốc cháy, rơi tại chỗ.

Đầu tháng tám, ban chỉ huy trung đoàn nhận được một chiếc máy thu thanh bán dẫn Na-xi-ô-nan do Bộ tư lệnh B5 gửi xuống. Công văn kèm theo nói rằng đây là tặng phẩm của một đồng bào bên bờ nam. Chính người đó trong đêm mùng sáu đã trông thấy tên lửa ta diệt máy bay địch. Chúng tôi nhiều lần tìm cách dò hỏi nhưng cho đến nay vẫn chưa biết người dân yêu nước nhiệt thành ấy là ai.

Tôi bắt đầu kể từ nhà cụ Lực. Sở chỉ huy chúng tôi ở trong vườn ông cụ. Ngày ngày, những lúc rỗi rãi cụ vẫn vào chỗ tôi chơi, nói “trạng” với nhau dăm ba câu. Một hôm cụ bung vào cho đĩa sắn rồi bảo :

- Mấy chú bộ đội "tên lả" mần ăn không ra chi?

Tôi ớ người ra, chẳng hiểu ông cụ định nói gì. Cụ Lực đưa tay chỉ lên trời :

- Đó đó cái thằng nó.

Một chiếc L19 đang lượn trên đầu chúng tôi. Tôi hiểu ý ông cụ.

- Chúng con sẽ bắn nó. - Tôi bảo.

Ông cụ lắc đầu :

- Không bắn được, khó lắm, tui chộ mấy chú cao xạ bắn mãi rồi, có rớt mô.

- Bọ có thách không nào?

- Có, thách chú.

- Nếu chúng con bắn rơi bọ mất cái gì?

Ông cụ nhìn quanh nhìn quẩn rồi chỉ ngôi nhà.

- Tôi cho chú.

Những ai đã ở Vĩnh Linh hồi đó, hẳn không thể quên được cái cảm giác tức tối, khó chịu đối với những chiếc máy bay trinh sát L19 của Mỹ : Là máy bay cánh quạt bé xíu cấu tạo rất gọn nhẹ, nó có thể bay sát nóc nhà để nhìn từng cái hầm, từng lùm cây. Hai chiếc thay đổi nhau, L19 có thể canh suốt ngày trên bầu trời. Cụ Lực có lần nói : "Thằng phi công này nó bới cơm theo chú ạ, không về ăn trưa". Thính giác con người lúc nào cũng bị ám ảnh vì cái tiếng động cơ vè vè đáng ghét ấy. Phát hiện dấu hiệu khả nghi, L19 gọi pháo bắn hoặc phóng đạn khói xuống cho máy bay phản lực đến dội bom. Bắn L19 rất khó, vì nó nhỏ, luồn lách giỏi, đạn không mấy khi trúng.

Đã bị thương nó vẫn có thể vọt lên cao rồi tắt máy, bay là sang bờ nam hạ cánh nhẹ nhàng xuống một quãng đường nhựa hay một thửa ruộng nào đấy.

Trước đó ít lâu, anh Nguyễn Cận bảo tôi :

- Phải bắn một thằng L19 Hội ạ, cho đồng bào, bộ đội phấn khởi và tụi này nó chùn bót.

Tôi về bàn với ban chỉ huy trung đoàn. Ai cũng tức sắn trong bụng, nghe nói bắn L19 là vỗ tay ngay. Phương án tác chiến đã có sẵn, chỉ còn đợi thời cơ.

Ngày mồng Tám tháng Bảy, từ mờ sáng địch đã cho hai L19 bay ra Vĩnh Linh. Anh Huy báo cho tiểu đoàn 81 theo dõi. 11 giờ trưa, hai chiếc này về, hai chiếc khác ra thay. Chúng bay thành cặp liền nhau, lúc song song, lúc hàng dọc. Tôi gọi điện cho đồng chí Phạm Sơn :

- Thế nào?

- Được đấy nếu trung đoàn ra lệnh.

- Bám chặt vào, đợi lúc nào trời sắp tối, hai chiếc cùng quay đầu về phía nam hãy phóng, cố gắng diệt gọn cả hai.

Hai giờ ba mươi phút, hai chiếc L19 xếp thành một hàng ngang bay thông thả về phía nam, tôi ra lệnh cho đồng chí Sơn mở máy. Ba phút sau quả đạn tên lửa vút lên, một chiếc L19 tan ra, mảnh rơi lả tả, chiếc thứ hai bốc cháy và đâm đầu xuống phía nam.

Đồng bào và bộ đội Vĩnh Linh hả hê vô cùng nhưng trung đoàn chúng tôi bị quân khu phê bình một trận ta trờ. Trong bức điện phê bình đồng chí chính ủy Quân khu nói rất nghiêm khắc : Các đồng chí đã dùng dao rựa để chém một con giun...

Không hiểu ai mách mà cụ Lực cũng biết chuyện này.

Một hôm cụ bảo tôi :

- Chú Hội lấy nhà chớ?

Tôi lắc đầu. Cụ chỉ hai con ngan đang lội trong cái hồ bom trước nhà :

- Mằn thịt nấu cháo liên hoan hí.

- Thôi bỏ ạ.

Ông cụ vỗ vai tôi cười khà khà :

- Tôi biết rồi. Cấp cô không khen mấy chú phải không? Việc chi mà lo, cô không khen thì tôi khen, mấy chú ưng chớ?

31

NHỮNG NGÀY GIAN KHỔ

Ngày mười một tháng bảy, tiểu đoàn 81 đánh trận thứ tư và cũng là trận cuối cùng trên đất Vĩnh Linh. Theo các đồng chí có mặt trong cuộc kể lại, gần như cùng một lúc cả ta và địch phóng tên lửa. Nhìn trên màn hiện sóng, Nguyễn Hưng Thịnh thấy cả ba tín hiệu : máy bay địch, tên lửa ta đang lao tới mục tiêu và tên lửa địch cũng đang lao tới mục tiêu của nó là anh. Trong cuộc chiến đấu bằng kỹ thuật điện tử, những trường hợp như vậy không phải là hiếm. Ngay lúc ấy Thịnh có thể gạt phăng mỗi nguy hiểm một cách không khó khăn lắm : tắt máy hoặc quay ăng-ten sang hướng khác, tên lửa địch sẽ đi chệch. Làm như vậy cũng có nghĩa là bỏ rơi tên lửa ta, để mặc nó bay không điều khiển. Thịnh cân nhắc và quyết định rất nhanh : Tiếp tục điều khiển tên lửa diệt máy bay địch. Có thể anh hy vọng quả đạn của anh sẽ đến máy bay trước khi tên lửa địch đến anh. Nhưng anh tính không đúng. Một tiếng nổ, khói đen trùm kín trận địa. Xe chỉ huy vỡ tung. Khi các đồng chí xung quanh nhào đến, Thịnh đã tắt thở, trắc thủ Lê Xuân Mai bị thương nằm ngất lịm bên cạnh. Tiểu đoàn trưởng Sơn bị một mảnh đạn xuyên cánh tay, đại đội trưởng Huynh bị thương. Tôi choáng váng. Có lúc cảm thấy đầu óc tê dại đi.

Ngày 13 tháng 7 năm 1967, Mỹ đưa máy bay B52 ra đánh phá Vĩnh Linh. Trong cuộc đời chiến đấu của tôi, từ lúc là anh Vệ quốc đoàn đội mũ ca-lô, mặc quần soóc cho đến bây giờ, chưa khi nào tôi cảm thấy buồn bực, cay đắng bằng hôm ấy. Đưa tên lửa vào đánh B52, bây giờ B52 dội bom xuống đầu nhân dân, mình không còn gì để đánh, chỉ giương mắt nhìn. Còn gì cay đắng hơn! Xung quanh tôi bao trùm một không khí im lặng khác thường, có đồng chí khóc thút thít.

Mấy hôm sau B52 lại dội bom, rồi hôm sau nữa. Ngày nào chúng cũng bay ngạo nghễ giữa bầu trời Vĩnh Linh. Đây là giai đoạn căng thẳng nhất của trung đoàn trong những năm chiến đấu ở Vĩnh Linh. Một vài người không hiểu cho nỗi khổ của chúng tôi, họ nói cạnh nói khỏe, tưởng chúng tôi dốt, sợ B52 không dám đánh. Một đồng chí cán bộ ra họp ở Hà Nội về nói : "Ôi dào ngoài quân chủng họ bảo chúng mình là trung đoàn hai ba phá". Thực ra thì quân chủng chẳng bao giờ nhận định như vậy. Không biết thế nào mà chuyện đó lọt ra ngoài, đám chiến sĩ trẻ "sáng tác" thêm "hai ba tóm" rồi "hai ba chán". Chỉ là chuyện đùa tếu nhưng trong hoàn cảnh đó, những câu nói vô tình ấy làm tâm trạng chúng tôi càng thêm bối rối.

Một thời gian dài trung đoàn không có chính ủy. Khi anh Bích đi bệnh viện có quyết định anh Thế Bưu về thay. Nhưng chờ mãi, chỉ có giấy chứ không có người, về sau lại có quyết định cử anh Trương Công Ngự. Anh đi được nửa đường, bị thương phải vào nằm bệnh viện. Giữa tháng tám tôi đi Quân khu họp, gặp anh Ngự vừa ra viện. Tôi rủ anh ra họp rồi về một thể. Đến Cụ Năm bị trúng một quả rốc-két, cả hai chúng tôi đều bị thương phải vào nằm bệnh viện.

Vài hôm sau có tin hai tiểu đoàn 84 và 82 vào đến Vĩnh Linh.

DIỆT PHÁO ĐÀI BAY B52

Là máy bay ném bom hạng nặng trang bị cho lực lượng không quân chiến lược Mỹ, B52 có sải cánh dài 56,40 mét (gấp 5 lần F105D), thân dài 47,50 mét, được trang bị tám động cơ phản lực. Tốc độ lớn nhất : 1.050 km/giờ, thường bay với tốc độ 896 km/giờ. Độ cao lớn nhất : 16.000 mét, bay xa nhất 18.000 km, thời gian hoạt động 18 tiếng đồng hồ. Có khả năng tiếp dầu trên không. Trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ dùng máy bay B52 lần đầu tiên ở Hồ Bò (Biên Hòa cũ) vào tháng 2-1965. Ngày 12-4-1966 lần đầu tiên B52 đánh ra miền Bắc (ở đèo Mụ Giạ, miền Tây Quảng Bình). Mỗi chuyến ném bom của một chiếc B 52 mất vừa đúng 1 triệu đô-la, ngang giá mua một máy bay F100. Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ Mắc Na- ma-ra từng đặt câu hỏi: "Thí nghiệm một triệu đô-la mỗi cuộc oanh tạc bằng B52, liệu chúng ta có thể thực hiện được những gì?".

Tự ông ta trả lời: "Phá hủy kiểu này rất tốn kém nhưng không còn cách nào khác".

Dưới đây là đoạn trích một bài báo đăng trên tạp chí "Không lực Mỹ" (US Air Force) :

"Ngày 16-4-1952, khi chiếc máy bay mẫu YB-52 của hãng Boeing cất cánh bay thử lần đầu tiên từ sân bay Oa- sinh-tơn không ai có thể nhìn trước được rằng sau đó hai mươi năm, máy bay ném bom chiến lược khổng lồ tám động cơ phản lực ấy lại đánh gẫy xương sống cuộc xâm lăng của cộng sản tại Nam Việt Nam bằng những chuỗi bom sắt. Lực lượng B 52 đã làm nghiêng hẳn cán cân, cung cấp cho phía đồng minh một sức mạnh không gì thay thế nổi. Một tốp bay ba chiếc B52 có thể tiêu diệt hoàn toàn một "ổ mục tiêu". Muốn có cùng một hiệu quả như vậy, phải huy động từ 30 đến 90 máy bay cường kích và tiêm kích, trên thực tế, không thể nào tập trung một lực lượng máy bay đông như thế trên một diện tích hai kilômét vuông và khoảng thời gian dưới một phút..."

*

* *

Anh Nguyễn Huy, nguyên là trung đoàn phó trung đoàn 238 kể về đánh tiêu diệt chiếc B 52 đầu tiên trên miền Bắc.

Tháng 8-1967, anh Đặng Tính, chính ủy quân chủng phòng không không quân vào nằm lì trên xe với chúng tôi một tuần lễ. Sau đó, đến lượt anh Hoàng Khánh, phó tư lệnh binh chủng tên lửa vào. Các anh không nói rõ lắm nhưng cứ trong "ý tứ mà suy" chúng tôi hiểu rằng cấp trên dự đoán đến một lúc nào đó, địch có thể sẽ dùng B 52 đánh ra phía bắc. Vì thế, bắn rơi một chiếc B 52 lúc này là việc có tầm quan trọng chiến lược.

Cùng thời gian này Mỹ mở một chiến dịch đánh phá Vĩnh Linh rất ồ ạt, chúng tôi thường gọi là "trận càn quét bằng không quân". Chúng chia đất Vĩnh Linh ra thành các ô cho hàng trăm máy bay xuất kích, đánh lần lượt hết ô này đến ô khác. Cả khu vực núi phía tây không còn một chỗ nào không có hố bom. Sở chỉ huy chúng tôi cũng bị đánh tan nát. Anh Hoàng Khánh từ Hà Nội vào, vừa bước qua cửa hầm, một loạt bom nổ xung quanh, đất trùn lên nóc hầm. Anh hỏi :

- Thế nào các bạn, đi hay ở?

Tôi trả lời :

- Đi đâu nữa hả anh, đất Vĩnh Linh thì đâu chả thế này.

Hai tiểu đoàn 84 và 82 vào. Chỉ nguyên việc tìm chỗ cho tên lửa đặt chân đã khó. Tôi và anh Nhuận, phó chính ủy đến gặp Bộ chỉ huy quân sự địa phương. Vừa lò dò vào đến cửa hầm, đồng chí gì đó đập luôn cho một câu :

- Các cậu làm ăn thế quái nào ấy, B 52 đánh ầm ầm, tên lửa cứ im thin thít.

Hai anh em lặng người đi, một lúc sau anh Nhuận nói, vẫn cười nhưng giọng nói nghe như nghẹn ngào :

- Nếu mà chết được thì chúng tớ đã chết quách đi cho rồi.

Ngồi uống nước, nói hết đầu đuôi, các anh trong bộ chỉ huy bây giờ mới biết rõ tình cảnh chúng tôi. Anh Đuởm hỏi :

- Có cần gì không, mình bảo hậu cần xẻ cho các cậu một ít.

- Cơm gạo khi nào cần chúng tôi sẽ cấp rá đến các anh. Trước mắt chỉ nhờ các anh chỗ đứng
- Tôi nói.

- Chỗ nào thì các ông chấm đi, chúng tôi sẽ huy động dân quân đào hầm giúp.

Tôi nhằm Rú Ma, một vùng đồi có cây lúp xúp thuộc xã Vĩnh Nam.

Anh Đuởm cười :

- Thế thì chẳng khác gì các cậu kê tên lửa lên lưng chúng mình mà bắn, nhưng... không còn chỗ nào tốt hơn à? Vậy cứ đến, chúng mình sẽ liệu.

Trên đường về, anh Nhuận bảo tôi :

- Đã vào đến đất này thì phải có gan, ta cứ ở ngay trên bãi bom ấy.

- Có khi thế mà lại hay đấy, chẳng địch không ngờ. - Tôi nói.

*

* *

84 kéo khí tài và đạn vào trận địa tối hôm trước thì sáng hôm sau bị đánh liền. Hai loạt bom tọa độ ba chục quả trum lên trận địa. Một quả bom chui vào chân bệ phóng nhưng không nổ. Đuôi bom làm bệ kênh lên, nghiêng sang một bên. Cũng còn may là dài, đạn và máy nổ không việc gì.

Lại hì hục kéo khí tài đi sang trận địa khác. Đường cũ bị bom đào hết, phải mở một lối khác. Dưới trời mưa tầm tã cán bộ, chiến sĩ cỏi trần trùng trọc, đào đất, san hố bom, lát gỗ chống lầy.

Kéo hết mọi thứ đi rồi, đến cái bệ có quả bom nằm dưới chân mới gay. Không ai hiểu nó là bom gì, bom lép hay bom nổ chậm? Nếu là bom nổ chậm thì cho xe xích vào, chấn động mạnh chắc chắn nó sẽ nổ. Phùng Hải xin vào kéo. Anh chiến sĩ lái xe trẻ này có mặt ở trung đoàn ngay từ khi mới thành lập, xe anh đã đi an toàn 7.000 cây số trên đất Quân khu Bốn rực lửa. Trong đêm tối và mưa giăng mù mịt, chiếc xe xích rú máy ầm ầm, tiến về phía bệ phóng. Hải cho xe dừng lại cách bệ phóng chừng mười mét, anh phẩy tay bảo hai đồng chí Thành và Hình, tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó lùi ra : "Nếu có việc gì một mình tôi hy sinh thôi" - Hải nói to. Anh cho xe tiến lên từ từ rồi dừng lại, móc bệ vào xe, kiểm tra cẩn thận và trở lại buồng lái... Một vài giây quyết định... chiếc xe rú máy... quay xích, chồm lên phía trước... bệ phóng rời khỏi công sự hàng trăm người cùng một lúc thở phào.

Đầu tháng Chín, tiểu đoàn 84 triển khai trận địa đánh B52 tại ngã ba Cờ Đỏ. Mười một giờ đêm được thông báo có B52 vào. Tiểu đoàn trưởng Thành ra lệnh mở máy. Vừa phát sóng đã bắt được mục tiêu ngay, tín hiệu to, rõ nhưng cự ly quá lớn, không bắn được. Trung đoàn lại thông báo hướng nam có B52. Thành cho quay ra-đa về phía đó. Tín hiệu nổi rõ trên màn hiện sóng, nhỏ hơn tín hiệu B52 và chỉ một chiếc. Thành chốt dạ : "Khéo không lại bắt nhầm phải thằng F". Anh hạ lệnh quay ăng-ten. Nhưng không kịp. Một tiếng nổ như sấm sét cắt ngang tiếng hô của anh. Quả rốc-két địch trúng phía đầu ca-bin, phá toang trần và quét một vệt theo chiều dọc. Năm đồng chí trong xe bị thương.

Đau đớn vô cùng nhưng phải nghiêng răng lại mà chiến đấu. Còn cách nào khác hơn nữa! Trung đoàn ra lệnh cho tiểu đoàn 82 đang giấu quân ở khu đông, kéo khí tài, đạn sang khu tây để triển khai chiến đấu ngay. Đêm mùng bốn, 82 lên đường. Tôi, anh Cảnh, anh Nhuận thức để theo dõi cuộc hành quân. Mười giờ, chiếc xe xích kéo xe ăng-ten đang lò dò lên dốc "Sáu độ" ở gần Hồ Xá thì một loạt bom tọa độ chụp xuống...

Đảng ủy trung đoàn ngồi họp trong khi bom B 52 nổ rung chuyển đất. Mưa. Bầu trời xám

xít. Những cặp mắt trũng sâu vì thiếu ngủ cũng đầy vẻ u ám. Khoảng nửa đêm, tôi nằm cố ngủ nhưng vẫn không ngủ được, hai tay kê dưới đầu nghĩ ngợi miên man. Chợt thấy anh Cảnh mờ sang.

- Ta ghép hai tiểu đoàn lại làm một được không? - Anh Cảnh nói.

Tôi đốt đèn lên. Còn một dúm cà-phê bột, tôi gói vào mùi xoa, "ninh" trong chiếc ca quân dụng. Anh Cảnh gật gù khen :

- A, ngon nhỉ, kém gì Thủy Tạ đâu!

Hai anh em nhấm nháp cà-phê và bàn. Thấy không đến nỗi tuyệt vọng. Chưa bắn được B52 nhưng qui luật hoạt động của nó, thủ đoạn của nó thì đã biết rồi. Những vấn đề hóc búa như khử nhiễu tránh Sơ-rai-cơ cũng đã giải quyết được một phần...

Sáng hôm sau tôi xuống 82, anh Cảnh xuống 84. Chiều hôm ấy chúng tôi về bàn với anh Nhuận và quyết định : xóc hai tiểu đoàn lại làm một, tiếp tục đánh B52.

*

* *

Một tuần lễ làm việc cật lực để chuẩn bị cho trận đánh. Lái xe của hai tiểu đoàn bị ốm gần hết. Phùng Hải cùng với hai đồng chí còn lại gánh vác toàn bộ công việc của trung đội. Đại đội phó Nguyễn Chính đang lên cơn sốt rét, tung chăn ngồi dậy đi chữa máy. Tay anh cầm mỏ hàn run lắt bập. Đồng chí Viết ngồi lì trên xe, đến bữa anh nuôi mang tới cho bát cháo hay cốc sữa, lúc chữa xong khí tài cũng là lúc các đồng chí quân y đưa xe đến chở anh đi bệnh viện. Chúng tôi cũng không ở sở chỉ huy nữa, kéo tất xuống tiểu đoàn.

Đêm 14 tháng 9-1967, tiểu đoàn hỗn hợp 84 và 82 do đồng chí Phiên chỉ huy kéo đạn, khí tài vào trận địa ở nông trường Quyết Thắng. Như để thử thách thêm ý chí người chiến sĩ tên lửa, trời bỗng đổ xuống những trận mưa dữ dội chưa từng thấy. Rừng núi chìm trong tiếng mưa dội ào ào trời đất tối mù mịt. Các khe lạch biến thành suối, suối biến thành thác dữ cuộn ầm ầm. Nước tràn vào công sự lên mấp mé sàn xe. Trung đoàn phó, phó chính ủy, phái viên Mặt trận đều lên trận địa tát nước. Sĩ quan điều khiển và trắc thủ đáng lẽ lúc này nghỉ ngơi để dành sức cho chiến đấu cũng phải thức, người vớ chiếc xoong đựng cơm, người cời mũ sắt, tát ỉ oap suốt đêm. Chân tay dầm nước trắng bọt ra. Về sau một đồng chí trắc thủ tâm sự với tôi : "Hôm ấy nói thật với anh, tôi mệt quá chỉ muốn nằm xuống nhắm mắt một lát. Nhưng thấy các anh đã có tuổi mà các anh không ngủ, cứ thức để tát nước, tôi lại phải bò dậy". Một trong những chiếc gàu tát nước hôm đó nay vẫn còn được giữ trong phòng truyền thống Trung đoàn.

Sáng 15, anh nuôi gánh cơm lên trận địa, đứng nhìn đồng đội rơm rớm nước mắt. Mở nắp vại nhựa ra : chỉ một chậu cơm, một đĩa muối và rổ rau má. Mưa to quá, tiếp phẩm chạy thức ăn mắc kẹt bên kia suối. Một trắc thủ vỗ vai anh nuôi : "Không việc gì, ăn cơm với rau má đánh B 52 Mỹ mới là tên lửa Việt Nam". Câu nói ấy trong hoàn cảnh bình thường nghe nó sáo, lúc này sao mà cảm động đến thế!

Ngày 16 khí tài lại hỏng. Nguyễn Chính gượng gậy, húp bát cháo rồi khoác áo mưa, chống gậy đi chữa máy. Anh phải chống hai tay để trèo lên ca-bin.

Bảy giờ sáng ngày 17, cấp trên thông báo có B 52 vào hướng Quảng Trị. Mưa không ngớt, lại thêm gió nổi ào ào như một cơn bão nhỏ. Sáu giờ, bộ đội ăn mỗi người một nắm cơm nguội chấm muối lạc. Sáu giờ ba mươi phút lệnh báo động sẵn sàng chiến đấu. Tiểu đoàn trưởng, sĩ quan điều khiển, trắc thủ ngồi vào vị trí trong xe chỉ huy. Tôi bước lên xe định nói mấy lời động viên anh em nhưng nghĩ đi nghĩ lại thấy không cần thiết đành đứng yên nhìn các đồng chí chuẩn bị. Họ sống như thế, chiến đấu như thế, còn nói gì hơn nữa .

Người sĩ quan điều khiển, người sẽ bấm nút phóng đạn diệt pháo đài bay B 52 hôm nay là Lê Hỷ, một kỹ sư có trình độ, khá linh hoạt, thông minh và từng trải. Anh đã từng điều khiển tên lửa diệt năm máy bay địch và mấy lần gạt tên lửa Sơ-rai-cơ ra ngoài trận địa. Hỷ cũng vừa ốm dậy, gầy, hai gò má nhon hằn lên, làm khuôn mặt trở nên khắc khổ. Bên cạnh anh là Nguyễn

Văn Ngạn, trắc thủ cự ly. Trần Hồng Thính, trắc thủ phương vị, và Lê Hữu Ngoan, trắc thủ góc tà, những khuôn mặt trẻ, thông minh, trưởng thành trong nhà trường xã hội chủ nghĩa. Mười lăm giờ, đồng chí Phiên ra lệnh báo động cấp một và kiểm tra lại khí tài một lần chót. Tất cả các bộ phận đều hoạt động tốt.

18 giờ 30 phút đài dẫn đường bắt gọn được tín hiệu B 52. Trên màn ảnh hiện sóng nhìn vòng trước mắt tiểu đoàn trưởng, lẫn trong các giải nhiễu trắng xóa, chập chờn, những vết sáng lớn, dài gấp đôi tín hiệu máy bay thường xếp theo đội hình bậc thang nổi lên lúc đậm, lúc nhạt.

- Mở máy! - Đồng chí Phiên ra lệnh.

Năm mươi cây số... bốn mươi lăm cây số... Trong lồng ngực tôi trái tim đập mỗi lúc một nhanh và rộn rã hơn. Tất cả chỉ còn trong khoảnh khắc. Bao mồ hôi, nước mắt, và máu của chiến sĩ, nhân dân... Những hy sinh, mất mát đã không phải là vô ích. Tín hiệu B 52 đang hiện lên trước mắt các trắc thủ, bất chấp mọi thủ đoạn nham hiểm của chúng hòng lẫn tránh, ẩn nấp. Qua hơn một năm vật lộn với địch trên chiến trường này, trung đoàn chúng tôi đã lớn lên vượt bậc. Tuy vẫn còn lo lắng, tôi tin là trận này nhất định sẽ đánh thắng.

Các trắc thủ lần lượt báo cáo cự ly, phương vị, góc tà. Tiếng Lê Hỷ đánh gọn.

- Mục tiêu ổn định.

Tiểu đoàn trưởng Phiên khẽ nhú mày. Chỉ một vài tích tắc nữa thôi,... Thời cơ tiêu diệt địch đang đến, giây phút trọng đại của đời anh cũng đang đến... Anh nhắm mắt lại rồi đột nhiên trong khoảng không im lặng một cách căng thẳng và trọng thể của ca-bin chỉ huy, bật lên những âm thanh rần rỏi chắc nịch.

- Cự ly... phương vị... độ cao... Quả một, phóng!

Ngón tay Lê Hỷ ấn nhẹ. Quả đạn đầu tiên phụt ra một luồng lửa đỏ rực lao vút vào khoảng trời vùn vụt mây mưa. Mười giây sau, quả thứ hai rời bệ phóng. Một ánh chớp sáng lóe trên màn ảnh sóng, báo hiệu chiếc máy bay B 52 đầu tiên bị tiêu diệt.

Lúc ấy là 17 giờ năm phút ngày 17 tháng Chín năm 1967

*

* *

Ngày 20 tháng Chín chúng tôi nhận được thư khen của Bác Hồ. Mấy hôm sau Đảng ủy và ủy ban Hành chính khu vực Vĩnh Linh tổ chức một buổi họp mừng công ở Vĩnh Hòa. Không lẽ nghi rườm rà, anh Trần Đồng nói mấy lời rồi bỗng quay lại ôm lấy anh Hội, rơm rớm nước mắt. Anh Hội cũng hết sức cảm động, nói ấp a ấp úng :

- Trên đường đi từ miền tây về, mấy anh em chúng tôi nôi với nhau : "chúng mình hôm nay về dự mừng công là con về nhà mẹ". Đến đây gặp các anh các chị, thấy quả đúng như vậy.

Anh Hoàng Đuộm cũng đứng lên nói mấy lời. Khi đọc câu thơ của Bác Hồ : "Đánh cho giặc Mỹ tan tành, Năm châu khen ngợi Vĩnh Linh anh hùng" có lẽ vì vui quá anh đọc nhầm ra là Vĩnh Linh ca ngợi Vĩnh Linh anh hùng. Thế là mọi người vỗ tay ôm lấy nhau cười ngặt nghẽo.

Bữa ăn liên hoan rất đơn giản, chỉ mỗi người một nắm xôi và một miếng thịt lợn, y như cỗ "việc làng" ngày xưa. Trước khi ăn anh Vũ Kỳ Lân nói :

- Đã là "con về nhà mẹ" thì ăn xong phải có phần đưa về. Hôm nay ủy ban cho nắm xôi to và miếng thịt cũng khá đây. Tôi đề nghị hai người ăn một suất thôi, còn nửa để các anh 238 đưa về cho anh em ở nhà. Không đủ cho cả trung đoàn nhưng cũng gọi là... chút quà của đảng ủy, ủy ban.

Nói xong, anh Lân chạy ra ngoài cửa hầm chặt một tàu lá chuối để gói xôi, thịt. Anh Hội phấn khởi quá, đứng lên hứa :

- Hai chiếc B 52 vừa rồi đánh trong điều kiện mưa to gió lớn, đồng bào không ai thấy. Chúng

tôi sẽ cố gắng đánh những trận giữa ban ngày thật đẹp.

Trên đường về, tôi hỏi anh Hội :

- Ông hứa thế rồi không đánh được thì sao?

Anh Hội cười ha hả :

- Thì tớ hứa là sẽ cố gắng chứ tớ có nói chắc chắn là đánh được đâu.

Ngày 30 tháng mười vào lúc 10 giờ sáng, trung đoàn chúng tôi lại bắn rơi một pháo đài bay B 52. Hôm đó nắng đẹp và bầu trời rất xanh. Không những đồng bào Vĩnh Linh mà cả đến đồng bào Quảng Trị, các chiến sĩ Cồn Cỏ cũng trông thấy máy bay B 52 bốc cháy.

Phần thứ sáu **VƯỢT SÔNG BẾN HẢI**

33 **TIẾN RA PHÍA TRƯỚC**

Bằng ngón tay trở xương xẩu, anh Hoàng Đuởm chọc một đường thẳng trên bản đồ suốt từ sông Bến Hải đến sông Cửa Việt sau đó, cùng với ngón tay ấy, anh chụp xuống, đè chặt lấy khúc sông Cửa Việt vẽ trên giấy.

- Chọc thủng vào đây - anh Đuởm nói, bịt chặt khúc sông này, không để bất cứ một chiếc tàu tiếp tế nào của Mỹ đi từ Cửa Việt đến Đông Hà.

Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 47 Trần Thà im lặng, anh đưa ngón tay gãi gãi trên má như định phủi một cái gì dính vào đó. Chính trị viên Trần Thanh Diệu chống hai tay xuống mặt bàn, hơi ưỡn về phía trước. Bốn con mắt nhìn dán vào bản đồ song tôi biết, họ đang nghĩ đến thực địa. Từ sông Bến Hải đến sông Cửa Việt, ngót hai chục cây số không thể chọc một cách dễ dàng như lướt ngón tay trên bản đồ. Trước hết phải vượt "hành lang lửa" dọc sông Bến Hải. Sau đó là tuyến phòng ngự dày đặc của địch : điểm cao 31, Nhĩ Trung, Nhĩ Hạ, Lâm Xuân, Hoàng Hà, Mai Xá... là đối mặt với lính thủy đánh bộ, với hải quân, với "giang thuyền Mỹ, ngụy". Bịt sông Cửa Việt, có nghĩa là thít chặt cổ họng của hàng vạn quân Mỹ ở Đông Hà, Cam Lộ, Khe Sanh, chúng không thể ngồi yên, chúng sẽ phải quấy mạnh.

- Bịt chừng bao lâu, thủ trưởng? - Trần Thà hỏi.

Anh Đuởm xòe cả hai bàn tay :

- Mười ngày, chỉ mười ngày là đạt yêu cầu.

Anh nhìn Trần Thà rồi lại nhìn sang Thanh Diệu, nói tiếp :

- Dĩ nhiên nếu bịt được lâu hơn thì càng tốt.

Thanh Diệu ngược lên nhìn anh Đuởm và tôi :

- Đề nghị các anh cho biết tình hình nhân dân ở vùng này.

- Nhân dân à - anh Đuởm gãi đầu, nói chung thì nhân dân ở đâu cũng tốt, cũng hướng về cách mạng, nhưng... cơ sở của ta ở đây còn yếu, địch vẫn coi vùng này thuộc loại A, tức là... an toàn đối với chúng nó.

Im lặng. Không ai nói, cũng không nhìn nhau, bốn bộ mặt cùng một vẻ nghiêm trang, dăm đuối. Trong cuộc chiến đấu ta vẫn thường gặp những khoảnh khắc yên lặng thế này đây. Không cần nói, chỉ đọc trong mắt nhau, đủ thấy trận đánh sắp tới sẽ khó khăn, ác liệt và cái gánh trách nhiệm đang chia nhau nặng đến mức nào. Tôi nhớ lại nét mặt anh Đàm Quang Trung và anh

Nguyễn Xuân Hoàng hôm các anh giao nhiệm vụ cho tôi và anh Đuộm ở sở chỉ huy Mặt trận B5. Cũng danh lại, cũng nghiêm trang, khác hẳn anh Trung, anh Hoàng lúc bình thường. "Mũi chận sông này hết sức quan trọng" - anh Quang Trung nói chậm, dần từng tiếng. "Nó sẽ góp phần quyết định vào thắng lợi của toàn mặt trận". Chúng tôi đã tính rồi, có thể trong mười ngày ấy 47 sẽ hy sinh một nửa quân số thậm chí hai phần ba. Đề nghị các anh nói rõ với chiến sĩ điều đó và để họ tự xác định lấy thái độ.

Tôi ngược nhìn Trần Thà, bất giác thấy yêu mến anh, thương anh một cách lạ lùng. Một cán bộ hàng chục năm rồi chưa biết đến nghỉ ngơi, lúc nào cũng lân cận, cũng đứng ở mũi nhọn của cuộc chiến đấu. Năm 1965, khi đảo Cồn Cỏ bị địch đánh phá dữ dội nhất, anh được cử ra đây làm nhiệm vụ chỉ huy. Anh vừa ở đảo về tháng trước. Đáng lẽ phải có thì giờ để anh nghỉ ngơi nhưng chúng tôi không còn biết sắp xếp vào lúc nào nữa. Đặt chân lên đất liền hôm trước, hôm sau đi nhận nhiệm vụ tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 47, đơn vị bộ binh chủ công của Vĩnh Linh Và giờ đây, anh và đồng đội lại sắp lao vào một trận đánh chắc chắn còn ác liệt hơn Cồn Cỏ rất nhiều. Vợ Thà, chị Thu làm công nhân nông trường tận Quỳnh Hợp (Nghệ An), gần biên giới Việt Lào. Vừa qua nhân tiện đi họp ở Hà Nội về tôi có ghé thăm. Một buổi chiều mùa đông mưa núi giăng mù mịt, ba mẹ con đang lúi húi nấu ăn trong bếp. Chị đứng sững sờ nhìn tôi một hồi lâu mới nói được: "Ba các cháu có gầy lắm không hả bác?... "

Trần Thà đứng dậy :

- Báo cáo các thủ trưởng, chúng tôi xin chấp hành mệnh lệnh.

Tôi nắm chặt tay anh và Điệu :

- Cố gắng nhét Trận đánh sẽ hết sức ác liệt, mong rằng các đồng chí luôn luôn giữ vững vai trò chỉ huy và lãnh đạo của mình.

Tôi hiểu rằng những lời của tôi không đầy đủ. Nhưng biết nói gì hơn nữa? Cuộc đời, tháng năm chiến đấu của những con người đang đứng trước mặt tôi cao đẹp gấp nghìn lần so với bất cứ từ ngữ tốt đẹp nào tôi có thể chọn được.

*

* *

Ngày 18 tháng Giêng 1968.

Trong lúc đại quân của Mặt trận đường Chín từ nhiều hướng đổ vào thung lũng Khe Sanh thì ở phía đông, bộ đội, dân quân tự vệ Vĩnh Linh được lệnh vượt sông Bến Hải cùng với lực lượng vũ trang và đồng bào Quảng Trị tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Bốn giờ chiều, giữa lúc mọi người đang hối hả, tất bật sửa soạn lên đường, anh M chạy đến tìm tôi. Vẻ mặt nghiêm trọng, anh nhìn trước nhìn sau rồi hạ thấp giọng, nói nhỏ :

- Tôi muốn báo cáo với anh một việc...

Tôi chợt dạ, vội bỏ dở mấy thứ đồ đạc đang xếp, ngẩng lên.

- Báo cáo anh cậu D...

- Làm sao?

- Cậu D với cô X...

Anh M kể một thôi một hồi về những chuyện nhăng nhít giữa anh D.và cô. X. Sốt ruột quá, tôi phải lên tiếng cắt đứt câu chuyện.

- Thôi được rồi, tôi hiểu rồi.

Anh M hơi phật ý, đứng im lặng một lúc rồi nói tiếp :

- Tôi đề nghị anh để cậu D ở nhà để kiểm thảo đã, vấn đề này nghiêm trọng lắm.

- Không được, phải để cậu ta đi chiến đấu chứ.

- Đi chiến đấu ạ !...

Anh M có vẻ chưa thông nhưng không còn đủ thì giờ để nói thêm nữa, tôi vỗ vai anh :

- Thôi được mình chịu trách nhiệm về vấn đề này, cứ để cậu ta đi chiến đấu đã, sau này về sẽ giải quyết.

Điều rắc rối ấy làm phân tán tâm trí tôi mất một lúc. Kể cũng hơi bực. Tại sao đang sống giữa dòng thác vĩ đại của đất nước trong giờ phút lịch sử này mà có người vẫn không thắng nổi những dục vọng tầm thường. Đáng buồn hơn, anh D lại là một cán bộ có năng lực và dũng cảm. Nhưng rồi, tôi cố quên đi và tôi đã quên được. Chụp mũ sắt lên đầu, tôi khoác xà cọt vào vai, bước ra khỏi hầm. Mặt trời sắp lặn, vài vệt nắng cuối cùng còn lưu lại trên nóc hầm, chập chờn, lay động như nháy múa. Đứng ở cửa hầm bên kia, anh Đuôm đang nói chuyện với anh Phùng Bình. Cả hai người cũng đều đã đội mũ, khoác súng sửa soạn lên đường. Trông các anh như trẻ hẳn ra. Từ một nhánh hào phía tay trái, cháu Tắm con anh Lẹ lon ton chạy tới :

- Bác Lân đi mô cho Tắm đi với. - Cháu nói, về mặt nững nịu.

Cơ quan tôi đóng trong khu vườn nhà anh Lẹ. Hầm tôi và hầm anh chỉ cách nhau vài chục mét. Ngày ngày cháu Tắm vẫn sang chơi, có khi cháu ngủ lại cả đêm. Những buổi chiều rỗi rãi, ít bom pháo, tôi vẫn dắt cháu dạo chơi quanh quần trong đường hào, kể chuyện cổ tích cho cháu nghe. Tôi bế cháu lên và thơm vào bầu má phình phính mát rượi của nó :

- Tắm ở nhà để bác đi đánh giặc.

- Đi đánh giặc là đi mô? - Cháu hỏi, hai con mắt nhìn tôi đen láy như hai hạt nhãn.

Cháu mới lên bốn, đã hiểu thế nào là đánh giặc. Tôi muốn nói với cháu rằng : "Đi đánh giặc là đi giết những đứa đã có lần ném bom vào hầm cháu, suýt làm cháu chết ngạt đấy, cháu còn nhớ không? Là để cho cháu và các bạn của cháu sau này lớn lên chỉ còn biết có học hành, ca hát và lao động sáng tạo". Bà cụ Lẹ từ trong hầm đi ra. "Tắm ở nhà với mẹ cho bác đi công việc". Bà cụ vừa nói vừa đỡ lấy cháu trong tay tôi.

- Bác đi cho được mạnh giỏi.

Bà cụ nói, giọng khẽ khàng, hơi run run. Và trong đôi mắt ngược nhìn tôi, tôi thấy có một cái gì khác lạ, chưa từng có. Dặn dò, cầu chúc và nỗi lo lắng..., tất cả hòa lẫn trong cái nhìn ấy. Chắc chắn không ai trong chúng tôi nói với bà cụ về nhiệm vụ quan trọng sắp tới. Nhưng qua ánh mắt, tôi cảm thấy hình như bà cụ đã biết.

- Con đi mạ nhé.

Tôi chào bà cụ và quay đi, cố bước thật nhanh cho kịp anh Đuôm lúc ấy đã ra đến đầu xóm. Đôi mắt bà cụ cứ hiện lên, lấp lánh như hai vì sao trong khoảng không gian phía trước.

Tôi bước đi, lòng nghĩ miên man đến những bà mẹ. Giờ này... có biết bao bà mẹ trên đất Vĩnh Linh đang đứng trong chiến hào đưa cặp mắt tự hào chen lẫn nỗi lo âu nhìn theo đàn con ra trận. Và đôi mắt mẹ tôi từ những năm tháng xa xưa chợt hiện về...

Một chiều tháng Chín năm 1952, tôi đang hối hả sửa soạn cùng với một đoàn cán bộ Bộ tư lệnh quân khu Bốn đi vào vùng địch hậu Quảng Trị. Bỗng nhận được tin mẹ ốm nặng ở chợ Rộ (Nghệ An) . Sông Lam vào giữa mùa lũ lớn, nước bạc mệnh mông, chảy cuồn cuộn. Tôi về đến nhà, thấy thần sắc mẹ kém lắm rồi. Những năm tháng long đong chạy giặc từ Hà Nội lên Việt Bắc rồi từ Việt Bắc vào khu Tư đã rút kiệt của mẹ tôi chút sinh lực cuối cùng. Mẹ nằm dãn xuống giường, không cử động, chỉ có cặp mắt nhìn tôi tuy mệt mỏi nhưng vẫn âu yếm, hiền dịu như ngày xưa. Mẹ cầm tay tôi, nói : "Để chưa chết đâu, con cứ đi đánh giặc đi". Ngừng một lúc, mẹ lại nói : "Nếu không gặp để nữa, khi nào hết giặc, con cho để về với thầy con ở cánh đồng làng ta...". Tôi ngồi với mẹ chừng nửa tiếng rồi đành gạt nước mắt ra đi. Chân bước mà cảm thấy đầu óc mình tê buốt. Sau này vợ tôi viết thư cho biết tôi ra khỏi nhà chưa được nửa tiếng đồng hồ, nghĩa là đang lênh đênh giữa sông Lam, ở nhà mẹ tôi tắt thở.

Bao nhiêu năm rồi, những bà mẹ Việt Nam vẫn chưa có một lúc nào thanh thoi để hưởng trọn vẹn niềm vui của người mẹ bên cạnh đứa con...

Từ các đường hào chi chít, ngang dọc khắp Vĩnh Linh, bộ đội, dân quân như những dòng thác lũ chảy ào ạt về phía trước. "Đi thưa ra... Đi thưa ra!". Tiếng những cán bộ chỉ huy gắt gỏng. Dòng người chùng lại, giãn ra được một lúc rồi lại xít vào, tựa như có một sức mạnh vô hình nào đó từ phía sau đang đẩy họ bước nhanh hơn. Lá ngụy trang lao xào lẩn tiếng cười, tiếng nói chuyện khe khẽ, rì rả rì rầm, tiếng vũ khí va chạm nhau lách cách. Đứng trên một gò đất, tôi lặng lẽ nhìn đoàn quân đi trong hoàng hôn. Mặt trời tắt, nhưng hồi quang rực rỡ từ phía tây rọi tới làm những khẩu súng trên vai chiến sĩ sáng lên lấp lóa. Nhiều bộ mặt quen thuộc : Túy của đại đội Hai, Thành, dũng sĩ diệt Mỹ xuất sắc của đại đội 24, Ninh, Diễm và tập thể tiểu đội Tám của đại đội Lê Hồng Phong, từng diệt gọn một đại đội chủ lực ngụy ở Lại An ngày 11-7-1967... Một người cao lớn tách khỏi hàng quân, tiến về phía tôi : Trần Thà. Bàn tay to, rắn như sắt của anh bóp chặt bàn tay tôi.

- Tôi vừa nhận được thư nhà tôi và các cháu.
- Bình yên cả chứ?
- Vâng, chỉ nhớ "ba Thà" thôi... Cô ấy gửi lời hỏi thăm anh.

Có tiếng một đồng chí chào tôi khe khẽ. Tôi nhận ra Ngọc Nhu và Hồ Thừa, hai phóng viên báo Quân đội nhân dân. Đi sau anh Thừa là đồng chí D, đầu hơi cúi, bước lặng lẽ. Có thể anh đang tránh cái nhìn của tôi. Trần Thà nói nhỏ :

- Cậu ấy buồn, chắc là hối hận.
- Nói với cậu ấy là cứ yên tâm mà chiến đấu - tôi bảo Thà. Đảng ủy và bộ chỉ huy vẫn đánh giá đúng thành tích đồng chí ấy. Không được vì chuyện đó mà ảnh hưởng đến ý chí chiến đấu.
- Tôi sẽ nói ngay bây giờ.

Thà bắt tay tôi lần nữa rồi chạy phóng lên, chiếc ba lô cắm đầy lá nhún nhảy trên lưng anh.

Tiểu đoàn 47 đi qua. Đến lượt các đơn vị súng cối, súng máy cao xạ, DKZ, B41, thủy lôi... Họ là những đại biểu ưu tú của lực lượng dân quân, tự vệ Vĩnh Linh có quân số và trang bị ngang với ba sư đoàn bộ binh chính qui. Đi cuối cùng là các tổ bắn tỉa. Trời đã tối mịt, chỉ còn nhận ra họ ở những khẩu súng trường dài một cách khác thường, trông như những con sào nhô lên khỏi vách hào. Đó là những chiến sĩ đánh giặc theo kiểu chiến tranh nhân dân. Họ bám làng, bám ruộng, chiến đấu và sản xuất trên quê hương, thỉnh thoảng sang bờ nam chiến đấu một thời gian. Với khẩu súng trường nòng dài có gắn máy ngắm, họ luồn vào tận sào huyết giặc hay chen đường đi lại của chúng, rình bắn những tên lộ ra khỏi công sự. Bon Mỹ rất khiếp đội quân này. Họ chỉ làm ăn theo kiểu "cò con" như vậy nhưng hiệu suất chiến đấu rất cao. Có người như Võ Lý Tường ở Vĩnh Giang bắn 19 viên đạn diệt 18 tên Mỹ.

Tôi và mấy anh em ở cơ quan chính trị đi nối vào cuối hàng quân. Một cô gái bước chậm lại.

- Chào thủ trưởng.
- Cô Bưởi à?
- Dạ...

Bưởi là một chiến sĩ xuất sắc trong đội bắn tỉa của Vĩnh Tú. Có lần ở Cửa Việt cô bắn 12 viên đạn, diệt 11 tên Mỹ. Khuôn mặt Bưởi nhẹ nhõm, đôi mắt thông minh, miệng cười rất tươi.

- Thế nào, bà cụ cũng chịu cho con gái đi cơ à? - Tôi hỏi.

Bưởi cười rung rúc :

- Mạ ưng hung, mạ giờ cả hai tay thủ trưởng ạ.
- Rứa là mạ "hen-xấp" à? - Một anh chàng đi phía trước nói đùa làm những tiếng cười rộ lên.

Câu nói vô tình nhưng lại ngụ ý sâu xa. Mẹ Bưởi thương con nhưng rất khắt khe. Việc gì cụ đã không thích thì con cái đừng hòng mà ho he. Lần Bưởi sinh con, bà cụ bắt cô phải ở trong một căn hầm kín mít, chỉ được ăn cơm với muối rang, bắt kiêng cử nhiều thứ rất vô lý. Anh Minh, chồng Bưởi khuyên mẹ không được đi phàn nàn với đồng chí Quách Sĩ Kha, phó chính ủy

Quân khu Bốn. Anh Kha bảo : “Mày xoàng, để tao vào tao nói với bà cụ cho”. Nghe anh Kha nói bà cụ chỉ âm ừ. Tiễn khách về xong, bà cụ quay lại con gái và con rể : “Ông nó là tướng chỉ huy ngoài mặt trận còn trong gia đình ni tao là chỉ huy, tao vẽ chi bay phải nghe nấy, không được xớ rớ”.

Bưởi khoe :

- Bữa ni mạ tiến bộ hung. Lúc út đi mạ dặn đi dặn lại : "Đừng hấp tấp nghe út, bắn bung tao không biết chớ đi cầy đi cắt mi hấp tấp dữ..."

Những tiếng cuối cùng của cô gái dũng sĩ bị lấp đi trong tiếng pháo nổ ầm ầm...

34

QUA ĐÒ TÙNG LUẬT

Một loạt pháo nổ. Tôi ngồi thụp xuống rất nhanh. Có thể động tác của tôi không nhanh bằng sức văng của mảnh đạn, nhưng chưa bao giờ tôi thấy mình phản ứng nhạy đến như vậy. Lại một loạt pháo nữa, lần này nghe như ở sát vách hào, khói xộc vào khét lẹt. Đồng chí Đạt đẩy tôi về phía trước. Một cái cửa hầm mở ra bên tay trái, ở trong có ánh đèn. "Vào đi, vào đi" nhiều người giục phía sau. Đây là hầm ngồi đợi trước khi qua đò. Tôi và Đạt chui vào "Giôn-xơn mần hung" - Đạt cười, nhe hàm răng trắng lóa. Trong hầm đã có mấy người, bộ đội và dân quân.

- Chào các đồng chí.

- Chào thủ trưởng ạ..

- Sao ngồi đông thế này?

- Dạ... kể thì cũng hơi đông nhưng... sắp qua sông rồi thủ trưởng ạ, ngồi tạm thôi mà.

Người vừa nói là một anh bộ đội rất trẻ, ôm cây súng B40 ngồi gần cửa hầm.

- Đồng chí quê ở đâu? - Tôi hỏi.

- Thái Bình ạ.

- Đất "ăn chơi" đấy thủ trưởng ạ - Một người ngồi phía sau tôi nói, giọng hóm hỉnh.

- Ăn chơi thế nào?

- Cậu ấy nói tào lao đấy thủ trưởng ạ - anh bộ đội quê Thái Bình nói.

Một người ngồi ở cửa hầm bên kia hỏi với sang :

- Thông ời, còn tí "chất khói" nào không?

- Còn "thuốc chú bác" thôi - anh chàng vác B40 trả lời.

- Cũng được, làm tí cho thêm yêu đời.

"Thuốc chú bác" là tên bộ đội đặt cho loại thuốc lá tự trồng của đồng bào Vĩnh Linh. Hai tiếng "chú bác" thoát nghe như đùa bỡn. Kỳ thực, với những ai đã ở Vĩnh Linh trong những năm chiến tranh, nó gợi một cái gì ấm áp, thân thuộc. "Cơm chú bác", "giường chú bác", "phụ cấp chú bác". Bộ đội Vĩnh Linh là bộ đội "nửa A, nửa B" không được hưởng chế độ phụ cấp của chiến sĩ đi B. Nhưng họ sống với nhân dân, được nhân dân chăm bẵm, yêu mến. Anh em gọi đó là "phụ cấp chú bác" hay có khi là "bộ đội chú bác".

Anh bộ đội cầm B40 chìa gói thuốc về phía tôi :

- Mời thủ trưởng.

- Cám ơn, tôi không biết hút.

- Chắc thủ trưởng mới vào trong này.

- Vào lâu rồi chứ!

- Lâu rồi mà thủ trưởng vẫn cảm ơn à - Anh cười nói tiếp dạo mới vào tôi cũng hay nói câu

cảm ơn. Có một hôm vào nhà ông cụ ở Vĩnh Chắp mượn con dao rựa. Thấy cụ đưa dao ra, tôi nói : "Cảm ơn bố". Thế là ông cụ rút ngay lại và nói một cách cáu kỉnh : "Tui đưa dao để chú chặt gỗ làm hầm là phận sự của tui, tui không làm ơn, chú đừng nói rứa".

Bốn năm thuốc được đốt lên cùng một lúc, khói mù mịt đến nỗi nhìn một người bên cạnh chỉ thấy mờ mờ.

Một cô gái xạ thủ 12 ly bảy không chịu nổi mùi khói thuốc lá vội nhồm lên : "Mấy eng cho út ra, ngồi đây e chết mất".

Anh bộ đội ôm B 40 vội đưa tay giữ hòm đạn của cô lại :

- Tội nghiệp út chưa, mấy "eng" xin lỗi, thôi tắt thuốc lá đi các cậu Ngồi đấy, ai lại thế.

Anh chàng vừa nãy hỏi xin thuốc lại lên tiếng :

- Hồi mới vào Vĩnh Linh... hì hì... nghĩ cũng lắm cái buồn cười. Thấy cái lều con con ở góc vườn, mình ngỡ là hố xí định mò vào. Ông bố ở trong nhà vội hét lên : "Cái đôn ⁽¹⁴⁾ đó, không phải nhà tiêu mô chú ơi, nhà tiêu tê tê". Nghe cứ lú lú như chim, chẳng hiểu gì cả. Mình nhìn vào nhà, thấy gia đình đang ăn cơm, lại tưởng người ta mời mình, liền trả lời rất lễ phép : "Dạ, con mời bố mẹ và cả nhà xơi ạ".

Những tiếng cười rộ lên chưa dứt hẳn, người ngồi sau tôi đã kể câu chuyện khác.

- Tôi với cậu Bình vào nhà mẹ Chút ở Vĩnh Long. Bà cụ mang ra một ổ sắn luộc rất ngon. Thèm bỏ mẹ đi nhưng Bình ta cứ từ chối ngọt xót : "Dạ cảm ơn mẹ, chúng con vừa mới ăn ạ". Nó nói vậy, chẳng lẽ mình ăn à, đành ngồi nuốt nước bọt. Thấy chúng tôi không ăn, bà cụ bưng ổ sắn cất đi rồi vác cuốc định ra vườn. Lúc bấy giờ Bình ta mới lên tiếng, vẫn rất ngọt : "Dạ... mẹ làm ơn để lại cho chúng con vài cân sắn". Mẹ Chút nói : "Mấy chú mua sắn mần chi?". Bình trả lời : "Chúng con luộc ăn ạ!". Bà cụ trợn mắt lên : "Răng tui mời các chú không ăn, thôi để khi khác, chừ đang mắc việc, muốn ăn thì ra vườn mà nhổ". Hì hì... Ở Vĩnh Linh này mà làm khách thì chỉ có đói rã họng.

Một loạt bom "tọa độ". Căn hầm nẩy lên như sắp sửa bị đánh bật đi nơi khác. Ngọn đèn tắt phụt, trong hầm tối om. Có tiếng người con gái hét to, đồng dục :

- Ngồi mô ngồi đó không được chộn rộn.

- O Dậu đấy. - Anh chiến sĩ ôm B 40 nói.

Trong giọng nói của anh nghe có cái gì như sự cảm phục quý mến.

Tôi hỏi anh :

- Chắc đồng chí đã qua đò này nhiều lần.

- Dạ... cũng ít thôi thủ trưởng ạ... chỉ độ chục lần.

- Và lần nào cũng gặp o Dậu?

- Vâng... o ấy khỏe lắm thủ trưởng ạ. Có những đồng chí thương binh rất to, vậy mà o ấy cõng chạy băng băng.

Một anh dân quân nói :

- O Dậu là em ruột anh Quốc, trước phụ trách bến đò nì.

Quốc. Trong khoảng tối đen kịt trước mặt tôi bỗng hiện lên một người đàn ông, một anh dân chài cao lớn, vạm vỡ, da đen bóng màu đồng hun, tóc húi móng bò, có đôi mắt linh lợi, thông minh. Quốc là đại đội trưởng đại đội hỏa lực của dân quân Vĩnh Giang. Anh hy sinh tại bến đò này. Một quả bom tọa độ trúng hầm : tám người chết, trong đó có anh. Tôi đã gặp cô Dậu, nhưng riêng chuyện cô là em ruột anh Quốc thì nay tôi mới biết.

Bến đò Tùng Luật là một trong những bến vượt sông quan trọng nhất của Vĩnh Linh. Từ đây, bộ đội dân quân qua sông Bến Hải sang đánh địch ở khu đông Quảng Trị. Cũng từ đây, bộ đội thương binh liệt sĩ trở về trong lòng hậu phương. Kẻ địch không lạ gì điều đó. Chúng định dùng một khối bom đạn khổng lồ để lấp kín cái ngõ này lại. B 52 dội bom không biết đã bao nhiêu lần. Máy bay khổng lồ cần bổ nhào cứ đến tọa độ đã chấm sẵn trên bản đồ là bấm nút vút

bom xuống. Pháo đã tính sẵn phần tử, chập tối bắt đầu bắn, và bắn mãi cho đến sáng. Có thứ vũ khí gì mới Mỹ đem dùng ở đây đầu tiên : bom bi nổ chậm, pháo bi, pháo nổ ra mũi tên, thủy lôi từ trường... Vĩnh Giang bị địch đánh ác liệt hơn bất cứ thôn xóm nào ở Vĩnh Linh cũng vì Vĩnh Giang có bến đò này. Anh bộ đội phía sau tôi lại nói, giọng anh bây giờ nghe không tếu như trước mà trở nên trầm trầm, sâu lắng :

- Các o chèo đò cứ khen bộ đội mình dũng cảm. Nhưng tôi thì... tôi nghĩ chưa biết ai dũng cảm hơn ai. Mình đi đây đi đó bom đạn dính được cũng còn xơi. Còn các o... một tháng ba mươi đêm thì cả ba mươi đêm có mặt ở đây. Thằng Mỹ nó lạ gì cái bến đò này, bom đạn nó đổ ào ào như đổ vỏ ốc...

Một ý nghĩ đơn sơ nhưng sâu sắc và cao đẹp biết bao! Trong cuộc chiến đấu, sự “cộng hưởng” của lòng dũng cảm là như vậy. Người này là tấm gương, là điểm tựa của người kia. Chính vì thế mà sự yếu hèn mới không còn chỗ để len vào tâm hồn.

Nhân dân Vĩnh Giang đặt tên con đường xuống bến đò là đường Cồn Cỏ. Nhưng chính những chiến sĩ lâu năm ở Cồn Cỏ khi đến đây đã lắc đầu : “Không, Cồn Cỏ không sánh nổi. Chúng tôi ở ngoài đó chỉ ác liệt từng lúc, ở đây, không giờ phút nào không có bom đạn”.

Lặng lẽ, âm thầm, người này ngã, người khác lên thay, con đò gỗ đơn sơ chưa lúc nào ngừng qua lại nối hai bờ nam bắc.

*

* *

- Xuống đò đi! - Tiếng o Dậu ra lệnh, lệ lên mấy anh!

Tôi vọt khỏi hầm. Đêm tối như bịt chặt lấy mắt. Một chiến sĩ dân quân giơ tấm khăn trắng lên làm hiệu: "Đây, đây đi theo tôi!". Có nhiều người chạy trước tôi, lá ngụy trang lào xào sùng đạn va lách cách, lộc cộc... Những tiếng rít ngang trời. Lại bom “tọa độ”.

- Không việc chi, xa, lệ lên mấy anh! - Dậu nói giọng trầm tĩnh.

Có người ngã đánh ụcch. Lại tiếng cô Dậu :

- Cứ bình tĩnh! ngồi xuống đồng chí!

Một cô gái kêu ré lên vì bị người nào đó giẫm vào chân.

- Cha mẹ ơi!

- Xin lỗi o, tối quá!

Một đồng chí cán bộ điểm quân, cố nói khẽ nhưng vẫn nghe như gào lên : “Trường đâu” - “Có, tôi đây” - “Phú lên chưa?” - “Đây ạ”... “Hạo?” - “Có”...

Ba con đò rời bến. Một chiếc máy bay lao như xé gió trên đầu "Búp". Nhưng chấm đỏ trông như cục than hồng bắn vọt ra khỏi máy bay. Đền dù. Tiếng cô Dậu :

- Các đồng chí bình tĩnh nghe, không can chi hết.

Trời đất đang tối đen bỗng rực lên rồi đột nhiên sáng trắng ra trong thứ ánh sáng sắc lạnh đến ghê người. Cô dân quân đứng đằng mũi như nằm rạp xuống, đẩy chèo hối hả. Tôi quay nhìn lại. Hình ảnh cô Dậu, cô dân quân cầm lái con đò mới đẹp và hùng dũng làm sao! Cao lớn, dáng dấp như người anh ruột đã hy sinh, cô đứng thẳng, tay đẩy chèo nhanh nhưng không vội vã, hấp tấp, ngược nhìn bầu trời lóe sáng với đôi mắt to, lấp lánh. Cặp môi cô gái mím lại, vẻ cương quyết... Nhiều năm về sau, tôi vẫn chưa thể quên được tư thế và nét mặt người chiến sĩ chèo đò trong những đêm vượt sông Bến Hải ấy. Nếu mai đây ta dựng tượng đài trên bến đò để kỷ niệm những con người bất khuất đã chiến đấu bền bỉ và hy sinh ở đây tôi sẽ đề nghị các nhà điêu khắc lấy cô gái và con thuyền của cô làm mẫu.

Đò thúc mạnh vào bờ cát làm chúng tôi ngã về phía sau rồi lại chồm về phía trước, đụng cả vào nhau.

- Chạy!

Tôi bước xuống, theo các đồng chí đi trước vọt nhanh qua bãi cát trắng phau. Chân chúng tôi giẫm lên những thanh bê tông gãy vụn nằm rải rác giữa lối đi, có thanh dài, thanh ngắn, thanh cong cong... Nhiều thanh vỡ gần hết xi măng chỉ còn trơ cốt thép han gỉ.

Tiếng máy bay rít lên. Nó đang bổ nhào.. Nghe ròn rợn sau lưng tưởng như máy bay sắp đâm thẳng vào mình. Bom bi nổ dậy phía sau. Tim tôi như bị ai bóp chặt lại. Liệu cổ Dậu, các đồng chí chở đồ đã vào kịp trong hầm chưa?

- Chạy nhanh lên các đồng chí! Tiếng người dẫn đường găt gỏng.

Mệt đến đứt hơi, tôi vẫn phải co căng chạy dẫn lên cho kịp người đi trước.

- Dừng lại! - Tiếng hô khẽ

- Mời anh vào đây ạ - có người gọi tôi.

Một căn hầm mới làm sơ sài, bằng các thân cây dương liễu phủ cát. Tôi bấm chiếc đèn pin đã bịt kín mặt kính chỉ để lọt ra một tia sáng bằng hạt đỗ, nhìn đồng hồ : hai giờ 16 phút. Mười ba năm, bốn tháng, ba ngày, kể từ hôm 15 tháng chín 1954, ngày tôi từ giã chiến khu Ba Lòng⁽¹⁵⁾ tập kết ra Vĩnh Linh. Lúc đó đứng bên bờ bắc cầu Hiền Lương, tôi đã ngoảnh mặt về phía nam hẹn với đồng bào, đồng chí sẽ trở về. Tôi hỏi đồng chí bộ đội dẫn đường :

- Lúc này ở bến đò tôi thấy có những thanh bê tông, nó là cái gì thế nhỉ?

- Khẩu hiệu của thằng ngụy ngày xưa đấy thủ trưởng ạ...

À tôi nhớ ra rồi. Năm 1956, ngụy quyền Ngô Đình Diệm xây dựng một hệ thống đồn bốt dày đặc trá hình dưới cái vỏ cảnh sát dân sự dọc bờ nam sông Bến Hải này. Trước đồn có những dòng khẩu hiệu lếu láo hướng sang bờ bắc, chữ đúc bằng bê tông, cốt thép, cao hàng thước. Chúng làm kỹ như vậy vì nghĩ rằng với bom đạn và đô la Mỹ, sông Bến Hải vĩnh viễn sẽ là một biên giới "bất khả xâm phạm". Chúng có ngờ đâu chỉ hai chục năm sau, những bàn chân dũng mãnh của đội quân cách mạng đang giẫm lên những đồn bốt, những dòng chữ "trường cửu" của chúng để tiến lên giải phóng miền Nam thân yêu.

- Đề nghị các anh cởi quần áo gói vào ni-lông. Chúng ta sắp vượt qua bầu Xuân Mỹ - người dẫn đường ra lệnh.

35

CUỘC CHIẾN ĐẤU TRÊN BỜ SÔNG CỬA VIỆT

- Thủ trưởng - đồng chí Đạt gọi tôi. Cậu ta vẫn nằm trong màn nhưng đầu hơi nhô lên.

- Đạt không ngủ đi - Tôi hỏi.

- Thủ trưởng cũng ngủ đi chứ, thức mãi thế này thì đau mắt.

- Đau làm sao được. Đạt ngủ đi, thanh niên như cậu là cứ phải ngủ cho thật lực.

Đạt nằm yên được một lúc, lại nghe tiếng chẵn cộ loạt soạt rồi cậu ta ló đầu ra ngoài màn.

- Sao lại mò dậy?

- Thôi, thức với thủ trưởng cho vui.

Tôi ngồi xếp bằng trên tấm bạt trải xuống cát, nhìn ra ngoài cửa hầm. Trước mặt, một mảng bóng tối loãng, đục lờ do các cồn cát trắng hắt lên. Bầu trời đen thẫm, không một vì sao.

Khắp bốn phía đều dậy lên tiếng pháo địch. Nóng ruột quá. Theo lệnh của Mặt trận, chậm nhất là mười giờ sáng ngày 20 tháng Giêng 1968 phải nổ súng chặn tàu địch đi từ Cửa Việt lên Đông Hà. Bảy giờ tối hôm qua, tiểu đoàn 47 bắt đầu hành quân tiến về phía sông Cửa Việt. Gần tám tiếng đồng hồ đã trôi qua mà vẫn chưa có tin báo về. Ba đại đội bộ binh và ba đại đội hỏa lực phối thuộc, tám trăm con người với bao nhiêu là súng đạn, liệu có giữ được bí mật đến

phút chót không? Câu hỏi ấy cứ xoáy mãi vào tâm trí tôi.

Chợt có tiếng chân người chạy vội trên cát. Anh Phùng Bình tham mưu trưởng cúi gập người chui vào cửa hầm.

- Có tin gì của Thà chưa?
- Chiếm Hoàng Hà rồi.
- Thật à? Tôi reo lên.
- Thật!

Anh Bình chìa một bàn tay về phía tôi, tôi nắm chặt lấy hai anh em nhìn nhau. Thế là thắng một trận đầu quan trọng. Không chiếm được Hoàng Hà đêm nay, khó mà nổ súng trước mười giờ.

- Có diệt được bọn giang thuyền không? - Tôi hỏi.
- Có nhưng không gọn : chúng nó chạy mất một số.

Anh Bình kéo tôi ngồi xuống, trải rộng tấm bản đồ khu đông Quảng Trị ra trước mặt.

- Đây nó đây - Anh chỉ một chấm nhỏ trên bản đồ, chệch về phía gần biển. Hươ hươ đầu bút chì lên bản đồ, anh Bình nói tiếp :

- Xê Hai nằm ở Hoàng Hà, bảo vệ cho DKZ và B41 vào đánh tàu. Xê Một chốt Nhĩ Hạ, chặn thẳng ngụy ở điểm cao 31 xuống. Xê ba và xê 12 ly bảy ở đây, Lâm Xuân.

- Cánh thủy lôi ở đâu?

- Chỗ này, Xuân Khánh - anh Bình chỉ một chấm đỏ khác bên bờ sông Cửa Việt. Thả thủy lôi xong nếu kịp, đám này sẽ rút ra phía sau.

Tôi nhìn đồng hồ. Đúng ba giờ sáng. Máy điện thoại đổ chuông. Một giọng nói to, khỏe khoắn ở phía đầu dây bên kia.

- Anh Lân đấy à?
- Vâng ạ.
- Tôi, Thái đây.

Anh Hoàng Văn Thái là phó chính ủy Mặt trận B5, phụ trách khu đông, hiện đang ở sở chỉ huy bên Vĩnh Linh. Trước lúc sang sông, tôi đã giao hầm của mình lại cho anh.

- Thế nào rồi? - Anh Thái hỏi.

- Báo cáo... cho đến nay mọi việc đều diễn ra đúng theo kế hoạch.

- Hoan nghênh... hoan nghênh. Tôi cũng thông báo với các anh một tin sốt dẻo : ta đã tiêu diệt Làng Vây và đang bao vây Tà Cơn...

- Sung sướng quá, tôi đặt máy xuống và chạy sang hầm anh Đuờm. Thế là trên toàn mặt trận đường Chín, ta vừa ra quân đã đánh thắng ngay từ trận đầu.

*

* *

Bốn giờ sáng. Tiểu đoàn 47 báo cáo địch đang ném bom và dội pháo xuống Hoàng Hà. Đứng ở sở chỉ huy Thủy Khê chúng tôi cũng thấy rất rõ. Tiếng nổ dội về không lúc nào ngớt. Ở một góc phía nam, bóng tối cứ bị xé toạc ra, liền vào, lại bị xé ra. Đôi lúc thấy chớp lửa nổi cuộn cuộn như trong một lò thép hồng đang sôi. Mất Hoàng Hà, địch đoán ngay được ý định của ta. Có thể chúng sẽ đổ quân xuống để đẩy lực lượng ta ra khỏi bờ sông. Các chiến sĩ của tiểu đoàn mang tên người Cộng sản lỗi lạc Lê Hồng Phong đã thề sẽ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng.

Năm giờ sáng. Tôi gọi điện thoại báo cáo tình hình với anh Trần Đồng, bí thư đảng ủy khu vực.

- Làm sao mà nó bắn pháo dữ thế ông Lân? - Anh Đồng hỏi.

Qua máy điện thoại tôi cũng biết anh đang lo lắng.

- Động rồi anh ạ, có thể sáng nay chúng nó sẽ phản kích.

- Anh và anh Đuộm bàn bạc với nhau, làm sao đánh thắng địch, giữ được trận địa mà đỡ thương vong cho bộ đội và dân quân. Nhớ liên lạc chặt chẽ với anh Thư⁽¹⁶⁾ và các đồng chí ở Gio Cam. Xin gửi lời thăm hỏi và chúc mừng của toàn ban thường vụ đảng uỷ đến các đồng chí đang chiến đấu bên đó.

- Xin cảm ơn anh, nhờ anh chuyển lời cảm ơn của tôi và anh Đuộm đến anh Tồn, anh Du, o Em và các anh các chị ở nhà.

- Các anh ấy đang ngồi ở đây cả chứ đâu. Cả o Em nữa.

O Em là cán bộ cũ của Quảng Trị, tham gia hoạt động từ những năm 1935 - 1936. Chồng và con đều hy sinh, o lên chiến khu Ba Lòng lo sản xuất, nuôi các đồng chí hoạt động trong những năm chống Pháp. Đến nay đã ngoài sáu mươi tuổi, o vẫn ở lại Vĩnh Linh đóng góp sức mình cho cuộc chiến đấu. Trước hôm chúng tôi lên đường, anh Đồng, anh Du gọi tôi và anh Đuộm sang ăn cơm. O Em nấu bát anh chua bằng mấy con cá quả và làm món rau ghém trộn khế ăn với mắm cái. O xới cơm, gấp thức ăn cho chúng tôi, trù mền như người chị cả săn sóc mấy đứa em.

Nói xong, tôi vừa đặt máy xuống, quay lại nhìn thấy đồng chí Trần Đăng Khoa đã ngồi sau lưng tôi từ lúc nào.

- Báo cáo anh Lân tôi đi - Khoa nhồm dậy.

- Hượm một lát đã.

Khoa là chính trị viên một đại đội bộ binh thuộc tiểu đoàn Sáu. Theo lệnh của Mặt trận, hôm nay anh sẽ cùng với đại đội vượt qua phòng tuyến dày đặc của địch, thọc vào vùng Đại Độ ở gần Đông Hà, cắm một cái chốt vào giữa tim địch, làm chỗ dựa cho cuộc nổi dậy của nhân dân. Anh từng làm chính trị viên phó đảo Cồn Cỏ. Đã có lần thay mặt các chiến sĩ trên đảo ra Hà Nội báo cáo thành tích với Bác Hồ, Trung ương Đảng và Chính phủ.

- Chuẩn bị được đến đâu rồi? - Tôi hỏi.

- Ổn rồi anh ạ - Khoa nói, anh em có hơi lo.

Nhìn vào mắt Khoa, tôi biết anh nói thật. Mà lo cũng là phải thôi. Con người ta, dầu vô tư đến đâu đi nữa cũng không thể bình thản trước khi bước vào trận chiến đấu một mất một còn. Tôi nói với Khoa :

- Nếu trước đây ba hôm mà đại đội 10 vào đấy thì có thể tổn thất lớn. Nhưng hôm nay tình thế đã khác rồi. Ta chiếm Làng Vây rồi, tiểu đoàn 47 cũng vừa chiếm Hoàng Hà xong. Địch đang hoang mang, tan rã, quần chúng đang nổi dậy. Nếu các đồng chí biết nắm thời cơ, có thể lập công lớn.

Nét mặt Khoa tươi hẳn lên. Anh lại nhồm lên định đi, nhưng tôi kéo anh ngồi xuống. Còn chuyện khác, tôi muốn nói với Khoa nhưng lòng tôi đang phân vân, một chuyện riêng của anh. Đang khi nước sôi lửa bỏng, lại giở chuyện riêng ra nói, liệu có nên không? Nhưng... không nói ư? Lỡ có điều gì không may xảy đến với Khoa thì sao? Tôi sẽ ân hận suốt đời nếu anh ngã xuống mà vẫn chưa biết mình có hạnh phúc.

Khoa yêu một cô gái ở Quảng Bình tên là Mỹ Lệ. Chiến tranh xảy đến, Khoa ra đảo, Mỹ Lệ đi thanh niên xung phong chiến đấu ở miền tây. Đường đất xa xôi, cộng với một vài chuyện hiểu lầm nho nhỏ làm hai người cách biệt. Tuy vậy, qua một vài lần tâm sự, tôi biết Khoa vẫn yêu Mỹ Lệ tha thiết. Hồi cuối tháng Chạp năm 1967, đi từ Bộ Tư lệnh Quân khu Bốn về, chúng tôi bị bom từ trường và bom bi nổ chậm của địch chặn lại ở đèo Đá Đẽo trên đường 15. Ba anh em : tôi, Đạt, và On ghé vào nghỉ nhờ một đơn vị Thanh niên xung phong. Lân la hỏi thăm, tôi biết trong đội thanh niên xung phong trấn giữ đèo Đá Đẽo có một cô gái, tên là Mỹ Lệ. Trong lúc On sửa xe, tôi và Đạt chống gậy đi khắp các lán tìm cô gái ấy. May mắn làm sao, cô Mỹ Lệ ấy lại chính là Mỹ Lệ của Khoa.

- Khoa này...

Anh ngược lên nhìn tôi, chờ đợi, vẻ lo lắng lại hiện ra trong mắt...

- Mình vừa gặp cô Mỹ Lệ của cậu.

Khoa mở to mắt nhìn tôi trùng trùng, miệng há hốc, chắc anh chưa tin điều tôi nói là thực.

- Đúng thế đấy - tôi nhấn mạnh, ở đèo Đá Đẽo, mình và Đạt cùng gặp, mình đã nói chuyện với cô ấy.

Khoa chồm về phía tôi :

- Thật chứ anh, Mỹ Lệ thật à?

- Thật, mình nói ngay để cậu biết, cô ấy vẫn rất yêu cậu rất yêu.

Khoa ngồi yên, chưa thật hết vẻ ngơ ngác, nhưng trong mắt anh một niềm vui mới mẻ đang hiện lên.

- Cô ấy thế nào anh?

- Khỏe mạnh và vẫn xinh như cậu tả với mình.

Tôi mở túi đưa cho Khoa lá thư của Mỹ Lệ. Anh quay ra cửa ngồi đọc rất lâu, chắc phải đọc đi đọc lại đến mấy lần. Có lúc tôi thấy anh chàng đọc mà cầm lá thư lật lên lật xuống như muốn tìm trong đó một cái gì khác nữa. Bỗng anh quay lại ôm chặt lấy vai tôi lắc lắc :

- Anh Lân, cảm ơn anh lắm... Tôi đi nhé!

Tôi tiễn Khoa ra cửa và nói thêm :

- Mình đã trộm phép "họ nhà trai" đến thưa chuyện với thủ trưởng đảng nhà gái rồi. Nếu cậu đồng ý thì sau chiến dịch này ta tổ chức đi.

Khoa cười, hai mắt chớp chớp. Suốt mấy tháng chiến dịch, mỗi lần nhớ tới Khoa và Mỹ Lệ tôi vừa vui vừa lo. Câu văn "trong bão tố chiến tranh, một tình yêu non trẻ đang chấp cánh trên miệng con cá sấu", trong tiểu thuyết "Chỉ vì yêu" của Wanda Vaxilepska ⁽¹⁷⁾ đọc từ hồi chống Pháp thỉnh thoảng lại hiện lên trong đầu tôi. (Nhưng mọi việc đều tốt đẹp. Tháng Ba 1968, Khoa trở về, cũng vừa lúc Mỹ Lệ được cử ra Hà Nội đi học. Họ tổ chức lễ cưới trong một căn hầm. Và hiện nay hai anh chị đã có ba cháu : một trai hai gái).

*

* *

Tám giờ sáng. Sau bốn tiếng đồng hồ ném bom và bắn pháo, địch bắt đầu mở cuộc phản kích chiếm lại Hoàng Hà. Từ Cửa Việt hai đại đội thuộc tiểu đoàn Một lính thủy đánh bộ Mỹ kéo lên, có bốn xe tăng và sáu xe bọc thép dẫn đầu. Hai đại đội bộ binh nguy từ điểm cao 31, từ Quán Ngang kéo ra. Máy bay lên thẳng đổ xuống Mai Xá và nhà thờ Phú Cầu hai đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ khác. Lực lượng địch có khoảng 1000 tên, 24 xe bọc thép, 12 tàu chiến.

Vốn quen thuộc chiến trường khu đông, có kinh nghiệm đánh bộ binh Mỹ, tiểu đoàn Lê Hồng Phong vào trận với một tư thế hết sức bình tĩnh. Xe tăng và bộ binh vào đến sát làng, vẫn chưa có một mũi nào nổ súng. Truyền thống của tiểu đoàn này là đánh gần. Tổ đồng chí Lộc bố trí hướng tây nam, đối mặt với một trung đội lính thủy đánh bộ Mỹ. Cho đến trận ấy Lộc đã ba lần đạt danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ. Thấy một tốp lính Mỹ lò dò đến cách công sự 30 mét, hai chiến sĩ mới là Tâm và Hòa nhóm lên định bắn. Lộc ra hiệu chưa được bắn. Anh lấy thanh lương khô bẻ đôi đưa cho hai người : "Ăn đi, đợi mình bắn các cậu mới được bắn". Chúng vào cách 15 mét. Tâm và Hòa nhìn Lộc : anh vẫn bình tĩnh nhai lương khô. Khi tốp địch đầu tiên cách công sự năm mét, Lộc lừ mắt ra hiệu cho hai đồng chí, anh lấy gói đất bột đã trữ sẵn ném sang bên cạnh, làm bụi tung mù lên để đánh lừa địch. Ba loạt đạn quét thẳng vào tốp địch. Chúng đổ rạp xuống, tên đi đầu ngã sấp, chót bàn tay của nó chạm vào bờ công sự của Lộc.

Ngay từ loạt súng đầu tiên ta đã tiêu diệt hơn 50 tên lính thủy đánh bộ Mỹ, bắn cháy bốn xe tăng và hai máy bay. Địch lùi lại, tổ chức lực lượng, mở đợt pháo kích thứ hai. Từ tám giờ sáng

đến 12 giờ trưa địch xung phong năm lần, cả năm lần bị tiểu đoàn 47 đánh bật ra. B41 và DKZ được bộ binh che đỡ phía sau, bám chặt trận địa bờ sông đánh tàu địch. Một đoàn vận tải LST sáu chiếc từ Cửa Việt lên, ta bắn cháy hai chiếc. Chúng quay lại, giội bom và pháo vào trận địa ta, sau đó tàu vận tải lại kéo lên. Chúng phải liều mạng vì không thể bỏ mặc hàng vạn quân lính đang khốn đốn trên mặt trận đường Chin. B41 và DKZ lại bắn cháy thêm ba chiếc nữa. Ngày hôm ấy không một chiếc tàu vận tải nào của địch đến được cảng Đông Hà.

Hai giờ chiều, địch đưa thêm lực lượng tiếp viện từ các tàu chiến đậu ngoài khơi, mở đợt phản kích thứ sáu vào Hoàng Hà. Một trận hỗn chiến giữa ta và địch, hai bên quần lộn với nhau từng khóm tre, từng ngôi nhà. Có khi cùng một ngôi nhà, ta ở gian trong địch ở gian ngoài, ta ngoài sân, địch trong nhà.

Sáu giờ chiều địch mới rút chạy về căn cứ. Trên chiến trường này chưa bao giờ thấy địch đánh muộn đến như vậy. Chúng bỏ lại trên trận địa hàng trăm xác chết Mỹ và Ngụy.

Ta giữ được Hoàng Hà nhưng tổn thất khá nặng. Hơn 50 đồng chí hy sinh và bị thương. Vì dân công tải thương chưa vào kịp, tiểu đoàn phải tổ chức lực lượng đưa thương binh và liệt sĩ ra. Năm đồng chí bị thương nhẹ xin ở lại chiến đấu, tám đồng chí bị thương vừa có thể tự đi được, chỉ cần một người khỏe đi bên cạnh để dìu. Mỗi thương binh nặng và liệt sĩ phải ba người khiêng. Như vậy là số quân của tiểu đoàn hụt mất một phần tư.

*

* *

Ngày hôm sau, 21 tháng Giêng, cuộc chiến đấu trên bờ sông Cửa Việt còn quyết liệt hơn. Địch phải đánh bật ta để giữ con đường tiếp tế huyết mạch. Chúng dốc thêm vào đây hai tiểu đoàn thuộc sư A-mê-ri-con mới từ các tỉnh phía trong ra, một tiểu đoàn của sư Một và hai chi đội xe tăng thuộc Thiết đoàn Bảy quân ngụy. Năm giờ ba mươi phút địch bắt đầu phản kích. Pháo bắn, máy bay trút bom, xe tăng và bộ binh tiến lên... Chín giờ sáng, hai đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ chọc thẳng vào tiểu đoàn bộ. Hai chiến sĩ bắn trung liên hy sinh, tiểu đoàn trưởng Trần Thà nhảy lên thay thế. Anh ôm súng quét vào làn sóng quân Mỹ đang tràn tới làm chúng đổ gục xuống.

Một chiếc xe tăng M41 tiến vào, khẩu B41 bắn một phát trúng đầu xe, nó khựng lại, bốc cháy. Chiếc xe tăng thứ hai từ xa bắn một quả pháo vào hỏa điểm ta, đồng chí xạ thủ hy sinh. Trung liên hết đạn. Trần Thà giấu súng vào hầm, dùng súng ngắn bắn chết bốn tên Mỹ. Hai phóng viên báo Quân đội nhân dân Hồ Thừa và Ngọc Nhu cũng cầm súng đánh địch. Mười một giờ trưa. Địch bị đẩy lùi ra khỏi làng. Đồng chí Thà nghe tiếng Hồ Thừa gọi phía sau :

- Anh Thà ơi, lúc anh ôm súng bắn tư thế của anh sao mà đẹp thế. Tôi đã chụp được hai kiểu ảnh, đẹp quá!

Nhưng chỉ mấy phút sau, một quả pháo địch nổ bên cạnh. Hồ Thừa bị thương nặng. Anh trao máy ảnh, tài liệu lại cho Ngọc Nhu và nói với Trần Thà :

- Chúc anh và tiểu đoàn chiến thắng.

Ba tiếng đồng hồ sau Ngọc Nhu cũng hy sinh.

Xác lính Mỹ và lính ngụy đã xếp đống trên trận địa nhưng địch vẫn không chịu bỏ cuộc. Chúng lao vào tới tấp. Cuộc hỗn chiến kéo dài cho đến lúc mặt trời lặn. Địch phải rút, ta vẫn giữ được Hoàng Hà. Ngày hôm ấy DKZ và B41 chỉ bắn có sáu viên đạn, diệt bốn tàu địch. Con đường tiếp tế của chúng vẫn bị nút chặt.

Khi hoàng hôn xuống, quang cảnh chiến trường, theo lời đồng chí Xuân Đức, một xạ thủ trung liên kể lại, trông thật khủng khiếp. Không còn nhà, không còn cây, mọi vật đều bị nghiền nát ra, từ gạch ngói, cây lá đến xác súc vật. Lửa cháy tàu vẫn còn bốc ngùn ngụt trên mặt sông. Tiểu đoàn 47 bị thương vong gấp đôi ngày hôm trước. Số quân có thể chiến đấu được chỉ còn một phần ba. Tiểu đoàn phó Thế bị thương, liên lạc Nga hy sinh. Ở các đại đội, cán bộ chỉ còn lại một hai người. Đạn được còn lại rất ít : trọng liên 12,7mm 10 viên, tiểu liên mỗi khẩu 20

viên, súng trường mỗi khẩu 10 viên, B40 còn 4 quả, B41 hết nhẵn, DKZ còn hai quả. Cả tiểu đoàn còn lại hai khẩu trung liên dùng được.

Bảy giờ tối, tiểu đoàn trưởng Thà bàn với chính trị viên Thanh Diệu, quyết định triệu tập một cuộc họp. Về sau kiểm điểm lại thấy là một thứ họp vô nguyên tắc, bởi vì tính chất của nó không rõ ràng. Không phải họp chỉ huy, cũng không phải họp đảng ủy. Tất cả cán bộ của tiểu đoàn còn lại và phái viên cấp trên xuống, thậm chí cán bộ đơn vị bạn cũng được mời họp. Mở đầu cuộc họp, đồng chí Thà nói :

- Tôi đề nghị chúng ta kiểm điểm trận đánh hôm nay và bàn cách bố trí lại lực lượng để tiếp tục chiến đấu ngày mai.

Đồng chí C. nêu lên một ý kiến khác :

- Tôi thấy ta cần bàn kỹ, xem có nên tiếp tục ở lại hay tạm rút ra để bổ sung lực lượng rồi lại vào đánh.

Thế là mọi người quên băng đề nghị của Trần Thà, quay sang bàn ý kiến của C. Có đồng chí tỏ thái độ muốn rút lui một cách rõ ràng, có đồng chí nói lấp lửng, lại có đồng chí ngồi im. Tự trung phía quyết tâm ở lại chỉ còn có một mình tiểu đoàn trưởng. Đồng chí C. nói :

- Nếu đánh thêm một ngày nữa, phiên hiệu vẻ vang của tiểu đoàn Lê Hồng Phong sẽ bị xóa sạch.

Đến lúc này ngay cả Trần Thà cũng bắt đầu dao động. Anh đã làm một việc hết sức không đúng là lấy biểu quyết.

- Ai đồng ý ở lại tiếp tục chiến đấu?

Thà kể lại : "Tôi giơ tay nhưng khi thấy tất cả mọi người ngồi không động đậy, cánh tay tôi tự nhiên nặng trịch".

- Ai đồng ý tạm rút ra để củng cố?

Ba cánh tay giơ thẳng lên, một số thập thò, nửa co nửa duỗi...

*

* *

- Không phải rút lui, một đám tang thì đúng hơn. - Trần Thà nói.

Bộ đội đói ăn, đói ngủ, mệt mỏi uất ức, buồn bã vì phải rút lui khiêng thương binh, liệt sĩ đi lạng lã dưới ánh đèn dù.

Nhiều đồng chí quần áo rách tả tơi, đầu không mũ, chân không giày, bước thất thủ trên đường cát. Cán bộ, kể cả những đồng chí đầu tiên trong việc rút lui cũng hết sức khổ, họ cúi gằm mặt xuống, lê chân đi một cách nặng nề. Trần Thà khóc thút thít.

Anh nói :

- Tôi nghĩ đến lời hứa với Tư lệnh và Chính ủy, tôi nghĩ đến các đồng chí của tôi ở Cồn Cỏ, tôi nghĩ đến các đồng chí chờ đò ở bến Tùng Luật, tôi nghĩ đến vợ tôi, con tôi càng nghĩ càng thấy đau khổ, nhục nhã. Lội qua một con suối ở Lâm Xuân, nhìn thấy bóng mình chập chờn trong đáy nước, tôi uất quá không chịu nổi. Tôi quay ngoắt lại và đụng phải người đi sau tôi là đồng chí K. Tôi nghiêng rằng chộp ngực anh, day day mấy cái và hỏi : "Mày là phái viên của Bộ chỉ huy sao mày lại giơ tay đồng ý rút lui". K không tìm cách giẫy ra khỏi tay tôi, cũng không nói gì cả. Khi anh ngược lên tôi thấy mặt anh cũng đầm nước mắt. Đến Nhĩ Hạ, cách bờ sông chừng 800 mét, tôi không bước nổi nữa. Tôi quay lại nói với đồng chí K : "Tôi ở lại một mình, tôi sẽ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và chết ở Hoàng Hà". K nói : "Tôi cũng ở lại". Tôi giật nảy lên như bị giật điện và ngược nhìn K trừng trừng. Lúc này sao mà anh đáng yêu thế. Có thêm một người nữa tự nhiên thấy mình khỏe hẳn ra, sáng suốt ra anh ạ. Thà đi nhanh lên phía trước tìm đồng chí Diệu. Diệu nói : "Tôi cũng ở lại". Thà hét lên sung sướng: "Thế thì chạy đi gọi anh em".

Mười hai giờ, tiểu đoàn tập hợp trong một cái hẻm giữa hai cồn cát. Số quân còn lại vừa đúng 100 tay súng.

Trần Thà đứng lên nói :

- Thừa các đồng chí, vừa rồi chúng ta đã làm một việc nhục nhã, định bỏ trận địa để rút chạy. Dù nói là rút ra để củng cố thì thực chất cũng là chạy mà thôi. Tôi là tiểu đoàn trưởng, đáng lẽ tôi phải đứng vững nhưng tôi sợ chết, tôi dao động, tôi xin nhận tội trước các đồng chí. Thay mặt thường vụ đảng ủy và ban chỉ huy tiểu đoàn, tôi kêu gọi các đồng chí ở lại, dầu phải hy sinh đến người cuối cùng chúng ta cũng nhất quyết không rời trận địa.

Anh dừng lại, nhìn khối người im lặng phía trước và nói :

- Lúc này chiến đấu là tự nguyện, ai đồng ý ở lại xin giơ tay.

Một trăm cánh tay cùng đồng loạt giơ cao. Liếc về phía hai đồng chí C và G, Thà thấy hai cánh tay các đồng chí ấy cũng giơ lên rất thẳng. Xúc động quá, anh ngồi thụp xuống và ôm mặt khóc.

Hai giờ 30 phút ngày 22, tiểu đoàn 47 lại tiến vào trận địa bên bờ sông Cửa Việt. Thường vụ đảng ủy và ban chỉ huy hội ý. Lại một ý kiến ngược chiều mới nảy ra : chỉ giữ trận địa chứ không đánh tàu. Trần Thà nói :

- Không thảo luận nữa, tôi chỉ huy ở đây, tôi quyết định, phải đánh tàu địch. Tiểu đoàn Lê Hồng Phong chúng ta cắm tử trên bờ sông này.

*

* *

Trong lúc ở Hoàng Hà đang có việc bàn cãi về chuyện ở lại hay tạm rút ra thì tại sở chỉ huy Thủy Khê, Bộ chỉ huy đã quyết định cử đồng chí Phùng Bình, tham mưu trưởng xuống truyền đạt mệnh lệnh quyết bám trụ và dẫn theo 100 tay súng vào bổ sung cho tiểu đoàn 47. Buổi sáng ngày 22 địch không vào. Hai giờ chiều, sau gần nửa giờ bắn pháo và ném bom chúng cho hai tàu vận tải LST từ Cửa Việt đi lên Đông Hà.

Còn hai quả đạn DKZ, tiểu đoàn ra lệnh bắn nốt. Một chiếc LST bốc cháy và chìm ngay tại chỗ, chiếc thứ hai chạy trở lại.

Ba giờ chiều, hai đại đội nguy thọc vào Lâm Xuân đông. Vấp phải một tổ chức chiến đấu của ta chúng bỏ chạy toán loạn về Hoàng Hà. Tiểu đoàn bộ và một tổ vệ binh xông ra đánh giáp lá cà diệt 50 tên. Ta hy sinh mất ba đồng chí.

Ngày 24, Bộ chỉ huy điều ba đại đội DKZ của dân quân các xã Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Thủy, Vĩnh Thành, Vĩnh Thái, Vĩnh Chấp, tự vệ nông trường Quyết Thắng vào đánh tàu. Lúc này nhân dân hai bờ sông đã nổi dậy đồng loạt. Đồng bào cùng với bộ đội, du kích chặt tre, đan hàng nghìn sọt đựng đá, dựng một hàng rào dày 50 mét, chắn ngang sông để cản tàu giặc.

Tiểu đoàn 47 bám trụ ở khu vực Hoàng Hà không phải 10 ngày mà hai tháng liền. Nói về sự nguy hiểm của cái chốt chặn này, ngày 6-3-1968, một phóng viên hãng thông tấn UPI viết :

“Chỉ riêng khúc sông Cửa Việt đến Đông Hà dài 13 km cũng đủ khủng khiếp cho tàu và xuống chiến đấu của Mỹ. Các tàu của hải quân Mỹ buộc phải chạy thành đoàn và với tốc độ một dặm/giờ (2 km).

Ở đoạn sông này, một tàu tuần tra nằm lật nghiêng, gãy làm đôi. Đó là bằng chứng của đường đạn chính xác của quân Cộng sản. Mìn trôi trên dòng sông, những hàng rào ngăn sông bằng tre cài nhiều mìn và hai bên bờ sông ngày ngày đạn đại bác, rốc két, súng cối, súng cỡ nhỏ bắn liên tiếp vào các đoàn tàu. Một tàu tuần tra bị bắn chìm và sáu tàu khác bị bắn hỏng. Mới đây, một tàu vận năng⁽¹⁸⁾ chạy lết về Đông Hà, trên tàu có 12 thủy thủ thì 10 chết và bị thương. Đại úy hải quân Ray-ét phụ trách bến Đông Hà nói rằng thực tế tàu nào qua lại trên sông này cũng đều bị trúng đạn ít nhất một lần.

Còn chuẩn úy Móc-phai, thuyền trưởng một tàu vận năng nói : “Khi chạy ngược, chạy xuôi hay đang đậu ở bến, bất cứ lúc nào chúng tôi cũng bị bắn. Chúng tôi chẳng khác gì đi trong một cái nòng đại bác lớn mà địch đang đợi ở đầu kia. Không còn biết xoay sở thế nào được vì máy bay, đại bác đã ném bom, bắn phá nhưng quân cộng sản vẫn ở đấy, lực lượng ngày càng tăng và các cuộc tấn công của họ ngày càng táo bạo”.

*

* *

Giữa tháng hai năm 1968, Bộ chỉ huy chúng tôi nhận được công văn của Ban chỉ huy tiểu đoàn 47, đề nghị cử đồng chí D. làm tiểu đoàn phó. Cân nhắc, so sánh công trạng và thiếu sót chúng tôi thấy anh vẫn xứng đáng. Sau khi bàn bạc trong thường vụ đảng ủy và Bộ chỉ huy, tôi bảo đồng chí Cao Thung, trưởng ban cán bộ thảo công văn gửi lên cấp trên. Nhưng khi quyết định của cấp trên về đến nơi thì anh D. đã hy sinh. Anh buộc súng tiểu liên báng gập vào bó chiếu, mặc áo the đen, quần rộng, đội khăn xếp, che ô, đóng giả một người dân tản cư đi vào cảng Đông Hà nắm tình hình hoạt động của tàu địch. Nhưng tên Mỹ ngồi trên một chiếc máy bay lên thẳng rất quý quýet đã phát hiện ra anh. Chúng bắn xả cả một loạt súng máy vào anh D. ngã xuống bên bờ sông.

Khi chiến dịch kết thúc, tôi trở lại Vĩnh Linh, anh M. người cuối cùng bước vào hầm tôi trước lúc tôi lên đường ra trận, bây giờ lại là người đầu tiên vào hầm tôi khi tôi trở về. Tôi với anh :

- D. hy sinh rồi.
- Tôi biết rồi anh ạ - M. nói giọng buồn bã.
- Đột nhiên tôi thấy miệng anh méo xệch đi, hai giọt nước mắt trào ra. Anh khóc.
- Tôi hối hận quá anh ạ.
- Mình cũng thế.
- Nhưng anh đã xử sự đúng - M. nhìn tôi vẻ đau khổ.
- Nói chung là đúng nhưng cũng có lúc chưa thật đúng.
- Lúc nào anh?

Tôi nói chuyện với đồng chí Thà và lúc ấy đồng chí D. đi qua trước mặt tôi, ngập ngừng như muốn gặp tôi, nhưng rồi anh lặng lẽ, đầu hơi cúi xuống đi thẳng. Tại sao tôi không gọi anh lại nói chuyện với anh? Tôi biết anh D. buồn, hối hận. Anh làm thế là phải. Và tôi không gặp anh có thể cũng là phải. Nhưng nay anh đã hy sinh, cái dáng cúi đầu của anh lúc ấy vẫn ám ảnh tôi, làm tôi áy náy trong lòng.

36

MẮT CỦA PHÁO

Trong lúc bộ binh và các đơn vị pháo khiêng vác chặn tàu địch trên sông thì pháo cơ giới tầm xa suốt ngày đêm bắn phá các căn cứ và kho hậu cần của địch ở Đông Hà, Cửa Việt.

Pháo nằm trên đất Vĩnh Linh, pháo thủ không hề nhìn thấy mục tiêu. Nhưng có điều rất lạ, pháo ta đã bắn là trúng. Ta bắn không nhiều, chỉ mỗi trận vài chục viên, có khi năm sáu viên nhưng tạo ra những đám cháy lớn, thiêu hủy hàng trăm tấn vũ khí, nhiên liệu, lương thực và phương tiện chiến tranh của Mỹ. Như trận bắn vào Cửa Việt ngày 10 tháng Ba 1968, chỉ bằng ba viên đạn, ta gây nên một đám cháy lớn và nổ dây chuyền, đốt cháy năm khu kho lớn, 30 xe

vận tải, 4 nhà bat, diệt 140 tên Mỹ. Ngày 21 tháng Giêng 1968, một đoàn xe Mỹ 40 chiếc vừa chạy đến cầu Thiên Xuân trên đường Chín. Đột nhiên pháo bắn trúng cầu, các thanh gỗ bắt tung. Chiếc xe đi đầu dừng lại, lập tức pháo chuyển làn, bắn dồn dập vào đoàn xe. Mất có 40 viên đạn, ta diệt 38 chiếc xe chở đầy súng đạn, chỉ hai chiếc chạy thoát. Nhận xét về sự chính xác tuyệt vời của pháo ta, đồng bào Quảng Trị nói một cách nôm na : "Pháo miền có mắt!". Đúng như vậy. Pháo ở rất xa, nhưng "con mắt" của pháo thì lại ở rất gần mục tiêu bám sát từng động tác của giặc.

Mời các bạn nghe anh Phan Đình Thanh, tổ trưởng trinh sát thọc sâu của trung đoàn Bến Hải, một trong những "mắt thần" của pháo kể chuyện :

"Đêm 18 tháng giêng, chúng tôi vượt sông Bến Hải. Theo đội hình đã sắp sẵn từ trước, cả tổ tiến vọt về phía Thủy Khê, để từ đó đi sâu vào vùng địch... Hai đồng chí Lai và Long đi đầu, tôi và hai đồng chí thông tin đi giữa, hai chiến sĩ trinh sát còn lại đi sau cùng. Tám khẩu súng đã lên đạn, sẵn sàng chiến đấu. Bên ngoài là Cồn Tiên, Dốc Miếu, bên trong có Dốc Sỏi, Cầu Bến Ngự, điểm cao 31, Quán Ngang, Miếu Bái Sơn..., chúng tôi phải lườn lách giữa đám căn cứ địch dày đặc ấy mà đi. Vùng này cũng là địa bàn của thám báo, biệt kích, của các máy điện tử dò tiếng động và bom, mìn cam bẫy. Mỗi gò đất, gốc cây, con suối đều đã được đặt trong mạng pháo binh của địch, có tọa độ chấm sẵn trên bản đồ. Chỉ một chiếc máy điện tử phát lên tín hiệu báo động hay một quả mìn chiếu sáng vụt nổ là hàng trăm quả pháo sẽ chụp xuống ngay lập tức. Không có bóng tối, đèn dù treo lơ lửng suốt đêm trên các đồn bốt, trên dọc đường, đèn pha ở Quán Ngang quét loang loáng ra xung quanh. Mười giờ đêm, có tín hiệu báo động từ phía trên truyền xuống : "Dừng lại, có địch phục kích!". Nửa giờ sau lại đi. Qua nơi địch vừa rút khỏi, tôi sờ thấy công sự hầy còn ấm, mùi thuốc lá Salem thơm phức. Đáng lẽ đêm đầu tiên chúng tôi phải đi được mười lăm cây số để khi trời sáng có thể ẩn vào vùng đồi rậm rạp phía tây. Nhưng khi mới qua khỏi đường 76, nhìn ra phía biển đã thấy trời hừng sáng. Xung quanh trống trải, trước nước, sau lưng, bên trái, bên phải đều có địch. Làm sao đây? chỉ còn một cách là rúc vào bãi cỏ gianh nằm đợi trời tối. Hết sức mạo hiểm nhưng không còn kế nào khác. Vùng này đất đỏ badan màu mỡ, cỏ gianh mọc tốt ngập đầu có thể ẩn được. Vào đến giữa bãi gianh tôi ra lệnh cho anh em tản ra và mỗi người tự xếp cho mình một cái ổ thật kín đáo. Chúng tôi chỉ dám ăn mỗi người một nửa vắt cơm, uống vừa đúng một hùm nước, còn nửa phải để dành. Một ngày căng thẳng đến tột cùng. Trong những tháng năm chiến đấu của đời tôi đã có lúc cái chết kề bên cạnh, nhưng chưa lúc nào tôi cảm thấy căng thẳng, hồi hộp như ngày hôm ấy. Trời vừa rạng sáng, trên đường 76 xe địch, lính địch đã đi lại rậm rạp, nghe rõ cả tiếng chúng nói chuyện, chòng gheo nhau. Máy bay trinh sát L19, OV10 lượn vè vè trên đầu, lúc nào cũng nôm nóp như chúng sắp phát hiện ra mình. Đáng sợ nhất là bọn máy bay lên thẳng. Cứ mỗi lần chúng bay qua, cỏ gianh cuộn sóng như gặp cơn gió lốc, ẩn không khéo là phơi mình ra ngay. Vào quang chín giờ sáng, một đoàn xe Mỹ đang đi đột nhiên có hai chiếc tách ra và dừng lại, đỗ ngay trước mặt chúng tôi. Mấy tên Mỹ từ thùng xe nhảy xuống, chỉ trỏ một cái gì trên mặt đất, xì xồ nói chuyện với nhau. Có lẽ một đồng chí nào đã sơ ý để lại dấu dế trên đường. Lộ rồi chẳng? Tôi đưa mắt về phía đồng chí Lương, báo vụ viên. Nếu địch sục vào chúng tôi sẽ đánh và gọi pháo bắn. Cũng may là mấy thằng Mỹ chỉ hoa chân múa tay một lúc rồi lên xe kéo nhau đi. Thật hú vía! Quá trưa, một chiếc L19 lượn vòng rất thấp, vừa bay vừa phát đi lời kêu gọi "Gửi anh em cán binh Bắc Việt!" của một tên phản bội nào đó. Lai nằm cạnh tôi bỗng ngồi phắt dậy, quắc mắt, chộp lấy súng. Tôi vội lờ mắt bảo anh ta phải ngồi im. Nổ súng bây giờ chẳng khác gì tự sát. Chỉ một ngày thôi, nhưng sao mà lâu thế!

Chiều 24 tháng giêng, chúng tôi áp sát thị trấn Đông Hà để trinh sát. Huyện đội Cam Lộ cho hai trung đội bộ đội địa phương do đồng chí chính trị viên và tham mưu trưởng chỉ huy đi theo bảo vệ chúng tôi. Theo phương án đã bàn với huyện đội, đêm đầu tiên chỉ tôi và đồng chí Long đi. Tôi dặn anh em trong tổ : "Nếu chẳng may đêm nay tôi và đồng chí Long hy sinh thì đồng chí Lai sẽ thay tôi làm tổ trưởng, đồng chí Lương phụ trách vô tuyến điện. Các đồng chí tiếp tục ở lại làm tròn nhiệm vụ chứ không được rút về".

Lai nói : "Các anh cứ yên tâm, còn một người chúng tôi cũng vẫn cứ ở lại".

Ba giờ chiều bắt đầu rời căn cứ. Năm giờ đến vùng đồi thấp cạnh làng Cam Vũ. Đồng chí tham mưu trưởng bảo chúng tôi dừng lại đợi trời tối hẳn. Ngồi trên sườn đồi, tôi nhìn con

sông Hiếu lấp lánh trong ánh nắng chiều và những xóm làng đang tím lại trong màn sương mỏng, chợt thấy lòng mình dịu lại một nỗi nhớ thoáng qua, nhớ cha mẹ, quê hương, bạn bè, những kỷ niệm của một thời thơ trẻ. Có lúc tôi nghĩ tới Ngôi sao ⁽¹⁹⁾ của Kadakêvich. Giờ này “Trái đất” của tôi đang trên đường đi từ trường về nhà. Có thể cô ta cũng đang nghĩ đến “Ngôi sao” của cô ở phương nam xa xôi.

Mười một giờ chúng tôi vào đến cầu đường sắt, cách trung tâm Đông Hà chừng hai cây số. Phía trước, phía sau, bên trái, bên phải đều có địch. Hai trung đội bộ đội địa phương chốt hai đầu cầu để tôi và Long trèo lên lan can đứng nhìn. Thấy đường Chín, sân bay nhưng không thấy được mục tiêu số một và bến cảng. Tôi yêu cầu đồng chí chính trị viên và đồng chí tham mưu trưởng cho vào sâu thêm nữa. Tham mưu trưởng gật đầu. Anh chọn tám tay súng : một đại liên, một trung liên, một B40, một B41 và hai AK tự anh chỉ huy tổ hỏa lực hộ tống chúng tôi vào. Định vào thêm 800 mét nhưng chỉ được một nửa đã hết đường. Trước mặt là bãi tha ma, bên kia là hàng rào phòng thủ của địch. Vẫn chưa thấy được cảng. Tôi nói với đồng chí tham mưu trưởng :

- Anh cho phép tôi và Long xuống bờ sông, men theo mép nước tiếp cận bến cảng.
- Tham mưu trưởng bậm môi suy nghĩ :
- Nếu gặp địch thì sao?
- Chúng tôi sẽ nổ súng, các anh bắn yểm hộ để chúng tôi rút theo lối bờ sông.
- Đồng ý - tham mưu trưởng gật đầu.

Anh nói thêm :

- Tôi nhắc lại : nếu lộ hai đồng chí phải rút ngay, nhiệm vụ cản địch là của chúng tôi.

Tôi và Long bò về phía bờ sông. Dán bụng xuống đất, chúng tôi nhích lên từng gang một. Sông Hiếu quãng này rất rộng, nước thủy triều đang lên, mặt sông mênh mông phản chiếu ánh điện lấp lánh như mặt gương. Cách cảng chừng 100 mét chúng tôi dừng lại, nấp sau khúc cây chuối không biết từ đâu trôi dạt về. Tha hồ nhìn. Từ mép nước nhìn lên thấy trên cầu có bốn tầng đèn. Tầng dưới cùng là hệ thống đèn pha rọi ánh sáng xuống mặt nước để đề phòng đặc công ta phá cầu. Trên mặt cầu sáu tên lính Mỹ chia làm hai tốp đi tuần tra ngược chiều nhau. Cứ năm phút chúng lại vung tay ném xuống mặt nước một loạt lựu đạn. Cảng Đông Hà ở phía dưới cầu, cách chỗ chúng tôi nấp chừng 150 mét. Trong cảng có ba chiếc tàu đang dỡ hàng, ô tô chạy đi chạy lại như mắc cửi. Điều thích thú nhất là thấy trên bến cảng có hai chiếc cần cẩu cố định. Đây sẽ là vật chuẩn để sửa đạn lúc bắn vào cảng. Ngoài bến cảng chính, chúng tôi còn phát hiện một bến cảng phụ ở cách đó chừng 200 mét, một số kho tạm ở rải rác xung quanh. Sợng quá, có lúc Long quên cả nguy hiểm nói to lên, tôi phải bấm anh một cái rổ đau.

Chúng tôi báo cáo về "nhà", xin đánh cảng Đông Hà vào ngày 28. "Nhà" đồng ý. Hơi rắc rối một chút là cảng gần chợ, nếu đạn lạc có thể gây thương vong cho nhân dân : tôi đề nghị huyện cho phao tin là quân giải phóng sắp đánh chiếm Đông Hà. Tin đồn tung ra hôm trước, hôm sau cơ sở của ta trong thị xã báo ra cho biết : "Nhân dân xô nhau mua gạo, mua muối dự trữ, nhiều cửa hiệu đóng cửa, chợ vắng ngắt. Tuy vậy để cho chắc chắn, chúng tôi cũng điện về nhà xin đánh vào lúc hai giờ chiều. Quãng đó phiên chợ chiều chưa họp.

Một giờ sáng ngày 28, chúng tôi tạm biệt cơ quan huyện đội, vượt qua một số đồn bốt địch, bí mật bò vào điểm cao 35 ở cách Cảng Đông Hà chừng 1000 mét, chỗ này còn cây lúp xúp, ở sâu trong vùng địch cho nên chúng ít để ý. Việc đầu tiên phải làm là đào hầm, xây dựng công sự chiến đấu, nguy trang chu đáo. Kế hoạch được vạch ra như sau : Tôi, Lai và Long A, bảo vệ viên sẽ chỉ huy bắn. Long B, Tiềm, Mà, Lương chia thành hai tổ cảnh giới, đặt cách đài 100 mét. Nếu bị lộ, địch cho bộ binh ra thì ba chúng tôi cứ việc gọi pháo, hai tổ cảnh giới sẽ nổ súng cản địch.

Những giây phút dài ghê gớm lần lượt nối nhau đi qua... Mười ba giờ ba mươi phút, ba máy bay lên thẳng từ phía Cửa Việt bay ngược lên, rà sát hai bờ sông. Mười lăm phút sau, một đoàn tàu bảy chiếc lừng lững đi vào cảng. Tôi và Lai dựng phương hướng bàn ⁽²⁰⁾, trải rộng bản đồ, Long mở máy vô tuyến điện. Hai tổ cảnh giới ghếch súng lên bờ công sự, sẵn sàng chiến đấu. Đúng hai giờ chiều, cần cẩu bắt đầu làm việc.

Tôi gọi pháo bắn. Loạt đầu, bốn phát rơi vào ven làng Điều Ngâu cách cảng hơn trăm mét. Tôi điều chỉnh sang trái và hô bắn gấp 28 phát. Toàn bộ loạt này đạn rơi trúng cảng và tàu đang dỡ hàng. Đám cháy lớn bùng lên, khói bốc cao hàng mấy trăm mét, trận ấy ta bắn chìm tại chỗ một tàu chở hàng 100 tấn, hai tàu chở xăng bốc cháy, chìm cách cảng 500 mét, một xe GMC bị phá huỷ, 26 tên Mỹ chết.

Ngày 31, cũng từ điểm cao 35 chúng tôi gọi pháo đánh vào cầu Đông Hà. Ngày 1 tháng Hai đánh liền ba mục tiêu : Cảng, sở chỉ huy tiền phương sư đoàn ba lính thủy đánh bộ Mỹ và sân bay. Liên tiếp trong một tuần lễ, ngày nào ở Đông Hà cũng có tàu, kho địch bị cháy và nổ.

Ngày mồng tám địch càn quét, chúng đổ quân chiếm mất điểm cao 35. Nhờ huyện đội giúp đỡ, chúng tôi chia làm hai tốp, vượt qua ngã tư Sông, luồn vào xã Cam Giang ở sát bến cảng. Tôi và Long được bố trí ở trong nhà cụ H, một gia đình cơ sở cách mạng. Sáng sớm ngày mồng mười, tôi đóng bộ áo dài, quần rộng, đi dép nhựa trắng, đội mũ trắng, y như một anh xã trưởng nguy ra đứng ở bờ sông. Lựu đạn và súng tiểu liên báng gập giấu trong người. Máy bay lên thẳng vũ trang bay âm âm trên trên đầu, trông thấy bọn Mỹ cởi trần, ngực đỏ như mào gà, mắt nhìn lắc lảo. Tàu tuần tiểu địch đi qua trước mặt, súng đại liên chĩa ra hai bên. Hồi hộp một chút nhưng nhìn sững quá. Mọi thứ bày ra trong ánh sáng ban ngày : tàu, kho, xe cộ... Nhìn rõ cả những hàng chữ đề trên các kiện hàng. Tôi báo cáo về nhà xin đánh vào lúc tám giờ tối.

Có cái khó là địch ở gần quá. Cách nhà cụ H. hơn trăm mét có một quán giải khát, lúc nào lính nguy cũng tùm tùm nhậu nhet ở đó. Khi tôi gọi pháo bắn có thể bị lộ. Giữa vòng vây dày đặc của địch thế này, lộ là cầm chắc hy sinh. Sức nhớ tới kinh nghiệm của anh Nguyễn Đình Quang, một tổ trưởng trinh sát cùng trung đoàn, tôi hỏi cụ H. :

- Bác ơi, mấy gia đình quanh đây thế nào, có cảm tình với cách mạng không?

Ông cụ nói:

- Nhà mô cũng có con đi lính nguy nhưng coi bộ họ không thù ghét chi đảng miềng.

Tôi bàn với ông cụ :

- Lát nữa chúng con sẽ gọi pháo bắn vào cảng, bác làm sao nói với các gia đình xung quanh, đúng bảy giờ mười lăm thì mở đài Sài Gòn cho thật to.

- Được được, mấy chú giao tui chuyện đó, đừng lo.

Đúng giờ quy định, cả chiếc đài nhà cụ H. lẫn các gia đình xung quanh đều vặn to hết cỡ. Tiếng bình luận, tiếng hát cải lương thứ thì ông ổng, thứ nhả nhót, nghe cứ loạn xị cả lên. Long ngồi trong buồng nhà cụ H. mở máy vô tuyến điện, tôi nấp sau cửa sổ đo đạc, tính toán. Cụ H. cùng mấy người cốt cán lảng vảng quanh ngõ để cảnh giới.

Đúng tám giờ tôi gọi bắn. Ngay từ loạt đầu, đạn lao trúng bến : Tàu bốc cháy. Kho đạn cháy, gây nổ dây chuyền, lửa sáng rực cả khoảng không. Một chiếc LCU cháy bùng bùng mang đầy lửa và khói chạy qua trước mặt tôi.

Sáng hôm sau, tôi bảo đưa cháu nội cụ H. chừng mười ba tuổi đạp xe lên phố nắm tình hình. Cậu ta đi một lúc về kể lại : một tàu LCU chìm tại cảng, hai chiếc vẫn đang cháy, khu kho bị phá tan tành. Đại đội Mỹ đóng ở cảng chết 56 tên, xác hầy còn để ở bãi cỏ đợi chở đi.

Tối ngày 12 chúng tôi rời xã Cam Giang. Vừa đến cuối làng lọt ngay vào ổ phục kích của giặc. Đang đi chợt thấy một quả đèn dù từ phía Quán Ngang vọt lên, mấy anh em vội tản ra, nằm nép vào bờ tre. Đèn dù tắt, vừa đứng dậy đi được vài bước thì lại một quả khác vọt sáng. Tiềm nhổm lên định quan sát đoạn đường phía trước. Một tràng súng máy hộc lên. Và ngay lập tức đạn cối, đạn phóng lựu tới tấp lao về phía chúng tôi. Tôi thấy Tiềm ngã vật xuống, đầu ngoẹo sang một bên, nằm yên không động đậy. Địch vẫn bắn xối xả, đạn súng máy quét sần sạt qua rặng tre, chớp lửa nhằng nhịt khắp xung quanh. Cũng còn may chỗ chúng tôi bị phục kích là một chân ruộng, có thể dùng các con bờ làm nơi ẩn tránh. Nhìn đường đạn, tôi đoán lực lượng bọn phục kích chỉ chừng hai tiểu đội và chắc chắn là lính nguy. Bọn Mỹ thường bắn mạnh và bắn gần hơn. Đã thoát chết qua một số trận phục kích, tôi hiểu trong lúc này nếu bỏ chạy là nhất định bị tiêu diệt. Phải đánh trả đánh trả thật quyết liệt. Đối phương là những đứa nhút nhát, bảo mạng, chúng không dại gì xông xáo trong đêm tối. Tôi ra lệnh Long trinh sát, có du

kích địa phương dẫn đường cùng với Long vô tuyến điện rút dần về phía sau. Phải bảo vệ máy, không có nó bây giờ là coi như bó tay. Tôi bảo Lai bám vào mép bờ ruộng, bò lên lấy xác Tiềm, tôi và Sang sẽ bắn ghìm địch xuống. Nếu Tiềm lọt vào tay địch, nhất định chúng sẽ phơi xác anh trên đường Chín để trả thù các trận đánh pháo của chúng tôi. Để xảy ra điều ấy chắc chắn nỗi đau đớn, dằn vặt sẽ đuổi theo tôi đến trọn đời. Từng tắc một, Lai bò nhích dần lên phía trước. Tôi và Sang cũng bò lên, vừa bò vừa bắn.

Tôi ném một quả lựu đạn về phía ổ súng máy đang nhả đạn, Sang ném tiếp một quả nữa. Lợi dụng lúc súng địch tạm ngừng, Lai vọt đến chỗ Tiềm. Anh mang xác Tiềm trên lưng, bò trở lại. Tôi và Sang tiếp tục bắn để yểm hộ. Đợi Lai và Tiềm ra khỏi vòng vây, tôi với Sang mới vừa bắn vừa rút. Bọn địch chỉ nằm bên kia đường bắn như đổ đạn chứ không dám đuổi theo.

Sáng hôm sau chúng tôi vĩnh biệt Tiềm. Buồn quá, không ai nói một lời nào, bảy anh em đứng lặng lẽ trước linh cửu, nhìn một lần cuối cùng gương mặt thân yêu người đồng chí. Tôi muốn có một bó hoa rừng đặt lên mộ cho Tiềm nhưng tìm mãi không ra. Tất cả núi đồi vùng này đều đã bị chất độc của Mỹ làm trụi lá, chết khô...

Phần thứ bảy **VĨNH LINH VỚI CỒN CỎ**

37 **ĐẢO**

Ở Vĩnh Linh, mọi người gọi Cồn Cỏ bằng một cái tên khác : “đảo”. Chỉ ngắn, gọn, và thế là đủ. “Ra đảo”, “đảo kia kìa”, “ngoài đảo”. Tiếng ấy gọi lên một âm vang tha thiết, gần bó máu thịt hơn là “đảo Cồn Cỏ”.

Truyền thuyết dân gian kể rằng ngày xưa có một người khổng lồ quấy hai tảng đá lớn đi từ bắc vào nam. Đến Vĩnh Linh đứt quang, hai tảng đá rơi xuống. Tảng trong đất liền là ngọn Linh Sơn (bản đồ quân sự ghi là điểm cao 74) ở xã Vĩnh Thụy, tảng ngoài khơi là Cồn Cỏ. Vì sao có tên Cồn Cỏ? Một vài cụ già ở vùng biển Quảng Trị nói rằng ngày xưa hòn đảo vốn có tên là “Con Cọp”. Đứng từ phía Đông nhìn vào trông nó giống hình con cọp đang rình vồ mồi thật. Lâu ngày “Con cọp” biến dạng thành Cồn Cỏ. Ý kiến này có thể đúng. Trong một số tài liệu và bản đồ cũ của Pháp, họ cũng gọi đảo này là Lơ ti-gờ-rờ (Le tigre), có nghĩa là con cọp.

Nằm vắt ngang trên vĩ tuyến 17, cách Vĩnh Mốc 28 cây số cao hơn mặt biển 63,4 mét, rộng 2,4 cây số vuông, Cồn Cỏ giống như một Vĩnh Linh thu nhỏ lại. Có rừng cây, có đất có bãi cát, có núi đá, có đồi tranh thoải thoải... Sau hiệp nghị Giơ-ne-vơ, một thời gian dài, trên đảo vẫn chưa có người ở. Mùa thu năm 1959, biết địch có ý định chiếm Cồn Cỏ, ngày 8 tháng Tám, ta cho một đơn vị bộ đội đổ bộ lên đảo, trước địch hai ngày. Hôm sau ngụy quyền Ngô Đình Diệm đưa tàu chiến đến vây đảo định gây chuyện. Ta nổ súng cảnh cáo, chúng phải bỏ chạy.

Mùa xuân năm 1965, cùng với Vĩnh Linh, đảo nhỏ đi vào lịch sử trở thành biểu tượng sáng chói của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Khắp nơi trên miền Bắc, nơi nào cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt nhất, nơi ấy được đặt tên là Cồn Cỏ. Có hàng chục những Cồn Cỏ ở Vĩnh Linh, ở Quảng Bình, ở Trường Sơn, ở Nghệ Tĩnh... Là đơn vị đầu tiên trên miền Bắc hai lần được phong danh hiệu anh hùng, nhưng nếu bạn có dịp nói chuyện với bất cứ một chiến sĩ Cồn Cỏ nào, bạn cũng sẽ được nghe câu sau đây: “Không, không phải chúng tôi, nhân dân Vĩnh Linh mới xứng đáng với vinh dự ấy. Có sự hy sinh của bà con, chúng tôi mới giữ được

đảo". Phải chăng họ khiêm tốn? Không, đây là sự thật, hoàn toàn đúng sự thật!

*

* *

Ngày trời tạnh, đứng ở Cửa Tùng nhìn ra thấy Cồn Cỏ nổi rõ ở chân trời. Có 16 hải lý chứ xa xôi gì. Nhưng vượt 16 hải lý ấy lúc bình thường đã không phải hoàn toàn thuận lợi. Gặp kỳ gió bắc, gió "đông ngang" là chịu chết, không vào không ra được. Phải gió "nam lò" (gió tây) ra được nhưng không vào được. Khi gió "nam dưới" thổi vào dễ nhưng ra rất khó. Về tiết đông xuân, có những ngày đảo bị phong kín sau những lớp sương mù dày đặc, thuyền đi không khéo bị lạc. Khi miền Nam chưa giải phóng, lạc có nghĩa là vào tận Đà Nẵng, Quy Nhơn, Vũng Tàu..., là sa vào tay giặc như chơi. Vùng biển giữa đảo và đất liền lại còn có những dòng nước xoáy rất nguy hiểm (ngày 5-9- 1965, một thuyền chở hai tấn hàng và 13 người đi vào dòng nước xoáy này, bị cuốn mất tích).

Đảo sống nhờ đất liền. Cả nước lũ lúc đầu cũng phải chở từ đất liền ra. Bước vào cuộc chiến đấu, thêm nhiều nhu cầu mới : bổ sung vũ khí, công sự làm từ trước nay không thích hợp, cần có vật liệu để xây dựng lại. Ngày nào địch cũng đánh cũng thương vong, phải chở thương binh về bệnh viện, chiến sĩ về nghĩa trang, đưa người ra thay thế.

Thoạt đầu Bộ Tổng Tư lệnh giao Hải quân lo việc tiếp tế cho đảo. Bộ Tư lệnh hải quân cử một đồng chí tham mưu phó vào nghiên cứu, quyết định đặt trạm ra-đa chỉ huy ở Mũi Sỉ (Vĩnh Kim) và dùng tàu phóng lôi từ căn cứ sông Gianh chở hàng ra đảo. Có cái khó là tàu không cập bến được, cả bến trong đất liền lẫn bến ngoài đảo. Không biết người nào nảy ra sáng kiến dùng thuyền thúng chở theo trên tàu để làm phương tiện bốc dỡ. Phải ra tận Bình Lục (Hà Nam Ninh) mới mua được thuyền thúng. Rồi còn phải tốn một thời gian nữa cho thủy thủ tập chèo. Kế hoạch đồ sộ nhưng kết quả chỉ đi được có mỗi chuyến, chở được ít gạo, xi măng, khung gỗ làm hầm và nước ngọt. Bấy giờ tối tàu ra khỏi cửa Gianh, chín giờ đến Mũi Sỉ, bốc hàng xong vừa đúng nửa đêm. Tàu phóng vút một cái, chỉ nửa giờ đến đảo. Tàu địch thấy tàu phóng lôi bỏ chạy hết. Nhưng bốc dỡ rất chậm, thuyền nan bé tẹo, bập bả bập bênh trên sóng, chưa dỡ hết hàng trời đã sắp sáng, phải tạm dừng cho tàu quay về để kịp đi giấu. Việc tiếp tế cho đảo bằng tàu thế là không tiếp tục được.

Cuối tháng Năm 1965, tình hình trên đảo khá nguy ngập. Gạo ăn dè xén cũng chỉ đủ trong vòng một tuần lễ, đạn tính từng viên. Gay go nhất là nước ngọt. Cả đảo có một cái giếng hình chữ L. Không biết anh chiến sĩ tình nguyện nào đã đặt câu ca:

"Cồn Cỏ có cái giếng lờ

Cán bộ, chiến sĩ ngồi chờ nước ra"

Nước giếng L không thật ngọt, chảy ri rỉ từng giọt, hứng suốt ngày chỉ vừa đủ nấu cơm. Đảo trưởng Trần Thà muốn mở cho miệng giếng rộng ra và xoá cái tên "lờ" không hay ho, mới cho nổ một quả bộc phá. Từ đó mạch nước tít luôn. Trong trận đánh phá đầu tiên, một quả bom Mỹ rơi trúng bể chứa nước mưa. Thế là coi như đảo hết sạch nước ngọt, phải chặt chuối rừng vắt ra lấy nước uống. Có ngày trên đảo chỉ còn một bi-đông nước, một hộp sữa. Quản lý đưa bi-đông nước và hộp sữa cho ban chỉ huy bồi dưỡng để lấy sức chỉ huy chiến đấu. Ban chỉ huy chuyển ra trận địa cho pháo thủ, pháo thủ chuyển về bệnh xá cho thương binh. Thương binh lại nhường cho ban chỉ huy.

Địch biết điều đó. Một mặt chúng cho dội thật nhiều bom, phá nốt những gì còn lại trên đảo. Mặt khác dùng tàu chiến bao vây thật chặt, bịt kín mọi lối vào ra giữa đảo và đất liền. Xảo quyết hơn nữa, chúng thả lên đảo năm mươi đồng bào đánh cá bị chúng bắt, làm cho nguồn lương thực, nước uống trên đảo cạn nhanh hơn. Chúng hy vọng chỉ một thời gian ngắn, đội quân nhỏ bé trên đảo nếu không đầu hàng cũng chết gục vì đói khát và cắn xé nhau.

Những bức điện cầu cứu từ đảo đánh về mỗi lúc một dồn dập, như đốt cháy gan ruột các đồng chí lãnh đạo khu vực. Đảng ủy họp hết ngày này sang ngày khác. Có khi ngồi im lặng

không ai nói với ai một câu. Giữ đảo, hay rút số quân ít ỏi kia về, để mặc đảo cho kẻ thù? Quyết giữ, nhưng giữ bằng cách nào? Biển khơi bao la và hàng rào tàu chiến, máy bay của địch? Chính là lúc này, lập trường, ý chí và sự sáng suốt của tổ chức đảng, của từng đồng chí được thử thách.

Đầu tháng Sáu năm 1965, đảng ủy Vĩnh Linh phát lời kêu gọi : "Tất cả vì đảo". Hàng nghìn lá đơn từ các xã ven biển như Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Thạch, Vĩnh Thái... đã gửi lên khu vực xin được đi tiếp tế cho Cồn Cỏ. Giữa tháng Sáu, một đêm không trăng sao, đoàn thuyền 10 chiếc đầu tiên chở vũ khí lương thực cho đảo rời bến Vĩnh Mốc. Cả chuyến đi lẫn chuyến về đều trót lọt. Con đường đã mở nhưng... đó là con đường máu.

*

* *

Anh Vũ Nguyên Trình hồi năm 1965 là phó tư lệnh của Bộ chỉ huy quân sự khu vực Vĩnh Linh, chuyên trách việc tiếp tế cho Đảo Cồn Cỏ kể lại :

- Dạo ấy vào quãng tháng 11 - anh Trình nói, đúng tám giờ tối chúng tôi tiễn một đoàn thuyền năm chiếc ra đảo. Anh em đi, chúng tôi ngồi dán mắt vào màn hiện sóng của máy Ra-đa. Cách đất liền 15 cây số, tôi đếm vẫn đủ năm chiếc, không thấy tàu địch xuất hiện, đầu óc đã đỡ căng được đôi chút. Đột nhiên hai chiếc tàu biệt kích của địch từ phía bên kia đảo chồm tới. Thế là mất hút đoàn thuyền. Gọi không thấy thưa, hỏi đảo, đảo trả lời không biết. Gọi mãi cho đến sáng vẫn không nghe tiếng đáp lại. Tôi chạy về báo cáo với anh Đuờm, anh ấy gục đầu xuống bàn một lúc rồi ngẩng lên hai mắt đỏ hoe bảo tôi : "Cậu đem theo hai đồng chí thông tin, đi dọc bờ biển từ Cửa Tùng đến Lệ Thủy, vừa đi vừa gọi máy rà anh em họ đi lạc đâu đó". Chúng tôi đi. Trời rét, gió đông bắc thổi hun hút, ba anh em men theo bờ cát đi mãi, cứ vài ba phút lại gọi : "Hồng Hà gọi Sông Lô, Hồng Hà gọi Sông Lô". Chỉ có tiếng sóng gió và tạp âm lạo xạo đáp lại. Đói quá chúng tôi bần nhau vào một gia đình dân chài ở Vĩnh Thái kiếm chút gì ăn. Ông cụ chủ nhà nhét cho mỗi người đầy hai túi khoai lang phơi khô, chúng tôi vừa đi, vừa nhai. Hai đồng chí thông tin thay nhau gọi, gọi đến khản cả giọng nhưng "Sông Lô" vẫn biệt tăm. Buổi chiều trở về đến Vĩnh Thạch, chúng tôi gặp hai ông lão bà ba người đàn bà đang đứng trên bãi cát nhìn những mảnh thuyền vỡ nát từ ngoài khơi dạt vào...

38

HỒNG HÀ GỌI SÔNG LÔ

Tháng Tư năm 1967, tôi có dịp về Vĩnh Kim làm việc với các đồng chí ở đội thuyền tiếp tế đảo. Một đêm đầu mùa hạ, tiết trời dịu mát. Tôi, đồng chí Phủ, đội trưởng, đồng chí Diệp, chính trị viên và đồng chí Nhĩ, tham mưu phó của bộ chỉ huy quân sự chuyên trách tiếp tế đảo, đứng trên một doi đất. Trước mặt chúng tôi là biển, nghe tiếng sóng vỗ rì rào lên bờ cát. Mặt biển tối thẫm, chốc chốc vụt lóe những quãng lửa sáng rực - những khẩu pháo 203 mm của hải quân Mỹ đang bắn về phía Vĩnh Giang. Đồng chí Nhĩ quay ra phía sau, ngồi thụp xuống, bấm đèn pin soi đồng hồ.

- Mười lăm phút nữa, anh bảo tôi.

Mười lăm phút nữa đoàn thuyền sẽ rời đất liền ra đảo. Trong khoảng tối trước mặt chúng tôi có một chấm đỏ của điều thuốc lá sâu kền đang cháy, thỉnh thoảng rực hồng lên soi rõ một đôi mắt sâu, hai gò má nhô lên, nhăn nheo, bộ râu bạc lưa thưa, phơ phất trong gió biển thổi lồng lộng. Anh Nhĩ nói :

- Cụ Phác cố vấn của chúng tôi anh ạ.

Buổi chiều tôi đã gặp ông cụ trên bến. Không hiểu sao cụ lại mặc áo dài đen, bịt khăn, trông như một ông lão đi “việc làng” từ hai mươi năm về trước. Nhĩ lật mũ ra phía sau, bàn tay đưa lên vành tai nghe tiếng động lạ rồi nói tiếp:

- Trước kia là cụ Quy nhưng nay cụ hy sinh rồi.
- Hy sinh ở đâu? - Tôi hỏi.
- Ngoài biển, đựng tàu địch.

Đồng chí Phủ nói :

- Trước kia trong đội đông các cụ lắm anh ạ. Vĩnh Thái có cụ Trí, Vĩnh Giang có cụ Cử, cụ Quy, Vĩnh Thạch có cụ Mò. Cụ nào cũng đi biển hàng nửa thế kỷ rồi, tay lái rất vững, chỉ nhìn mây trên trời và sóng biển các cụ biết đi dễ hay khó. Chúng tôi giao các cụ làm “cố vấn khí tượng” và thuyền trưởng. Có các cụ anh em trẻ vững tay lái.

Đồng chí Diệp nói :

- Các cụ hăng lắm anh ạ. Như cụ Mò ở Vĩnh Thạch, cả nhà ba cha con cùng đi đảo.

- Hiện nay? - Tôi hỏi

- Không - Diệp nói, dạo sáu năm, sáu sáu kia. Tháng Chín năm sáu sáu hai người con của cụ là anh Tỉ và anh Triêm cùng đi một chuyến. Gặp tàu địch, anh Tỉ hy sinh. Thuyền anh Triêm bị bắn, chìm nhưng anh bơi vào bờ được. Cụ Mò rất đau khổ nhưng không nhỏ một giọt nước mắt, không khóc một tiếng. Hôm sau cụ nhờ đứa cháu viết hộ lá đơn gửi lên ủy ban xã xin đi tiếp tế đảo thay con.

Tiếng máy bay phản lực vút qua, một chùm đèn dù lơ lửng phía Cửa Tùng. Ngay khi bóng tối vừa bị đẩy đi, tôi thấy hiện ra trên khoang lái của con thuyền trước mặt một dáng người rất đẹp. Trạc, Nguyễn Trạc, một cán bộ chỉ huy của đảo. Anh đứng cao, cao hơn tất cả mọi người. Mặc một chiếc quần đùi ướt sũng, nửa người phía trên của anh phơi ra trong ánh sáng đèn dù. Đôi vai rộng, hai múi ngực căng phồng, đen bóng, hai cánh tay gân guốc. Anh khoác một khẩu B 40. Đầu nhọn của quả đạn nhô lên sau vai như một cái bắp chuối. Trước mặt anh, người chiến sĩ thông tin ngồi lút vào giữa hai bao hàng. Chiếc cần ăng-ten có hình ngôi sao nhô lên.

Đúng tám giờ, đồng chí trắc thủ ra-đa báo cáo tàu địch đã quay về, đồng chí Phủ ra lệnh cho đoàn thuyền rời bến. Chiếc thuyền của Trạc đi cuối cùng. Anh huơ tay vẫy chào chúng tôi. Con thuyền đi xa, nhỏ dần, mờ dần... Đèn dù tắt mặt biển lại chìm ngấm vào đêm tối. Tôi và Nhĩ vẫn ngồi trên doi đất nhìn ra phía trước. Sau lưng chúng tôi, trong căn hầm mờ đục ánh đèn, đồng chí trắc thủ ra-đa vẫn dán mắt vào màn hiện sóng, đồng chí chiến sĩ thông tin, ngồi trước máy vô tuyến điện, ống nghe vẫn úp bên tai. Họ đang dõi theo đoàn thuyền đi mỗi lúc một xa bờ.

- Liệu thế nào? - Tôi hỏi Nhĩ.

Anh lắc đầu, giọng rờ rạc, vẻ lo lắng :

- Không biết được, sóng êm, gió thuận, nhưng...

Nhĩ ngừng lại. Tôi biết anh không muốn nhắc đến điều rủi ro đang chờ đợi, rình rập đoàn thuyền. Những làn sóng ra-đa của địch ở Cửa Việt, ở các tàu chiến chắc đang quét ngang, quét dọc, sục sạo mặt biển. Và một chiếc máy bay có thể bất thần nhào đến hay một chiếc tàu biệt kích nằm im trong bóng tối...

Hàng nghìn tấn vũ khí, kể cả pháo 75, cao xạ 37, lương thực, vật dụng... đã được những chiếc thuyền gỗ chạy buồm, chèo tay đơn sơ chở từ đất liền ra, đủ cho các chiến sĩ ngoài đảo sống không đến nỗi thiếu thốn và chiến đấu liên tục hàng hai ba năm. Nhưng cái giá của mỗi viên đạn, mỗi hạt gạo đều phải tính bằng máu. Hàng trăm gia đình ở các xã ven biển có người hy sinh hoặc bị địch bắt đem đi mất tích. Có một số đội sản xuất, gần như tất cả mọi người trong đội quần khăn tang. Tôi biết đêm nay, cũng như chúng tôi, ngồi trên doi đất này, có những ông bố, bà mẹ, những người vợ, những đứa con cũng không ngủ. Lúc chập tối, họ đã bốc hàng từ địa đạo lên thuyền cho người thân chở ra đảo. Bây giờ họ ngồi trong hầm, hướng ra biển, lắng nghe, chờ đợi với tất cả nỗi lo lắng, hồi hộp...

*

* *

- Có tàu! Tiếng anh chiến sĩ ra-đa hét lên.

Tôi nhìn nhanh ra biển. Một vùng bóng đêm phía trên chợt loáng ra, giần giật, có những vạch đỏ đan chéo nhau, phóng vun vút y như ai cầm một bó nhang đang cháy hươ lên. Tim tôi đau thắt lại. Trong nháy mắt, cái sở chỉ huy nhỏ bé của đội thuyền nhốn nháo, tắt bật hắt lên. "Hồng Hà gọi Sông Lô... Hồng Hà gọi Sông Lô" - Anh chiến sĩ thông tin vô tuyến điện hét đến lạc cả giọng. Nhưng chiếc máy điện thoại bị quay mạnh cứ rít lên... "A-lô Vĩnh Thái... Vĩnh Thái đâu..". "A-lô Vĩnh Quang... Vĩnh Quang nghe đây... "Oành oành... oành...". Pháo ta ở trận địa Cổ Thạch bắt đầu bắn một viên đạn vạch đường đỏ lừ lao vút qua bóng tối dày đặc... Những quầng lửa chói lên trong vùng sáng mờ đục phía trước. Tiếng ốc nổi lên rền rĩ chạy dài theo bờ biển. Dân quân các xã đang nổi hiệu báo động sửa soạn lao thuyền ra ứng cứu. Tuy thô sơ nhưng trình độ tổ chức hợp đồng như vậy kể cũng đã chặt chẽ và có hiệu quả.

"Hồng Hà gọi Sông Lô"... "Hồng Hà gọi Sông Lô".. - Anh chiến sĩ vô tuyến điện bỗng ngược lên, hướng về phía đồng chí Nhĩ :

- Báo cáo tàu địch chạy, đoàn thuyền đang quay về.

Nhĩ ngồi phịch xuống, đưa tay áo quạt mồ hôi chảy ròng ròng trên trán.

*

* *

Mười giờ rưỡi, chiếc thuyền đầu tiên về đến bến.

Đồng chí Diệp hỏi :

- Có việc gì không?

- Không. Giôn-xơn vồ hụt rồi.

- Không ai làm sao chứ?

- Báo cáo an toàn ạ.

- Phân tán ra, phân tán ra, nhanh lên các đồng chí.

Tôi nghe tiếng người nào đó hô trong bóng tối. Trạc bước vào hầm, đầu quần băng, một vết máu thấm ra đỏ lôm, tròn hoay như đồng xu ở thái dương bên trái.

- Hai thằng tàu biệt kích - Trạc nói. Nó nằm im không nổ máy, phát hiện ra nó thì đã quá gần. Nó bắn như mưa.

- Mình cũng bắn chứ? - Anh Nhĩ hỏi.

- Bắn.

- Kết quả thế nào?

- Không biết, thuyền cứ dập dềnh dập dềnh, tôi quát một phát, thấy đánh nhoáng một cái. Lúc ấy pháo trong bờ bắn ra, tàu nó chạy, tôi cũng hô anh em chạy luôn.

- Có làm sao không? tôi chỉ vết thương trên đầu Trạc, hỏi.

Anh cười :

- Dạ... Không việc gì, hình như một mảnh phóng lựu, nhỏ thôi, chỉ bằng hạt thóc.

Một chiến sĩ bưng cho Trạc bát nước, anh uống một hơi rồi ngẩng lên hỏi đồng chí Nhĩ :

- mấy giờ rồi anh?

- Mười một giờ mười lăm.

- Lại đi à? - Tôi hỏi.

- Vâng - Trạc cười hóm hỉnh, thằng Mỹ nó tưởng mình quay lại không dám đi nữa, nó về nhảy đầm, mình lại ra. Thế mới thắng được nó thủ trưởng ạ.

Anh quay sang Nhĩ :

- Đề nghị anh báo cho đảo, bên pháo binh và các xã.

- Đồng ý.

Tôi định theo Trạc ra bến tiễn anh em nhưng anh ngăn lại :

- Các thủ trưởng ở đây cho, cứ coi như không có việc gì xảy ra hết. Đừng bịn rịn, ảnh hưởng đến tinh thần anh em ... Mà... các thủ trưởng cũng ngủ đi một lát, đừng lo, nhất định chúng tôi sẽ đến đảo an toàn.

Đoàn thuyền lại rời bến. Chúng tôi vẫn ngồi trên doi đất, mắt không rời khoảng biển trước mặt. Phía Cửa Việt có những chiếc máy bay lên thẳng của địch bay từ hạm đội vào rồi lại từ đất liền bay ra, đèn đỏ chớp chớp trong bóng đêm dày đặc.

Nhĩ bắt đầu kể chuyện, hình như anh muốn chúng tôi bớt căng thẳng. Tôi nhớ nhất là chuyện bắt khỉ. Giọng Quảng Trị lúc trầm, lúc bổng, anh vừa kể vừa làm điệu bộ trong bóng tối.

- Về mùa này đây - Nhĩ nói, tối đến khỉ hay mò ra rầy bẻ trộm bắp. Tụi này mới mua pháo dây về xe lại thành một sợi dài. Nối hai sợi pháo dây vào một chiếc pháo đùng, hai người rình hai đầu dây. Khi khỉ đến thì châm lửa cho pháo dây cháy. Thấy lửa cháy loe loe trong đêm tối, khỉ ta thích lắm, cả mấy chục con bâu lại, nhảy nhót xung quanh. Pháo dây cứ ngắn dần, ngắn dần, đàn khỉ cũng cụm lại. Lửa cháy đến pháo đùng, đột nhiên một tiếng nổ vang lên. Cả đàn khỉ quay lơ ra nằm chết giắc. Tụi này đã đóng sẵn một chiếc cũi, cứ việc xõ ra nhặt bỏ vào. Mấy phút sau chúng nó tỉnh lại hết.

Ba giờ sáng. Anh chiến sĩ ra-đa tắt máy, bước ra khỏi hầm :

- Mời các anh đi nghỉ, đoàn thuyền đến đảo rồi.

Tôi nằm ngửa ra bãi cỏ, ngược nhìn lên bầu trời. Bây giờ tôi mới biết trời đầy sao, rất đẹp.

39

CẢ NHÀ RA ĐẢO

Cụ Trí cười, nụ cười thanh thản, hồn nhiên như đứa trẻ.

- Đền *treo* ⁽²¹⁾ hấn thả... chà chà... cái kim trong bọc cũng *chộ* chú ạ. Ông chỉ huy bảo tui : “Bọ cứ bình tĩnh”. Tui trả lời : “Mấy chú lo bắn đi, tay lái xin mặc tui”.

Tôi ngắm ông lão, không cần giới thiệu cũng biết là một con người của biển. Hình như nắng gió, chất muối mặn mà cái lớn lao của biển cả đã kết đọng trong con người ấy. Nắng lấp lánh trên bờ ngực đỏ au, đôi vai rộng, lực lưỡng như một cái vòm cửa; hai cánh tay cộm lên từng múi thịt và các đường gân to như sợi dây chèo neo thuyền. Ngay cả dáng đi dập dềnh và giọng nói to, khàn khàn của ông lão cũng toát lên một cái gì rất biển. Anh Ngự, bí thư đảng ủy xã Vĩnh Thái bảo tôi :

- Bọ là đoàn viên thanh niên đó.

Cụ Trí lại cười, tiếng cười sang sảng, nghe rất khỏe khoắn. Ông lão vào hầm một lúc rồi trở ra đưa cho tôi xem chiếc huy hiệu đoàn - quà kỷ niệm của Đoàn Thanh niên lao động Cồn Cỏ tặng.

Cụ Trí góa vợ từ năm mới ngoài ba mươi tuổi. Ba bố con tần tảo nuôi nhau. Năm 1965, cả ba người cùng viết đơn xin đi tiếp tế Cồn Cỏ. Thương con gái, ông cụ gàn :

- Mi ở nhà, không ai cho con gái ra khơi mô.

- Răng không cho, ở Vĩnh Giang có o Huyền đi rồi, con kém chi o Huyền - cô gái nói.

Ba bố con nạp đơn cùng ngày nhưng không hiểu vì “cảm tình riêng” hay cần một tay thông tỏ lòng khơi, lèo lái giỏi mà cụ Trí được chọn đầu tiên. Ông lão đi thông ba chuyến, hai chuyến gặp địch nhưng vẫn trót lọt. Ra đến đảo trong lúc mọi người nghỉ ngơi thì cụ Trí suốt ngày làm việc, lúc đào hầm với công binh, lúc hái rau kiếm củi, bắt cua đá với anh nuôi. Anh em ở đảo rất quý ông lão, họ quây lấy, bắt ông lão kể chuyện, tranh nhau nhận làm con rể. Đoàn Thanh niên của Đảo còn kết nạp ông lão làm “đoàn viên danh dự”.

Cuối tháng Bảy năm 1965, cụ Trí về. Hai hôm sau đến lượt Trái, người con trai lên đường. ông lão tiễn chân con ra đầu động cát và dặn :

- Con đi bữa ni nhiều khó khăn đó, bộ chỉ nhắc con một chuyện : nếu có chết cũng phải chết cho vẻ vang.

Anh con trai vốn hiền lành, ít nói, giống tính mẹ nhiều hơn, chỉ ngẩng lên nhìn bố rồi lặng lẽ quay đi.

Trái đi chuyến thứ nhất trót lọt. Đến chuyến thứ hai, lúc quay về thì gặp địch. Một đêm mùa thu rất đẹp, trời trong, rất nhiều sao, biển lặng. Được gió đông nam, thuyền căng buồm lướt phẳng phẳng, chẳng mấy chốc đã về được quá nửa đường. Trái ngồi trước mũi thuyền, yên lặng, để mặc gió mặn của biển khơi kỳ tẩm lưng trần cháy nắng. Chợt anh đưa bàn tay khum khum lên che vành tai : lẫn trong tiếng gió và tiếng sóng vỗ dào dạt, anh vừa nhận ra một thứ tiếng lạ. Người thuyền trưởng chỉ vừa kịp ra lệnh mắc thêm chèo thì đèn dù đã vọt lên. Trời biển vụt lóa đi trong khoảnh khắc rồi đột nhiên bùng lên, sáng trắng ra, soi rõ từng con cá chuồn như mũi tên lao nhanh giữa hai đợt sóng. Tàu chiến địch mỗi lúc một gần thêm. Con thuyền gan góc của Trái và đồng đội có thêm tay chèo dũng cảm vẫn thẳng hướng dạt liền lao nhanh. Nhưng không kịp nữa rồi. Tàu địch bắt đầu bắn. Từ trong các ụ súng đen trùi trùi trên boong tàu, đạn đại liên, đạn đại bác cỡ nhỏ của địch phóng xối xả về phía thuyền. Một thủy thủ đang chèo, ngã xấp xuống, nằm yên.

Trên mặt và cánh tay thuyền trưởng Hạnh máu đầm đìa nhưng anh vẫn đứng thẳng, giữ chặt mái chèo. Một viên đạn trúng lòng thuyền, nước vọt lên. Trái vớ chiếc áo dưới chân nhét lại. Nhưng vừa bị được dòng nước, đột nhiên anh thấy thuyền rung mình, nước tràn vào như thác. Trong ổ súng còn lại viên đạn cuối cùng, Trái bình tĩnh nhắm ụ súng trên tàu địch, bóp cò. Anh khoác súng vào vai, ôm phao nhảy xuống biển...

*

* *

Tàu địch lùi xa dần, đèn dù tắt, biển lại chìm trong đêm mù mịt. Trái vẫn bơi, ngực vươn lên, tay nhịp nhàng rẽ sóng. Chợt anh nhận ra phía bên tay phải, người nào đó đang bơi một cách nặng nề, khó nhọc.

- Ai đó? - Trái hỏi.

- Sung... đây.

Tiếng trả lời hờn hển. Trái nhớ lúc còn chiến đấu, anh thoáng thấy mặt Sung đầm máu. Đúng là Sung bị thương rồi. Trái bơi lại gần Sung :

- Cậu nín lấy mình, hai đứa ta bơi vào.

Thêm Sung, Trái bị chìm xuống, tay chân co rỗi không còn thoải mái như trước. Biển trước mặt bao la. Nhìn sóng, Trái biết ít ra cũng chục cây số nữa mới đến bờ. Một lúc sau anh nghe tiếng Sung nói :

- Trái ạ, chẳng nào mình cũng chết, cậu bỏ mình ra, cậu phải sống...

- Đừng nói bậy bậy.

Trái ngắt lời Sung và kéo bạn vào sát mình, tiếp tục bơi. Được một lúc Sung lại khẩn khoản :
- Buông mình ra, Trái ạ... chết cả hai đứa... uống quá.

Trái muốn nói một câu để bạn yên tâm nhưng anh nghĩ mãi không ra. Anh siết chặt Sung vào mình thêm chút nữa. Trái nhớ lời bố dặn : “Có chết phải chết vẻ vang”. Anh nhổm đầu lên nhìn biển, biển vẫn còn rộng lắm, không biết đâu là bờ là bến. Chung quanh sóng vỗ ì ào. Anh cất tiếng hát, bài hát duy nhất mà anh thuộc. Giọng anh không hay nhưng cũng như bố anh, rất to khỏe. Mười mấy con người gần kiệt sức đang ngoi ngóp giữa biển đêm vút thấy mình khỏe thêm khi nghe Trái hát bài *Giải phóng miền Nam*.

Tiếng hát đầm đìa nước mặn, lúc vút lên cao, lúc chìm trong tiếng sóng như cánh buồm nâng họ lên, đẩy họ về phía trước.

Họ cố sức bơi, bơi trong tiếng sóng và tiếng hát, cho đến lúc đoàn thuyền từ đất liền ra đón nổi ốc làm hiệu gọi...

*

* *

Tôi không gặp Trái, cũng không gặp cả cô Lý, con gái cụ Trí. Cách đây một tuần lễ, ông lão vừa tiễn cả hai người ra đảo.

Cụ nói với tôi :

- Con nó hăn gan lắm chú ạ, nhưng mà... tui thương hăn lắm. Răng thì hăn cũng là con gái...

40

THUYỀN GỖ THẮNG TÀU SẮT

Một đêm tháng Mười trắng lặn, biển tối mò, chiếc thuyền gỗ hai tấn của tổ Lê Văn Ban như con ngựa quen đường vẫn cười sóng, rạch đêm tối phóng băng băng, nhằm hướng đất liền lướt tới. Vào lúc nửa đêm, thuyền đi được một phần ba đường. Ban bỗng nhận ra một thứ tiếng lạ, ùng ùng đục càng lâu càng to gần, khác hẳn với tiếng sóng và tiếng gió. Anh ra lệnh cho cả tổ :

- Có tàu địch, chuẩn bị chiến đấu.

Anh em trai bạn, theo lệnh thuyền trưởng, nạp đạn vào ổ súng, buộc lựu đạn thành chùm hai quả một, ai vào vị trí nấy. Địch cũng đã phát hiện thuyền ta. Chúng nổ máy cho tàu tăng tốc độ và bắn đèn dù. Khi biển sáng lên, nhìn về phía trái Ban thấy hai chiếc tàu biệt kích đen trùi trùi đang thả hết sức nhanh chồm tới. Khoảng cách giữa ta và địch mỗi lúc một ngắn thêm, đã có thể trông rõ cái lỗ đen ngòm của nòng khẩu đại liên trên tàu đang chĩa về phía trước. Ban đi đảo đã nhiều, đụng tàu địch vài ba bận, nhưng chưa lần nào tình thế lại hiểm nghèo như lần này. Tàu địch vượt lên, xem ra chúng định vây chặt để bắt gọn cả đoàn thuyền. Ban liếc nhìn chùm lựu đạn để bên cạnh nói với anh em :

- Bình tĩnh nghe, tôi hô chi mần nấy, đừng lộn xộn.

Anh kéo mạnh cần lái, lợi dụng lúc một chiếc tàu địch đang chạy quá trớn cho thuyền quay ngoắt sang trái. Tàu địch vượt lên trước chặn đường. Ban lại cho thuyền quay sang phải. Đèn dù tắt, nhân lúc trời tối, Ban kéo căng dây lên, đón gió thúc thuyền chạy thật mau.

Tàu địch nổ máy phóng nhanh hơn, bắn liên tiếp hơn chục ngọn đèn dù. Cả vùng biển sáng lên như ban ngày. Thấy địch lùi tàu lại, Ban đoán chúng sắp bắn, anh cho thuyền quay mũi về phía bắc, không để phoi sườn ra trước mũi súng địch. Thuyền vừa quay dọc, đạn bay tới xối xả. Đạn đại liên, trọng liên bay chiu chiu quanh người, lao xuống nước xèo xèo như tôi sắt. Con

thuyền cứ đi và cái tập thể nhỏ bé này vẫn gan góc lạ thường. Tý bám chặt ghềnh (22), lúc vào lúc ra nhịp nhàng theo lượn sóng. Lô giữ chặt dây buồm, co, nói theo lệnh thuyền trưởng. Liệu, Trần, Phan ghéch súng lên mạn thuyền, bình tĩnh chọi lửa với tàu chiến địch. Ban đứng thẳng người trong khoang lái, căng mắt quan sát tàu địch, miệng hô, tay lái. Thuyền lúc vọt lên, lúc dừng lại, lúc ngoặt trái, ngoặt phải, trườn qua sóng, luồn trong lửa đạn mà đi tới. Địch cho tàu vượt lên, hai chiếc đi hai bên định ép chặt chiếc thuyền : Sóng tàu từ hai phía dồn lại, làm chiếc thuyền con có lúc như bị nhấc bổng lên cao, lúc bị chìm chúi xuống. Ban để ý, thấy từ ngày ta trang bị các loại vũ khí như B41, ĐKZ cho đoàn thuyền, tàu địch chạy xa hơn, không dám xấn xỏ áp vào quãng dây móc thuyền như trước nữa. Anh nói với cả tổ :

- Tàu Mỹ có vẻ sợ thuyền mình rồi đó nghe, cố gắng lên!

Ban cho thuyền chạy thẳng một đoạn rồi lừa lúc chúng sơ hở lại rẽ ngoặt tay trái, vọt ra ngoài vòng vây. Tàu giặc không còn cách nào khác là trút đạn vào con thuyền. Lần này không chỉ súng máy mà còn cả pháo cỡ nhỏ và phóng lựu Đạn pháo, đạn cối nổ ùng ục quanh thuyền, dựng lên từng cột nước trắng xóa. Một viên đạn bắn thẳng trúng lòng thuyền, nước ủa vào. Lô chồm lên, giẫm chân lên chỗ thùng và cởi áo nút chặt lại. Thuyền vẫn đi.

*

* *

Đột nhiên Ban thấy tay lái của mình nhẹ bổng đi, thuyền như bị tụt vào một cái hố, hai lá buồm xẹp xuống ỉu xiu.

Nhìn ra phía trước mặt biển phẳng lặng như mặt hồ. Thuyền đã chạy chậm dần. Tàu địch vẫn bắn rát. Đã là người đi biển, không ai không hãi hùng khi đụng đầu cái thứ bình yên giả dối này. Chỉ mấy phút nữa thôi, gió cả, sóng cồn sẽ kéo tới.

Mười con mắt cùng nhìn về phía thuyền trưởng, chỉ đợi... Ban cũng thấy bối rối. Anh chưa đủ sức để đối phó với một tình huống quá phức tạp thế này. Lên mười tuổi Ban đã đi nghề, mười lăm tuổi ra khơi, nhưng chưa bao giờ các cụ để anh sờ vào tay lái. Ra đi làm nhiệm vụ tiếp tế cho đảo, anh làm mọi việc, không nề hà khó nhọc, nguy hiểm, nhưng hôm được cấp trên cử làm thuyền trưởng Ban đã từ chối. Anh sợ tay lái của mình non, gây khó khăn cho đồng đội. Bây giờ khó khăn xảy ra còn quá sức tưởng tượng của anh... Không thể trù trù thêm một giây, Ban hét to :

- Tý, Lô, Phan quai chèo, Liệu, Trần tiếp tục bắn...

Thuyền lại đi. Tàu địch chưa đến gần nhưng trước mắt cơn bão như một bức tường trắng đang kéo tới.

Trời nổi gió, mưa trút ào ào, biển dậy sóng, đèn dù tắt. Con thuyền và Ban như chiếc lá bị nâng lên, dập xuống trong khoảng đêm sâu thẳm, đen kịt, không biết đâu là lộng, là khơi, là nam, là bắc. Đạn từ phía tàu địch vẫn tuôn sóng xé toạc đêm tối. Theo các cụ dạy, ra biển gặp bão là phải hạ buồm, không hạ sẽ chết. Nhưng bây giờ địch đang đuổi sát phía sau, hạ buồm là dừng lại, là bỏ tay chịu chết. Không thể hạ buồm được! Ban mím môi, bậm chân xuống lòng thuyền, dồn hết sức lực và trí tuệ vào đôi tay, phối hợp nhịp nhàng giữa lèo và lái để tránh đạn địch, đưa thuyền đi, cũng không để buồm căng quá làm lật thuyền.

Tàu địch bắn loạc choạc một lúc nữa rồi bỏ đi. Thoát địch, nhưng mưa mỗi lúc một to, bão càng thêm dữ. Nước mưa, nước biển tràn vào thuyền, tát không kịp. Ban vẫn cho thuyền đi. Đến một lúc biết chắc tàu địch không bám đuổi nữa anh mới ra lệnh hạ buồm. Ban bảo Tý bỏ neo, nhưng dây neo mười bốn sợi ném xuống không đến đâu cả. Ban lấy một quả cân 50 kg buộc vào một sợi dây cước thả xuống. Lúc đầu họ tưởng đâu vài chục mét là cùng, nhưng quả cân cứ xuống, xuống mãi, sợi dây cước dài 100 mét mà chỉ còn lại trên mặt nước có vài mét. Anh em nhìn nhau. Không ai nói gì nhưng họ đều hiểu : thuyền đã đi ra khơi quá xa. Liệu hỏi :

- Thế đây là biển nam hay biển bắc?

Không ai trả lời được. Họ chẳng có cách nào để xác định tọa độ. Trời biển xung quanh tối mịt mùng, sóng gào thét như điên dại.

Trời sáng. Mưa ngớt nhưng sóng gió không dịu đi được chút nào. Thuyền vẫn dập dềnh giữa biển khơi bao la. Lô không còn áo rét, run cầm cập nhưng vẫn đùa :

- Miềng tưởng chừ cá ăn rồi, rứa mà lại thoát. Eng Ban bữa nay mần thuyền trưởng được.

Tý vừa cởi áo vắt nước mưa vừa nói :

- Thằng Mỹ hèn thiệt, miềng mà có tàu bọc thép như hăn, một viên đạn mình cũng không bắn, cứ xáp vô, a-lô, bắt sống.

Ban mệt quá, không buồn bắt chuyện. Mặt anh rát như phải bỏng vì đêm qua vượt nước mưa nhiều quá, sầy hết cả da. Anh nghĩ tới các đồng chí trên các thuyền bạn. Năm thuyền, giờ chỉ còn một, ai sống, ai chết? Trần lồi dưới sạp thuyền lên một mo cơm đã rã nát vì ngập nước, hỏi mọi người :

- Răng, ta không có ăn?

Tuy rất đói, không ai nói gì, chỉ nhìn thuyền trưởng. Ban nói :

- Đúng ra thì cơm này là không nên ăn. Nhưng chừ ta phải ăn, để để mà lấy sức trở về và nếu gặp địch còn chiến đấu.

Năm cơm chia sáu phần, mỗi người chỉ được một vốc bàn tay. Dầu sao cũng thấy khỏe lên đôi chút.

Ban nhìn biển, biển vẫn nổi sóng. Trời xung quanh trắng đục như tròng mắt con lợn đã luộc chín, không biết bờ bến ở đâu. Ban nhớ dạo trước cụ Quy có dạy anh : khi trời bão, biển có hai thứ sóng, sóng to đi theo gió, sóng nhỏ đi vào bờ. Bây giờ nhìn kỹ, quả có hai thứ sóng ấy thật. Ban ra lệnh kéo chiếc buồm con năm chục mét vải rồi luồng gió lựa sóng, cho thuyền đi về phía đất liền.

Khoảng giữa trưa, bão dịu xuống, trời đỡ đục. Nhìn về phía tay phải họ trông thấy chòm nhọn của một hòn đảo như chiếc sống mũi của người khổng lồ nằm ngủ nhô lên chân trời. Đến bây giờ Ban mới biết mình đang ở đâu.

*

* *

Ban bảo hạ buồm. Chờ mọi người vào hết trong khoang, anh nói :

- Các đồng chí ạ, thuyền ta trôi tuốt vào nam rồi, có khi trong nớ là Đà Nẵng cũng nên. Chừ ta coi nên liệu cách răng?

Tý nói :

- Trở lên miền bắc thôi.

Lô nói :

- Theo tôi, ta neo thuyền lại, chờ nồm trở ra bắc.

Ban nói ý kiến mình :

- Theo ý tôi cả hai đồng chí đều nói đúng. Nhưng trong hoàn cảnh nì không thể lên được. Trời đang nổi gió đông bắc, mần răng mà đi lên. Neo lại thì dây neo ngắn quá. Cứ để thuyền trôi thì không khéo vô thầu Nha Trang, Ô-Cấp cũng nên. Cho nên tôi có ý kiến ri, các đồng chí ngó được thì mần, không thì thôi. Ta vô bờ nam.

Bốn cặp mắt nhìn xoáy vào Ban bằng những tia sáng sắc lạnh làm anh ngơ ngác run sợ. Ban đã hiểu. Anh cảm thấy đau khổ, các đồng chí ngờ anh, họ tưởng rằng anh muốn vào đất liền để đầu hàng giặc.

Cổ nén bực bội, Ban nói :

- Miền nam bây chừ không như trước. Ta cứ vô, gặp vùng giải phóng là hay nhất. Phải vùng tạm chiếm ta nhờ đồng bào giúp đỡ liên lạc với cách mạng. Lỡ gặp địch ta đánh. Đánh trong đất còn có đường tiến đường lui, còn có chỗ dựa là nhân dân. Lênh đênh trên biển thì khó khăn lắm.

Anh em bàn bạc một lúc nữa. Thấy ý kiến có vẻ giống nhau, Ban nói :

- Việc ni hệ trọng, ai đồng ý thì đưa tay lên, cổ nhất trí trăm phần trăm ta mới làm, không thì thôi.

Cả năm người cùng giơ tay.

Thuyền giương buồm tiến về phía đất liền. Quá trưa, họ đã trông thấy bờ cát với những đường viền dương liễu màu xanh. Hình ảnh thân thuộc quá, đất nước dù nam hay bắc đều có những nét chung. Ban cho thuyền vào gần nữa. Trông thấy thuyền, lưới, xóm chài và lũ trẻ con đang nô đùa trên bãi cát. Ban bảo Tý hạ buồm nhưng không bỏ neo. Anh nói :

- Chừ các đồng chí ở đây, tôi lợi vô thăm dò trước. Nếu tôi hy sinh...

Lô cắt ngay lời anh :

- Không được, eng Ban là thuyền trưởng phải ở lại chỉ huy anh em, để tôi vô.

Tý, Liệu, Trần, Phàn, anh nào cũng đòi để mình vô trước.

Ban nói :

- Thôi được, tôi chỉ định đồng chí Lô vô trước. Nếu gặp vùng giải phóng đồng chí đưa cả hai tay lên. Gặp địch, đồng chí đưa một tay. Nếu cần hy sinh, đồng chí hy sinh trước, chúng tôi chiến đấu...

Lô quay nhìn anh em một lượt rồi nhảy xuống nước. ánh vào đến bờ... Anh bước lên bãi cát, bước thong thả về phía hàng dương liễu, nơi có người đang vá lưới... Những giây phút chờ đợi dài ghê gớm. Đột nhiên họ thấy Lô từ hàng dương chạy vụt ra. Anh giơ cả hai tay lên trời rồi vừa nhảy cà tung vừa reo : "Giải phóng rồi... ời..." "Giải phóng rồi... ời".

- Vào bến! - Ban hạ lệnh, lưới anh lúu lại vì quá xúc động.

(1, 2) Tiếng Pháp là anh, tôi

(3) Tạm dịch :

Buông sợi dây câu xuống mặt sông

Một vòng sóng động tiếp muôn vòng

Đêm sâu, nước lạnh cá không cắn

Quay chiếc thuyền không, chở đầy trăng.

(4) Liên đoàn biệt động quân, quân số tương đương một trung đoàn bộ binh.

(5) Loại trực thăng vận tải hai cánh quạt, chở được một đại đội. Có thể cầu được trực thăng khác và xe, pháo.

(6) Bàn giấy.

(7) Tức là Vũ Thế Quang đã bị bộ đội ta bắt giữ trong trận tấn công vào căn cứ sư đoàn 23 tại Buôn Mê Thuột ngày 11 tháng 3.

(8) Cầm bị bộ đội ta bắt chiều ngày 1 tháng 4 tại sân bay Tuy Hòa cùng với một sĩ quan tham mưu và một công vụ.

(9) Sự thật là Phú chạy khỏi Plây Cu từ chiều ngày 15.

(10) Phan Quang Đán, phó thủ tướng, là chủ tịch "ủy ban cứu trợ nạn nhân chiến cuộc" được thành lập ngày 20-3.

(11) Pả, a-ăm : đều có nghĩa là cha (tiếng Vân Kiều và Pa Cô).

(12) Xu : xóm (tiếng Pa Cô).

(13) Chinook, máy bay lên thẳng hạng nặng gọi là "Cần cẩu bay".

(14) Đôn : tủ bằng đất ở vườn để chống cháy.

(15) Căn cứ của Quảng Trị trong hồi kháng chiến chống thực dân Pháp.

(16) Anh Thư lúc đó là ủy viên tỉnh ủy Quảng Trị, phụ trách Gio Linh và Cam Lộ.

(17) Nữ văn sĩ Liên Xô, gốc Ba Lan.

(18) Tàu nhỏ vừa chở hàng vừa chiến đấu được.

(19) Ngôi sao : tiểu thuyết của nhà văn Liên Xô Kazakevich.

(20) Dụng cụ quan sát và đo đạc của pháo binh.

(21) Đèn treo (đèn dù), kiểu phát âm rất cổ của các cụ già ở xã Vĩnh Thái.

(22) Những khúc tre hoặc cán cạp thêm vào mạn thuyền cố tác dụng giữ thăng bằng khi gặp gió.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>